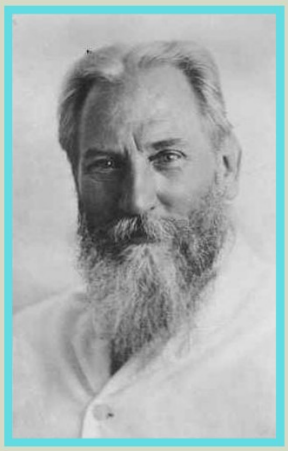
C.W. Leadbeater



ĐỜI SỐNG NỘI TÂM II

The Inner Life - Vol II

minhtrietmoi.org

THE INNER LIFE

PART II

by Archbishop **Charles W. Leadbeater** (1847 - 1934)

Published in 1917

The Inner Life

Part II

FOREWORD TO THE INDIAN EDITION

INTRODUCTION—GIỚI THIỆU

FOREWORD TO AMERICAN EDITION

AUTHOR' S NOTE

First Section:The After-death Life PHẦN 1: ĐỜI SỐNG SAU KHI CHẾT

THE THEOSOPHIST AFTER DEATH— NGƯỜI THÔNG THIÊN HỌC SAU KHI CHẾT

THE RELATION OF THE DEAD TO EARTH— MỐI LIÊN HỆ CỦA NGƯỜI CHẾT VỚI TRÁI ĐẤT

CONDITIONS AFTER DEATH— ĐIỀU KIỆN SAU CHẾT

ANIMAL OBSESSION— ÁM ẢNH THÚ VẬT

INDIVIDUALISED ANIMALS— NHỮNG CON THÚ ĐƯỢC BIỆT NGÃ HÓA

LOCALISATION OF STATES—NƠI CHỐN CỦA CÁC TRẠNG THÁI

HEAVEN-LIFE CONDITIONS—TÌNH TRẠNG CÕI TRỜI

KARMA IN THE HEAVEN LIFE— NGHIỆP QUẢ TRONG ĐỜI SỐNG CÕI TRỜI

SECOND SECTION: ASTRAL WORK PHẦN HAI: CÔNG VIỆC TRÊN CÕI TRUNG GIỚI-

INVISIBLE HELPERS—NHỮNG NGƯỜI CỨU TRỢ VÔ HÌNH-

REMEMBERING ASTRAL EXPERIENCE— NHỚ LẠI CÁC KINH NGHIỆM TRÊN CÕI TRUNG GIỚI-

THE HIGHER DIMENSIONS—CÁC CHIỀU KÍCH CAO HƠN

Third Section: The Mental Body and The Power of Thought PHẦN BA: THỂ TRÍ VÀ QUYỀN NĂNG CỦA TƯ TƯỞNG

THE MENTAL BODY—THỂ TRÍ

A NEGLECTED POWER—MỘT QUYỀN NĂNG BỊ LÃNG QUÊN

INTUITION AND IMPULSE—TRỰC GIÁC VÀ XUNG ĐỘNG

THOUGHT-CENTRES CÁC TRUNG TÂM TƯ TƯỞNG

THOUGHT AND ELEMENTAL ESSENCE TƯ TƯỞNG VÀ TINH CHẤT HÀNH KHÍ

Fourth Section: Psychic Faculties PHẦN 4: CÁC NĂNG LỰC THÔNG LINH

PSYCHIC POWERS—CÁC QUYỀN NĂNG THÔNG LINH

CLAIRVOYANCE THÔNG NHÃN

THE MYSTIC CHORD—HỢP ÂM THẦN BÍ

HOW PAST LIVES ARE SEEN CÁC KIẾP SỐNG QUÁ KHỨ ĐƯỢC NHÌN THẤY NHƯ THẾ NÀO

FORESEEING THE FUTURE NHÌN THẤY TRƯỚC TƯƠNG LAI

Fifth Section: Devas and Nature Spirits

THE AURA OF THE DEVA

THE SPIRIT OF A TREE

Sixth Section: The World And The Races Of Men

THE BUILDING OF THE SYSTEM
THE PLANETARY CHAINS
SUCCESSIVE LIFE-WAVES
THE MONADS FROM THE MOON
THE EARTH-CHAIN
MODES OF INDIVIDUALISATION
THE SEVEN TYPES
STRAY NOTES ON RACES
The Irish Race
The Spanish Race
The Jewish Race —Chủng Tộc Do Thái
The Atlanteans
MARS AND ITS INHABITANTS
Seventh Section: Reincarnation
THREE LAWS OF HUMAN LIFE
THE RETURN TO BIRTH
PERSONAL CHARACTERISTICS
BRINGING OVER PAST KNOWLEDGE
THE INTERVALS BETWEEN LIVES
Lords of the Moon
Moon-Men. (First Order)
Eighth Section: Karma
THE LAW OF EQUILIBRIUM
THE METHOD OF KARMA
THE KARMA OF DEATH
KARMA AS AN EDUCATOR
VARIETIES OF KARMA
ANIMAL KARMA
Ninth Section: The Theosophical Society and its Founder
WHAT IS THE THEOSOPHICAL SOCIETY?
THEOSOPHY AND WORLD-LEADERS
REMINISCENCES
FAITHFUL UNTO DEATH
A COURSE OF STUDY IN THEOSOPHY

FOREWORD TO THE INDIAN EDITION

Our evening "Talks" at the Theosophical Headquarters at Adyar have become quite an institution, and a very considerable amount of information, due to new research, often arising from some question put by a student, is given in this friendly and intimate circle. Our good Vice-President, Sir S. Subramania Iyer, found so much help and illumination from these talks, that he earnestly wished to share his pleasure with his brethren in the outer world, and gave a sum of money to help in their publication. I cordially endorse his view of their value, and commend this volume and those which will follow it to the earnest study of all our members. A second series is ready for the press, but the date of its issue will depend partly on the reception given tot he present.

Những buổi "Đàm thoại" buổi tối của chúng ta tại Trụ sở Thông Thiên Học ở Adyar đã trở thành một hoạt động quen thuộc, và một lượng thông tin khá đáng kể, nhờ vào các nghiên cứu mới, thường xuất phát từ một câu hỏi của một học viên, được chia sẻ trong vòng thân mật và thân thiện này. Phó Bà Hội Trưởng đáng kính của chúng ta, Sir S. Subramania Iyer, đã tìm thấy rất nhiều sự hỗ trợ và soi sáng từ các buổi đàm thoại này, đến mức Ông rất mong muốn chia sẻ niềm vui của mình với các huynh đệ bên ngoài, và đã đóng góp một khoản tiền để hỗ trợ việc xuất bản chúng. Tôi hoàn toàn tán thành quan điểm của Ông về giá trị của chúng, và khuyến khích các thành viên của chúng ta nghiêm túc nghiên cứu tập sách này và những tập sách tiếp theo sẽ được xuất bản. Một loạt thứ hai đã sẵn sàng để xuất bản, nhưng ngày phát hành của nó sẽ phần nào phụ thuộc vào sự đón nhận của tập hiện tại.

ANNIE BESANT

INTRODUCTION—GIỚI THIỆU

I wish that I could help my American readers to realise the conditions under which this book has been produced. The Theosophical Society as a whole does not by any means sufficiently understand or appreciate the work done at its Headquarters, and although for you in America it is away on the other side of the earth, I should like to help you to see it as it is. Readers of the "Messenger" must at least, have some general idea of the appearance of the place, and must know something of the life which is lived here—a long life, a strenuous life, and a life lived under very peculiar conditions. Nowhere else in the world at this present moment is there such a centre of influence—a centre constantly visited by the Great Ones, and therefore bathed in their wonderful magnetism. The vibrations here are marvellously stimulating, and all of us who live here are therefore constant strain of a very peculiar kind, a strain which brings out whatever is in us. Strong vibrations from other planes are playing all the while upon our various vehicles, and those parts of us which can in any sense respond to them are thereby raised, strengthened and purified. But it must be remembered that there is another side to this. There may well be in each of us some vibrations the character of which is too far removed from the level of these great influences to fall into harmony with them, and where that is the case intensification will still take place, but the result may well be evil rather than good. To live at Adyar is the most glorious of all opportunities for those who are able to take advantage of it, but its effect on those who are constitutionally unable to harmonize with its

Tôi ước có thể giúp các độc giả người Mỹ của tôi nhận ra được những điều kiện mà dưới đó cuốn sách này đã được tạo ra. Hội Thông Thiên Học nói chung không hiểu hoặc đánh giá đầy đủ công việc được thực hiện tại Trụ sở của Hội, và mặc dù đối với các bạn ở Mỹ, nơi này nằm ở phía bên kia của trái đất, tôi muốn giúp các bạn thấy nó như thật. Độc giả của "Messenger" ít nhất phải có một ý niệm chung về hình ảnh của nơi này, và cũng phải biết đôi điều về cuộc sống tại đây—một cuộc sống lâu dài, đầy gian truân, và được sống dưới những điều kiện rất đặc biệt. Không nơi nào khác trên thế giới vào thời điểm này có một trung tâm ảnh hưởng như vậy—một trung tâm thường xuyên được viếng thăm bởi các Đấng Cao Cả, và do đó ngập tràn năng lượng từ trường kỳ diệu của các Ngài. Các rung động ở đây kích thích một cách tuyệt vời, và tất cả chúng tôi, những người sống ở đây, đều phải chịu đựng một sự căng thẳng rất đặc thù, một sự căng thẳng khiến cho bất cứ điều gì trong chúng tôi cũng bị bộc lộ. Các rung động mạnh từ các cõi giới khác liên tục tác động lên các phương tiện của chúng tôi, và những phần nào trong chúng tôi có khả năng đáp ứng với chúng sẽ được nâng cao, củng cố và thanh lọc nhờ đó. Nhưng cần phải nhớ rằng điều này còn có một mặt khác. Có thể trong mỗi người chúng tôi có những rung động có tính chất quá xa rời với mức độ của những ảnh hưởng lớn lao này để có thể hài hòa với chúng, và khi điều đó xảy ra, sự tăng cường vẫn sẽ diễn ra, nhưng kết quả có thể xấu hơn là tốt. Sống tại Adyar là cơ hội huy hoàng nhất cho những ai có thể tận dụng nó, nhưng tác động của nó đối với những người không có khả năng hòa hợp với các rung động của nó có thể nguy hiểm hơn là hữu ích. Nếu một học

vibrations may be dangerous rather than helpful. If a student can bear it he may advance rapidly; if he cannot bear it he is better away.

viên có thể chịu đựng được, y có thể tiến bộ nhanh chóng; nếu không chịu nổi, tốt hơn là nên rời đi.

The workers here live mostly in the great central building, within the immediate aura of the shrine room and the President. The students live chiefly half-a-mile away at various other houses, though all within the large estate which now belongs to the Society. Each during the day does his own work in his own way, but in the evening we all gather together upon the roof of the central building, in front of the President' s rooms, formerly occupied by Madame Blavatsky herself, and there, under the marvellous night sky of India, so infinitely more brilliant than anything that we know in what are miscalled temperate climes, we sit and listen to her teaching.

Những người làm việc ở đây chủ yếu sống trong tòa nhà trung tâm lớn, trong hào quang trực tiếp của phòng thờ và của Bà Hội Trưởng. Các học viên sống chủ yếu ở những ngôi nhà khác cách đó khoảng nửa dặm, tất cả đều nằm trong khu đất rộng lớn hiện thuộc về Hội. Mỗi người trong suốt ngày làm công việc của mình theo cách riêng, nhưng vào buổi tối, tất cả chúng tôi đều tụ họp lại trên mái nhà của tòa nhà trung tâm, trước các phòng của Bà Hội Trưởng, nơi mà trước đây chính Madame Blavatsky đã cư ngụ, và ở đó, dưới bầu trời đêm tuyệt diệu của Ấn Độ, sáng rực hơn rất nhiều so với bất cứ thứ gì mà chúng tôi biết ở những nơi mà chúng ta gọi sai là vùng ôn đới, chúng tôi ngồi và lắng nghe những lời giảng dạy của bà.

All through the summer of last year, so much of which she spent in a tour through the United States, it fell to my lot to take charge of the meetings of the students here. In the course of that time I delivered many informal little addresses and answered hundreds of questions. All that I said was taken down in shorthand, and this book is the result of those notes. In a number of cases it happened that what was said on the roof at the meetings was afterwards expanded into a little article for The Theosophist or The Adyar Bulletin; in all such cases I reprint the article instead of the stenographic report, as it has had the advantage of certain corrections and additions. Necessarily a book of this sort is fragmentary in its nature; necessarily also it contains a certain amount of repetition;

Suốt mùa hè năm ngoái, phần lớn thời gian bà dành cho chuyến du hành qua Hoa Kỳ, tôi được giao nhiệm vụ phụ trách các buổi họp của các học viên tại đây. Trong thời gian đó, tôi đã đưa ra nhiều bài nói chuyện ngắn không chính thức và trả lời hàng trăm câu hỏi. Tất cả những gì tôi nói đều được ghi chép lại bằng tốc ký, và cuốn sách này là kết quả của những ghi chép đó. Trong nhiều trường hợp, những gì đã được nói trên mái nhà tại các buổi họp sau đó đã được mở rộng thành một bài báo nhỏ cho The Theosophist hoặc Adyar Bulletin; trong tất cả các trường hợp như vậy, tôi đã in lại bài báo thay vì bản tốc ký, vì bài báo đã được chỉnh sửa và bổ sung thêm. Dĩ nhiên, một cuốn sách như thế này có tính chất rời rạc; cũng dĩ nhiên là nó chứa đựng một số lượng lặp lại nhất định, mặc dù điều này đã được loại bỏ bất cứ khi nào

though this latter has been excised wherever possible. Many of the subjects treated have also been dealt with in my earlier books, but what is written here represents in all cases the result of the latest discoveries in connection with those subjects. The subjects have been classified as far as possible, and this volume represents the first series, containing five sections. The second volume, containing the nine remaining sections, is now in the printer's hands. A list of the subjects of which it will treat will be found at the end of this volume.

C. W. LEADBEATER

Adyar, July, 1910.

có thể. Nhiều chủ đề được đề cập trong cuốn sách này cũng đã được tôi xử lý trong các cuốn sách trước đó của mình, nhưng những gì được viết ở đây đều đại diện cho kết quả của những khám phá mới nhất liên quan đến các chủ đề đó. Các chủ đề đã được phân loại càng nhiều càng tốt, và tập này đại diện cho loạt đầu tiên, chứa năm phần. Tập thứ hai, gồm chín phần còn lại, hiện đang được in. Danh sách các chủ đề mà tập này sẽ đề cập có thể được tìm thấy ở cuối tập này.

C. W. LEADBEATER

Adyar, July, 1910.

FOREWORD TO AMERICAN EDITION

The long-promised second series of Adyar Talks has at length been published after many unavoidable delays. After careful consideration it was thought best to abandon the use of the title The Hidden Life and to issue the volume as The Inner Life, Volume II. Some of these informal talks to the classes at Adyar have already appeared in The Theosophist, but many of the chapters contain facts which have not been published before, such as "Mars and its Inhabitants."

The manuscript of The Hidden Side of Things, which promises to be a book of some seven hundred pages, is ready for the printer, and we are only waiting an opportune time to publish it.

C.W. LEADBEATER.

ADYAR, June 29, 1911.

Loạt bài giảng Adyar thứ hai được hứa hẹn từ lâu cuối cùng đã được xuất bản sau nhiều lần trì hoãn không thể tránh khỏi. Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, chúng tôi cho rằng tốt nhất là từ bỏ việc sử dụng tiêu đề Cuộc Sống Ẩn Tàng và phát hành tập này dưới tên Cuộc Sống Nội Tâm, Tập II. Một số buổi nói chuyện không chính thức này dành cho các lớp học tại Adyar đã xuất hiện trong tạp chí The Theosophist, nhưng nhiều chương chứa đựng những thông tin chưa từng được công bố trước đây, chẳng hạn như "Sao Hỏa và Cư Dân của Nó."

Bản thảo của cuốn Mặt Ẩn của Vạn Vật, dự kiến sẽ là một cuốn sách dày khoảng bảy trăm trang, đã sẵn sàng cho nhà in, và chúng tôi chỉ đang chờ thời điểm thích hợp để xuất bản.

C.W. LEADBEATER.

ADYAR, ngày 29 tháng 6, 1911.

AUTHOR' S NOTE

While the President was absent from Adyar on a tour through England and America last year, it fell to my lot to take charge of the daily meetings of the students here. In the course of that time I delivered many informal little addresses and answered hundreds of questions. All that I said was taken down in shorthand, and this book is the result of those notes. In a number of cases it happened that what was said on the roof at the meetings was afterwards expanded into a little article for The Theosophist or The Adyar Bulletin; in all

Trong thời gian Bà Hội Trưởng vắng mặt khỏi Adyar để thực hiện chuyến du hành qua Anh và Mỹ năm ngoái, tôi đã được giao nhiệm vụ phụ trách các buổi họp hàng ngày của các học viên tại đây. Trong khoảng thời gian đó, tôi đã đưa ra nhiều bài nói chuyện nhỏ không chính thức và trả lời hàng trăm câu hỏi. Tất cả những gì tôi nói đều được ghi chép lại bằng tốc ký, và cuốn sách này là kết quả của những ghi chép đó. Trong một số trường hợp, những gì đã được nói trên mái nhà tại các buổi họp sau đó đã được mở rộng thành một bài báo nhỏ cho

such cases I reprint the article instead of the stenographic report, as it has had the advantage of certain corrections and additions. Necessarily a book of this sort is fragmentary in its nature; necessarily also it contains a certain amount of repetition; though this latter has been excised wherever possible. Many of the subjects treated have also been dealt with in my earlier books, but what is written here represents in all cases the result of the latest discoveries in connection with those subjects The subjects have been classified as far as possible, and this volume is the second series, containing the nine remaining sections.

C. W. LEADBEATER.

ADYAR, July, 1911.

The Theosophist hoặc Adyar Bulletin; trong tất cả các trường hợp như vậy, tôi đã in lại bài báo thay vì bản tốc ký, vì bài báo đã được chỉnh sửa và bổ sung thêm. Dĩ nhiên, một cuốn sách như thế này có tính chất rời rạc; cũng dĩ nhiên là nó chứa đựng một số lượng lặp lại nhất định, mặc dù điều này đã được loại bỏ bất cứ khi nào có thể. Nhiều chủ đề được đề cập trong cuốn sách này cũng đã được tôi xử lý trong các cuốn sách trước đó của mình, nhưng những gì được viết ở đây đều đại diện cho kết quả của những khám phá mới nhất liên quan đến các chủ đề đó. Các chủ đề đã được phân loại càng nhiều càng tốt, và tập này là loạt bài thứ hai, bao gồm chín phần còn lại.

C. W. LEADBEATER.

ADYAR, tháng 7, 1911.

FIRST SECTION:THE AFTER-DEATH LIFE
PHẦN 1: ĐỜI SỐNG SAU KHI CHẾT

THE INNER LIFE II

THE THEOSOPHIST AFTER DEATH—
NGƯỜI THÔNG THIÊN HỌC SAU KHI CHẾT

WHEN a member of the Theosophical Society finds himself upon the astral plane after having permanently laid aside his physical body, it will be well for him to begin by taking stock, as it were—by seeing what is his position, what is the life before him, and how he can make the best use of it. He will do wisely to consult on these matters some friend who has had wider experience than himself, and in practice this is what dead members almost always do. Remember that when the member enters upon the astral plane after death he is not making his first appearance there. Usually he has already done much work there during the sleep of the physical body, and is therefore on familiar ground. As a general rule his first instinct is to make straight for our beloved President, which is probably quite the wisest thing for him to do, as there is no one better qualified to give him sound advice. So many possibilities open out in astral life that one cannot lay down any general rule, though a man cannot go far wrong who tries to make himself useful to those around him. There are plentiful opportunities for learning, as well as for work, and the new-comer will have to decide how he can best apportion his time between them.

KHI một thành viên của Hội Thông Thiên Học thấy mình trên cõi cảm dục sau khi đã vĩnh viễn bỏ lại thể xác, sẽ tốt cho y nếu bắt đầu bằng việc đánh giá tình hình—bằng cách xem xét vị trí của mình, cuộc sống trước mắt là gì, và cách nào y có thể tận dụng tốt nhất điều đó. Y sẽ làm điều khôn ngoan khi tham khảo ý kiến của một người bạn nào đó có kinh nghiệm rộng hơn mình, và thực tế là các thành viên đã khuất hầu như luôn làm như vậy. Hãy nhớ rằng khi thành viên bước vào cõi cảm dục sau khi chết, đó không phải là lần đầu tiên y xuất hiện ở đó. Thường thì y đã làm rất nhiều việc tại đó trong khi thể xác ngủ, do đó y đã quen thuộc với nơi này. Theo quy luật chung, bản năng đầu tiên của y là đi thẳng đến Bà Hội Trưởng thân yêu của chúng ta, điều mà có lẽ là điều khôn ngoan nhất y có thể làm, vì không ai đủ khả năng hơn để đưa ra những lời khuyên đúng đắn cho y. Có quá nhiều khả năng mở ra trong cuộc sống cảm dục mà không thể đặt ra bất kỳ quy tắc chung nào, dù một người không thể đi lạc hướng nhiều nếu y cố gắng trở nên hữu ích cho những người xung quanh. Có rất nhiều cơ hội để học hỏi, cũng như để làm việc, và người mới đến sẽ phải quyết định cách phân chia thời gian của mình giữa hai điều đó một cách tốt nhất.

The astral world will not be altered for the convenience of members of the Theosophical Society, any more than the physical world is, and they, like every one else, will have to encounter what happens to be there. If a drunken man is walking along a certain road,

Cõi cảm dục sẽ không thay đổi để phù hợp với các thành viên của Hội Thông Thiên Học, giống như cõi hồng trần cũng không thay đổi, và họ, giống như bất kỳ ai khác, sẽ phải đối mặt với những gì có ở đó. Nếu một người say rượu đang đi trên một con đường nhất định,

those who happen to pass along that road will meet him, whether they are members or not, and the astral plane does not, in this respect, differ from the physical. The members, being instructed in regard to the rules governing life on astral plane, ought to know better than the uninstructed how to deal with such unpleasant beings as happen to come in their way, but they are just as likely as any one else to meet them. They have, however, probably met such beings many times while functioning upon the astral plane during life, and there is no more reason to be afraid of them than before; indeed, meeting them then upon their own level, it will be far easier to come to an understanding with them and to give them such help as they are able to receive.

những người tình cờ đi qua con đường đó sẽ gặp y, dù họ có là thành viên hay không, và cõi cảm dục cũng không khác gì cõi hồng trần ở điểm này. Các thành viên, vì đã được hướng dẫn về các quy luật chi phối cuộc sống trên cõi cảm dục, nên biết cách xử lý tốt hơn những thực thể khó chịu mà họ có thể gặp trên đường, nhưng họ cũng có khả năng gặp phải chúng như bất kỳ ai khác. Tuy nhiên, họ có lẽ đã gặp những thực thể như vậy nhiều lần khi hoạt động trên cõi cảm dục trong suốt cuộc sống, và không có lý do gì để sợ chúng hơn trước đây; thật vậy, khi gặp chúng trên cùng một cấp độ, sẽ dễ dàng hơn để đạt được sự hiểu biết với chúng và cung cấp cho chúng sự giúp đỡ mà chúng có thể nhận được.

There is practically no difference between the condition of the ordinary person and the psychic after death, except that the psychic, being somewhat more familiar with astral matters, would feel more at home in his new environment. To be psychic means to be able to bring through into the physical consciousness something of the wider life; it is therefore in the condition of the physical vehicle that there is an inequality between the psychic and the ordinary person, but when the physical is dropped that inequality no longer exists.

Về thực tế, không có sự khác biệt nào giữa tình trạng của người bình thường và người có khả năng thông linh sau khi chết, ngoại trừ việc người thông linh, vì đã quen thuộc hơn với các vấn đề cảm dục, sẽ cảm thấy thoải mái hơn trong môi trường mới của mình. Để có khả năng thông linh có nghĩa là có thể đưa vào tâm thức hồng trần một phần của cuộc sống rộng lớn hơn; do đó, sự bất bình đẳng giữa người có khả năng thông linh và người bình thường nằm ở trạng thái của phương tiện hồng trần, nhưng khi phương tiện hồng trần bị bỏ lại, sự bất bình đẳng đó không còn tồn tại nữa.

THE RELATION OF THE DEAD TO EARTH—
MỐI LIÊN HỆ CỦA NGƯỜI CHẾT VỚI TRÁI ĐẤT

A dead man is often aware of the feelings of the family that he has left. If you try to think exactly what it is that can be manifested through the astral body, you may easily see how much he is likely to know. He does not necessarily follow in detail all the events of the physical life; he does not necessarily know what his friends are eating, or in what occupations they are engaged. But he knows whether they are glad or sorry, and he is at once aware of such feelings as love or hate, jealousy or envy.

Một người đã khuất thường nhận biết được cảm xúc của gia đình mà y đã rời bỏ. Nếu bạn cố gắng nghĩ kỹ về những gì có thể được thể hiện qua thể cảm dục, bạn sẽ dễ dàng thấy được y có khả năng biết bao nhiêu. Y không nhất thiết phải theo dõi chi tiết mọi sự kiện trong đời sống hồng trần; y không nhất thiết phải biết bạn bè của mình đang ăn gì, hay họ đang làm gì. Nhưng y biết liệu họ có vui hay buồn, và ngay lập tức nhận thức được những cảm xúc như tình yêu hay hận thù, ghen tuông hay đố kỵ.

When a drunkard hovers about a gin-shop it is only by partial materialisation (that is, by drawing round himself a veil of etheric matter) that he can draw in the odour of the alcohol. He does not smell it in at all the same sense as we do; and that is why he is always anxious to force others into the condition of drunkenness, so that he may be able partially to enter their physical bodies and obsess them, so that through those bodies he can once more directly experience the taste and the other sensations which he so ardently desires.

Khi một kẻ say rượu lảng vảng quanh quán rượu, chỉ bằng việc hiện hình một phần (nghĩa là bao quanh mình một màn vật chất dĩ thái), y mới có thể hít được mùi rượu. Y không hít mùi rượu theo cách chúng ta làm; và đó là lý do tại sao y luôn muốn ép buộc người khác vào trạng thái say rượu, để y có thể phần nào nhập vào thể xác của họ và chiếm hữu họ, từ đó y có thể một lần nữa trực tiếp trải nghiệm vị giác và các cảm giác khác mà y khao khát.

In the astral body there are exact counterparts of the eyes and the nose and the mouth, but we must not therefore think that the astral man sees with those eyes, hears with those ears, or can smell or taste through the nose or mouth. All the matter of the astral body is constantly

Trong thể cảm dục có các đối phần chính xác của mắt, mũi và miệng, nhưng chúng ta không nên nghĩ rằng người cảm dục nhìn bằng mắt đó, nghe bằng tai đó, hay có thể ngửi hay nếm qua mũi hoặc miệng đó. Toàn bộ vật chất của thể cảm dục luôn trong chuyển động nhanh

in rapid motion from one part of it to another, so that it is quite impossible for any astral particles to be specialised in the same way as certain nerve-ends are specialised in the physical body. The senses of the astral body act not through special organs, but through every particle of the body, so that with astral sight a man can see equally well with any part of his body, and can see all around him simultaneously, instead of only in front of him. He could grasp at the astral counterpart of the hand of a living man, but as the two hands would pass through one another without any sense of contact, there would be no object in his doing so. It is, however, perfectly possible for him to materialise a hand which, though invisible, can be felt just as the ordinary physical hand can be, as may often be observed at séances.

chóng từ phần này sang phần khác, nên hoàn toàn không thể có các phần tử cảm dục được chuyên hóa giống như các đầu dây thần kinh được chuyên hóa trong thể xác. Các giác quan của thể cảm dục không hoạt động qua các cơ quan đặc biệt, mà thông qua mọi phần tử của cơ thể, vì vậy với thị giác cảm dục, một người có thể nhìn rõ bằng bất kỳ phần nào của cơ thể và có thể nhìn xung quanh cùng lúc, thay vì chỉ nhìn phía trước như thường lệ. Y có thể nắm lấy đối phần cảm dục của tay một người sống, nhưng vì hai bàn tay sẽ xuyên qua nhau mà không có cảm giác tiếp xúc, nên chẳng có lý do gì để làm vậy. Tuy nhiên, hoàn toàn có thể cho y làm hiện hình một bàn tay mà, dù vô hình, vẫn có thể cảm nhận được như bàn tay hồng trần thông thường, như thường thấy trong các buổi cầu cơ.

There are three subdivisions of the astral plane from which it may be possible (though not desirable) for disembodied men to see and follow events taking place upon the physical plane. On the lowest sub-plane the man is usually occupied in other ways, and concerns himself little with what takes place in the physical world, except, as is explained in our literature, when he haunts vile resorts; but, in the next subdivision, he has very close touch with the physical plane, and may quite probably be conscious of a good many things in connection with it, though what he sees is never the physical matter itself, but always the astral counterpart of it. In rapidly diminishing degree this consciousness is also possible as he ascends through the next two sub-planes; but beyond that, it would be only by the special effort to communicate through a medium that contact with the physical plane could be gained, and from the highest

Có ba phân khu của cõi cảm dục từ đó người đã khuất có thể (mặc dù không được khuyến khích) nhìn thấy và theo dõi các sự kiện diễn ra trên cõi hồng trần. Ở cõi phụ thấp nhất, người đó thường bận rộn với những việc khác và không mấy quan tâm đến những gì diễn ra trong thế giới hồng trần, ngoại trừ, như đã được giải thích trong các tài liệu của chúng tôi, khi y ám những nơi hạ đẳng; nhưng ở phân khu tiếp theo, y có liên hệ rất gần với cõi hồng trần, và có thể ý thức về khá nhiều điều liên quan đến nó, dù những gì y thấy không bao giờ là vật chất hồng trần thật, mà luôn là đối phần cảm dục của nó. Mức độ ý thức này cũng giảm dần khi y thăng lên qua hai cõi phụ tiếp theo; nhưng ngoài cõi đó, chỉ bằng nỗ lực đặc biệt để giao tiếp qua một đồng cốt, y mới có thể liên lạc với cõi hồng trần, và từ cõi phụ cao nhất thì ngay cả điều đó cũng vô cùng khó khăn.

sub-plane even that would be extremely difficult.

The extent of a man' s power to see and follow physical events from the astral plane is determined by his character and disposition, as well as by the stage of development to which he has attained. Most of those whom we ordinarily call good people, living out their lives to their natural end, sweep through all these lower stages before awakening to astral consciousness, and they are therefore unlikely to be conscious of anything physical at all. Some few, however, even of these are drawn back into touch with this world by great anxiety about some one left behind.

Mức độ mà một người có thể nhìn thấy và theo dõi các sự kiện hồng trần từ cõi cảm dục phụ thuộc vào tính cách và thiên hướng của y, cũng như giai đoạn phát triển mà y đã đạt được. Hầu hết những người mà chúng ta thường gọi là người tốt, sống cuộc đời của họ đến hết tuổi thọ tự nhiên, thường đi qua tất cả những giai đoạn thấp hơn này trước khi thức tỉnh đến tâm thức cảm dục, vì vậy họ khó có thể ý thức được bất cứ điều gì hồng trần. Tuy nhiên, một số ít trong số đó vẫn bị kéo trở lại liên hệ với thế giới này bởi sự lo lắng lớn về ai đó mà họ để lại phía sau.

Less developed persons have in their composition of the matter of these lower sub-planes, and are therefore much more likely to be able to follow to some extent what goes on upon earth. Most of all is this the case if they are people whose whole turn of thought is essentially of this world—who have in them little or nothing of spiritual aspiration or of high intellect. This downward tendency grows with the using, and a man who is at first happily unconscious of what lies below him may be so unfortunate as to have his attention attracted to it, frequently by selfish manifestations of the grief of the survivors. He then exerts his will to keep himself from rising out of touch with this life to which he no longer belongs; and in such a case his power of seeing earthly things increases for a time, and then he suffers mentally when he presently finds such power slipping from him. Such suffering is entirely due to the irregularity introduced into the astral life by his own action, for it is absolutely unknown in the ordinary and orderly evolution after

Những người kém phát triển hơn có trong thành phần của họ vật chất từ các cõi phụ thấp hơn này, và do đó có nhiều khả năng hơn để theo dõi một phần nào đó những gì diễn ra trên trần gian. Đặc biệt là trường hợp này nếu họ là những người mà toàn bộ tư tưởng của họ chủ yếu thuộc về thế giới này—những người có ít hoặc không có khát vọng tinh thần hoặc trí tuệ cao. Xu hướng đi xuống này càng lớn khi họ tiếp tục sử dụng nó, và một người ban đầu vui vẻ không biết gì về những gì nằm bên dưới y có thể bị bất hạnh thu hút vào đó, thường là do những biểu hiện ích kỷ của nỗi đau buồn từ những người còn sống. Sau đó, y dùng ý chí của mình để ngăn bản thân khỏi việc thoát khỏi sự liên hệ với cuộc sống mà y không còn thuộc về; và trong trường hợp như vậy, khả năng nhìn thấy những điều trên trần gian của y sẽ tăng lên trong một thời gian, sau đó y sẽ chịu khổ khi nhận thấy sức mạnh đó dần dần trượt khỏi tay mình. Sự đau khổ như vậy hoàn toàn là do sự bất thường được đưa vào đời sống cảm dục bởi hành động của chính người đó, vì nó hoàn toàn không được biết đến

death.

trong sự tiến hóa bình thường và có trật tự sau khi chết.

If it is complained that in this way the departed does not see the physical world exactly as it really is, we must answer that neither the departed nor we on this plane ever see the physical world as it really is at all, for we (or most of us) see only the solid and liquid portions thereof, and are altogether blind to the far vaster gaseous and etheric parts; while the departed does not see the physical matter at all, nor even the whole astral counterpart of it, but only that portion of the latter which belongs to the particular sub-plane upon which he is at the time. The only man who gets anything like a comprehensive view of affairs is he who has developed etheric and astral sight while still alive in the physical body.

Nếu có người phàn nàn rằng theo cách này, người đã khuất không nhìn thấy thế giới hồng trần như thật sự nó vốn là, chúng ta phải trả lời rằng cả người đã khuất lẫn chúng ta trên cõi này không bao giờ nhìn thấy thế giới hồng trần như nó thực sự là; vì chúng ta (hoặc hầu hết chúng ta) chỉ nhìn thấy các phần rắn và lỏng của nó, và hoàn toàn mù quáng trước các phần khí và dĩ thái rộng lớn hơn nhiều; trong khi người đã khuất không nhìn thấy vật chất hồng trần chút nào, cũng không nhìn thấy toàn bộ đối phần cảm dục của nó, mà chỉ thấy phần của nó thuộc về cõi phụ cụ thể mà y đang ở. Người duy nhất có được một cái nhìn bao quát về sự việc là người đã phát triển khả năng nhìn dĩ thái và cảm dục khi còn sống trong thể xác.

Another difficulty in the way of the disembodied is that he by no means always recognises with any certainty the astral counterpart of the physical body even when he sees it. He usually requires considerable experience before he can clearly identify objects, and any attempt which he makes to deal with them is liable to be very vague and uncertain, as is often seen in haunted houses where stone-throwing, trampling, or vague movements of physical matter take place. This power of the identification of objects is thus largely a question of experience and knowledge, but it is little likely to be perfect unless he has known something of such matters before death.

Một khó khăn khác đối với người đã khuất là y không phải lúc nào cũng nhận ra với sự chắc chắn nào đó đối phần cảm dục của thể xác ngay cả khi y nhìn thấy nó. Y thường cần một thời gian trải nghiệm trước khi có thể rõ ràng nhận diện các đối tượng, và bất kỳ nỗ lực nào của y để xử lý chúng đều có thể rất mơ hồ và không chắc chắn, như thường thấy trong các ngôi nhà bị ám nơi xảy ra ném đá, dẫm đạp, hoặc các chuyển động mơ hồ của vật chất hồng trần. Sức mạnh nhận diện các đối tượng do đó phần lớn là vấn đề của kinh nghiệm và kiến thức, nhưng rất ít khả năng sẽ hoàn hảo trừ khi y đã biết điều gì đó về các vấn đề này trước khi chết.

A correspondent writes to ask whether a dead man can enjoy the astral counterpart of a play at a theatre, and whether there will be room

Một người viết thư hỏi rằng liệu người đã khuất có thể thưởng thức đối phần cảm dục của một vở kịch ở nhà hát, và liệu sẽ có chỗ cho

for him there if the building is already full of people.

y nếu nhà hát đã đầy người.

Certainly a theatre full of people has its astral counterpart, which is visible to dead people. The play, however, is not likely to afford them any enjoyment, since they cannot see the costumes and the expression of the actors at all as we see them, and the emotions of these actors, being only simulated and not real, make no impression upon the astral plane. Astral bodies can and constantly do interpenetrate one another fully, without in the least injuring one another. If you will think for a moment you will see that this must be so. When you sit next to any person in a railway carriage or in a tram-car your astral body and his must necessarily interpenetrate to a very large extent. There is not the slightest difficulty in such interpenetration, since the astral particles are enormously farther apart in proportion to their size even than physical particles are. At the same time they seriously affect one another as far as their rates of vibration are concerned, so that to sit in close proximity to a person of impure, jealous or angry thought is exceedingly prejudicial. A dead friend can, therefore, quite easily enter a theatre which is full of people—more especially as the people are seated upon the ground or the platforms, while the astral entity is far more probably floating about in the air.

Chắc chắn nhà hát đầy người có đối phần cảm dục của nó, điều đó hiển nhiên đối với những người đã khuất. Tuy nhiên, vở kịch không có khả năng mang lại cho họ sự thích thú, vì họ không thể nhìn thấy trang phục và biểu cảm của các diễn viên như chúng ta, và cảm xúc của các diễn viên này, chỉ là giả vờ và không thật, không để lại ấn tượng trên cõi cảm dục. Các thể cảm dục có thể và thường xuyên xuyên lẫn nhau hoàn toàn mà không hề gây tổn hại cho nhau. Nếu bạn suy nghĩ trong giây lát, bạn sẽ thấy rằng điều này chắc chắn phải như vậy. Khi bạn ngồi cạnh bất kỳ ai trong toa tàu hỏa hoặc xe điện, thể cảm dục của bạn và của người kia nhất thiết phải xuyên qua nhau với mức độ rất lớn. Không có chút khó khăn nào trong việc xuyên lẫn nhau, vì các phần tử cảm dục cách xa nhau rất nhiều so với kích thước của chúng, thậm chí hơn cả các phần tử hồng trần. Đồng thời, chúng ảnh hưởng đáng kể lẫn nhau về mức độ rung động, đến nỗi việc ngồi gần người có tư tưởng ô uế, ghen tuông hoặc tức giận là vô cùng có hại. Do đó, một người bạn đã khuất có thể dễ dàng bước vào nhà hát đầy người—đặc biệt là khi những người đó ngồi trên mặt đất hoặc trên các bục, trong khi thực thể cảm dục có khả năng trôi nổi trong không trung.

The man who commits suicide runs away from school before the appointed lesson is learnt; he is guilty of the great presumption involved in taking into his own hands a decision which should be left to the working of the Great Law. The consequences of so great a rebellion against nature are always of a

Người tự tử bỏ trốn khỏi trường học trước khi bài học đã định được học; y phạm phải sự ngạo mạn lớn lao khi quyết định một điều mà lẽ ra nên để Định Luật Vĩ Đại vận hành. Hậu quả của việc nổi loạn nghiêm trọng như vậy chống lại tự nhiên luôn mang tính trọng đại. Chúng chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến kiếp sau, và có

momentous character. They are certain to affect the next life, and quite probably more lives than one. The circumstances surrounding a suicide immediately after death are the same as they would be for the victim of an accident, since both of them arrive upon the astral plane with equal suddenness. But there is the enormous difference that the man who dies by accident, not expecting death, is thrown into a condition of unconsciousness and usually passes through the lowest sub-plane without knowing anything of its varied unpleasantness. The suicide, on the contrary, has acted deliberately, and is generally painfully aware of much that is horrible and repugnant to him. He cannot be saved from the sights and feelings which he has brought upon himself; but he may often be helped to understand them, and may be inspired with patience, perseverance and hope by the good offices of some kind friend.

khả năng là nhiều kiếp hơn thế. Hoàn cảnh bao quanh một người tự tử ngay sau cái chết giống với nạn nhân của một tai nạn, vì cả hai đều đột ngột đến cõi cảm dục. Nhưng có một sự khác biệt rất lớn là người chết do tai nạn, không mong đợi cái chết, sẽ rơi vào tình trạng bất tỉnh và thường vượt qua cõi phụ thấp nhất mà không biết gì về những điều không vui của nó. Ngược lại, người tự tử đã hành động có chủ đích và thường nhận thức đau đớn về nhiều thứ kinh khủng và ghê tởm đối với y. Y không thể thoát khỏi những cảnh tượng và cảm giác mà chính mình đã mang lại; nhưng y có thể được giúp đỡ để hiểu chúng, và có thể được truyền cảm hứng với sự kiên nhẫn, bền bỉ và hy vọng bởi những hành động tốt bụng của một người bạn nào đó.

While fully recognising that suicide is a mistake, and a most serious one, we are not called upon judge our brother who commits that mistake. There is a wide difference between different cases, and it is impossible for us to know the various factors which enter into each, although every one of them is duly taken into account in the working of the law of eternal justice.

Mặc dù hoàn toàn công nhận rằng tự tử là một sai lầm—và là một sai lầm rất nghiêm trọng—chúng ta không được phán xét người huynh đệ của mình khi y phạm phải sai lầm đó. Có sự khác biệt lớn giữa các trường hợp khác nhau, và không thể nào chúng ta biết được các yếu tố khác nhau tham gia vào mỗi trường hợp, mặc dù tất cả đều được tính đến trong sự vận hành của Định Luật Công Bằng Vĩnh Cửu.

In trying to estimate the conditions of a man' s life on the astral plane after death, there are two prominent factors to be considered—the length of time which he stays upon any particular sub-plane and the amount of his consciousness upon it. The length of a man' s stay upon any sub-plane depends, as has been said, upon the amount of matter belonging to

Khi cố gắng đánh giá các điều kiện của cuộc sống của một người trên cõi cảm dục sau khi chết, có hai yếu tố nổi bật cần được xem xét—thời gian mà y ở lại bất kỳ cõi phụ nào và mức độ ý thức của y trên cõi đó. Như đã nói, thời gian mà một người ở lại bất kỳ cõi phụ nào phụ thuộc vào lượng vật chất thuộc cõi phụ đó mà y đã tích hợp vào bản thân trong cuộc sống

that sub-plane he has built into himself during earth-life.

trần thế.

But the amount of consciousness that a person will have upon a given sub-plane does not invariably follow precisely the same law. Let us consider an extreme example of possible variation, in order that we may grasp its method. Suppose a man has brought over from his past incarnation tendencies requiring for their manifestation a large amount of the matter of the lowest sub-plane, and has in his present life been fortunate enough to learn in his earliest years the possibility and the necessity of controlling these tendencies. It is improbable that such a man' s efforts at control would be uniformly and entirely successful; but if they were, the substitution of finer for grosser particles would progress steadily though slowly.

Nhưng mức độ ý thức mà một người có trên một cõi phụ nhất định không nhất thiết tuân theo cùng một quy luật. Chúng ta hãy xem xét một ví dụ cực đoan về sự biến đổi có thể xảy ra, để chúng ta hiểu rõ phương pháp của nó. Giả sử một người đã mang theo từ kiếp trước những khuynh hướng đòi hỏi một lượng lớn vật chất của cõi phụ thấp nhất để thể hiện, và trong kiếp này, may mắn học được sớm về khả năng và sự cần thiết phải kiểm soát những khuynh hướng đó. Khó có khả năng nỗ lực kiểm soát của người đó sẽ luôn và hoàn toàn thành công; nhưng nếu chúng thành công, sự thay thế các hạt mịn hơn cho các hạt thô hơn sẽ tiến triển đều đặn dù chậm.

This process is at best a gradual one, and it might well happen that the man died before it was half completed. In that case there would undoubtedly be enough matter of the lowest sub-plane left in his astral body to ensure him no inconsiderable residence there; but it would be matter through which in this incarnation his consciousness had never been in the habit of functioning, and, as it could not suddenly acquire this habit, the result would be that the man would rest upon that sub-plane until his share of its matter was disintegrated, but would be all the while in a condition of unconsciousness—that is, he would practically sleep through the period of his sojourn there, and so would be entirely unaffected by its many disagreeables.

Quá trình này diễn ra một cách từ từ, và rất có thể người đó chết trước khi quá trình này hoàn tất một nửa. Trong trường hợp đó, chắc chắn sẽ còn lại đủ vật chất của cõi phụ thấp nhất trong thể cảm dục của y để đảm bảo một thời gian cư trú không nhỏ ở đó; nhưng đó sẽ là vật chất mà trong kiếp sống này, ý thức của y chưa bao giờ có thói quen hoạt động thông qua, và vì nó không thể đột nhiên đạt được thói quen này, kết quả sẽ là người đó sẽ ở lại cõi phụ đó cho đến khi phần của vật chất thuộc về y bị phân rã, nhưng trong suốt thời gian đó, y sẽ ở trong tình trạng vô thức—tức là, y sẽ ngủ qua giai đoạn đó, và do đó hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi những điều khó chịu của nó.

It will be seen that both these factors of post-mortem existence—the sub-plane to which

Có thể thấy rằng cả hai yếu tố của sự tồn tại sau khi chết—cõi phụ mà người đó được đưa đến

the man is carried and the degree of his consciousness there—depend not in the least on the nature of his death, but upon the nature of his life, so that any accident, however sudden or terrible, can scarcely affect them. Nevertheless, there is reason behind the familiar old prayer of the Church: "From sudden death, good Lord, deliver us;" for though a sudden death does not necessarily affect the man's position upon the astral plane in any way for the worse, at least it does nothing to improve it, whereas the slow wasting away of the aged or the ravages of any kind of long-continued disease are almost invariably accompanied by a considerable loosening and breaking up of the astral particles, so that when the man recovers consciousness upon the astral plane, he finds some at any rate of his chief work there already done for him.

và mức độ ý thức của y ở đó—không hề phụ thuộc vào bản chất của cái chết, mà phụ thuộc vào bản chất của cuộc sống, do đó bất kỳ tai nạn nào, dù đột ngột hay khủng khiếp, hầu như không thể ảnh hưởng đến chúng. Tuy nhiên, vẫn có lý do đằng sau lời cầu nguyện cổ xưa quen thuộc của Giáo hội: "Từ cái chết đột ngột, lạy Chúa tốt lành, xin cứu rỗi chúng con;" vì mặc dù một cái chết đột ngột không nhất thiết ảnh hưởng đến vị trí của người đó trên cõi cảm dục theo bất kỳ cách nào xấu hơn, ít nhất nó cũng không cải thiện được gì, trong khi sự lụi tàn chậm chạp của người già hoặc sự tàn phá bởi bất kỳ loại bệnh kéo dài nào hầu như luôn đi kèm với sự nới lỏng và phân tán đáng kể các hạt cảm dục, do đó khi người đó tỉnh lại trên cõi cảm dục, họ thấy rằng ít nhất một phần công việc quan trọng của mình đã được thực hiện.

The great mental terror and disturbance which sometimes accompany accidental death are in themselves a very unfavourable preparation for the astral life; indeed, cases have been known in which such agitation and terror persisted after death, though that is happily rare. Still, the popular desire to have some time in which to prepare for death is not a mere superstition, but has a certain amount of reason at the back of it. Naturally, to anyone who is leading the Theosophical life it will make but little difference whether the transition from the physical plane to the astral comes slowly or quickly, since he is all the time doing his best to make as much progress as possible, and the object before him will remain the same in either case.

Nỗi sợ hãi tinh thần lớn và sự xáo trộn đôi khi đi kèm với cái chết do tai nạn là một sự chuẩn bị rất không thuận lợi cho cuộc sống cảm dục; thực tế, có những trường hợp được biết đến mà sự xáo trộn và sợ hãi đó tiếp tục sau cái chết, dù, may mắn thay, điều đó rất hiếm. Tuy nhiên, mong muốn phổ biến là có một khoảng thời gian để chuẩn bị cho cái chết không chỉ là mê tín, mà có một phần lý do đằng sau nó. Tự nhiên, với bất kỳ ai đang sống đời sống Thông Thiên Học, thì sẽ không có sự khác biệt lớn dù quá trình chuyển tiếp từ cõi hồng trần sang cõi cảm dục diễn ra nhanh hay chậm, vì họ luôn cố gắng tiến bộ nhiều nhất có thể, và mục tiêu trước mắt sẽ vẫn giữ nguyên trong cả hai trường hợp.

To sum up then: it seems clear that death by accident does not necessarily involve any

Tóm lại, có vẻ rõ ràng rằng cái chết do tai nạn không nhất thiết liên quan đến việc cư trú lâu

lengthy residence on the lowest level of the astral plane, though it may in one sense be said slightly to prolong such residence, since it deprives the victim of the opportunity of burning out the particles belonging to that level during the sufferings of a lingering disease. In the case of young children it is exceedingly unlikely that in their short and comparatively blameless young lives they will have developed much affinity for the lowest subdivisions of astral life; indeed, as a matter of practical experience they are hardly ever to be found in connection with that sub-plane at all. In any case, whether they die by accident or disease, their life on the astral plane is a comparatively short one; the heaven-life, though much longer, is still in reasonable proportion to it, and their early reincarnation follows as soon as the forces which they have been able to set in motion during their short earth-lives work themselves out, precisely as we might expect from our observation of the action of the same great law in the case of adults.

dài trên cõi thấp nhất của cõi cảm dục, mặc dù có thể nói rằng nó kéo dài sự cư trú đó một chút, vì nó tước đoạt cơ hội tiêu hủy các phần tử thuộc về cõi đó trong suốt sự đau khổ của một căn bệnh kéo dài. Trong trường hợp trẻ nhỏ, rất ít khả năng trong cuộc sống ngắn ngủi và tương đối trong sáng của chúng, chúng đã phát triển nhiều sự liên kết với các phân khu thấp nhất của cuộc sống cảm dục; thực tế, theo kinh nghiệm thực tế, chúng hầu như không bao giờ được tìm thấy có liên quan đến cõi phụ đó. Trong mọi trường hợp, dù chúng chết do tai nạn hay bệnh tật, cuộc sống của chúng trên cõi cảm dục là một cuộc sống tương đối ngắn ngủi; cuộc sống trên Thiên Đàng tuy dài hơn nhiều nhưng vẫn tỷ lệ hợp lý với nó, và sự tái sinh sớm của chúng sẽ diễn ra ngay sau khi các lực mà chúng đã khởi động trong cuộc sống ngắn ngủi của chúng tự tiêu tan, chính xác như chúng ta có thể dự đoán từ sự quan sát của chúng ta về sự vận hành của cùng một định luật vĩ đại trong trường hợp của người lớn.

Nothing that is likely to be done in ordinary life to his physical corpse need make any difference whatever to the man living on the astral plane. I am obliged to make these two reservations because, in the first case, outside of ordinary life there are certain horrible magical rites which would very seriously affect the condition of the man on the other plane, and in the second, although the state of the physical corpse need not make any difference to the real man, it nevertheless sometimes does, by reason of his ignorance or foolishness. Let me endeavour to explain.

Không có điều gì trong cuộc sống bình thường có thể làm ảnh hưởng đến xác thân hồng trần của một người đã khuất mà lại gây ra bất kỳ sự khác biệt nào cho người đang sống trên cõi cảm dục. Tuy nhiên, tôi buộc phải đưa ra hai lưu ý vì, trong trường hợp thứ nhất, ngoài đời sống bình thường, có những nghi thức ma thuật kinh khủng có thể ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến tình trạng của người ở cõi khác; và trong trường hợp thứ hai, mặc dù tình trạng của xác thân hồng trần không nhất thiết ảnh hưởng đến con người thật, nhưng đôi khi nó vẫn có, do sự thiếu hiểu biết hoặc dại dột của người đó. Để tôi cố gắng giải thích điều này.

The length of a man' s astral life after he has put off his physical body depends mainly upon two factors—the nature of his past physical life, and his attitude of mind after what we call death. During his earth-life he is constantly influencing the building of matter into his astral body. He affects it directly by the passions, emotions and desires which he allows to hold sway over him; he affects it indirectly by the action upon it of his thoughts from above, and of all the details of his physical life (his continence or his debauchery, his cleanliness or his uncleanliness, his food and his drink) from below. If, by persistence in perversity along any of these lines, he is so stupid as to build for himself a coarse and gross astral vehicle, habituated to responding only to the lower vibrations of the plane, he will find himself after death bound to that plane during the long and slow process of that body' s disintegration. On the other hand if, by decent and careful living, he gives himself a vehicle mainly composed of finer material, he will have very much less post-mortem trouble and discomfort, and his evolution will proceed much more rapidly and easily.

Thời gian mà một người sẽ sống trên cõi cảm dục sau khi bỏ xác thân chủ yếu phụ thuộc vào hai yếu tố—bản chất của cuộc sống hồng trần trước đây của y và thái độ tinh thần của y sau cái chết. Trong suốt cuộc đời trên trần thế, người đó liên tục ảnh hưởng đến việc tích hợp vật chất vào thể cảm dục của mình. Y ảnh hưởng đến nó trực tiếp qua các đam mê, cảm xúc và dục vọng mà y cho phép chi phối mình; y ảnh hưởng gián tiếp đến nó qua các hành động suy nghĩ từ trên cao của mình, và tất cả các chi tiết trong đời sống hồng trần của y (sự kiêng cữ hay sự trụy lạc của y, sự sạch sẽ hay không sạch sẽ của y, thức ăn và đồ uống của y) từ bên dưới. Nếu, bằng cách duy trì thói hư tật xấu trong bất kỳ phương diện nào này, y đủ ngu ngốc để tạo cho mình một cơ thể cảm dục thô kệch và cục mịch, quen phản ứng chỉ với các rung động thấp của cõi này, y sẽ thấy sau khi chết mình bị giam cầm trong cõi đó trong quá trình dài và chậm chạp của sự phân rã của thể này. Ngược lại, nếu bằng cách sống đúng mực và cẩn thận, y tự tạo cho mình một cơ thể chủ yếu được cấu thành từ vật chất mịn hơn, thì y sẽ ít gặp rắc rối và khó chịu sau khi chết, và sự tiến hóa của y sẽ diễn ra nhanh chóng và dễ dàng hơn nhiều.

This much is generally understood, but the second great factor—his attitude of mind after death—seems often to be forgotten. The desirable thing is for him to realise his position on this little arc of his evolution—to learn that he is at this stage withdrawing steadily inward towards the plane of the true ego, and that consequently it is his business to disengage his thought as far as may be from things physical, and fix his attention more and more upon those spiritual matters which will occupy him during his life in the heaven-world. By doing this he will greatly facilitate

Điều này thì thường được hiểu, nhưng yếu tố lớn thứ hai—thái độ tinh thần của y sau khi chết—dường như thường bị lãng quên. Điều đáng mong đợi là y nhận ra vị trí của mình trên đoạn ngắn của quá trình tiến hóa của y—học cách rằng ở giai đoạn này, y đang dần dần rút lui vào bên trong hướng về cõi chân ngã, và rằng do đó nhiệm vụ của y là buông bỏ tư tưởng về các sự vật hồng trần càng nhiều càng tốt, và tập trung sự chú ý ngày càng nhiều vào những vấn đề tinh thần sẽ chiếm lĩnh y trong cuộc sống trên cõi Thiên Đàng. Bằng cách làm điều này, y sẽ tạo điều kiện rất lớn cho sự phân

the natural astral disintegration, and will avoid the sadly common mistake of unnecessarily delaying himself upon the lower levels of what should be so temporary a residence.

rã tự nhiên của thể cảm dục, và sẽ tránh được sai lầm thường gặp là kéo dài không cần thiết thời gian cư trú trên các cõi thấp hơn của một nơi mà đáng lẽ chỉ là nơi cư trú tạm thời.

Many people, however, simply will not turn their thoughts upwards, but spend their time in struggling with all their might to keep in touch with the physical plane which they have left, thus causing great trouble to anyone who may be trying to help them. Earthly matters are the only ones in which they have ever had any living interest, and they cling to them with desperate tenacity even after death. Naturally, as time passes on, they find it increasingly difficult to keep hold of things down here, but instead of welcoming and encouraging this process of gradual refinement and spiritualisation they resist it vigorously by every means in their power. The mighty force of evolution is eventually too strong for them, and they are swept on in its beneficent current, yet they fight every step of the way, thereby not only causing themselves a vast amount of entirely unnecessary pain and sorrow, but also seriously delaying their upward progress.

Tuy nhiên, nhiều người lại không chịu hướng tư tưởng của mình lên cao, mà dành thời gian để cố gắng hết sức giữ liên lạc với cõi hồng trần mà họ đã rời bỏ, gây ra rất nhiều khó khăn cho bất kỳ ai đang cố gắng giúp đỡ họ. Các vấn đề trần tục là những vấn đề duy nhất mà họ từng có bất kỳ mối quan tâm sống động nào, và họ bám chặt vào chúng với sự tuyệt vọng, ngay cả sau khi chết. Tất nhiên, khi thời gian trôi qua, họ nhận thấy ngày càng khó giữ vững những thứ ở thế gian này, nhưng thay vì chào đón và khuyến khích quá trình tinh luyện và tâm linh hóa dần dần này, họ lại chống cự quyết liệt bằng mọi cách có thể. Lực lượng tiến hóa hùng mạnh cuối cùng vẫn quá mạnh đối với họ, và họ bị cuốn vào dòng chảy có lợi của nó, nhưng họ lại chống lại từng bước một, do đó không chỉ gây cho mình vô vàn nỗi đau và nỗi buồn hoàn toàn không cần thiết, mà còn trì hoãn nghiêm trọng sự tiến bộ lên cao của họ.

Now, in this ignorant and disastrous opposition to the cosmic will a man is much assisted by the possession of his physical corpse as a kind of fulcrum on this plane. He is naturally in close rapport with it, and if he is so misguided as to wish to do so, he can use it as an anchor to hold him down firmly to the mud until its decomposition is far advanced. Cremation saves the man from himself in this matter, for, when the physical body has been thus properly disposed of, his boats are literally burned behind him, and his power of

Bây giờ, trong sự phản kháng ngu dốt và tai hại này đối với ý chí vũ trụ, một người được giúp đỡ rất nhiều bởi việc sở hữu xác thân hồng trần của mình như một điểm tựa trên cõi này. Tự nhiên y có mối liên hệ mật thiết với nó, và nếu y không may muốn làm như vậy, y có thể sử dụng nó như một mỏ neo để giữ mình bám chặt xuống lớp bùn cho đến khi sự phân rã của nó tiến xa. Việc hỏa táng sẽ cứu người đó khỏi chính mình trong trường hợp này, vì khi xác thân hồng trần đã được xử lý đúng cách như vậy, những chiếc thuyền của y đã thực sự bị

holding back is happily greatly diminished.

đốt cháy phía sau, và khả năng giữ lại của y sẽ giảm đi đáng kể.

We see therefore that, while neither the burial nor the embalming of a corpse can in any way force the ego to whom it once belonged to prolong his stay upon the astral plane against his will, either of those causes is a distinct temptation to him to delay, and immensely facilitates his doing so if he should unfortunately wish it. No ego of any advancement would allow himself to be detained upon the astral plane, even by a proceeding so foolish as the embalming of his corpse. Whether his physical vehicle was burned or allowed to decay slowly in the usual loathsome manner, or indefinitely preserved as an Egyptian mummy, his astral body would pursue its own line of quick disintegration entirely unaffected.

Do đó, chúng ta thấy rằng, mặc dù việc chôn cất hay ướp xác không thể nào ép buộc chân ngã mà nó từng thuộc về phải kéo dài sự lưu lại của y trên cõi cảm dục nếu y không muốn, nhưng cả hai nguyên nhân này đều là một sự cám dỗ rõ rệt đối với y trì hoãn, và tạo điều kiện rất lớn cho việc đó nếu y không may muốn nó. Không một chân ngã nào đạt được tiến bộ nào lại cho phép mình bị giữ lại trên cõi cảm dục, ngay cả bởi một hành động ngu xuẩn như việc ướp xác của y. Dù thể xác của y bị thiêu hủy hay để phân hủy từ từ theo cách ghê tởm thông thường, hay được bảo quản vô thời hạn như một xác ướp Ai Cập, thì thể cảm dục của y vẫn sẽ tiếp tục phân rã nhanh chóng mà không hề bị ảnh hưởng.

Among the many advantages gained by cremation the principal are that it entirely prevents any attempt at partial and unnatural temporary reunion of the principles, or any endeavour to make use of the corpse for the purposes of the lower magic—to say nothing of the many dangers to the living which are avoided by its adoption.

Trong số nhiều lợi ích đạt được từ việc hỏa táng, lợi ích chính là nó hoàn toàn ngăn chặn bất kỳ nỗ lực nào nhằm tái hợp các nguyên lý tạm thời và phi tự nhiên, hoặc bất kỳ nỗ lực nào nhằm sử dụng xác thân cho mục đích ma thuật thấp kém—chưa kể đến những nguy hiểm đối với người sống mà việc hỏa táng giúp tránh khỏi.

CONDITIONS AFTER DEATH—
ĐIỀU KIỆN SAU CHẾT

Students often ask whether for the ordinary man a subconscious or an active existence is more desirable on the astral plane. This depends upon the nature of the active existence, and upon the stage of development of the ego concerned. The ordinary man dies with a certain amount of unexhausted desire still in his composition, and this force must work itself out before it is possible for him to sink into a subconscious condition. If the only activity possible for him is that of the lower desires, it is obviously better for him that nothing should be allowed to interfere with his sinking into comparative unconsciousness as soon as possible, since any new karma that he makes is little likely to be of an advantageous kind.

Các học viên thường hỏi liệu đối với người bình thường, một sự tồn tại tiềm thức hay một sự tồn tại chủ động trên cõi cảm dục có đáng mong muốn hơn không. Điều này phụ thuộc vào bản chất của sự tồn tại chủ động đó và vào giai đoạn phát triển của chân ngã liên quan. Người bình thường khi chết đi vẫn còn một số lượng mong muốn chưa cạn kiệt trong cấu tạo thành phần của mình, và lực này phải tự tiêu hao trước khi y có thể chìm vào trạng thái tiềm thức. Nếu hoạt động duy nhất mà y có thể thực hiện là những ham muốn thấp hơn, thì rõ ràng là tốt hơn cho y không để bất kỳ điều gì cản trở quá trình chìm vào trạng thái gần như vô thức càng sớm càng tốt, vì bất kỳ nghiệp mới nào mà y tạo ra sẽ ít có khả năng mang lại lợi ích.

If, on the other hand, he is sufficiently developed to be able to be of use to others on the astral plane, and especially if he has already been in the habit of working there during sleep, there is no reason why he should not usefully employ the time of his enforced sojourn there, though it would be inadvisable to set in motion new forces which would lengthen that sojourn. Those who are working under the direction of the pupils of the Masters of Wisdom will naturally avail themselves of their counsel, since they have had much experience along these lines, and can in turn consult others of still wider knowledge.

Ngược lại, nếu y đủ phát triển để có thể giúp đỡ người khác trên cõi cảm dục, và đặc biệt nếu y đã có thói quen làm việc ở đó trong giấc ngủ, thì không có lý do gì y không thể sử dụng thời gian lưu trú bắt buộc đó một cách hữu ích, mặc dù sẽ không nên kích hoạt những lực mới làm kéo dài sự lưu trú đó. Những ai đang làm việc dưới sự chỉ dẫn của các đệ tử của Chân Sư Minh Triết sẽ tự nhiên tìm kiếm lời khuyên của các Ngài, vì các Ngài có nhiều kinh nghiệm trong các vấn đề này và có thể tham khảo ý kiến với những người khác có kiến thức sâu rộng hơn.

The astral life may be directed by the will, just as the physical life may be, always within the

Đời sống trên cõi cảm dục có thể được định hướng bởi ý chí, cũng giống như đời sống hồng

limits prescribed in each case by karma—that is to say, by our own previous action. The ordinary man has little will-power or initiative, and is very much the creature of the surroundings which he has made for himself, on the astral plane as on the physical; but a determined man can always make the best of his conditions and live his own life in spite of them. What has, after all, been caused by his will can gradually be changed by his will, if time permits.

trần, luôn trong giới hạn được quy định bởi nghiệp quả—tức là bởi hành động trước đó của chúng ta. Người bình thường có rất ít ý chí hoặc sáng kiến, và phần lớn bị ảnh hưởng bởi môi trường mà y đã tự tạo ra cho mình, trên cõi cảm dục cũng như trên cõi trần; nhưng một người quyết tâm luôn có thể tận dụng tốt nhất các điều kiện của mình và sống theo cách riêng của mình bất chấp chúng. Những gì đã được tạo ra bởi ý chí của y có thể dần dần thay đổi bởi ý chí của y, nếu thời gian cho phép.

A man does not rid himself of evil tendencies in the astral world any more than he would in this life, unless he definitely works to that end. Many of the desires which are so strong and persistent in him are such as need a physical body for their satisfaction, and since he has that no longer, they often cause him acute and prolonged suffering; but in process of time they wear themselves out, they become as it were atrophied, and die down because of this impossibility of fulfilment. In the same way the matter of the astral body slowly wears away and disintegrates as the consciousness is gradually withdrawn from it by the half-unconscious effort of the ego, and thus the man by degrees gets rid of what ever holds him back from the heaven-world.

Một người không thể từ bỏ những khuynh hướng xấu trên cõi cảm dục hơn so với trong cuộc sống này, trừ khi y chủ động làm việc để đạt được điều đó. Nhiều ham muốn mạnh mẽ và dai dẳng trong y là những ham muốn cần đến một thể xác để thỏa mãn, và vì y không còn thể xác nữa, chúng thường gây ra cho y sự đau khổ kéo dài; nhưng theo thời gian chúng sẽ tự tiêu hao, trở nên thoái hóa và tắt dần do không thể được thỏa mãn. Tương tự, chất liệu của thể cảm dục sẽ từ từ tiêu hao và phân rã khi tâm thức được rút khỏi nó một cách dần dần bởi nỗ lực nửa vô thức của chân ngã, và nhờ đó, người ta từ từ loại bỏ những gì giữ chân mình khỏi thế giới thiên đường.

But the worst of his trouble is that the man is generally not alive to the necessity of getting rid of the evil which detains him. It is obvious that if he realises the facts of the case and gives his mind to the work, he can greatly expedite both the processes referred to the above. If he knows that it is his business to kill out earthly desires, and to withdraw into himself as quickly as may be, he will earnestly set himself to do these things; instead of which he usually in his ignorance broods over

Nhưng vấn đề lớn nhất của y là y thường không nhận thức được sự cần thiết phải từ bỏ những điều xấu ác đang cầm giữ mình. Rõ ràng là nếu y hiểu được sự việc và dồn tâm trí vào công việc, y có thể đẩy nhanh quá trình được nhắc đến ở trên. Nếu y biết rằng nhiệm vụ của mình là tiêu diệt những ham muốn thế tục và rút vào bản thân mình càng nhanh càng tốt, y sẽ nỗ lực làm những việc đó; thay vào đó, do thiếu hiểu biết, y thường suy tư về những ham muốn đó và kéo dài tuổi thọ của chúng,

the desires and so lengthens their life, and clings desperately to the grossest particles of astral matter as long as he possibly can, because the sensation connected with them seems nearest to that physical life for which he is so passionately longing. Thus we see why one of the most important parts of the work of the invisible helpers is to explain facts to the dead, and also why even a merely intellectual knowledge of Theosophical truths is of such inestimable value to a man.

đồng thời bám chặt vào các hạt vật chất cảm dục thô thiển nhất càng lâu càng tốt, bởi vì cảm giác liên quan đến chúng dường như gần nhất với đời sống hồng trần mà y khao khát. Như vậy, chúng ta thấy tại sao một trong những phần quan trọng nhất của công việc của những người trợ giúp vô hình là giải thích sự thật cho những người đã qua đời, và tại sao ngay cả một kiến thức trí tuệ về các chân lý Thông Thiên Học cũng có giá trị vô cùng to lớn đối với con người.

The dead man when he first arrives upon the astral plane by no means always realises that he is dead, and even when that fact comes home to him it does not follow that he at once understands how the astral world differs from the physical. In the physical world man is the slave of a number of imperious necessities; he must have food and clothing and shelter; in order to procure these he must have money; and in most cases in order to obtain money he must do some kind of work. All this is so much a matter of course to us down here that the man who is set free from this slavery finds it difficult for a long time to believe that he is really free, and in many cases he continues unnecessarily to impose upon himself fetters which he has in reality cast aside.

Khi người chết mới bước vào cõi cảm dục, y không phải lúc nào cũng nhận ra rằng mình đã chết, và ngay cả khi y nhận ra điều đó, không có nghĩa là y ngay lập tức hiểu được sự khác biệt giữa cõi cảm dục và cõi trần. Trong cõi trần, con người là nô lệ của một số nhu cầu khẩn thiết; y phải có thức ăn, quần áo và chỗ ở; để có được những thứ đó y phải có tiền; và trong hầu hết các trường hợp, để có tiền, y phải làm một số công việc nào đó. Tất cả điều này đối với chúng ta dưới đây là điều hiển nhiên đến mức người được giải thoát khỏi sự nô lệ này sẽ khó tin rằng mình thực sự được tự do, và trong nhiều trường hợp, y tiếp tục tự áp đặt cho mình những xiềng xích mà thực ra y đã vứt bỏ.

So we sometimes see the newly dead trying to eat—sitting down to or preparing for themselves wholly imaginary meals or building for themselves houses. I have actually seen a man in the summer-land building a house for himself stone by stone, and even though he made each of these stones for himself by an effort of his thought, he did not yet grasp the fact that he might just as well have made the whole house for himself, with the same amount of trouble, by a single effort

Vì vậy, đôi khi chúng ta thấy những người mới qua đời cố gắng ăn uống—ngồi xuống hoặc chuẩn bị cho mình những bữa ăn hoàn toàn tưởng tượng, hoặc xây dựng nhà cửa cho mình. Tôi đã thực sự thấy một người đàn ông ở cõi trung giới đang xây dựng một ngôi nhà cho mình từng viên đá một, và mặc dù y đã tự tạo ra từng viên đá bằng một nỗ lực của tư tưởng, y vẫn chưa hiểu rằng y có thể tạo ra toàn bộ ngôi nhà cho mình với cùng một lượng công sức, chỉ bằng một nỗ lực duy nhất của

of the same kind. He was gradually led to see that, by the discovery that the stones had no weight, which showed him that his present conditions differed from those to which he had been used on earth, and so led him to investigate further.

cùng một loại tư tưởng. Y dần dần được dẫn dắt để thấy điều đó, nhờ vào phát hiện rằng những viên đá không có trọng lượng, điều này cho thấy rằng các điều kiện hiện tại của y khác với những gì y đã quen thuộc trên trần gian, và từ đó y bắt đầu điều tra thêm.

In the summer-land men surround themselves with landscapes of their own construction, though some avoid that trouble by accepting ready-made the landscapes which have already been constructed by others. Men living on the sixth sub-plane, upon the surface of the earth, find themselves surrounded by the astral counterparts of physically existing mountains, trees and lakes, and consequently are not under the necessity of manufacturing scenery for themselves; but men upon the higher subplanes, who float at some distance above the surface of the earth, usually provide themselves with whatever scenery they desire, by the method that I have described.

Ở vùng đất trường hạ, con người tự tạo ra cho mình những phong cảnh do chính họ tạo dựng, mặc dù một số người tránh phiền phức đó bằng cách chấp nhận những phong cảnh có sẵn đã được tạo ra bởi người khác. Những người sống trên cõi phụ thứ sáu, trên bề mặt trái đất, thấy mình được bao quanh bởi các phiên bản tương đồng về mặt cảm dục của những ngọn núi, cây cối và hồ nước đang tồn tại về mặt hồng trần, và do đó không phải tự mình tạo ra cảnh quan; nhưng những người sống trên các cõi phụ cao hơn, trôi nổi ở một khoảng cách nào đó trên bề mặt trái đất, thường tự tạo ra cho mình bất kỳ cảnh quan nào mà họ mong muốn, bằng phương pháp tôi vừa mô tả.

The commonest example of this is that they construct for themselves the weird scenes described in their various scriptures, and therefore in those regions we constantly find ourselves in presence of clumsy and unimaginative attempts to reproduce such ideas as jewels growing upon trees, and seas of glass mingled with fire, and creatures which are full of eyes within, and deities with a hundred heads and arms to correspond. In this way, as a consequence of ignorance and prejudice during their physical life, many men do a great deal of valueless work when they might be employing their time in the helping of their fellows.

Ví dụ phổ biến nhất về điều này là họ tự tạo ra những cảnh tượng kỳ lạ được mô tả trong các kinh điển của họ, và do đó trong những khu vực đó chúng ta thường xuyên bắt gặp những nỗ lực vụng về và thiếu trí tưởng tượng để tái tạo những ý tưởng như trang sức mọc trên cây, biển thủy tinh pha lẫn với lửa, và những sinh vật đầy mắt bên trong, và các thần linh có trăm đầu và tay tương ứng. Theo cách này, do sự thiếu hiểu biết và định kiến trong cuộc sống hồng trần của họ, nhiều người đã làm một lượng công việc vô giá trị trong khi họ có thể sử dụng thời gian của mình để giúp đỡ đồng loại.

To the man who has studied Theosophy and

Đối với người đã học Thông Thiên Học và do

therefore understands these higher planes, one of their pleasantest characteristics is the utter restfulness and freedom which comes from the absence of all these imperious necessities which make a misery out of physical life. The dead man is the only absolutely free man, free to do whatever he wills and to spend his time as he chooses, free therefore to devote the whole of his energies to helping his fellows.

đó hiểu được những cõi cao hơn này, một trong những đặc điểm dễ chịu nhất của chúng là sự thư thái và tự do tuyệt đối phát sinh từ sự vắng mặt của tất cả những nhu cầu khẩn thiết vốn gây ra đau khổ trong cuộc sống hồng trần. Người chết là người duy nhất hoàn toàn tự do, tự do làm bất cứ điều gì y muốn và dành thời gian theo cách y chọn, do đó y tự do cống hiến toàn bộ năng lượng của mình để giúp đỡ đồng loại.

ANIMAL OBSESSION—
ÁM ẢNH THÚ VẬT

We are familiar with the idea that an ego on its way down into reincarnation may sometimes be drawn aside from its course and indefinitely delayed at astral levels by the attraction of the group-soul of some kind of animal with whose characteristics it is in too close affinity. We know that the same affinity sometimes seizes upon a soul upon the astral plane after death, and detains it in very intimate association with an animal form, and also that as the result of gross cruelty it is possible to be karmically linked to an animal, and to suffer most horribly with it. All this was described by Mrs. Besant as follows, in a letter to an Indian paper, which was reproduced in The Theosophic Gleaner, vol. xv. page 231:

Chúng ta quen thuộc với ý tưởng rằng một chân ngã trên đường đi xuống để đầu thai đôi khi có thể bị lôi kéo ra khỏi hành trình của mình và bị trì hoãn vô thời hạn ở các cõi cảm dục do sức hút của linh hồn nhóm của một loài động vật nào đó mà nó có mối quan hệ quá gần gũi với các đặc tính của loài đó. Chúng ta biết rằng sự gần gũi tương tự đôi khi cũng nắm bắt lấy một linh hồn trên cõi cảm dục sau khi chết, và giữ nó trong mối liên hệ mật thiết với một hình tướng động vật, và cũng biết rằng do hậu quả của sự tàn ác thô bạo, người ta có thể bị liên kết nghiệp quả với một loài động vật và phải chịu đau khổ khủng khiếp cùng với nó. Tất cả điều này đã được bà Besant mô tả như sau, trong một lá thư gửi cho một tờ báo Ấn Độ, được tái bản trong *The Theosophic Gleaner*, tập xv, trang 231:

“The human ego does not reincarnate in an animal, for reincarnation means the entering into a physical vehicle which thereafter belongs to and is controlled by the ego. The

"Chân ngã của con người không tái sinh vào một loài động vật, vì tái sinh có nghĩa là đi vào một phương tiện hồng trần mà sau đó thuộc về và được kiểm soát bởi chân ngã. Sự kết nối

penal connection of the human ego with an animal form is not reincarnation; for the animal soul, the proper owner of the vehicle, is not dispossessed, nor can the human ego control the body to which it is temporarily attached. Nor does the human ego become an animal, nor lose its human attributes, while undergoing its punishment. It does not have to evolve up again through the successive lower stages of humanity, but on being set free at once takes the grade of human form to which its previous evolution entitles it. (See the cases of Jada Bharata, and of the Rishi' s wife set free by the touch of Rama' s feet—cases which show that the popular idea that the man becomes a stone or an animal is erroneous.)

hình phạt của chân ngã với một hình dạng động vật không phải là tái sinh; vì linh hồn động vật, chủ nhân chính thức của phương tiện này, không bị trục xuất, và chân ngã con người không thể kiểm soát được cơ thể mà nó tạm thời gắn liền. Cũng không phải là chân ngã con người trở thành động vật, cũng không mất đi các thuộc tính của con người khi đang trải qua sự trừng phạt. Nó không cần phải tiến hóa trở lại qua các giai đoạn thấp hơn của nhân loại, mà khi được giải thoát, sẽ lập tức nhận lấy cấp độ hình thái con người mà tiến hóa trước đó của nó cho phép. (Xem các trường hợp của Jada Bharata, và của người vợ của Vị Thánh Rishi được giải thoát bởi cái chạm của bàn chân Rama—những trường hợp cho thấy quan niệm phổ biến rằng con người trở thành đá hoặc động vật là sai lầm.)

"The facts are these. When an ego, a human soul, by vicious appetite or otherwise, forms a very strong link of attachment to any type of animal, the astral body of such a person shows the corresponding animal characteristics, and in the astral world—where thoughts and passions are visible as forms—may take the animal shapes. Thus, after death, in Pretaloka the soul would be embodied in an astral vesture resembling, or approximating to, the animal whose qualities had been encouraged during earth-life. Either at this stage, or when the soul is returning towards reincarnation, and is again in the astral world, it may in extreme cases be linked by magnetic affinity to the astral body of the animal it has approached in character, and will then, through the animal' s astral body, be chained as a prisoner to the animal' s physical body. Thus chained, it cannot go onwards to Svarga if the tie be set up while it is a Preta; nor go onwards to human birth if it be descending

Thực tế là như sau. Khi một chân ngã, một linh hồn con người, bằng những dục vọng tội lỗi hoặc bằng cách khác, hình thành một mối liên hệ rất mạnh với bất kỳ loại động vật nào, thể cảm dục của người đó sẽ cho thấy những đặc điểm động vật tương ứng, và trên cõi cảm dục —nơi mà tư tưởng và đam mê được nhìn thấy dưới dạng hình tướng—có thể mang những hình dáng động vật. Do đó, sau khi chết, trên Pretaloka, linh hồn sẽ nhập vào một lớp vỏ cảm dục tương tự, hoặc gần giống với loài động vật có những phẩm chất đã được khuyến khích trong cuộc sống trần gian. Ở giai đoạn này, hoặc khi linh hồn đang quay trở lại tái sinh, và lại ở trong cõi cảm dục, nó có thể trong những trường hợp cực đoan bị liên kết bởi sự tương đồng từ tính với thể cảm dục của loài động vật mà nó đã đến gần về đặc điểm, và khi đó, thông qua thể cảm dục của loài động vật, sẽ bị xích lại như một tù nhân với thể xác của động vật đó. Bị xích như vậy, nó không thể tiếp tục đến Svarga nếu sự ràng buộc này được

towards physical life. It is truly undergoing penal servitude, chained to an animal; it is conscious in the astral world, has its human faculties, but it cannot control the brute body with which it is connected, nor express itself through that body on the physical plane. The animal organisation does not possess the mechanism needed by the human ego for self-expression; it can serve as a jailor, not as a vehicle. Further the animal soul is not ejected, but is the proper tenant and controller of its own body. Shri Shankaracharya hints very clearly at this difference between this penal imprisonment and becoming a stone, a tree or an animal. Such an imprisonment is not reincarnation, and to call it by that name is an inaccuracy; hence, while fully conversant with the above facts, I should always say that the human ego cannot reincarnate as an animal, cannot become an animal. This is not the only experience a degraded soul may have in the invisible world, of which hints may be found in the Hindu Shastras, for... the statements made are partial and very incomplete.

thiết lập trong khi nó là một Preta; cũng không thể tiếp tục sinh ra làm người nếu nó đang đi xuống để trở lại cuộc sống hồng trần. Đó thực sự là một sự phục vụ hình phạt, bị xích vào một loài động vật; nó có ý thức trong cõi cảm dục, có các khả năng của con người, nhưng nó không thể kiểm soát cơ thể thú vật mà nó kết nối, cũng không thể biểu lộ bản thân qua cơ thể đó trên cõi trần. Cấu trúc động vật không có cơ chế cần thiết để chân ngã con người biểu hiện bản thân; nó có thể phục vụ như một kẻ giam giữ, không phải là một phương tiện. Hơn nữa, linh hồn động vật không bị trục xuất, mà là người sở hữu hợp pháp và điều khiển cơ thể của chính nó. Shri Shankaracharya gợi ý rất rõ ràng về sự khác biệt giữa việc giam cầm này và việc trở thành một hòn đá, một cây hoặc một động vật. Sự giam cầm như vậy không phải là tái sinh, và gọi nó bằng cái tên đó là không chính xác; do đó, mặc dù hoàn toàn hiểu rõ các sự kiện trên, tôi sẽ luôn nói rằng chân ngã con người không thể tái sinh thành một loài động vật, không thể trở thành một loài động vật. Đây không phải là trải nghiệm duy nhất mà một linh hồn bị thoái hóa có thể gặp phải trong thế giới vô hình, mà những gợi ý có thể tìm thấy trong các Shastra của Ấn Độ, vì... những tuyên bố đưa ra là một phần và rất không đầy đủ.

"In cases where the ego is not degraded enough for absolute imprisonment, but in which the astral body is strongly animalised, it may pass on normally to human re-birth, but the animal characteristics will be largely reproduced in the physical body—as witness the 'monsters' who in fact are sometimes repulsively animal, pig-faced, dog-faced, etc. Men, by yielding to the most bestial vices, entail on themselves penalties more terrible than they for the most part realise, for nature'

"Trong các trường hợp mà chân ngã không bị thoái hóa đến mức bị giam cầm hoàn toàn, nhưng trong đó thể cảm dục bị thú hóa mạnh mẽ, nó có thể tiếp tục tái sinh làm người bình thường, nhưng các đặc điểm động vật sẽ được tái hiện phần lớn trong thể xác—như chúng ta thấy ở những 'quái vật' đôi khi trông giống động vật một cách kinh hoàng, có mặt lợn, mặt chó, v.v. Con người, bằng cách buông thả những thói xấu thú tính nhất, đã tự gánh lấy những hình phạt khủng khiếp hơn phần lớn

s laws work on unbrokenly and bring to every man the harvest of the seeds he sows. The suffering entailed on the conscious human entity thus cut off for the time from progress and from self-expression is very great, and is of course reformatory in its action; it is somewhat similar to that endured by other egos, who are linked to bodies human in form, but without healthy brains—those we call idiots, lunatics, etc. Idiocy and lunacy are the results of vices other in kind from those that bring about the animal servitude above explained, but the ego in these cases also is attached to a form through which he cannot express himself."

họ nhận ra, vì các định luật của thiên nhiên hoạt động liên tục và mang đến cho mỗi người mùa gặt từ hạt giống mà y đã gieo. Nỗi đau mà thực thể con người có ý thức phải chịu khi bị cắt đứt khỏi tiến trình và sự tự biểu hiện của mình là rất lớn, và tất nhiên là có tính chất cải tạo; nó có phần tương tự như nỗi đau mà các chân ngã khác phải chịu, những người bị gắn kết với các cơ thể mang hình dạng con người nhưng không có bộ não khỏe mạnh—những người mà chúng ta gọi là đần độn, điên loạn, v.v. Sự đần độn và điên loạn là kết quả của những thói xấu khác về bản chất so với những thói xấu gây ra sự giam cầm động vật đã giải thích ở trên, nhưng chân ngã trong những trường hợp này cũng bị gắn kết với một hình thể mà qua đó y không thể biểu hiện bản thân."

These instances are the explanation (or at least a part of the explanation) of the widely-spread belief that a man may under certain circumstances reincarnate in an animal body. In Oriental books, what we should call three stages of one life are quite commonly spoken of as separate lives. It is said that when a man dies to the physical plane he is reborn at once on the astral plane—meaning simply that his specially and wholly astral life begins then; and in the same way what we should describe as the passing into the heaven-life is called a death on the astral plane and a rebirth at the higher level. This being so, it is easy to understand that one of the abnormal cases above mentioned might be described as 'rebirth as an animal,' although it is not at all what we should mean by such a term if we employed it in Theosophical literature.

Những ví dụ này là lời giải thích (hoặc ít nhất là một phần giải thích) cho niềm tin phổ biến rằng một người có thể, trong một số hoàn cảnh nhất định, tái sinh vào cơ thể động vật. Trong các sách phương Đông, điều mà chúng ta gọi là ba giai đoạn của một đời sống thường được nói đến như các đời sống riêng biệt. Người ta nói rằng khi một người chết ở cõi trần, y được tái sinh ngay lập tức trên cõi cảm dục—có nghĩa đơn giản là đời sống đặc biệt và hoàn toàn thuộc cõi cảm dục của y bắt đầu từ đó; và theo cách tương tự, điều mà chúng ta miêu tả là việc bước vào đời sống thiên đường được gọi là một cái chết trên cõi cảm dục và là sự tái sinh ở mức độ cao hơn. Điều này giúp dễ hiểu tại sao một trong những trường hợp bất thường đã nêu ở trên có thể được miêu tả là "tái sinh thành động vật," mặc dù đó không phải là điều mà chúng ta sẽ hiểu theo nghĩa của thuật ngữ này khi sử dụng trong văn học Thông Thiên Học.

In recent investigations our attention has been drawn to a type of case differing

Trong các cuộc điều tra gần đây, sự chú ý của chúng tôi đã được hướng tới một loại trường

somewhat from either of the above in that the link with the animal is intentionally made by the human being, in order to escape from something which he feels to be far worse. No doubt this type also was known to the ancients, and forms one of the classes referred to in the tradition of animal incarnations. Let me endeavour to explain it.

hợp hơi khác so với những trường hợp đã đề cập ở trên ở chỗ mối liên hệ với loài động vật được con người cố tình tạo ra nhằm tránh khỏi một điều gì đó mà y cảm thấy còn tồi tệ hơn nhiều. Không còn nghi ngờ gì nữa, loại trường hợp này cũng đã được người xưa biết đến và là một trong những trường hợp được đề cập trong truyền thống về các kiếp sống động vật. Hãy để tôi cố gắng giải thích điều đó.

When a man dies, the etheric part of his physical body is withdrawn from the denser part, and shortly afterwards (usually within a few hours) the astral breaks away from the etheric, and the man' s life on the astral plane is begun. Normally the man is unconscious until he has freed himself from the etheric, and so when he awakens to a new life it is that of the astral plane. But there are some people who cling so desperately to material existence that their astral vehicles cannot altogether separate from the etheric, and they awaken still surrounded by etheric matter.

Khi một người chết, phần thể dĩ thái của thể xác của y được rút ra khỏi phần đậm đặc hơn, và ngay sau đó (thường là trong vòng vài giờ) thể cảm dục tách rời khỏi thể dĩ thái, và đời sống của người đó trên cõi cảm dục bắt đầu. Thông thường, người đó sẽ bất tỉnh cho đến khi y đã giải phóng hoàn toàn khỏi thể dĩ thái, và khi tỉnh lại, y sẽ bắt đầu đời sống của mình trên cõi cảm dục. Tuy nhiên, có một số người bám víu quá chặt chẽ vào sự tồn tại vật chất đến mức các phương tiện cảm dục của họ không thể hoàn toàn tách rời khỏi thể dĩ thái, và họ tỉnh dậy vẫn còn bao quanh bởi chất liệu dĩ thái.

The etheric body is only a part of the physical, and is not in itself a vehicle of consciousness —not a body in which a man can live and function. So these poor people are in a very unpleasant condition, suspended as it were between two planes. They are shut out from the astral world by the shell of etheric matter which surrounds them, and at the same time they have lost the physical sense-organs by which alone they can come fully into touch with the world of ordinary earth-life.

Thể dĩ thái chỉ là một phần của thể xác và không phải là một phương tiện ý thức—không phải là một cơ thể mà một người có thể sống và hoạt động trong đó. Vì vậy, những người tội nghiệp này rơi vào một tình trạng rất khó chịu, bị treo lơ lửng giữa hai cõi. Họ bị tách biệt khỏi thế giới cảm dục bởi lớp vỏ dĩ thái bao quanh họ, và cùng lúc đó, họ đã mất đi các giác quan hồng trần mà chỉ có chúng mới có thể giúp họ tiếp xúc hoàn toàn với thế giới của đời sống trần gian bình thường.

The result is that they drift about, lonely, dumb and terrified, in a thick and gloomy fog, unable to hold intercourse with the denizens of either plane, glimpsing

Kết quả là họ lang thang một cách cô độc, câm lặng và sợ hãi, trong một lớp sương mù dày đặc và ảm đạm, không thể giao tiếp với cư dân của bất kỳ cõi nào, thỉnh thoảng lướt qua những

sometimes other drifting souls in their own unfortunate positions, yet powerless to communicate even with them, incapable of joining them or of arresting their aimless wandering as they are swept on and engulfed in the rayless night. Now and again the etheric veil may part sufficiently to permit one glance into lower astral scenes, but that is rarely encouraging, and indeed is often mistaken for a glimpse into hell; sometimes for a moment some familiar earthly object may be half-seen —usually from passing contact with a strong thought-image; but such rare and tantalising liftings of the fog only make its darkness the more soul-shaking and hopeless when it shuts down again.

linh hồn lang thang khác trong cùng hoàn cảnh bất hạnh, nhưng vẫn không thể giao tiếp ngay cả với họ, không thể gia nhập với họ hoặc ngăn chặn việc trôi dạt vô định của họ khi họ bị cuốn đi và chìm vào đêm tối không ánh sáng. Thỉnh thoảng, lớp vỏ dĩ thái có thể tách ra đủ để cho phép một cái nhìn lướt qua vào các cảnh giới thấp hơn của cõi cảm dục, nhưng điều đó hiếm khi khích lệ, và thực sự thường bị hiểu nhầm là một cái nhìn vào địa ngục; đôi khi trong chốc lát, một số hình ảnh quen thuộc trên cõi trần có thể được nhìn thấy một phần —thường là do tiếp xúc thoáng qua với một hình tư tưởng mạnh mẽ; nhưng những lần hiếm hoi và đầy khiêu khích như vậy chỉ làm cho bóng tối càng thêm tăm tối hơn khi nó lại phủ xuống.

All the while the poor soul cannot realise that if he would but let go his frenzied grasp on matter he would slip at once (through a few moments of unconsciousness) into the ordinary life of the astral plane. But it is just that feeling that he cannot bear—the feeling of losing even the miserable half-consciousness that he has; he clings even to the horrors of this grey world of all-embracing fog rather than let himself sink into what seems to him a sea of nothingness and complete extinction. Occasionally, as the result of wicked and blasphemous teaching on earth, he fears to let himself go lest he should fall into hell. In either case, his suffering, his hopelessness and utter dreariness are usually extreme.

Trong suốt thời gian đó, linh hồn tội nghiệp này không nhận ra rằng nếu y chỉ buông bỏ sự bám víu điên cuồng vào vật chất, y sẽ lập tức trượt xuống (sau một vài khoảnh khắc mất ý thức) vào đời sống thông thường của cõi cảm dục. Nhưng chính cảm giác đó là điều mà y không thể chịu đựng—cảm giác mất đi thậm chí sự tỉnh thức mờ nhạt mà y đang có; y bám víu ngay cả vào những kinh hoàng của thế giới xám xịt này đầy sương mù bao trùm thay vì để bản thân chìm vào điều mà y cho rằng là biển hư vô và sự tuyệt diệt hoàn toàn. Đôi khi, do kết quả của sự giáo huấn ác độc và báng bổ khi còn sống, y sợ buông bỏ bản thân vì sợ rằng mình sẽ rơi vào địa ngục. Trong cả hai trường hợp, nỗi đau đớn, sự tuyệt vọng và u tối của y thường là cực kỳ lớn.

Out of this unpleasant but self-imposed predicament there are several ways. There are members of our band of invisible helpers who devote themselves specially to seeking out souls who are in this painful condition, and

Có nhiều cách để thoát khỏi tình trạng khó chịu nhưng tự áp đặt này. Có những thành viên trong nhóm trợ giúp vô hình của chúng tôi dành hết tâm huyết để tìm kiếm những linh hồn đang trong tình trạng đau khổ này và

trying to persuade them to let themselves sink out of it; and there are also many kindly people among the dead who take this up as a sort of branch of astral slum work. Sometimes such efforts are successful, but on the whole few of the victims have faith and courage enough to let go their hold on what to them is life, poor apology though it be. In process of time the etheric shell wears out, and the ordinary course of nature reasserts itself in spite of their struggles; and sometimes in sheer despair they anticipate this result, deciding that annihilation is preferable to such a life, and so recklessly letting themselves go—the result being an overwhelming but pleasant surprise to them.

cố gắng thuyết phục họ buông bỏ và để bản thân rơi xuống; và cũng có rất nhiều người tử tế trong số những người đã khuất đã chọn công việc này như một dạng công việc từ thiện trên cõi cảm dục. Đôi khi những nỗ lực như vậy thành công, nhưng nhìn chung rất ít nạn nhân có đủ niềm tin và can đảm để buông bỏ sự bám víu của họ vào cái mà đối với họ là sự sống, dù đó chỉ là một lời biện minh tệ hại. Theo thời gian, lớp vỏ dĩ thái sẽ hao mòn, và quy luật tự nhiên thông thường sẽ tái thiết lập bất chấp những cuộc đấu tranh của họ; và đôi khi trong sự tuyệt vọng cùng cực, họ sẽ tự nguyện buông bỏ, quyết định rằng sự hủy diệt còn tốt hơn sự sống như vậy, và họ buông bỏ một cách bất chấp—kết quả là một sự ngạc nhiên lớn nhưng dễ chịu đối với họ.

In their earlier struggles, however, there are some who are so unfortunate as to discover unnatural methods of reviving to some extent their touch with the physical plane instead of sinking into the astral. They can do this readily through a medium, but usually the medium' s 'spirit-guide' sternly forbids them access. He is quite right to do so, for in their terror and their great need they are often utterly unscrupulous, and they would obsess and even madden the medium, fighting as a drowning man fights for life; and all absolutely uselessly, since the eventual result could only be to prolong their sufferings by strengthening that material part of which most of all they should get rid.

Tuy nhiên, trong những cuộc đấu tranh ban đầu của mình, có một số người không may phát hiện ra các phương pháp phi tự nhiên để khôi phục phần nào sự tiếp xúc của họ với cõi trần thay vì trượt vào cõi cảm dục. Họ có thể làm điều này dễ dàng thông qua một phương tiện (medium), nhưng thường thì 'hướng dẫn tinh thần' của phương tiện đó nghiêm khắc cấm họ tiếp cận. Người hướng dẫn tinh thần hoàn toàn đúng khi làm như vậy, vì trong nỗi sợ hãi và nhu cầu lớn lao của mình, họ thường hoàn toàn không còn đạo đức, và sẽ ám ảnh và thậm chí khiến phương tiện phát điên, giống như người chết đuối cố gắng giành lấy sự sống; và điều này hoàn toàn vô ích, bởi vì kết quả cuối cùng chỉ có thể là kéo dài thêm sự đau khổ của họ bằng cách củng cố phần vật chất mà lẽ ra họ phải từ bỏ.

Occasionally they contrive to seize upon some one who is unconsciously a medium—some sensitive young girl, usually; but they can be successful in such an attempt only when the

Thỉnh thoảng, họ cố gắng chiếm lấy ai đó mà vô tình là một phương tiện—thường là một cô gái trẻ nhạy cảm; nhưng họ chỉ có thể thành công trong nỗ lực này khi chân ngã của cô gái

ego of the young girl has weakened his hold on his vehicles by allowing the indulgence of undesirable thoughts or passions. When the ego' s relations with his vehicles are normal and healthy he cannot be dispossessed by the frantic efforts of such poor souls as we have been describing.

đã suy yếu sự kiểm soát đối với các phương tiện của mình do để cho các tư tưởng hoặc dục vọng không mong muốn trỗi dậy. Khi mối quan hệ giữa chân ngã và các phương tiện của nó là bình thường và lành mạnh, nó không thể bị xâm chiếm bởi những nỗ lực điên cuồng của các linh hồn bất hạnh mà chúng ta đã mô tả.

An animal, however, has no ego behind him, though he has a fragment of a group-soul which may be said to stand for him in the place of an ego. The hold of this fragment upon his vehicles is by no means what that of an ego would be, and so it comes to pass that what for the moment we may call the 'soul' of the animal can be dispossessed much more easily than that of a man. Sometimes, as I have said, the human soul wandering in the grey world is unfortunate enough to discover this, and so in his madness he obsesses the body of an animal, or if he cannot quite drive out the animal soul he contrives to gain partial control, so as to share the tenement to some extent with the rightful owner. In such a case he is once more in touch with the physical plane through the animal; he sees through the animal' s eyes (often a very remarkable experience) and he feels any pain inflicted upon the animal; in fact, so far as his own consciousness is concerned, he is the animal for the time being.

Tuy nhiên, một loài động vật không có chân ngã phía sau nó, mặc dù nó có một mảnh linh hồn nhóm có thể được cho là đại diện cho nó ở vị trí của một chân ngã. Sự kiểm soát của mảnh linh hồn này đối với các phương tiện của nó không mạnh mẽ như của một chân ngã, và vì vậy xảy ra việc mà tạm thời chúng ta có thể gọi là "linh hồn" của động vật có thể bị chiếm đoạt dễ dàng hơn so với của một con người. Đôi khi, như tôi đã nói, linh hồn con người đang lang thang trong thế giới xám xịt này không may phát hiện ra điều này, và do đó trong cơn điên loạn của mình, y ám ảnh cơ thể của một loài động vật, hoặc nếu không thể hoàn toàn đuổi đi linh hồn động vật, y cố gắng giành quyền kiểm soát một phần, để cùng chia sẻ cơ thể với chủ nhân thực sự. Trong trường hợp như vậy, y một lần nữa có thể tiếp xúc với cõi trần qua loài động vật; y nhìn qua đôi mắt của động vật (thường là một trải nghiệm rất đáng chú ý) và cảm nhận mọi đau đớn mà loài động vật phải chịu; trên thực tế, trong phạm vi ý thức của y, y trở thành loài động vật trong một khoảng thời gian nhất định.

An old and respected member of one of our English Branches related that he had received a visit from a man who came to ask for advice under peculiar circumstances. The visitor was a man who gave the impression of having seen better days, but he had fallen into such abject poverty that he was compelled to take any work that offered, and thus it happened that

Một thành viên lâu năm và được tôn trọng của một chi nhánh Thông Thiên Học tại Anh đã kể rằng Ông đã nhận được một cuộc viếng thăm từ một người đàn ông đến để xin lời khuyên trong những hoàn cảnh đặc biệt. Người viếng thăm này là một người đàn ông từng có cuộc sống khá hơn, nhưng đã rơi vào cảnh nghèo túng đến mức y buộc phải chấp nhận bất kỳ

he had become a slaughter-man at a huge abattoir. He declared that he was absolutely unable to execute his loathsome task, because when he prepared to slaughter the creatures he was constantly checked by cries of heart-rending anguish, and by voices which said: “Have mercy upon us! Do not strike, for we are human beings entangled with these animals, and we suffer their pain.” So, since he had heard that the Theosophical Society occupied itself with unusual and uncanny matters, he came to it to ask for advice. No doubt this man was somewhat clairaudient, or perhaps simply sensitive enough to catch the thoughts of these poor creatures who had associated themselves with the animals, and these thoughts naturally symbolised themselves to him as audible cries for mercy. No wonder he was unable to continue his occupation.

công việc nào có sẵn, và như vậy y đã trở thành một người giết mổ tại một lò mổ lớn. Y tuyên bố rằng mình hoàn toàn không thể thực hiện công việc ghê tởm này, bởi vì khi y chuẩn bị giết các sinh vật, y liên tục bị ngăn lại bởi những tiếng kêu gào đau đớn đến mức đau lòng và bởi những giọng nói nói rằng: "Xin hãy thương xót chúng tôi! Đừng giết, vì chúng tôi là con người đang bị mắc kẹt với những con vật này, và chúng tôi chịu đựng nỗi đau của chúng." Vì vậy, vì y đã nghe rằng Hội Thông Thiên Học có quan tâm đến các vấn đề bất thường và kỳ bí, y đã đến để xin lời khuyên. Không còn nghi ngờ gì nữa, người đàn ông này có khả năng thông nhãn một phần, hoặc có lẽ đơn giản là đủ nhạy cảm để nắm bắt những tư tưởng của các linh hồn khốn khổ đã liên kết với loài động vật, và những tư tưởng này tự nhiên được biểu hiện đối với y như những lời kêu gào xin tha thứ mà y có thể nghe thấy. Không có gì ngạc nhiên khi y không thể tiếp tục công việc của mình.

This may well give pause to the devourer of flesh, to the man who calls the murder of animals ‘sport,’ and most of all to the vivisector; the man who kills or tortures an animal may be inflicting unspeakable suffering upon a human being.

Điều này có thể làm cho những kẻ ăn thịt, những người gọi việc giết hại động vật là "thể thao", và đặc biệt là những kẻ hành hạ động vật phải dừng lại suy nghĩ; người giết hại hoặc tra tấn một con vật có thể đang gây ra nỗi đau khủng khiếp không thể tả cho một con người.

I have little doubt that the possibility for a material-minded man of this uncanny blunder is at least part of the rationale of the belief of various tribes that certain creatures must never be killed “lest one should unawares be dispossessing the spirit of an ancestor.” For the man who thus entangles himself with an animal cannot abandon that animal’ s body at will; even if he learnt enough to make him desire to withdraw, he could do so only gradually and by considerable effort,

Tôi ít nghi ngờ rằng khả năng xảy ra lỗi lầm đáng sợ này đối với một người có tâm trí vật chất ít nhất là một phần lý do giải thích cho niềm tin của nhiều bộ lạc rằng một số loài động vật không bao giờ được giết hại "vì sợ rằng có thể vô tình đánh đuổi linh hồn của một tổ tiên". Đối với người đàn ông bị cuốn vào loài động vật, y không thể từ bỏ cơ thể của con vật đó theo ý muốn; ngay cả khi y đã học đủ để mong muốn rút lui, y cũng chỉ có thể làm điều đó một cách dần dần và bằng nỗ lực đáng kể,

extending probably over many days. It is usually only at the death of the animal that he is set free, and even then there remains an astral entanglement to shake off. After the death of the animal such a soul sometimes struggles to obsess another member of the same herd, or indeed any other creature whom he can seize in his desperation.

có thể kéo dài trong nhiều ngày. Thông thường, chỉ khi con vật chết, y mới được giải thoát, và ngay cả khi đó vẫn còn lại một sự ràng buộc về mặt cảm dục cần phải loại bỏ. Sau khi con vật chết, linh hồn như vậy đôi khi cố gắng ám ảnh một con vật khác trong cùng đàn, hoặc thậm chí bất kỳ sinh vật nào mà y có thể chiếm lấy trong cơn tuyệt vọng của mình.

I have noticed that animals obsessed or semi-obsessed by human beings are often shunned or feared by the rest of the herd, and indeed they are themselves often half-maddened by anger and terror at the strangeness of the thing and at their own helplessness. The animals most commonly seized upon seem to be the less developed ones—cattle, sheep and swine. More intelligent creatures, such as dogs, cats and horses, would presumably not be so easily dispossessed—though my attention was once drawn to a peculiarly horrible instance in which a Catholic priest had in this way attached himself to a cat. Then there is the well-known case of the monkey of Pandharpur, who betrayed so curious a knowledge of Brahmana ceremonies. But in most cases the obsessing soul has to be satisfied with what he can get, for the effort to overpower even the more stupid beasts usually taxes his powers to the utmost.

Tôi đã nhận thấy rằng những loài động vật bị ám hoặc bán ám bởi con người thường bị cả đàn né tránh hoặc sợ hãi, và thực tế chúng thường trở nên nửa điên loạn bởi sự tức giận và sợ hãi trước sự kỳ lạ của tình trạng này và sự bất lực của chúng. Những loài động vật thường bị chiếm đoạt nhất dường như là những loài kém phát triển hơn—gia súc, cừu và lợn. Những loài thông minh hơn như chó, mèo và ngựa có lẽ sẽ không dễ bị chiếm đoạt đến vậy—mặc dù sự chú ý của tôi đã từng được dẫn đến một trường hợp đặc biệt kinh hoàng trong đó một linh mục Công giáo đã tự ám vào một con mèo. Sau đó, có trường hợp nổi tiếng của con khỉ ở Pandharpur, loài đã thể hiện sự hiểu biết kỳ lạ về các nghi lễ Brahmana. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, linh hồn ám ảnh phải hài lòng với những gì có sẵn, vì nỗ lực để chế ngự thậm chí những con thú ngu ngốc hơn cũng thường đòi hỏi sức lực của y đến mức tối đa.

This obsession of an animal seems to be the modern substitute for the awful life of the vampire. In the time of the fourth root-race, men who had a mad clinging to material life sometimes contrived to maintain a low and unspeakably horrible form of it in their own physical bodies by absorbing living blood from others. In the fifth race that happily seems no longer to be possible, but people of the same type occasionally fall into this snare

Sự ám một con vật dường như là sự thay thế hiện đại cho cuộc sống khủng khiếp của ma cà rồng. Trong thời kỳ của giống dân chính thứ tư, những người có sự bám víu điên cuồng vào cuộc sống vật chất đôi khi đã cố gắng duy trì một hình thức sống thấp kém và ghê tởm không thể tưởng tượng được trong chính thể xác của họ bằng cách hấp thụ máu sống từ những người khác. Trong giống dân thứ năm, điều này may mắn không còn khả thi nữa,

of animal obsession—bad enough, indubitably, but still not so utterly gruesome and disgusting as vampirism. So even in its very worst and lowest aspects the world is improving!

nhưng những người thuộc loại này đôi khi rơi vào bẫy ám vật động vật—dù sao cũng là điều tồi tệ, không còn nghi ngờ gì, nhưng vẫn chưa hoàn toàn ghê rợn và đáng sợ như ma cà rồng. Vì vậy, ngay cả trong những khía cạnh tồi tệ và thấp hèn nhất của nó, thế giới vẫn đang cải thiện!

I have known of isolated cases of two other types of animal connection; one in which a wicked dead person was in the habit of temporarily seizing the body of a certain animal for specific evil purposes, and another in which an Oriental magician had, as an act of revenge for an insult to his religious faith, mesmerically linked his unhappy victim to an animal form after death. This could be done only if there existed in the victim some weakness through which such a magician could seize upon him, and if he had intentionally done something which gave him a karmic hold upon him. Normally neither of these cases would be at all possible.

Tôi đã biết về một số trường hợp cá biệt thuộc hai loại kết nối động vật khác; một trong số đó là trường hợp một người chết xấu xa thường xuyên chiếm đoạt tạm thời cơ thể của một loài động vật cụ thể để thực hiện các mục đích xấu xa, và một trường hợp khác trong đó một pháp sư phương Đông, như một hành động trả thù cho sự xúc phạm đối với tín ngưỡng tôn giáo của mình, đã kết nối từ trường nạn nhân xấu số của mình với một hình dạng động vật sau khi chết. Điều này chỉ có thể được thực hiện nếu có một điểm yếu nào đó trong nạn nhân, qua đó pháp sư này có thể xâm chiếm, và nếu nạn nhân đã cố ý làm điều gì đó mang lại mối liên kết nghiệp quả với y. Bình thường thì không có trường hợp nào trong số này là có thể.

All obsessions, whether of a human or an animal body, are an evil and a hindrance to the obsessing soul, for they temporarily strengthen his hold upon the material, and so delay his natural progress into the astral life, besides of course making all sorts of undesirable karmic links. This grey life, like almost all other unpleasant possibilities connected with the life after death, can come only as the result of ignorance of the real conditions of that life. The more we learn of life and death, the more emphatic appears the duty of making every effort to spread the knowledge of Theosophy, for it becomes ever clearer and clearer that in that knowledge is

Tất cả các trường hợp ám ảnh, dù là cơ thể con người hay động vật, đều là một điều xấu và là một trở ngại đối với linh hồn ám ảnh, vì chúng tạm thời củng cố sự ràng buộc của nó với vật chất, và do đó làm chậm sự tiến triển tự nhiên của nó vào đời sống cảm dục, ngoài ra còn tạo ra đủ loại liên kết nghiệp quả không mong muốn. Cuộc sống xám xịt này, giống như hầu hết các khả năng khó chịu khác liên quan đến cuộc sống sau khi chết, chỉ có thể đến do sự thiếu hiểu biết về các điều kiện thực sự của cuộc sống đó. Càng tìm hiểu về cuộc sống và cái chết, chúng ta càng thấy rõ ràng hơn trách nhiệm phải nỗ lực phổ biến kiến thức Thông Thiên Học, vì ngày càng trở nên rõ ràng rằng

life and happiness and progress for all.

trong kiến thức đó, có sự sống, hạnh phúc và sự tiến bộ cho tất cả mọi người.

INDIVIDUALISED ANIMALS—
NHỮNG CON THÚ ĐƯỢC BIỆT NGÃ HÓA

When an individualised animal dies he has a happy astral life of considerable length, during which he usually remains in the immediate neighbourhood of his earthly home and in the closest touch with his especial friend and protector—able to see and enjoy the society of his friend as fully as ever, though himself invisible to the latter, his memory of the past being of course just as perfect as it was on earth. This will be followed by a still happier period of what has sometimes been called dozing consciousness, which will last until in some future world the human form is assumed. During all this time he is in a state analogous to that of a human being in the heaven-world, though at a somewhat lower level. He creates his own surroundings, even though he may be but drowsily conscious of them, and they will undoubtedly include the presence of his earth-friend in his very best and most sympathetic mood. For every entity which comes into connection with it, whether only just entering upon human evolution or preparing to pass beyond it, the heaven-world means the highest bliss of which that entity is, at his level, capable.

Khi một con thú đã được biệt ngã hóa qua đời, nó sẽ trải qua một cuộc sống hạnh phúc ở cõi cảm dục trong một khoảng thời gian khá dài, trong đó nó thường ở gần ngôi nhà trần gian của mình và duy trì mối liên hệ mật thiết nhất với người bạn và người bảo vệ đặc biệt của mình—có thể nhìn thấy và tận hưởng sự đồng hành của người bạn như trước, mặc dù bản thân y vô hình trước người đó, và trí nhớ của y về quá khứ đương nhiên hoàn hảo như khi còn ở trần gian. Sau đó, nó sẽ bước vào một giai đoạn hạnh phúc hơn nữa, đôi khi được gọi là trạng thái tâm thức mơ màng, kéo dài cho đến khi trong một thế giới tương lai, nó khoác lấy hình dạng con người. Trong suốt khoảng thời gian này, nó ở trong một trạng thái tương tự như một con người ở cõi trời, dù ở một mức độ thấp hơn. Nó tạo ra môi trường xung quanh cho riêng mình, ngay cả khi nó chỉ mơ màng nhận thức về chúng, và chúng sẽ bao gồm sự hiện diện của người bạn trần gian trong tâm trạng tốt nhất và thấu cảm nhất của họ. Đối với mọi thực thể có liên hệ với cõi này, dù chỉ vừa bước vào quá trình tiến hóa nhân loại hay chuẩn bị vượt qua nó, cõi trời đại diện cho niềm hạnh phúc tối cao mà thực thể đó, ở cấp độ của mình, có thể đạt được.

LOCALISATION OF STATES—NƠI CHỐN CỦA CÁC TRẠNG THÁI

The idea of location applies to the sub-planes of the astral, but only to a limited extent. Matter of all the stages undoubtedly surrounds us here on the surface of the earth, and the living man, employing his astral body during the sleep of the physical, comes into touch with them all simultaneously, and is able to receive impressions from them all. That is, if I, using my astral body during sleep, look at another living man' s astral body, I see the whole of it, including of course matter of every sub-plane. But in the case of the average dead man, there has been a rearrangement of the matter of his astral body, consequent upon the proceedings of what is commonly called the desire-elemental, and broadly speaking only one type of astral matter is available to receive impressions.

Ý niệm về vị trí áp dụng cho các cõi phụ của cõi cảm dục, nhưng chỉ ở mức độ hạn chế. Vật chất ở tất cả các giai đoạn chắc chắn bao quanh chúng ta trên bề mặt trái đất, và con người sống, sử dụng thể cảm dục của mình trong khi thể xác đang ngủ, có thể tiếp xúc với tất cả các loại vật chất đó cùng một lúc và nhận được ấn tượng từ tất cả chúng. Tức là, nếu tôi, khi sử dụng thể cảm dục trong giấc ngủ, nhìn vào thể cảm dục của một người sống khác, tôi sẽ thấy toàn bộ nó, bao gồm tất nhiên cả vật chất của mọi cõi phụ. Nhưng trong trường hợp của một người đã chết bình thường, đã có sự tái sắp xếp vật chất của thể cảm dục của y, do các hành động của cái mà thường được gọi là tinh linh dục vọng, và nói chung, chỉ có một loại vật chất cảm dục có sẵn để tiếp nhận các ấn tượng.

What we usually call 'sight' on the astral plane is not really sight at all, for that word implies the use of an organ specialised to receive certain vibrations. Astral cognition is arranged on an entirely different scheme. It has often been said that a man can 'see' with any part of his astral body—that is, every particle of that body is capable of receiving impressions from without and transmitting them to the consciousness within. But every particle is not capable of receiving every possible impression.

Điều chúng ta thường gọi là 'thị giác' trên cõi cảm dục thực sự không phải là thị giác, vì từ đó ngụ ý việc sử dụng một cơ quan chuyên dụng để tiếp nhận các dao động nhất định. Nhận thức cảm dục được tổ chức theo một mô hình hoàn toàn khác. Người ta thường nói rằng một người có thể 'nhìn' bằng bất kỳ phần nào của thể cảm dục của mình—nghĩa là, mỗi hạt trong cơ thể đó đều có khả năng tiếp nhận các ấn tượng từ bên ngoài và truyền chúng vào tâm thức bên trong. Nhưng không phải mọi hạt đều có khả năng tiếp nhận mọi ấn tượng có thể.

For example, I became cognizant of the lowest kind of astral matter only by means of matter of the same subdivision existing in my own astral body; and I receive its vibrations

Chẳng hạn, tôi chỉ có thể nhận thức được loại vật chất cảm dục thấp nhất thông qua vật chất cùng loại tồn tại trong thể cảm dục của chính tôi; và tôi nhận được dao động của nó thông

through the particles of that lowest type of matter which happen to be at the moment on the surface of my astral body. Since during life all the particles of the astral body are constantly in motion among themselves, much as are the particles of a boiling liquid, it inevitably happens that all the subdivisions of matter are represented upon the surface of the astral body, and that is why I am able to see all the stages simultaneously. The ordinary man after death has for practical purposes only one type of matter outside, because of the concentric shell arrangement; therefore his view of the astral world around him is a very imperfect one.

qua các hạt của loại vật chất thấp nhất đó mà tình cờ đang ở trên bề mặt của thể cảm dục của tôi tại thời điểm đó. Vì trong suốt cuộc đời, tất cả các hạt của thể cảm dục luôn di chuyển liên tục với nhau, giống như các hạt của một chất lỏng đang sôi, nên tất cả các phân chia của vật chất đều được đại diện trên bề mặt của thể cảm dục, và đó là lý do tại sao tôi có thể nhìn thấy tất cả các giai đoạn cùng một lúc. Người bình thường sau khi chết, trên thực tế, chỉ có một loại vật chất ở bên ngoài, do sự sắp xếp vỏ đồng tâm; do đó tầm nhìn của y về thế giới cảm dục xung quanh là rất không hoàn chỉnh.

If he, immured in a shell of matter of the lowest stage, looks at a living man' s astral body, he can see only that part of it which consists of that lowest type of matter; but as he has no means of realising the limitation of his faculties, he inevitably assumes that he sees the whole of the other man' s astral body, and therefore that the other man is a person possessing no characteristics but those eminently unsatisfactory ones which alone express themselves through matter of that particular subdivision.

Nếu y, bị giam cầm trong vỏ bọc của loại vật chất thấp nhất, nhìn vào thể cảm dục của một người sống, y chỉ có thể nhìn thấy phần của nó bao gồm loại vật chất thấp nhất đó; nhưng vì y không có cách nào nhận thức được giới hạn của khả năng của mình, nên y không thể không cho rằng mình nhìn thấy toàn bộ thể cảm dục của người khác, và do đó nghĩ rằng người đó là một người không có đặc điểm nào ngoài những đặc điểm không mong muốn, chỉ thể hiện qua vật chất của cõi phụ cụ thể đó.

He is living in the midst of all sorts of high influences and beautiful thought-forms, but is almost entirely unconscious of their existence, because those particles of his astral body which could respond to their vibrations are carefully shut in where they cannot be reached. That lowest type of astral matter corresponds to the solid subdivision of physical matter, and the astral counterpart of any solid physical object is composed of that lowest subdivision of astral matter—the seventh class of astral matter, if we number

Y sống giữa vô số ảnh hưởng cao đẹp và các hình tư tưởng tuyệt đẹp, nhưng hầu như hoàn toàn không nhận thức được sự tồn tại của chúng, vì những hạt của thể cảm dục của y có thể phản ứng với các dao động đó đã bị nhốt cẩn thận, không thể tiếp cận được. Loại vật chất cảm dục thấp nhất tương ứng với phân chia vật chất rắn của hồng trần, và hình tư tưởng cảm dục của bất kỳ vật thể hồng trần rắn nào được tạo thành từ loại vật chất cảm dục thấp nhất đó—loại thứ bảy của vật chất cảm dục, nếu chúng ta đánh số các cõi phụ từ

the sub-planes from above downwards. The astral counterparts of the floor, walls and furniture of a room are all of the lowest type of astral matter, and consequently the man newly dead usually sees these counterparts vividly, and is almost entirely unconscious of the vast sea of thought-forms which encompasses him, because nearly all those forms are built out of combinations of the finer types of astral matter.

trên xuống dưới. Các hình tư tưởng cảm dục của sàn nhà, tường và nội thất trong một căn phòng đều thuộc loại vật chất cảm dục thấp nhất, và do đó, người mới chết thường nhìn thấy những hình tư tưởng này một cách rõ ràng, và gần như hoàn toàn không nhận thức được biển hình tư tưởng xung quanh mình, vì hầu hết những hình tư tưởng đó được xây dựng từ các kết hợp của các loại vật chất cảm dục tinh tế hơn.

In process of time, as the consciousness steadily withdraws inward; the shell of this coarsest type of matter atrophies and begins to disintegrate, and matter of a somewhat higher type is as it were uncovered, and becomes the surface through which impressions can be received. Since this usually happens gradually, it means that the man finds the counterparts of physical objects growing dimmer and dimmer, while the thought-forms become more and more vivid to him, so that without necessarily moving at all in space, he finds himself living in a different world. If while this process is going on he should encounter you at intervals he will be sensible of what will appear to him as a great improvement in your character—not that you have necessarily changed, but that he is becoming able to appreciate the higher vibrations of that character, and is losing the power to receive the lower ones. Your disposition may remain just what it was, but the dead man having commenced by seeing only its worst features, will pass it all slowly in review until presently he reaches a condition in which only the best and highest side of it is within his consciousness.

Theo thời gian, khi tâm thức dần dần rút vào bên trong; lớp vỏ của loại vật chất thô nhất bị thoái hóa và bắt đầu phân rã, và vật chất của loại cao hơn một chút được "hé lộ", trở thành bề mặt mà qua đó các ấn tượng có thể được tiếp nhận. Vì điều này thường xảy ra dần dần, nó có nghĩa là người đó sẽ thấy các hình tư tưởng của các vật thể hồng trần mờ dần, trong khi các hình tư tưởng dần trở nên sống động hơn với y, khiến y, dù không nhất thiết phải di chuyển trong không gian, thấy mình sống trong một thế giới khác. Nếu trong quá trình này, y gặp bạn vào những khoảng thời gian khác nhau, y sẽ nhận thấy sự cải thiện lớn trong tính cách của bạn—không phải bạn đã thay đổi, mà là y đang bắt đầu đánh giá cao các dao động cao hơn của tính cách đó, và đang mất dần khả năng tiếp nhận các dao động thấp hơn. Tính cách của bạn có thể vẫn như cũ, nhưng người chết ban đầu chỉ nhìn thấy các đặc điểm tệ nhất của bạn, sẽ dần dần đánh giá lại tất cả, cho đến khi y đạt đến một trạng thái mà chỉ những khía cạnh tốt nhất và cao nhất của bạn nằm trong tâm thức của y.

This then is what is meant by passing from one sub-plane to another—that the man loses

Đây chính là ý nghĩa của việc đi từ một cõi phụ này sang cõi phụ khác—rằng người đó mất đi

sight of one part of the wonderful complexity which is the astral world, and that another part of it comes into his view. It is after all only a repetition on a smaller scale of what happens to each one of us as we pass from plane to plane. The whole astral world and the whole mental world are both of them around us here and now, yet so long as our consciousness is focussed in the physical brain we are blankly unconscious of them. At death the consciousness is transferred to the astral body, and at once we find ourselves seeing the astral part of our world, having lost sight of the physical. When later on we lose the astral body in turn, and live in the mental body, we are then conscious (though only partially) of the mental part of our world, and have altogether lost for the time both the astral and the physical. Just as it is possible for the man living on the astral plane to defy the desire-elemental and insist upon keeping the particles of his astral body in constant motion, just as they were during his physical life, so it is possible for the man still in physical life to train himself to have at his command the physical and astral and mental consciousness practically simultaneously; but this means considerable advancement.

tầm nhìn của một phần trong sự phức tạp kỳ diệu của cõi cảm dục, và một phần khác của nó dần hiện ra trước mắt y. Điều này, xét cho cùng, chỉ là sự lặp lại ở quy mô nhỏ hơn của những gì xảy ra với mỗi chúng ta khi chúng ta di chuyển từ cõi này sang cõi khác. Cả thế giới cảm dục và thế giới trí tuệ đều bao quanh chúng ta ở đây và ngay bây giờ, nhưng miễn là tâm thức của chúng ta tập trung vào bộ não hồng trần, chúng ta hoàn toàn không nhận thức được chúng. Khi chết, tâm thức chuyển sang thể cảm dục, và ngay lập tức chúng ta thấy mình nhìn thấy phần cảm dục của thế giới xung quanh, đồng thời mất đi sự nhìn thấy phần hồng trần. Sau đó, khi chúng ta mất đi thể cảm dục và sống trong thể trí, chúng ta sẽ trở nên nhận thức (mặc dù chỉ là một phần) về phần trí tuệ của thế giới xung quanh mình, và trong thời gian đó hoàn toàn mất đi sự kết nối với cả cõi cảm dục lẫn hồng trần. Cũng như người sống trong cõi cảm dục có thể chống lại tinh linh dục vọng và cố giữ cho các hạt của thể cảm dục chuyển động liên tục, giống như trong cuộc sống thể chất của mình, thì người vẫn còn sống trong cõi trần cũng có thể rèn luyện bản thân để có thể điều khiển đồng thời cả tâm thức hồng trần, cảm dục và trí tuệ; nhưng điều này đòi hỏi sự tiến bộ đáng kể.

To sum up the foregoing, then: ‘rising higher’ in the ordinary spiritualistic sense is simply raising the consciousness from one stage of the astral to another, the matter of the astral body having in the first place been arranged after death by the desire-elemental. In such a case the consciousness can act only through the shell of matter which lies outermost, and consequently at first the dead man is confined to the perception of the lowest subplane, and can only become conscious of a higher subplane when that outer coating of denser

Để tóm tắt lại những điều đã nói ở trên: "vươn cao hơn" theo nghĩa thông thường của thuyết tâm linh đơn giản là nâng cao tâm thức từ một giai đoạn của cõi cảm dục sang một giai đoạn khác, khi vật chất của thể cảm dục đã được sắp xếp lại sau khi chết bởi tinh linh dục vọng. Trong trường hợp như vậy, tâm thức chỉ có thể hoạt động thông qua lớp vỏ vật chất nằm ở bên ngoài, và do đó lúc đầu người chết bị giới hạn trong nhận thức về cõi phụ thấp nhất, và chỉ có thể trở nên nhận thức về một cõi phụ cao hơn khi lớp vỏ ngoài dày đặc đó bị mòn đi phần

matter is in great part worn away. Consequently such a man in the earlier part of his post-mortem existence is naturally shut off from all the best and pleasantest part of astral life; and when he escapes from that condition he may in one sense be said to have risen higher.

lớn. Do đó, trong giai đoạn đầu của đời sống hậu tử, người như vậy tự nhiên bị cắt đứt khỏi tất cả những phần tốt đẹp nhất và dễ chịu nhất của đời sống cảm dục; và khi y thoát khỏi tình trạng đó, về một mặt nào đó, có thể nói rằng y đã "vươn cao hơn".

A Theosophist, who comprehends the conditions of the astral plane, altogether declines to permit the rearrangement of his astral body by the desire-elemental in the first place; or if that should happen during the momentary unconsciousness which immediately succeeds death, those of us who are trying to help the man immediately break up the elemental' s arrangement and restore the astral body to exactly the condition in which it was during life, with all its varieties of matter mingled in the natural way, so that the dead man can perceive the whole of the astral plane, instead of only one subdivision of it. In this way his astral life is perfect from the first, and he can be a much more useful person than if he were confined to the consciousness of one subdivision only.

Một người Thông Thiên Học, hiểu rõ các điều kiện của cõi cảm dục, hoàn toàn từ chối cho phép tinh linh dục vọng sắp xếp lại thể cảm dục của mình ngay từ đầu; hoặc nếu điều đó xảy ra trong khoảnh khắc bất tỉnh ngắn ngủi ngay sau cái chết, thì những người trong chúng ta đang cố gắng giúp đỡ sẽ ngay lập tức phá vỡ sự sắp xếp của tinh linh dục vọng và khôi phục thể cảm dục trở lại tình trạng chính xác như trong cuộc sống, với tất cả các loại vật chất hòa trộn theo cách tự nhiên, để người chết có thể nhận thức toàn bộ cõi cảm dục, thay vì chỉ một phân khu của nó. Bằng cách này, đời sống cảm dục của y hoàn hảo ngay từ đầu, và y có thể trở thành một người hữu ích hơn nhiều so với khi y chỉ bị giới hạn trong nhận thức của một phân khu duy nhất.

Still, as I explained in The Inner Life, Vol. I, in the chapter on spheres, there is just this much of truth behind the idea of location as connected with the sub-planes. Here on the surface of the earth we are in presence of matter in the solid, liquid, gaseous and etheric conditions. But it is undoubtedly true that, broadly speaking, the solid matter forms the basic, that the liquid matter is usually resting upon it, and that the gaseous matter rests upon both of these lower forms. There is a certain amount of solid matter and a great deal of liquid matter floating in the air above us, but still it remains broadly true that the

Tuy nhiên, như tôi đã giải thích trong cuốn *The Inner Life, Vol. I,* trong chương nói về các bầu, có một sự thật nhất định đằng sau ý niệm về vị trí liên quan đến các cõi phụ. Ở đây, trên bề mặt trái đất, chúng ta hiện diện trước vật chất ở các điều kiện rắn, lỏng, khí và dĩ thái. Nhưng không nghi ngờ gì nữa, về cơ bản, vật chất rắn tạo thành nền tảng, vật chất lỏng thường nằm trên nó, và vật chất khí nằm trên cả hai dạng thấp hơn này. Có một lượng vật chất rắn nhất định và rất nhiều vật chất lỏng nổi trong không khí trên chúng ta, nhưng vẫn là sự thật rằng vùng vật chất rắn bị giới hạn bởi bề mặt trái đất, vùng vật chất lỏng bị giới hạn

zone of solid matter is limited by the surface of the earth, and the zone of liquid matter by the upper surface of the clouds, while the zone of gaseous matter extends a great many miles above that, and the zone of specialised etheric matter a great deal farther still. So that although all classes of matter exist around us here, we might yet say that in one sense each has a zone of its own, and that in each case the zone of a finer type of matter extends somewhat farther from the centre of the earth than the zone of the denser type of matter next below it.

bởi bề mặt trên của các đám mây, trong khi vùng vật chất khí mở rộng rất nhiều dặm trên đó, và vùng vật chất dĩ thái chuyên biệt mở rộng xa hơn nữa. Vì vậy, mặc dù tất cả các loại vật chất đều tồn tại xung quanh chúng ta ở đây, chúng ta vẫn có thể nói rằng, theo một nghĩa nào đó, mỗi loại có một vùng của riêng mình, và trong mỗi trường hợp, vùng của loại vật chất tinh tế hơn kéo dài xa hơn từ trung tâm trái đất so với vùng của loại vật chất dày đặc hơn nằm bên dưới nó.

A similar condition exists with regard to astral matter. All possible kinds of it exist here close about us, and the great majority of the denizens of the astral world spend most of their lives comparatively near to the surface of the physical earth; but as they withdraw into themselves, and their consciousness touches the higher types of matter, they find it easier and more natural than before to soar away from that surface into regions where there are fewer disturbing currents. I was once brought into touch with the case of a dead man who informed a friend of mine, during a series of spiritualistic séances, that he frequently found himself about five hundred miles above the surface of the earth. In this case the questioner was one who was well versed in occultism, and who would therefore know well how to conduct his enquiries and the investigations of his friend on the other side intelligently and scientifically; so that there might well be some truth in his friend' s assertions.

Một tình trạng tương tự cũng tồn tại đối với vật chất cảm dục. Tất cả các loại vật chất có thể có đều tồn tại ở đây gần chúng ta, và phần lớn cư dân của cõi cảm dục dành hầu hết cuộc đời của họ ở gần bề mặt trái đất hồng trần; nhưng khi họ rút vào trong chính mình, và tâm thức của họ tiếp xúc với các loại vật chất cao hơn, họ nhận thấy rằng dễ dàng và tự nhiên hơn trước để bay khỏi bề mặt đó vào những vùng có ít dòng chảy gây nhiễu hơn. Tôi đã từng được liên hệ với trường hợp một người đã chết thông báo cho một người bạn của tôi, trong một loạt các buổi lên đồng, rằng y thường xuyên thấy mình cách bề mặt trái đất khoảng năm trăm dặm. Trong trường hợp này, người hỏi là một người am hiểu về huyền bí học, và do đó biết rõ cách đặt câu hỏi và tiến hành các cuộc điều tra của mình một cách thông minh và khoa học; vì vậy có thể có một phần sự thật trong những tuyên bố của người bạn đã khuất của y.

The finer types of astral matter extend almost to the orbit of the moon, whence the name that the Greeks gave to the astral plane—the

Các loại vật chất cảm dục tinh tế hơn mở rộng gần đến quỹ đạo của mặt trăng, do đó có tên gọi mà người Hy Lạp đã đặt cho cõi cảm dục—

sublunar world. In fact, so nearly does the limit of astral matter coincide with that orbit, that the astral envelopes of the moon and the earth usually touch one another at perigee, but not at apogee. I knew, likewise, of a case in which a dead man reached the moon, but could not then return. That was because the continuity of astral matter failed him—the tide of space had flowed in between, as it were, and he had to wait until communication was re-established the approach of the satellite to its primary.

thế giới dưới mặt trăng. Trên thực tế, giới hạn của vật chất cảm dục gần như trùng khớp với quỹ đạo đó, đến nỗi các lớp vỏ cảm dục của mặt trăng và trái đất thường chạm nhau ở cận điểm, nhưng không ở viễn điểm. Tôi cũng biết về một trường hợp mà một người đã chết đã đến được mặt trăng, nhưng sau đó không thể quay trở lại. Điều đó xảy ra vì sự liên tục của vật chất cảm dục đã đứt đoạn với y—dòng chảy của không gian như thể đã chảy vào giữa, và y phải chờ cho đến khi liên lạc được thiết lập lại khi vệ tinh đến gần với hành tinh mẹ của nó.

HEAVEN-LIFE CONDITIONS—TÌNH TRẠNG CÕI TRỜI

The principal difficulty in understanding the conditions of the heaven-world comes from our inveterate habit of thinking of the personality as the man. If two friends are bound by ties of affection, we must try to remember that the bond is between the souls and not the bodies—that they are friends now on earth because in quite different bodies they have known and loved each other perhaps for thousands of years. That fact draws their physical bodies together on this plane, but it does not enable them to understand more of one another than their physical capabilities permit; and further, each wears three heavy veils, in the shape of the mental, astral and physical bodies, to conceal his real self from the other.

Khó khăn chính trong việc thấu hiểu các điều kiện của thế giới thiên đàng bắt nguồn từ thói quen bám rễ sâu của chúng ta trong việc coi phàm ngã là con người thật sự. Nếu hai người bạn được gắn kết bởi các mối dây tình cảm, chúng ta phải cố gắng nhớ rằng sự gắn kết này nằm ở giữa các linh hồn chứ không phải giữa các thể xác—rằng họ là bạn của nhau ở cõi trần này bởi vì trong những thể xác khác nhau, họ đã từng biết và yêu thương nhau có lẽ qua hàng ngàn năm. Thực tế đó kéo các thể xác hồng trần của họ lại gần nhau trên cõi này, nhưng nó không giúp họ hiểu nhau hơn những gì mà khả năng hồng trần của họ cho phép; hơn nữa, mỗi người đều mang ba tấm màn nặng nề, dưới hình thức các thể trí tuệ, cảm dục và thể xác, để che giấu chân ngã thật sự của mình khỏi người kia.

When one of them dies he passes on to the astral plane, and there he meets his living friend face to face during the sleep of the

Khi một người trong số họ qua đời, người đó bước vào cõi cảm dục, và tại đó, họ gặp lại người bạn còn sống của mình đối mặt trong

latter. Even already he can see somewhat more of his friend than before, because for each of them, during those hours of sleep, the heaviest of the three veils has been withdrawn. The dead man is still dealing with the personality of his friend only, and therefore if some great sorrow should fall upon the waking life of that friend, it would inevitably be reflected in his astral life, and the dead man would perceive it. For our sleeping and walking lives are in reality but one, and during our sleep we are aware of that fact, and have the continuous memory of both open before us. You will see, therefore, that the astral body of his living friend (with which the dead man is dealing) is the astral body of the personality, and he is therefore fully conscious of what is happening to that personality.

những giờ ngủ của người còn sống. Thậm chí khi đó, họ có thể thấy được một phần nào nhiều hơn về người bạn so với trước đây, bởi vì đối với cả hai, trong những giờ ngủ ấy, tấm màn nặng nề nhất trong ba tấm màn đã được gỡ bỏ. Người chết vẫn đang giao tiếp với phàm ngã của bạn mình, vì vậy nếu một nỗi buồn lớn nào đó rơi vào đời sống thức của người bạn, nó chắc chắn sẽ phản chiếu lên đời sống cảm dục của người đó, và người chết sẽ nhận ra điều đó. Bởi vì cuộc sống khi ngủ và cuộc sống khi thức thực tế là một, và trong giấc ngủ, chúng ta nhận thức được điều đó, và có ký ức liên tục của cả hai mở ra trước chúng ta. Do đó, các bạn sẽ thấy rằng thể cảm dục của người bạn còn sống (mà người chết đang tương tác) là thể cảm dục của phàm ngã, và vì vậy người chết hoàn toàn ý thức được những gì đang xảy ra với phàm ngã đó.

When the heaven-world is reached all this is changed. The dead man is then functioning in his mental body—the same mental body which he has used during his past earth-life; but he does not meet there the mental body which his friend is using during life. On the contrary, the dead man himself by his thought builds for his friend an entirely separate mental body, and it is the ego of his friend which ensouls it, working from its own level and from the causal body. This is an additional opportunity for mental-plane activity for the friend, and is entirely separate in every way from the personality of his physical life.

Khi thế giới thiên đàng được đạt đến, mọi thứ này đều thay đổi. Người chết khi đó hoạt động trong thể trí—thể trí mà họ đã sử dụng trong suốt đời sống trần gian trước đây; nhưng họ không gặp thể trí mà người bạn của họ đang sử dụng trong đời sống trần gian. Ngược lại, chính người chết tự mình, bằng tư tưởng, tạo ra cho bạn mình một thể trí hoàn toàn riêng biệt, và chính là chân ngã của người bạn nhập vào thể ấy, hoạt động từ cấp độ của chân ngã và từ thể nhân quả. Đây là một cơ hội bổ sung cho hoạt động trên cõi trí đối với người bạn, và hoàn toàn tách biệt về mọi mặt với phàm ngã của cuộc sống hồng trần.

It is not possible for one man to ensoul more than one physical body at one time, but it is quite possible for him to ensoul simultaneously any number of the thought-forms which other people may make of him

Không thể nào một con người nhập vào nhiều hơn một thể xác cùng một lúc, nhưng hoàn toàn có thể cho y nhập vào cùng lúc bất kỳ số lượng nào của các hình tư tưởng mà người khác có thể tạo ra về y trên cõi trí trong quá

on the mental plane in the course of their heaven-life. I think it is a misunderstanding of this fact which had led some to think that several physical bodies may be incarnations of one man.

trình sống thiên đàng của họ. Tôi nghĩ rằng sự hiểu lầm về thực tế này đã dẫn một số người nghĩ rằng nhiều thể xác có thể là sự hiện hình của một người.

You will see, therefore, that any sorrow or trouble which may fall upon the personality of the living man, and may conceivably influence his mental body, will not in the least affect his other thought-form which his ego is using as an additional mental body. If in that manifestation he knows at all of such sorrow or trouble, he will regard it as he would from the causal body—that is to say, it will not be to him a sorrow or trouble at all, but only a lesson, or the working out of some karma. There is no delusion at all in this view of his, because he is seeing the matter as it really is, from the point of view of the ego on his own plane. It is our lower personal view that is the delusion, because we see sorrow and trouble where in reality there are only the steps on our upward way.

Các bạn sẽ thấy rằng bất kỳ nỗi buồn hay rắc rối nào có thể ập đến phàm ngã của người còn sống, và có thể ảnh hưởng đến thể trí của y, sẽ không ảnh hưởng gì đến hình tư tưởng khác mà chân ngã của y đang sử dụng như một thể trí bổ sung. Nếu trong biểu hiện đó y biết về nỗi buồn hay rắc rối, y sẽ coi chúng như y đang nhìn từ thể nhân quả—có nghĩa là, với y chúng không phải là nỗi buồn hay rắc rối, mà chỉ là một bài học, hoặc là sự vận hành của một nghiệp quả nào đó. Quan điểm này của y hoàn toàn không phải là ảo tưởng, bởi vì y đang nhìn vấn đề như thực tế vốn có, từ quan điểm của chân ngã trên cõi của nó. Chính quan điểm phàm ngã của chúng ta mới là ảo tưởng, vì chúng ta thấy nỗi buồn và rắc rối ở nơi thực tế chỉ có những bước đi trên con đường thăng tiến của chúng ta.

The two friends may know far more of each other at that level, because each has now only one veil, that of the mental body, cast over his individuality; but there is still that veil. If the dead man has known only one side of his friend during life, it will be only through that side that the friend can express himself in the heaven-world. He can express that side of himself much more fully and satisfactorily than ever before; but he is largely confined to that side. Still, it is a fuller expression than the dead man has ever been able to see upon the lower planes. He by no means forgets that there is such a thing as suffering, because he remembers clearly his past life; but he understands now many things that were not

Hai người bạn có thể hiểu rõ hơn rất nhiều về nhau ở cấp độ đó, bởi vì mỗi người giờ đây chỉ còn một tấm màn duy nhất, đó là thể trí, phủ lên cá tính của họ; nhưng vẫn còn tồn tại tấm màn đó. Nếu người chết chỉ biết một khía cạnh của bạn mình trong suốt đời sống, thì chỉ qua khía cạnh đó mà bạn mình có thể thể hiện bản thân trong thế giới thiên đàng. Người bạn có thể thể hiện khía cạnh đó của mình đầy đủ và thỏa mãn hơn bao giờ hết; nhưng y vẫn phần lớn bị giới hạn bởi khía cạnh đó. Tuy nhiên, đây vẫn là một biểu hiện đầy đủ hơn so với những gì mà người chết đã từng có thể thấy được trên các cõi thấp. Người chết không hề quên rằng có tồn tại nỗi đau, bởi vì y nhớ rất rõ đời sống quá khứ của mình; nhưng giờ đây y

clear when he was on the physical plane, and the delight of the present is for him so great that sorrow seems to him almost like a dream.

hiểu nhiều điều mà y chưa rõ khi còn ở cõi hồng trần, và niềm vui hiện tại đối với y lớn đến mức nỗi buồn dường như chỉ như một giấc mơ.

It is asked how we who still live on earth converse with our friends in heaven; if by we you mean our personality, that does not converse with friends in heaven. The real ego does do so, as has been said, but in the veil of this personality we know nothing of that.

Có người hỏi rằng chúng ta, những người vẫn còn sống trên Trái đất, trò chuyện với bạn bè của chúng ta ở thiên đàng bằng cách nào; nếu "chúng ta" nghĩa là phàm ngã của chúng ta, thì nó không trò chuyện với bạn bè ở thiên đàng. Chân ngã thật sự có làm điều đó, như đã nói, nhưng trong tấm màn của phàm ngã này chúng ta không biết gì về điều đó.

Suppose that a good Catholic mother died, who dearly loved her daughter, and that after the mother had reached the heaven-world, her daughter embraced Theosophy. The mother would go on imagining her daughter as merely orthodox; would she not in this be under a delusion? Yes, she would, for this is an instance of one of the possible limitations to which I have previously referred. If the mother could see only such of her daughter' s thought as could be expressed by orthodox ideas, there would naturally be points in the new revelation which had come to the daughter which the mother would be little able to grasp. But in so far as the ego of the daughter profited by what the personality had learnt, there would be a tendency on her part gradually to widen out and perfect the conception of the mother, but always along the lines to which the mother was accustomed. There would be no sense of difference of opinion, and no avoidance of subjects of religion.

Giả sử rằng một người mẹ Công giáo tốt lành qua đời, người mẹ yêu thương con gái của mình rất nhiều, và sau khi người mẹ đạt đến thế giới thiên đàng, người con gái trở thành người theo Thông Thiên Học. Người mẹ sẽ tiếp tục tưởng tượng con gái mình chỉ đơn thuần là người chính thống; liệu điều này có phải là ảo tưởng không? Vâng, đúng vậy, vì đây là một ví dụ về một trong những giới hạn có thể xảy ra mà tôi đã đề cập trước đó. Nếu người mẹ chỉ có thể thấy những suy nghĩ của con gái mình có thể được thể hiện qua các ý tưởng chính thống, thì sẽ có những điểm trong sự mặc khải mới mà người con gái nhận được mà người mẹ ít có khả năng nắm bắt. Nhưng trong chừng mực chân ngã của người con gái thu được lợi ích từ những gì phàm ngã của cô đã học được, thì sẽ có một xu hướng nơi người mẹ dần dần mở rộng và hoàn thiện quan niệm của mình về con gái, nhưng luôn luôn theo những hướng mà người mẹ quen thuộc. Sẽ không có cảm giác khác biệt về quan điểm, và không tránh né các chủ đề về tôn giáo.

You will understand that I am speaking here of the ordinary person; in the case of a more advanced man who was already fully

Các bạn sẽ hiểu rằng tôi đang nói ở đây về người bình thường; trong trường hợp của một người tiến bộ hơn, người đã hoàn toàn ý thức

conscious in the causal body, he would put himself down consciously into the thought-form provided for him by a friend in the heaven-world, as into an additional mental body, and work through it with definite intention; so that if such a man should acquire additional knowledge he could directly and intentionally communicate it to that friend. In this way the Masters work on such of their pupils as take the heaven-life, and alter their characters immensely.

trong thể nhân quả, y sẽ tự đưa mình xuống một cách có ý thức vào hình tư tưởng mà người bạn của mình đã tạo ra cho y ở thế giới thiên đàng, giống như một thể trí bổ sung, và làm việc thông qua nó với ý định rõ ràng; vì vậy, nếu một người như vậy đạt được kiến thức bổ sung, y có thể trực tiếp và có chủ ý truyền đạt nó cho người bạn đó. Theo cách này, các Chân sư làm việc trên những học trò của mình khi họ trải qua đời sống thiên đàng, và thay đổi tính cách của họ rất nhiều.

A man' s condition in the heaven-life depends upon the amount of spiritual force in him. Of two people of the same class or type the more spiritual would naturally remain a longer time; but it must be borne in mind that the force may be used up quickly or slowly according to the necessities of each man' s evolution. Those who have devoted themselves especially to the work of serving the Great Ones, and through them humanity, are likely in this respect to have experiences differing somewhat from the ordinary. It is evident that our Masters have already, many millennia ago, formed a special band of servers and helpers from those who have offered themselves for such work, and They use this body of men as a kind of regiment of pioneers to be sent wherever special work of that kind is needed.

Điều kiện của một người trong đời sống thiên đàng phụ thuộc vào lượng lực tinh thần trong y. Trong hai người cùng giai cấp hoặc loại hình, người có tính tinh thần hơn sẽ tự nhiên ở lại lâu hơn; nhưng cần nhớ rằng lực đó có thể được sử dụng nhanh chóng hay chậm chạp tùy theo nhu cầu của sự tiến hóa của từng người. Những ai đã đặc biệt tận tụy với công việc phụng sự các Đấng Cao Cả, và thông qua các Ngài phụng sự nhân loại, sẽ có khả năng có những trải nghiệm khác biệt đôi chút so với người bình thường trong khía cạnh này. Rõ ràng là các Chân sư của chúng ta đã, từ nhiều thiên niên kỷ trước, hình thành một đoàn thể đặc biệt gồm những người phụng sự và trợ giúp từ những người đã tự nguyện cống hiến cho công việc như vậy, và các Ngài sử dụng đoàn thể này như một loại quân tiên phong để được phái đi bất cứ nơi nào có nhu cầu về công việc đặc biệt thuộc loại đó.

Those who have read the lives of Alcyone, as published in The Theosophist, will realise that the hero of that remarkable story is a member of that band—or perhaps we should rather say of one of those bands; and for that reason it will be found that over and over again the same set of people come together in all sorts of different places, in their successive

Những ai đã đọc tiểu sử của Alcyone, như được công bố trong tạp chí Thông Thiên Học, sẽ nhận ra rằng nhân vật chính của câu chuyện đáng chú ý đó là thành viên của đoàn thể ấy—hoặc có lẽ chúng ta nên nói là một trong những đoàn thể đó; và vì lý do đó, sẽ thấy rằng cùng một nhóm người thường xuyên gặp lại nhau ở nhiều nơi khác nhau trong các kiếp

incarnations. It is obvious that in a group of a hundred people there must be many divergences; some of them will assuredly generate more spiritual force than others, and their karma would naturally be such as to take them into differing surroundings, yet the one great fact that they are devoted to service overpowers all these considerations, and they are brought together in order that they may be utilised as a whole.

luân hồi kế tiếp của họ. Rõ ràng là trong một nhóm gồm một trăm người sẽ có nhiều khác biệt; một số trong số họ chắc chắn sẽ tạo ra nhiều lực tinh thần hơn những người khác, và nghiệp quả của họ sẽ tự nhiên đưa họ vào những môi trường khác nhau, nhưng sự thật lớn rằng họ cống hiến cho phụng sự sẽ vượt qua tất cả những cân nhắc đó, và họ được đưa lại với nhau để họ có thể được sử dụng như một tổng thể.

Be sure that in this there is no injustice, and that no one of them, for this or any other reason, escapes one jot of the karma which is legitimately due to him. Indeed, those who offer themselves for service not infrequently suffer considerably in the course of that service—sometimes because it is necessary that their past karma should be cleared up quickly, in order that they may be free to do higher work without any hindrance from it, and in other cases because their work may have made it impossible for them to reap life after life the karma that would otherwise have come to them, and so a considerable accumulation may descend upon them at once in some gigantic catastrophe. Instances of the working of both these methods may be found in the lives of Alcyone.

Hãy chắc chắn rằng trong điều này không có bất công nào cả, và không ai trong số họ, vì lý do này hay bất kỳ lý do nào khác, trốn thoát khỏi một chút nghiệp quả nào xứng đáng với y. Thật vậy, những ai tự nguyện phụng sự thường không ít lần phải chịu đựng nhiều trong quá trình phụng sự đó—đôi khi vì cần thiết phải thanh toán nhanh chóng nghiệp quả quá khứ của họ, để họ có thể được tự do làm công việc cao hơn mà không gặp trở ngại nào từ nó, và trong những trường hợp khác vì công việc của họ có thể đã khiến họ không thể gặt hái nghiệp quả lẽ ra sẽ đến với họ qua nhiều kiếp, và vì vậy một sự tích lũy lớn có thể ập đến họ một lúc trong một thảm họa lớn. Những ví dụ về hoạt động của cả hai phương pháp này có thể được tìm thấy trong cuộc đời của Alcyone.

In the case of the great bulk of humanity there is no special interference from without, and the heaven-life of each works itself out at whatever may be its ordinary rate. Naturally this difference in the time of working out involves also a difference of intensity which is shown by a greater or less brilliancy in the light of the mental body. The more developed man, especially if he has before him the idea of service, usually generates karma during his heaven-life, and thus he may modify it even

Đối với phần lớn nhân loại, không có sự can thiệp đặc biệt nào từ bên ngoài, và đời sống thiên đàng của mỗi người diễn ra theo tốc độ bình thường của nó. Tự nhiên sự khác biệt về thời gian hoạt động này cũng liên quan đến sự khác biệt về cường độ, điều này được thể hiện bằng độ sáng nhiều hay ít trong ánh sáng của thể trí. Người tiến bộ hơn, đặc biệt nếu y có trước mắt ý tưởng về phụng sự, thường tạo nghiệp quả trong suốt đời sống thiên đàng của mình, và nhờ đó y có thể điều chỉnh nghiệp

while it is in progress.

quả ngay cả khi nó đang diễn ra.

It is true that Madame Blavatsky states in The Key To Theosophy that it is impossible for a materialist to have any heaven-life, as he had not while on earth believed in any such condition; but it seems probable that she was employing the word materialist in a more restricted sense than that in which it is generally used, for in the same volume she also asserts that for them no conscious life after death is possible at all, whereas it is a matter of common knowledge among those whose nightly work lies upon the astral plane that many of those whom we usually call materialists are to be met with there, and are certainly not unconscious.

Sự thật là bà Blavatsky đã tuyên bố trong "The Key To Theosophy" rằng một người duy vật không thể có đời sống thiên đàng, bởi vì khi còn trên cõi trần, y không tin vào bất kỳ điều kiện như vậy; nhưng có vẻ bà đã sử dụng từ "duy vật" theo nghĩa hẹp hơn so với cách nó thường được sử dụng, bởi vì trong cùng một tác phẩm bà cũng khẳng định rằng đối với họ, không có đời sống ý thức nào sau khi chết là có thể, trong khi thực tế là điều này đã được công nhận rộng rãi giữa những ai có công việc hàng đêm trên cõi cảm dục rằng nhiều người mà chúng ta thường gọi là người duy vật vẫn gặp được ở đó, và chắc chắn không phải là những người vô thức.

For example, a prominent materialist intimately known to one of our members was not long ago discovered by his friend in the highest subdivision of the astral world, where he had surrounded himself with his books and was continuing his studies almost as he might have done on earth. On being questioned by his friend he readily admitted that the theories which he had held while on earth were confuted by the irresistible logic of facts, but his own agnostic tendencies were still strong enough to make him unwilling to accept what his friend told him as to the existence of the still higher spiritual state of the heaven-world. Yet there was certainly much in this man' s character which could find its full result only in the heaven-world, and since his entire disbelief in any life after death has not prevented his astral experience, there seems no reason to suppose that it can check the due working out of the higher forces in him upon the mental plane.

Ví dụ, một người duy vật nổi tiếng mà một trong những thành viên của chúng tôi biết rõ, không lâu trước đây đã được phát hiện bởi người bạn của mình ở phân khu cao nhất của cõi cảm dục, nơi y bao quanh mình với những cuốn sách và tiếp tục các nghiên cứu của mình gần như y đã làm ở cõi trần. Khi được người bạn hỏi, y thừa nhận rằng các lý thuyết mà y đã giữ khi còn sống đã bị bác bỏ bởi lý lẽ không thể cưỡng lại của các sự kiện, nhưng khuynh hướng hoài nghi của y vẫn đủ mạnh để khiến y không muốn chấp nhận những gì mà người bạn đã nói với y về sự tồn tại của trạng thái tinh thần cao hơn của thế giới thiên đàng. Tuy nhiên, chắc chắn có nhiều đặc điểm trong tính cách của người này chỉ có thể đạt đến kết quả đầy đủ của chúng trên cõi thiên đàng, và vì sự hoàn toàn không tin vào bất kỳ đời sống nào sau cái chết không ngăn cản được trải nghiệm của y trên cõi cảm dục, không có lý do gì để cho rằng nó có thể ngăn chặn được việc vận hành chính đáng của các lực lượng cao hơn trong y trên cõi trí.

We constantly find down here that nature makes no allowance for our ignorance of her laws; if, under an impression that fire does not burn, a man puts his hand into a flame, he is speedily convinced of his error. In the same way a man' s disbelief in a future existence does not affect the facts of nature, and in some cases at least he simply finds out after death that he was under a mistake. The kind of materialism referred to by Madame Blavatsky was probably something much coarser and more aggressive than ordinary agnosticism—something which would render it exceedingly unlikely that a man who held it would have any qualities requiring a heaven-life in which to work themselves out; but no such case as that has yet come under our observation.

Chúng ta thường nhận thấy rằng tự nhiên không hề dung thứ cho sự vô minh của chúng ta về các định luật của mình; nếu một người dưới ấn tượng rằng lửa không cháy, đưa tay vào ngọn lửa, y sẽ nhanh chóng bị thuyết phục rằng mình đã sai lầm. Cũng vậy, sự không tin vào một sự tồn tại tương lai của một người không ảnh hưởng đến các sự kiện của tự nhiên, và ít nhất trong một số trường hợp, người đó chỉ đơn giản là nhận ra sau khi chết rằng mình đã mắc sai lầm. Loại chủ nghĩa duy vật mà bà Blavatsky đề cập có lẽ là một thứ gì đó thô kệch hơn và hung hãn hơn sự hoài nghi thông thường—một điều mà sẽ khiến cho một người giữ nó khó có thể có bất kỳ phẩm tính nào yêu cầu một đời sống thiên đàng để chúng có thể hoạt động; nhưng cho đến nay, chúng tôi chưa gặp phải trường hợp nào như vậy.

KARMA IN THE HEAVEN LIFE—
NGHIỆP QUẢ TRONG ĐỜI SỐNG CÕI TRỜI

In the earlier days of our study of Theosophy we were led to look upon all other worlds but the physical as almost exclusively the theatre of results and not of causes. It was supposed that man spent his physical life to a large extent in generating karma, and his existence on the astral and mental planes in working it out, and the suggestion that a man could by any means make any more karma, even on the astral plane, was regarded as almost heretical.

Trong những ngày đầu nghiên cứu Thông Thiên Học, chúng ta được dẫn dắt nhìn nhận tất cả các cõi khác ngoài cõi trần hầu như chỉ là sân khấu của các kết quả, chứ không phải là các nguyên nhân. Người ta cho rằng con người dành phần lớn cuộc đời mình trên cõi hồng trần để tạo ra nghiệp quả, và sự tồn tại của họ trên các cõi cảm dục và trí tuệ là để giải quyết nghiệp quả đó. Ý tưởng rằng một người có thể tạo thêm nghiệp, ngay cả trên cõi cảm dục, đã bị coi là gần như dị giáo.

As the years rolled on and some of us became able to study astral conditions at first-hand, it became obvious that this idea had been an error, since it was manifestly possible for us in working on that plane to performs actions of

Khi năm tháng trôi qua và một số người trong chúng ta có khả năng nghiên cứu trực tiếp các điều kiện của cõi cảm dục, rõ ràng rằng ý tưởng này là một sai lầm, vì rõ ràng chúng ta có thể thực hiện những hành động trên cõi đó

various sorts which produced far-reaching results, We soon saw also that not only the man still attached to a physical body could produce these results, but that they were equally within the power of one who had cast off that vehicle. We found that any developed man is in every way quite as active during his astral life after physical death as during his physical life before it; that he can unquestionably help or hinder not only his own progress but that of others quite as much after death as before, and consequently that he is all the time generating karma of the greatest importance.

có những kết quả sâu rộng. Chúng ta nhanh chóng thấy rằng không chỉ con người vẫn còn gắn kết với thể xác có thể tạo ra những kết quả này, mà nó cũng nằm trong khả năng của người đã rũ bỏ thể xác hồng trần. Chúng ta nhận thấy rằng bất kỳ người phát triển nào cũng hoạt động đầy đủ trong đời sống cảm dục sau khi chết không kém gì trong cuộc sống trần gian trước đó; rằng y chắc chắn có thể giúp đỡ hoặc cản trở không chỉ tiến bộ của mình mà còn cả của người khác sau khi chết cũng như trước đó, và do đó, y liên tục tạo ra nghiệp quả có tầm quan trọng lớn.

This modified view of after-death conditions gradually found its way into our literature, and may be considered now as universally accepted by all Theosophists. But for many years after we had corrected our misconceptions upon this important point, we still held to the idea that in the heaven-world at least man could do practically nothing but enjoy the conditions which he had made for himself during the previous stages of his existence. Broadly speaking, this is true for the ordinary man, though we do not always realize that even in the course of that enjoyment the inhabitant of the heaven-world is affecting others, and therefore producing results.

Quan điểm được điều chỉnh này về các điều kiện sau cái chết dần dần tìm được đường vào văn học của chúng ta và bây giờ có thể được coi là được tất cả các nhà Thông Thiên Học chấp nhận. Nhưng trong nhiều năm sau khi chúng ta đã sửa chữa những quan niệm sai lầm của mình về điểm quan trọng này, chúng ta vẫn giữ ý tưởng rằng ít nhất ở cõi thiên đàng, con người không thể làm gì khác ngoài việc tận hưởng các điều kiện mà y đã tạo ra cho chính mình trong các giai đoạn trước đó của sự tồn tại. Nói chung, điều này đúng với người bình thường, mặc dù chúng ta không phải lúc nào cũng nhận ra rằng ngay cả trong quá trình tận hưởng đó, cư dân của cõi thiên đàng vẫn ảnh hưởng đến người khác và do đó tạo ra kết quả.

One who has succeeded in raising his consciousness to the level of the causal body has already unified the higher and lower selves (to use the older terminology), and to him the statements made as to average humanity naturally do not apply. Such an one has the consciousness of the ego at his disposal during the whole of his physical life, and that is not at all affected by the death of

Một người đã thành công trong việc nâng cao tâm thức của mình lên cấp độ của thể nhân quả đã thống nhất phàm ngã và chân ngã (theo thuật ngữ cũ), và với người đó, các tuyên bố liên quan đến nhân loại trung bình tự nhiên không áp dụng. Người như vậy có tâm thức của chân ngã trong suốt cuộc sống trần gian của mình, và điều đó hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi cái chết của thể xác, thậm chí không

the physical body, nor even by the second and third deaths in which he leaves behind him the astral and the mental bodies respectively. For him the whole of that series of incarnations is only one long life, and what we call an incarnation is to him a day in that life. All through his human evolution his consciousness is fully active, and it naturally follows that he is making karma just as much at one period of it as at another; and while his condition at any one moment is the result of the causes which he has set in motion in the past, there is no instant at which he is not modifying his conditions by the exercise of thought and will.

bởi cái chết thứ hai và thứ ba khi y lần lượt rời bỏ các thể cảm dục và trí tuệ. Đối với y, toàn bộ chuỗi hóa thân chỉ là một cuộc sống dài, và điều chúng ta gọi là một hóa thân đối với y chỉ là một ngày trong cuộc đời đó. Trong suốt quá trình tiến hóa nhân loại của mình, tâm thức của y hoạt động đầy đủ, và hiển nhiên là y đang tạo ra nghiệp quả nhiều ở một giai đoạn như ở một giai đoạn khác; và mặc dù tình trạng của y ở bất kỳ thời điểm nào là kết quả của những nguyên nhân mà y đã khởi động trong quá khứ, không có khoảnh khắc nào mà y không điều chỉnh tình trạng của mình bằng việc sử dụng tư tưởng và ý chí.

Men who have reached that level are at present rare; but there are others who possess a similar power in a minor degree. Every human being, after he has passed through his life on the astral and lower mental planes, has a momentary flash of the consciousness of the ego, in which he sees his last life as a whole, and gathers from it the impression of success or failure in the work which it was meant to do; and along with this he has also a forecast of the life before him, with the knowledge of the general lesson which that is to teach, or the specific progress which he is intended to make in it. Only very slowly does the ego awaken to the value of these glimpses, but when he comes to understand them he naturally begins to make use of them.

Những người đã đạt đến cấp độ đó hiện nay rất hiếm; nhưng có những người khác có sức mạnh tương tự ở mức độ nhỏ hơn. Mỗi con người, sau khi đã trải qua đời sống của mình trên các cõi cảm dục và hạ trí, có một tia chớp ngắn ngủi của tâm thức chân ngã, trong đó y nhìn thấy cuộc đời cuối cùng của mình như một tổng thể và rút ra ấn tượng về thành công hoặc thất bại trong công việc mà cuộc đời đó được định làm; và cùng với điều này, y cũng có một cái nhìn tiên tri về cuộc đời sắp tới của mình, với sự hiểu biết về bài học chung mà cuộc đời đó phải dạy hoặc tiến bộ cụ thể mà y dự định đạt được trong đó. Chỉ rất chậm rãi chân ngã mới thức tỉnh với giá trị của những cái nhìn thoáng qua này, nhưng khi y bắt đầu hiểu chúng, y tự nhiên bắt đầu sử dụng chúng.

Thus by imperceptible degrees he arrives at a stage in his evolution when this glimpse is no longer momentary—when he is able to consider the question much more fully, and to devote some time to his plans for the life which lies before him. His consciousness gradually increases, and he comes to have an

Nhờ đó, từng bước một cách không nhận thấy, y đạt đến một giai đoạn trong quá trình tiến hóa của mình khi cái nhìn này không còn chỉ là thoáng qua nữa—khi y có thể xem xét câu hỏi đầy đủ hơn nhiều và dành thời gian để lập kế hoạch cho cuộc sống đang chờ đợi trước mặt mình. Tâm thức của y dần tăng lên, và

appreciable life on the higher levels of the mental plane each time that he touches them. When he arrives at this stage he soon finds that he is one among a vast number of other egos, and that he can do something else with his life among them besides making plans for his own future. He may and does live a conscious life among his peers, in the course of which he influences them in many ways, and is himself influenced in turn. Here therefore is a possibility of making karma, and of making it on a scale which is entirely out of his reach on these lower planes, for every thought on those higher mental levels has a force quite out of proportion to that of our limited thought during physical life.

mỗi khi y chạm vào các cấp độ cao hơn của cõi trí, y có một cuộc sống có ý nghĩa trên những cấp độ đó. Khi y đạt đến giai đoạn này, y nhanh chóng nhận ra rằng y là một trong số rất nhiều chân ngã khác, và y có thể làm điều gì đó với cuộc sống của mình giữa những người đồng loại ngoài việc lập kế hoạch cho tương lai của chính mình. Y có thể và thực sự sống một cuộc sống có ý thức giữa các chân ngã khác, trong quá trình đó y ảnh hưởng đến họ theo nhiều cách và bản thân y cũng bị ảnh hưởng ngược lại. Do đó, đây là một khả năng tạo ra nghiệp quả, và tạo ra nó ở một quy mô hoàn toàn nằm ngoài tầm với của y ở các cõi thấp hơn, vì mỗi tư tưởng trên các cấp độ trí tuệ cao hơn đó có một sức mạnh hoàn toàn không tương xứng so với sức mạnh tư tưởng hạn chế của chúng ta trong cuộc sống trần gian.

This of which I am speaking is quite distinct from the consciousness which comes with the unifying of the higher and lower selves. When that feat has been performed the man' s consciousness resides in the ego all the time, and from that ego it plays through whatever vehicle he may happen to be using. But in the case of a man who has not yet achieved that union the consciousness of the ego on his own plane comes into activity only when he is no longer hampered by any lower vehicles, and exists only until he puts himself down again into incarnation; for as soon as he takes up a lower body his consciousness can manifest for the time only through that body.

Điều tôi đang nói là hoàn toàn khác biệt với tâm thức xuất hiện cùng với sự hợp nhất của phàm ngã và chân ngã. Khi thành tựu đó đã được thực hiện, tâm thức của người đó cư ngụ trong chân ngã suốt thời gian, và từ chân ngã đó, nó hoạt động thông qua bất kỳ phương tiện nào mà y có thể sử dụng. Nhưng trong trường hợp của một người chưa đạt được sự hợp nhất đó, tâm thức của chân ngã trên cõi của nó chỉ hoạt động khi y không còn bị cản trở bởi các phương tiện thấp hơn, và nó chỉ tồn tại cho đến khi y nhập trở lại vào một hóa thân; vì ngay khi y nhận lấy một thể thấp hơn, tâm thức của y chỉ có thể biểu hiện thông qua thể đó trong một thời gian.

Short of that perfect consciousness of the ego, there are stages of development which it is necessary to note. The ordinary 'man in the street' has usually no definite and reliable consciousness outside of the physical plane. His astral body may be fully developed and

Trước khi đạt được tâm thức hoàn hảo của chân ngã, có những giai đoạn phát triển cần được lưu ý. Người "bình thường trên đường phố" thường không có tâm thức rõ ràng và đáng tin cậy bên ngoài cõi trần. Thể cảm dục của y có thể đã phát triển đầy đủ và hoàn toàn

quite capable of being used as a vehicle in any and every way; yet he is probably not in the habit of so using it, and therefore his experiences of the astral world are of a vague and uncertain character. He may sometimes remember one of them vividly, but on the whole the time of the sleep of the physical body is for him a blank.

có khả năng được sử dụng như một phương tiện theo bất kỳ cách nào; nhưng y có lẽ không có thói quen sử dụng nó, và do đó những trải nghiệm của y về cõi cảm dục là mơ hồ và không chắc chắn. Đôi khi y có thể nhớ một trong những trải nghiệm đó một cách sống động, nhưng nhìn chung, thời gian ngủ của thể xác là một khoảng trống đối với y.

The next stage beyond this is that of the gradual development of the habit of using the astral body, accompanied as time goes on by some recollection of what is done in it. The end of this is the opening of the astral consciousness, though usually that comes only as the result of definite efforts along the line of meditation. When this opening is attained the man' s consciousness is continuous through night and day, and up to the end of the astral life, so that he avoids the usual temporary suspension of consciousness at the death of the physical body.

Giai đoạn tiếp theo sau đó là sự phát triển dần dần của thói quen sử dụng thể cảm dục, đi kèm theo thời gian với một số ký ức về những gì đã làm trong đó. Cuối cùng của quá trình này là sự khai mở tâm thức cảm dục, mặc dù thông thường điều này chỉ đến như kết quả của những nỗ lực cụ thể theo hướng tham thiền. Khi sự khai mở này đạt được, tâm thức của người đó liên tục suốt đêm và ngày, và cho đến khi kết thúc đời sống cảm dục, để y tránh được việc tạm thời mất đi tâm thức khi thể xác chết.

The next stage beyond this—a long stage usually—is the development of the consciousness of the mental body, and when that is achieved, each personality remains conscious from physical birth until the end of its life in the heaven-world. But even then it is only the consciousness of the personality, and not yet of the ego, and still another step must be taken before complete unification is attained.

Giai đoạn tiếp theo—thường là một giai đoạn dài—là sự phát triển của tâm thức trí tuệ, và khi điều này được đạt được, mỗi phàm ngã vẫn còn tỉnh thức từ lúc sinh ra cho đến khi kết thúc đời sống trên cõi thiên đàng. Nhưng ngay cả khi đó, đó vẫn chỉ là tâm thức của phàm ngã, chứ chưa phải của chân ngã, và vẫn cần thêm một bước nữa để đạt được sự hợp nhất hoàn toàn.

It is clear that men who have reached any of these stages are making karma as far as their consciousness reaches; but what as to the ordinary man, who has not yet quite succeeded in linking even the astral consciousness to the physical? In so far as he has any activities on the astral plane during

Rõ ràng là những người đã đạt được bất kỳ giai đoạn nào trong số này đều đang tạo ra nghiệp quả cho đến mức mà tâm thức của họ đạt được; nhưng đối với người bình thường, người vẫn chưa thành công trong việc kết nối tâm thức cảm dục với tâm thức hồng trần, thì sao? Trong chừng mực mà y có bất kỳ hoạt động

sleep, he must be producing results. If he feels, even blindly, love and affection towards certain persons, and goes out towards them during sleep with vague thoughts of good-will, he must inevitably affect them to a certain extent, and the effect must be a good one. Therefore there is no possibility of avoiding a reaction upon himself which will also be good. The same is true if the feeling unfortunately be one of dislike or of active hatred, and the result for him in that case cannot but be painful.

nào trên cõi cảm dục trong giấc ngủ, y phải đang tạo ra các kết quả. Nếu y cảm thấy, thậm chí mù quáng, tình yêu và sự ân cần đối với một số người, và trong giấc ngủ của mình y hướng về họ với những tư tưởng mơ hồ về thiện ý, y chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến họ ở một mức độ nào đó, và ảnh hưởng đó phải là một ảnh hưởng tốt. Do đó, không có khả năng tránh được phản ứng ngược lại bản thân y, và điều này cũng sẽ là tốt. Điều tương tự cũng đúng nếu cảm xúc không may là sự không thích hoặc thù hận mãnh liệt, và kết quả đối với y trong trường hợp đó không thể không đau đớn.

When, after death, he lives entirely in the astral world, his consciousness is usually much more definite than it has been during the sleep of his physical body, and he is correspondingly better able to think and act with determination in regard to other men, and so his opportunities of making good or bad karma are the greater. But when such a man ends his astral life and passes into the heaven-world he reaches a condition where activity is no longer possible for him. He has encouraged activities in his mental body, during life, in certain directions only, and now that he comes to live entirely in that mental body he finds himself enclosed within it as in a tower, shut off from the world around him and able to look out upon it only through the windows in it which he has opened by means of those activities.

Khi, sau khi chết, y sống hoàn toàn trong cõi cảm dục, tâm thức của y thường rõ ràng hơn nhiều so với khi y ngủ trong thể xác của mình, và do đó y có khả năng suy nghĩ và hành động quyết đoán hơn nhiều đối với người khác, và vì thế, cơ hội của y trong việc tạo ra nghiệp quả tốt hoặc xấu cũng lớn hơn. Nhưng khi người như vậy kết thúc đời sống cảm dục và bước vào cõi thiên đàng, y đạt đến một trạng thái mà ở đó hoạt động không còn là điều có thể đối với y. Y đã khuyến khích các hoạt động của thể trí của mình trong cuộc sống, chỉ theo một số hướng nhất định, và bây giờ khi y sống hoàn toàn trong thể trí đó, y thấy mình bị bao vây trong nó như trong một tòa tháp, bị tách biệt khỏi thế giới xung quanh và chỉ có thể nhìn ra ngoài thông qua những cửa sổ trong thể trí mà y đã mở thông qua các hoạt động đó.

Through those windows the mighty forces of the plane play upon him; he responds to them and leads a life of vivid joy—which is, however, confined to those particular lines. But, though he is thus shut away from the full enjoyment of the possibilities of the mental

Qua những cửa sổ đó, các lực mạnh mẽ của cõi giới tác động lên y; y phản ứng với chúng và sống một cuộc đời tràn đầy niềm vui mãnh liệt —tuy nhiên, niềm vui này chỉ giới hạn trong những hướng cụ thể đó. Nhưng, mặc dù y bị giới hạn như vậy trong việc tận hưởng đầy đủ

world, it must not be supposed that he is in the slightest degree conscious of any curtailment of his activities or his feelings. He is, on the contrary, filled with bliss to the very utmost of which he is capable, and it is to him incredible that there can be any greater joy than that which he is himself experiencing. True, he has shut himself in within certain limits; but he is quite unconscious of those limits, and he has all that he can possibly desire or think of within them. He has surrounded himself with images of his friends, so that through these images he is actually in closer connection with them than he has ever been on any other plane.

các khả năng của cõi trí, không nên nghĩ rằng y có ý thức về bất kỳ sự hạn chế nào của hoạt động hoặc cảm xúc của mình. Ngược lại, y tràn ngập hạnh phúc đến mức cao nhất mà y có thể trải nghiệm, và đối với y, thật không thể tin nổi rằng có thể có niềm vui nào lớn hơn những gì mà y đang trải nghiệm. Đúng là y đã tự giới hạn mình trong một số ranh giới nhất định; nhưng y hoàn toàn không ý thức về những ranh giới đó, và y có tất cả những gì y có thể mong muốn hoặc nghĩ đến trong những ranh giới đó. Y đã tự bao quanh mình bằng các hình ảnh của những người bạn của mình, do đó thông qua những hình ảnh này, y thực sự có sự kết nối chặt chẽ hơn với họ hơn bao giờ hết ở bất kỳ cõi giới nào khác.

Let us see then what are his possibilities for making karma in this curiously limited life—limited, we must remember, from the point of view of the mental world only, for along the lines of its special directions its possibilities are far greater than those of physical life. A man under such conditions cannot originate a fresh line of affection or devotion, but his affection and devotion along the lines which he has already decided will be distinctly much more powerful than they ever could have been while he was labouring under the heavy limitations of the physical body.

Hãy xem xét các khả năng tạo ra nghiệp quả của y trong đời sống bị giới hạn một cách kỳ lạ này—giới hạn, chúng ta phải nhớ, từ quan điểm của cõi trí, vì theo những hướng cụ thể đó, các khả năng của nó còn lớn hơn nhiều so với cuộc sống trần gian. Một người trong hoàn cảnh như vậy không thể khởi đầu một dòng cảm xúc hoặc sự tận tâm mới, nhưng tình cảm và sự tận tâm của y theo những hướng mà y đã quyết định sẽ rõ ràng mạnh mẽ hơn nhiều so với những gì y từng có thể có trong khi chịu đựng những hạn chế nặng nề của thể xác.

An ordinary man such as we have described is, quite unintentionally and unconsciously to himself, producing three separate results, during the whole of his heaven-life. Let us take as an example the emotion of affection. He feels this strongly for certain friends, and it is probable that even after his death those friends still think of him with kindly remembrance, and thus his memory is not without its effect even upon their

Một người bình thường như chúng ta đã mô tả, dù hoàn toàn không có ý định và vô thức với bản thân, vẫn đang tạo ra ba kết quả riêng biệt trong suốt cuộc đời trên cõi thiên đàng của mình. Hãy lấy ví dụ về cảm xúc tình cảm. Y cảm thấy điều này mãnh liệt đối với một số người bạn nhất định, và có lẽ ngay cả sau khi y qua đời, những người bạn đó vẫn nghĩ về y với những ký ức tốt đẹp, và do đó ký ức về y không phải là không có ảnh hưởng đến chính phàm

personalities. But entirely apart from this is the effect to which I have above referred—that he makes an image of each friend and, in so doing, draws forth a strong response from the ego of that friend. The affection which he pours upon that ego (manifesting through the thought-form which he has made for it) is a mighty power for good, which bears no inconsiderable part in the evolution of that ego. It evokes from him an amount of affection which would not otherwise be stirred up in him; and the steady intensification of that most admirable quality throughout the centuries of the heaven-life raises the friend considerably in the scale of evolution. To do this for another ego is unquestionably an act which generates karma, even though the man who has set all this machinery in motion has done so uncomprehendingly.

ngã của họ. Nhưng hoàn toàn tách biệt khỏi điều này là hiệu ứng mà tôi đã đề cập ở trên—rằng y tạo ra một hình ảnh của mỗi người bạn và trong việc làm như vậy, y gợi lên một phản ứng mạnh mẽ từ chân ngã của người bạn đó. Tình cảm mà y trút lên chân ngã đó (thể hiện qua hình tư tưởng mà y đã tạo ra cho nó) là một sức mạnh to lớn cho điều tốt lành, và đóng góp không nhỏ vào sự tiến hóa của chân ngã đó. Nó đánh thức một lượng tình cảm mà bình thường sẽ không được khơi dậy trong chân ngã đó; và sự tăng cường liên tục của phẩm tính đáng khen ngợi này trong suốt nhiều thế kỷ của đời sống trên cõi thiên đàng nâng cao người bạn đó đáng kể trong thang tiến hóa. Làm điều này cho một chân ngã khác chắc chắn là một hành động tạo ra nghiệp quả, ngay cả khi người đã khởi động toàn bộ quá trình này đã làm điều đó mà không hiểu biết.

Occasionally the action of such a force upon the ego of a surviving friend may manifest itself even in the personality of that friend upon the physical plane. The action is upon the ego through the special thought-form; but the personality of the surviving friend in this world is a manifestation of the same ego, and if the ego be considerably modified it is at least possible that that modification may show itself in the physical manifestation on this lower plane. It may be asked why the thought of the man in the heaven-world should not act upon his friend precisely as does the thought of a living man—why the vibrations sent forth from his mental body cannot strike directly upon the mental body of his friend, and why it should not generate a thought-form which would travel through space and attach itself to his friend in the ordinary way. If he were moving freely and consciously about the

Đôi khi, hành động của một lực như vậy đối với chân ngã của một người bạn còn sống có thể biểu hiện ngay cả trong phàm ngã của người bạn đó trên cõi trần. Hành động đó tác động lên chân ngã thông qua hình tư tưởng đặc biệt; nhưng phàm ngã của người bạn còn sống trong thế giới này là sự thể hiện của cùng một chân ngã, và nếu chân ngã bị thay đổi đáng kể, ít nhất có thể rằng sự thay đổi đó sẽ biểu hiện trong sự thể hiện hồng trần trên cõi thấp này. Người ta có thể hỏi tại sao tư tưởng của một người trên cõi thiên đàng không tác động lên bạn mình chính xác như cách tư tưởng của một người đang sống—tại sao những rung động được phát ra từ thể trí của y không thể tác động trực tiếp lên thể trí của bạn mình, và tại sao nó không thể tạo ra một hình tư tưởng di chuyển qua không gian và gắn liền với người bạn theo cách thông thường. Nếu y di chuyển tự do và có ý thức trên cõi trí, đó

mental plane that is precisely what would happen, but the reason that it does not lies in the peculiar condition of the man in the heaven-world.

chính xác là điều sẽ xảy ra, nhưng lý do mà nó không xảy ra nằm ở tình trạng đặc biệt của người đó trong đời sống thiên đàng.

The man in the heaven-life has shut himself out absolutely from the rest of the world—from the mental plane as much as from the lower levels, and he is living inside the shell of his own thoughts. If his thoughts could reach us in the ordinary way, ours could reach him in precisely the same way, but we know that that is not so. The thought-form which he makes of his friend is within his own shell, and therefore he can act upon it; and, since the ego of the friend has poured himself down into that thought-form, the force reaches the ego of the friend in that way, and from that ego it may, as we have said, to some extent manifest itself even in the personality of the friend down here. The shell is as regards the mental plane much like the shell of an egg on the physical plane. The only way to get anything into the shell of an egg, without breaking it, would be to pour it in from the fourth dimension, or to find a force whose vibrations are sufficiently fine to penetrate between the particles of the shell without disturbing them. This is true also of this mental shell; it cannot be penetrated by any vibrations of matter of its own level, but the finer vibrations which belong to the ego can pass through it without disturbing it in the least; so that it can be acted upon freely from above, but not from below.

Người trong đời sống thiên đàng đã hoàn toàn tách biệt khỏi thế giới còn lại—khỏi cõi trí cũng như khỏi các cấp độ thấp hơn, và y đang sống bên trong vỏ bọc của những tư tưởng của riêng mình. Nếu những tư tưởng của y có thể chạm đến chúng ta theo cách thông thường, thì những tư tưởng của chúng ta cũng có thể chạm đến y theo cùng một cách, nhưng chúng ta biết rằng điều đó không xảy ra. Hình tư tưởng mà y tạo ra về bạn mình nằm trong vỏ bọc của chính y, và do đó y có thể tác động lên nó; và bởi vì chân ngã của người bạn đã trút mình xuống hình tư tưởng đó, nên lực lượng đó tác động lên chân ngã của người bạn theo cách đó, và từ chân ngã đó, như chúng tôi đã nói, đến một mức độ nào đó, nó có thể biểu hiện ngay cả trong phàm ngã của người bạn đó ở dưới đây. Vỏ bọc đó đối với cõi trí giống như vỏ của một quả trứng trên cõi hồng trần. Cách duy nhất để đưa bất cứ thứ gì vào bên trong vỏ trứng mà không làm vỡ nó là đổ nó vào từ chiều thứ tư, hoặc tìm một lực có rung động đủ tinh tế để thâm nhập vào giữa các hạt của vỏ trứng mà không làm chúng rối loạn. Điều này cũng đúng đối với vỏ bọc tinh thần này; nó không thể bị thâm nhập bởi bất kỳ rung động nào của vật chất ở cấp độ của chính nó, nhưng những rung động tinh tế hơn thuộc về chân ngã có thể xuyên qua nó mà không làm rối loạn nó chút nào; do đó nó có thể bị tác động tự do từ phía trên, nhưng không phải từ phía dưới.

The thought-form made by the dead man may be considered as a kind of additional artificial mental body, made for and presented to the

Hình tư tưởng được tạo ra bởi người đã chết có thể được coi là một loại thể trí bổ sung nhân tạo, được tạo ra và trao cho người bạn mà tình

friend upon whom the love is being poured forth. The personality down here knows nothing of this, but the ego is fully conscious of it and plunges down into it with delight and avidity, realising incidentally that this affords him an additional opportunity of manifestation, and therefore of evolution. From this it follows that the man who has made himself generally beloved—the man who has many real friends—will evolve with far greater rapidity than a more ordinary man; and this again is obviously the karma of his development within himself of the qualities which make him so lovable.

yêu đang được trút lên. Phàm ngã ở dưới đây không biết gì về điều này, nhưng chân ngã hoàn toàn ý thức về nó và đắm mình trong đó với niềm vui và sự ham muốn, đồng thời nhận ra rằng điều này mang lại cho y một cơ hội biểu hiện bổ sung, và do đó là một cơ hội để tiến hóa. Từ đó, chúng ta có thể suy ra rằng một người đã tự làm mình được yêu mến rộng rãi —người có nhiều người bạn thực sự—sẽ tiến hóa nhanh hơn rất nhiều so với một người bình thường; và điều này hiển nhiên là nghiệp quả của sự phát triển trong bản thân y những phẩm tính khiến y trở nên đáng yêu như vậy.

So much for the direct result of his action upon individuals; but there are also two aspects of its general action which must not be ignored. A man who thus pours out a great flood of affection, and evokes in response other floods from his friends, is distinctly improving the mental atmosphere in his neighborhood. It is good for the world and for the humanity evolving in it that its mental atmosphere should thus be charged with such feelings, for they play upon all its inhabitants —devas, men, animals, plants—and on every one of these widely different forms of life they have their influence, and always an influence for good.

Đó là về kết quả trực tiếp của hành động của y đối với các cá nhân; nhưng cũng có hai khía cạnh khác trong hành động chung của y mà chúng ta không được bỏ qua. Một người như vậy đổ ra một dòng tình cảm mạnh mẽ, và đánh thức ngược lại những dòng tình cảm khác từ bạn mình, rõ ràng là đang cải thiện bầu không khí trí tuệ xung quanh mình. Điều đó là tốt cho thế giới và cho nhân loại đang tiến hóa trong đó khi bầu không khí trí tuệ được sạc đầy những cảm xúc như vậy, vì chúng tác động lên tất cả cư dân—chư thiên, con người, động vật, thực vật—và đối với mỗi một trong những hình thức sống khác nhau này, chúng có ảnh hưởng, và luôn luôn là một ảnh hưởng tốt.

The second and more important of the results produced for the world at large will be readily comprehensible to those who have studied the book on Thought-forms, as an attempt is there made to indicate the outpouring which flows down from the LOGOS in response to a thought of unselfish devotion. It has often been explained that such response comes not only to the individual who originated the

Kết quả thứ hai và quan trọng hơn được tạo ra cho thế giới nói chung sẽ dễ dàng hiểu được đối với những ai đã nghiên cứu cuốn sách về Hình tư tưởng, vì một nỗ lực đã được thực hiện trong đó để chỉ ra sự tuôn tràn chảy xuống từ Thượng Đế (LOGOS) để đáp lại một tư tưởng về sự tận tâm vị tha. Đã nhiều lần được giải thích rằng sự đáp lại như vậy không chỉ đến với cá nhân đã khởi phát tư tưởng, mà còn giúp làm

thought, but that it also helps to fill the reservoir of spiritual force, which is held by the Nirmanakaya at the disposal of the Masters of Wisdom and their pupils, to be used for the helping of mankind. What is true of devotion is true also of unselfish affection, and if every outrush of such affection or devotion during the comparatively limited physical life produces so magnificent a result, it is easy to see that a far stronger outrush, sustained through a period of perhaps a thousand years, will make to that reservoir a really considerable contribution, and this will bring to the world a benefit which is not calculable in any terms that we can use upon the physical plane.

đầy kho chứa lực tinh thần, được các Nirmanakaya nắm giữ để các Chân Sư Minh Triết và các đệ tử của các Ngài sử dụng nhằm giúp đỡ nhân loại. Điều gì đúng với sự tận tâm cũng đúng với tình cảm vị tha, và nếu mỗi lần tuôn trào của tình cảm hoặc sự tận tâm trong cuộc sống ngắn ngủi trên cõi trần tạo ra một kết quả tuyệt vời như vậy, thì dễ dàng nhận thấy rằng một dòng tuôn trào mạnh mẽ hơn nhiều, được duy trì trong khoảng một ngàn năm, sẽ đóng góp đáng kể vào kho chứa đó, và điều này sẽ mang lại cho thế giới một lợi ích không thể tính toán được bằng bất kỳ điều kiện nào mà chúng ta có thể sử dụng trên cõi trần.

So it is clear that while a man' s power for good augments as his consciousness in these higher worlds increases, even the quite ordinary man, who has as yet no special development of consciousness, is nevertheless capable of doing an enormous amount of good during his sojourn upon the higher planes. During his long stay in the heaven-world he may benefit his fellow-men, and so make a large amount of good karma for himself; but, in order to do that, he must be a man of unselfish love or unselfish devotion. It is this quality of unselfishness, of self-forgetfulness, which puts the power into his hands; and that, therefore, is the virtue which every man must cultivate now in full consciousness, in order that after death he may use to the best advantage those far longer periods whose conditions it is now so impossible for him to realize.

Vì vậy, rõ ràng rằng khi sức mạnh của một người đối với điều thiện tăng lên cùng với sự gia tăng tâm thức của y trên các cõi cao hơn, thì ngay cả người bình thường, người vẫn chưa phát triển đặc biệt về tâm thức, vẫn có khả năng làm rất nhiều điều tốt trong suốt hành trình của mình trên các cõi cao. Trong thời gian dài y ở lại cõi thiên đàng, y có thể mang lại lợi ích cho đồng loại của mình và do đó tạo ra một lượng nghiệp quả tốt lớn cho bản thân; nhưng để làm được điều đó, y phải là người có tình yêu vị tha hoặc lòng tận tâm vị tha. Chính phẩm chất vị tha, sự quên mình, là thứ trao quyền vào tay y; và do đó, đó là đức hạnh mà mỗi con người phải trau dồi ngay bây giờ trong tâm thức đầy đủ, để sau khi chết, y có thể tận dụng tối đa những khoảng thời gian dài hơn nhiều, với những điều kiện mà bây giờ y khó có thể hình dung ra.

SECOND SECTION: ASTRAL WORK
PHẦN HAI: CÔNG VIỆC TRÊN CÕI TRUNG GIỚI-

INVISIBLE HELPERS—NHỮNG NGƯỜI CỨU TRỢ VÔ HÌNH-

PEOPLE often write to us, applying to be admitted to the band of invisible helpers, and asking what preparation is necessary. Those who desire to take up this work should familiarise themselves thoroughly with the book written under that title, and should especially take care to develope within themselves the qualifications which are there described. I have little to add to what I have there written, except that I should advise every one who wishes to take up work on the astral plane to learn as much as he can beforehand of the conditions of life on that plane.

Mọi người thường viết thư cho chúng tôi, xin gia nhập vào nhóm những người trợ giúp vô hình và hỏi về những chuẩn bị cần thiết. Những ai mong muốn tham gia vào công việc này nên tự mình quen thuộc hoàn toàn với cuốn sách viết về chủ đề đó, và đặc biệt chú ý phát triển trong bản thân những phẩm chất được mô tả trong đó. Tôi chỉ có rất ít điều để bổ sung vào những gì tôi đã viết, ngoại trừ việc khuyên mọi người nếu muốn bắt đầu công việc trên cõi cảm dục, thì hãy học hỏi càng nhiều càng tốt về các điều kiện sống trên cõi đó trước.

In the astral life we are absolutely the same persons as we are down here, but with certain limitations removed. Our interests and activities on that plane resemble those on the physical; a student is still studious; an idle person is still idle; an active helper on the physical plane is still a helper there. Some people still gossip there just as venomously as ever, and are still continuing to make just the same bad karma by doing so. Most dead people haunt for a long time the places to which they have been accustomed in life. Many a man hovers round his ancestral home, and continues daily to visit the astral counterpart of the temple which he used to support. Others drift round and make pilgrimages, without trouble or expense, to all the great shrines which during life they have in vain

Trong cuộc sống ở cõi cảm dục, chúng ta hoàn toàn là những con người giống như khi chúng ta ở dưới đây, nhưng với một số giới hạn được loại bỏ. Những sở thích và hoạt động của chúng ta trên cõi đó tương tự như trên cõi hồng trần; một học viên vẫn chăm chỉ, một người lười biếng vẫn lười biếng, và một người trợ giúp tích cực trên cõi hồng trần vẫn là một người trợ giúp ở đó. Một số người vẫn tán gẫu một cách ác độc như trước, và tiếp tục tạo nghiệp xấu bằng việc đó. Hầu hết người chết ám ảnh lâu dài những nơi họ đã quen thuộc khi còn sống. Nhiều người lảng vảng quanh ngôi nhà tổ tiên của mình và tiếp tục hàng ngày viếng thăm đối phần cảm dục của ngôi đền mà họ từng ủng hộ. Những người khác trôi dạt và hành hương mà không gặp khó khăn hay tốn kém đến tất cả các đền thờ lớn mà khi

wished to visit.

còn sống họ từng ước mong nhưng không thể viếng thăm.

There is perfect continuity in the astral life. That life is in many ways much more real than this, or at least much nearer to reality, and this physical existence is only a series of breaks in it during which our activity is greatly limited and our consciousness but partially operative. To most of us in this lower life the night seems a blank, and in the morning we remember nothing of what we have done; but we must not therefore suppose that we are equally dense on the astral plane. That wider consciousness fully includes this, and every night we remember vividly not only what we did on all previous nights, but also all that we have done on the intermediate days. It is the physical brain which is dull and clogged, and it is upon return to it that we lose our memory of all except that with which it has been directly concerned. The astral life is much more vivid and its emotions are far stronger than any that we know down here. What we ordinarily call an emotion is only the comparatively small fragment of one which remains after the greater part of it has been exhausted in setting in motion the clumsy physical particles, so it is not difficult to see how far more intense and real that other life must be.

Có một sự liên tục hoàn hảo trong cuộc sống cõi cảm dục. Cuộc sống đó theo nhiều cách thực sự còn chân thực hơn cuộc sống này, hoặc ít nhất là gần với thực tế hơn, và sự tồn tại hồng trần này chỉ là một loạt các gián đoạn trong đó mà hoạt động của chúng ta bị hạn chế nhiều và ý thức của chúng ta chỉ hoạt động một phần. Với hầu hết chúng ta trong cuộc sống thấp này, ban đêm dường như là một khoảng trống, và vào buổi sáng, chúng ta không nhớ gì về những gì đã làm; nhưng vì thế mà không nên cho rằng chúng ta cũng u mê trên cõi cảm dục. Ý thức rộng lớn hơn đó bao gồm hoàn toàn cuộc sống này, và mỗi đêm chúng ta nhớ rõ không chỉ những gì đã làm trong tất cả các đêm trước, mà còn cả những gì đã làm trong những ngày trung gian. Chính bộ não hồng trần là trì trệ và tắc nghẽn, và khi trở lại cơ thể đó, chúng ta mất ký ức về tất cả, trừ những gì đã liên quan trực tiếp đến nó. Cuộc sống ở cõi cảm dục sống động hơn nhiều và cảm xúc của nó mạnh mẽ hơn nhiều so với bất kỳ điều gì chúng ta biết ở dưới đây. Những gì chúng ta thường gọi là cảm xúc chỉ là một mảnh nhỏ so với cảm xúc lớn hơn đã cạn kiệt khi làm lay động các hạt hồng trần vụng về, vì vậy không khó để thấy cuộc sống kia còn mãnh liệt và thực tế hơn bao nhiêu.

And yet, although this is quite true, and true of everybody, ordinary people usually do very little in the way of real work on the astral plane. They do not know, in fact, that they can work, and even if they did know they would probably see no particular reason why they should. A man may spend a very enjoyable time in the astral world, just drifting about and experiencing various pleasurable

Và tuy nhiên, mặc dù điều này hoàn toàn đúng và đúng với tất cả mọi người, nhưng người thường thường rất ít làm việc thực sự trên cõi cảm dục. Họ không biết rằng họ có thể làm việc, và ngay cả khi họ biết, họ có lẽ không thấy có lý do cụ thể nào để họ phải làm như vậy. Một người có thể trải qua một khoảng thời gian rất thú vị trong thế giới cảm dục, chỉ đơn giản là trôi nổi và trải nghiệm các cảm xúc thú vị.

emotions. That seems to most people the only thing to do, and it needs a powerful motive to rouse them out of that, and make them take the trouble of devoting their time to the helping of others. We must admit that for the ordinary man this motive does not exist; but when we have begun to study Theosophy, and in that way learn the course of evolution and the purpose of things, there arises within us an earnest desire to help forward that evolution, to accomplish that purpose, and to put our fellow-men in the way of understanding it also, in order that thereby their troubles may be lightened and the path of their progress made easier.

Điều đó dường như đối với hầu hết mọi người là điều duy nhất cần làm, và cần có một động lực mạnh mẽ để đánh thức họ khỏi điều đó và khiến họ chịu khó dành thời gian giúp đỡ người khác. Phải thừa nhận rằng đối với người bình thường, động lực này không tồn tại; nhưng khi chúng ta bắt đầu nghiên cứu Thông Thiên Học, và từ đó học hỏi về quá trình tiến hóa và mục đích của mọi sự vật, một mong muốn chân thành giúp đỡ sự tiến hóa đó sẽ nảy sinh trong chúng ta, để thực hiện mục đích đó, và để giúp đỡ đồng loại hiểu được nó, để qua đó giảm bớt những khó khăn của họ và làm con đường tiến bộ của họ dễ dàng hơn.

Now, when a man thus awakens to his duty, how is he to set about it? We are all of us capable of such work, to a greater or less extent, though probably not in the habit of doing it. All people of ordinary culture and development have their astral bodies in working order, just as all reasonably healthy people possess the necessary muscles and the necessary strength in them to enable them to swim; but if they have not learnt how to use them they will need a certain amount of instruction before they can usefully or even safely take to the water. The difficulty with the ordinary person is not that the astral body cannot act, but that for thousands of years that body has been accustomed to being set in motion only by impressions received from below through the physical vehicle, so that men do not realise that the astral body can work on its own plane and on its own account, and that the will can act upon it directly. People remain 'unawake' astrally because they get into the habit of waiting for the familiar physical vibrations to call out their astral activity.

Bây giờ, khi một người thức tỉnh với nhiệm vụ của mình, làm thế nào để bắt đầu nó? Chúng ta đều có khả năng làm việc này, ở mức độ lớn hay nhỏ, mặc dù có lẽ chưa có thói quen thực hiện nó. Tất cả những người có văn hóa và phát triển bình thường đều có thể hoạt động được trong thể cảm dục của mình, cũng giống như tất cả những người có sức khỏe hợp lý đều có đủ cơ bắp và sức mạnh cần thiết để có thể bơi; nhưng nếu họ chưa học cách sử dụng chúng, họ sẽ cần một số hướng dẫn trước khi có thể sử dụng chúng một cách hữu ích hoặc thậm chí an toàn. Khó khăn đối với người bình thường không phải là thể cảm dục không thể hoạt động, mà là trong hàng ngàn năm, thể đó đã quen với việc chỉ được kích hoạt bởi những ấn tượng nhận được từ bên dưới thông qua phương tiện hồng trần, đến mức con người không nhận ra rằng thể cảm dục có thể hoạt động trên cõi của nó và tự chủ, và rằng ý chí có thể tác động trực tiếp lên nó. Con người vẫn còn "chưa thức tỉnh" về mặt cảm dục vì họ quen chờ đợi các rung động hồng trần quen thuộc kích hoạt hoạt động của thể cảm dục.

There are several ways in which a man may begin to help. Suppose, for example, that a relation or friend dies. In order to reach and to help him during sleep, all that is necessary is to think of him before retiring to rest, with the resolve to give him whatever assistance he most needs. We do not need any help in order to find him, or to communicate with him. We must try to understand that as soon as we leave the physical body at night we stand side by side with a departed friend, exactly as we did when he was with us on the physical plane. One great thing to remember is the necessity of curbing all sorrow for the so-called dead, because it cannot but react upon

Có nhiều cách để một người có thể bắt đầu giúp đỡ. Giả sử, chẳng hạn, rằng một người thân hay bạn bè qua đời. Để có thể tiếp cận và giúp đỡ họ trong giấc ngủ, tất cả những gì cần làm là nghĩ đến họ trước khi đi ngủ, với quyết tâm giúp đỡ họ trong bất kỳ điều gì họ cần nhất. Chúng ta không cần sự giúp đỡ nào để tìm thấy họ hay liên lạc với họ. Chúng ta phải hiểu rằng ngay khi chúng ta rời khỏi thể xác vào ban đêm, chúng ta đứng cạnh người bạn đã qua đời, giống hệt như khi họ còn sống ở cõi hồng trần. Một điều quan trọng cần nhớ là phải kiềm chế mọi nỗi buồn dành cho người được gọi là đã chết, vì nó không thể không tác

him.

If a man allows himself to despair about the dead, the feeling of despair will affect them very strongly, for emotions play through the astral body, and consequently those who are living in their astral vehicles are much more readily and deeply influenced by them than people who have a physical body to deaden their perceptions. The dead can see us, but it is our astral body that they see; consequently they are at once aware of our emotions, but not necessarily of the details of our physical condition. They know whether we are happy or miserable, but not what book we are reading, for example. The emotion is obvious to them, but not necessarily the thought which causes it. The dead man carries on with him his affections and hatreds; he knows his old friends when he meets them, and he also often forms new friendships among new companions whom he meets for the first time on the astral plane.

Not only must we avoid sorrow, but also excitement of any kind. The invisible helper must above all things keep perfectly calm. I have known a worthy lady who was full of the most earnest desire to help, and in her eagerness to do so keyed herself up into a tremendous state of excitement. Now, excitement shows itself in the astral body in great increased of size, violent vibration and the flashing forth of fiery colours. So the newly-dead person, who was quite unused to astral surroundings, and consequently in a state of timidity and nervousness, was horrified to see a huge flaming, flashing sphere come rushing at him with evident intention. Naturally he took this for the

động ngược lại lên họ.

Nếu một người để cho mình rơi vào tuyệt vọng về người chết, cảm giác tuyệt vọng đó sẽ ảnh hưởng rất mạnh đến họ, vì cảm xúc thể hiện qua thể cảm dục, và do đó, những người đang sống trong thể cảm dục của họ dễ dàng và sâu sắc bị ảnh hưởng hơn nhiều so với những người có thể hồng trần làm giảm bớt nhận thức của họ. Người chết có thể nhìn thấy chúng ta, nhưng họ nhìn thấy thể cảm dục của chúng ta; do đó, họ ngay lập tức nhận biết được cảm xúc của chúng ta, nhưng không nhất thiết nhận biết được chi tiết về điều kiện hồng trần của chúng ta. Họ biết liệu chúng ta có vui vẻ hay đau khổ, nhưng không biết chúng ta đang đọc cuốn sách nào, chẳng hạn. Cảm xúc là điều hiển nhiên đối với họ, nhưng không nhất thiết là ý nghĩ tạo ra cảm xúc đó. Người chết tiếp tục mang theo tình cảm và thù hận của họ; họ nhận ra những người bạn cũ khi gặp họ, và họ cũng thường hình thành những tình bạn mới với những người bạn mới mà họ gặp lần đầu tiên trên cõi cảm dục.

Không chỉ chúng ta phải tránh buồn bã, mà còn phải tránh bất kỳ sự kích động nào. Người trợ giúp vô hình trước hết phải giữ hoàn toàn bình tĩnh. Tôi đã từng biết một quý bà tốt bụng, đầy mong muốn giúp đỡ, và trong sự hăng hái của mình, bà đã tự đẩy mình vào một trạng thái kích động lớn. Bây giờ, sự kích động thể hiện trong thể cảm dục bằng sự gia tăng kích thước lớn, rung động mãnh liệt và những tia sáng màu lửa chớp nhoáng. Do đó, người vừa mới qua đời, vốn chưa quen với môi trường cảm dục và do đó trong trạng thái lo lắng và nhút nhát, đã kinh hoàng khi thấy một quả cầu khổng lồ, chớp sáng lao tới mình với ý định rõ ràng. Tự nhiên y cho rằng đó là ma quỷ thần học hiện thân thực sự, và la hét chạy trốn

theological devil in propria persona, and fled shrieking before it to the ends of the earth, though for a long time it increases his terror by persistently following him.

khỏi nó đến tận cùng thế giới, mặc dù trong một thời gian dài, sự sợ hãi của y tăng lên bởi vì quả cầu đó cứ dai dẳng đuổi theo y.

One case in which it is often possible for even a beginner to make himself useful is that of some friend of neighbour who is known to be about to die. If one has access to him physically, and if his illness is of a nature which makes it possible to discuss with him the conditions of death and of its after-states, a little rational explanation of these will often very greatly relieve his mind and lighten his burdens. Indeed, the mere meeting with a person who speaks confidently and cheerfully about the life beyond the grave is frequently the greatest consolation to one who finds himself approaching it.

Một trường hợp mà thậm chí một người mới bắt đầu cũng có thể hữu ích là khi một người bạn hoặc hàng xóm sắp qua đời. Nếu người đó còn có thể tiếp cận về mặt thể chất, và nếu bệnh của y thuộc loại có thể thảo luận với y về các điều kiện của cái chết và các trạng thái sau đó, một chút giải thích hợp lý về những điều này thường có thể làm giảm bớt rất nhiều gánh nặng tinh thần của y. Thực tế, chỉ cần gặp một người có thể nói một cách tự tin và vui vẻ về cuộc sống sau cái chết thường là sự an ủi lớn nhất đối với người đang cận kề với nó.

If, however, for any reason, this physical communication is impossible, much may be done during sleep by acting upon the dying man from the astral plane. An untrained person seeking to give such help should follow the rules laid down in our books; he should fix the intention of aiding that particular person in his mind before going to sleep, and he should even decide as far as possible upon the arguments which should be presented and even the very words which should be used, for the more precise and definite the resolution is made while awake, the more certain it is to be faithfully and accurately carried out in the astral body during sleep.

Nếu vì bất kỳ lý do nào mà việc giao tiếp thể chất không thể thực hiện được, có thể làm được rất nhiều trong khi ngủ bằng cách tác động lên người sắp chết từ cõi cảm dục. Một người chưa được đào tạo muốn giúp đỡ trong trường hợp này nên tuân theo các quy tắc được nêu trong các sách của chúng tôi; y nên đặt ý định giúp đỡ người đó vào tâm trí trước khi đi ngủ, và thậm chí nên quyết định càng cụ thể càng tốt về các lập luận sẽ trình bày và thậm chí những từ ngữ nào nên sử dụng, bởi vì ý định càng chính xác và rõ ràng khi còn thức, thì càng chắc chắn nó sẽ được thực hiện trung thực và chính xác trong thể cảm dục khi ngủ.

The explanation to be given to the sick man is necessarily the same in both cases. The main object of the helper is to calm and encourage the sufferer, to induce him to realise that death is a perfectly natural and usually an

Lời giải thích dành cho người bệnh phải giống nhau trong cả hai trường hợp. Mục tiêu chính của người trợ giúp là làm dịu và khích lệ người bệnh, khiến y nhận ra rằng cái chết là một quá trình hoàn toàn tự nhiên và thường là dễ dàng,

easy process, and in no case a formidable or terrible leap into an unknown abyss. The natural of the astral world, the way in which a man ought to order his life in it if he wishes to make the best of it, and the preparation necessary for progress toward the heaven-world which lies beyond; all these should be gradually explained by the helper to the dying man. The helper should always remember that his own attitude and state of mind produces even more effect than his argument or his advice, and consequently he must be exceedingly careful to approach his task with the greatest calmness and confidence. If the helper himself is in a condition of nervous excitement he is quite likely to do more harm than good, as did the poor lady whom I have just mentioned.

và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không phải là một bước nhảy đáng sợ vào một vực thẳm chưa biết. Bản chất của thế giới cảm dục, cách mà con người nên sống trong đó nếu muốn tận dụng tối đa cuộc sống, và sự chuẩn bị cần thiết để tiến bộ hướng tới thế giới thiên đường nằm ở phía xa; tất cả những điều này nên được giải thích dần dần bởi người trợ giúp cho người sắp chết. Người trợ giúp luôn phải nhớ rằng thái độ và trạng thái tinh thần của chính mình tạo ra hiệu quả lớn hơn so với lập luận hoặc lời khuyên của mình, và do đó, y phải hết sức cẩn thận tiếp cận nhiệm vụ với sự bình tĩnh và tự tin tối đa. Nếu chính người trợ giúp đang trong trạng thái kích động lo lắng, y rất có khả năng gây hại nhiều hơn là lợi ích, giống như trường hợp của người phụ nữ mà tôi vừa đề cập.

The assistance offered should be continued after death. There will be a certain period of unconsciousness then, but it may last only for a moment, though often the moment expands into a few minutes, or several hours, and sometimes even into many days or weeks. A trained pupil naturally observes for himself the condition of the ‘dead’ man’ s consciousness and regulates his assistance accordingly; the untrained man will do well to offer such assistance immediately after death, and also to hold himself in readiness to give it

Sự trợ giúp nên được tiếp tục ngay cả sau khi chết. Sẽ có một khoảng thời gian vô thức, nhưng nó có thể chỉ kéo dài trong giây lát, mặc dù đôi khi giây phút đó có thể kéo dài vài phút, vài giờ, và đôi khi thậm chí là nhiều ngày hoặc nhiều tuần. Một học viên được đào tạo tự nhiên sẽ quan sát trạng thái ý thức của người "chết" và điều chỉnh sự trợ giúp của mình cho phù hợp; một người chưa được đào tạo nên sẵn sàng cung cấp sự trợ giúp ngay sau khi người đó qua đời, và cũng nên giữ sự sẵn sàng giúp đỡ trong nhiều đêm tiếp theo, để đảm bảo rằng

for several succeeding nights, in order that he may not fail to be at hand when his services are needed. So many diverse circumstances affect the duration of this period of unconsciousness that it is scarcely possible to lay down any general rule in the matter.

mình có mặt khi sự trợ giúp cần thiết. Có nhiều yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến độ dài của thời kỳ vô thức này đến mức khó có thể đưa ra quy luật chung nào.

We should at least determine each night to comfort someone who is in trouble, and if we know the exact nature of the trouble we must do our best to adapt our measures to the needs of the case. If the sufferer be weak and exhausted, the helper should use his will to pour into him physical strength. If, on the other hand, he is excited or hysterical, the helper should endeavour to enfold him in a special aura of calm and gentleness—wrap him up, as it were in a strong thought-form of peace and harmony, just as one would wrap up a person in a blanket.

Chúng ta nên ít nhất quyết tâm mỗi đêm an ủi ai đó đang gặp rắc rối, và nếu chúng ta biết rõ tính chất của vấn đề, chúng ta phải cố gắng hết sức để điều chỉnh các biện pháp giúp đỡ phù hợp với nhu cầu cụ thể. Nếu người đau khổ yếu ớt và kiệt sức, người trợ giúp nên dùng ý chí của mình để truyền sinh lực vào cho họ. Nếu ngược lại, người đó đang kích động hoặc hoảng loạn, người trợ giúp nên cố gắng bao bọc họ trong một trường hào quang của sự bình tĩnh và dịu dàng—như thể quấn người đó trong một khối tư tưởng mạnh mẽ của sự hòa bình và hài hòa, giống như cách quấn một người trong một chiếc chăn.

It is often difficult for one who tries to help to believe that he can have been successful, when he wakes in the morning and remembers nothing whatever of what has taken place. As a matter of fact some measure of success is absolutely certain, and as the helper goes on with his work he will often receive cheering little indications that he is producing definite results in spite of his lack of memory.

Người mới bắt đầu công việc trợ giúp thường gặp khó khăn trong việc tin rằng mình đã thành công, khi tỉnh dậy vào buổi sáng mà không nhớ gì về những gì đã xảy ra. Thực tế là một số thành công nhất định đã chắc chắn xảy ra, và khi người trợ giúp tiếp tục công việc của mình, y sẽ thường xuyên nhận được những dấu hiệu khích lệ nhỏ rằng y đang tạo ra kết quả cụ thể mặc dù thiếu ký ức về nó.

Many a member has set himself to try this, and for a long time has known nothing as to results, until one day it has happened to him to meet physically the person whom he has been trying to assist, and to be much comforted to see the improvement in him. Sometimes it happens that the friend dates the commencement of his recovery from a

Nhiều thành viên đã tự mình thử điều này và trong một thời gian dài không biết gì về kết quả, cho đến một ngày họ tình cờ gặp người mà họ đã cố gắng giúp đỡ và cảm thấy được an ủi khi nhìn thấy sự cải thiện ở người đó. Đôi khi, người bạn đó cho biết sự phục hồi của mình bắt đầu từ một đêm cụ thể, khi họ có một giấc mơ dễ chịu hoặc đặc biệt, và người trợ

particular night on which he had a pleasant or a remarkable dream; and the helper is startled when he remembers that it was on that very night that he made a specially determined effort to help that man. The first time that this happens, the helper probably persuades himself that it is a mere accident; but when a sufficient number of coincidences have accumulated he begins to see that there is something more in it than that. The beginner therefore should do his best, and be content to wait as far as result are concerned.

giúp ngạc nhiên khi nhớ rằng đó chính là đêm mà y đã cố gắng đặc biệt quyết tâm giúp đỡ người đó. Lần đầu tiên điều này xảy ra, người trợ giúp có thể tự thuyết phục rằng đó chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên; nhưng khi có đủ số lượng trùng hợp tích lũy, y bắt đầu nhận ra rằng có điều gì đó hơn cả sự ngẫu nhiên. Vì vậy, người mới bắt đầu nên làm hết sức mình và hài lòng chờ đợi kết quả.

There is another simple experiment which has greatly helped some beginners in gaining confidence. Let a man resolve to visit astrally some room which is well known to him—one, let us say, in a friend' s house; and let him note carefully the arrangement of the furniture and books. Or if, without previously intending it, the experimenter finds himself during sleep in a spot which he recognises (that is, in ordinary parlance, if he dreams of a certain place) he should set himself to observe it with great care. If when he remembers this in the morning it seems to him that everything in that room was exactly as when he last saw it physically, there is nothing to prove that it was not really a mere dream or memory; but if he recollects some decided change in the arrangements, or if there is something new

Có một thí nghiệm đơn giản khác đã giúp nhiều người mới bắt đầu tăng cường sự tự tin. Hãy để một người quyết tâm thăm một căn phòng quen thuộc nào đó—ví dụ, một căn phòng trong nhà của một người bạn; và hãy để y ghi nhớ cẩn thận cách sắp xếp đồ đạc và sách vở. Hoặc nếu, trong khi ngủ, người thực hiện thí nghiệm nhận ra rằng mình đang ở một nơi mà mình biết (nói cách khác, nếu y mơ thấy một nơi nhất định), y nên tự nhắc mình quan sát nơi đó thật kỹ lưỡng. Nếu khi y nhớ lại vào buổi sáng, mọi thứ trong căn phòng giống hệt như khi y thấy nó lần cuối về mặt hồng trần, thì không có gì chứng minh rằng đó không chỉ là một giấc mơ hoặc ký ức; nhưng nếu y nhớ lại một sự thay đổi rõ rệt trong cách sắp xếp hoặc nếu có điều gì đó mới và bất ngờ, thì rõ ràng điều đó đáng để y đến thăm căn phòng đó vào

and unexpected, it is distinctly worth his while to go physically in the morning to visit that room, in order to test whether his nocturnal vision has been correct.

buổi sáng để kiểm tra xem liệu tầm nhìn ban đêm của mình có chính xác hay không.

All those of us who are definitely engaged in astral work have necessarily at one time or another taken in hand a number of cases which needed help. Such help may occasionally be of the nature of a surgical operation—something which can be done once for all, and then put aside; but far more often what is needed is comfort, reassurance and strengthening which must be repeated day after day in order that it may gradually sink into the texture of some wounded nature and transmute it into something braver and nobler. Or sometimes it is knowledge which must be given little by little as the mind opens to it and is able to bear it. Thus it comes that each worker has a number of chronic cases, clients, patients—call them what you will—whom he visits every night, just as a doctor upon earth makes a regular round among his patients.

Tất cả những ai trong chúng ta đang làm việc trên cõi cảm dục chắc chắn tại một thời điểm nào đó đã nhận được một số trường hợp cần giúp đỡ. Sự giúp đỡ đó đôi khi có thể giống như một cuộc phẫu thuật—một điều gì đó có thể làm một lần cho tất cả và sau đó đặt sang một bên; nhưng thường thì điều cần thiết là sự an ủi, trấn an và củng cố, điều này cần được lặp đi lặp lại hàng ngày để dần dần ngấm vào bản chất của một tâm hồn bị tổn thương và chuyển hóa nó thành điều gì đó dũng cảm và cao quý hơn. Hoặc đôi khi, đó là kiến thức phải được truyền đạt từng chút một khi tâm trí dần mở ra và có thể tiếp nhận nó. Do đó, mỗi người trợ giúp thường có một số trường hợp mãn tính—có thể gọi là khách hàng, bệnh nhân—mà họ đến thăm mỗi đêm, giống như một bác sĩ trên Trái đất đi vòng quanh khám bệnh nhân của mình.

It often happens also that those who have been thus helped are filled with gratitude towards the worker, and attach themselves to him in order to second his efforts, and to pass on to others the benefits which they have thus received. So it comes that each worker is usually the centre of a small group, the leader of a little band of helpers for whom he is always able to find constant employment. For example, a large number of people who die are much in the position of children afraid of the dark. One may reason with them, and argue patiently and convincingly that there is nothing whatever to fear; but a hand that the child can hold is of more practical use to him

Cũng thường xảy ra rằng những người đã được giúp đỡ như vậy tràn đầy lòng biết ơn đối với người trợ giúp và gắn bó với y để tiếp tục nỗ lực giúp đỡ, và truyền lại cho người khác những lợi ích mà họ đã nhận được. Do đó, mỗi người trợ giúp thường là trung tâm của một nhóm nhỏ, lãnh đạo một nhóm những người trợ giúp nhỏ, và luôn tìm được công việc để họ làm. Ví dụ, một số lượng lớn những người chết rơi vào tình trạng giống như trẻ em sợ bóng tối. Bạn có thể lý luận với họ và giải thích một cách kiên nhẫn và thuyết phục rằng không có gì phải sợ hãi; nhưng một bàn tay để trẻ nắm giữ lại có giá trị thực tế hơn một chương giải thích đầy đủ lý lẽ.

than a whole chapter of arguments.

The astral worker, with a score of other cases needing immediate attention, cannot possibly spend the whole night in standing by and comforting one nervous or doubting patient; but he can detach for that purpose one of his earnest followers who is not so busily occupied, and is therefore able to devote himself to that charitable work. For to comfort the child in the dark no brilliant scientific knowledge is needed; what he wants is a kindly hand and the sense of companionship. So that work can be found in the astral world for any number of workers, and everyone who wishes, man, woman or child, may be one of them. For the larger and more comprehensive varieties of work, and for the direction of the work, much knowledge is of course required; but a heart full of love and the earnest desire to help is equipment enough to enable any one to become one of the minor comforters, and even that humble effort brings in its train a blessing beyond all calculation.

Người trợ giúp trên cõi cảm dục, với một loạt các trường hợp khác cần sự chú ý ngay lập tức, không thể dành cả đêm để đứng bên cạnh và an ủi một bệnh nhân lo lắng hoặc nghi ngờ; nhưng y có thể cử một trong những người trợ giúp nhiệt tình của mình, người không quá bận rộn, và do đó có thể dành thời gian cho công việc từ thiện đó. Bởi vì để an ủi một đứa trẻ trong bóng tối, không cần đến kiến thức khoa học uyên bác; điều mà đứa trẻ cần là một bàn tay tử tế và cảm giác về sự đồng hành. Vì vậy, có rất nhiều việc có thể được thực hiện trên cõi cảm dục dành cho những người trợ giúp, và bất cứ ai mong muốn—dù là đàn ông, phụ nữ hay trẻ em—đều có thể tham gia. Đối với những loại công việc lớn hơn và bao quát hơn, và đối với việc điều hành công việc, tất nhiên cần có nhiều kiến thức; nhưng một trái tim đầy yêu thương và mong muốn chân thành giúp đỡ là đủ để bất kỳ ai trở thành một trong những người trợ giúp nhỏ bé, và thậm chí nỗ lực khiêm tốn đó cũng mang lại một phước lành lớn lao không thể tính toán được.

When the astral worker finally lays aside the physical body for this incarnation, he finds himself among an army of grateful friends who rejoice unreservedly that he is now able to spend the whole of his life with them instead of only a third of it. For such a worker there will be no sense of strangeness or newness in the condition of the life after death. The change for him means only that he will then be able to devote the whole of his time to what is even now by far the happiest and most effective part of his work—a part which he takes up every night with joy and lays aside every morning with regret—the real life, in which our days of physical existence

Khi người trợ giúp trên cõi cảm dục cuối cùng rời bỏ thể xác trong kiếp sống này, y sẽ thấy mình được bao quanh bởi một đội quân bạn bè biết ơn, những người vô cùng vui mừng khi y có thể dành toàn bộ cuộc đời với họ thay vì chỉ một phần ba của nó. Đối với một người trợ giúp như vậy, sẽ không có cảm giác lạ lẫm hoặc mới mẻ nào trong trạng thái của cuộc sống sau khi chết. Sự thay đổi đối với y chỉ có nghĩa là y sẽ có thể cống hiến toàn bộ thời gian cho điều vốn đã là phần công việc hạnh phúc và hiệu quả nhất của mình—một phần công việc mà y đón nhận mỗi đêm với niềm vui và buông bỏ mỗi buổi sáng với sự tiếc nuối—cuộc sống thực sự, trong đó những ngày tồn tại hồng

are but dull and featureless interludes.

trần của chúng ta chỉ là những khoảng gián đoạn nhàm chán và thiếu sự phong phú.

There are one or two other points with regard to the astral life which it is desirable for the worker to try to understand. One of these is the method of what I suppose we must call speech—the communication of ideas on the astral plane.

Có một hoặc hai điểm khác liên quan đến cuộc sống trên cõi cảm dục mà người trợ giúp cần cố gắng hiểu. Một trong số đó là phương pháp mà chúng ta gọi là "lời nói"—tức là sự giao tiếp bằng ý tưởng trên cõi cảm dục.

It is not always easy to understand down here the substitute for language which is used in the astral world. Sound in the ordinary sense of the word is not possible there—indeed it is not possible even in the higher part of the purely physical plane. As soon as one rises above the air into the etheric regions, there is no more possibility of sound as we understand the word. Yet the symbol of sound is used very much higher, for we constantly find references to the spoken word of the LOGOS, which calls the worlds into manifestation.

Không phải lúc nào cũng dễ dàng hiểu được dưới cõi hồng trần những thay thế cho ngôn ngữ được sử dụng trên cõi cảm dục. Âm thanh theo nghĩa thông thường của từ này không thể tồn tại ở đó—thực tế nó thậm chí không thể tồn tại ngay cả ở phần cao hơn của cõi hồng trần thuần túy. Ngay khi chúng ta vượt lên trên không khí và vào các vùng dĩ thái, không còn khả năng nghe thấy âm thanh như chúng ta hiểu về nó nữa. Tuy nhiên, biểu tượng của âm thanh vẫn được sử dụng ở mức cao hơn, vì chúng ta thường thấy những tham chiếu đến lời nói của LOGOS, lời kêu gọi các thế giới vào sự hiện diện.

If in the morning we remember an experience of the previous night, such as the meeting with a friend or the attendance at a lecture, it will always seem to us that we heard a voice in the usual terrestrial way, and that we ourselves replied to it, also audibly. In reality this is not so; it is merely that when we bring through a recollection to the physical brain we instinctively express it in terms of the ordinary senses. Yet it would not be correct to say that the language of the astral world is thought-transference; the most that could be said is that it is the transference of a thought formulated in a particular way.

Nếu vào buổi sáng, chúng ta nhớ lại một trải nghiệm của đêm trước, chẳng hạn như gặp gỡ một người bạn hoặc tham dự một buổi thuyết giảng, thì dường như chúng ta đã nghe thấy một giọng nói theo cách thông thường của thế giới trần gian, và chúng ta cũng đã trả lời nó bằng lời nói có âm thanh. Trong thực tế, điều này không phải vậy; chỉ là khi chúng ta mang ký ức về trải nghiệm đó vào bộ não hồng trần, chúng ta theo bản năng diễn giải nó theo cách của các giác quan thông thường. Tuy nhiên, cũng không hoàn toàn chính xác khi nói rằng ngôn ngữ trên cõi cảm dục là sự truyền đạt tư tưởng; điều có thể nói là đó là sự truyền đạt tư tưởng được định hình theo một cách cụ thể.

In the mental world one formulates a thought

Trên cõi trí, một tư tưởng được định hình và

and it is instantly transmitted to the mind of another without any expression in the form of words. Therefore on that plane language does not matter in the least; but helpers working in the astral world, who have not yet the power to use the mental vehicle, must depend on the facilities offered by the astral plane itself. These lie as it were half way between the thought-transference of the mental world and the concrete speech of the physical, but it is still necessary to formulate the thought in words. It is as though one showed such formulation to the other party in the dialogue, and he replied (almost simultaneously, but not quite) by showing in the same way his formulated reply. For this exchange it is necessary that the two parties should have a language in common; therefore the more languages an astral-plane helper knows, the more useful he is.

ngay lập tức truyền đến tâm trí của người khác mà không cần bất kỳ biểu hiện dưới hình thức ngôn từ nào. Do đó, trên cõi đó, ngôn ngữ hoàn toàn không quan trọng; nhưng những người trợ giúp làm việc trên cõi cảm dục, chưa có khả năng sử dụng phương tiện trí tuệ, phải dựa vào những phương tiện do chính cõi cảm dục cung cấp. Những phương tiện này nằm ở đâu đó giữa sự truyền đạt tư tưởng của cõi trí và ngôn ngữ cụ thể của cõi hồng trần, nhưng vẫn cần phải định hình tư tưởng thành từ ngữ. Giống như thể một người cho đối tác trong cuộc đối thoại thấy sự định hình đó, và người kia sẽ trả lời (gần như đồng thời, nhưng không hoàn toàn) bằng cách thể hiện câu trả lời được định hình của mình theo cách tương tự. Để trao đổi như vậy, cần thiết hai người phải có một ngôn ngữ chung; do đó, người trợ giúp trên cõi cảm dục biết càng nhiều ngôn ngữ thì càng hữu ích.

The pupils of the Masters, however, have been taught to form a special kind of temporary vehicle, in order to meet these difficulties. They habitually leave their astral bodies with the physical; they travel about in their mental bodies, and they materialise a temporary astral body from surrounding matter when they need it for astral work. All who have been taught to do this have the advantage of the mental-plane method of thought-

Những học viên của các Chân sư, tuy nhiên, đã được dạy cách tạo ra một loại thể tạm thời đặc biệt, để vượt qua những khó khăn này. Họ thường để lại thể cảm dục cùng với thể xác của mình; họ di chuyển trong thể trí của mình và tạo ra một thể cảm dục tạm thời từ vật chất xung quanh khi cần làm việc trên cõi cảm dục. Tất cả những ai đã được dạy cách làm điều này đều có lợi thế từ phương pháp truyền đạt tư tưởng của cõi trí liên quan đến việc hiểu người

transference so far as understanding another man is concerned, though their power to convey a thought in that way is limited by the degree of development of that other man' s astral body.

khác, mặc dù khả năng truyền đạt tư tưởng theo cách đó của họ bị giới hạn bởi mức độ phát triển của thể cảm dục của người đối diện.

Apart from definitely trained pupils, there are very few people who consciously work in the mental body—for to do so means years of practice in meditation and special effort. We know that a man in the heaven-world shuts himself up within a shell of his own thoughts, and that these thoughts then act as channels through which the life of the mental world can affect him. But we cannot call this functioning on the mental plane, for that involves the free moving about on that plane, and the observation of what exists there.

Ngoài những học viên được huấn luyện kỹ lưỡng, có rất ít người có thể làm việc có ý thức trong thể trí của mình—vì điều này đòi hỏi nhiều năm thực hành thiền định và nỗ lực đặc biệt. Chúng ta biết rằng một người trong thế giới thiên đàng tự đóng kín mình trong vỏ bọc của các tư tưởng của chính mình, và những tư tưởng này sau đó hoạt động như các kênh thông qua đó sự sống của cõi trí có thể ảnh hưởng đến họ. Nhưng chúng ta không thể gọi điều này là hoạt động thực sự trên cõi trí, vì điều đó đòi hỏi khả năng di chuyển tự do trên cõi đó và quan sát những gì tồn tại ở đó.

Fortunately, the mental elemental does not rearrange the mental body after death, so that we have not the same kind of trouble with it as with the desire-elemental on the astral plane. Indeed, the elemental essence of the mental plane differs greatly from that of the astral. It is a whole chain behind the other, and therefore it has not the same force. It is trying to deal with, for it is largely responsible for our wandering thoughts, as it darts constantly from one thing to another; but at least it does not make a shell of any sort, although certain portions of the mental body may become hardened, as I have explained when dealing with that subject.

May mắn thay, tinh linh trí tuệ không tái cấu trúc thể trí sau khi chết, vì vậy chúng ta không gặp phải rắc rối tương tự như với tinh linh dục vọng trên cõi cảm dục. Thực tế, tinh linh thuộc cõi trí khác biệt rất nhiều so với tinh linh cõi cảm dục. Nó kém xa một chuỗi tiến hóa, và do đó nó không có cùng sức mạnh. Nó gây khó khăn khi đối phó, vì nó chịu trách nhiệm chính cho những suy nghĩ lan man của chúng ta, luôn nhảy từ điều này sang điều khác; nhưng ít nhất nó không tạo ra một lớp vỏ bọc nào, mặc dù một số phần của thể trí có thể trở nên cứng lại, như tôi đã giải thích khi bàn về chủ đề này.

When a man function in the mental vehicle he leaves the astral body behind him in a condition of suspended animation, along with the physical. If he finds it necessary he can easily surround that torpid astral body with a

Khi một người hoạt động trong thể trí, y để lại thể cảm dục trong trạng thái bất động cùng với thể xác. Nếu cần, y có thể dễ dàng bao bọc thể cảm dục đó trong một lớp vỏ bảo vệ, hoặc thiết lập trong nó những rung động khiến nó

shell, or he can set up in it vibrations which render it impervious to all evil influences. It is unquestionably possible for any man in process of time, by meditation upon the LOGOS or the Master, to raise himself first to the astral and then to the mental levels; but none can say how long it will take, as that depends entirely upon the past of the student.

không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ tác động xấu nào. Chắc chắn rằng bất kỳ ai, trong quá trình thời gian, qua thiền định về LOGOS hoặc Chân sư, đều có thể nâng mình lên cõi cảm dục và sau đó lên cõi trí; nhưng không ai có thể nói trước được bao lâu, vì điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào quá khứ của học viên.

It is quite possible for any person when upon the astral plane after death to set himself to study, and to acquire entirely new ideas. I have known people who learnt Theosophy for the first time in the astral world. I have even heard of a case in which a lady learnt music there, but that is unusual. Probably some dead person gave her lessons, or it may be that the teacher was a living musician who was on the astral plane at the same time as the lady. In astral life people often think that they are playing on astral instruments, but in reality they are only making vibrations by their thought, which produce the effect of sound. There is a special class of devas who respond to music and express themselves through it, and sometimes they are willing to teach people to whom music is the first and only thing in life.

Rất có khả năng khi một người đã ở trên cõi cảm dục sau khi chết, họ có thể tự học hỏi và tiếp thu những ý tưởng hoàn toàn mới. Tôi đã biết những người lần đầu tiên học Thông Thiên Học ở cõi cảm dục. Tôi thậm chí còn nghe nói về một trường hợp trong đó một người phụ nữ học nhạc ở đó, nhưng điều này rất hiếm. Có lẽ một người đã qua đời dạy bà ấy, hoặc có thể người thầy là một nhạc sĩ còn sống, nhưng cũng đang ở trên cõi cảm dục cùng lúc với bà ấy. Trong cuộc sống cảm dục, con người thường nghĩ rằng họ đang chơi trên các nhạc cụ cảm dục, nhưng thực tế họ chỉ tạo ra những rung động bằng ý tưởng của mình, tạo nên hiệu ứng âm thanh. Có một nhóm các thiên thần (devas) đặc biệt phản ứng với âm nhạc và biểu hiện qua nó, và đôi khi họ sẵn sàng dạy những người mà âm nhạc là điều quan trọng nhất trong cuộc đời.

Most dead people shut themselves out from many of the possibilities of the plane, by accepting the rearrangement of the body at death, which prevents them from seeing anything belonging to the higher levels. The Theosophist will not allow this rearrangement, because he intends to work, and therefore he must be free to move through all the sub-planes. We cannot get rid of elemental essence, but we can subdue the desire-elemental, draw in the finer types of matter, and make the ego strong to keep the

Hầu hết những người đã chết tự đóng kín mình trước nhiều khả năng của cõi cảm dục bằng cách chấp nhận sự tái cấu trúc của cơ thể sau khi chết, điều này ngăn họ nhìn thấy bất kỳ thứ gì thuộc về các mức độ cao hơn. Người Thông Thiên Học sẽ không chấp nhận sự tái cấu trúc này, bởi vì họ có ý định làm việc, và do đó họ phải tự do di chuyển qua tất cả các cõi phụ. Chúng ta không thể loại bỏ tinh linh dục vọng, nhưng chúng ta có thể chế ngự nó, thu hút các loại vật chất tinh tế hơn và khiến chân ngã mạnh mẽ để giữ sự kiểm soát. Tinh linh

upper hand. The essence wants violent emotion, so as to evolve downwards—which, it must be remembered, is its proper and legitimate course of evolution. If it knew of our existence, we should appear to it to be evil beings and tempters, trying to prevent the evolution which it knows to be right for it. If we steadfastly refuse to allow our astral body to vibrate at the rate peculiar to the coarser matter, that coarser matter will gradually be discharged from the body, which will become finer in texture, and the desire-elemental will be of a less active kind.

dục vọng muốn trải qua những cảm xúc mãnh liệt, vì sự tiến hóa của nó là tiến xuống dưới—và chúng ta phải nhớ rằng đó là quá trình tiến hóa chính đáng của nó. Nếu tinh linh dục vọng biết đến sự tồn tại của chúng ta, chúng ta sẽ xuất hiện với nó như những thực thể tà ác và những kẻ cám dỗ, cố gắng ngăn cản sự tiến hóa mà nó biết là đúng cho nó. Nếu chúng ta kiên quyết không cho phép thể cảm dục của mình rung động theo tốc độ đặc trưng của loại vật chất thô kém, thì vật chất thô kém đó sẽ dần dần bị loại bỏ khỏi thể của chúng ta, khiến nó trở nên tinh tế hơn, và tinh linh dục vọng sẽ ít hoạt động hơn.

The rearrangement which the desire-elemental produces after death is over the surface of the counterpart of the physical body, not over the surface of the egg which surrounds it. The elemental tries to inspire a feeling of terror in the man who is jolting him out of this arrangement, in order to deter him from doing so. This is one reason why it is so useful to have knowledge of these matters before death.

Sự tái cấu trúc mà tinh linh dục vọng thực hiện sau khi chết nằm trên bề mặt của đối phần thể hồng trần, chứ không phải trên bề mặt của lớp vỏ bao quanh nó. Tinh linh dục vọng cố gắng tạo ra cảm giác sợ hãi cho người đang làm lung lay cấu trúc này, nhằm ngăn cản họ thực hiện điều đó. Đây là một trong những lý do tại sao việc có kiến thức về những vấn đề này trước khi chết lại rất hữu ích.

There is no such thing as sleep in the astral world. The need of sleep on the physical plane is that it calms the physical centres and allows them time to rebuild themselves chemically, so that the astral body can work more freely, through a better vehicle; but on the astral plane there is no fatigue, unless we may call by that name the gradual slackening down of all the energies when the end of the astral life is approaching.

Không có thứ gọi là giấc ngủ trên cõi cảm dục. Nhu cầu ngủ trên cõi hồng trần là để làm dịu các trung tâm hồng trần và cho phép chúng có thời gian tái tạo hóa học, nhờ đó thể cảm dục có thể hoạt động tự do hơn, thông qua một phương tiện tốt hơn; nhưng trên cõi cảm dục không có sự mệt mỏi, trừ khi chúng ta có thể gọi đó là sự suy giảm dần dần của tất cả các năng lượng khi thời gian sống ở cõi cảm dục sắp kết thúc.

It is possible to forget upon the astral plane, just as it is upon the physical. I mean in this case not the loss of memory between two planes, which is so common, but the actually

Có khả năng quên lãng trên cõi cảm dục, giống như trên cõi hồng trần. Ý tôi là, không phải là mất trí nhớ giữa hai cõi, điều mà rất phổ biến, mà là việc không thể nhớ lại vào đêm nay trên

being unable to remember on the astral plane to-night some of the details of what one did last night or last year. Indeed, perhaps it is even easier to forget on the astral plane than on the physical, because that world is so busy and so populous.

cõi cảm dục một số chi tiết của những gì đã làm vào đêm trước hoặc năm trước. Thực tế, có lẽ dễ quên hơn trên cõi cảm dục so với cõi hồng trần, bởi vì thế giới đó quá bận rộn và đông đúc.

Knowledge of a person in the astral world does not necessarily mean knowledge of the physical life of that person. For example, many of us know Madame Blavatsky in her new body exceedingly well on the astral plane, yet none of us have yet seen that body physically. She often uses her old form, though generally the new astral body now.

Việc hiểu biết về một người trên cõi cảm dục không nhất thiết có nghĩa là hiểu biết về cuộc sống thể chất của người đó. Ví dụ, nhiều người trong chúng ta biết về bà Blavatsky trong cơ thể mới của bà trên cõi cảm dục rất rõ ràng, mặc dù không ai trong chúng ta đã gặp cơ thể đó trên cõi hồng trần. Bà ấy thường sử dụng hình dạng cũ của mình, mặc dù hiện nay bà chủ yếu sử dụng cơ thể cảm dục mới.

REMEMBERING ASTRAL EXPERIENCE—
NHỚ LẠI CÁC KINH NGHIỆM TRÊN CÕI TRUNG GIỚI-

When you leave your body to-night, you will remember all that you did last night and during the day—in fact, you will have the whole of your present waking memory, plus that of your nightly astral life. The astral memory includes the physical, but your physical brain does not remember the astral experience, for the simple reason that it had

Khi bạn rời khỏi thân thể vào tối nay, bạn sẽ nhớ tất cả những gì bạn đã làm đêm qua và trong suốt ngày hôm nay—thực tế, bạn sẽ có toàn bộ ký ức tỉnh thức hiện tại của mình, cộng với ký ức của đời sống cảm dục ban đêm. Ký ức cảm dục bao gồm cả ký ức hồng trần, nhưng bộ não hồng trần của bạn không nhớ được trải nghiệm cảm dục, đơn giản vì nó

no share in it.

không tham gia vào đó.

A special link must be made, or rather an obstacle must be removed, in order to bring the memory through into the physical brain. In the slow course of evolution the power of perfect memory will come to every one, so that there will no longer be any veil between the two planes. Apart from this full development sometimes something occurs which the man feels that he ought to remember on the physical plane, and in that case he makes a special effort to impress it upon the brain, in order that it may be remembered in the morning. There are some events, too, which make such a vivid impression upon the astral body that they become impressed upon the physical brain by a kind of repercussion.

Một mối liên kết đặc biệt phải được tạo ra, hoặc đúng hơn là một chướng ngại phải được loại bỏ, để đưa ký ức vào bộ não hồng trần. Trong quá trình tiến hóa chậm chạp, năng lực ghi nhớ hoàn hảo sẽ đến với mọi người, để không còn có bất kỳ tấm màn nào giữa hai cõi. Ngoài sự phát triển đầy đủ này, đôi khi có điều gì đó xảy ra mà người ta cảm thấy cần phải nhớ lại trên cõi hồng trần, và trong trường hợp đó, người đó nỗ lực đặc biệt để khắc sâu vào bộ não, để nó có thể được ghi nhớ vào buổi sáng. Cũng có một số sự kiện tạo ra ấn tượng mạnh mẽ đến nỗi chúng in dấu lên bộ não hồng trần bằng một loại phản ứng ngược.

It is comparatively rarely, however, that such an impression is perfect, and there may be many stages of imperfection. This is one source of what we call dreams, and we know how confused and incomplete and even ridiculous they may often be. One form of distortion which frequently occurs in the case of the unpractised helper is that he confuses himself with the person to whom he has been giving assistance.

Tuy nhiên, khá hiếm khi ấn tượng đó là hoàn hảo, và có thể có nhiều giai đoạn không hoàn hảo. Đây là một nguồn gốc của những gì chúng ta gọi là giấc mơ, và chúng ta biết chúng có thể thường bị rối loạn, không hoàn chỉnh và thậm chí kỳ cục như thế nào. Một hình thức biến dạng thường xảy ra đối với người giúp đỡ chưa có kinh nghiệm là y nhầm lẫn mình với người mà y đang giúp đỡ.

I remember a case of a member of our band who was deputed to assist the victim of an explosion. He was warned a few minutes beforehand, and had time enough to make an effort to calm and steady the man' s mind, and then immediately after the outburst had taken place he was still on hand to continue the same process; but in the morning, when he described the event to me, he declared that it seemed exactly as though he himself had been

Tôi nhớ một trường hợp về một thành viên trong nhóm chúng tôi được giao nhiệm vụ giúp đỡ nạn nhân của một vụ nổ. Y đã được cảnh báo vài phút trước đó, và có đủ thời gian để nỗ lực làm dịu và ổn định tâm trí của người đàn ông, và ngay sau khi vụ nổ xảy ra, y vẫn có mặt để tiếp tục quá trình đó; nhưng vào buổi sáng, khi y mô tả sự kiện cho tôi, y tuyên bố rằng dường như chính y là nạn nhân của vụ nổ. Y đã đồng hóa mình quá chặt chẽ với bệnh

the victim of the explosion. He had identified himself so closely with his patient that he felt the shock and the sensation of flying upwards exactly as, we must presume, the victim felt them. In another case the same member was called upon to assist a soldier who was driving an ammunition waggon down an execrable mountain road, and was thrown off and killed by the wheels passing over his body. In this case also our member entirely identified himself with the soldier, and his memory of the event was that he had dreamed of driving such a waggon and being thrown from it and killed, just as the real driver had been.

nhân của mình đến mức y cảm nhận cú sốc và cảm giác bay lên trên không trung chính xác như, chúng ta phải giả định, nạn nhân đã cảm nhận. Trong một trường hợp khác, cùng thành viên này được kêu gọi giúp đỡ một người lính đang lái một xe chở đạn dược xuống một con đường núi tồi tệ, và bị bánh xe cán qua thân thể khi bị hất văng khỏi xe và chết. Trong trường hợp này, thành viên của chúng tôi cũng hoàn toàn đồng hóa với người lính, và ký ức của y về sự kiện là y đã mơ thấy mình lái chiếc xe như vậy, bị hất văng khỏi xe và chết, giống như người lái thực sự.

In other cases what is remembered is not at all what really happened, but rather a sort of symbolic description of it, sometimes quite elaborate and poetical. This comes evidently from the image-making characteristic of the ego—his faculty of instantaneous dramatisation—and it sometimes happens that the symbol is recollected without its key; it comes through untranslated, as it were, so that unless the helper has a more experienced friend at hand to explain matters, he may have only a vague idea of what he has really done. A good instance of this came before my notice many years ago—so many that, as I made no record of it at the time; I am not now quite certain of one or two of its points, and am

Trong các trường hợp khác, những gì được ghi nhớ không phải là những gì thực sự đã xảy ra, mà là một dạng mô tả tượng trưng về nó, đôi khi khá tinh tế và mang tính thi vị. Điều này rõ ràng xuất phát từ đặc điểm tạo hình của chân ngã—khả năng kịch hoá tức thời của nó—và đôi khi biểu tượng được ghi nhớ mà không có chìa khóa của nó; nó được truyền qua mà không được dịch, như nó vốn là, khiến cho nếu không có một người bạn có kinh nghiệm hơn giải thích sự việc, người giúp đỡ chỉ có thể có một ý niệm mơ hồ về những gì y đã thực sự làm. Một ví dụ điển hình về điều này đã được đưa ra trước mắt tôi nhiều năm trước—nhiều đến mức, vì tôi không ghi lại nó vào thời điểm đó, giờ đây tôi không chắc chắn về một hoặc

therefore obliged to omit some of it, and make it a little less interesting than I think it really was.

hai điểm của nó, và do đó, buộc phải bỏ qua một phần, và khiến nó bớt thú vị hơn so với thực tế mà tôi nghĩ nó thực sự đã có.

The helper came to me one morning to relate an exceedingly vivid dream which he felt sure was in reality something more than a dream. He remembered having seen a certain young lady drowning in the sea. I believe that he had the impression that she had been intentionally thrown in, though I do not think that he had any vision of the person who was supposed to have done this. He himself could not directly assist her, as he was present only in the astral body, and did not know how to materialise himself; but his keen sense of the imminence of the peril gave him strength to impress the idea of danger upon the young lady' s lover, and to bring him to the scene, when he at once plunged in and brought her ashore, delivering her into the arms of her father. The helper remembered the faces of all these three characters quite clearly, and was able so to describe them that they were afterwards readily recognisable. The helper begged me to look into this case, so that he might know how far his clear remembrance was reliable.

Người giúp đỡ đến gặp tôi vào một buổi sáng để kể về một giấc mơ cực kỳ sống động mà y tin chắc là một điều gì đó hơn cả một giấc mơ. Y nhớ đã thấy một cô gái trẻ đang chết đuối trong biển. Tôi tin rằng y có ấn tượng rằng cô gái đã bị ném xuống có chủ ý, mặc dù tôi không nghĩ rằng y có bất kỳ hình ảnh nào về người được cho là đã làm điều này. Bản thân y không thể trực tiếp giúp cô gái, vì y chỉ có mặt trong thể cảm dục và không biết cách hiện hình; nhưng cảm giác nguy hiểm cận kề đã làm cho y có đủ sức mạnh để truyền ý tưởng về mối nguy hiểm cho người yêu của cô gái, và khiến người này đến hiện trường, sau đó y lập tức lao xuống và đưa cô lên bờ, giao cô vào vòng tay của cha cô. Người giúp đỡ nhớ rõ khuôn mặt của ba nhân vật này, và có thể mô tả họ một cách rõ ràng đến mức sau này họ dễ dàng được nhận ra. Người giúp đỡ đã cầu xin tôi xem xét vụ việc này, để y có thể biết mức độ đáng tin cậy của ký ức rõ ràng của mình.

On doing so, I found to my surprise that the whole story was symbolic, and that the facts which had really occurred were of a different nature. The young lady was motherless, and lived practically alone with her father. She seems to have been rich as well as beautiful, and no doubt there were various aspirants to her hand. Our story, however, has to do only with two of these; one, a most estimable but bashful young fellow of the neighbourhood, who had adored her since childhood, had grown up in friendly relations with her, and

Khi làm như vậy, tôi đã ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng toàn bộ câu chuyện mang tính biểu tượng, và rằng các sự kiện thực sự đã xảy ra có tính chất khác. Cô gái trẻ mất mẹ và sống hầu như một mình với cha mình. Cô dường như vừa giàu có vừa xinh đẹp, và không nghi ngờ gì có nhiều người theo đuổi cô. Tuy nhiên, câu chuyện của chúng ta chỉ liên quan đến hai trong số đó; một là một chàng trai trẻ tốt bụng nhưng nhút nhát trong vùng, người đã ngưỡng mộ cô từ thuở nhỏ, lớn lên trong mối quan hệ thân thiện với cô, và thực tế đã có một

had in fact the usual half-understood, half-implied engagement which belongs to a boy-and-girl love affair. The other was a person distinctly of the adventurer type, handsome and dashing and captivating on the surface, but in reality a fortune-hunter of false and unreliable type. She was dazzled by his superficial brilliancy, and easily persuaded herself that her attraction for him was real affection, and that her previous feelings of comradeship for her boy friend amounted to nothing.

sự cam kết nửa hiểu, nửa ám chỉ thường thấy trong các mối tình của tuổi thiếu niên. Người kia là một người đàn ông thuộc loại phiêu lưu, đẹp trai, hấp dẫn và quyến rũ bề ngoài, nhưng thực chất là một kẻ săn tiền tài giả dối và không đáng tin cậy. Cô bị lóa mắt bởi vẻ ngoài sáng chói của y, và dễ dàng tự thuyết phục rằng sự thu hút của mình đối với y là tình cảm thật sự, và rằng những cảm xúc đồng đội trước đây của cô dành cho bạn trai cũ chẳng là gì cả.

Her father, however, was much more clear-sighted than she, and when the adventurer was presented to him he seems to have received him with marked coolness, and declined altogether, though kindly enough, to sanction his daughter' s marriage with a gentleman of whom he knew nothing. This was a great blow to the young lady, and the adventurer, meeting her in secret, easily persuaded her that she was a terribly ill-used and misunderstood person, that her father was quite unbearably tyrannical and ridiculously old-fashioned, that the only thing left for her to do as a girl of spirit was to show that she meant what she said by eloping with him (the aforesaid adventurer) after which of course the father would come round to a more sensible view of life, and the future

Tuy nhiên, cha cô sáng suốt hơn nhiều so với cô, và khi chàng trai phiêu lưu được giới thiệu với Ông, Ông dường như đã tiếp đón y một cách lạnh lùng rõ rệt, và hoàn toàn từ chối, mặc dù khá lịch sự, việc chấp thuận cuộc hôn nhân của con gái mình với một người mà Ông không biết gì. Điều này là một cú sốc lớn đối với cô gái trẻ, và chàng trai phiêu lưu, gặp cô trong bí mật, dễ dàng thuyết phục cô rằng cô đang bị đối xử bất công và bị hiểu lầm một cách khủng khiếp, rằng cha cô hoàn toàn quá độc đoán và lạc hậu một cách vô lý, rằng điều duy nhất còn lại cho cô làm, như một cô gái có tinh thần, là chứng minh rằng cô thực sự nghiêm túc bằng cách bỏ trốn với y (người phiêu lưu đã nói ở trên), sau đó tất nhiên cha cô sẽ thay đổi quan điểm và tương lai sẽ trở nên tươi đẹp hơn bao giờ hết.

would take on the rosiest of hues.

The foolish girl believed him, and he gradually worked upon her feelings until she consented; and the particular night upon which our friend the helper came upon the scene was that which had been chosen for the elopement. In true melodramatic style the adventurer was waiting round the corner with a carriage, and the girl was in her room hurriedly preparing herself to slip out and join him.

Cô gái ngốc nghếch tin vào lời của y, và y dần dần làm gia tăng cảm xúc của cô đến khi cô đồng ý; và đêm đặc biệt mà người bạn giúp đỡ của chúng ta xuất hiện là đêm đã được chọn cho cuộc bỏ trốn. Theo phong cách bi kịch, người phiêu lưu đang chờ đợi ở góc phố với một chiếc xe ngựa, và cô gái đang ở trong phòng mình vội vã chuẩn bị để lén ra ngoài gặp y.

Not unnaturally, when it came actually to the point her mind was much disturbed, and she found it very difficult to take the final step. It was this fluttering of the mind, this earnest desire for aid in decision, which attracted the notice of the helper as he was drifting casually by. Reading her thoughts, he quickly grasped the situation, and at once began to try to influence her against the rash step which she contemplated. Her mind, however, was in such a condition that he was unable to impress himself upon her as he wished, and he looked round in great anxiety for someone who should prove more amenable to his influence. He tried to seize upon the father, but he was engaged in his library in some literary work of so engrossing a character that it proved impossible to attract his attention.

Không có gì ngạc nhiên khi đến thời điểm thực sự, tâm trí của cô bị xáo trộn rất nhiều, và cô thấy rất khó để thực hiện bước cuối cùng. Chính sự dao động của tâm trí này, mong muốn khẩn thiết tìm kiếm sự giúp đỡ trong quyết định, đã thu hút sự chú ý của người giúp đỡ khi y đang lướt qua tình cờ. Đọc được suy nghĩ của cô, y nhanh chóng nắm bắt tình huống và ngay lập tức cố gắng tác động cô chống lại bước đi liều lĩnh mà cô đang dự định. Tuy nhiên, tâm trí cô đang trong tình trạng mà y không thể nào có thể tác động lên như y mong muốn, và y lo lắng nhìn quanh tìm kiếm ai đó dễ tiếp nhận ảnh hưởng của mình hơn. Y cố gắng hướng về phía cha cô, nhưng Ông đang bận rộn trong thư viện của mình với một công việc văn chương quá đắm chìm đến mức không thể thu hút sự chú ý của Ông.

Fortunately, however, the half-forgotten lover of her youth happened to be within reach, wandering about in the starlight and looking up at her window in the approved style of young lovers all the world over. The helper pounced upon him, seeing the condition of his sentiments, and to his great delight found him more receptive. His deep love made him anxious, and it was easy

May mắn thay, người yêu thời trẻ mà cô đã gần như quên lãng lại tình cờ ở gần đó, lang thang dưới ánh sao và ngước nhìn lên cửa sổ của cô theo phong cách kinh điển của những người yêu trẻ tuổi khắp thế gian. Người trợ giúp lao tới anh ta, nhận thấy trạng thái tình cảm của anh ta, và trong niềm vui lớn lao, phát hiện ra rằng anh ta dễ tiếp thu hơn. Tình yêu sâu sắc của anh khiến anh lo lắng, và việc tác động để

enough to influence him to walk far enough to see the carriage and the adventurer in waiting around the corner. His affection quickened his wits, and he instantly grasped the situation, and was filled with horror and dismay. To do him justice, at that supreme moment it was not of himself that he thought, not that he was on the eve of losing her, but that she was on the eve of throwing herself away and ruining the whole of her future life. In his excitement he forgot all about convention; he made his way into the house (for he had known the place since childhood), rushed up the stairs and met her at the door of her room.

anh đi xa đủ để thấy chiếc xe ngựa và kẻ phiêu lưu đang chờ đợi ở góc đường không mấy khó khăn. Tình cảm mãnh liệt làm trí óc anh trở nên nhạy bén, và anh lập tức hiểu ra tình huống, lòng đầy kinh hoàng và sợ hãi. Công bằng mà nói, trong khoảnh khắc tối quan trọng ấy, anh không nghĩ đến bản thân, không phải việc anh sắp mất cô, mà là cô sắp tự hủy hoại mình và làm tiêu tan toàn bộ tương lai. Trong sự kích động, anh quên hết mọi quy tắc xã giao; anh tiến thẳng vào nhà (vì đã quen thuộc nơi này từ thuở nhỏ), lao lên cầu thang và gặp cô ngay tại cửa phòng mình.

The words which he said to her neither he nor she can remember now, but in wild and earnest pleading he besought her to think before doing this terrible thing, to realise clearly into what an abyss she was about to throw herself, to bethink herself well before entering upon the path of destruction, and at least, before doing anything more, to consult openly with the loving father whom she was requiting so ill for his ceaseless care of her.

Những lời anh nói với cô, cả anh và cô giờ đây đều không thể nhớ được, nhưng trong sự cầu khẩn cuồng nhiệt và chân thành, anh tha thiết van xin cô hãy suy nghĩ kỹ trước khi làm điều kinh khủng này, hãy nhận thức rõ ràng về vực thẳm mà cô sắp lao vào, hãy cân nhắc thật kỹ trước khi bước vào con đường hủy diệt, và ít nhất, trước khi làm bất cứ điều gì khác, hãy thẳng thắn bàn bạc với người cha yêu thương, người mà cô đang đáp lại một cách tệ bạc sự chăm sóc không ngừng nghỉ của ông dành cho mình.

The shock of his sudden appearance and the fervour of his objurgations awakened her as from a sort of trance; and she offered scarcely any resistance when he dragged her off then and there to her father as he sat working in his library. The astonishment of the father may be imagined, when the story was unfolded before him. He had had not the slightest conception of his daughter' s attitude, and she herself, now that the spell was shaken off, could not imagine how she had ever been able really to contemplate such a step. Both she and her father overflowed with gratitude to the

Sự xuất hiện bất ngờ của anh và sự nhiệt thành trong những lời trách cứ đã đánh thức cô như thể từ một trạng thái mê muội; cô hầu như không chống cự khi anh kéo cô ngay lập tức đến gặp cha mình, lúc đó đang ngồi làm việc trong thư viện. Có thể hình dung được sự kinh ngạc của người cha khi câu chuyện được kể lại trước mặt ông. Ông hoàn toàn không hề hay biết về thái độ của con gái mình, và chính cô, giờ đây khi đã thoát khỏi cơn mê hoặc, cũng không thể hiểu nổi làm sao mình lại có thể thực sự nghĩ đến việc làm như vậy. Cả cô và cha đều tràn đầy lòng biết ơn đối với chàng trai

loyal young lover, and before he left her that night she had ratified the old childish engagement, and promised to be his wife at no remote date.

trẻ trung thành, và trước khi anh rời cô đêm đó, cô đã xác nhận lại lời hứa đính ước thời thơ ấu, hứa sẽ trở thành vợ anh trong một ngày không xa.

This was what had really happened, and one can see that the symbolism chosen by the ego of the helper was by no means inapt, however misleading it may have been as to the actual facts.

Đó là những gì thực sự đã xảy ra, và ta có thể thấy rằng biểu tượng được chân ngã của người giúp đỡ chọn không hề thiếu sự phù hợp, mặc dù có thể gây hiểu lầm về các sự kiện thực tế.

Sometimes nothing comes through that can be called an actual memory, but only the effect of something that has been seen or that has happened. A man may wake in the morning with a strong feeling of elation and success, without in the least being able to recall in what he has succeeded. This generally means some good piece of work well done, but it is often impossible for the man to recover the details. At other times he may bring back with him a feeling of reverence, a sense of great holiness. This usually means that he has been in the presence of some one much greater than himself, or has seen some direct evidence of the greater power. Sometimes, on the other hand, a person may wake with a feeling of terrible fear. That is sometimes due only to the alarm of the physical body at some unaccustomed sensation; but it is sometimes also due to having encountered something horrible in the astral world. Or again it may arise merely from sympathy with some astral entity who is in a state of terror, for it is a frequent thing on the astral plane that one person should be strongly influenced by sympathy with another' s condition.

Đôi khi không có gì hiện lên có thể gọi là ký ức thực sự, mà chỉ là hiệu ứng của điều gì đó đã được nhìn thấy hoặc đã xảy ra. Một người có thể thức dậy vào buổi sáng với cảm giác phấn khởi và thành công mạnh mẽ, mà hoàn toàn không thể nhớ được mình đã thành công ở điểm nào. Điều này thường có nghĩa là một công việc tốt đẹp nào đó đã được hoàn thành, nhưng thường người ta không thể phục hồi được chi tiết. Vào lúc khác, người ta có thể mang theo cảm giác tôn kính, một cảm giác linh thiêng lớn lao. Điều này thường có nghĩa là họ đã hiện diện trước một ai đó cao cả hơn mình rất nhiều, hoặc đã thấy một bằng chứng trực tiếp về một quyền năng lớn lao hơn. Đôi khi, ngược lại, một người có thể thức dậy với cảm giác sợ hãi kinh hoàng. Đôi khi đó chỉ là sự hoảng hốt của thể xác trước một cảm giác không quen thuộc; nhưng đôi khi cũng do họ đã gặp phải điều gì đó khủng khiếp trong cõi cảm dục. Hoặc cũng có thể chỉ đơn giản là do sự đồng cảm với một thực thể cảm dục đang ở trong trạng thái hoảng loạn, vì điều này thường xuyên xảy ra trong cõi cảm dục, nơi mà một người dễ dàng bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi trạng thái của người khác thông qua sự đồng cảm.

Few people, however, when in the astral body, care whether the physical brain remembers or

Tuy nhiên, ít người khi ở trong thể cảm dục quan tâm liệu bộ não hồng trần có nhớ hay

not, and nine out of ten much dislike returning to the body. But if you specially wish to get into the habit remembering, the procedure which I should recommend is the following:

To make the link, first remember, when you are out of the body, that you wish to do so. Then you must determine to come back into the body slowly, instead of with a rush and a little jerk, as is usually the case. It is this jerk that prevents one from remembering Stop yourself and say, just before you awake: "There is my body; I am just about to enter it. As soon as I am in it I will make it sit up and write down all it can remember." Then enter it calmly, sit up instantly and write down all you are able to remember at once. If you wait a few minutes, all will usually be lost. But each fact that you bring through will serve as a link for other memories. The notes may seem a little incoherent when you read them over afterwards, but never mind that; it is because you are trying to give an account in physical words of the experiences of another plane. In this way you will gradually recover the memory though it may take a long time; great patience is necessary.

You should try to remember when out of the body that you are in the astral world, and that it would be a comfort to the physical consciousness if some memory could be carried through. Be systematic in your efforts. Every time that you succeed in bringing something through, it will make it easier to remember next time, and will bring nearer the period when there will be habitual automatic recollection. At present there is a moment of unconsciousness between sleeping and

không, và chín trong mười người rất không thích trở về với thân thể. Nhưng nếu bạn đặc biệt mong muốn có thói quen ghi nhớ, quy trình mà tôi khuyên bạn nên thực hiện là như sau:

Để tạo liên kết, trước tiên hãy nhớ, khi bạn ra khỏi cơ thể, rằng bạn muốn làm điều đó. Sau đó, bạn phải quyết tâm trở lại thân thể một cách chậm rãi, thay vì lao vào với một cú giật nhẹ, như thường xảy ra. Chính cú giật này ngăn cản việc ghi nhớ. Hãy dừng lại và nói, ngay trước khi bạn tỉnh dậy: "Đó là thân thể của tôi; tôi sắp nhập vào nó. Ngay khi tôi ở trong nó, tôi sẽ làm nó ngồi dậy và viết ra tất cả những gì nó có thể nhớ." Sau đó, nhập vào nó một cách bình tĩnh, ngồi dậy ngay lập tức và viết ra tất cả những gì bạn có thể nhớ ngay lập tức. Nếu bạn chờ vài phút, tất cả thường sẽ bị mất. Nhưng mỗi sự kiện mà bạn mang qua sẽ đóng vai trò như một liên kết cho các ký ức khác. Những ghi chú có thể có vẻ hơi rời rạc khi bạn đọc lại sau đó, nhưng đừng bận tâm về điều đó; đó là vì bạn đang cố gắng cung cấp một bản tường thuật bằng ngôn từ hồng trần về những trải nghiệm ở một cõi khác. Bằng cách này, bạn sẽ dần dần khôi phục ký ức mặc dù có thể mất một thời gian dài; sự kiên nhẫn lớn là cần thiết.

Bạn nên cố gắng nhớ khi ra khỏi thân thể rằng bạn đang ở trong cõi cảm dục, và rằng sẽ là một sự an ủi cho tâm thức hồng trần nếu một số ký ức có thể được mang qua. Hãy có hệ thống trong những nỗ lực của mình. Mỗi lần bạn thành công trong việc mang lại điều gì đó, điều đó sẽ khiến việc ghi nhớ dễ dàng hơn vào lần tiếp theo, và sẽ mang lại gần hơn thời điểm khi sẽ có sự ghi nhớ tự động theo thói quen. Hiện tại có một khoảnh khắc vô thức giữa việc ngủ và tỉnh, và điều này hoạt động như một tấm

waking, and this acts as a veil. It is caused by the closely-woven web of atomic matter through which the vibrations have to pass.

màn che. Nó được gây ra bởi mạng lưới dày đặc của vật chất nguyên tử mà qua đó các rung động phải đi qua.

In coming back to the physical body from the astral world there is a feeling of great constraint, as though one were being enveloped in a thick, heavy cloak. The joy of life on the astral plane is so great that physical life in comparison with it seems no life at all. Many men who can function in the astral world during the sleep of the physical body regard the daily return to the physical world as men often do their daily journey to the office. They do not positively dislike it, but they would not do it unless they were compelled.

Khi quay trở lại thân thể hồng trần từ cõi cảm dục, có cảm giác bị hạn chế rất nhiều, như thể bạn đang bị bao bọc trong một lớp áo khoác dày nặng. Niềm vui của cuộc sống trên cõi cảm dục lớn đến mức cuộc sống hồng trần so với nó dường như không có gì. Nhiều người có thể hoạt động trong cõi cảm dục trong giấc ngủ của thể xác coi việc trở về thế giới hồng trần hàng ngày giống như cách mọi người thường coi chuyến đi làm hàng ngày của họ. Họ không hoàn toàn ghét nó, nhưng họ sẽ không làm điều đó nếu không bị buộc phải làm.

When the man is free in the mental world, the astral life similarly seems a state of bondage, and so on, until we reach the buddhic world, which is in its essence bliss. After once reaching that level, although the man on the physical plane is still cramped and unable to express the bliss, he nevertheless has it all the time, and he knows that all others who are unable to feel it now will feel and know it at some future time. Even if only for a moment you could feel the reality of the higher planes, your life would never again be the same.

Khi con người tự do trong cõi trí, đời sống cảm dục tương tự như một trạng thái giam cầm, và điều đó tiếp tục như vậy cho đến khi chúng ta đạt đến cõi Bồ Đề, nơi bản chất của nó là niềm an lạc. Một khi đã đạt đến cấp độ đó, mặc dù người đó trên cõi hồng trần vẫn còn bị gò bó và không thể biểu hiện niềm an lạc, nhưng y vẫn luôn có nó, và y biết rằng tất cả những người khác, những người chưa thể cảm nhận nó bây giờ, sẽ cảm nhận và biết nó vào một thời điểm nào đó trong tương lai. Ngay cả khi chỉ trong một khoảnh khắc bạn có thể cảm nhận được thực tế của các cõi cao hơn, cuộc sống của bạn sẽ không bao giờ giống như trước nữa.

Astral pleasures are much greater than those of the physical world, and there is danger of people being turned aside by them from the path of progress. It is quite impossible to realise while one is confined in the physical body the great attractiveness of these pleasures. But even the delights of the astral life do not present a serious danger to those

Những thú vui của cõi cảm dục lớn hơn rất nhiều so với những gì của thế giới hồng trần, và có nguy cơ rằng con người có thể bị chúng làm sao lãng khỏi con đường tiến bộ. Thật sự một người còn bị giới hạn trong thể xác không thể nhận ra sức hấp dẫn lớn lao của những thú vui này. Nhưng ngay cả những niềm vui của đời sống cảm dục cũng không tạo ra nguy

who have realised a little of something higher. After death one should try to pass through the astral levels as speedily as possible, consistently with usefulness, and not yield to its refined pleasures any more than to the physical. One must not only overcome physical desire by knowledge of the astral or the heaven-life, but also go beyond even them, and this not merely not for the sake of the joy of the spiritual life, but in order to replace the fleeting by the everlasting.

hiểm nghiêm trọng đối với những ai đã nhận thức được một chút gì đó cao hơn. Sau khi chết, người ta nên cố gắng đi qua các cấp độ cảm dục càng nhanh càng tốt, đồng thời vẫn duy trì sự hữu ích, và không nhượng bộ những thú vui tinh tế của nó hơn so với những thú vui của thế giới hồng trần. Người ta không chỉ phải vượt qua dục vọng hồng trần thông qua sự hiểu biết về đời sống cảm dục hoặc thiên đàng, mà còn phải đi vượt ra cả chúng, và điều này không chỉ vì niềm vui của đời sống tinh thần, mà còn để thay thế những điều tạm thời bằng những điều vĩnh cửu.

THE HIGHER DIMENSIONS—CÁC CHIỀU KÍCH CAO HƠN

If there are seven dimensions at all, there are seven dimensions always and everywhere, and it makes no difference to that fundamental fact in nature whether the consciousness of any individual happens to be acting through his physical body; his astral body or his nirvanic vehicle. In the last case he has the power to see and understand the whole thing. In any of the other cases his capacities are limited. There is therefore no such thing as a three-dimensional or four-dimensional object or being. If space has seven dimensions, every object must exist within that space, and the difference between us is

Nếu tồn tại bảy chiều không gian, thì chúng tồn tại luôn luôn và ở mọi nơi, và thực tế nền tảng này trong tự nhiên không thay đổi dù ý thức của một cá nhân có hoạt động thông qua thể xác, thể cảm dục, hay phương tiện Niết Bàn của y. Trong trường hợp cuối cùng, y có thể thấy và hiểu toàn bộ sự việc. Trong bất kỳ trường hợp nào khác, khả năng của y đều bị giới hạn. Do đó, không có khái niệm về một đối tượng hoặc sinh thể ba chiều hoặc bốn chiều. Nếu không gian có bảy chiều, mọi đối tượng phải tồn tại trong không gian đó, và sự khác biệt giữa chúng ta chỉ nằm ở khả năng nhận

merely in our power of perception.

thức của mỗi người.

Physically we see only three dimensions, and therefore we see all objects and beings very partially. One who has the power to see four dimensions still sees objects only partially, although he sees more of them than the other man. We find ourselves in the midst of a vast universe built of matter of varying degrees of tenuity, which exists in a space of (let us suppose) seven dimensions. But we find ourselves in possession of a consciousness which is capable of appreciating only three of those dimensions, and only matter of certain degrees of tenuity. All matter of other and higher degrees is for us as if it did not exist. All dimensions beyond the three are also to us as though they did not exist.

Về mặt hồng trần, chúng ta chỉ nhìn thấy ba chiều, và do đó chúng ta chỉ thấy một phần rất nhỏ của mọi đối tượng và sinh thể. Một người có khả năng thấy bốn chiều vẫn chỉ thấy đối tượng một phần, mặc dù y thấy được nhiều hơn so với người khác. Chúng ta thấy mình giữa một vũ trụ rộng lớn được xây dựng từ chất liệu với nhiều mức độ tinh tế khác nhau, tồn tại trong không gian có (chúng ta giả sử) bảy chiều. Nhưng chúng ta nhận thấy mình sở hữu một ý thức chỉ có khả năng nhận thức ba trong số những chiều đó, và chỉ chất liệu có mức độ tinh tế nhất định. Tất cả các chất liệu ở các mức độ cao hơn đối với chúng ta như thể không tồn tại. Tất cả các chiều không gian ngoài ba chiều cũng đối với chúng ta như thể không tồn tại.

But our lack of perceptive power does not in any way affect the objects themselves. A man picks up (let us say) a piece of stone. He can see only the physical particles of that stone, but that in no way affects the undoubted fact that that stone at the same time possesses within it particles of matter of the astral and mental and other higher planes. In just the same way, that stone must theoretically possess some sort of extension, however small, in all the seven dimensions; but that fact is in no way affected by the other fact that

Nhưng sự thiếu khả năng nhận thức của chúng ta không ảnh hưởng đến bản thân các đối tượng. Một người nhặt lên (chúng ta hãy giả sử) một viên đá. Y chỉ có thể nhìn thấy các hạt hồng trần của viên đá đó, nhưng điều đó không ảnh hưởng gì đến sự thật không thể nghi ngờ rằng viên đá đó đồng thời có chứa các hạt chất của cõi cảm dục và cõi trí và các cõi cao hơn khác. Tương tự như vậy, viên đá đó về mặt lý thuyết phải sở hữu một dạng kéo dài, dù nhỏ, trong tất cả bảy chiều; nhưng thực tế đó không bị ảnh hưởng gì bởi sự thật rằng ý

the man' s consciousness can appreciate only three of those dimensions.

thức của người đó chỉ có thể nhận thức ba trong số các chiều đó.

To examine that object the man is using a physical organ (the eye) which is capable of appreciating only certain rates of undulation radiated by certain types of matter. If he should develope what we call astral consciousness he would then be employing an organ which is capable of responding only to the vibrations radiated by another and finer part of that piece of stone. If in developing the astral consciousness he had lost the physical —that is, if he had left his physical body—he would be able to see only the astral and not the physical. But of course the object itself is not affected in any way, and the physical part of it has not ceased to exist because the man has for the time lost the power to see it. If he developed his astral consciousness so that he could use it simultaneously with the physical, he would then be able to see both the physical and astral parts of the object at the same time, though probably not both with equal clearness at absolutely the same moment.

Để kiểm tra đối tượng đó, người đó đang sử dụng một cơ quan hồng trần (con mắt) có khả năng nhận thức chỉ một số tần số sóng nhất định do một số loại vật chất nhất định phát ra. Nếu y phát triển cái mà chúng ta gọi là ý thức cảm dục, y sẽ sử dụng một cơ quan có khả năng phản ứng chỉ với những rung động do phần tinh tế hơn của viên đá đó phát ra. Nếu trong quá trình phát triển ý thức cảm dục y đã mất đi tâm thức hồng trần—tức là nếu y đã rời khỏi thể xác của mình—y sẽ chỉ có thể thấy phần cảm dục mà không thấy được phần hồng trần. Nhưng dĩ nhiên, bản thân đối tượng đó không bị ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào, và phần hồng trần của nó không ngừng tồn tại vì người đó tạm thời mất khả năng nhìn thấy nó. Nếu y phát triển ý thức cảm dục đến mức có thể sử dụng nó đồng thời với tâm thức hồng trần, y sẽ có thể nhìn thấy cả phần hồng trần lẫn phần cảm dục của đối tượng cùng lúc, mặc dù có thể không nhìn thấy cả hai phần với độ rõ ràng như nhau tại một thời điểm.

Now, just as all the higher forms of matter exist in every object, although untrained people cannot see them, so all the dimensions of space must appertain to every object, although the number of those dimensions that we can observe depends upon the

Bây giờ, giống như tất cả các dạng chất cao hơn tồn tại trong mọi đối tượng, mặc dù những người không được huấn luyện không thể thấy chúng, tất cả các chiều của không gian cũng phải thuộc về mọi đối tượng, mặc dù số lượng các chiều mà chúng ta có thể quan sát phụ

condition of our consciousness. In physical life we can normally conceive only three, though by careful special training the brain may be educated into grasping some of the simpler fourth-dimensional forms. The astral consciousness has the power of grasping four of these dimensions, but it by no means follows that a man who opens his astral consciousness immediately perceives the extension of every object in four dimensions; on the contrary, it is quite certain that the average man does not perceive this at all when he enters the astral plane. He realises it only as a certain blurring—a kind of incomprehensible difference in the things that he used to see; and most men go through their astral lives without discovering more than that of the qualities of the matter which surrounds them.

thuộc vào tình trạng ý thức của chúng ta. Trong cuộc sống hồng trần, chúng ta bình thường chỉ có thể hình dung ba chiều, mặc dù bằng cách huấn luyện đặc biệt cẩn thận, bộ não có thể được giáo dục để nắm bắt một số hình thức đơn giản của chiều thứ tư. Ý thức cảm dục có khả năng nắm bắt bốn trong số các chiều này, nhưng điều đó không có nghĩa là một người vừa mở ý thức cảm dục lập tức nhận thức được sự kéo dài của mọi đối tượng trong bốn chiều; ngược lại, rõ ràng là người bình thường không nhận thức được điều này chút nào khi bước vào cõi cảm dục. Y chỉ nhận ra điều đó như một sự nhòe đi—một kiểu khác biệt không thể hiểu được trong những thứ mà y từng thấy; và hầu hết mọi người sống cuộc đời cảm dục của họ mà không phát hiện ra nhiều hơn thế về các phẩm chất của vật chất xung quanh họ.

We should say, then, not that the possession of astral vision at once causes the man to appreciate the fourth dimension, but rather that it gives him the power to develop that faculty by long, careful and patient practice, if he knows anything about the matter and cares to take the trouble. Entities belonging to the astral plane, and presumably ignorant of any other (such as nature-spirits, for example) have by nature the faculty of seeing the fourth-dimensional aspect of all objects. But

Do đó, chúng ta nên nói rằng, việc sở hữu thị giác cảm dục không ngay lập tức khiến người đó nhận thức chiều thứ tư, mà đúng hơn là nó mang lại cho y khả năng phát triển năng lực đó thông qua sự rèn luyện cẩn thận và kiên nhẫn, nếu y biết điều gì về vấn đề này và sẵn sàng bỏ công sức. Các thực thể thuộc cõi cảm dục, và giả sử không biết gì về bất kỳ cõi nào khác (chẳng hạn như các tinh linh thiên nhiên), theo bản năng có khả năng nhìn thấy khía cạnh bốn chiều của mọi đối tượng. Nhưng

we must not therefore suppose that they see them perfectly, since they perceive only the astral matter in them and not the physical, just as we with our different kind of limitation perceive only the physical and not the astral.

chúng ta không nên nghĩ rằng họ nhìn thấy chúng một cách hoàn hảo, vì họ chỉ nhận thức vật chất cảm dục trong chúng mà không phải vật chất hồng trần, giống như chúng ta với giới hạn khác nhau của mình chỉ nhận thức vật chất hồng trần mà không thấy vật chất cảm dục.

It has never been taught, so far as I am aware, that the entities of the astral plane are conscious of us upon the physical plane. They quite clearly and definitely are not conscious of physical matter of any kind. But they are conscious of the astral counterpart of that physical matter, which for all practical purposes comes to very nearly the same thing, though not quite.

Theo như tôi biết, chưa bao giờ có ai dạy rằng các thực thể của cõi cảm dục có ý thức về chúng ta trên cõi hồng trần. Rõ ràng và chắc chắn là họ không có ý thức về bất kỳ loại vật chất hồng trần nào. Nhưng họ có ý thức về đối phần cảm dục của vật chất hồng trần đó, điều này về mọi mặt thực tế gần giống như vậy, mặc dù không hoàn toàn.

I should not expect the higher dimensions to manifest themselves as qualities of matter to our physical consciousness, though it is conceivable that some of them might do so in certain special cases. The density of a gas, for example, might de a measure of its extent in the fourth dimension.

Tôi không mong đợi các chiều cao hơn sẽ tự biểu hiện như những phẩm chất của vật chất đối với tâm thức hồng trần của chúng ta, mặc dù có thể hình dung rằng một số trong số chúng có thể làm như vậy trong những trường hợp đặc biệt nào đó. Độ đậm đặc của một loại khí, chẳng hạn, có thể là thước đo về sự mở rộng của nó trong chiều thứ tư.

If an object passes through a wall, the question of the fourth dimension is not raised, nor are the properties connected with it employed at all. But in order that the object may so pass through, either it or a portion of the wall

Nếu một đối tượng đi xuyên qua một bức tường, thì câu hỏi về chiều thứ tư không được đặt ra, cũng như các thuộc tính liên quan đến nó không được sử dụng chút nào. Nhưng để đối tượng có thể đi qua như vậy, hoặc chính

corresponding in size to it must be disintegrated—that is, reduced either to the atomic or to one of the etheric conditions, so that the particles may pass freely among one another without hindrance. That is entirely a three-dimensional method. Another and quite different feat is not to disintegrate at all either the object or the wall, but to bring the entire object in by another direction altogether, where there is no wall. But that direction is unknown to us in our physical consciousness.

đối tượng hoặc một phần của bức tường tương ứng với kích thước của nó phải bị phân rã—tức là bị giảm xuống trạng thái nguyên tử hoặc một trong các trạng thái dĩ thái, để các hạt có thể di chuyển tự do giữa nhau mà không bị cản trở. Đó hoàn toàn là một phương pháp ba chiều. Một kỳ công khác và hoàn toàn khác là không phân rã chút nào cả đối tượng hoặc bức tường, mà mang toàn bộ đối tượng vào từ một hướng khác hoàn toàn, nơi không có bức tường. Nhưng hướng đó không được biết đến đối với chúng ta trong tâm thức hồng trần của mình.

If one had a cup made of porous earthenware, one could not doubt fill it with water by the process of reducing the water to steam and forcing it through the sides of the cup; that would be equivalent to the ordinary process of disintegration and reintegration, for the water, reduced to a higher state for the purpose of being forced through the pores of the cup, would resume its natural condition when it had passed through. But it would also be possible to fill the cup by the simpler process of taking off the lid and pouring in the water from above, and in this case the water need not be change in any way, because it is introduced into the cup from a direction in which there is no wall to penetrate. These are simply two ways of producing the same

Nếu người ta có một chiếc cốc làm bằng đất nung xốp, người ta không nghi ngờ gì việc đổ đầy nước vào đó bằng cách chuyển nước thành hơi và đẩy nó qua các thành cốc; đó sẽ tương đương với quá trình phân rã và tái tạo thông thường, vì nước, sau khi bị chuyển đổi sang trạng thái cao hơn để được đẩy qua các lỗ của chiếc cốc, sẽ trở về trạng thái tự nhiên khi đã đi qua. Nhưng cũng có thể đổ đầy nước vào chiếc cốc bằng quá trình đơn giản hơn là mở nắp và đổ nước từ trên xuống, và trong trường hợp này, nước không cần phải thay đổi theo bất kỳ cách nào, vì nó được đưa vào chiếc cốc từ một hướng mà không có bức tường nào để thâm nhập. Đây chỉ đơn giản là hai cách để tạo ra cùng một kết quả, và chúng không loại trừ lẫn nhau.

result, and they do not mutually exclude each other.

THIRD SECTION: THE MENTAL BODY AND THE POWER OF THOUGHT
PHẦN BA: THỂ TRÍ VÀ QUYỀN NĂNG CỦA TƯ TƯỞNG

THE MENTAL BODY—THỂ TRÍ

After reading Man Visible and Invisible students have sometimes remarked that the list of qualities there given seems incomplete, and that nothing is said as to some others which are at least equally common—such for example as courage, dignity, cheerfulness, truthfulness, loyalty. The reason that these were not included in that first account is that they have not, as have those other qualities, readily distinguishable colours; but it must not therefore be supposed that their presence or absence would be indistinguishable by clairvoyant vision. Such qualities are indicated by differences in the structure of the mental body, or by changes in its surface; but it might be said, broadly speaking, that they are represented rather by form than by colour.

Sau khi đọc cuốn *Man Visible and Invisible*, các học viên đôi khi nhận xét rằng danh sách các phẩm tính được nêu ra trong đó dường như chưa đầy đủ, và rằng không có đề cập gì đến một số phẩm tính khác cũng phổ biến không kém—ví dụ như dũng cảm, phẩm giá, vui vẻ, trung thực, và lòng trung thành. Lý do mà các phẩm tính này không được bao gồm trong bản tường thuật đầu tiên là vì chúng không có màu sắc rõ ràng như những phẩm tính khác; nhưng không vì thế mà cho rằng sự hiện diện hay vắng mặt của chúng không thể được phân biệt qua khả năng thông nhãn. Những phẩm tính này được biểu hiện qua sự khác biệt trong cấu trúc của thể trí, hoặc qua những thay đổi trên bề mặt của nó; nhưng có thể nói một cách tổng quát, chúng được đại diện nhiều hơn bởi hình dạng thay vì màu sắc.

It will be remembered that, in the drawings of the mental body given in the book above mentioned, the colours which indicate some of the principal qualities are shown, and something is said as to their general arrangement in the vehicle. In a general way, all the colours denoting good qualities are to be found in the upper half, and those denoting unpleasant qualities are mostly in the lower

Có lẽ các bạn còn nhớ rằng, trong các hình vẽ về thể trí được đưa ra trong cuốn sách đã đề cập ở trên, các màu sắc biểu hiện cho một số phẩm tính chính đã được hiển thị, và có một số điều được nói đến về sự sắp xếp chung của chúng trong vận cụ này. Nói chung, tất cả các màu sắc biểu thị những phẩm tính tốt đẹp đều xuất hiện ở nửa trên, và những màu sắc biểu thị các phẩm tính không tốt đẹp thường tập

half. The violet of high aspiration, the blue of devotion, the rose-colour of affection, the yellow which indicates intellect, and even the orange of pride or ambition—all these belong to the upper part, while thoughts prompted by anger, selfishness or jealousy gravitate towards the bottom of the ovoid. While the illustrations there given fairly indicate what would be the appearance of the mental body if it ever were really at rest, there is considerable variation from those types when the man is in the act of thinking strongly or definitely.

trung ở nửa dưới. Màu tím của khát vọng cao cả, màu xanh lơ của sự sùng tín, màu hồng của tình thương, màu vàng biểu thị trí tuệ, và thậm chí màu cam của sự kiêu hãnh hay tham vọng—tất cả đều thuộc về phần trên, trong khi những tư tưởng xuất phát từ giận dữ, ích kỷ hoặc ghen tỵ thường rơi xuống phần đáy của hình trứng. Trong khi các hình minh họa ở đó cho thấy khá chính xác hình dạng của thể trí nếu nó thực sự ở trạng thái tĩnh, thì khi một người suy nghĩ mạnh mẽ hoặc cụ thể, có sự khác biệt đáng kể so với các loại hình mẫu đó.

The mental unit may be regarded as the heart and centre of the mental body, and upon the relative activity of the different part of that unit the appearance of the body as a whole to a great extent depends. The various activities of the mind fall naturally into certain classes or divisions, and these divisions are expressed through different parts of the mental unit. Mental units are by no means all the same. They differ greatly according to the type and the development of their owners. If such a mental unit lay at rest the force radiating from it would make a number of funnels in the mental body, just as the light shining through the slide in a magic lantern[1] makes a large radiating funnel of light in the air between the lantern and the sheet.

Đơn vị trí tuệ có thể được coi là trung tâm của thể trí, và mức độ hoạt động tương đối của các phần khác nhau của đơn vị này sẽ ảnh hưởng lớn đến hình dạng của thể trí nói chung. Các hoạt động khác nhau của thể trí tự nhiên chia thành một số nhóm hoặc bộ phận nhất định, và các bộ phận này được thể hiện qua các phần khác nhau của đơn vị trí tuệ. Các đơn vị trí tuệ không hoàn toàn giống nhau. Chúng khác biệt nhiều tùy thuộc vào loại hình và mức độ phát triển của chủ nhân của chúng. Nếu đơn vị trí tuệ này nằm im, lực phát ra từ nó sẽ tạo ra một số kênh trong thể trí, giống như ánh sáng chiếu qua một tấm trượt trong đèn chiếu ma thuật tạo ra một phễu ánh sáng lớn tỏa ra trong không gian giữa đèn và màn hình.

[1] **Đèn chiếu ma thuật** (*magic lantern*), hay *lanterna magica*, là một thiết bị chiếu hình ảnh sơ khai được phát triển vào thế kỷ 17. Thiết bị này sử dụng ánh sáng để chiếu các hình ảnh từ các tấm trong suốt—như tranh vẽ, bản in hoặc ảnh chụp—lên các bề mặt như tường hoặc màn chiếu. Đèn chiếu ma thuật được coi là tiền thân của máy chiếu slide hiện đại và công nghệ điện ảnh.



In this case the surface of the mental body may be likened to the sheet, because it is only at the surface that the effect becomes visible to one who is looking at the mental body from the outside; so that, if the mental unit were at rest, we should see on the surface of the mental body a number of pictures in colour, representing the various types of thought common to the person, with presumably dark spaces between them. But the mental unit, like all other chemical combinations, is rotating rapidly on its axis and the effect of this is that in the mental body we have a series of bands, not always quite clearly defined, nor always of the same width, but still readily distinguishable, and usually in about the same relative position.

Trong trường hợp này, bề mặt của thể trí có thể được ví như màn hình, vì chỉ trên bề mặt đó hiệu ứng mới trở nên rõ ràng đối với người đang quan sát thể trí từ bên ngoài; vì vậy, nếu đơn vị trí tuệ ở trạng thái nghỉ, chúng ta sẽ thấy trên bề mặt của thể trí một số hình ảnh màu sắc, đại diện cho các loại tư tưởng thường có của người đó, với những khoảng tối giữa chúng. Nhưng đơn vị trí tuệ, giống như tất cả các kết hợp hóa học khác, đang quay nhanh trên trục của nó và tác động của điều này là trong thể trí, chúng ta có một loạt các dải, không phải lúc nào cũng rõ ràng, cũng không luôn có cùng độ rộng, nhưng vẫn có thể phân biệt được, và thường nằm ở các vị trí tương đối giống nhau.

Where aspirational thought exists, it invariably shows itself in a beautiful little violet circle at the top of the ovoid of the mental body. As the aspirant draws near to the gateway of the Path this circle increases in size and radiancy, and in the initiate it is a splendid glowing cap of the most lovely colour imaginable. Below it comes often the blue ring of devotional thought, usually rather a narrow one, except in the case of the few whose religion is really deep and genuine. Next to that we may have the much broader zone of affectionate thought, which may be of any shade of crimson or rose-colour, according to the type of affection which it indicates. Near the zone of affection, and frequently closely connected with it, we have the orange band which expresses proud and ambitious thought; and again in intimate relation with pride comes the yellow belt of intellect, commonly divided into two bands, denoting respectively the philosophical and the scientific types of thought. The place of

Nơi có tư tưởng khát vọng, nó luôn xuất hiện dưới dạng một vòng tròn nhỏ màu tím đẹp ở phần trên cùng của hình trứng của thể trí. Khi người chí nguyện đến gần cánh cổng của Thánh Đạo, vòng tròn này tăng kích thước và độ rực rỡ, và ở một điểm đạo đồ, nó trở thành một chiếc mũ sáng chói với màu sắc đẹp đẽ nhất có thể tưởng tượng được. Dưới nó thường là vòng xanh của tư tưởng sùng tín, thường khá hẹp, ngoại trừ ở trường hợp của những người có tôn giáo thật sự sâu sắc và chân thành. Tiếp theo đó, chúng ta có thể thấy vùng rộng hơn nhiều của tư tưởng thương yêu, có thể có bất kỳ sắc độ đỏ thẫm hoặc hồng, tùy thuộc vào loại tình cảm mà nó biểu thị. Gần với vùng tình thương, và thường xuyên liên quan mật thiết với nó, chúng ta có dải màu cam biểu thị tư tưởng kiêu hãnh và tham vọng; và một lần nữa, liên quan mật thiết với kiêu hãnh là dải màu vàng của trí tuệ, thường được chia thành hai dải, biểu thị lần lượt các loại tư tưởng triết học và khoa học. Vị trí của màu vàng này thay đổi nhiều ở những người khác

this yellow colour varies much in different men; sometimes it fills the whole of the upper part of the egg, rising above devotion and affection, and in such a case pride is generally excessive.

nhau; đôi khi nó lấp đầy toàn bộ phần trên của hình trứng, vươn lên cao hơn cả sự sùng tín và tình thương, và trong trường hợp đó, kiêu hãnh thường vượt quá mức.

Below the group already described, and occupying the middle section of the ovoid, is the broad belt devoted to concrete shapes—the part of the mental body from which all ordinary thought-forms issue. The principal colours here is green, shaded often with brown or yellow according to the disposition of the person.

Dưới nhóm đã mô tả, chiếm phần giữa của hình trứng, là dải rộng dành cho các hình thức cụ thể—phần của thể trí từ đó tất cả các hình tư tưởng thông thường xuất hiện. Màu sắc chính ở đây là màu xanh lá, thường được pha trộn với màu nâu hoặc vàng tùy theo bản chất của người đó.

There is no part of the mental body which varies more widely than this. Some people have their mental bodies crowded with a vast number of concrete images, whereas others have only few. In some they are clear and well-outlined, in others they are vague and hazy to the last degree; in some they are classified and labelled and arranged in the most orderly fashion, in others they are not arranged at all, but are left in hopeless confusion.

Không có phần nào của thể trí biến đổi nhiều hơn phần này. Một số người có thể trí đầy các hình ảnh cụ thể, trong khi một số khác chỉ có rất ít. Ở một số người, chúng rõ ràng và có đường nét rõ ràng, trong khi ở một số khác, chúng mờ ảo và không rõ ràng. Ở một số người, chúng được phân loại, dán nhãn và sắp xếp theo trật tự nhất định, trong khi ở những người khác, chúng không được sắp xếp chút nào, mà chỉ ở trong sự hỗn loạn tuyệt vọng.

In the lower part of the ovoid come the belts expressing all kinds of undesirable thoughts. A kind of muddy precipitate of selfishness too often fills the lower third or even the half of the mental body, and above this is sometimes a ring portraying hatred, cunning or fear. Naturally, as men develop, this lower part vanishes, and the upper gradually expands until it fills the whole body, as shown in the illustrations in Man Visible and Invisible.

Trong phần dưới của noãn hào quang xuất hiện các dải biểu thị đủ loại tư tưởng không mong muốn. Một loại cặn bã mờ đục của sự ích kỷ thường chiếm đầy một phần ba dưới hoặc thậm chí một nửa thể trí, và phía trên lớp này đôi khi có một vòng thể hiện sự thù hận, xảo trá hoặc sợ hãi. Đương nhiên, khi con người phát triển, phần dưới này dần biến mất, và phần trên từ từ mở rộng cho đến khi lấp đầy toàn bộ thể, như được minh họa trong cuốn *Man Visible and Invisible*.

Degrees in the feeling which prompts thought are expressed by brilliance of colour. In devotional feeling, for example, we may have the three stages of respect, reverence and

Mức độ của cảm xúc thúc đẩy tư tưởng được biểu hiện qua độ sáng của màu sắc. Trong cảm xúc sùng kính, chẳng hạn, chúng ta có thể thấy ba cấp độ: sự tôn trọng, sự tôn kính và sự

worship; in affection we may have the stages of good-will, friendship and love. The stronger the thought the larger is the vibration; the more spiritual and unselfish the thought the higher is the vibration. The first produces brilliancy, the second delicacy of colour.

thờ phụng; trong tình cảm, chúng ta có thể thấy các cấp độ: thiện ý, tình bạn và tình yêu. Tư tưởng càng mạnh mẽ thì rung động càng lớn; tư tưởng càng mang tính tinh thần và vị tha thì rung động càng cao. Loại thứ nhất tạo ra độ sáng chói, trong khi loại thứ hai tạo ra sự tinh tế của màu sắc.

Within these different rings or zones we usually see more or less clearly marked striations, and many qualities of the man can be judged by an examination of these striations. The possession of a strong will, for example, brings the whole mental body into far more level definite lines. All the striations and radiations are steady, firm and clearly distinguishable, whereas in the case of a weak and vacillating person this firmness and strength of line would be conspicuously absent; the lines separating the different qualities would be indeterminate, and the striations and radiations would be small, weak and wavy. Courage is shown by firm and very strongly-marked lines, especially in the orange band connected with pride. Dignity also expresses itself principally in the same part of the mental body, but by a calm steadiness and assuredness which is quite different from the lines of courage.

Bên trong những vòng hoặc dải màu khác nhau này, chúng ta thường thấy rõ các vạch kẻ, và nhiều phẩm tính của con người có thể được đánh giá qua việc kiểm tra các vạch kẻ này. Sở hữu ý chí mạnh mẽ, chẳng hạn, khiến cho toàn bộ thể trí có những đường nét chắc chắn và rõ ràng hơn. Tất cả các vạch kẻ và sự tỏa ra đều ổn định, mạnh mẽ và có thể phân biệt rõ ràng, trong khi ở người yếu đuối và dao động, sự chắc chắn và sức mạnh của đường nét sẽ nổi bật với sự vắng mặt của nó; các đường phân chia giữa các phẩm tính sẽ không rõ ràng, và các vạch kẻ và sự tỏa ra sẽ nhỏ, yếu và uốn éo. Sự can đảm được thể hiện qua các đường nét chắc chắn và rất rõ ràng, đặc biệt là ở dải màu cam liên quan đến kiêu hãnh. Phẩm giá cũng biểu hiện chủ yếu ở phần này của thể trí, nhưng qua sự điềm tĩnh và chắc chắn, khác biệt hoàn toàn với các đường nét của sự can đảm.

Truthfulness and accuracy are portrayed very clearly by regularity in the striations of the part of the mental body devoted to concrete forms, and by the clearness and correctness of the images which appear there. Loyalty shows itself by an intensification both of affection and of devotion, and by the constant formation, in that part of the ovoid, of figures of the person to whom the loyalty is felt. In many cases of loyalty, affection and devotion, a very strong permanent image is made of the

Sự trung thực và chính xác được biểu hiện rất rõ qua sự đều đặn trong các vạch kẻ của phần thể trí dành cho các hình thức cụ thể, và qua sự rõ ràng và chính xác của các hình ảnh xuất hiện ở đó. Lòng trung thành biểu lộ qua sự tăng cường cả tình thương và sự tận hiến, và qua việc liên tục hình thành trong phần đó của hình trứng những hình ảnh của người mà lòng trung thành được hướng đến. Trong nhiều trường hợp của lòng trung thành, tình thương và sự tận hiến, một hình ảnh mạnh mẽ và lâu

objects of these feelings, and that remains floating in the aura of the thinker, so that, when his thought turns towards the loved or adored one, the force which he pours out strengthens that already existing image, instead of forming a new one as it would normally do.

dài được tạo ra về đối tượng của những cảm xúc này, và nó vẫn tồn tại trong hào quang của người suy nghĩ, vì vậy khi tư tưởng của người đó hướng về người yêu thương hay thần tượng, sức mạnh mà người đó truyền ra sẽ củng cố hình ảnh đã tồn tại, thay vì tạo ra một hình mới như nó thường làm.

Joy shows itself in a general brightening and radiancy of both the mental and the astral bodies, as also in a peculiar rippling of the surface of the body. General cheerfulness shows itself in a modified bubbling form of this, and also in a steady serenity which is pleasant to see. Surprise, on the other hand, is shown by a sharp constriction of the mental body, accompanied by an increased glow in the bands of affection if the surprise is a pleasant one, and by a change of colour usually involving the display of a good deal of brown and grey in the lower part of the ovoid when the surprise is an unpleasant one. This constriction is usually communicated to both the astral and the physical bodies, and often causes singularly unpleasant feelings, which affect sometimes the solar plexus (resulting in sinking and sickness) and sometimes the heart-centre, in which case it brings palpitation or even death; so that a sudden surprise may occasionally kill one who has a weak heart. Awe is the same as wonder, except that it accompanied by a profound change in the devotional part of the mental body, which usually swells out under this influence, and has its striations more strongly marked.

Niềm vui thể hiện qua sự sáng rực và tỏa sáng chung của cả thể trí lẫn thể cảm dục, đồng thời xuất hiện hiện tượng gợn sóng đặc biệt trên bề mặt của thể. Sự vui vẻ nói chung thể hiện dưới dạng gợn sóng nhẹ nhàng hơn, kèm theo sự bình thản ổn định, tạo nên cảm giác dễ chịu khi quan sát. Ngược lại, sự ngạc nhiên được biểu hiện bằng sự co thắt đột ngột của thể trí, đi kèm với sự rực sáng tăng lên trong các dải tình cảm nếu đó là một ngạc nhiên dễ chịu, và với sự thay đổi màu sắc, thường bao gồm một lượng lớn màu nâu và xám ở phần dưới của noãn hào quang nếu đó là một ngạc nhiên khó chịu. Sự co thắt này thường lan truyền sang cả thể cảm dục và thể xác, đôi khi gây ra những cảm giác khó chịu đặc biệt, có thể ảnh hưởng đến tùng thái dương (gây ra cảm giác trống rỗng hoặc buồn nôn) hoặc trung tâm tim (gây hồi hộp hoặc thậm chí tử vong); do đó, một sự ngạc nhiên đột ngột đôi khi có thể gây tử vong ở những người có tim yếu. Sự kính sợ giống với sự kinh ngạc, nhưng đi kèm với một thay đổi sâu sắc trong phần sùng kính của thể trí, phần này thường mở rộng ra dưới ảnh hưởng đó và có các vân dọc được nhấn mạnh rõ ràng hơn.

At the moment when a person' s thought is strongly directed into one or another of these channels, the part of the mental body which corresponds to that thought usually bulges outwards in form in addition to brightening

Khi một người hướng tư tưởng mạnh mẽ vào một trong những kênh này, phần của thể trí tương ứng với tư tưởng đó thường phồng lên về hình dạng, ngoài ra còn sáng lên về màu sắc, và do đó làm mất đi sự đối xứng của hình

in colour, and so disturbs for the time the symmetry of the ovoid. In many people such bulging is permanent, and that always means that the amount of thought of that type is steadily increasing. If, for example, a person takes up some scientific study, and therefore suddenly turns his thoughts in that direction much more than before, the first effect will be such protuberance as I have described; but if he keeps the amount of his thought on scientific subjects steadily at the same level which he has now adopted, the protruding portion will gradually sink back into the general outline of the ovoid, but the band of its colour will have become wider than before.

trứng trong một thời gian. Ở nhiều người, sự phồng lên này là vĩnh viễn, và điều đó luôn có nghĩa là số lượng tư tưởng thuộc loại đó đang tăng lên đều đặn. Nếu, chẳng hạn, một người bắt đầu một số nghiên cứu khoa học, và do đó đột nhiên chuyển tư tưởng của mình vào hướng đó nhiều hơn trước đây, hiệu quả đầu tiên sẽ là sự phồng lên như tôi đã mô tả; nhưng nếu y duy trì tư tưởng của mình về các chủ đề khoa học ở mức độ mà y vừa mới chấp nhận, phần lồi ra sẽ dần dần chìm trở lại vào đường viền chung của hình trứng, nhưng dải màu của nó sẽ trở nên rộng hơn so với trước.

If however the man' s interest in scientific subjects steadily increases in force, the protrusion will still remain in evidence even though the band has widened. The general effect of this is that in the undeveloped man the lower portion of the ovoid tends always to be larger than the upper, so that the mental and astral bodies have the appearance of an egg with the small end uppermost; while in the more developed man the qualities expressing themselves in the higher part are always tending to increase, and consequently we have for the time the effect of an egg with its smaller end pointing downwards. But the tendency always is for the symmetry of the ovoid to re-assert itself by degrees, so that such appearances are only temporary.

Tuy nhiên, nếu sự quan tâm của người đó đối với các chủ đề khoa học tăng lên đều đặn, thì sự phồng lên vẫn sẽ duy trì, ngay cả khi dải màu đã rộng hơn. Hiệu ứng chung của điều này là ở người chưa phát triển, phần dưới của hình trứng luôn có xu hướng lớn hơn phần trên, vì vậy thể trí và thể cảm dục có hình dạng giống như một quả trứng với đầu nhỏ hướng lên trên; trong khi ở người phát triển hơn, các phẩm tính biểu hiện ở phần trên luôn có xu hướng tăng lên, và do đó chúng ta có hiệu ứng tạm thời là một quả trứng với đầu nhỏ hướng xuống dưới. Tuy nhiên, xu hướng luôn là sự đối xứng của hình trứng dần dần tái lập, vì vậy những hiện tượng này chỉ là tạm thời.

Reference has frequently been made to the ceaseless motion of the matter in both the mental and astral bodies. When the astral body, for example, is disturbed by any sudden emotion, all its matter is swept about as if by a violent hurricane, so that for the time being the colours become very much mixed.

Đã có nhiều lần đề cập đến chuyển động không ngừng của chất liệu trong cả thể trí lẫn thể cảm dục. Khi thể cảm dục, chẳng hạn, bị khuấy động bởi một cảm xúc đột ngột, toàn bộ chất liệu của nó bị cuốn đi như thể bởi một cơn bão dữ dội, khiến cho các màu sắc bị trộn lẫn rất nhiều trong một khoảng thời gian ngắn. Tuy

Presently, however, by the specific gravity of the different types of matter which reflect or emit these various colours, the whole arrangement will sort itself once more into its usual zones. Even then the matter is by no means at rest, as the particles are all the time rushing round these zones, though comparatively rarely leaving their own belt and intruding on another. But this movement within its own zone is entirely a healthy one; one in whom there is no such circulation is a mental crustacean, incapable of growth until he bursts his shell. The activity of the matter in any particular zone increases in proportion to the amount of thought devoted to the subject of which it is an expression.

nhiên, sau đó, nhờ vào tỷ trọng riêng biệt của các loại chất liệu khác nhau, vốn phản ánh hoặc phát ra các màu sắc này, toàn bộ sự sắp xếp sẽ tự động trở lại các vùng thông thường của nó. Ngay cả khi đó, chất liệu vẫn không hề tĩnh tại, vì các hạt vẫn không ngừng chuyển động quanh các vùng này, mặc dù tương đối hiếm khi rời khỏi dải của chúng để xâm phạm vào dải khác. Tuy nhiên, sự chuyển động bên trong vùng của chính nó là hoàn toàn lành mạnh; những người không có sự lưu thông như vậy giống như một loài giáp xác trí tuệ, không thể phát triển cho đến khi y phá vỡ lớp vỏ của mình. Mức độ hoạt động của chất liệu trong bất kỳ vùng nào sẽ tăng lên tỷ lệ thuận với lượng tư tưởng dành cho chủ đề mà nó biểu hiện.

If the man should permit his thought upon any given subject to stagnate, that stagnation will be faithfully reproduced in the matter appropriate to the subject. If a prejudice should grow up in man, thought on that particular subject ceases altogether, and a small eddy forms in which the mental matter runs round and round until it coagulates and becomes a kind of wart. Unless and until this wart is worn away or forcibly rooted out, the man cannot use that particular part of his mental body, and is incapable of rational thought on that subject. This foul thickened mass blocks all free movement either outward or inward; it prevents him on the one hand from seeing accurately, or from receiving any reliable new impressions on the matter in question, and on the other from sending out any clear thought with regard to it.

Nếu con người để tư tưởng của mình về bất kỳ chủ đề nào bị đình trệ, sự đình trệ đó sẽ được tái tạo một cách trung thực trong chất liệu tương ứng với chủ đề đó. Nếu trong y phát triển một định kiến, tư tưởng về chủ đề cụ thể đó sẽ hoàn toàn ngừng lại, và một dòng xoáy nhỏ sẽ hình thành, nơi chất liệu trí tuệ xoay tròn không ngừng cho đến khi nó đông đặc lại và trở thành một dạng "mụn cóc." Trừ khi và cho đến khi "mụn cóc" này được mài mòn hoặc bị nhổ bỏ, y sẽ không thể sử dụng phần đó của thể trí và trở nên bất lực trong việc suy nghĩ hợp lý về chủ đề đó. Khối dày đặc, ô uế này cản trở mọi chuyển động tự do, cả hướng ra bên ngoài lẫn hướng vào bên trong; nó ngăn y, một mặt, không thể nhìn nhận chính xác hoặc nhận được bất kỳ ấn tượng mới đáng tin cậy nào về vấn đề đang bàn, và mặt khác, không thể phát ra bất kỳ tư tưởng rõ ràng nào liên quan đến vấn đề đó.

These diseased spots in the mental body are unfortunately also centres of infection; the

Những điểm bệnh tật này trong thể trí không may cũng là trung tâm của sự lây nhiễm; khả

inability to see clearly increases and spreads. If part of the man' s mental body is already stagnant, the other parts are likely to be affected; if a man allows himself to have a prejudice on one subject he will probably soon develope prejudices on others, because the healthy flow of mental matter has been checked and the habit of untruth has been formed. Religious prejudice is the commonest and the most serious of all, and it completely prevents any approach to rational thought with regard to the subject. Unfortunately a very large number of people have the whole of that part of their mental bodies which should be occupied with religious matters inactive, ossified and covered with warts, so that even the most rudimentary conception of what religion really is remains utterly impossible for them until a catastrophic change has taken place.

năng nhìn nhận không rõ ràng sẽ tăng lên và lan rộng. Nếu một phần của thể trí đã bị đình trệ, các phần khác cũng dễ bị ảnh hưởng; nếu một người cho phép mình có định kiến về một chủ đề, y có khả năng sẽ sớm phát triển các định kiến về những chủ đề khác, bởi vì dòng chảy lành mạnh của chất liệu trí tuệ đã bị ngăn chặn và thói quen bất chấp sự thật đã được hình thành. Định kiến tôn giáo là phổ biến nhất và nghiêm trọng nhất trong tất cả, và nó hoàn toàn ngăn cản bất kỳ tiếp cận nào đến tư tưởng hợp lý về chủ đề này. Không may thay, rất nhiều người có toàn bộ phần thể trí lẽ ra phải dành cho các vấn đề tôn giáo bị đình trệ, hóa thạch và bị bao phủ bởi các mụn cóc, đến mức ngay cả những khái niệm cơ bản nhất về tôn giáo thật sự cũng hoàn toàn không thể tiếp cận được cho đến khi một sự thay đổi lớn xảy ra.

It may be remembered that in Man Visible and Invisible drawings were given of the astral bodies of men of the devotional and scientific types. Variants of these with which we frequently meet are the intuitional person and the matter-of-fact person. The latter has generally much of yellow in his mental body, and his various bands of colour are usually regular and in order. He has far less emotion and less imagination than the intuitional man, and therefore often in certain ways less power and enthusiasm; but on the other hand he is far less likely to make mistakes, and what he does will generally be well and carefully done. In the vehicle of the intuitional man we find much more of blue, but the colours are generally vague and the whole body ill-regulated. He suffers much more than the steadier type, but sometimes through that suffering he is able to make rapid progress. Of

Chúng ta có thể nhớ rằng trong cuốn *Man Visible and Invisible*, đã có các hình minh họa về thể cảm dục của những người thuộc kiểu sùng tín và kiểu khoa học. Hai biến thể mà chúng ta thường gặp là người trực giác và người thực tế. Người thực tế thường có nhiều màu vàng trong thể trí của mình, và các dải màu khác thường đều đặn và trật tự. Y có ít cảm xúc và ít trí tưởng tượng hơn so với người trực giác, do đó, thường kém năng lượng và nhiệt huyết hơn trong một số khía cạnh; tuy nhiên, mặt khác, y ít có khả năng mắc sai lầm hơn, và những gì y thực hiện thường được làm tốt và cẩn thận. Trong thể của người trực giác, chúng ta thấy nhiều màu xanh hơn, nhưng các màu sắc thường mờ nhạt và toàn bộ thể không được điều chỉnh tốt. Người này chịu đựng nhiều hơn so với kiểu người ổn định, nhưng đôi khi qua những đau khổ đó, y có thể tiến bộ

course, both the glow and enthusiasm and the steadiness and regularity have their place in the perfect man; it is only a question of which is acquired first.

nhanh chóng.

Tất nhiên, cả sự sáng rực và nhiệt huyết lẫn sự ổn định và trật tự đều có vị trí trong một con người hoàn hảo; vấn đề chỉ là yếu tố nào được phát triển trước.

Mystical thought and the presence of psychic faculties are indicated by colours of which we have no equivalents on the physical plane. When a man begins to develope along occult lines, the whole of his mental body must be rapidly purified and brought into thorough working order, for every part of it will be needed, and every part must be absolutely at its best if he is to make any real progress. It is eminently necessary that he should be able to make strong and clear thought-forms, and in addition to this it is a great help and comfort to him if he is able to visualise them clearly. The two acts must not be confused; one man may be able to make a stronger and clearer thought-form than another, and yet not be able to visualise it so well. The formation of a thought is a direct act of the will, working through the mental body; the visualisation is simply the power to see clairvoyantly the thought-form which he has made. Let him think strongly of any object, and the image of it is there in the mental body—just as much there whether he can visualise it or not.

Tư tưởng thần bí và sự hiện diện của các khả năng thông linh được biểu thị qua các màu sắc mà chúng ta không có những màu tương đương trên cõi trần. Khi một người bắt đầu phát triển theo con đường huyền bí, toàn bộ thể trí của y phải được thanh lọc nhanh chóng và đưa vào trật tự hoàn toàn, vì mọi phần của nó sẽ cần được sử dụng, và mỗi phần phải đạt đến trạng thái tốt nhất nếu y muốn đạt được bất kỳ tiến bộ thực sự nào. Điều cần thiết là y phải có khả năng tạo ra các hình tư tưởng mạnh mẽ và rõ ràng, và ngoài ra, nếu y có thể hình dung rõ ràng chúng, điều đó sẽ là một sự giúp đỡ và an ủi rất lớn. Hai hành động này không nên bị nhầm lẫn; một người có thể tạo ra hình tư tưởng mạnh mẽ và rõ ràng hơn người khác, nhưng lại không thể hình dung chúng tốt bằng. Sự hình thành của một tư tưởng là một hành động trực tiếp của ý chí, hoạt động thông qua thể trí; việc hình dung chỉ đơn giản là khả năng thấy thông nhãn hình tư tưởng mà y đã tạo ra. Hãy để người đó suy nghĩ mạnh mẽ về bất kỳ đối tượng nào, và hình ảnh của nó sẽ xuất hiện trong thể trí—nó sẽ luôn có mặt ở đó dù y có thể hình dung được nó hay không.

It must be remembered that all mental work done on the physical plane must be done through the physical brain, so that in order to succeed it is necessary not only to develope the mental body, but to get the physical brain into order, so that the mental body may readily work through it. It is well known that certain parts of the brain are connected with

Cần nhớ rằng tất cả công việc trí tuệ được thực hiện trên cõi trần phải thông qua bộ não hồng trần, vì vậy để thành công, cần không chỉ phát triển thể trí mà còn đưa bộ não hồng trần vào trật tự, để thể trí có thể dễ dàng hoạt động thông qua nó. Người ta biết rằng một số phần của bộ não liên quan đến một số phẩm tính trong con người và khả năng suy nghĩ theo

certain qualities in the man and with his power to think along certain lines, and all these must be brought into order and duly correlated with the zones in the mental body.

những hướng nhất định, và tất cả những phần này phải được đưa vào trật tự và tương thích đúng cách với các vùng trong thể trí.

Another point, the greatest of all, is that there is another connection to be made and kept active—the connection between the ego and his mental body; for he is the force behind, which makes use of all these qualities and powers. In order that we may think of anything we must first remember it; in order that we may remember it we must have paid attention to it; and the paying of attention is the descent of the ego into his vehicles in order to look out through them. Many a man with a fine mental body and a good brain makes little use of them because he pays little attention to life—that is to say, because the ego is putting but little of himself down into these lower planes, and so the vehicles are left to run riot at their own will. I have written elsewhere of the cure for this state of affairs; put very briefly it comes to this: Give the ego the conditions which he desires, and he will promptly put himself down more fully, to take advantage of them. If he desires to develope affection, give him the opportunity by cultivating affection to the fullest extent on these lower planes, and at once the ego will respond. If he desires principally wisdom, then endeavour by study to make yourself wise upon the physical plane, and once more the ego will appreciate your effort and be delighted to co-operate. Find out what he wants and give it to him, and you will have no reason to complain of his response.

Một điểm khác, điểm quan trọng nhất, là cần thiết phải có một kết nối khác được thiết lập và duy trì hoạt động—đó là sự kết nối giữa chân ngã và thể trí; vì chân ngã chính là sức mạnh đằng sau, điều khiển tất cả các phẩm tính và năng lực này. Để chúng ta có thể suy nghĩ về bất cứ điều gì, trước tiên chúng ta phải nhớ nó; để chúng ta có thể nhớ nó, chúng ta phải đã chú ý đến nó; và việc chú ý chính là sự giáng hạ của chân ngã vào các phương tiện của nó để nhìn ra qua chúng. Nhiều người có một thể trí tốt và một bộ não tốt nhưng ít sử dụng chúng vì họ ít chú ý đến cuộc sống—tức là vì chân ngã đang đưa rất ít bản thân nó xuống các cõi thấp này, và do đó các phương tiện của nó bị bỏ lại để tự hoạt động theo ý muốn. Tôi đã viết ở những nơi khác về cách chữa cho tình trạng này; nói ngắn gọn, là như thế này: Hãy cung cấp cho chân ngã những điều kiện mà nó mong muốn, và nó sẽ ngay lập tức giáng hạ nhiều hơn để tận dụng chúng. Nếu y mong muốn phát triển tình thương, hãy tạo điều kiện bằng cách nuôi dưỡng tình thương đến mức tối đa trên các cõi thấp này, và chân ngã sẽ ngay lập tức đáp ứng. Nếu y chủ yếu mong muốn minh triết, thì hãy cố gắng học hỏi để trở nên minh triết trên cõi trần, và một lần nữa chân ngã sẽ đánh giá cao nỗ lực của bạn và sẵn lòng hợp tác. Hãy tìm hiểu điều gì mà chân ngã mong muốn và cung cấp cho nó, và bạn sẽ không có lý do gì để phàn nàn về sự đáp ứng của nó.

A NEGLECTED POWER—MỘT QUYỀN NĂNG BỊ LÃNG QUÊN

People who have not made a special study of the matter never understand what a tremendous power there is in thought. Steam-power, water-power, these are real to them, because they can see them at work; but thought-power is vague and shadowy and intangible to them. Yet those who have taken the trouble to look into the subject know very well that one is just as real as the other.

Những người chưa từng nghiên cứu kỹ lưỡng về vấn đề này thường không hiểu được sức mạnh to lớn của tư tưởng. Họ nhận thức rõ ràng về sức mạnh của hơi nước hay nước vì có thể nhìn thấy chúng hoạt động, nhưng sức mạnh của tư tưởng đối với họ lại mơ hồ, không rõ ràng và vô hình. Tuy nhiên, những ai đã dành thời gian để tìm hiểu về vấn đề này biết rất rõ rằng sức mạnh của tư tưởng cũng thực tế và mạnh mẽ như những loại năng lượng kia.

This is true in two senses—directly and indirectly. Everybody, when it occurs to him, recognises the indirect action of thought, for it is obvious that a man must think before he can do anything, and the thought is the motive power of his act just as the water is the motive power of the mill. But people do not generally know that thought has also a direct action on matter—that whether or not a man translates his thought into a deed, the thought itself has already produced an effect.

Điều này đúng theo hai cách — trực tiếp và gián tiếp. Mọi người đều công nhận tác động gián tiếp của tư tưởng, vì rõ ràng là một người phải suy nghĩ trước khi thực hiện bất kỳ hành động nào, và tư tưởng chính là động lực thúc đẩy hành động, giống như nước là động lực cho cối xay nước. Nhưng ít ai biết rằng tư tưởng cũng có tác động trực tiếp lên vật chất — rằng dù một người có chuyển hóa tư tưởng thành hành động hay không, tư tưởng tự nó đã tạo ra một hiệu ứng.

Our readers are already aware that there are many kinds of matter finer than those which are visible to physical sight, and that the force of man' s thought acts directly upon some of these and sets them in motion. A thought shows itself as a vibration in the mental body of man; that vibration is communicated to external matter, and an effect is produced. Thought therefore is itself a real and definite power; and the point of vivid interest about it is that everyone of us possesses this power. A comparatively small number of rich men have concentrated in their hands the steam-power and the electric power of the world; money is needed to buy its use, and therefore for many

Độc giả của chúng ta đã biết rằng có nhiều loại vật chất tinh vi hơn những vật chất có thể nhìn thấy bằng mắt thường, và sức mạnh của tư tưởng con người tác động trực tiếp lên một số trong số đó và làm chúng chuyển động. Một tư tưởng tự biểu hiện dưới dạng một dao động trong thể trí của con người; dao động này được truyền ra bên ngoài và tạo ra một tác động. Do đó, tư tưởng tự nó là một sức mạnh thực tế và cụ thể; và điều thú vị là mỗi chúng ta đều sở hữu sức mạnh này. Một số ít người giàu đã tập trung trong tay họ sức mạnh của hơi nước và điện lực trên thế giới; tiền bạc cần thiết để mua quyền sử dụng những nguồn lực này, vì vậy nhiều người không thể tiếp cận được. Nhưng

it is unattainable. But here is a power which is already in the hands of everyone, poor and rich, young and old alike; all we have to do is to learn to use it. Indeed, we are all of us using it to some extent even now, but because we do not understand it we often unconsciously do harm with it instead of good, both to ourselves and to others.

đây là một sức mạnh đã nằm trong tay của tất cả mọi người, dù giàu hay nghèo, dù trẻ hay già; tất cả những gì chúng ta phải làm là học cách sử dụng nó. Thực tế, ngay từ bây giờ chúng ta đã đang sử dụng nó ở một mức độ nào đó, nhưng vì không hiểu rõ nên chúng ta thường vô tình gây hại thay vì làm điều tốt, cho chính bản thân và cho người khác.

Those who have read the book called Thought-Forms will remember how it is there explained that a thought produces two principal external effects, a radiating vibration and a floating form. Let us see how these affect the thinker himself, and how they affect others.

Những ai đã đọc quyển sách *Hình tư tưởng* (*Thought-Forms*) sẽ nhớ rằng tư tưởng tạo ra hai hiệu ứng ngoại vi chính — một dao động phát ra và một hình tư tưởng trôi nổi. Hãy xem xét cách mà những điều này ảnh hưởng đến chính người suy nghĩ và đến người khác.

The first point to remember is the force of habit. If we accustom our mental bodies to a certain type of vibration they learn to reproduce it easily and readily. If we let ourselves think a certain kind of thought to-day, it will be appreciably easier to think that same thought to-morrow. If a man allows himself to begin to think evil of others, it soon becomes easy to think more evil of them and difficult to think any good of them. Hence arises a ridiculous prejudice which absolutely blinds the man to the good points in his neighbours, and enormously magnifies the evil in them.

Điều đầu tiên cần nhớ là sức mạnh của thói quen. Nếu chúng ta tạo thói quen cho thể trí của mình với một loại dao động nhất định, nó sẽ học cách tái tạo dao động đó một cách dễ dàng và nhanh chóng. Nếu chúng ta cho phép bản thân suy nghĩ một loại tư tưởng nào đó hôm nay, thì ngày mai sẽ dễ dàng hơn đáng kể để nghĩ cùng loại tư tưởng đó. Nếu một người để mình bắt đầu nghĩ xấu về người khác, rất nhanh chóng sẽ dễ dàng hơn để nghĩ xấu hơn nữa và khó khăn hơn để nghĩ tốt về họ. Từ đó sinh ra một sự thiên vị vô lý khiến người ta hoàn toàn mù quáng trước những điểm tốt của người khác, và phóng đại quá mức những điểm xấu.

Then his thoughts begin to stir up his emotions; because he sees only the evil in others he begins to hate them. The vibrations of mental matter excite those of the denser matter called astral, just as the wind disturbs the surface of the sea. We all know that by thinking over what he considers his wrongs a man can easily make himself angry, though

Sau đó, tư tưởng của y bắt đầu khuấy động cảm xúc của y; vì y chỉ thấy những điều xấu xa ở người khác, nên y bắt đầu căm ghét họ. Dao động của thể trí kích động những dao động của vật chất đặc hơn, gọi là thể cảm xúc, giống như gió khuấy động mặt biển. Tất cả chúng ta đều biết rằng bằng cách nghĩ về những gì y coi là sai lầm của mình, một người có thể dễ dàng

we often seem to forget the inevitable corollary that by thinking calmly and reasonably a man can prevent or dismiss anger.

khiến mình tức giận, mặc dù chúng ta thường quên mất hệ quả tất yếu là bằng cách suy nghĩ bình tĩnh và hợp lý, người ta có thể ngăn chặn hoặc xua tan sự tức giận.

Still another reaction upon the thinker is produced by the thought-form which he generates. If the thought be aimed at someone else, the form flies like a missile towards that person, but if the thought be (as is so often the case) connected chiefly with the thinker himself, the form remains floating near him, ever ready to react upon him and reproduce itself—that is to say, to stir up in his mind the same thought once more. The man will feel as though it were put into his mind from without, and if it happens to be an evil thought he will probably think that the devil is tempting him, whereas the experience is nothing but the mechanical result of his own previous thought.

Một phản ứng khác nữa đối với người suy tưởng được tạo ra bởi hình tư tưởng mà y sinh ra. Nếu tư tưởng được nhắm đến người khác, hình tư tưởng sẽ bay như một viên đạn về phía người đó; nhưng nếu tư tưởng (như thường thấy) chủ yếu liên quan đến chính người suy tưởng, thì hình tư tưởng sẽ lơ lửng gần y, luôn sẵn sàng phản ứng lại với y và tái tạo chính nó —nghĩa là, kích động trong tâm trí y cùng một tư tưởng một lần nữa. Người đó sẽ cảm thấy như thể tư tưởng đó được đưa vào tâm trí mình từ bên ngoài, và nếu đó là một tư tưởng xấu, y có lẽ sẽ nghĩ rằng quỷ đang cám dỗ mình, trong khi thực tế trải nghiệm này chỉ là kết quả cơ học của chính tư tưởng trước đây của y.

Now see how this fragment of knowledge can be utilised. Obviously every thought or emotion produces a permanent effect, for it strengthens or weakens a tendency; furthermore, it is constantly reacting upon the thinker. It is clear therefore that we must exercise the greatest care as to what thought or emotion we permit to arise within ourselves. We must not excuse ourselves, as so many do, by saying that undesirable feelings are natural under certain conditions; we must assert our prerogative as rulers of this kingdom of our mind and emotions. If we can get into the habit of evil thought, it must be equally possible to get into the habit of good thought. We can accustom ourselves to look for the desirable rather than the undesirable qualities in the people whom we meet; and it will surprise us to find how numerous and

Bây giờ hãy xem cách mà mảnh kiến thức này có thể được áp dụng. Rõ ràng, mỗi tư tưởng hoặc cảm xúc đều tạo ra một hiệu ứng lâu dài, vì nó củng cố hoặc làm suy yếu một khuynh hướng; hơn nữa, nó liên tục phản ứng lại chính người suy nghĩ. Rõ ràng chúng ta phải cực kỳ cẩn trọng với những tư tưởng hoặc cảm xúc mà chúng ta cho phép nảy sinh trong mình. Chúng ta không thể tự biện minh, như nhiều người vẫn làm, rằng những cảm xúc không mong muốn là tự nhiên trong một số điều kiện nhất định; chúng ta phải khẳng định quyền tối thượng của mình với tư cách là người cai trị vương quốc của trí và cảm xúc của mình. Nếu chúng ta có thể quen với tư tưởng xấu, thì cũng phải có thể quen với tư tưởng tốt. Chúng ta có thể tập cho bản thân nhìn thấy những phẩm chất đáng khao khát thay vì những điều không mong muốn ở những người mà chúng

how important those desirable qualities are. Thus we shall come to like these people instead of disliking them, and there will be at least a possibility that we may do them something approaching to justice in our estimate of them.

ta gặp; và chúng ta sẽ ngạc nhiên khi nhận ra những phẩm chất đó nhiều đến mức nào và quan trọng đến mức nào. Nhờ đó, chúng ta sẽ bắt đầu thích những người đó thay vì không thích họ, và ít nhất sẽ có khả năng rằng chúng ta sẽ đánh giá họ công bằng hơn.

We may set ourselves definitely as a useful exercise to think good and kindly thoughts, and if we do we shall very soon begin to perceive the result this practice. Our minds will begin to work more easily along the grooves of admiration and appreciation instead of along those of suspicion and disparagement; and when for the moment our brains are unoccupied, the thoughts which present themselves will be good instead of bad, because they will be the reaction of the gracious forms with which we have laboured to surround ourselves. “As a man thinketh in his heart, so is he;” and it is obvious that the systematic use of thought-power will make life much easier and pleasanter for us.

Chúng ta có thể xem việc suy nghĩ những tư tưởng tốt và tử tế như một bài tập hữu ích, và nếu chúng ta làm như vậy, rất sớm chúng ta sẽ bắt đầu thấy kết quả của thực hành này. Tâm trí của chúng ta sẽ bắt đầu vận hành dễ dàng hơn dọc theo những đường lối ngưỡng mộ và đánh giá cao thay vì ngờ vực và khinh miệt; và khi tạm thời não của chúng ta không bị chiếm đóng, những tư tưởng tự xuất hiện sẽ là tốt thay vì xấu, bởi vì chúng là phản ứng của những hình thức ân huệ mà chúng ta đã nỗ lực tạo dựng xung quanh mình. “Một người suy nghĩ trong lòng như thế nào, thì người đó là như thế;” và rõ ràng là việc sử dụng có hệ thống sức mạnh của tư tưởng sẽ làm cho cuộc sống của chúng ta trở nên dễ dàng và thoải mái hơn.

Now let us see how our thought affects others. The radiating undulation, like many other vibrations in nature, tends to reproduce itself. Put an object in front of a fire, and presently that object becomes hot; why? Because the radiations of rapid vibration coming from the incandescent matter in the grate have stirred the molecules of the object into more rapid oscillation also. Just in the same way if we persistently pour the undulation of kindly thought upon another, it must in time awaken a similar vibration of kindly thought in him Thought forms directed towards him will hover about him and act upon him for good when opportunity offers. Just as a bad thought may be a tempting demon either to the

Bây giờ hãy xem cách mà tư tưởng của chúng ta ảnh hưởng đến người khác. Sóng dao động phát ra, giống như nhiều loại dao động khác trong tự nhiên, có xu hướng tự tái tạo. Đặt một vật trước lò sưởi, chẳng bao lâu vật đó sẽ nóng lên; tại sao? Bởi vì các dao động nhanh từ vật phát sáng trong lò sưởi đã kích thích các phân tử của vật đó dao động nhanh hơn. Cũng theo cách đó, nếu chúng ta liên tục truyền sóng dao động của tư tưởng tử tế đến một người, thì theo thời gian nó sẽ đánh thức những dao động tư tưởng tử tế tương tự trong người đó. Hình tư tưởng hướng về người đó sẽ lơ lửng xung quanh y và tác động lên y theo hướng tốt khi có cơ hội. Giống như một tư tưởng xấu có thể là một con quỷ cám dỗ đối với người suy

thinker or to another, so a good thought may be a veritable guardian angel, encouraging virtue and repelling vice.

nghĩ hoặc với người khác, thì một tư tưởng tốt có thể là một thiên thần hộ mệnh thực sự, khuyến khích đức hạnh và đẩy lùi thói xấu.

A grumbling and fault-finding attitude towards others is unfortunately sadly common at the present day, and those who adopt it never seem to realise the harm that they are doing. If we study its result scientifically we shall see that the prevalent habit of malicious gossip is nothing short of wicked. It does not matter whether there is or is not any foundation for scandal; in either case it cannot but cause harm. Here we have a number of people fixing their minds upon some supposed evil quality in another, and drawing to it the attention of scores of others to whom such an idea would never otherwise have occurred.

Thật không may, một thái độ phàn nàn và chỉ trích người khác lại phổ biến đáng buồn vào thời điểm hiện tại, và những người có thái độ này dường như không bao giờ nhận ra tác hại mà họ đang gây ra. Nếu chúng ta nghiên cứu kết quả của nó một cách khoa học, chúng ta sẽ thấy rằng thói quen nói xấu đầy ác ý thực sự là một điều xấu xa. Không quan trọng liệu có hay không bất kỳ nền tảng nào cho những tin đồn tai tiếng; trong cả hai trường hợp, điều đó chắc chắn sẽ gây hại. Chúng ta có một nhóm người tập trung tư tưởng của họ vào một phẩm chất xấu nào đó được cho là của người khác, và thu hút sự chú ý của hàng chục người khác vào điều mà lẽ ra họ sẽ không bao giờ nghĩ tới.

Suppose they accuse their victim of jealousy. Some hundreds of people at once begin to pour upon this unhappy sufferer streams of thought suggesting the idea of jealousy. Is it not obvious that if the poor man has any tendency towards that unpleasant quality, it cannot but be greatly intensified by such a cataract? And if, as is commonly the case, there is no reason whatever for the spiteful rumour, those who so eagerly spread it are at any rate doing their best to create in the man the very vice over the imagined presence of which they gloat so savagely.

Giả sử họ buộc tội nạn nhân của họ là ghen tuông. Hàng trăm người ngay lập tức bắt đầu đổ lên người khốn khổ đó những dòng suy nghĩ gợi lên ý tưởng về sự ghen tuông. Rõ ràng là nếu người đó có bất kỳ khuynh hướng nào đối với phẩm chất khó chịu đó, dòng thác suy nghĩ này chắc chắn sẽ làm cho khuynh hướng đó càng trở nên mãnh liệt. Và nếu, như thường xảy ra, không có bất kỳ lý do chính đáng nào cho tin đồn ác ý này, những người lan truyền nó một cách hăm hở đang ít nhất làm mọi điều có thể để tạo ra thói xấu đó trong người mà họ hả hê bôi nhọ.

Think of your friends by all means, but think of their good points, not only because that is a much healthier occupation for you, but because by doing so you strengthen them. When you are reluctantly compelled to recognise the presence of some evil quality in a friend, take especial care not to think of it,

Hãy nghĩ về những người bạn của mình, nhưng hãy nghĩ về những điểm tốt của họ, không chỉ vì đó là một việc lành mạnh hơn cho bạn, mà còn vì bằng cách làm vậy, bạn đang củng cố những phẩm chất đó cho họ. Khi bạn buộc lòng phải nhận ra sự hiện diện của một phẩm chất xấu nào đó ở một người bạn, hãy

but think instead of the opposite virtue which you wish him to develope. If he happen to be parsimonious or lacking in affection, carefully avoid gossiping about this defect or even fixing your thought upon it, because if you do, the vibration which you will send him will simply make matters worse. Instead of that, think with all your strength of the quality which be needs, flood him with the undulations of generosity and love, for in that way you will really help your brother.

đặc biệt cẩn trọng đừng nghĩ về nó, mà thay vào đó hãy nghĩ đến đức tính đối lập mà bạn muốn người bạn đó phát triển. Nếu người bạn đó có thể keo kiệt hoặc thiếu tình cảm, hãy cẩn thận không bàn tán về khuyết điểm này hoặc thậm chí không tập trung suy nghĩ vào nó, vì nếu bạn làm vậy, dao động mà bạn gửi đi sẽ chỉ khiến tình hình tồi tệ hơn. Thay vào đó, hãy nghĩ hết sức mình về phẩm chất mà y cần, tràn ngập y bằng những dao động của sự hào phóng và tình thương, vì bằng cách đó bạn sẽ thực sự giúp đỡ huynh đệ của mình.

Use your thought-power in ways such as these, and you will become a veritable centre of blessing in your corner of the world. But remember that you have only a limited amount of this force, and if you want to have enough to be useful you must not waste it.

Hãy sử dụng sức mạnh tư tưởng của bạn theo những cách như vậy, và bạn sẽ trở thành một trung tâm thực sự của ân phước trong góc thế giới của mình. Nhưng hãy nhớ rằng bạn chỉ có một lượng sức mạnh này giới hạn, và nếu bạn muốn đủ để có ích, bạn không được phung phí nó.

The average man is simply a centre of agitated vibration; he is constantly in a condition of worry, of trouble about something, or in a condition of deep depression, or else he is unduly excited in the endeavour to grasp something. For one reason or another he is always in a state of unnecessary agitation, usually about the merest trifle. This means that he is all the time wasting force, frittering away vainly that for the profitable use of which he is definitely responsible—that which might make him healthier and happier.

Người bình thường chỉ là một trung tâm của dao động bối rối; y luôn trong tình trạng lo lắng, phiền muộn về điều gì đó, hoặc chìm trong sự u sầu sâu sắc, hoặc y quá phấn khích trong nỗ lực nắm bắt điều gì đó. Vì một lý do nào đó, y luôn ở trong trạng thái kích động không cần thiết, thường là về những chuyện nhỏ nhặt nhất. Điều này có nghĩa là y đang lãng phí sức mạnh liên tục, tiêu tốn vô ích những gì mà y phải chịu trách nhiệm sử dụng một cách có lợi — những thứ có thể giúp y khỏe mạnh và hạnh phúc hơn.

Another way in which he wastes a vast amount of energy is by unnecessary argument; he is always trying to make somebody else agree with his opinions. He forgets that there are always several sides to any question, whether it be of religion, of politics, or of expediency, that the other man

Một cách khác mà y lãng phí năng lượng rất lớn là thông qua tranh luận không cần thiết; y luôn cố gắng làm cho người khác đồng ý với quan điểm của mình. Y quên rằng luôn có nhiều mặt cho bất kỳ vấn đề nào, dù là về tôn giáo, chính trị, hay tính hiệu quả, rằng người khác có quyền hoàn toàn với quan điểm của

has a perfect right to his own point of view, and that anyhow it does not matter, since the facts of the case will remain the same, whatever either of them may think. The great majority of the subjects about which men argue are not in the least worth the trouble of discussion, and those who talk most loudly and most confidently about them are usually precisely those who know least.

họ, và dù sao đi nữa điều đó không quan trọng, vì sự thật của vấn đề sẽ vẫn như vậy, bất kể ai trong hai người nghĩ gì. Phần lớn các chủ đề mà con người tranh luận không đáng để bàn thảo, và những người nói to nhất và tự tin nhất về chúng thường chính là những người biết ít nhất.

The man who wishes to do useful work, either for himself or for others, by means of thought-power, must conserve his energies; he must be calm and philosophic; he must consider carefully before he speaks or acts. But let no one doubt that the power is a mighty one, that any one who will take the trouble may learn how to use it, and that by its use each one of us may make much progress and may do much good to the world around him.

Người muốn làm công việc hữu ích, dù cho chính mình hay cho người khác, thông qua sức mạnh của tư tưởng, phải bảo toàn năng lượng của mình; y phải điềm tĩnh và triết lý; y phải cân nhắc kỹ lưỡng trước khi nói hoặc hành động. Nhưng không ai nên nghi ngờ rằng sức mạnh này là một sức mạnh hùng mạnh, rằng bất kỳ ai sẵn lòng nỗ lực đều có thể học cách sử dụng nó, và rằng bằng cách sử dụng nó, mỗi chúng ta có thể tiến bộ nhiều và làm được rất nhiều điều tốt đẹp cho thế giới xung quanh.

You should understand this power of thought, and the duty of repressing evil, unkind or selfish thoughts. Thoughts will produce their effect, whether we wish it or not. Each time you control them it makes control easier. Sending out of thoughts to others is as real as giving money; and it is a form of charity which is possible for the poorest of men. A wise man produces his results intentionally. To radiate depression is wrong, and it prevents higher thoughts from coming in. It causes much suffering to sensitive people, and is responsible for much of the terror of children at night. It is not right to cloud a young life, as so many do, by allowing bad and miserable thoughts to fall upon it. Forget your depression, and send strengthening thoughts to sick people instead.

Bạn nên hiểu sức mạnh này của tư tưởng, và nghĩa vụ phải đè nén những tư tưởng xấu, không tử tế hoặc ích kỷ. Tư tưởng sẽ tạo ra hiệu ứng, dù chúng ta có mong muốn điều đó hay không. Mỗi lần chúng ta kiểm soát được chúng, việc kiểm soát sẽ trở nên dễ dàng hơn. Gửi tư tưởng đến người khác cũng thực như việc cho tiền; và đó là một hình thức từ thiện mà ngay cả người nghèo nhất cũng có thể thực hiện. Một người khôn ngoan tạo ra kết quả của mình một cách có chủ đích. Phát tán sự u sầu là sai lầm, và nó ngăn cản những tư tưởng cao hơn xuất hiện. Nó gây ra nhiều đau khổ cho những người nhạy cảm, và chịu trách nhiệm cho phần lớn nỗi sợ hãi của trẻ em vào ban đêm. Không đúng khi làm u ám cuộc sống của một đứa trẻ, như nhiều người thường làm, bằng cách cho phép những tư tưởng tiêu cực và khổ sở đè nặng lên nó. Hãy quên đi sự u sầu

của bạn, và gửi những tư tưởng mạnh mẽ đến những người bệnh thay vào đó.

Your thoughts are not (as you might suppose) exclusively your own business, for your vibrations affect others. Evil thoughts reach much farther than evil words, but they cannot affect a man who is entirely free from the quality which they carry. The thought of the desire for drink could not enter the body of a purely temperate man, for example. It would strike upon his astral body, but it could not penetrate, and it would then return to the sender.

Tư tưởng của bạn không phải chỉ là việc riêng của bạn, vì dao động của chúng ảnh hưởng đến người khác. Những tư tưởng xấu xa truyền đi xa hơn nhiều so với những lời nói xấu, nhưng chúng không thể ảnh hưởng đến một người hoàn toàn tự do khỏi phẩm chất mà chúng mang theo. Ví dụ, tư tưởng ham muốn uống rượu không thể xâm nhập vào cơ thể của một người hoàn toàn tiết chế; nó sẽ chỉ tác động lên thể cảm dục của y, nhưng không thể thâm nhập vào, và sau đó sẽ quay trở lại người gửi.

The will can be trained to act directly upon physical matter. The example of this which is most likely to be within your own experience is that a picture which is much used for purposes of meditation may often be observed to change in expression; the actual physical particles are unquestionably affected by the power of the strong sustained thought. Madame Blavatsky used to make her pupils practise this, telling them to suspend a needle by a silk thread, and then learn to move it by the force of the will. A sculptor also uses this power of thought in an entirely different way. When he sees a block of marble he makes a strong thought-form of the statue which he can carve out of it. Then he plants this thought-form inside the block of marble, and proceeds to chip away the marble which lies outside the thought-form, until only that portion of it which is interpenetrated by it remains.

Ý chí có thể được rèn luyện để tác động trực tiếp lên vật chất. Ví dụ dễ gặp nhất trong trải nghiệm của bạn có lẽ là một bức tranh được sử dụng nhiều cho mục đích tham thiền thường thay đổi biểu cảm; các hạt vật chất thực tế chắc chắn bị ảnh hưởng bởi sức mạnh của tư tưởng mạnh mẽ và bền vững. Bà Blavatsky đã từng dạy học trò mình thực hành điều này, bảo họ treo một cây kim bằng một sợi chỉ lụa, sau đó học cách di chuyển nó bằng sức mạnh ý chí. Một nhà điêu khắc cũng sử dụng sức mạnh tư tưởng này theo một cách hoàn toàn khác. Khi y nhìn thấy một khối đá cẩm thạch, y tạo ra một hình tư tưởng mạnh mẽ về bức tượng mà y sẽ tạc ra từ đó. Sau đó, y đặt hình tư tưởng này vào bên trong khối đá cẩm thạch, và bắt đầu gọt đẽo phần đá bên ngoài hình tư tưởng đó, cho đến khi chỉ còn lại phần mà hình tư tưởng đó đã thâm nhập.

Make it a practice to set apart a little time each day which shall be devoted to formulating good thoughts about other people, and sending them to them. It is capital practice for

Hãy tạo thói quen dành một ít thời gian mỗi ngày để suy nghĩ những tư tưởng tốt đẹp về người khác và gửi chúng đến họ. Đây là một bài thực hành tuyệt vời cho bạn, và chắc chắn

you, and it will unquestionably do good to your patients also.

sẽ mang lại lợi ích cho những người mà bạn hướng tới.

INTUITION AND IMPULSE—TRỰC GIÁC VÀ XUNG ĐỘNG

You ask how you are to distinguish impulse from intuition. I fully appreciate your dilemma. At first it is difficult for the student to do this, but take comfort from the thought that the difficulty of decision is only a temporary matter. As you grow you will reach a stage at which you will be absolutely certain with regard to intuition, for the distinction between that and impulse will be so clear that mistake will be impossible.

Bạn hỏi làm thế nào để phân biệt giữa xung động và trực giác. Tôi hoàn toàn hiểu khó khăn của bạn. Ban đầu, thật khó cho học viên để làm điều này, nhưng hãy yên tâm rằng sự khó khăn trong việc quyết định chỉ là tạm thời. Khi bạn trưởng thành, bạn sẽ đạt đến một giai đoạn mà bạn hoàn toàn chắc chắn về trực giác, vì sự khác biệt giữa trực giác và xung động sẽ trở nên rõ ràng đến mức không thể nhầm lẫn.

But since both come to the brain from within, they seem at first exactly alike, and therefore great care is necessary, and it is hard to arrive at a decision. One or two considerations may perhaps help you. I have heard Mrs. Besant say that it is well always to wait awhile whenever the circumstances permit such a course, because if we wait a little an impulse usually grows weaker, while an intuition is unaffected by the passage of time. Then an impulse is almost always accompanied by excitement; there is always something personal about it, so that if it is not at once obeyed—if anything crosses—it there arises a feeling of resentment; whereas a true intuition, though decided, is surrounded by a sense of calm strength. The impulse is a surging of the astral body; the intuition is a scrap of knowledge from the ego impressed upon the personality.

Nhưng vì cả hai đều đến não bộ từ bên trong, ban đầu chúng dường như hoàn toàn giống nhau, do đó cần sự cẩn thận lớn, và việc đưa ra quyết định trở nên khó khăn. Một hoặc hai điều cân nhắc có thể giúp bạn. Tôi đã nghe bà Besant nói rằng nên luôn chờ đợi một thời gian bất cứ khi nào hoàn cảnh cho phép, bởi vì nếu chúng ta chờ đợi một chút, xung động thường suy yếu đi, trong khi trực giác không bị ảnh hưởng bởi thời gian trôi qua. Hơn nữa, xung động hầu như luôn đi kèm với sự kích động; nó luôn mang một yếu tố cá nhân, đến mức nếu không được thực hiện ngay lập tức—nếu có điều gì cản trở—sẽ nảy sinh cảm giác bực bội. Ngược lại, một trực giác chân thật, dù quyết đoán, lại đi kèm với một cảm giác bình thản mạnh mẽ. Xung động là sự dâng trào của thể cảm dục; trực giác là một mảnh kiến thức từ chân ngã được truyền ấn tượng lên phàm ngã.

Sometimes the sudden impression is not

Đôi khi, ấn tượng bất ngờ không thực sự đến từ

really from within at all, but from without; a message or suggestion from some one on a higher plane—most commonly some passing dead person, or perhaps a departed relation. It is well to treat such advice precisely as though it were given on the physical plane—to take it if it commends itself to our reason, and ignore it if it does not; for a person is not necessarily wiser than we merely because he happens to be dead. In this matter as in all others we must regulate our actions by strong, sturdy common-sense, and not rush off wildly after imaginations and dreams.

bên trong mà từ bên ngoài; đó là một thông điệp hoặc gợi ý từ ai đó trên một cõi cao hơn—thường là một người vừa qua đời, hoặc có thể là một người thân đã mất. Tốt nhất là nên đối xử với những lời khuyên này như thể chúng được đưa ra trên cõi trần—chấp nhận nếu nó hợp lý với chúng ta, và bỏ qua nếu không; vì một người không nhất thiết phải khôn ngoan hơn chúng ta chỉ vì y tình cờ đã qua đời. Trong vấn đề này cũng như tất cả những vấn đề khác, chúng ta phải điều chỉnh hành động của mình bằng sự khôn ngoan vững chắc và không lao vào theo đuổi những tưởng tượng và giấc mơ.

At this stage I should advise you always to follow reason when you are certain of the premises from which you reason. You will learn in time and by experience whether your intuitions can invariably be trusted. The mere impulse has its birth in the astral body, while the true intuition comes directly from the higher mental plane, or sometimes even from the buddhic. Of course the latter, if you could only be sure of it, might be followed without the slightest hesitation, but in this transition stage through which you are passing one is compelled to take a certain amount of risk—either that of sometimes missing a gleam of higher truth through clinging too closely to the reason, or that of being occasionally misled by mistaking an impulse from an intuition. Myself, I have so deep-rooted a horror of this last possibility that I have again and again followed reason as against intuition, and it was only after repeatedly finding that a certain type of intuition was always correct that I allowed myself to depend fully upon it. You too will no doubt pass through these successive stages, and you need not be in the least troubled about it.

Ở giai đoạn này, tôi khuyên bạn luôn theo lý trí khi bạn chắc chắn về những tiền đề mà bạn đang suy luận. Theo thời gian và kinh nghiệm, bạn sẽ học được liệu trực giác của mình có thể luôn được tin cậy hay không. Xung động đơn thuần sinh ra trong thể cảm dục, trong khi trực giác thực sự đến trực tiếp từ cõi thượng trí, hoặc đôi khi thậm chí từ cõi bồ đề. Dĩ nhiên, nếu bạn có thể chắc chắn về trực giác, bạn có thể theo nó mà không cần chút do dự nào, nhưng ở giai đoạn chuyển tiếp mà bạn đang trải qua, người ta buộc phải chấp nhận một mức độ rủi ro nhất định—hoặc là đôi khi bỏ lỡ một tia sự thật cao hơn vì bám chặt vào lý trí, hoặc là đôi khi bị lừa bởi việc nhầm lẫn xung động với trực giác. Riêng tôi, tôi có một nỗi sợ hãi ăn sâu về khả năng nhầm lẫn này đến mức nhiều lần tôi đã chọn theo lý trí thay vì trực giác, và chỉ sau khi liên tục nhận ra rằng một loại trực giác nhất định luôn chính xác, tôi mới cho phép mình hoàn toàn dựa vào nó. Bạn cũng sẽ chắc chắn trải qua những giai đoạn kế tiếp này, và bạn không cần phải lo lắng chút nào về điều đó.

THOUGHT-CENTRES
CÁC TRUNG TÂM TƯ TƯỞNG

In the higher levels of the mental plane our thoughts act with greater force because we have the field almost to ourselves. We have not many other thoughts to contend with in that region. All people when thinking of the same thing tend to come to some extent into rapport with one another. Any strong thought anywhere in the world may be attracted to you, and you may be influenced by the thinker of it. Strong thought acts fairly constantly, and is more likely to act in connection with those subjects about which comparatively few are thinking, because in those cases the vibrations are more distinctive, and have freer play. Any sudden idea or vision which comes to you may be simply the thought-form of some person who is keenly interested in the subject in hand. The person may be at any distance from you, though it is true that physical proximity makes such transference easier.

Ở các mức cao hơn của cõi trí, tư tưởng của chúng ta hành động với sức mạnh lớn hơn vì chúng ta gần như có "sân chơi" riêng. Trong khu vực đó, không có nhiều tư tưởng khác để cạnh tranh. Tất cả mọi người, khi suy nghĩ về cùng một chủ đề, thường có xu hướng đạt được một mức độ hòa hợp nhất định với nhau. Bất kỳ tư tưởng mạnh mẽ nào ở bất kỳ nơi nào trên thế giới cũng có thể bị thu hút về phía bạn, và bạn có thể bị ảnh hưởng bởi người suy nghĩ ra nó. Tư tưởng mạnh mẽ thường hành động một cách khá ổn định, và nó có xu hướng tác động nhiều hơn đến những chủ đề mà tương đối ít người đang suy nghĩ về, bởi vì trong những trường hợp đó, các rung động trở nên đặc biệt hơn và có không gian hoạt động tự do hơn. Bất kỳ ý tưởng hoặc hình ảnh nào đột nhiên xuất hiện với bạn có thể chỉ là hình tư tưởng của một người nào đó đang rất quan tâm đến chủ đề này. Người đó có thể ở bất kỳ khoảng cách nào so với bạn, mặc dù đúng là sự gần gũi về thể chất làm cho sự truyền dẫn như vậy trở nên dễ dàng hơn.

There is such a thing as a kind of psychometrisation of a thought-form. Masses of thought on a given subject are very definite things, which have a place in space. Thoughts on the same subject and of the same character tend to aggregate. For many subjects there is a thought-centre, a definite space in the atmosphere; and thoughts on one of these subjects tend to gravitate to its centre, which absorbs any amount of ideas, coherent and incoherent, right and wrong. In this definite

Có một khái niệm gọi là *trắc tâm* một hình tư tưởng. Khối lượng tư tưởng về một chủ đề nhất định là những thứ rất cụ thể, chúng có một vị trí trong không gian. Tư tưởng về cùng một chủ đề và có cùng bản chất có xu hướng tập hợp lại. Với nhiều chủ đề, có một trung tâm tư tưởng, một không gian cụ thể trong bầu khí quyển; và các tư tưởng về một trong những chủ đề này có xu hướng hướng về trung tâm của nó, nơi thu hút mọi loại ý tưởng, cả hợp lý và phi lý, đúng và sai. Ở trung tâm cụ thể này,

centre you would find all the thought about a given subject drawn to a focus, and might then psychometrise the different thought forms, follow them to their thinkers, and acquire other information from them.

bạn sẽ tìm thấy tất cả tư tưởng về một chủ đề nhất định được thu hút vào một điểm tập trung, và bạn có thể trắc tâm các hình tư tưởng khác nhau, theo dõi chúng đến với người đã suy nghĩ ra chúng, và từ đó thu thập thêm thông tin.

It is easy to see that when one thinks of something a little difficult, one may attract the thought of another person who has studied the same subject, and even the person himself if he be on the astral plane. In the latter case the person may be either conscious or unconscious. Plenty of people, either dead or asleep, do try to help others along their particular lines; any one of such, seeing another struggling with some kind of conception, would be likely to go and try to suggest the way in which he thinks that other man ought to think of it. It does not follow, of course, that his ideas would be correct.

Dễ dàng thấy rằng khi một người suy nghĩ về một điều gì đó hơi khó khăn, y có thể thu hút tư tưởng của người khác, người đã nghiên cứu cùng chủ đề, và thậm chí có thể thu hút chính người đó nếu y đang ở cõi cảm dục. Trong trường hợp này, người đó có thể ý thức hoặc vô thức. Nhiều người, dù đã qua đời hay đang ngủ, cố gắng giúp đỡ người khác trên con đường của mình; bất kỳ ai trong số họ, khi thấy người khác đang vật lộn với một khái niệm nào đó, rất có thể sẽ đến và cố gắng gợi ý cách y nghĩ người khác nên nghĩ về vấn đề đó. Dĩ nhiên, điều đó không có nghĩa là những ý tưởng của người đó sẽ đúng.

If you think you will see that this is perfectly natural. You would help people on this physical plane simply from pure good-nature. So also after death. You feel the same sympathies without a physical body; and though your idea may be wrong or right, you give it. I do not know of any method that is open to the ordinary student for ascertaining the exact source of an idea which strikes him. One has to develope the astral and mental sight in order to see the thought-form, and trace from whom it conies. It is connected by vibration with its creator.

Nếu bạn suy nghĩ, bạn sẽ thấy rằng điều này hoàn toàn tự nhiên. Bạn sẽ giúp đỡ người khác trên cõi trần đơn giản vì lòng tốt tự nhiên. Sau khi qua đời cũng vậy. Bạn vẫn cảm nhận cùng một sự đồng cảm mà không cần có thân thể hồng trần; và dù ý tưởng của bạn có đúng hay sai, bạn vẫn chia sẻ nó. Tôi không biết có phương pháp nào dành cho học viên thông thường để xác định chính xác nguồn gốc của một ý tưởng khi nó xuất hiện trong tâm trí. Người ta phải phát triển khả năng nhìn cõi cảm dục và cõi trí để thấy hình tư tưởng và lần theo ai đã tạo ra nó. Nó được kết nối với người tạo ra nó qua dao động.

Sometimes such an idea may come in symbolic form; the serpent and elephant, for example, are often used to signify wisdom. There are many sets of symbolisms. Each ego

Đôi khi một ý tưởng có thể xuất hiện dưới dạng biểu tượng; chẳng hạn, con rắn và con voi thường được sử dụng để biểu thị sự minh triết. Có nhiều hệ thống biểu tượng khác nhau. Mỗi

has his own system, though some forms seem general in dreams. It is said that to dream of water signifies trouble of some sort, though I do not see any connection. But even though there be no real connection, an ego (or for that matter some other entity who desires to communicate) may use the symbol if he knows that it is understood by the personality. Water has no necessary relation to trouble, but an ego who could not convey a clear message to his personality, and knew that it held that peculiar belief about water, might very likely impress such a dream on its brain when he wished to warn it of some impending misfortune. When a passing thought crosses the mind, it is usually caused by suggestion. The power or thought and the multiplicity of thought-forms are tremendously great, and yet they are but little understood and taken into account.

chân ngã có hệ thống riêng của mình, mặc dù một số hình thức biểu tượng dường như là phổ biến trong giấc mơ. Người ta nói rằng mơ thấy nước biểu thị một loại rắc rối nào đó, dù tôi không thấy có mối liên hệ nào. Nhưng ngay cả khi không có mối liên hệ thực sự, một chân ngã (hoặc một thực thể khác muốn giao tiếp) có thể sử dụng biểu tượng nếu y biết rằng phàm ngã hiểu nó. Nước không có mối liên hệ cần thiết nào với rắc rối, nhưng một chân ngã không thể truyền đạt một thông điệp rõ ràng đến phàm ngã của mình, và biết rằng y giữ niềm tin đặc biệt về nước, có thể sẽ áp đặt một giấc mơ như vậy lên não của mình khi y muốn cảnh báo về một điều bất hạnh sắp xảy ra. Khi một tư tưởng thoáng qua trong tâm trí, nó thường là kết quả của một sự gợi ý. Sức mạnh của tư tưởng và sự đa dạng của các hình tư tưởng vô cùng lớn, và chúng lại ít được hiểu và coi trọng.

In the ease of a particular idea coming into the mind, any one of half-a-dozen things may have happened. It is only speculation to offer suggestions in any particular case without actual knowledge of what took place. One is quite likely to be affected by one' s own thought-forms. You may make thought-forms about a subject which will hover about you and persist proportionately to the energy you put into them; and these often react upon you just as though they were new suggestions from outside. In a place like Adyar any new-comer will find a mass of thought-forms already floating about, and probably he may accept some of these ready-made rather than set to work to produce new ones for himself. One should take up thought-forms with caution. I have seen a man take up thought-forms and be converted by them when they were quite wrong, and he himself had before

Khi một ý tưởng cụ thể đến với tâm trí, bất kỳ điều nào trong số nửa tá sự kiện có thể đã xảy ra. Chỉ có thể suy đoán khi đưa ra gợi ý trong một trường hợp cụ thể mà không có kiến thức thực sự về những gì đã diễn ra. Người ta rất có thể bị ảnh hưởng bởi chính các hình tư tưởng của mình. Bạn có thể tạo ra hình tư tưởng về một chủ đề, chúng sẽ lơ lửng xung quanh bạn và tồn tại tương xứng với năng lượng mà bạn đưa vào chúng; và những hình tư tưởng này thường phản ứng lại bạn như thể chúng là những gợi ý mới từ bên ngoài. Ở một nơi như Adyar, bất kỳ người mới đến nào cũng sẽ tìm thấy một khối lượng lớn các hình tư tưởng đã trôi nổi xung quanh, và có thể họ sẽ chấp nhận một số trong số có sẵn này thay vì tạo ra những hình tư tưởng mới cho chính mình. Người ta nên tiếp cận các hình tư tưởng với sự thận trọng. Tôi đã thấy một người tiếp nhận hình tư tưởng và bị nó thuyết phục khi nó

been perfectly accurate in his opinion. Sometimes, however, it is advantageous to try to put oneself in touch with a thought-form at the beginning of study.

hoàn toàn sai, trong khi trước đó y đã có quan điểm hoàn toàn chính xác. Tuy nhiên, đôi khi, việc cố gắng kết nối bản thân với một hình tư tưởng khi bắt đầu nghiên cứu lại có lợi.

There are upon the astral plane vast numbers of thought-forms of a comparatively permanent nature, often the result of the accumulative work of many generations of people. Many such thought-forms refer to alleged religious history, and the seeing of them by sensitive people is responsible for a great many quite genuine accounts given by untrained seers and seeresses—such for example as Anne Catherine Emmerich. She had visions in the most perfect detail of the events of the passion of Jesus exactly as it is recorded in the Gospels, including many events which we know never really occurred. Yet I have no doubt that the statements of that seeress were perfectly genuine; she was not labouring under an hallucination, but only under a mistake as to the nature of what she saw.

Trên cõi cảm dục có rất nhiều hình tư tưởng mang tính tương đối bền vững, thường là kết quả của sự tích lũy công sức của nhiều thế hệ người. Nhiều hình tư tưởng như vậy liên quan đến lịch sử tôn giáo được cho là có thật, và việc nhạy cảm nhìn thấy chúng là nguyên nhân của nhiều câu chuyện hoàn toàn chân thật được kể bởi các nhà tiên tri chưa được đào tạo —ví dụ như Anne Catherine Emmerich. Bà đã có những tầm nhìn chi tiết hoàn hảo về các sự kiện của cuộc khổ nạn của Chúa Jesus đúng như đã được ghi lại trong các Phúc Âm, bao gồm cả nhiều sự kiện mà chúng ta biết là chưa từng thực sự xảy ra. Tuy nhiên, tôi không nghi ngờ rằng những tuyên bố của nhà tiên tri này là hoàn toàn chân thật; bà không chịu đựng ảo giác, mà chỉ là hiểu sai về bản chất của những gì mình thấy.

To read the records clearly and correctly needs special training; it is not a matter of faith or of goodness, but of a special kind of knowledge. There is nothing whatever to show that the saint in question had this particular form of knowledge; on the contrary, she probably never heard of such records at all. She would therefore most likely be quite incapable of reading a record clearly, and certainly, if she did happen to see one, she would be unable to distinguish it from any other kind of vision.

Để đọc các *ghi chép* (records—hổ sơ) một cách rõ ràng và chính xác cần có đào tạo đặc biệt; nó không phải là vấn đề của đức tin hay sự thánh thiện, mà là một loại tri thức đặc biệt. Không có điều gì cho thấy rằng vị thánh đó có hình thức tri thức đặc biệt này; ngược lại, bà có lẽ chưa bao giờ nghe nói về những ghi chép như vậy. Vì vậy, rất có thể bà hoàn toàn không có khả năng đọc một ghi chép rõ ràng, và chắc chắn rằng nếu bà tình cờ thấy một ghi chép, bà cũng sẽ không thể phân biệt nó với bất kỳ loại tầm nhìn nào khác.

In all probability what she saw was a set of such collective thought-forms as we have described. It is well-known to all investigators

Rất có thể những gì bà thấy là một tập hợp các hình tư tưởng tập thể như chúng ta đã mô tả. Tất cả các nhà nghiên cứu đều biết rằng bất kỳ

that any great historical event upon which much is supposed to depend has been constantly thought of and vividly imaged to themselves by successive generations of people. Such scenes would be, for the English, the signing of Magna Charta by King John, and for the Americans the signing of the Declaration of Independence.

sự kiện lịch sử lớn nào, được cho là có tầm quan trọng, đều được liên tục nghĩ đến và được hình dung sinh động bởi nhiều thế hệ người. Những cảnh như vậy sẽ là, đối với người Anh, việc ký Magna Charta bởi Vua John, và đối với người Mỹ là việc ký Tuyên ngôn Độc lập.

Now these vivid images which people make are real things, and are clearly to be seen by anyone who possesses a little psychic development. They are definite forms existing in the first place upon the mental plane, and wherever there is any strong emotion connected with them they are brought down to the astral plane and materialised there in astral matter. They are also perpetually strengthened by all the new thoughts which are ever being turned upon them. Naturally, different people imagine these scenes differently, and the eventual result is often something like a composite photograph; but the form in which such an imagination was originally cast largely influences the thought of all sensitives upon subject, and tends to make them image it as others have done.

Những hình ảnh sống động mà con người tạo ra này là những thứ có thực, và có thể dễ dàng được nhìn thấy bởi bất kỳ ai có sự phát triển thông linh nhất định. Chúng là những hình dạng rõ ràng tồn tại trước hết trên cõi trí, và bất cứ nơi nào có cảm xúc mạnh mẽ gắn liền với chúng, chúng được hạ xuống cõi cảm dục và hiện hình ở đó trong vật chất cảm dục. Chúng cũng được củng cố liên tục bởi tất cả những tư tưởng mới luôn được hướng về chúng. Tự nhiên, những người khác nhau hình dung các cảnh tượng này theo cách khác nhau, và kết quả cuối cùng thường giống như một bức ảnh ghép; nhưng hình dạng ban đầu của sự hình dung này ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của tất cả những người nhạy cảm về chủ đề đó, và có xu hướng khiến họ hình dung nó như những người khác đã làm.

This product of thought (often, be it observed, of quite ignorant thought) is much easier to see than the true record, for while, as we have said, the latter feat requires training, the former needs nothing but a glimpse of the mental plane, such as frequently comes to almost all pure and high-minded ecstatics. Indeed in many cases it does not need even this, because the thought-forms exist upon the astral levels as well.

Sản phẩm của tư tưởng này (thường là sản phẩm của những tư tưởng hoàn toàn thiếu hiểu biết) dễ nhìn thấy hơn nhiều so với bản ghi chép thực sự, vì trong khi việc đọc bản ghi chép thực sự đòi hỏi sự rèn luyện, thì việc nhìn thấy những hình tư tưởng này chỉ cần một cái nhìn thoáng qua cõi trí, điều mà gần như tất cả những người thuần khiết và cao thượng đều có được. Thật ra trong nhiều trường hợp nó thậm chí không cần đến điều này, vì các hình tư tưởng tồn tại ngay trên các mức độ của cõi cảm dục.

Another point to be borne in mind is that it is not in the least necessary for the creation of such a thought-form that the scenes should ever have had any real existence. Few scenes from real history have been so strongly depicted by popular fancy in England as have some of the situations from Shakespeare' s plays, from Bunyan' s Pilgrim' s Progress, and from various fairy stories, such as Cinderella or Aladdin' s Lamp. A clairvoyant obtaining a glimpse of one of these collective thought-forms might very easily suppose that he had come across the real foundation of the story; but since he knows these tales to be fictions he would be more likely to think that he had simply dreamt of them.

Một điểm khác cần ghi nhớ là không cần thiết rằng các cảnh tượng đó phải có thật trong quá khứ để tạo ra một hình tư tưởng như vậy. Ít có cảnh từ lịch sử thực sự nào được hình dung mạnh mẽ bởi trí tưởng tượng đại chúng ở Anh như một số tình huống trong các vở kịch của Shakespeare, từ quyển *Cuộc hành trình của người hành hương* của Bunyan, và từ các câu chuyện cổ tích khác nhau như *Cô bé Lọ Lem* hay *Đèn thần* của Aladdin. Một nhà ngoại cảm thoáng thấy một trong những hình tư tưởng tập thể này rất dễ nhầm rằng y đã tìm thấy nguồn gốc thực sự của câu chuyện; nhưng vì y biết những câu chuyện này chỉ là hư cấu, y có thể nghĩ rằng mình chỉ đơn giản là đã mơ về chúng.

Now, ever since the Christian religion materialised the glorious conceptions originally committed to its charge, and tried to represent them as a series of events in a human life, devout souls in all countries under its sway have been striving as a pious exercise to picture the supposed events as vividly as possible. Consequently we are here provided with a set of thought-forms of quite exceptional strength and prominence—a set which can hardly fail to attract the attention of any ecstatic the bent of whose mind is at all in their direction. No doubt they were seen by Anne Catherine Emmerich, and by many another. But when such clairvoyants come, in the course of their progress, to deal with the realities of life, they will be taught, as are those who have the inestimable privilege of the guidance of the Masters of Wisdom, how to distinguish between the result of devout but ignorant thought and the imperishable record which is the true memory of nature; and then they will find that these scenes, to which they have devoted so much attention,

Bây giờ, kể từ khi tôn giáo Cơ Đốc vật chất hóa những khái niệm vinh quang ban đầu được giao phó cho nó, và cố gắng trình bày chúng như một chuỗi các sự kiện trong đời sống con người, những linh hồn sùng đạo ở mọi quốc gia dưới sự ảnh hưởng của nó đã cố gắng, như một hành động tôn thờ, để hình dung những sự kiện giả định này sống động nhất có thể. Do đó, chúng ta có một tập hợp các hình tư tưởng vô cùng mạnh mẽ và nổi bật — một tập hợp không thể không thu hút sự chú ý của bất kỳ ai có tư tưởng theo hướng này. Không nghi ngờ gì rằng những hình ảnh này đã được Anne Catherine Emmerich và nhiều người khác nhìn thấy. Nhưng khi những nhà ngoại cảm như vậy tiến bộ và bắt đầu đối mặt với những thực tại của cuộc sống, họ sẽ được dạy, giống như những người có đặc quyền vô giá được sự hướng dẫn của các Chân sư Minh Triết, cách phân biệt giữa kết quả của những tư tưởng sùng đạo nhưng thiếu hiểu biết và bản ghi chép bất diệt, đó là ký ức thực sự của tự nhiên; và sau đó họ sẽ phát hiện ra rằng những cảnh tượng mà họ đã dành nhiều tâm huyết chỉ là

were but symbols of truths higher and wider and grander far than they had ever dreamt, even in the highest flights which were made possible for them by their splendid purity and piety.

biểu tượng của những chân lý cao hơn, rộng hơn và vĩ đại hơn rất nhiều so với những gì họ từng mơ ước, ngay cả trong những khoảnh khắc cao nhất mà sự thuần khiết và đức tin của họ đã mang lại cho họ.

THOUGHT AND ELEMENTAL ESSENCE
TƯ TƯỞNG VÀ TINH CHẤT HÀNH KHÍ

Elemental essence when moulded by thought adopts a certain colour—a colour which is expressive of the nature of the thought or feeling. Of course all that this really means is that the essence composing the thought-form is for the time compelled to vibrate at a certain definite rate by the thought which is ensouling it. The evolution of the elemental essence is to learn to respond to all possible rates of undulation; when therefore a thought holds it for a time vibrating at a certain rate, it is helped to this extent, that it has now become habituated to that particular rate of oscillation, so that next time it comes within reach of a similar one, it will respond to it much more readily than before.

Tinh chất hành khí khi được tư tưởng nhào nặn sẽ mang một màu sắc nhất định—một màu sắc thể hiện bản chất của tư tưởng hoặc cảm xúc. Tất nhiên, điều này thực sự có nghĩa là tinh chất cấu thành tư tưởng hình bị ép buộc rung động ở một tần số xác định bởi tư tưởng đang thấm nhuần nó. Sự tiến hóa của tinh chất hành khí là học cách phản ứng với tất cả các tần số dao động có thể; vì vậy, khi một tư tưởng giữ nó rung động ở một tần số nhất định trong một khoảng thời gian, nó được hỗ trợ đến mức đã quen thuộc với tần số dao động đặc biệt đó, để lần tới khi nó gặp một tần số tương tự, nó sẽ phản ứng dễ dàng hơn nhiều so với trước đây.

Presently those atoms of essence, having passed back again into the general mass, will be caught up again by some other thought, and will then have to swing at some totally different rate, and so will evolve a little further by acquiring the capacity to respond to the second type of undulation. So by slow degrees the thoughts, not only of man, but also of nature-spirits and devas, and even of animals so far as they do think, are evolving the elemental essence which surrounds them —slowly teaching here a few atoms, and there a few atoms, to respond to this or that different rate of oscillation, until at last a stage will be reached when all the particles of the essence shall be ready to answer at any moment to any possible rate of vibration, and that will be the completion of their evolution.

Những nguyên tử của tinh chất hành khí này, sau khi trở lại với khối chung, sẽ bị thu hút lại bởi một tư tưởng khác, và sau đó sẽ phải dao động ở một tần số hoàn toàn khác, nhờ đó chúng tiến hóa thêm bằng cách có khả năng phản ứng với loại dao động thứ hai. Nhờ vậy, qua từng bước chậm chạp, các tư tưởng không chỉ của con người mà còn của các tinh linh thiên nhiên và các vị devas, thậm chí của động vật trong mức độ mà chúng có thể tư duy, đang giúp tiến hóa tinh chất hành khí bao quanh chúng—dần dần dạy cho vài nguyên tử ở đây và vài nguyên tử ở kia phản ứng với các tần số dao động khác nhau, cho đến khi cuối cùng đạt đến giai đoạn mà tất cả các hạt của tinh chất đều sẵn sàng phản ứng ngay lập tức với bất kỳ tần số dao động nào có thể, và đó sẽ là sự hoàn tất tiến hóa của chúng.

It is for this reason that the occultist avoids when possible the destruction of an artificial elemental, even when it is of evil character, preferring rather to defend himself or others against it by using the protection of a shell. It is possible to dissipate an artificial elemental instantly by an exertion of will-power, just as it is possible on the physical plane to kill a poisonous snake in order that it may do no further harm; but neither course of action would commend itself to an occultist, except in very unusual circumstances.

Chính vì lý do này mà nhà huyền bí thường tránh phá hủy một hành khí nhân tạo, ngay cả khi nó có tính chất xấu, mà thay vào đó thích bảo vệ bản thân hoặc người khác bằng cách sử dụng lớp vỏ bảo vệ. Có thể làm tan biến ngay lập tức một hành khí nhân tạo bằng một sự gắng sức của ý chí, giống như có thể giết chết một con rắn độc trên cõi hồng trần để nó không gây hại thêm; nhưng cả hai cách hành động này đều không được nhà huyền bí ủng hộ, ngoại trừ trong những trường hợp rất đặc biệt.

Whether the thought ensouling it is evil or good makes no difference whatever to the essence; all that is required for its development is to be used by thought of some kind. The difference between the good and the evil would be shown by the quality of essence which it affected, the evil thought or desire needing for its appropriate expression the coarser or denser matter, while the higher

Dù tư tưởng thấm nhuần hành khí là xấu hay tốt cũng không ảnh hưởng gì đến tinh chất; tất cả những gì cần cho sự phát triển của nó là được sử dụng bởi một loại tư tưởng nào đó. Sự khác biệt giữa điều tốt và điều xấu sẽ được thể hiện qua phẩm chất của tinh chất mà nó ảnh hưởng, tư tưởng hoặc mong muốn xấu cần đến vật chất thô hơn hoặc đặc hơn để biểu hiện, trong khi tư tưởng cao cấp hơn sẽ yêu cầu vật

thought would require correspondingly finer and more rapidly vibrating matter for its covering. There are plenty of undeveloped people always thinking the coarser lower thoughts, and their very ignorance and grossness are made use of by the great Law as evolutionary forces to help on a certain stage of the work that is to be done. It is for us, who have learnt a little more than they, to strive ever to think the high and holy thoughts which cause the evolution of a finer kind of elemental matter, and so to work in a field where at present the labourers are far too few.

chất tinh tế hơn và rung động nhanh hơn để bao phủ. Có rất nhiều người chưa phát triển luôn suy nghĩ những tư tưởng thấp hèn hơn, và sự ngu dốt và thô kệch của họ được Định luật Vĩ đại sử dụng như những lực tiến hóa để giúp đẩy nhanh một giai đoạn công việc phải được hoàn thành. Nhiệm vụ của chúng ta, những người đã học hỏi nhiều hơn một chút so với họ, là luôn cố gắng suy nghĩ những tư tưởng cao cả và thánh thiện, để giúp tiến hóa một loại tinh chất hành khí tinh tế hơn, và do đó làm việc trong một lĩnh vực mà hiện tại vẫn còn quá ít người lao động.

FOURTH SECTION: PSYCHIC FACULTIES
PHẦN 4: CÁC NĂNG LỰC THÔNG LINH

PSYCHIC POWERS—CÁC QUYỀN NĂNG THÔNG LINH

THE possession of psychic powers does not necessarily involve high moral character, any more than does the possession of great physical strength. It is quite true that the man who enters the Path of Holiness will presently find such powers developing in him, but it is quite possible to gain many of the powers without the holiness. Powers can be developed by any one who will take the trouble, and a man may learn clairvoyance or mesmerism just as he may learn to play the piano, if he is willing to go through the necessary hard work. It is far better and safer for the vast majority of people to work at the development of character, to try to fit themselves for the Path, and to leave the powers to unfold in due course, as they certainly will. Some people are in too much of a hurry to do this, and set themselves to force the powers sooner. Well, if they are quite certain that they desire them only for the sake of helping others, and that they are wise enough to use them rightly, it may be that no harm will come of it; but it is not easy to be quite certain on these points, and the slightest deflection from the right line will mean disaster.

Việc sở hữu năng lực thông linh không nhất thiết liên quan đến tính cách đạo đức cao, cũng như việc sở hữu sức mạnh thể chất lớn không phải lúc nào cũng đi kèm với đạo đức cao. Đúng là người bước vào Con Đường Thánh Thiện sẽ sớm thấy những năng lực này phát triển trong mình, nhưng hoàn toàn có thể đạt được nhiều năng lực mà không cần đến sự thánh thiện. Bất kỳ ai cũng có thể phát triển năng lực nếu sẵn sàng cố gắng; một người có thể học thông nhãn hoặc thuật thôi miên giống như học chơi đàn piano, nếu người đó sẵn lòng chịu đựng những khó khăn cần thiết. Tốt hơn và an toàn hơn cho phần lớn mọi người là làm việc để phát triển tính cách, cố gắng chuẩn bị cho Thánh đạo, và để các năng lực tự khai mở theo thời gian, vì chắc chắn chúng sẽ đến. Một số người quá nôn nóng nên cố gắng ép buộc các năng lực xuất hiện sớm hơn. Nếu họ chắc chắn rằng họ chỉ muốn có năng lực để giúp đỡ người khác, và đủ khôn ngoan để sử dụng chúng đúng cách, có lẽ sẽ không có hại gì xảy ra; nhưng rất khó để chắc chắn về những điều này, và chỉ một chút lệch hướng khỏi con đường đúng đắn cũng sẽ dẫn đến thảm họa.

If a man must try to obtain the powers, there are two ways open to him; of course there are many more than two methods, but I mean that they all fall under two heads—the temporary and the permanent. The temporary method is to deaden the physical

Nếu một người muốn cố gắng đạt được các năng lực, có hai con đường mở ra cho họ; tất nhiên có nhiều hơn hai phương pháp, nhưng tất cả đều thuộc hai loại chính—tạm thời và vĩnh viễn. Phương pháp tạm thời là làm tê liệt các giác quan hồng trần bằng một cách nào đó

sense in some way—actively by drugs, by self-hypnotisation, or by inducing giddiness, for example, or passively by being mesmerised—so that the astral senses may come to the surface. The permanent way is to work at the development of the ego, so that he may be able to control the lower vehicles and use them as he wishes.

—chủ động bằng thuốc, tự thôi miên, hoặc ví dụ, làm cho chóng mặt, hoặc thụ động bằng cách bị thôi miên—để các giác quan cảm dục nổi lên bề mặt. Phương pháp vĩnh viễn là làm việc để phát triển chân ngã, sao cho người đó có thể kiểm soát các phương tiện thấp hơn và sử dụng chúng theo ý muốn.

It is somewhat like controlling a troublesome horse. A man who knows nothing of riding may so stupefy a horse with drugs that he can somehow keep on his back, but that will not in the least enable him to control any other horse. So a man who stupefies his physical body may use his astral senses to some extent, but that will in no way help him to manage another physical body in his next birth. The man who will take the far greater trouble of learning to ride properly can then manage any horse, and the man who developes his ego until it can manage one set of vehicles will be able to control any others that are given to him in future lives. This latter course means real evolution; the other does not necessarily involve anything of the sort. It does not follow that everyone who is on the Path must have psychic powers; they are not absolutely necessary until a certain stage of it is reached.

Điều này có phần giống như việc kiểm soát một con ngựa khó bảo. Một người không biết gì về cưỡi ngựa có thể làm mê mẩn con ngựa bằng thuốc đến mức có thể ngồi yên trên lưng nó, nhưng điều đó không giúp y điều khiển bất kỳ con ngựa nào khác. Tương tự, một người làm tê liệt thể xác của mình có thể sử dụng các giác quan cảm dục đến một mức độ nào đó, nhưng điều đó không giúp y kiểm soát một thể xác khác trong kiếp sống sau. Người chịu khó học cưỡi ngựa một cách đúng đắn có thể điều khiển bất kỳ con ngựa nào, và người phát triển chân ngã đến mức có thể kiểm soát một bộ phương tiện sẽ có thể điều khiển bất kỳ phương tiện nào khác mà được trao cho trong các kiếp sống tương lai. Con đường sau này là tiến hóa thực sự; còn con đường kia không nhất thiết phải bao hàm điều gì như vậy. Không phải ai cũng phải có năng lực thông linh khi bước vào Đường Đạo; chúng không thực sự cần thiết cho đến khi đạt được một giai đoạn nhất định.

Short of the real psychic powers there are various other methods by which men endeavour to obtain some of the same results. One of these, for example, is the repetition of invocations. Charms and ceremonies may sometimes produce an effect; it depends upon the way in which they are performed. I have seen a man who was able to answer questions in rather a curious way; he first entranced

Ngoài các năng lực thông linh thực sự, có nhiều phương pháp khác mà con người cố gắng đạt được một số kết quả tương tự. Một trong số đó là lặp lại các lời cầu nguyện. Các câu thần chú và nghi thức đôi khi có thể tạo ra hiệu quả; điều đó phụ thuộc vào cách chúng được thực hiện. Tôi đã thấy một người có thể trả lời câu hỏi theo cách khá lạ; trước tiên, y tự thôi miên bằng cách lặp lại các câu thần chú

himself by repeating charms over and over again, and his invocations not only influenced himself, but also attracted nature-spirits who went for the desired information, obtained it and put it into his mind.

nhiều lần, và những lời cầu nguyện của y không chỉ ảnh hưởng đến chính mình mà còn thu hút các tinh linh thiên nhiên đi tìm thông tin mong muốn, lấy thông tin đó và đưa vào tâm trí của y.

Lord Tennyson, by repeating his own name over and over again and drawing his consciousness further and further within himself, raised himself into touch with the ego, and then all this life seemed to him child's play, and death nothing but the entrance into a greater life.

Ông Tennyson, bằng cách lặp đi lặp lại tên mình và kéo tâm thức mình càng sâu vào bên trong, đã nâng bản thân lên tiếp xúc với chân ngã, và sau đó thấy rằng cuộc đời này đối với Ông chỉ là trò chơi trẻ con, và cái chết chẳng là gì ngoài sự bước vào một cuộc sống lớn hơn.

The result of many repetitions may often be to throw oneself into the trance condition; but this is not a training of the ego. Its effects last at most only for one life, whereas the powers which result from real spiritual development reappear in subsequent bodies. The man who entrances himself by the repetition of words or charms may probably return as a medium or at least a mediumistic person in his next life, and it must be remembered that mediumship is not a power, but a condition.

Kết quả của việc lặp đi lặp lại nhiều lần thường là tự đặt mình vào trạng thái xuất thần; nhưng điều này không phải là sự huấn luyện chân ngã. Hiệu quả của nó chỉ kéo dài trong một kiếp sống, trong khi các năng lực do phát triển tinh thần thực sự sẽ xuất hiện trở lại trong các cơ thể sau này. Người tự đưa mình vào trạng thái xuất thần bằng cách lặp lại các từ ngữ hoặc câu thần chú có thể sẽ quay trở lại làm một đồng cốt hoặc ít nhất là một người có xu hướng đồng cốt trong kiếp sống kế tiếp, và cần nhớ rằng đồng cốt không phải là một năng lực, mà là một trạng thái.

Such repetitions may easily lead on to the coarser physical mediumship (by which I mean the sitting for materialisation and sensational phenomena of all sorts) which is frequently injurious to health. I do not know that mere trance-speaking injures the body quite so much, though considering the feebleness of the platitudes which are usually the staple of the communications it might certainly be thought likely to weaken the mind!

Các lần lặp lại như vậy dễ dàng dẫn đến hình thức đồng cốt hồng trần thô sơ hơn (tức là ngồi để hiện hình và các hiện tượng gây kích thích khác) thường có hại cho sức khỏe. Tôi không biết liệu việc chỉ nói trong trạng thái xuất thần có gây hại cho cơ thể nhiều đến mức đó hay không, mặc dù xét đến sự yếu kém của những bài phát biểu thường xuyên được truyền tải, có thể cho rằng điều đó sẽ làm suy yếu tinh thần!

Let us consider what it is that is required from a physical medium. When an entity on the

Chúng ta hãy xem xét điều cần thiết đối với một đồng cốt cõi trần. Khi một thực thể trên

astral plane, whether it be a dead man or a nature-spirit, wants to produce any result on dense physical matter—to play on a piano for example, to cause raps, or to hold a pencil in order to write—he needs an etheric body through which to work, because astral matter cannot act directly on the lower forms of physical matter, but requires the etheric matter as an intermediary to convey the vibrations from the one to the other—much in the same way as a fire cannot be lighted with paper and coals alone; the wood is needed as an intermediary, otherwise the paper will all burn away without affecting the coal.

cõi cảm dục, dù là người đã khuất hay tinh linh thiên nhiên, muốn tạo ra bất kỳ kết quả nào trên vật chất hồng trần đậm đặc—chẳng hạn chơi piano, gây tiếng gõ, hoặc cầm bút để viết—họ cần một cơ thể dĩ thái qua đó làm việc, vì vật chất cảm dục không thể tác động trực tiếp lên các hình thái thấp hơn của vật chất hồng trần, mà cần vật chất dĩ thái làm trung gian để truyền rung động từ cõi này sang cõi khác—giống như không thể nhóm lửa chỉ bằng giấy và than; cần có gỗ làm trung gian, nếu không thì giấy sẽ cháy hết mà không ảnh hưởng đến than.

That which constitutes a man a physical medium is a want of cohesion between the etheric and the dense parts of the physical vehicle, so that an astral entity can easily withdraw a good deal of the man' s etheric body and use it for his own purposes. Of course he returns it—in fact its constant tendency is to flow back to the medium, as may be seen from the action of the materialised form—but still the frequent withdrawal of part of the man' s body in this way cannot but cause great disturbance and danger to his health.

Điều khiển một người trở thành đồng tử cõi trần là sự thiếu kết dính giữa phần dĩ thái và phần đậm đặc của thể xác, cho phép một thực thể cảm dục dễ dàng rút một phần lớn thể dĩ thái của người đó và sử dụng cho mục đích riêng của mình. Dĩ nhiên, phần dĩ thái này sẽ được trả lại—thực tế, xu hướng của nó là luôn chảy ngược lại vào đồng tử, như có thể thấy từ hành động của hình thể hiện hình—nhưng việc rút thường xuyên một phần cơ thể của người đó theo cách này chắc chắn sẽ gây ra xáo trộn lớn và nguy hiểm cho sức khỏe.

The etheric double is the vehicle of vitality, the life-principle, which is perpetually circulating through our bodies; and when any part of our etheric double is withdrawn that life-circulation is checked and its current broken. A terrible drain on vitality is then set up, and that is why the medium is so often in a state of collapse after a séance, and also why so many mediums in the long run become drunkards, having first taken to stimulants in order to satisfy the dreadful craving for support which is caused by this sudden loss of

Thể dĩ thái là phương tiện của sinh lực, nguyên lý sự sống, luôn lưu chuyển qua cơ thể chúng ta; và khi bất kỳ phần nào của thể dĩ thái bị rút ra, dòng lưu thông sự sống bị gián đoạn và luồng lưu thông của nó bị phá vỡ. Một sự suy yếu kinh khủng về sinh lực sẽ xuất hiện, và đó là lý do tại sao người đồng cốt thường ở trạng thái suy kiệt sau một buổi cầu hồn, và cũng là lý do tại sao rất nhiều đồng cốt cuối cùng trở thành người nghiện rượu, ban đầu sử dụng các chất kích thích để làm dịu cơn thèm khát khủng khiếp do sự mất mát đột ngột về sức

strength.

mạnh gây ra.

It can never under any circumstances be a good thing for the health to be constantly subjected to such a drain as this, even though in some cases the more intelligent and careful “spirits” try to pour strength into their medium after a séance, in order to make up for the loss, and thus support him without absolute breakdown for a much longer period than would otherwise be possible.

Trong mọi hoàn cảnh, không bao giờ việc bị rút sinh lực như vậy có thể tốt cho sức khỏe, ngay cả khi trong một số trường hợp, các "thực thể" thông minh và cẩn thận cố gắng truyền sinh lực vào đồng cốt sau một buổi cầu hồn, để bù đắp cho sự mất mát và duy trì sức khỏe của người đó trong thời gian dài hơn nhiều so với mức bình thường.

In cases of materialisation, dense physical matter, probably chiefly in the form of gases or liquids, is frequently borrowed from the body of the medium, who actually decreases temporarily in size and weight; and when it takes place, naturally that is a further source of serious disturbance to all the functions.

Trong các trường hợp hiện hình, vật chất hồng trần đậm đặc, thường ở dạng khí hoặc chất lỏng, được vay mượn từ cơ thể của đồng tử, khiến đồng tử thực sự giảm kích thước và trọng lượng tạm thời; và khi điều này xảy ra, tất nhiên đó là một nguồn gây ra sự xáo trộn nghiêm trọng đối với tất cả các chức năng cơ thể.

Of the mediums with whom I used to have sittings thirty years ago one is now blind, another died a confirmed drunkard, and a third, finding himself menaced apoplexy and paralysis, escaped with his life only by giving up séances altogether.

Trong số các đồng tử mà tôi đã từng ngồi với họ khoảng ba mươi năm trước, một người hiện đã bị mù, một người khác đã qua đời do nghiện rượu nặng, và một người thứ ba, khi nhận thấy mình có nguy cơ bị đột quỵ và liệt, chỉ thoát chết khi từ bỏ hoàn toàn các buổi cầu hồn.

Another form of materialisation is that in which the astral body is temporarily solidified. The ordinary materialising “spirit” takes his material from the medium, because that, being already specialised, is more easily arranged into human form, and more readily condensed and moulded than free ether would be. No one connected with any school of white magic would think it right to interfere with the etheric double of any man in order to produce a materialisation, nor would he disturb his own if he wished to make himself visible at a distance. He would simply condense, and build into and around his astral

Một hình thức hiện hình khác là khi thể cảm dục tạm thời được làm đặc lại. "Thực thể" hiện hình thông thường lấy vật chất từ đồng tử, vì vật chất đó đã được chuyên hóa nên dễ dàng sắp xếp thành hình người hơn và dễ dàng ngưng tụ và nhào nặn hơn so với dĩ thái tự do. Không ai thuộc bất kỳ trường phái Huyền Thuật Chánh Đạo nào lại nghĩ rằng việc can thiệp vào thể dĩ thái của bất kỳ ai để tạo ra sự hiện hình là đúng đắn, cũng như không ai làm xáo trộn thể dĩ thái của chính mình nếu họ muốn làm cho bản thân xuất hiện ở một khoảng cách xa. Họ chỉ đơn giản là ngưng tụ và xây dựng vào và xung quanh thể cảm dục

body a sufficient quantity of the surrounding ether to materialise it, and hold it in that form by an effort of will as long as he needed it.

của mình một lượng dĩ thái đủ từ môi trường xung quanh để hiện hình nó, và giữ nó trong hình dạng đó bằng một nỗ lực ý chí khi còn cần thiết.

When part of the etheric double is removed from the physical, as in the case of materialisation of the ordinary kind, a connecting current is visible to any one capable of seeing matter in the etheric condition; but the method of connection with the astral body is entirely different, for nothing in the nature of a cord or current of astral matter joins the two forms. Yet it is difficult to express in terms of this plane the exact nature of the exceeding closeness of the sympathy between them; perhaps the nearest approximation we can get to the idea is that of two instruments tuned to exactly the same pitch, so that whatever note is struck upon one of them instantly evokes a precisely corresponding sound from the other.

Khi một phần của thể dĩ thái bị rút ra khỏi thể xác, như trong trường hợp hiện hình thông thường, một dòng kết nối có thể được nhìn thấy bởi bất kỳ ai có khả năng nhìn thấy vật chất trong trạng thái dĩ thái; nhưng phương pháp kết nối với thể cảm dục hoàn toàn khác, vì không có gì giống như một sợi dây hoặc dòng chảy vật chất cảm dục nối liền hai hình dạng. Tuy nhiên, rất khó để diễn tả bằng ngôn ngữ của cõi hồng trần về bản chất của mối tương quan chặt chẽ giữa chúng; có lẽ sự gần đúng nhất mà chúng ta có thể hình dung là hai nhạc cụ được điều chỉnh cùng một cao độ, sao cho bất kỳ nốt nhạc nào được đánh trên một trong số chúng ngay lập tức gợi lên âm thanh tương ứng từ nhạc cụ kia.

There is no harm in using will-power to cure diseases, so long as no money or other consideration is taken for what is done. There are several methods; the simplest is the pouring in of vitality. Nature will cure most diseases if the man can be strengthened and supported while she is left to do her work. This is especially true of the various nervous diseases which are so painfully common at the present day. The rest-cure, which is often advised for them, is quite the best thing that can be suggested, but recovery might often be greatly hastened if vitality were poured into the patient in addition. Any man who has surplus vitality may direct it by his will to a particular person; when he is not doing that, it simply radiates from him in all directions, flowing out principally through the hands. If

Không có gì sai khi sử dụng sức mạnh ý chí để chữa bệnh, miễn là không lấy tiền hoặc bất kỳ khoản đền bù nào cho những việc đã làm. Có một số phương pháp; phương pháp đơn giản nhất là truyền sinh lực vào. Tự nhiên sẽ chữa hầu hết các bệnh nếu người bệnh có thể được tăng cường và hỗ trợ trong khi để tự nhiên thực hiện công việc của mình. Điều này đặc biệt đúng đối với các bệnh thần kinh khác nhau, hiện đang trở nên phổ biến đến mức đáng lo ngại. Phương pháp chữa trị bằng cách nghỉ ngơi, thường được khuyên cho các bệnh này, là điều tốt nhất có thể đề xuất, nhưng quá trình hồi phục thường có thể được đẩy nhanh đáng kể nếu sinh lực được truyền thêm vào bệnh nhân. Bất kỳ ai có sinh lực dư thừa đều có thể hướng nó đến một người nào đó bằng ý chí của mình; khi không làm điều đó, sinh lực này

a man is depleted of strength so that his spleen does not do its work properly, the pouring in of specialised vitality is often of the greatest help to him in keeping the machinery of the body going until he is able to manufacture it for himself.

chỉ đơn giản là tỏa ra theo mọi hướng, chủ yếu chảy ra qua đôi tay. Nếu một người bị suy kiệt đến mức lá lách của họ không hoạt động đúng cách, việc truyền sinh lực chuyên biệt thường là sự trợ giúp rất lớn để giữ cho cơ thể hoạt động cho đến khi người đó có thể tự tạo ra sinh lực cho mình.

Many minor diseases can be cured merely by increasing the circulation of the vitality. A headache, for example, is generally due either to a slight congestion of blood, or to a similar congestion of the vital fluid; in either case a clairvoyant who can see the obstruction may deal with it by sending a strong current through the head, and washing away the congested matter. A man who cannot see can also produce this result, but since he does not know exactly where to direct this force he generally wastes a great deal of it.

Nhiều bệnh nhẹ có thể được chữa khỏi chỉ bằng cách tăng cường lưu thông sinh lực. Chẳng hạn, đau đầu thường do tắc nghẽn nhẹ của máu hoặc của dòng sinh lực; trong cả hai trường hợp, một người có thông nhãn có thể nhìn thấy sự tắc nghẽn và có thể xử lý bằng cách truyền một dòng năng lượng mạnh qua đầu để xóa bỏ chất bị tắc nghẽn. Một người không có khả năng thông nhãn cũng có thể tạo ra kết quả này, nhưng vì y không biết chính xác nơi cần hướng năng lượng, y thường lãng phí một lượng lớn năng lượng của mình.

Sometimes people perform cures by imposing their own magnetic conditions upon others. This is based on the theory (which is quite correct) that all disease is in harmony of some sort, and that if perfect harmony can be restored the disease will disappear. So in this case the person who wishes to effect a cure first raises his own vibrations to the highest degree which is possible for him, fills himself with thoughts of love and health and harmony, and then proceeds to enfold the patient within his aura, the idea being that his own powerful vibrations will overbear these of the patient, and gradually bring him into the same harmonious and healthy condition. This method is often effective, but we must remember that it involves imposing the whole of the personality of the magnetiser upon the patient, which may not always be desirable for either of the persons concerned.

Đôi khi người ta chữa bệnh bằng cách áp đặt các điều kiện từ trường của mình lên người khác. Điều này dựa trên lý thuyết (hoàn toàn chính xác) rằng tất cả bệnh tật đều là sự mất hòa hợp nào đó, và nếu có thể khôi phục sự hòa hợp hoàn hảo, bệnh tật sẽ biến mất. Trong trường hợp này, người muốn chữa bệnh trước tiên phải nâng rung động của mình lên mức cao nhất có thể, tràn đầy ý nghĩ yêu thương, sức khỏe và hòa hợp, rồi bao trùm bệnh nhân trong hào quang của mình, với hy vọng rằng rung động mạnh mẽ của mình sẽ lấn át những rung động của bệnh nhân và dần dần đưa người đó vào trạng thái hòa hợp và khỏe mạnh. Phương pháp này thường có hiệu quả, nhưng chúng ta phải nhớ rằng nó liên quan đến việc áp đặt toàn bộ phàm ngã của người chữa bệnh lên bệnh nhân, điều này không phải lúc nào cũng mong muốn cho cả hai bên.

One should take care not to be caught or entangled on the astral plane, as a man easily may be, and that through his virtues as well as his vices, if he be not exceedingly cautious. For example, it is possible to affect others by thought, and thus obtain whatever is wanted from them, and the temptation of this power to an ordinary man would be overwhelming. Again, you could easily force those whom you love out of a wrong path into a right one if you wished, but this you must not do; you may only persuade and argue. Here again is a temptation. You may by force prevent your friend from doing wrong, but often the weakening effect of the compulsion on his mind will do him more harm than the wrong-doing from which you save him. Drunkenness can be cured by mesmerising the man, but it is far better to persuade him gradually to conquer the weakness for himself, since this is a thing which he will have to do in some life. It is said that in some cases the man has yielded himself to this awful habit for so long that his will power is entirely in abeyance, and he actually has not the strength to refrain; and it is claimed that for such a man mesmerism is necessary, for it is the only method of giving him an opportunity to reassert himself as a human being, and to regain some sort of control of his vehicles. This may be so, and I can well understand the desire to save by any lawful means the soul which has come to so dire a pass; yet even then I would counsel the greatest care in the use of mesmerism, and in the choice of the mesmerist.

Người ta cần thận trọng để không bị mắc kẹt hay vướng víu trên cõi cảm dục, vì điều này dễ dàng xảy ra thông qua các đức tính cũng như các thói xấu, nếu không hết sức cẩn thận. Chẳng hạn, có thể ảnh hưởng đến người khác bằng tư tưởng và từ đó đạt được bất kỳ điều gì mong muốn từ họ, và sự cám dỗ của quyền lực này đối với một người bình thường sẽ là không thể cưỡng lại. Hơn nữa, bạn có thể dễ dàng buộc những người bạn yêu thương từ con đường sai lầm vào con đường đúng nếu bạn muốn, nhưng điều đó bạn không được làm; bạn chỉ có thể thuyết phục và tranh luận. Đây lại là một sự cám dỗ khác. Bạn có thể dùng sức mạnh ngăn cản bạn mình làm điều sai, nhưng thường thì tác động suy yếu của sự ép buộc đối với tâm trí y sẽ gây hại nhiều hơn so với hành động sai trái mà bạn cứu y khỏi. Bạn có thể chữa bệnh nghiện rượu bằng cách thôi miên người đó, nhưng tốt hơn là dần dần thuyết phục y tự vượt qua điểm yếu này, vì đây là điều mà y sẽ phải làm trong một kiếp sống nào đó. Người ta nói rằng trong một số trường hợp, người đó đã chìm vào thói quen kinh khủng này quá lâu đến mức sức mạnh ý chí của y hoàn toàn bị đình chỉ, và y thực sự không có sức mạnh để kiềm chế; và có người cho rằng trong trường hợp đó, thôi miên là cần thiết, vì đây là phương pháp duy nhất cho y cơ hội khẳng định lại bản thân như một con người và giành lại quyền kiểm soát các phương tiện của mình. Điều này có thể đúng, và tôi có thể hoàn toàn hiểu được mong muốn cứu rỗi linh hồn đã đến tình trạng thảm khốc như vậy bằng bất kỳ phương tiện hợp pháp nào; tuy nhiên, ngay cả trong trường hợp đó, tôi vẫn khuyên nên hết sức thận trọng trong việc sử dụng thôi miên và trong việc chọn lựa người thôi miên.

A man can use the faculties of his astral body without moving away from his physical

Một người có thể sử dụng các năng lực của thể cảm dục của mình mà không rời khỏi thể xác.

vehicle. That is called the possession of astral powers in the waking state, and is a definite stage in development. But it is more usual for the astral body to leave the physical when it is intended to operate or observe at a distance from the physical body.

Điều này được gọi là sở hữu năng lực cảm dục trong trạng thái thức tỉnh, và là một giai đoạn phát triển rõ ràng. Nhưng thông thường hơn là thể cảm dục sẽ rời khỏi thể xác khi dự định thực hiện hoạt động hoặc quan sát ở một khoảng cách xa so với thể xác.

The Indian term “sky-walker” generally refers only to one who is able thus to travel in his astral body. But sometimes also it means levitation, in which the physical body is lifted and floats in the air. In India this happens to some ascetics, and some of the greatest of Christian saints have in deep meditation been thus raised from the ground. It involves, however, the expenditure of a good deal of force. When a disciple is commissioned to undertake some special work for humanity, the adepts may give to him for the purpose some extra force, but though he is left free to use it as he pleases, he must not fritter it away uselessly. So it happens that even those who can produce these strange effects at will do not do so to amuse themselves or others, but only for real work. It would be quite possible for some disciple to use this force for the purpose of carrying his physical body through the air to a distant place; but as that would mean a tremendous expenditure of force, it is not likely that he would so use it unless definitely directed to do so.

Thuật ngữ "người đi trong bầu trời" (sky-walker) trong tiếng Ấn Độ thường chỉ đề cập đến một người có khả năng di chuyển trong thể cảm dục của mình. Nhưng đôi khi nó cũng có nghĩa là hiện tượng thăng thiên, khi thể xác được nâng lên và lơ lửng trong không trung. Ở Ấn Độ, điều này xảy ra với một số người khổ hạnh, và một số vị thánh vĩ đại của Thiên Chúa giáo trong trạng thái thiền sâu cũng đã được nâng lên khỏi mặt đất. Tuy nhiên, điều này đòi hỏi một lượng lớn sức mạnh. Khi một đệ tử được ủy nhiệm thực hiện một công việc đặc biệt cho nhân loại, các Chân sư có thể trao cho y một mãnh lực bổ sung cho mục đích đó, nhưng dù y được tự do sử dụng nó theo ý muốn, y không được lãng phí nó vô ích. Do đó, ngay cả những người có thể tạo ra những hiệu ứng kỳ lạ này theo ý muốn cũng không làm điều đó để giải trí cho mình hoặc người khác, mà chỉ để phục vụ công việc thực sự. Sẽ hoàn toàn có thể đối với một đệ tử sử dụng lực lượng này để mang thể xác của mình qua không trung đến một nơi xa; nhưng vì điều đó đòi hỏi một lượng sức mạnh cực lớn, nên không có khả năng y sẽ sử dụng nó trừ khi được chỉ định rõ ràng để làm như vậy.

On the other hand there have been cases in which such powers were used—for example, to save a man from undeserved suffering. There was once a case in which a young man was accused of the forgery of an important document. He was to a certain extent technically guilty, although quite innocent of

Mặt khác, đã có những trường hợp năng lực này được sử dụng—chẳng hạn, để cứu một người khỏi những đau khổ không đáng có. Đã từng có một trường hợp trong đó một chàng trai trẻ bị buộc tội giả mạo một tài liệu quan trọng. Theo một mức độ nào đó, y có lỗi về mặt kỹ thuật, mặc dù hoàn toàn vô tội về ý định

any evil intention. He had very foolishly imitated a certain signature upon a blank sheet of paper, and then some one who was unfriendly to him had obtained possession of the sheet of paper, written in certain instructions above the signature, and then cleverly cut the paper so as to make it appear to be a letter conveying orders. The accused had to admit that the signature was in his writing, but his account of the circumstances under which it was written was not unnaturally disbelieved, and it seemed impossible for him to escape the most terrible consequences. But it happened that one of our Masters was called as a witness to testify to the handwriting of the prisoner. The sheet was handed to Him with the question:

xấu. Y đã rất dại dột bắt chước một chữ ký nhất định trên một tờ giấy trắng, và sau đó, có người không thân thiện với y đã lấy tờ giấy đó, viết lên một số chỉ thị phía trên chữ ký, và sau đó cắt tờ giấy một cách khéo léo để làm cho nó trông như một bức thư chứa các mệnh lệnh. Bị cáo buộc phải thừa nhận rằng chữ ký là của mình, nhưng lời giải thích của y về hoàn cảnh mà chữ ký đó được viết đã không được tin tưởng, và dường như không thể tránh khỏi những hậu quả khủng khiếp nhất. Nhưng sự việc xảy ra là một trong các Chân sư của chúng ta được gọi làm nhân chứng để xác nhận chữ viết tay của bị cáo. Tờ giấy được đưa cho Ngài kèm theo câu hỏi:

“Do you recognise that handwriting as that of the prisoner?”

"Ngài có nhận ra chữ viết tay này là của bị cáo không?"

The Master just glanced at it, and instantly returned it, saying:

Chân sư chỉ liếc nhìn tờ giấy và ngay lập tức trả lại, nói:

“Is this the sheet which you intended to give me?”

"Đây có phải là tờ giấy mà các Ông định đưa cho tôi không?"

In that instant the sheet had become an absolute blank! The counsel for the prosecution of course supposed that in some utterly incomprehensible way he had mislaid the paper; but for want of it the prosecution fell through, and so the young man was saved.

Trong khoảnh khắc đó, tờ giấy đã trở nên hoàn toàn trắng trơn! Luật sư bên công tố dĩ nhiên nghĩ rằng bằng cách nào đó Ông ta đã đánh mất tờ giấy một cách hoàn toàn khó hiểu; nhưng vì thiếu chứng cứ, vụ truy tố đã sụp đổ, và chàng trai trẻ được cứu.

CLAIRVOYANCE
THÔNG NHÃN

The possession of clairvoyant power is a very

Việc sở hữu năng lực thông nhãn là một đặc ân

great privilege and a very great advantage, and if properly and sensibly used it may be a blessing and a help to its fortunate holder, just as surely as, if it is misused, it may often be a hindrance and a curse. The principal dangers attendant upon it arise from pride, ignorance, and impurity, and if these be avoided, as they easily may be, nothing but good can come from it.

lớn và một lợi thế vô cùng to lớn, và nếu được sử dụng đúng cách và hợp lý, nó có thể trở thành một phước lành và sự trợ giúp cho người may mắn sở hữu nó. Tuy nhiên, nếu bị lạm dụng, năng lực này thường trở thành một trở ngại và lời nguyền. Các mối nguy hiểm chính kèm theo khả năng này xuất phát từ sự kiêu ngạo, thiếu hiểu biết và sự bất tịnh, và nếu tránh được những điều này, mà thực ra rất dễ tránh, thì chẳng có gì ngoài điều tốt đẹp sẽ đến từ nó.

Pride is the first great danger. The possession of a faculty which, though it is the heritage of the whole human race, is as yet manifested only very occasionally, often causes the ignorant clairvoyant to feel himself (or still more frequently herself) exalted above his fellows, chosen by the Almighty for some mission of world-wide importance, dowered with a discernment that can never err, selected under angelic guidance to be the founder of a new dispensation, and so on. It should be remembered that there are always plenty of sportive and mischievous entities on the other side of the veil who are ready and even anxious to foster all such delusions, to reflect and embody all such thoughts, and to fill whatever role of archangel or spirit-guide may happen to be suggested to them. Unfortunately it is so fatally easy to persuade the average man that he really is a very fine fellow at bottom, and quite worthy to be the recipient of a special revelation, even though his friends have through blindness or prejudice somehow failed hitherto to appreciate him.

Kiêu ngạo là mối nguy hiểm đầu tiên lớn nhất. Sở hữu một khả năng mà, dù nó là di sản của cả nhân loại, nhưng chỉ mới thỉnh thoảng được thể hiện, thường khiến người có thông nhãn vô minh cảm thấy mình được nâng cao hơn đồng loại, được Đấng Toàn Năng chọn cho một sứ mệnh quan trọng toàn cầu, được ban tặng khả năng nhận biết không bao giờ sai lầm, được hướng dẫn bởi các thiên thần để trở thành người sáng lập một kỷ nguyên mới, và còn nhiều hơn thế nữa. Cần nhớ rằng luôn có nhiều thực thể nghịch ngợm và tinh quái ở phía bên kia bức màn sẵn sàng và thậm chí háo hức nuôi dưỡng những ảo tưởng này, phản ánh và sự hiện hình của tất cả những suy nghĩ đó, và đóng bất kỳ vai trò nào như tổng lãnh thiên thần hoặc linh hướng mà có thể được đề xuất cho họ. Không may, rất dễ thuyết phục một người bình thường rằng họ thực sự là một người rất tài giỏi, và xứng đáng là người nhận được một mặc khải đặc biệt, ngay cả khi những người xung quanh vì mù quáng hay thành kiến đã không thể hiện được sự đánh giá đúng mức đối với họ.

Another danger, perhaps the greatest of all because it is the mother of all others, is ignorance. If the clairvoyant knows anything

Mối nguy hiểm thứ hai, có lẽ là nguy hiểm lớn nhất vì nó là mẹ của mọi mối nguy khác, là sự thiếu hiểu biết. Nếu người có thông nhãn biết

of the history of his subject, if he at all understands the conditions of those other planes into which his vision is penetrating, he cannot of course suppose himself the only person who was ever so highly favoured, nor can he feel with self-complacent certainty that it is impossible for him to mistake. But when he is, as so many are, in the densest ignorance as to history, conditions and everything else, he is liable in the first place to make all kinds of mistakes as to what he sees, and secondly to be the easy prey of all sorts of designing and deceptive entities from the astral plane. He has no criterion by which to judge what he sees, or thinks he sees, no test to apply to his visions or communications, and so he has no sense of relative proportion or the fitness of things, and he magnifies a copy-book maxim into a fragment of divine wisdom, a platitude of the most ordinary type into an angelic message. Then again, for want of common knowledge on scientific subjects he will often utterly misunderstand what his faculties enable him to perceive, and he will in consequence gravely promulgate the grossest absurdities.

bất cứ điều gì về lịch sử của môn học của mình, nếu họ hiểu được các điều kiện của những cõi mà tầm nhìn của họ đang thâm nhập, thì đương nhiên họ không thể cho rằng mình là người duy nhất từng được ưu ái như vậy, và cũng không thể cảm thấy chắc chắn tự mãn rằng mình không thể mắc sai lầm. Nhưng khi họ, giống như rất nhiều người khác, chìm trong sự mù mờ về lịch sử, các điều kiện và mọi thứ khác, họ dễ dàng mắc phải những sai lầm trong việc giải thích những gì họ nhìn thấy, và thứ hai là họ dễ dàng trở thành con mồi của mọi loại thực thể thiết kế và lừa dối từ cõi cảm dục. Họ không có tiêu chuẩn nào để đánh giá những gì họ nhìn thấy, hoặc nghĩ rằng mình đã thấy, không có bài kiểm tra nào để áp dụng cho các hình ảnh hoặc thông điệp của họ, do đó họ không có cảm giác về tỉ lệ tương đối hoặc sự thích hợp của các điều họ chứng kiến, và họ thổi phồng một câu châm ngôn trong sách giáo khoa thành một mảnh vỡ của trí tuệ thiêng liêng, một lẽ thường tình thành một thông điệp của thiên thần. Rồi nữa, vì thiếu kiến thức thông thường về các chủ đề khoa học, họ thường hoàn toàn hiểu sai những gì khả năng của họ cho phép họ nhận thức, và do đó họ nghiêm túc đưa ra những điều vô lý một cách nghiêm trọng.

The third danger is that of impurity. The man who is pure in thought and life, pure in intention and free from the taint of selfishness, is by that very fact guarded from the influence of undesirable entities from other planes. There is in him nothing upon which they can play; he is no fit medium for them. On the other hand all good influences naturally surround such a man, and hasten to use him as a channel through which they may act, and thus a still further barrier is erected about him against all which is mean and low

Nguy hiểm thứ ba là sự bất tịnh. Người trong sáng trong suy nghĩ và cuộc sống, trong sáng trong ý định và không bị vấy bẩn bởi sự ích kỷ, tự nhiên được bảo vệ khỏi ảnh hưởng của các thực thể không mong muốn từ các cõi khác. Trong họ không có gì để các thực thể ấy có thể tác động; họ không phải là một phương tiện thích hợp cho các thực thể đó. Mặt khác, mọi ảnh hưởng tốt đều tự nhiên vây quanh một con người như vậy và nhanh chóng sử dụng họ như một kênh qua đó các lực lượng tốt có thể hoạt động, và do đó một rào cản mạnh mẽ hơn

and evil. The man of impure life or motive, on the contrary, inevitably attracts to himself all that is worst in the invisible world which so closely surrounds us; he responds readily to it, while it will be hardly possible for the forces of good to make any impression upon him.

nữa được dựng lên quanh họ, ngăn chặn tất cả những gì thấp hèn và xấu xa. Ngược lại, người sống bất tịnh hoặc có động cơ không trong sáng không thể tránh khỏi việc thu hút những gì tồi tệ nhất từ thế giới vô hình xung quanh chúng ta; họ dễ dàng phản ứng với điều đó, trong khi các lực lượng tốt sẽ gần như không thể tác động lên họ.

But a clairvoyant who will bear in mind all these dangers, and strive to avoid them, who will take the trouble to study the history and the rationale of clairvoyance, who will see to it that his heart is humble and his motives are pure—such a man may assuredly learn very much from these powers of which he finds himself in possession, and may make them of the greatest use to him in the work which he has to do. Having first taken good heed to the training of his character, let him observe and note down carefully any visions which come to him; let him patiently endeavour to disentangle the core of truth in them from the various accretions and exaggerations which are sure at first to be almost inextricably confused with them; let him in every possible way test and check them and endeavour to ascertain which of them are reliable, and in what way these reliable ones differ from others which have proved less trustworthy—and he will very soon find himself evolving order out of chaos, and learning to distinguish what he can trust and what he must for the present put aside as incomprehensible.

Tuy nhiên, một người có thông nhãn sẽ ghi nhớ những mối nguy này và cố gắng tránh xa chúng, người sẽ nỗ lực học hỏi lịch sử và nguyên lý của thông nhãn, người sẽ giữ trái tim khiêm nhường và động cơ trong sáng — một người như vậy chắc chắn sẽ học được rất nhiều từ các khả năng mà họ sở hữu, và có thể sử dụng chúng một cách hiệu quả nhất trong công việc mà họ phải làm. Sau khi đã chú ý tốt đến việc rèn luyện tính cách, hãy để người ấy quan sát và ghi chép cẩn thận mọi hình ảnh hiện ra với họ; hãy kiên nhẫn cố gắng phân tách cốt lõi của sự thật từ những tích tụ và phóng đại khác nhau chắc chắn lúc đầu sẽ gần như không thể tách rời; hãy cố gắng hết sức kiểm tra và xác thực chúng, và cố gắng xác định xem những hình ảnh nào đáng tin cậy, và những hình ảnh đáng tin cậy ấy khác với những hình ảnh không đáng tin như thế nào — và chẳng bao lâu người ấy sẽ tìm thấy trật tự từ sự hỗn loạn, và học cách phân biệt những gì có thể tin cậy và những gì tạm thời phải gạt sang một bên vì chưa thể hiểu được.

He will probably find in course of time that he gets impressions, whether by direct sight or only by feeling, in reference to the various people with whom he comes into contact. Once more the careful noting down of every such impression as soon as it occurs, and the

Họ có thể sẽ nhận thấy sau một thời gian rằng họ có được những ấn tượng, dù là qua thị giác trực tiếp hay chỉ qua cảm nhận, liên quan đến những người khác nhau mà họ tiếp xúc. Một lần nữa, việc ghi chép cẩn thận từng ấn tượng ngay khi nó xuất hiện, và việc kiểm tra, đối

impartial testing and checking of it as opportunity offers, will soon show our friend how far these feelings or visions are to be relied on; and as soon as he finds that they are correct and dependable he has made a very great advance, for he is in possession of a power which enables him to be of far more use to those among whom his work lies than he could be if he knew only as much about them as can be seen by the ordinary eye.

chiếu chúng một cách khách quan khi có cơ hội, sẽ sớm cho thấy những cảm giác hoặc hình ảnh này có thể đáng tin cậy đến mức nào; và ngay khi họ nhận ra chúng là chính xác và đáng tin cậy, họ đã tiến bộ rất nhiều, vì họ sở hữu một khả năng cho phép họ giúp đỡ nhiều hơn cho những người xung quanh họ so với việc họ chỉ biết về những người ấy qua mắt thường.

If, for example, his sight includes the auras of those around him, he can judge from what it shows him how best to deal with them, how to bring out their latent good qualities, how to strengthen their weaknesses, how to repress what is undesirable in their characters. Again, his power may often enable him to observe something of the processes of nature, to see something of the working of the non-human evolutions which surround us, and thus to acquire most valuable knowledge on all kinds of recondite subjects. If he happens to be personally acquainted with some clairvoyant who has been put under regular training he has of course a great advantage, in that he can without difficulty get his visions examined and tested by one upon whom he can rely.

Chẳng hạn, nếu tầm nhìn của họ bao gồm cả hào quang của những người xung quanh, họ có thể đánh giá từ những gì mà hào quang đó hiển thị cách tốt nhất để đối xử với họ, làm thế nào để phát triển những phẩm chất tốt tiềm ẩn trong họ, làm thế nào để củng cố điểm yếu của họ, và làm thế nào để kiềm chế những đặc tính không mong muốn trong tính cách của họ. Hơn nữa, khả năng của họ có thể thường xuyên cho phép họ quan sát một số quá trình của tự nhiên, nhìn thấy một số hoạt động của các tiến hóa không phải là con người xung quanh chúng ta, từ đó có được kiến thức rất giá trị về tất cả các chủ đề huyền bí. Nếu họ tình cờ quen biết với một người có thông nhãn đã được đào tạo chính quy, họ sẽ có lợi thế lớn vì họ có thể dễ dàng nhờ người đó kiểm tra và xác minh các hình ảnh của mình.

Generally speaking, then, the course to be recommended to the untrained clairvoyant is that of exceeding patience and much watchfulness; but with this hope ever before his eyes, that assuredly if he makes use of the talent entrusted to him it cannot but attract the favourable notice of Those who are ever watching for instruments which can be employed in the great work of evolution, and that when the right time comes he will receive the training which he so earnestly desires, and

Nói chung, con đường được khuyến nghị cho người thông nhãn chưa qua đào tạo là phải có lòng kiên nhẫn vô cùng và sự quan sát cẩn trọng; nhưng với niềm hy vọng luôn ở trước mắt rằng chắc chắn nếu họ sử dụng tốt tài năng được giao phó, điều đó không thể không thu hút sự chú ý của Những Đấng luôn tìm kiếm những công cụ có thể được sử dụng trong công cuộc tiến hóa vĩ đại, và khi thời điểm thích hợp đến, họ sẽ nhận được sự đào tạo mà họ mong mỏi, và do đó được trao quyền để trở

will thus be enabled definitely to become one of those who help the world.

thành một trong những người giúp ích cho thế giới.

Special training should be arranged from early childhood for clairvoyant children. The modern system of education tends to suppress all psychic faculties, and most young people are overstrained by their studies. In Greece and Rome these psychic children were promptly isolated as vestal virgins or postulants for the priesthood, and specially trained. There is a natural tendency in the present day, apart from education, to repress these faculties. The best way to prevent the loss of these to the world is to put the boys into some sort of monastery where the monks know about the higher life and try to live it, for family life is not suitable for this development. Where such clairvoyance appears it ought to be encouraged, for many additional investigators are wanted for the Society' s work, and those who begin young are likely to adapt themselves to it most readily.

Việc huấn luyện đặc biệt nên được sắp xếp ngay từ khi còn nhỏ cho những trẻ em có thông nhãn. Hệ thống giáo dục hiện đại có xu hướng trấn áp tất cả các khả năng tâm linh, và phần lớn những người trẻ bị căng thẳng quá mức bởi việc học của họ. Ở Hy Lạp và La Mã, những đứa trẻ có khả năng tâm linh đã được cô lập ngay lập tức để trở thành nữ tu đồng trinh hoặc tín đồ của giáo hội và được huấn luyện đặc biệt. Có một xu hướng tự nhiên ngày nay, ngoài việc giáo dục, để trấn áp những khả năng này. Cách tốt nhất để ngăn chặn việc thế giới mất đi những khả năng này là đưa các cậu bé vào một loại tu viện nào đó, nơi các tu sĩ biết về đời sống cao thượng hơn và cố gắng sống theo nó, vì cuộc sống gia đình không phù hợp cho sự phát triển này. Nơi mà thông nhãn xuất hiện, nó nên được khuyến khích, vì cần thêm nhiều nhà nghiên cứu cho công việc của Hội Thông Thiên Học, và những người bắt đầu từ nhỏ có khả năng thích nghi với nó nhanh nhất.

People who are psychic by birth generally use the etheric double a great deal. People who possess what has sometimes been called “etheric sight”—that is, sight capable of observing physical matter in a state of exceedingly fine subdivision, though not yet capable of discerning the subtler matter of the astral plane—frequently see, when they look keenly at any exposed portion of the human body, such as the face or the hand, multitudes of tiny forms, such as dice, stars, and double pyramids. These belong neither to the thought-plane nor to the astral, but are purely physical, though of exceeding minuteness. They are simply the physical emanation from the body, which is always taking place—the

Những người có khả năng tâm linh bẩm sinh thường sử dụng thể dĩ thái rất nhiều. Những người sở hữu cái mà đôi khi được gọi là "tầm nhìn dĩ thái" — nghĩa là, tầm nhìn có khả năng quan sát vật chất ở trạng thái phân chia tinh vi nhất, mặc dù chưa đủ khả năng để phân biệt vật chất vi tế hơn của cõi cảm dục — thường nhìn thấy, khi họ nhìn kỹ vào bất kỳ phần nào của cơ thể người, chẳng hạn như khuôn mặt hoặc bàn tay, vô số hình dạng nhỏ bé, như xúc xắc, ngôi sao, và hình kim tự tháp kép. Những thứ này không thuộc về cõi tư tưởng hay cõi cảm dục, mà hoàn toàn là vật chất, mặc dù ở mức độ rất tinh vi. Chúng chỉ đơn giản là các vật chất thải hồng trần từ cơ thể, luôn được thải ra — các chất thải, chủ yếu bao gồm các

waste matter, consisting largely of finely-divided salts, which is constantly being thrown out in this manner. The character of these tiny particles varies from many causes. Naturally loss of health often alters them entirely, but any wave of emotion will affect them to a greater or lesser extent, and they even respond to the influence of any definite train of thought.

muối phân chia tinh vi, liên tục bị loại bỏ theo cách này. Tính chất của các hạt nhỏ này thay đổi từ nhiều nguyên nhân. Tất nhiên, sự mất mát sức khỏe thường thay đổi chúng hoàn toàn, nhưng bất kỳ làn sóng cảm xúc nào cũng sẽ ảnh hưởng đến chúng ở mức độ lớn hay nhỏ, và chúng thậm chí còn phản ứng với ảnh hưởng của bất kỳ luồng suy nghĩ cụ thể nào.

Professor Gates is reported as saying (a) that the material emanations of the living body differ according to the states of the mind as well as the conditions of the physical health; (b) that these emanations can be tested by the chemical reactions of some salts of selenium; (c) that these reactions are characterised by various tints or colours according to the nature of the mental impressions; (d) that forty different emotion-products, as he calls them, have already been obtained.

Giáo sư Gates được báo cáo là đã nói (a) rằng các phát thải vật chất của cơ thể sống thay đổi tùy theo trạng thái của tâm trí cũng như tình trạng sức khỏe hồng trần; (b) rằng những phát thải này có thể được kiểm tra bằng các phản ứng hóa học của một số muối selen; (c) rằng những phản ứng này được đặc trưng bởi các sắc thái hoặc màu sắc khác nhau tùy thuộc vào bản chất của ấn tượng tinh thần; (d) rằng đã thu được bốn mươi sản phẩm cảm xúc khác nhau, như cách Ông gọi chúng.

People sometimes see animated particles quivering with intense rapidity, and dashing about in the air before them. This again shows the possession of much increased physical power, not of mental. It is unfortunately only too common for the person who gains for the first time a glimpse of astral or even of etheric matter to jump at once to the conclusion that he is at least upon the mental level, if not upon the nirvânic, and holds in his hand the key to all the mysteries of the entire solar system. All that will come in good time, and these grander vistas will assuredly open before him one day; but he will hasten the coming of that desirable consummation if he makes sure of each step as he takes it, and tries fully to understand and make the best of what he has, before desiring more. Those who begin their experience with nirvânic vision are few and far between; for

Người ta đôi khi nhìn thấy các hạt được hoạt hóa đang rung động với tốc độ nhanh chóng và di chuyển nhanh trong không khí trước mặt họ. Điều này một lần nữa cho thấy sự sở hữu năng lực thể chất tăng lên nhiều, không phải năng lực tinh thần. Thật không may, việc một người lần đầu tiên có được cái nhìn thoáng qua về vật chất của cõi cảm dục hoặc thậm chí của cõi dĩ thái lại nhảy ngay đến kết luận rằng y ít nhất đã đạt đến cấp độ trí tuệ, nếu không phải cấp độ Niết Bàn, và nắm giữ chìa khóa của tất cả các bí mật của hệ mặt trời là điều quá phổ biến. Tất cả những điều đó sẽ đến vào thời gian thích hợp, và những viễn cảnh lớn lao hơn đó chắc chắn sẽ mở ra trước mắt y vào một ngày nào đó; nhưng y sẽ thúc đẩy sự xuất hiện của kết quả mong muốn đó nếu y đảm bảo mỗi bước tiến mình thực hiện và cố gắng hiểu thấu đáo và tận dụng tối đa

most of us, progress must be slow and steady, and the safest motto for us is festina lente.

những gì mình đã có trước khi khao khát thêm nhiều hơn. Những người bắt đầu kinh nghiệm với tầm nhìn Niết Bàn rất ít và hiếm; đối với phần lớn chúng ta, tiến bộ phải chậm và ổn định, và phương châm an toàn nhất của chúng ta là "chậm mà chắc."

I should not advise anyone to allow himself to be thrown into mesmeric sleep for the purpose of gaining clairvoyant experiences. The domination of the will by that of another produces effects that few people realise. The will of the victim becomes weaker, and is more liable to be acted upon by others. In the scheme of things no man is forced to do anything; he is taught by receiving always the result of his actions; and it is better to allow clairvoyant powers to come gradually in the natural course of evolution, rather than to try to force them in any way.

Tôi không khuyên ai cho phép mình bị thôi miên để có được những trải nghiệm thông nhãn. Sự thống trị của ý chí bởi ý chí của người khác tạo ra những tác động mà ít người nhận ra. Ý chí của nạn nhân trở nên yếu hơn và dễ bị ảnh hưởng bởi người khác hơn. Trong kế hoạch của vũ trụ, không ai bị ép buộc phải làm bất cứ điều gì; y được dạy bằng cách luôn nhận lấy kết quả của hành động của mình; và tốt hơn là để những năng lực thông nhãn xuất hiện dần dần theo con đường tiến hóa tự nhiên hơn là cố gắng thúc đẩy chúng bằng bất kỳ cách nào.

We must not always assume that a man who sees something pertaining to higher planes is necessarily becoming clairvoyant. By clairvoyance, for example, we may undoubtedly see an apparition, but on the other hand there are various other ways in which a man may see or suppose himself to see something which to him would be exactly the same as an apparition.

Chúng ta không nên luôn luôn cho rằng một người nhìn thấy điều gì đó liên quan đến các cõi cao hơn là nhất thiết phải trở thành thông nhãn. Chẳng hạn, bằng thông nhãn, chúng ta có thể chắc chắn nhìn thấy một sự hiện hình, nhưng mặt khác, có nhiều cách khác mà một người có thể nhìn thấy hoặc cho rằng mình đã nhìn thấy một điều gì đó mà đối với y sẽ giống hệt như một sự hiện hình.

The apparition of a dead person may be (a) one' s own imagination, (b) a thought-form produced by another person, (c) or by the person seen, (d) an impersonation, (e) the etheric double of the person, or (f) the real person actually there. In the last case one of three things must have happened—that is, supposing that the apparition is a dead or sleeping person in his astral body, and that the man who sees him is himself in his physical

Sự hiện hình của một người đã khuất có thể là (a) tưởng tượng của chính người đó, (b) một hình tư tưởng do người khác tạo ra, (c) hoặc do chính người được nhìn thấy tạo ra, (d) một sự mạo danh, (e) thể dĩ thái của người đó, hoặc (f) chính người đó thực sự đang ở đó. Trong trường hợp cuối cùng, có ba khả năng đã xảy ra—giả sử sự hiện hình là một người đã chết hoặc đang ngủ trong thể cảm dục, và người nhìn thấy họ đang ở trong thể xác và hoàn

body and wide awake. Either (a) the dead man has materialised himself, in which case of course he is for the time a physical object, which may be seen by any number of people with ordinary physical sight; (b) the dead man is in his astral body, in which case only those possessing astral sight can perceive him; he has probably succeeded by some special effort in temporarily opening that sight for the person to whom he wishes to show himself, and is therefore most likely visible to that one person only, and not to any others who may happen to be present; or, (c) the dead man has mesmerised the living, so as to impose upon him the idea that he sees a figure which is not really visible to him, though it may be really present.

toàn tỉnh táo. Hoặc là (a) người đã khuất đã tự hiện hình, trong trường hợp đó, tất nhiên, họ trở thành một đối tượng hồng trần trong thời gian ngắn, có thể được nhìn thấy bởi bất kỳ số người nào với thị giác bình thường; (b) người đã khuất đang ở trong thể cảm dục, trong trường hợp đó, chỉ những ai có thị giác cảm dục mới có thể nhìn thấy họ; họ có thể đã thành công trong việc tạm thời mở thị giác đó cho người mà họ muốn xuất hiện, và do đó, có khả năng chỉ một người đó nhìn thấy họ, chứ không phải bất kỳ ai khác tình cờ có mặt; hoặc (c) người đã khuất đã thôi miên người sống, khiến người đó tưởng rằng họ thấy một hình dáng không thực sự hiện hữu trước mắt, mặc dù nó có thể thực sự hiện diện.

If the apparition be an etheric double, it will not stray far away from the dense body to which it belongs or used to belong. An unpractised apparition—one who is new to the astral plane—often shows traces of the habits of his earth-life. He will enter and depart by a door or a window, not yet realising that he can pass through the wall just as easily. I have even seen one squeeze through the crack of a locked door; he might as well have tried the key-hole! But he moves as he has been accustomed to move—as he thinks of himself as moving. For the same reason an apparition often walks upon the earth, when he might just as well float through the air.

Nếu sự hiện hình là thể dĩ thái, nó sẽ không lạc xa khỏi cơ thể đặc đậm mà nó thuộc về hoặc từng thuộc về. Một sự hiện hình chưa có kinh nghiệm—người vừa bước vào cõi cảm dục—thường thể hiện những dấu hiệu của thói quen trong cuộc sống trần thế của mình. Họ sẽ vào và ra qua cửa hoặc cửa sổ, chưa nhận ra rằng họ có thể dễ dàng đi xuyên qua tường. Tôi đã từng thấy một người ép mình qua khe hở của cánh cửa bị khóa; y cũng có thể thử mở khóa cửa! Nhưng y di chuyển theo cách mà y đã quen—như y tưởng tượng về cách mình đang di chuyển. Vì lý do này, một sự hiện hình thường đi bộ trên mặt đất, khi lẽ ra y có thể dễ dàng lơ lửng trong không trung.

It is a mistake to think that if you see a vision, it must necessarily mean something for you, or be specially sent to you. If you for the moment become sensitive, you see what happens to be there.

Đó là một sai lầm khi nghĩ rằng nếu bạn nhìn thấy một hiện tượng, nó nhất thiết phải mang ý nghĩa gì đó cho bạn, hoặc được gửi đến cho bạn một cách đặc biệt. Nếu bạn trở nên nhạy cảm trong một thời gian ngắn, bạn sẽ nhìn thấy những gì đang xảy ra ở đó.

Suppose I am sitting in a room, and a curtain is drawn across the window, so that the street outside is invisible to me. Suppose the wind lifts the curtain for a moment, so that I get a glimpse of the street, I shall then see whatever happens to be passing at that moment. Let us imagine that I see a little girl in a red cloak, carrying a basket. That little girl is probably going about her own business, or perhaps her mother' s; should I not be very foolish if I chose to fancy that she had been sent there especially for me to see, and began to worry myself as to what could be symbolised by the red cloak and the basket? A flash of clairvoyance is usually just the accidental lifting of a curtain, and generally what is seen has no special relation to the seer. There may occasionally be instances in which the curtain is intentionally lifted by a friend because something of personal interest is passing; but we must not be too ready to assume that that is the case.

Giả sử tôi đang ngồi trong một căn phòng và một tấm rèm được kéo ngang qua cửa sổ, che khuất cảnh đường phố bên ngoài. Giả sử gió thổi lên, nâng tấm rèm trong chốc lát, và tôi có thể thoáng nhìn thấy đường phố, lúc đó tôi sẽ nhìn thấy bất cứ thứ gì đang đi ngang qua trong khoảnh khắc đó. Hãy tưởng tượng rằng tôi thấy một cô bé mặc áo choàng đỏ, cầm theo một giỏ. Cô bé đó có lẽ đang làm công việc riêng của mình hoặc có thể là việc của mẹ cô ấy; có lẽ tôi sẽ rất ngớ ngẩn nếu tưởng tượng rằng cô ấy đã được gửi đến đó đặc biệt cho tôi nhìn thấy, rồi bắt đầu lo lắng về ý nghĩa của chiếc áo choàng đỏ và chiếc giỏ. Một thoáng thông nhãn thường chỉ là sự kéo lên ngẫu nhiên của tấm màn che, và thông thường những gì được nhìn thấy không có mối liên hệ đặc biệt nào với người quan sát. Đôi khi, có thể có những trường hợp mà tấm màn được một người bạn cố tình kéo lên vì có điều gì đó liên quan cá nhân đang diễn ra; nhưng chúng ta không nên quá dễ dàng cho rằng đó là trường hợp như vậy.

Among the real psychic powers, however, which are attained by slow and careful self-development, there are some which are of very great interest. For example, for one who can function freely in the mental body there are methods of getting at the meaning of a book, quite apart from the ordinary process of reading it. The simplest is to read from the mind of one who has studied it; but this is open to the objection that one gets not the real meaning of the work but that student' s conception of the meaning, which may be by no means the same thing. A second plan is to examine the aura of the book—a phrase which needs a little explanation for those not practically acquainted with the hidden side of things.

Tuy nhiên, trong số các năng lực thực sự về mặt thông linh, đạt được nhờ quá trình phát triển chậm và cẩn thận, có một số năng lực thực sự rất thú vị. Ví dụ, đối với một người có thể hoạt động tự do trong thể trí, có những phương pháp để tiếp cận ý nghĩa của một cuốn sách mà không cần phải trải qua quá trình đọc thông thường. Cách đơn giản nhất là đọc từ tâm trí của một người đã nghiên cứu cuốn sách đó; nhưng cách này có một khuyết điểm, đó là ta không nhận được ý nghĩa thực sự của tác phẩm mà chỉ là cách hiểu của người đã nghiên cứu nó, điều này có thể hoàn toàn khác biệt. Một phương pháp thứ hai là xem xét hào quang của cuốn sách—một cụm từ cần một chút giải thích đối với những người chưa quen với mặt ẩn giấu của sự vật.

An ancient manuscript stands in this respect in a somewhat different position from a modern book. If it is not the original work of the author himself, it has at any rate been copied word by word by some person of a certain education and understanding, who knew the subject of the book, and had his own opinions about it. It must be remembered that copying (done usually with a stylus) is almost as slow and emphatic as engraving; so that the writer inevitably impresses his thought strongly on his handiwork. Any manuscript, therefore, even a new one, has always some sort of thought-aura about it which conveys its general meaning, or rather one man' s idea of its meaning and his estimate of its value. Every time it is read by anyone an addition is made to that thought-aura, and if it be carefully studied the addition is naturally large and valuable.

Một bản thảo cổ đại đứng ở vị trí khác đôi chút so với một cuốn sách hiện đại về mặt này. Nếu nó không phải là tác phẩm gốc của chính tác giả, thì ít nhất nó cũng được sao chép từng chữ bởi một người nào đó có trình độ giáo dục và hiểu biết nhất định, người hiểu về chủ đề của cuốn sách và có quan điểm riêng về nó. Cần phải nhớ rằng việc sao chép (thường được thực hiện bằng một cái bút sắt) gần như chậm và cẩn thận như khắc; vì vậy người sao chép sẽ không thể tránh khỏi việc truyền tải suy nghĩ của mình mạnh mẽ vào tác phẩm. Do đó, bất kỳ bản thảo nào, ngay cả khi mới, luôn có một loại hào quang suy nghĩ nào đó xung quanh nó, thể hiện ý nghĩa chung của nó, hoặc đúng hơn là ý kiến của một người về ý nghĩa của nó và đánh giá của họ về giá trị của nó. Mỗi khi nó được đọc bởi bất kỳ ai, sẽ có một sự bổ sung vào hào quang suy nghĩ đó, và nếu nó được nghiên cứu kỹ lưỡng, sự bổ sung đó tất nhiên sẽ lớn và có giá trị.

This is equally true of a printed volume. A

Điều này cũng đúng với một cuốn sách in. Một

book which has passed through many hands has an aura which is usually better balanced than that of a new one, because it is rounded off and completed by the divergent views brought to it by its many readers; consequently the psychometrisation of such a book generally yields a fairly full comprehension of its contents, though with a considerable fringe of opinions not expressed in the book, but held by its various readers.

cuốn sách đã qua tay nhiều người có hào quang thường cân bằng hơn so với một cuốn sách mới, bởi vì nó đã được hoàn thiện và làm tròn bởi các quan điểm đa dạng của nhiều người đọc; do đó, việc cảm nhận hào quang của một cuốn sách như vậy thường mang lại sự hiểu biết đầy đủ hơn về nội dung của nó, mặc dù có một rìa ý kiến không được thể hiện trong cuốn sách, mà là của những độc giả khác nhau.

On the other hand, a book used in a public library is not infrequently as unpleasant psychically as it usually is physically, for it becomes loaded with all kinds of mixed magnetisms, many of them of a most unsavoury character. The sensitive person will do well to avoid such books, or if necessity compels him to use them he will be wise to touch them as little as may be, and rather to let them lie upon a table than to hold them in his hand.

Mặt khác, một cuốn sách được sử dụng trong thư viện công cộng thường không thoải mái về mặt tâm linh cũng như không dễ chịu về mặt hồng trần, vì nó bị tích tụ bởi đủ loại từ trường hỗn tạp, nhiều trong số đó rất không lành mạnh. Người nhạy cảm sẽ làm tốt khi tránh những cuốn sách như vậy, hoặc nếu buộc phải sử dụng chúng thì sẽ khôn ngoan hơn nếu chỉ chạm vào chúng khi thực sự cần thiết, và nên để chúng nằm trên bàn thay vì cầm trong tay.

Another factor to be remembered with regard to such book is that a volume written upon a special subject is most likely to be read by a particular type of person, and these readers leave their impress upon the aura of the volume. Thus a book violently advocating some sectarian religious views is not read except by persons who sympathise with its narrowness, and so it soon developes a decidedly unpleasant aura; and in the same way a book of an indecent or prurient nature quickly becomes loathsome beyond description. Old books containing magical formulae are often for this reason most uncomfortable neighbours. Even the language in which a book is printed indirectly affects its aura, by limiting its readers largely to men of a certain nationality, and so by

Một yếu tố khác cần nhớ đối với những cuốn sách như vậy là một quyển sách viết về một chủ đề đặc biệt thường được đọc bởi một kiểu người cụ thể, và những người đọc đó để lại dấu ấn của họ trong hào quang của quyển sách. Ví dụ, một quyển sách ủng hộ mạnh mẽ một quan điểm tôn giáo hẹp hòi thường chỉ được đọc bởi những người đồng cảm với sự hạn hẹp đó, và do đó nó sẽ nhanh chóng phát triển một hào quang không dễ chịu; tương tự, một quyển sách mang tính khiêu dâm hoặc đồi bại sẽ nhanh chóng trở nên kinh khủng vượt mức tưởng tượng. Những cuốn sách cổ chứa các công thức ma thuật thường vì lý do này trở thành những người bạn đồng hành rất khó chịu. Ngay cả ngôn ngữ mà một quyển sách được in ấn cũng ảnh hưởng gián tiếp đến hào quang của nó, bởi vì nó giới hạn người đọc chủ

degrees endowing it with the more prominent characteristics of that nationality.

yếu ở những người thuộc một quốc tịch nhất định, và theo thời gian sẽ dần dần trao cho nó những đặc điểm nổi bật của quốc tịch đó.

In the case of a printed book there is no original copyist, so that at the beginning of its career it usually carries nothing but disjointed fragments of the thought of the binder and bookseller. Few readers at the present day seem to study so thoughtfully and thoroughly as did the men of old, and for that reason the thought-forms connected with a modern book are rarely so precise and clear-cut as those which surround the manuscripts of the past.

Trong trường hợp một quyển sách in, không có người sao chép ban đầu, vì vậy khi nó bắt đầu hành trình của mình, nó thường không mang theo gì ngoài những mảnh rời rạc của suy nghĩ từ người đóng sách và người bán sách. Hiện nay, dường như ít người đọc cẩn thận và suy ngẫm sâu sắc như những người xưa, và vì lý do đó, các hình thái tư tưởng liên quan đến một quyển sách hiện đại hiếm khi rõ ràng và sắc nét như những gì bao quanh các bản thảo trong quá khứ.

The third method of reading requires some higher powers, in order to go behind the book or manuscript altogether and get at the mind of its author. If the book is in some foreign language, its subject entirely unknown, and there is no aura around it to give any helpful suggestion, the only way is to follow back its history to see from what it was copied (or set up in type, as the case may be) and so to trace out the line of its descent until one reaches its author. If the subject of the work be known, a less tedious method is to psychometrise that subject, get into the general current of thought about it, and so find the particular writer required, and see what he thinks. There is a sense in which all the ideas connected with a given subject may be said to be local—to be concentrated round a certain point in space—so that by mentally visiting that point one can come into touch with all the converging streams of thought about that subject, though these are linked by millions of lines with all sorts of other subjects.

Phương pháp thứ ba để đọc sách đòi hỏi một số năng lực cao hơn, nhằm đi sâu vào bên trong cuốn sách hoặc bản thảo và nắm bắt tâm trí của tác giả. Nếu quyển sách được viết bằng một ngôn ngữ nước ngoài, chủ đề hoàn toàn không được biết đến, và không có hào quang xung quanh nó để đưa ra bất kỳ gợi ý hữu ích nào, cách duy nhất là theo dõi ngược lại lịch sử của nó để xem nó đã được sao chép từ đâu (hoặc được thiết lập dưới dạng bản in, tùy trường hợp) và theo dõi dòng lịch sử của nó cho đến khi tìm ra tác giả. Nếu chủ đề của tác phẩm đã được biết đến, thì một phương pháp ít tẻ nhạt hơn là cảm nhận chủ đề đó, hòa mình vào dòng tư tưởng chung về nó, và tìm ra tác giả cụ thể, để xem suy nghĩ của Ông ta như thế nào. Có một ý nghĩa trong đó tất cả các ý tưởng liên quan đến một chủ đề cụ thể có thể nói là nằm ở một điểm nào đó trong không gian—được tập trung xung quanh một điểm nhất định—vì vậy bằng cách đến thăm điểm đó trong tâm trí, ta có thể tiếp cận tất cả các dòng tư tưởng hội tụ liên quan đến chủ đề đó, mặc dù những dòng tư tưởng này được liên kết với hàng triệu liên hệ khác nhau với các chủ đề

khác.

Another interesting power is that of magnification. There are two methods of magnification which may be used in connection with the clairvoyant faculty. One is simply an intensification of ordinary sight. It is obvious that when in common life we see anything, an impact of some sort is made upon the retina—upon its physical rods and cones. The effects there produced, or the vibrations set up, are transmitted, in some way by no means thoroughly understood, by the optic nerve to the grey matter of the brain. Clearly before the true man within can become conscious of what is seen, these impressions made upon the physical brain-matter must be transmitted from that to the etheric matter, from that in turn to the astral, and from that to the mental—these different degrees of matter being, as it were, stations on a telegraph-wire.

Một khả năng thú vị khác là phóng đại. Có hai phương pháp phóng đại có thể được sử dụng liên quan đến khả năng thông nhãn. Một phương pháp đơn giản là tăng cường khả năng thị giác thông thường. Rõ ràng là trong cuộc sống hàng ngày, khi chúng ta nhìn thấy bất cứ điều gì, một tác động nào đó sẽ diễn ra trên võng mạc—trên các tế bào que và nón của nó. Các hiệu ứng được tạo ra tại đó, hoặc các dao động được kích hoạt, được truyền bằng một cách nào đó mà chúng ta chưa hiểu rõ hoàn toàn, thông qua dây thần kinh thị giác đến chất xám của bộ não. Rõ ràng là trước khi con người thực sự nhận thức được những gì đã thấy, những ấn tượng được tạo ra trên vật chất của bộ não hồng trần phải được truyền từ đó đến vật chất dĩ thái, từ vật chất dĩ thái đến vật chất cảm dục, và từ đó đến vật chất trí tuệ—những cấp độ vật chất khác nhau này có thể được ví như các trạm trên một đường dây điện tín.

One method of magnification is to tap this telegraph-wire at an intermediate station—to receive the impression upon the etheric matter of the retina instead of upon the physical rods and cones, and to transfer the impression received directly to the etheric part of the brain By an effort of will the attention can be focussed in only a few of the etheric particles, or even in one of them, and in that way a similarity of size can be attained between the organ employed and some minute object which is to be observed.

Một phương pháp phóng đại là kết nối với "đường dây điện tín" này tại một trạm trung gian—nhận lấy ấn tượng từ vật chất dĩ thái của võng mạc thay vì từ các tế bào que và nón của võng mạc hồng trần, và chuyển trực tiếp ấn tượng nhận được đến phần dĩ thái của bộ não. Bằng một nỗ lực ý chí, sự chú ý có thể tập trung vào một vài hạt dĩ thái, hoặc thậm chí chỉ một hạt duy nhất, và theo cách đó, có thể đạt được một kích thước tương đồng giữa cơ quan được sử dụng và một vật thể nhỏ bé cần được quan sát.

A method more commonly used, but requiring somewhat higher development, is to employ the special faculty of the centre between the eyebrows. From the central

Một phương pháp khác, thường được sử dụng hơn, nhưng đòi hỏi sự phát triển cao hơn, là sử dụng khả năng đặc biệt của trung tâm giữa hai lông mày. Từ phần trung tâm của nó, có thể

portion of that can be projected what we may call a tiny microscope, having for its lens only one atom. In this way again we produce an organ commensurate in size with the minute objects to be observed. The atom employed may be either physical, astral or mental, but whichever it is it needs a special preparation. All its spirillae must be opened up and brought into full working order, so that it is just as it will be in the seventh round of our chain.

tạo ra một dạng kính hiển vi nhỏ, với thấu kính chỉ là một nguyên tử. Bằng cách này, chúng ta tạo ra một cơ quan có kích thước phù hợp với những vật thể nhỏ cần quan sát. Nguyên tử được sử dụng có thể là nguyên tử hồng trần, cảm dục, hoặc trí tuệ, nhưng dù là nguyên tử nào, nó cũng cần được chuẩn bị đặc biệt. Tất cả các the loa tuyến xoắn của nó phải được mở ra và đưa vào trạng thái hoạt động hoàn toàn, để nó trở nên giống như sẽ được sử dụng trong vòng thứ bảy của chuỗi hành tinh của chúng ta.

This power belongs to the causal body, so if an atom of lower level be used as an eye-piece a system of reflecting counterparts must be introduced. The atom can be adjusted to any subplane, so that any required degree of magnification can be applied in order to suit the object which is being examined. A further extension of the same power enables the operator to focus his own consciousness in that lens through which he looks, and then to project it to distant points. The same power, by a different arrangement, can be used for diminishing purposes when one wishes to view as a whole something far too large to be taken in at once by ordinary vision.

Khả năng này thuộc về thể nguyên nhân, vì vậy nếu một nguyên tử ở cấp thấp hơn được sử dụng như một thị kính, thì cần có một hệ thống các ảnh phản chiếu giữa các đối thể khác nhau. Nguyên tử có thể được điều chỉnh cho phù hợp với bất kỳ cõi phụ nào, do đó bất kỳ mức độ phóng đại cần thiết nào cũng có thể được áp dụng để phù hợp với vật thể đang được quan sát. Một mở rộng khác của khả năng này cho phép người vận hành tập trung ý thức của mình vào thấu kính mà y đang quan sát, và sau đó chiếu ý thức đó đến các điểm xa. Khả năng tương tự, bằng cách sắp xếp khác, có thể được sử dụng cho mục đích thu nhỏ khi người ta muốn quan sát toàn bộ một thứ quá lớn để có thể được bao quát bằng thị giác thông thường.

THE MYSTIC CHORD—HỢP ÂM THẦN BÍ

Questions have often been asked as to the method by which a person at a distance of some thousands of miles can be instantly found by a trained clairvoyant. Apparently this remains somewhat of a mystery to many,

Những câu hỏi thường được đặt ra về phương pháp mà một người cách xa hàng ngàn dặm có thể được tìm thấy ngay lập tức bởi một người có thông nhãn được huấn luyện. Dường như điều này vẫn là một bí ẩn đối với nhiều người,

so I will endeavour to give an explanation of the plan commonly adopted, though it is not easy to put it quite plainly. A clear expression of super-physical facts cannot be achieved in physical words, for the latter are always to some extent misleading even when they seem most illuminative.

vì vậy tôi sẽ cố gắng giải thích kế hoạch thường được áp dụng, mặc dù không dễ để trình bày rõ ràng. Việc biểu đạt rõ ràng các sự thật siêu hồng trần không thể đạt được bằng ngôn từ hồng trần, vì ngôn từ này luôn có phần nào đó gây hiểu lầm, ngay cả khi chúng có vẻ rất minh bạch.

Man's various forces and qualities, manifesting in his bodies as vibrations, send out for each vehicle what may be called a keynote. Take his astral body as an example. From the number of different vibrations which are habitual to that astral body there emerges a sort of average tone, which we may call the keynote of the man on the astral plane. It is obviously conceivable that there may be a considerable number of ordinary men whose astral keynote is practically the same, so that this alone would not suffice to distinguish them with certainty. But there is a similar average tone for each man' s mental body, for his causal body, and even for the etheric part of his physical body; and there have never yet been found two persons whose keynotes were identical at all these levels, so as to make exactly the same chord when struck simultaneously.

Các lực và phẩm tính khác nhau của con người, thể hiện trong các thể của y như các dao động, phát ra một "chìa khóa" riêng cho từng thể. Lấy thể cảm dục của con người làm ví dụ. Từ số lượng các dao động khác nhau thường xuyên diễn ra trong thể cảm dục đó, một loại âm thanh trung bình xuất hiện, mà chúng ta có thể gọi là "chủ âm" của con người trên cõi cảm dục. Rõ ràng có thể có nhiều người bình thường có cùng chủ âm cảm dục, vì vậy điều này một mình sẽ không đủ để phân biệt họ với sự chắc chắn. Nhưng mỗi người còn có một "chủ âm" tương tự cho thể trí, thể nguyên nhân, và thậm chí là phần dĩ thái của thể xác. Và chưa từng có trường hợp nào hai người có cùng chủ âm trên tất cả các mức độ, tạo thành một hợp âm hoàn toàn giống nhau khi được phát ra cùng lúc.

Thus the chord of each man is unique, and it furnishes a means by which he can always be distinguished from the rest of the world. Among millions of primitive savages there may possibly be cases where development is as yet so slight that the chords are scarcely clear enough for the differences between them to be observed, but with any of the higher races there is never the least difficulty, nor is there any risk of confusion.

Như vậy, hợp âm của mỗi người là duy nhất và nó cung cấp một phương tiện để luôn có thể phân biệt họ với thế giới. Trong số hàng triệu người dã man nguyên thủy, có thể có những trường hợp sự phát triển của họ còn quá thấp để hợp âm của họ chưa đủ rõ ràng để quan sát được sự khác biệt giữa chúng, nhưng với bất kỳ ai thuộc các chủng tộc cao hơn, không bao giờ có chút khó khăn nào, cũng không có nguy cơ nhầm lẫn.

Whether the man be sleeping or waking,

Dù người đó đang ngủ hay thức, sống hay đã

living or dead, his chord remains the same, and he can always be found by it. How can this be so, it may be asked, when he is resting in the heaven-world, and has therefore no astral or etheric body to emit the characteristic sounds? So long as the causal body itself remains, it has always attached to it its permanent atoms, one belonging to each of the planes, and therefore, wherever he goes, the man in his causal body carries his chord with him, for the single atom is quite sufficient to give out the distinctive sound.

chết, hợp âm của y vẫn không thay đổi, và y luôn có thể được tìm thấy nhờ hợp âm đó. Có thể có câu hỏi rằng làm sao điều này lại đúng khi người đó đang ở trong cõi thiên đường và do đó không còn thể cảm dục hoặc thể dĩ thái để phát ra các âm thanh đặc trưng? Miễn là thể nguyên nhân vẫn còn, nó luôn gắn với các nguyên tử thường tồn, mỗi nguyên tử thuộc về một trong các cõi, do đó, ở bất kỳ nơi nào y đi, y vẫn mang theo hợp âm của mình, vì chỉ cần một nguyên tử là đủ để phát ra âm thanh đặc trưng.

The trained seer, who is able to sense the chord, attunes his own vehicles for the moment exactly to its notes, and then by an effort of will sends forth its sound. Wherever in the three worlds that man who is sought may be, this evokes an instantaneous response from him. If he be living in the physical body, it is quite possible that in that lower vehicle he may be conscious only of a slight shock, and may not in the least know what has caused it. But his causal body lights up instantly; it leaps up like a great flame, and this response is at once visible to the seer, so that by that one action the man is found, and a magnetic line of communication is established. The seer can use that line as a kind of telescope, or if he prefers he can send his consciousness flashing along it with the speed of light, and see from the other end of it, as it were.

Người thông nhãn được huấn luyện, người có thể cảm nhận hợp âm, điều chỉnh các thể của mình theo đúng các nốt của hợp âm đó và sau đó bằng một nỗ lực ý chí phát ra âm thanh của nó. Ở bất cứ nơi nào trong ba cõi, người được tìm kiếm sẽ đáp lại ngay lập tức. Nếu người đó còn sống trong thể xác, có thể trong thể này y chỉ nhận thấy một chút chấn động và không hề biết nguyên nhân từ đâu. Nhưng thể nguyên nhân của y sẽ lập tức phát sáng; nó bùng lên như một ngọn lửa lớn, và phản ứng này ngay lập tức hiện rõ với người thông nhãn, nhờ đó người ta có thể tìm thấy người đó và một đường dây liên lạc từ tính được thiết lập. Người thông nhãn có thể sử dụng đường dây đó như một loại kính viễn vọng, hoặc nếu y muốn, y có thể gửi ý thức của mình dọc theo đường dây đó với tốc độ ánh sáng và quan sát từ đầu kia của nó, như thể đang nhìn từ xa.

The combination of sounds which will produce a man' s chord is his true occult name; and it is in this sense that it has been said that when a man' s true name is called he instantly replies, wherever he may be. Some vague tradition of this is probably at the back of the idea so widely spread among savage nations,

Hợp âm của một người là tên huyền bí thực sự của y; và theo nghĩa này, người ta đã nói rằng khi tên thật của một người được gọi, y lập tức đáp lại, bất kể y ở đâu. Sự kết hợp của các âm thanh tạo nên hợp âm của một người chính là tên huyền bí thực sự của y; và theo nghĩa này, người ta đã nói rằng khi tên thật của một

that a man' s real name is a part of him, and must be carefully concealed, because one who knows it has a certain power over him, and can work magic upon him. Thus also it is said that the man' s true name is changed at each initiation, since each such ceremony is at once the official recognition and the fulfilment of a progress by which he has, as it were, raised himself into a higher key, putting an additional strain upon the strings of his instrument, and evoking from it far grander music, so that thence-forward his chord must be sounded differently. This name of the man must not be confused with the hidden name of the Augoeides, for that is the chord of the three principles of the ego, produced by the vibrations of the âtmic, buddhic and mental atoms, and the monad behind them.

người được gọi, y lập tức đáp lại, dù y ở bất kỳ đâu. Một truyền thống mơ hồ nào đó về điều này có lẽ là nguồn gốc của ý tưởng được phổ biến rộng rãi ở các dân tộc man rợ rằng tên thật của một người là một phần của y, và phải được giữ kín cẩn thận, vì ai biết tên đó sẽ có một quyền lực nhất định đối với y và có thể sử dụng ma thuật để tác động lên y. Cũng vì vậy mà tên của người đó được thay đổi sau mỗi lần điểm đạo, vì mỗi nghi thức điểm đạo như vậy chính là sự công nhận chính thức và sự hoàn tất của một sự tiến bộ, trong đó người đó như thể đã nâng mình lên một âm khóa cao hơn, căng các dây của nhạc cụ của mình thêm nữa và phát ra những âm nhạc tráng lệ hơn nhiều, do đó từ thời điểm đó trở đi, hợp âm của y phải được phát ra khác đi. Tên của người đó không nên nhầm lẫn với tên ẩn giấu của Augoeides, vì đó là hợp âm của ba nguyên lý của Chân ngã, được tạo ra bởi các dao động của các nguyên tử ở cõi atmic, bồ đề và trí tuệ, và của chân thần phía sau chúng.

In order to avoid such confusion we must keep clearly in mind the distinction between two manifestations of the man at different levels. The correspondence between these two manifestations is so close that we may almost consider the lower as the repetition of the higher. The ego is triple, consisting of âtmâ, buddhi, manas, three constituents each existing on its own plane—the âtmâ on the nirvânic, the buddhi on the buddhic, and the manas on the highest level of the mental. This ego inhabits a causal body, a vehicle built of the matter of the lowest of the three planes to which he belongs. He then puts himself further down into manifestation, and takes three lower vehicles, the mental, astral and physical bodies. His chord in this lower manifestation is that which we have been

Để tránh sự nhầm lẫn như vậy, chúng ta phải giữ rõ sự phân biệt giữa hai biểu hiện của con người ở các mức độ khác nhau. Mối tương quan giữa hai biểu hiện này rất chặt chẽ đến mức chúng ta gần như có thể coi biểu hiện thấp hơn như sự lặp lại của biểu hiện cao hơn. Chân ngã là tam phân, bao gồm atma, buddhi, manas, ba yếu tố tồn tại trên cõi của riêng chúng — atma trên cõi niết bàn, buddhi trên cõi bồ đề, và manas trên cấp cao nhất của cõi trí. Chân ngã này cư ngụ trong thể nguyên nhân, một phương tiện được xây dựng từ vật chất của cõi thấp nhất trong ba cõi mà y thuộc về. Sau đó, chân ngã tự đưa mình xuống thấp hơn trong biểu hiện và nhận lấy ba thể thấp hơn là thể trí, thể cảm dục và thể xác. Hợp âm của y trong biểu hiện thấp hơn này chính là hợp âm mà chúng ta đã mô tả, bao gồm nốt nhạc của chân

describing, and consists of his own note and those of the three lower vehicles.

ngã và của ba thể thấp hơn.

Just as the ego is triple, so is the monad, and this also has its three constituents, each existing on its own plane; but in this case the three planes are the first, second and third of our system, and the nirvânic is the lowest of them instead of the highest. But on that nirvânic level it takes to itself a manifestation, and we call it the monad in its âtmic vehicle, or sometimes the triple âtmâ or triple spirit; and this is for it what the causal body is for the ego. Just as the ego takes on three lower bodies (mental, astral, physical), the first of which (the mental) is on the lower part of his own plane, and the lowest (the physical) two planes below, so the monad takes on three lower manifestations (which we commonly call âtmâ, buddhi, manas), the first of which is on the lower part of his plane, and the lowest two planes below that. It will thus be seen that the causal body is to the monad what the physical body is to the ego. If we think of the ego as the soul of the physical body, we may consider the monad as the soul of the ego in turn. Thus the chord of the Augoeides (the glorified ego in his causal body) consists of the note of the monad, with those of its three manifestations, âtmâ, buddhi, manas.

Cũng giống như chân ngã là tam phân, chân thần cũng vậy, và điều này cũng bao gồm ba yếu tố, mỗi yếu tố tồn tại trên cõi của riêng nó; nhưng trong trường hợp này, ba cõi là cấp đầu tiên, thứ hai và thứ ba của hệ thống chúng ta, và cõi niết bàn là thấp nhất của chúng thay vì cao nhất. Nhưng ở cấp niết bàn đó, nó lấy cho mình một biểu hiện, và chúng ta gọi nó là chân thần trong phương tiện atmic của nó, hoặc đôi khi là "tam phân atma" hay "tam linh". Điều này đối với nó tương đương với thể nguyên nhân đối với chân ngã. Cũng giống như chân ngã lấy ba thể thấp hơn (thể trí, thể cảm dục, thể xác), thể đầu tiên (thể trí) thuộc về phần thấp hơn của cõi của chính nó, và thể thấp nhất (thể xác) thì thuộc hai cõi thấp hơn; chân thần cũng nhận lấy ba biểu hiện thấp hơn mà chúng ta thường gọi là atma, buddhi, và manas, thể đầu tiên trong số đó nằm ở phần thấp hơn của cõi của chính nó, và thể thấp nhất thì nằm hai cõi dưới nó. Do đó, thể nguyên nhân tương ứng với chân thần giống như thể xác tương ứng với chân ngã. Nếu chúng ta coi chân ngã như là linh hồn của thể xác, thì chúng ta có thể coi chân thần như là linh hồn của chân ngã. Vì vậy, hợp âm của Augoeides (chân ngã vinh quang trong thể nguyên nhân của y) bao gồm nốt nhạc của chân thần cùng với các nốt của ba biểu hiện của nó: atma, buddhi, và manas.

It must be understood that the chord cannot be accurately considered as sound in the sense in which we use that word on this plane. It has been suggested to me that an analogy which is in some respects better is that of the combination of lines in a spectrum. Each of the elements whose spectrum is known to us

Chúng ta cần hiểu rằng hợp âm không thể được xem xét chính xác như âm thanh theo nghĩa mà chúng ta sử dụng từ này trong cõi trần. Đã có người gợi ý rằng một sự tương tự phù hợp hơn phần nào là sự kết hợp các vạch trong một quang phổ. Mỗi yếu tố có quang phổ riêng của nó đều có thể nhận biết ngay lập tức,

is instantly recognisable by it, in whatever star it may appear, no matter how great the distance may be—so long as the lines are bright enough to be seen at all. But the chord of which we have been speaking is not actually either heard or seen; it is received by a complex perception which requires the practically simultaneous activity of the consciousness in the causal body and in all the lower vehicles.

dù nó xuất hiện ở ngôi sao nào, bất kể khoảng cách có xa đến đâu — miễn là các vạch đủ sáng để có thể nhìn thấy. Tuy nhiên, hợp âm mà chúng ta đã đề cập không thực sự được nghe hay nhìn thấy; nó được tiếp nhận thông qua một nhận thức phức hợp, đòi hỏi hoạt động gần như đồng thời của ý thức trong thể nguyên nhân và tất cả các thể thấp hơn.

Even with regard to ordinary astral perception it is misleading (though practically unavoidable) to speak of “hearing” and “seeing.” These terms connote for us the idea of certain sense-organs which receive impressions of a well-defined type. To see implies the possession of an eye, to hear implies the existence of an ear. But no such sense-organs are to be found on the astral plane. It is true that the astral body is an exact counterpart of the physical, and that it consequently shows eyes and ears, nose and mouth, hands and feet, just as the latter does. But when functioning in the astral body we do not walk upon the astral counterparts of our physical feet, nor do we see and hear with the counterparts of our physical eyes and ears.

Ngay cả khi nói đến nhận thức thông thường trên cõi cảm dục, việc nói "nghe" hay "nhìn" cũng dễ gây hiểu nhầm (dù thực tế khó có cách diễn đạt nào khác). Các từ này gợi ý về ý tưởng rằng có các cơ quan cảm giác cụ thể nhận các ấn tượng của một dạng đã được xác định rõ. Nhìn đòi hỏi phải có con mắt, và nghe đòi hỏi phải có tai. Nhưng không có các cơ quan cảm giác như vậy trên cõi cảm dục. Sự thật là thể cảm dục là một đối phần chính xác của thể xác, và do đó, nó hiển thị mắt và tai, mũi và miệng, tay và chân, giống hệt như thể xác. Nhưng khi chúng ta hoạt động trong thể cảm dục, chúng ta không bước đi trên các phiên bản cảm dục của đôi chân thể xác, cũng không nhìn và nghe bằng các phiên bản cảm dục của mắt và tai thể xác.

Each particle in an astral body is capable of receiving a certain set of vibrations—those belonging to its own level, and those only. If we divide all astral vibrations into seven sets, just like seven octaves in music, each octave will correspond to a sub-plane, and only a particle in the astral body which is built of matter belonging to that subplane can respond to the vibrations of that octave. So “to be upon a certain sub-plane in the astral” is to have developed the sensitiveness of only those particles in one’ s astral body which

Mỗi hạt trong thể cảm dục đều có khả năng tiếp nhận một tập hợp các dao động nhất định — những dao động thuộc về cấp độ riêng của nó, và chỉ những dao động đó mà thôi. Nếu chúng ta chia tất cả các dao động trên cõi cảm dục thành bảy tập hợp, giống như bảy quãng tám trong âm nhạc, mỗi quãng tám sẽ tương ứng với một cõi phụ, và chỉ một hạt trong thể cảm dục được xây dựng từ vật chất thuộc cõi phụ đó mới có thể phản ứng với các dao động của quãng tám đó. Vì vậy, "ở trên một cõi phụ nào đó trong cõi cảm dục" có nghĩa là đã phát

belong to that subplane, so that one can perceive the matter and the inhabitants of that sub-plane only. To have perfect vision upon the astral plane means to have developed sensitiveness in all particles of the astral body, so that all the sub-planes are simultaneously visible.

triển sự nhạy cảm của chỉ những hạt thuộc về cõi phụ đó trong thể cảm dục của một người, để người đó có thể nhận thức được vật chất và cư dân của cõi phụ đó mà thôi. Để có tầm nhìn hoàn hảo trên cõi cảm dục có nghĩa là phải phát triển sự nhạy cảm ở tất cả các hạt trong thể cảm dục, để có thể nhìn thấy tất cả các cõi phụ cùng lúc.

Even though a man has developed the particles of one sub-plane only, if those are fully developed he will have on that sub-plane a power of perception equivalent to all of our physical senses. If he perceives an object at all, he will in that one act of perception receive from it an impression which conveys all that we learn down here through those various channels which we call the senses; he will simultaneously see, hear and feel it. The instantaneous perception which belongs to higher planes is still further removed from the clumsy and partial action of the physical senses.

Ngay cả khi một người chỉ phát triển được các hạt thuộc về một cõi phụ, nếu những hạt đó được phát triển hoàn toàn, người đó sẽ có khả năng nhận thức trên cõi phụ đó tương đương với tất cả các giác quan mà chúng ta có ở cõi trần. Nếu người đó nhận thức được một đối tượng, thì chỉ bằng một hành động nhận thức đó, họ sẽ nhận được từ đối tượng một ấn tượng mang lại tất cả những gì chúng ta học được ở cõi trần thông qua các kênh mà chúng ta gọi là giác quan; họ sẽ đồng thời thấy, nghe, và cảm nhận nó. Sự nhận thức tức thời thuộc về các cõi cao hơn lại càng khác xa hơn với hành động vụng về và không trọn vẹn của các giác quan trần tục.

In order to see how the chord helps the clairvoyant to find any given person, it must also be understood that the vibrations which cause it are communicated by the man to any object which is for some time in close contact with him, and therefore permeated by his magnetism. A lock of his hair, an article of clothing which he has worn, a letter which he has written—any of these is sufficient to give the chord to one who knows how to perceive it. It can also be obtained very readily from a photograph, which seems more curious, since the photograph need not have been in direct contact with the person whom it represents. Even untrained clairvoyants, who have no scientific knowledge of the subject,

Để hiểu cách hợp âm giúp nhà thông nhãn tìm thấy bất kỳ ai, chúng ta cần hiểu rằng những rung động tạo ra hợp âm được truyền sang bất kỳ vật thể nào có thời gian tiếp xúc lâu dài với người đó và do đó được thấm nhuần bởi từ tính của họ. Một lọn tóc của họ, một món quần áo mà họ đã mặc, hay một bức thư mà họ đã viết —bất kỳ thứ nào trong số này đều đủ để cung cấp hợp âm cho người biết cách cảm nhận nó. Nó cũng có thể dễ dàng được thu nhận từ một bức ảnh, điều này có vẻ kỳ lạ hơn, vì bức ảnh không nhất thiết phải có liên hệ trực tiếp với người mà nó đại diện. Ngay cả những nhà thông nhãn chưa được đào tạo, những người không có kiến thức khoa học về chủ đề này, cũng theo bản năng nhận ra sự cần thiết của

instinctively recognize the necessity of bringing themselves en rapport with those whom they seek by means of some such objects.

việc tạo ra sự liên kết với những người mà họ tìm kiếm thông qua một số đối tượng như vậy.

It is not necessary for the seer to hold the letter in his hand while examining the case, or even to have it near him. Having once held the letter and sensed the chord, he is able to remember it and reproduce it, just as any one with a good memory might remember a face after seeing it once. Some such link as this is always necessary to find a person previously unknown. We had recently a case of a man who had died somewhere in the Congo district, but as no photograph of him was sent by the friend who wrote about him, it was necessary first to seek that friend (somewhere in Scandinavia, I think) and make a contact in a roundabout way through him.

Không cần thiết người thông nhãn phải cầm bức thư trong tay khi đang xem xét một trường hợp, hay thậm chí là phải có nó ở gần. Một khi đã cầm bức thư và cảm nhận được hợp âm, người đó có thể nhớ và tái tạo lại nó, giống như một người có trí nhớ tốt có thể nhớ một khuôn mặt sau khi đã nhìn thấy nó một lần. Một số liên kết như vậy luôn là cần thiết để tìm kiếm một người chưa được biết đến trước đó. Gần đây, chúng tôi có một trường hợp của một người đàn ông đã qua đời ở đâu đó trong vùng Congo, nhưng vì không có bức ảnh nào của ông ấy được gửi bởi người bạn đã viết thư về ông ấy, nên trước tiên chúng tôi phải tìm kiếm người bạn đó (ở đâu đó tại Scandinavia, tôi nghĩ) và tạo ra sự liên kết theo cách gián tiếp thông qua người bạn đó.

There are, however, other methods of finding people at a distance. One which is most effective requires higher development than that just described. A man who is able to raise his consciousness to the atomic level of the buddhic plane there finds himself absolutely in union with all his fellowmen—and therefore of course among the rest with the person whom he seeks. He draws his consciousness up into this unity along his own line, and he has only to put himself out again along the line of that other person in order to find him. There are always various ways of exercising clairvoyance, and each student employs that which comes most naturally to him. If he has not fully studied his subject, he often thinks his own method the only one possible, but wider knowledge soon

Tuy nhiên, có những phương pháp khác để tìm người ở khoảng cách xa. Một phương pháp hiệu quả nhất đòi hỏi sự phát triển cao hơn so với phương pháp đã mô tả trước đó. Một người có khả năng nâng cao tâm thức của mình lên cấp độ nguyên tử của cõi Bồ Đề sẽ thấy mình hoàn toàn hòa nhập với tất cả đồng loại của mình — và do đó, tất nhiên bao gồm cả người mà y đang tìm kiếm. Y kéo tâm thức của mình lên hòa nhập trong sự thống nhất này dọc theo đường của chính mình, và chỉ cần phát triển ra ngoài dọc theo đường của người kia để tìm thấy họ. Luôn có nhiều cách để thực hiện thông nhãn, và mỗi học viên sử dụng phương pháp mà mình thấy tự nhiên nhất. Nếu người đó chưa nghiên cứu kỹ lưỡng chủ đề của mình, họ thường nghĩ rằng phương pháp của mình là cách duy nhất có thể, nhưng kiến thức rộng

disabuses him of that idea.

hơn sẽ nhanh chóng giúp họ từ bỏ ý tưởng đó.

HOW PAST LIVES ARE SEEN
CÁC KIẾP SỐNG QUÁ KHỨ ĐƯỢC NHÌN THẤY NHƯ THẾ NÀO

As a series of past lives of enthralling interest has recently been published in The Theosophist, many enquiries have been received as to the exact method by which the record of such lives is read by the investigators. It is not easy to explain the matter satisfactorily to those who have not themselves the power to see them, but some attempt at a description of the process may at least help students on the way towards comprehension.

Vì một loạt các kiếp sống trong quá khứ đầy hấp dẫn vừa mới được công bố trên The Theosophist, nhiều câu hỏi đã được gửi đến về phương pháp chính xác mà các nhà nghiên cứu sử dụng để đọc lại những ký ức về các kiếp sống đó. Không dễ để giải thích vấn đề này một cách thỏa đáng cho những người không có khả năng tự nhìn thấy chúng, nhưng một nỗ lực mô tả quá trình này có thể ít nhất giúp các học viên tiến gần hơn đến sự hiểu biết.

To begin with, it is by no means easy to explain what the record is which is to be read. A suggestion leading towards an idea of it may perhaps be obtained by imagining a room with a huge pier-glass at one end. Everything which took place in that room would be reflected in that mirror. If we further suppose that mirror to be endowed with the properties of a kind of perpetual cinematograph, so that it records all which it reflects, and can afterwards under certain circumstances be made to reproduce it, we have advanced one stage towards understanding how the record presents itself. But we must add to our conception qualities which no mirror ever possessed—the power to reproduce all sounds as a phonograph does, and also to reflect and reproduce thoughts and feelings.

Đầu tiên, không dễ để giải thích chính xác hồ sơ cần được đọc là gì. Một gợi ý để hình dung về nó có thể được hiểu qua việc tưởng tượng một căn phòng với một chiếc gương lớn ở một đầu. Mọi thứ xảy ra trong căn phòng đó sẽ được phản chiếu trong gương. Nếu chúng ta giả định thêm rằng chiếc gương đó được ban cho các đặc tính của một loại máy chiếu hình ảnh không ngừng, vì vậy nó ghi lại tất cả những gì nó phản chiếu, và sau đó dưới một số điều kiện nhất định có thể tái hiện lại, chúng ta đã tiến một bước gần hơn đến việc hiểu cách thức hồ sơ tự thể hiện. Nhưng chúng ta cũng phải thêm vào khái niệm của chúng ta những phẩm chất mà không một chiếc gương nào từng sở hữu—khả năng tái hiện tất cả âm thanh như một chiếc máy ghi âm, và cũng phản chiếu và tái hiện suy nghĩ và cảm xúc.

Then we must further try to understand what the reflection in a mirror really is. If two

Sau đó, chúng ta phải cố gắng hiểu sự phản chiếu trong một chiếc gương thực sự là gì. Nếu

persons stand in relation to a mirror so that each sees in it not himself but the other, it is obvious that the same area of glass is reflecting the two images. Therefore if we suppose the glass to retain permanently every image which has ever been cast upon it (perhaps it actually does!) it is again clear that the same part of the glass must be simultaneously recording those two images. Move up and down and from side to side, and you will soon convince yourself that every particle of glass must be simultaneously recording every part of every object in the room, and that what you happen to see in it depends upon the position of your eye. Hence it also follows that no two people can ever see at the same moment exactly the same reflection in a mirror, any more than two people can see the same rainbow, because two physical eyes cannot simultaneously occupy exactly the same point in space.

hai người đứng đối diện với một chiếc gương sao cho mỗi người không nhìn thấy chính mình mà thấy người kia, rõ ràng là cùng một khu vực của kính đang phản chiếu hai hình ảnh. Do đó, nếu chúng ta giả định rằng kính giữ lại vĩnh viễn mọi hình ảnh từng được phản chiếu lên nó (có thể nó thực sự làm vậy!) thì rõ ràng là cùng một phần của kính phải đồng thời ghi lại cả hai hình ảnh đó. Di chuyển lên xuống và từ bên này sang bên kia, bạn sẽ nhanh chóng nhận ra rằng mọi phần tử của kính phải đồng thời ghi lại mọi phần của mọi đối tượng trong phòng, và những gì bạn nhìn thấy trong đó phụ thuộc vào vị trí của mắt bạn. Do đó, cũng có thể nói rằng không hai người nào có thể nhìn thấy cùng một lúc chính xác cùng một hình ảnh phản chiếu trong gương, cũng như không ai có thể nhìn thấy cùng một cầu vồng, vì hai mắt hồng trần không thể đồng thời chiếm giữ cùng một điểm trong không gian.

What we have supposed to happen with regard to the particles of our mirror does really happen with regard to every particle of every substance. Every stone by the roadside contains an indelible record of everything that has ever passed it, but this record cannot (so far as we yet know) be recovered from it so as to be visible to the ordinary physical senses, though the more developed sense of the psychometrist perceives it without difficulty.

Những gì chúng ta giả định xảy ra đối với các phần tử của chiếc gương thực sự xảy ra đối với mọi phần tử của mọi vật chất. Mọi viên đá bên vệ đường chứa một hồ sơ không thể xóa nhòa về mọi thứ đã từng xảy ra xung quanh nó, nhưng hồ sơ này (trong chừng mực mà chúng ta biết cho đến nay) không thể được phục hồi để có thể nhìn thấy bằng các giác quan hồng trần thông thường, mặc dù giác quan phát triển hơn của nhà trắc tâm có thể nhận thấy nó mà không gặp khó khăn.

How is it possible, men ask, for an inanimate particle to register and reproduce impressions? The answer is that the particle is not inanimate, and that the life which ensouls it is part of the Divine Life. Indeed, another way in which one may attempt to describe the record is to say that it is the memory of the

Người ta có thể hỏi làm sao một phần tử vô tri có thể ghi lại và tái hiện những ấn tượng? Câu trả lời là phần tử đó không vô tri, và sự sống tồn tại trong nó là một phần của Sự Sống Thiêng Liêng. Thực ra, một cách khác để miêu tả hồ sơ này là nói rằng đó là ký ức của chính Thượng Đế (LOGOS), và mỗi phần tử có

LOGOS Himself, and that each particle is somehow in touch with that part of that memory which includes the events which have taken place in its neighbourhood, or what we may call within sight of it. It is probable that what we call our memory is nothing but a similar power of coming into touch (though often very imperfectly) with that part of His memory which refers to events which we happen to have seen or known.

liên kết với phần ký ức đó bao gồm các sự kiện đã xảy ra trong tầm nhìn của nó. Có lẽ, những gì chúng ta gọi là ký ức của mình không gì khác hơn là khả năng tương tự trong việc kết nối (mặc dù thường không hoàn hảo) với phần ký ức của Ngài, liên quan đến các sự kiện mà chúng ta đã từng chứng kiến hoặc biết đến.

So we might say that every man carries about with him on the physical plane two memories of anything which he has seen—his brain-memory, which is often imperfect or inaccurate, and the memory enshrined in any unchanged particles of his body or of the clothes that he wears, which is always perfect and accurate, but is available only for those who have learnt how to read it. Remember also that the brain-memory may be inaccurate, not only because it is itself imperfect, but because the original observation may have been defective. Also that it may have been coloured by prejudice: we see, to a large extent, what we wish to see, and we can remember an event only as it appeared to us, though we may have seen it partially or wrongly. But from all these defects the record is entirely free.

Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng mỗi người mang trong mình trên cõi hồng trần hai ký ức về bất kỳ điều gì họ đã nhìn thấy—ký ức của bộ não, vốn thường không hoàn hảo hoặc không chính xác, và ký ức được ghi lại trong bất kỳ phần tử không thay đổi nào của cơ thể hoặc quần áo mà họ mặc, luôn hoàn hảo và chính xác, nhưng chỉ có thể tiếp cận được với những ai đã học cách đọc nó. Cần nhớ rằng ký ức của bộ não có thể không chính xác, không chỉ vì nó không hoàn hảo, mà còn vì sự quan sát ban đầu có thể đã bị sai sót. Nó cũng có thể đã bị tô màu bởi định kiến: chúng ta phần lớn nhìn thấy những gì mình muốn thấy, và chúng ta chỉ có thể nhớ một sự kiện như nó đã xuất hiện trước mắt ta, mặc dù ta có thể đã nhìn thấy nó một cách không đầy đủ hoặc sai lệch. Nhưng hồ sơ thì hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi những khuyết điểm đó.

It is obvious that a man' s physical body can have neither a memory nor a record of a past incarnation in which it did not participate; and the same is true of his astral and mental bodies, since all these vehicles are new for each new incarnation. This at once shows us that the lowest level at which we can hope to get really reliable information about past lives is that of the causal body, for nothing below

Rõ ràng rằng thể xác của một người không thể có ký ức hay hồ sơ về một lần tái sinh trước mà nó không tham gia; và điều tương tự cũng đúng với thể cảm dục và thể trí của y, vì tất cả các phương tiện này đều mới cho mỗi lần tái sinh mới. Điều này ngay lập tức cho chúng ta thấy rằng cấp độ thấp nhất mà chúng ta có thể hy vọng có được thông tin thực sự đáng tin cậy về các kiếp sống trước là ở cấp độ của thể

that can give us first-hand evidence. In those previous lives the ego in his causal body was present—at least a certain small part of him was—and so he is an actual witness; whereas all lower vehicles were not witnesses, and can only report what they have received from him. When we recollect how imperfect is the communication between the ego and the personality in the ordinary man, we shall at once see how entirely unreliable such second, third, or fourth-hand testimony is likely to be. One may sometimes obtain from the astral or mental bodies isolated pictures of events in a man' s past life, but not a sequential and coherent account of it; and even those pictures are but reflections from the causal body, and probably very dim and blurred reflections.

nguyên nhân, vì không có gì thấp hơn có thể cung cấp bằng chứng trực tiếp. Trong những kiếp sống trước, chân ngã trong thể nguyên nhân đã có mặt—ít nhất là một phần nhỏ của nó—và do đó, nó là một nhân chứng thực sự; trong khi tất cả các phương tiện thấp hơn không phải là nhân chứng, và chỉ có thể báo cáo những gì chúng đã nhận được từ chân ngã. Khi chúng ta nhớ lại sự không hoàn hảo trong việc truyền đạt giữa chân ngã và phàm ngã trong con người thông thường, chúng ta sẽ ngay lập tức nhận ra rằng những lời chứng thứ hai, thứ ba, hay thứ tư như vậy có khả năng hoàn toàn không đáng tin cậy đến mức nào. Đôi khi người ta có thể nhận được từ thể cảm dục hoặc thể trí những hình ảnh rời rạc về các sự kiện trong kiếp sống trước của một người, nhưng không phải là một bản tường thuật liên tục và mạch lạc; và thậm chí những hình ảnh đó chỉ là sự phản chiếu từ thể nguyên nhân, và có lẽ rất mờ nhạt và không rõ ràng.

Therefore to read past lives with accuracy the first thing necessary is to develope the faculties of the causal body. Turning those faculties upon the causal body of the man to be examined, we have before us the same two possibilities as in the case of the physical man. We can take the ego's own memory of what happened, or we can as it were psychometrise him and see for ourselves the experiences through which he has passed. The latter method is the safer, for even the ego, since he has seen these things through a past personality, may have imperfect or prejudiced impressions of them.

Do đó, để đọc được các kiếp sống trước với độ chính xác, điều cần thiết đầu tiên là phát triển các khả năng của thể nguyên nhân. Khi hướng các khả năng đó về phía thể nguyên nhân của người được xem xét, chúng ta có trước mắt hai khả năng giống như đối với người ở cõi hồng trần. Chúng ta có thể lấy ký ức của chân ngã về những gì đã xảy ra, hoặc chúng ta có thể sử dụng phương pháp trắc tâm để tự mình thấy những trải nghiệm mà y đã trải qua. Phương pháp thứ hai an toàn hơn, vì ngay cả chân ngã, do đã nhìn thấy những điều này qua phàm ngã quá khứ, có thể có những ấn tượng không hoàn hảo hoặc bị ảnh hưởng bởi định kiến.

This then is the mechanism of the ordinary method of investigating past lives—to use the faculties of one' s own causal body, and by its

Như vậy, đây là cơ chế của phương pháp điều tra kiếp sống trước thông thường—sử dụng các khả năng của thể nguyên nhân của chính

means to psychometrise the causal body of the subject. The thing could be done at lower levels by psychometrisation of the permanent atoms, but as this would be a much more difficult feat than the unfolding of the senses of the causal body it is not at all likely ever to be attempted successfully. Another method (which, however, requires much higher development) is to use the buddhic faculties—to become absolutely one with the ego under investigation, and read his experiences as though they were one' s own—from within instead of from without. Both of these methods have been employed by those who prepared the series of lives which appear in The Theosophist, and the investigators have also had the advantage of the intelligent co-operation of the ego whose incarnations are described.

mình, và thông qua phương tiện đó để trắc tâm thể nguyên nhân của chủ thể. Điều này có thể được thực hiện ở các cấp độ thấp hơn bằng cách trắc tâm các nguyên tử trường tồn, nhưng vì đây là một kỳ công khó khăn hơn nhiều so với việc khai mở các giác quan của thể nguyên nhân, nên không có khả năng nó sẽ được thực hiện thành công. Một phương pháp khác (tuy nhiên đòi hỏi sự phát triển cao hơn nhiều) là sử dụng các khả năng bồ đề—trở nên hoàn toàn đồng nhất với chân ngã đang được điều tra, và đọc lại những trải nghiệm của y như thể chúng là của chính mình—từ bên trong thay vì từ bên ngoài. Cả hai phương pháp này đã được sử dụng bởi những người đã chuẩn bị chuỗi các kiếp sống xuất hiện trong tạp chí The Theosophist, và các nhà nghiên cứu cũng đã có lợi ích từ sự hợp tác thông minh của chân ngã mà những lần tái sinh của y được mô tả.

The physical presence of the subject whose lives are being read is an advantage, but not a necessity; he is useful if he can keep his vehicles perfectly calm, but if he becomes excited he spoils everything.

Sự hiện diện hồng trần của chủ thể mà các kiếp sống của họ đang được đọc là một lợi thế, nhưng không phải là điều bắt buộc; y hữu ích nếu y có thể giữ các phương tiện của mình hoàn toàn bình tĩnh, nhưng nếu y trở nên phấn khích thì mọi thứ sẽ bị phá hỏng.

The surroundings are not specially important, but quiet is essential, as the physical brain must be calm if impressions are to be brought through clearly. Everything which comes down to the physical level from the causal body must pass through the mental and the astral vehicles, and if either of these is disturbed it reflects imperfectly, just as the least rippling of the surface of a lake will break up or distort the images of the trees or houses upon its banks. It is necessary also to eradicate absolutely all prejudices, otherwise they will produce the effect of stained glass; they will

Môi trường xung quanh không đặc biệt quan trọng, nhưng sự yên tĩnh là cần thiết, vì bộ não hồng trần phải bình tĩnh nếu muốn đưa các ấn tượng xuống một cách rõ ràng. Mọi thứ đến với cõi hồng trần từ thể nguyên nhân phải đi qua các phương tiện trí tuệ và cảm dục, và nếu bất kỳ phương tiện nào trong số này bị xáo trộn, nó sẽ phản chiếu không hoàn hảo, giống như sự gợn nhẹ nhất trên bề mặt hồ sẽ phá vỡ hoặc làm biến dạng hình ảnh của những cái cây hoặc ngôi nhà trên bờ hồ. Cũng cần loại bỏ hoàn toàn mọi định kiến, nếu không chúng sẽ tạo ra hiệu ứng giống như kính màu; chúng sẽ

colour everything which is seen through them, and so give a false impression.

tô màu mọi thứ được nhìn qua đó, và do đó sẽ tạo ra một ấn tượng sai lầm.

In looking at past lives it has always been our custom to retain full physical consciousness, so as to be able to make a note of everything while it is being observed. This is found to be a much safer method than to leave the physical body during the observations, and then trust to memory for their reproduction. There is however a stage at which this latter plan is the only one available, when the student, though able to use the causal body, can do so only while the physical vehicle is asleep.

Khi nhìn vào các kiếp sống trước, chúng tôi luôn giữ trạng thái ý thức hoàn toàn tỉnh táo về thể xác, để có thể ghi chú lại mọi thứ trong khi đang quan sát. Phương pháp này được coi là an toàn hơn nhiều so với việc rời khỏi thể xác trong quá trình quan sát và sau đó dựa vào trí nhớ để tái hiện lại những gì đã được nhìn thấy. Tuy nhiên, có một giai đoạn mà phương pháp thứ hai là cách duy nhất có thể, khi học viên, mặc dù có thể sử dụng thể nguyên nhân, nhưng chỉ có thể làm như vậy khi phương tiện hồng trần đang ngủ.

The identification of the various characters encountered in these glimpses of the past sometimes presents a little difficulty, for naturally egos change considerably in the course of twenty thousand years or so. Fortunately, with a little practice it is possible to pass the record in review as rapidly or as slowly as may be desired; so when there is any doubt as to an identification we always adopt the plan of running quickly along the line of lives of the ego under observation, until we trace him to the present day. Some investigators, when they see an ego in some remote life, at once feel an intuition as to his present personality; but though such a flash of intuition may often be right, it may certainly also sometimes be wrong, and the more laborious method is the only one which is thoroughly reliable.

Việc xác định các nhân vật khác nhau được gặp trong những cái nhìn thoáng qua quá khứ đôi khi gây ra chút khó khăn, vì rõ ràng chân ngã đã thay đổi đáng kể trong khoảng hai mươi nghìn năm hoặc hơn. May mắn thay, với một chút thực hành, người ta có thể xem xét hồ sơ với tốc độ nhanh hoặc chậm tùy ý; vì vậy, khi có bất kỳ nghi ngờ nào về việc xác định một nhân vật, chúng tôi luôn áp dụng phương pháp nhanh chóng lướt qua dòng thời gian của những kiếp sống của chân ngã đang được quan sát, cho đến khi chúng tôi lần theo y đến thời điểm hiện tại. Một số nhà nghiên cứu, khi họ thấy một chân ngã trong một kiếp sống xa xưa, ngay lập tức cảm thấy một trực giác về phàm ngã hiện tại của y; nhưng mặc dù trực giác như vậy có thể thường đúng, đôi khi nó cũng có thể sai, và phương pháp tỉ mỉ hơn là cách duy nhất thực sự đáng tin cậy.

There are cases in which even after many thousands of years the egos of ordinary people are instantly recognisable; but that does not speak particularly well for them, because it means that during all that time they have

Có những trường hợp, thậm chí sau hàng ngàn năm, các chân ngã của những người bình thường ngay lập tức có thể nhận ra; nhưng điều này không hẳn là dấu hiệu tốt cho họ, vì điều đó có nghĩa là trong suốt thời gian đó họ

made but little progress. To try to recognise twenty thousand years ago some one whom one knows at the present day is rather like meeting as an adult some one whom one knew long ago as a little child. In some cases recognition is possible; in other cases the change has been too great. Those who have since become Masters of the Wisdom are often instantly recognisable, even thousands of years ago, but that is for a very different reason. When the lower vehicles are already fully in harmony with the ego, they form themselves in the likeness of the Augoeides, and so change very little from life to life. In the same way when the ego himself is becoming a perfect reflection of the monad, he also changes but little, but gradually grows; and so he is readily recognisable.

đã tiến bộ rất ít. Việc nhận ra ai đó từ hai mươi nghìn năm trước giống như gặp lại một người đã từng biết khi còn nhỏ mà bây giờ đã trưởng thành. Trong một số trường hợp, việc nhận diện là có thể; trong những trường hợp khác, sự thay đổi quá lớn để có thể nhận ra. Những người đã trở thành các Chân Sư Minh Triết từ lâu thường dễ nhận ra ngay cả hàng ngàn năm trước, nhưng đó là vì một lý do rất khác. Khi các phương tiện thấp hơn đã hoàn toàn hài hòa với chân ngã, chúng tự hình thành giống như Augoeides, và do đó thay đổi rất ít từ kiếp này sang kiếp khác. Tương tự, khi chân ngã tự trở thành một phản ánh hoàn hảo của Chân Thần, y cũng thay đổi rất ít, nhưng dần dần phát triển; và do đó y dễ dàng nhận diện.

In examining a past life the easiest way of all would be to let the record drift past us at its natural rate, but that would mean a day' s work to look up the events of each day, and a lifetime spent upon each incarnation. As has been said, it is possible to accelerate or retard the passage of events, so that a period of thousands of years may be run through rapidly, or on the other hand any particular picture may be held as long as is desired, so that it may be examined in detail. The acceleration or retardation may perhaps be compared to the hastening or slackening of the movement of a panorama; a little practice gives the power to do this at will, but as in the case of the panorama, the whole record is really there all the time.

Trong việc kiểm tra một kiếp sống quá khứ, cách dễ dàng nhất là để cho hồ sơ trôi qua với tốc độ tự nhiên của nó, nhưng điều đó có nghĩa là phải mất cả một ngày để xem lại các sự kiện của từng ngày, và một cuộc đời sẽ mất một đời khác để theo dõi. Như đã đề cập, người ta có thể tăng tốc hoặc làm chậm sự trôi qua của các sự kiện, vì vậy một khoảng thời gian hàng nghìn năm có thể được xem xét nhanh chóng, hoặc ngược lại, bất kỳ hình ảnh cụ thể nào cũng có thể được giữ lại lâu bao nhiêu tùy ý, để nó có thể được kiểm tra chi tiết. Việc tăng tốc hoặc làm chậm này có thể được so sánh với việc làm tăng tốc hoặc chậm lại chuyển động của một bức tranh toàn cảnh; một chút thực hành sẽ cho phép người ta thực hiện điều này theo ý muốn, nhưng giống như trong trường hợp bức tranh toàn cảnh, toàn bộ hồ sơ thực sự luôn có đó.

What I have described as the unrolling of the record rapidly or slowly at will is in reality a

Những gì tôi đã mô tả như việc cuộn nhanh hoặc chậm của hồ sơ thực ra không phải là sự

movement not of the record, but of the consciousness of the seer. But the impression which it gives is exactly as I have stated it. The records may be said to lie upon one another in layers, the more recent on the top and the older ones behind. Yet even this simile is misleading, because it inevitably suggests the idea of thickness, whereas these records occupy no more space than does the reflection on the surface of a mirror. When the consciousness passes through them, it does not really move in space at all; it rather puts on itself, as a kind of cloak, one or other of the layers of the record, and in doing so it finds itself in the midst of the action of the story.

chuyển động của hồ sơ, mà là của tâm thức của người thấy. Nhưng ấn tượng mà nó mang lại là chính xác như tôi đã trình bày. Các hồ sơ có thể nói là nằm chồng lên nhau theo các lớp, những lớp gần đây nhất ở trên cùng và những lớp cũ hơn nằm phía sau. Tuy nhiên, ngay cả phép ẩn dụ này cũng dễ gây hiểu lầm, vì nó tất yếu gợi ý đến ý tưởng về độ dày, trong khi những hồ sơ này không chiếm không gian nhiều hơn so với hình ảnh phản chiếu trên bề mặt của một chiếc gương. Khi tâm thức đi qua chúng, nó không thực sự di chuyển trong không gian chút nào; đúng hơn, nó tự khoác lên mình, như một loại áo choàng, một hoặc lớp hồ sơ nào đó, và trong quá trình này, nó thấy mình đang ở giữa hành động của câu chuyện.

One of the most tiresome tasks connected with this branch of enquiry is the determination of exact dates. In fact, some investigators frankly decline to undertake it, saying that it is not worth the trouble, and that a round number is sufficient for all practical purposes. Probably it is; yet there is a feeling of satisfaction in getting even details as accurate as possible, even at the cost of tedious counting up to very high numbers. Our plan is of course to establish certain fixed points and then use those as a basis for further calculation.

Một trong những nhiệm vụ mệt mỏi nhất liên quan đến nhánh điều tra này là xác định các mốc thời gian chính xác. Thực tế, một số nhà nghiên cứu thẳng thừng từ chối thực hiện nó, nói rằng nó không đáng phải nhọc công, và rằng một con số xấp xỉ là đủ cho tất cả các mục đích thực tiễn. Có lẽ điều đó đúng; nhưng vẫn có một cảm giác hài lòng khi có được những chi tiết càng chính xác càng tốt, ngay cả khi phải trả giá bằng việc đếm lên những con số rất lớn.

One such fixed point is the date 9,564 B.C., when the sinking of Poseidonis took place. Another is the date 75,025 B.C., for the commencement of the great previous catastrophe. In the course of the investigation of the lives of Alcyone we have thus established a number of points, up to the date of 22,662 B.C., and as those lives were worked backwards, and the intervals were therefore counted one by one and not all at once, the

Kế hoạch của chúng tôi, tất nhiên, là thiết lập một số điểm mốc cố định và sau đó sử dụng những điểm đó làm cơ sở cho các tính toán tiếp theo. Một điểm mốc cố định như vậy là năm 9.564 TCN, khi sự chìm xuống của Poseidonis xảy ra. Một điểm khác là năm 75.025 TCN, thời điểm bắt đầu của thảm họa lớn trước đó. Trong quá trình điều tra các kiếp sống của Alcyone, chúng tôi đã thiết lập một số điểm mốc cho đến ngày 22.662 TCN, và vì những kiếp sống

scheme was not too insufferably tedious, as it certainly would be with very large numbers. In certain cases astronomical means are also employed. A description of these different methods will be found in my book on Clairvoyance.

đó đã được nghiên cứu ngược lại, và khoảng cách giữa các sự kiện đã được tính từng giai đoạn một thay vì tính toàn bộ một lần, nên kế hoạch này không quá khó chịu như nó chắc chắn sẽ xảy ra với những con số rất lớn. Trong một số trường hợp nhất định, các phương tiện thiên văn học cũng được sử dụng. Một mô tả về các phương pháp khác nhau này sẽ được tìm thấy trong cuốn sách của tôi về Thông Nhãn (Clairvoyance).

It is on the whole somewhat easier to read lives forwards than backwards, because in that case we are working with the natural flow of time instead of against it. So the usual plan is to run rapidly to some selected point in the past, and then work slowly forwards from that. It must be remembered that at first sight it is rarely possible to estimate accurately the relative importance of the minor events of a life, so we often skim over it first, to see from what actions or occurrences the really important changes flow, and then go back and describe those more in detail. If the investigator himself happens to be one of the characters in the life which he is examining, there opens before him the interesting alternative of actually putting himself back into that old personality, and feeling over again just what he felt in that ancient time. But in that case he sees everything exactly as he saw it then, and knows no more than he knew then.

Nói chung, việc đọc các kiếp sống theo thứ tự xuôi dễ dàng hơn là đọc ngược lại, bởi vì trong trường hợp đó, chúng ta đang làm việc theo dòng chảy tự nhiên của thời gian thay vì chống lại nó. Vì vậy, kế hoạch thông thường là chạy nhanh đến một điểm đã chọn trong quá khứ, sau đó làm việc chậm rãi tiến về phía trước từ đó. Cần nhớ rằng, ban đầu hiếm khi có thể ước tính chính xác tầm quan trọng tương đối của các sự kiện nhỏ trong một kiếp sống, vì vậy chúng tôi thường xem lướt qua trước để xem từ những hành động hoặc sự kiện nào mà những thay đổi quan trọng thực sự bắt nguồn, và sau đó quay lại mô tả chi tiết những điều đó. Nếu nhà nghiên cứu tình cờ là một trong những nhân vật trong kiếp sống mà y đang xem xét, thì một lựa chọn thú vị mở ra trước mắt y là thực sự đặt mình trở lại trong phàm ngã cũ đó, và cảm nhận lại chính những gì y đã cảm thấy trong thời gian xa xưa đó. Nhưng trong trường hợp đó, y sẽ thấy mọi thứ chính xác như y đã thấy chúng khi đó, và không biết gì hơn so với những gì y đã biết lúc bấy giờ.

Few of those who read the life-stories, which are often somewhat meagre outlines, will have any conception of the amount of labour which has been bestowed upon them—of the hours of work which have sometimes been given to the full comprehension of some

Ít ai trong số những người đọc các câu chuyện về kiếp sống, thường chỉ là những bản phác thảo sơ lược, sẽ có bất kỳ khái niệm nào về lượng công việc lớn lao đã được đầu tư vào chúng—về những giờ lao động đã đôi khi được dành cho việc hiểu thấu đáo một chi tiết nhỏ

trifling detail, so that the picture finally presented may be as nearly a true one as is possible. At least our readers may be sure that no pains have been spared to ensure accuracy, though this is often no easy task when we are dealing with conditions and modes of thought as entirely different from our own as though they belonged to another planet.

nhặt nào đó, để bức tranh cuối cùng được trình bày có thể gần nhất với sự thật. Ít nhất, độc giả của chúng tôi có thể chắc chắn rằng không có nỗ lực nào bị bỏ qua để đảm bảo độ chính xác, mặc dù điều này thường không phải là một nhiệm vụ dễ dàng khi chúng tôi phải xử lý các điều kiện và cách thức tư duy hoàn toàn khác với những gì chúng tôi có bây giờ, như thể chúng thuộc về một hành tinh khác.

The languages employed are almost always unintelligible to the investigator, but as the thoughts behind the words lie open before him that matters little. On several occasions those who were doing the work have copied down public inscriptions which they could not understand, and have afterwards had them translated on the physical plane by someone to whom the ancient language was familiar.

Các ngôn ngữ được sử dụng hầu như luôn không thể hiểu được đối với nhà nghiên cứu, nhưng vì các suy nghĩ đằng sau những từ ngữ đó nằm mở trước y, điều đó không quan trọng lắm. Trong một số trường hợp, những người thực hiện công việc này đã sao chép các bản khắc công khai mà họ không thể hiểu, và sau đó đã nhờ ai đó biết ngôn ngữ cổ dịch chúng ra trên cõi hồng trần.

A vast amount of work is represented by the sets of lives which are now appearing; may that labour bring its fruit in a more vivid realisation of the mighty civilisations of the past and a clearer comprehension of the working of the laws of karma and reincarnation. Since the first set of lives which appeared have culminated in the initiation of the hero in his present incarnation, they are surely a valuable study for those whose aspiration is to become the pupils of a Master of the Wisdom, for their own progress should be the more rapid when they have learnt how a brother has attained the goal towards which they are striving. This progress has been made the more easy for them because that brother has taken the trouble to record for us in that most admirable little book At the Feet of the Master the teachings which led him to that goal.

Một khối lượng công việc khổng lồ được đại diện bởi những loạt kiếp sống hiện đang xuất hiện; mong rằng công việc lao động đó mang lại kết quả trong việc nhận thức sống động hơn về những nền văn minh vĩ đại của quá khứ và sự hiểu biết rõ ràng hơn về sự vận hành của các định luật nghiệp quả và luân hồi. Vì loạt các kiếp sống đầu tiên đã kết thúc bằng sự điểm đạo của nhân vật chính trong hóa thân hiện tại của y, chúng chắc chắn là một nghiên cứu có giá trị cho những ai khát vọng trở thành đệ tử của một Chân Sư Minh Triết, vì sự tiến bộ của họ sẽ nhanh hơn khi họ đã học được cách mà một huynh đệ của họ đã đạt được mục tiêu mà họ đang phấn đấu hướng tới. Sự tiến bộ này đã được làm cho dễ dàng hơn bởi vì người huynh đệ đó đã nỗ lực ghi lại cho chúng ta trong cuốn sách nhỏ đầy đáng kính Dưới Chân Thầy (At the Feet of the Master) những giáo lý đã dẫn dắt y đến mục tiêu đó.

About a hundred and fifty of those who are at present members of the Theosophical Society are the prominent characters in the drama which lies before the readers of The Theosophist; and it is deeply interesting to note how those who in the past have often been linked by the ties of blood-relationship, though born this time in countries thousands of miles apart, are yet brought together by their common interest in Theosophical study, and bound to one another more closely by their love for the Masters than they could ever have been by any mere earthly connection.

Khoảng một trăm năm mươi người hiện đang là thành viên của Hội Thông Thiên Học là những nhân vật nổi bật trong vở kịch được trình bày trước độc giả của tạp chí The Theosophist; và điều vô cùng thú vị là nhận ra cách mà những người trước đây thường được gắn kết bởi quan hệ huyết thống, dù trong kiếp này sinh ra ở những quốc gia cách nhau hàng ngàn dặm, nhưng vẫn được kết nối lại với nhau bởi mối quan tâm chung đến nghiên cứu Thông Thiên Học, và gắn bó với nhau chặt chẽ hơn nhờ tình yêu dành cho các Chân Sư hơn bất kỳ mối quan hệ trần gian nào có thể mang lại.

There are two sources of possible error in examining the records clairvoyantly; first, personal bias, and secondly, limited views. There are fundamental differences of temperament, and these cannot but colour the views taken of other planes. The adept has a perfect perception of life, but below that level we are sure to have some prejudices. The man of the world magnifies unimportant details and omits all the important things, because he is in the habit of doing that in daily life; but on the other hand a man starting on the Path may, in his enthusiasm, lose for a time his touch with the ordinary human life from which he has emerged. Even then he has made a great advance, for those who see the inside of things are nearer to the truth than those who see only the outside.

Có hai nguồn gốc chính của sai lầm có thể xảy ra khi xem xét các hồ sơ bằng khả năng thông nhãn: thứ nhất là sự thiên lệch cá nhân, và thứ hai là quan điểm hạn chế. Có những sự khác biệt cơ bản về tính cách, và điều này không thể không ảnh hưởng đến quan điểm của mỗi người về các cõi khác. Các bậc Chân sư có một nhận thức hoàn hảo về cuộc sống, nhưng dưới cấp độ đó, chúng ta chắc chắn sẽ có một số định kiến. Người đời thường phóng đại các chi tiết không quan trọng và bỏ qua tất cả những điều quan trọng, bởi vì họ có thói quen làm điều đó trong cuộc sống hàng ngày; mặt khác, một người mới bước trên con đường đạo có thể, trong niềm nhiệt huyết của mình, tạm thời mất đi mối liên hệ với cuộc sống nhân loại bình thường mà y đã thoát ra. Ngay cả khi đó, y đã có một sự tiến bộ lớn, vì những người nhìn thấy bên trong của sự vật tiến gần hơn đến chân lý hơn những người chỉ nhìn thấy bề ngoài.

The statements of clairvoyants may and must be coloured by opinions already formed, as was clearly the case with Swedenborg, who used a very narrow Christian terminology to

Các tuyên bố của các nhà thông nhãn có thể và chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng bởi những quan điểm đã hình thành từ trước, như trường hợp rõ ràng của Swedenborg, người đã sử dụng

describe the facts of the astral plane, and unquestionably saw many things through strong thought-forms which he had made in previous years. He started with certain definite preconceptions, and he made everything which he saw fit into those preconceptions. You know how it is possible down here on the physical plane to start with some preconception about a man and distort his most innocent words and actions to fit that preconception—to read into them ideas of which the unfortunate man never even dreamt. The same thing is possible on the astral plane if one is careless.

thuật ngữ Kitô giáo rất hẹp để mô tả các sự kiện của cõi cảm dục, và không thể phủ nhận rằng Ông đã nhìn thấy nhiều điều qua các hình tư tưởng mạnh mẽ mà Ông đã tạo ra trong những năm trước. Ông bắt đầu với những định kiến nhất định, và Ông đã biến mọi thứ mà mình nhìn thấy phù hợp với những định kiến đó. Bạn biết rằng, trên cõi hồng trần, người ta có thể bắt đầu với một định kiến về một người và bóp méo những lời nói và hành động vô tội nhất của họ để phù hợp với định kiến đó—để diễn giải chúng theo những ý tưởng mà người đáng thương đó thậm chí không bao giờ mơ tới. Điều tương tự có thể xảy ra trên cõi cảm dục nếu một người bất cẩn.

Theosophical investigators are thoroughly on their guard against this danger of personal bias, and use constant checks of all kinds to avoid it. To minimise the chance of error from this source the Masters usually select people of radically different types to work together.

Các nhà khảo cứu Thông Thiên Học luôn cảnh giác hoàn toàn với nguy cơ thiên kiến cá nhân này và sử dụng các biện pháp kiểm tra liên tục để tránh nó. Để giảm thiểu cơ hội sai lầm từ nguồn này, các Chân Sư thường chọn những người có tính cách hoàn toàn khác nhau làm việc cùng nhau.

Secondly, there is the danger of a limited view —of taking a part for the whole. For example, there has been much said of the corruption and black magic of later days in Poseidonis, but there existed there, at that very time, a secret society that was quite pure and had high aims. If it had happened that we had seen only this society, we might easily have thought of Poseidonis as a most spiritual country. It is possible, you see, that such limited views may be taken as applying to a whole region or community. Generalisations must be checked and verified. There is, however, a general aura of a time or a country, which usually prevents any great mistakes of this sort. A psychic who has not been trained to sense this general aura is often unconscious

Thứ hai, có nguy cơ của một quan điểm hạn chế—nhìn nhận một phần mà tưởng như toàn bộ. Ví dụ, nhiều điều đã được nói về sự tha hóa và ma thuật đen trong những ngày cuối cùng của Poseidonis, nhưng tại thời điểm đó vẫn tồn tại một hội kín rất trong sáng và có những mục tiêu cao cả. Nếu chúng tôi chỉ nhìn thấy hội kín này, có thể chúng tôi đã dễ dàng nghĩ rằng Poseidonis là một quốc gia vô cùng tâm linh. Như bạn thấy, có thể xảy ra trường hợp những quan điểm hạn chế như vậy được coi là áp dụng cho toàn bộ một khu vực hoặc cộng đồng. Những khái quát hóa cần được kiểm tra và xác minh. Tuy nhiên, luôn có một hào quang chung của một thời kỳ hoặc một quốc gia, điều này thường ngăn chặn những sai lầm lớn như vậy. Một nhà ngoại cảm chưa được

of it, and thus the untrained man falls into many errors. In fact, long continued observation shows that all untrained psychics are sometimes reliable and sometimes unreliable, and those who consult them always run a risk of being misled.

huấn luyện để cảm nhận hào quang chung này thường không nhận thức được nó, và do đó, người không được huấn luyện sẽ dễ mắc nhiều sai lầm. Thực tế, quan sát lâu dài cho thấy tất cả các nhà ngoại cảm chưa được huấn luyện đôi khi đáng tin cậy và đôi khi không đáng tin cậy, và những ai tham khảo ý kiến của họ luôn có nguy cơ bị hiểu sai.

The records must not be thought of as originally inhering in matter of any kind, though they are reflected in it. In order to read them it is not necessary to come into direct contact with any particular grouping of matter, since they can be read from any distance, when a connection has once been made.

Những hồ sơ này không nên được nghĩ rằng ban đầu thuộc về bất kỳ loại vật chất nào, mặc dù chúng được phản chiếu trong đó. Để đọc chúng, không cần thiết phải tiếp xúc trực tiếp với bất kỳ nhóm vật chất cụ thể nào, vì chúng có thể được đọc từ bất kỳ khoảng cách nào, khi một kết nối đã được thiết lập.

Nevertheless it is also true that each atom retains the record, or perhaps only possesses the power to put a clairvoyant en rapport with the record, of all that has ever happened within sight of it. It is by means of this quality that psychometry is possible. But there is this very curious limitation attached to it, that the normal psychometer sees by means of it only what he would have seen if he had been standing at the spot from which the object psychometrised has been taken. For example, if a man psychometrises a pebble which has been lying for ages in a valley, he will see only what has passed during those ages in that valley; his views will be limited by the surrounding hills, just as if he had stood for all those ages where the stone lay, and had witnessed all those things.

Tuy nhiên, cũng đúng rằng mỗi nguyên tử lưu giữ hồ sơ, hoặc có lẽ chỉ sở hữu khả năng đặt một nhà thông nhãn vào trạng thái hài hòa với hồ sơ, về tất cả những gì đã từng xảy ra trong tầm nhìn của nó. Chính nhờ vào đặc tính này mà thuật trắc tâm (psychometry) là có thể. Nhưng có một giới hạn rất kỳ lạ gắn liền với nó, rằng nhà trắc tâm bình thường chỉ thấy những gì mà y sẽ thấy nếu y đã đứng tại vị trí từ đó đối tượng được trắc tâm được lấy. Ví dụ, nếu một người trắc tâm một viên sỏi đã nằm trong một thung lũng qua nhiều thời đại, y sẽ chỉ thấy những gì đã diễn ra trong thời gian đó ở thung lũng đó; tầm nhìn của y sẽ bị giới hạn bởi những ngọn đồi xung quanh, giống như thể y đã đứng suốt những thời đại đó tại nơi viên sỏi nằm, và đã chứng kiến tất cả những sự việc đó.

True, there is an extension of the psychometric power, by which a man may see the thoughts and feelings of the actors in his drama as well as their physical bodies, and

Đúng là, có một sự mở rộng của sức mạnh trắc tâm, theo đó một người có thể nhìn thấy suy nghĩ và cảm xúc của những người trong câu chuyện của y cũng như thân thể hồng trần của

there is also another extension by which, having first established himself in that valley, he may make it the basis of further operations, and so pass over the surrounding hills and see what lies beyond them, and also what has happened there since the stone was removed, and even what occurred before it in some manner arrived there. But the man who can do that will soon be able to dispense with the stone altogether. When we use the senses of the causal body on the counterparts of physical things, we see that every object is thus throwing off pictures of the past.

họ, và cũng có một sự mở rộng khác, theo đó, sau khi đã tự thiết lập mình trong thung lũng đó, y có thể dùng nó làm cơ sở cho các hoạt động tiếp theo, và từ đó vượt qua các ngọn đồi xung quanh để xem những gì nằm bên ngoài chúng, cũng như những gì đã xảy ra ở đó kể từ khi viên sỏi bị loại bỏ, và thậm chí những gì đã xảy ra trước khi nó bằng cách nào đó đến đó. Nhưng người có thể làm điều đó sẽ sớm có thể từ bỏ viên sỏi hoàn toàn. Khi chúng ta sử dụng các giác quan của thể nguyên nhân trên các đối tượng tương đồng với hồng trần, chúng ta thấy rằng mọi đối tượng đều đang phát ra những hình ảnh của quá khứ.

As we develop our inner consciousness and faculties, our life becomes a continuous one; we reach the consciousness of the ego, and then we can travel back even as far as the group-soul in which we lived the animal stage of our life, and look through animal eyes at the human beings of that period and the different world that flourished then. But there are no words to tell what is seen in that way, for the difference of outlook is beyond all expression.

Khi chúng ta phát triển tâm thức nội tại và các khả năng của mình, cuộc sống của chúng ta trở thành một dòng chảy liên tục; chúng ta đạt được âm thức của chân ngã, và sau đó chúng ta có thể quay ngược lại ngay cả đến thời điểm linh hồn nhóm mà chúng ta đã sống ở giai đoạn động vật của cuộc đời mình, và nhìn qua con mắt động vật vào những con người của thời kỳ đó và thế giới khác biệt đã từng tồn tại. Nhưng không có từ ngữ nào có thể miêu tả những gì được nhìn thấy theo cách đó, vì sự khác biệt trong cách nhìn vượt quá mọi diễn đạt.

Short of that continuous consciousness, however, there is no detailed memory—not even of the most important facts. For example, a person who knows the truth of reincarnation in one life does not necessarily carry his certainty over to the next. I forgot it myself, and so did Mrs. Besant. I did not know anything of it in this life, until I heard of it from outside, and then I instantly recognised its truth. Whatever we have known in the past will spring up in the mind in this way as a certainty when it is next presented before us.

Tuy nhiên, ngắn gọn về tâm thức liên tục, không có ký ức chi tiết—ngay cả về những sự kiện quan trọng nhất. Ví dụ, một người biết sự thật về luân hồi trong một đời sống không nhất thiết sẽ mang theo sự chắc chắn đó sang đời tiếp theo. Tôi đã quên điều đó, và bà Besant cũng vậy. Tôi không biết gì về nó trong kiếp sống này, cho đến khi tôi nghe về nó từ bên ngoài, và ngay lập tức tôi nhận ra sự thật của nó. Bất cứ điều gì chúng ta đã biết trong quá khứ sẽ nảy sinh trong tâm trí theo cách này như một sự chắc chắn khi nó được trình bày lại

trước mắt chúng ta.

As a child I used constantly to dream of a certain house, which I afterwards learned was a house which I had lived in a previous life. It was quite unlike any with which I was at that time familiar on the physical plane, for it was built round a central courtyard (with a fountain and statues and shrubs) into which all the rooms looked. I used to dream of it perhaps three times a week, and I knew every room of it and all the people who lived in it, and used constantly to describe it to my mother, and make ground-plans of it. We called it my dream-house. As I grew older I dreamt of it less and less frequently, until at last it faded from my memory altogether. But one day to illustrate some point my Master showed me a picture of the house in which I had lived in my last incarnation, and I recognised it immediately.

Khi còn nhỏ, tôi thường xuyên mơ về một ngôi nhà nhất định, mà sau này tôi biết đó là ngôi nhà mà tôi đã sống trong một kiếp sống trước. Nó hoàn toàn khác với bất kỳ ngôi nhà nào mà tôi quen thuộc vào thời điểm đó trên cõi hồng trần, vì nó được xây dựng xung quanh một sân trong trung tâm (với một đài phun nước, tượng và cây cối) mà tất cả các phòng đều nhìn vào. Tôi thường mơ về nó khoảng ba lần một tuần, và tôi biết rõ mọi căn phòng của nó và tất cả những người sống trong đó, và thường xuyên mô tả nó cho mẹ tôi, thậm chí còn vẽ lại sơ đồ mặt bằng của nó. Chúng tôi gọi đó là ngôi nhà trong mơ của tôi. Khi tôi lớn hơn, tôi mơ về nó ít thường xuyên hơn, cho đến khi cuối cùng nó biến mất hoàn toàn khỏi trí nhớ của tôi. Nhưng một ngày nọ, để minh họa cho một điểm nào đó, Chân Sư của tôi đã cho tôi xem một bức tranh về ngôi nhà mà tôi đã sống trong kiếp sống cuối cùng của mình, và tôi nhận ra nó ngay lập tức.

Anyone may intellectually appreciate the necessity of reincarnation; but actually to prove it one must become, in the causal body, cognisant of the past and future. The only way of casting off the fetter of doubt is by knowledge and intelligent comprehension. Blind belief is a barrier to progress, but this does not mean that we are wrong in accepting intelligently the statements of those who know more than ourselves. There are no authoritative dogmas which must be accepted in the Theosophical Society. There are only statements of the results of investigation, which are offered in the belief that they will be as helpful to other minds as they have been to the investigators.

Bất kỳ ai cũng có thể nhận thức trí tuệ về sự cần thiết của luân hồi; nhưng để thực sự chứng minh nó, một người phải trở nên nhận thức được quá khứ và tương lai trong thể nguyên nhân. Cách duy nhất để gỡ bỏ sự nghi ngờ là thông qua tri thức và sự thấu hiểu thông minh. Đức tin mù quáng là một rào cản cho sự tiến bộ, nhưng điều này không có nghĩa rằng chúng ta sai lầm khi chấp nhận một cách thông minh những tuyên bố của những người biết nhiều hơn chúng ta. Không có giáo điều quyền uy nào phải được chấp nhận trong Hội Thông Thiên Học. Chỉ có những tuyên bố về kết quả của các cuộc điều tra, được đưa ra với niềm tin rằng chúng sẽ hữu ích cho những tâm trí khác như chúng đã từng hữu ích cho các nhà nghiên cứu.

FORESEEING THE FUTURE
NHÌN THẤY TRƯỚC TƯƠNG LAI

It is very difficult to explain how the future is foreseen, but there is no doubt whatever as to the fact. Apart from apparently accidental pictures and flashes of intuition, often effective but not under control, there are two ways in which the future may definitely be foreseen by means of the higher clairvoyance. One is quite readily explicable and comprehensible; the other is not explicable at all.

Rất khó để giải thích làm thế nào có thể thấy trước được tương lai, nhưng không có gì nghi ngờ về thực tế này. Ngoài những hình ảnh thoáng qua và linh cảm xảy ra ngẫu nhiên, thường hiệu quả nhưng không thể kiểm soát, có hai cách mà tương lai có thể được nhìn thấy rõ ràng nhờ vào thông nhãn cao cấp. Một cách có thể dễ dàng giải thích và hiểu được; cách còn lại thì không thể giải thích được.

Even with only physical senses we may see enough to foretell certain things. If, for instance, we see a man leading an extravagant life of debauchery, we may safely predict that, unless he changes, he will presently lose both health and fortune. What we cannot tell by physical means is whether he will change or not. But a man who has the sight of the causal body could often tell this, because to him the reserve forces of the other would be visible; he could see what the ego thought of it all, and whether he was strong enough to interfere. No merely physical prediction is certain, because so many of the causes which influence life cannot be seen on this lower plane. But when we raise our consciousness to higher planes we can see more of the causes, and so can come much nearer to calculating the effects.

Ngay cả với những giác quan hồng trần, chúng ta cũng có thể thấy đủ để dự đoán một số điều. Ví dụ, nếu chúng ta thấy một người đang sống cuộc sống xa hoa đầy trụy lạc, chúng ta có thể dự đoán một cách chắc chắn rằng, trừ khi y thay đổi, y sẽ sớm mất cả sức khỏe lẫn tài sản. Điều mà chúng ta không thể biết bằng phương tiện hồng trần là liệu y có thay đổi hay không. Nhưng một người có khả năng thông nhãn bằng thể nhân quả có thể thường nhìn thấy điều này, vì y có thể thấy được các lực dự trữ của người kia, có thể nhìn thấy Chân ngã của người đó nghĩ gì về mọi việc, và liệu y có đủ mạnh để can thiệp hay không. Không có dự đoán hồng trần nào là chắc chắn, vì có rất nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến cuộc sống mà chúng ta không thể nhìn thấy ở cõi giới thấp này. Nhưng khi chúng ta nâng cao tâm thức lên các cõi cao hơn, chúng ta có thể thấy được nhiều nguyên nhân hơn, từ đó có thể tính toán gần hơn kết quả của chúng.

Obviously if all the causes could be perfectly seen and judged, all their results would be

Rõ ràng là nếu tất cả các nguyên nhân có thể được nhìn thấy và đánh giá một cách hoàn

readily calculable. Perhaps none but the LOGOS can see all causes in His system, but an adept would surely be able to see all that could affect an ordinary man! so it is probable that by this method an adept could foretell the life of that man quite accurately. For the ordinary man has little will-power; karma assigns to him certain surroundings, and he is the creature of those surroundings; he accepts the fate marked out for him, because he does not know that he can alter it. A more developed man takes hold of his destiny and moulds it; he makes his future what he wills it to be, counteracting the karma of the past by setting fresh forces in motion. So his future is not so easily predicable; but no doubt even in this case an adept, who could see the latent will, could also calculate how he would use it.

hảo, tất cả các kết quả của chúng sẽ dễ dàng được tính toán. Có lẽ không ai ngoài Thượng đế có thể thấy tất cả nguyên nhân trong hệ thống của Ngài, nhưng một chân sư chắc chắn sẽ có thể nhìn thấy tất cả những gì có thể ảnh hưởng đến một người bình thường! Vì vậy, rất có thể rằng bằng phương pháp này, một chân sư có thể tiên đoán cuộc sống của người đó một cách chính xác. Bởi vì người bình thường có rất ít ý chí; nghiệp quả giao cho y những hoàn cảnh nhất định, và y là sản phẩm của những hoàn cảnh đó; y chấp nhận số phận đã được định sẵn cho mình, vì y không biết rằng mình có thể thay đổi nó. Một người phát triển hơn sẽ nắm bắt số phận của mình và định hình nó; y biến tương lai của mình thành những gì y muốn, bằng cách khởi động những lực mới để bù đắp cho nghiệp quá khứ. Do đó, tương lai của y không dễ tiên đoán; nhưng không nghi ngờ gì rằng ngay cả trong trường hợp này, một chân sư, người có thể nhìn thấy ý chí tiềm ẩn, cũng có thể tính toán cách y sẽ sử dụng nó.

That method of foretelling the future is entirely comprehensible, and it is clear that the chief events of any life could be prophesied along that line. But there is another way for which we cannot so easily account. One has only to raise the consciousness to a plane sufficiently high, to find the limitation which we call time disappearing, and the past, present and future spread out before us like an open book. How that can be reconciled with our freedom of action I am not prepared to say, but I can testify that the fact is so; when this sight is employed the future is simply there, down to the minutest detail. I believe myself that we are free to choose, though only within certain limits; yet a power, far higher than we, may well know how we shall choose. You know

Phương pháp tiên đoán tương lai này hoàn toàn dễ hiểu, và rõ ràng rằng các sự kiện chính trong bất kỳ cuộc sống nào đều có thể được tiên đoán theo hướng đó. Nhưng có một cách khác mà chúng ta không thể dễ dàng giải thích. Chỉ cần nâng cao tâm thức lên một cõi đủ cao, chúng ta sẽ thấy rằng giới hạn mà chúng ta gọi là thời gian biến mất, và quá khứ, hiện tại và tương lai trải dài trước chúng ta như một cuốn sách mở. Làm thế nào điều này có thể hòa hợp với sự tự do hành động của chúng ta, tôi không chuẩn bị để nói, nhưng tôi có thể chứng thực rằng điều đó là đúng; khi thông nhãn này được sử dụng, tương lai đơn giản hiện ra ở đó, đến từng chi tiết nhỏ nhất. Tôi tin rằng chúng ta có quyền tự do lựa chọn, dù chỉ trong những giới hạn nhất định; nhưng một sức mạnh cao hơn rất nhiều so với chúng

what your dog will do under certain conditions, but that does not in the least make him do it; so a power as much higher than man, as man is than the dog, may know quite well how man will use his fragment of free-will.

ta có thể biết rõ chúng ta sẽ chọn như thế nào. Bạn biết con chó của bạn sẽ làm gì trong những điều kiện nhất định, nhưng điều đó không có nghĩa là bạn đã làm cho nó làm điều đó; vì vậy một sức mạnh cao hơn con người, cũng như con người cao hơn con chó, có thể biết rất rõ con người sẽ sử dụng mảnh vụn của ý chí tự do như thế nào.

For it is only a fragment; the plan of the LOGOS is to trust us with a little freedom, and see how we use it. If we use it well and wisely, a little more is given to us; and so long as we continue to use it in harmony with His great intention of evolution, we shall find more and more freedom of choice coming to us. But if we are so foolish as to use it selfishly, so as to bring harm to ourselves and hinder His plan, we shall find ourselves cramped in our action and forced back into line. A child must have freedom to walk, even though that involves a risk of falling, or else he will never learn; but no one would let him make his experiment on the edge of a precipice. So we have freedom enough to do ourselves a little harm if we use it wrongly, but no freedom enough to destroy ourselves altogether.

Bởi vì đó chỉ là một mảnh vụn; kế hoạch của Thượng đế là giao cho chúng ta một chút tự do, và xem chúng ta sử dụng nó như thế nào. Nếu chúng ta sử dụng nó tốt và khôn ngoan, chúng ta sẽ được trao thêm một chút nữa; và miễn là chúng ta tiếp tục sử dụng nó phù hợp với ý định vĩ đại của Ngài về tiến hóa, chúng ta sẽ thấy ngày càng nhiều tự do lựa chọn đến với chúng ta. Nhưng nếu chúng ta ngu ngốc sử dụng nó một cách ích kỷ, để mang lại tổn hại cho chính mình và cản trở kế hoạch của Ngài, chúng ta sẽ thấy mình bị hạn chế trong hành động và bị ép buộc trở lại con đường chính. Một đứa trẻ cần có tự do để đi bộ, ngay cả khi điều đó bao hàm nguy cơ ngã, nếu không nó sẽ không bao giờ học được; nhưng không ai để nó thử nghiệm ở rìa của một vách đá. Vì vậy, chúng ta có đủ tự do để gây hại nhỏ cho chính mình nếu chúng ta sử dụng sai, nhưng không đủ tự do để phá hủy hoàn toàn bản thân.

Times of choice certainly come to us, but between those times we have often little option. When we have made our choice we must abide by its consequences. Looked at from above, human destiny seems rather like a network of railway lines. A man starts out on a locomotive, and chooses his line of rail; but when he has chosen it he must run along it, and cannot swerve to the right hand or the left until he reaches the first set of points. Then he may descend and set the points as he will, but

Những thời điểm để lựa chọn chắc chắn sẽ đến với chúng ta, nhưng giữa những thời điểm đó, chúng ta thường không có nhiều lựa chọn. Khi chúng ta đã đưa ra lựa chọn, chúng ta phải chấp nhận những hậu quả của nó. Nhìn từ trên cao, số phận của con người dường như giống như một mạng lưới đường sắt. Một người bắt đầu trên một đầu máy và chọn đường ray của mình; nhưng một khi đã chọn, y phải chạy trên đó, và không thể rẽ trái hay phải cho đến khi đến điểm chuyển tiếp đầu tiên. Sau đó, y có

having once set them and started on his way he must accept the consequences of his decision; he has no power to turn aside until the next point of choice comes in his way. We must not confuse free-will with freedom of action.

thể dừng lại và điều chỉnh các điểm như ý muốn, nhưng một khi đã thiết lập và bắt đầu trên đường, y phải chấp nhận hậu quả của quyết định đó; y không có quyền rẽ ngang cho đến khi cơ hội lựa chọn tiếp theo đến. Chúng ta không nên nhầm lẫn giữa ý chí tự do và sự tự do hành động.

Now to possess fully the power of forecasting the future by either of the methods described means considerable development; but isolated pictures reflected from both of them may often be had at very much lower levels. What is called in Scotland second-sight appears to be an example; by that, a future event is often seen with quite a wealth of detail.

Bây giờ, để sở hữu đầy đủ khả năng tiên đoán tương lai bằng bất kỳ phương pháp nào được mô tả, cần có sự phát triển đáng kể; nhưng những hình ảnh đơn lẻ phản chiếu từ cả hai phương pháp có thể thường xuất hiện ở những cấp độ thấp hơn nhiều. Điều mà ở Scotland gọi là "thần nhãn thứ hai" dường như là một ví dụ; thông qua đó, một sự kiện tương lai thường được thấy với đầy đủ chi tiết.

I remember reading of a case where a seer told a sceptic that a certain man known to them both would die at a given time, and furthermore gave a detailed description of his funeral, mentioning the pall-bearers by name. The sceptic ridiculed the whole prediction, but when the appointed time came the man indicated did die as had been prophesied. The sceptic was astonished, but still more annoyed, and he determined that the rest of the story should not come true, for he himself would interfere to falsify it. He therefore got himself appointed as one of the pall-bearers! but when the day came and the party was just about to start, he was called aside for a moment, and when he returned he found that the procession had already moved away, and that the pall-bearers were those who had been seen in the vision.

Tôi nhớ đã đọc về một trường hợp, trong đó một nhà tiên tri nói với một người hoài nghi rằng một người đàn ông nào đó mà cả hai đều biết sẽ chết vào thời điểm nhất định, và hơn nữa đã mô tả chi tiết về đám tang của Ông ta, thậm chí nêu tên các người khiêng quan tài. Người hoài nghi chế nhạo toàn bộ tiên đoán, nhưng khi thời gian đến, người đàn ông được chỉ định đã qua đời đúng như đã tiên đoán. Người hoài nghi rất kinh ngạc, nhưng còn khó chịu hơn nữa, và quyết định rằng phần còn lại của câu chuyện sẽ không trở thành sự thật, vì y sẽ can thiệp để làm sai lệch nó. Y do đó đã tự mình được bổ nhiệm làm một trong những người khiêng quan tài! Nhưng khi ngày đến và đoàn người sắp xuất phát, y bị gọi ra ngoài một lúc, và khi y quay lại, đoàn người đã di chuyển đi rồi, và những người khiêng quan tài là những người đã được nhìn thấy trong viễn cảnh.

I have myself had similar pictures of scenes in the future—scenes of no interest to myself,

Tôi cũng từng có những hình ảnh tương tự về các cảnh trong tương lai — những cảnh không

and of no use so far as I could see; but they have always happened exactly as I had seen them, in every case where I have had the opportunity of verifying them.

có ý nghĩa gì đối với tôi, và không có giá trị sử dụng rõ ràng; nhưng chúng luôn diễn ra chính xác như tôi đã thấy, trong mọi trường hợp mà tôi có cơ hội để xác minh.

The LOGOS has thought out the whole life of His system, not only as it is now, but as it has been at every moment in the past, and as it will be at every moment in the future. And His thought calls into existence that of which He thinks. These thought-forms are said to be on the cosmic mental plane—two whole sets of seven planes above our set of seven. He thinks out what He intends each of the planetary chains to do; He comes down to smaller details, for He thinks of the type of man for every root-race and sub-race, from the beginning of all, through the Lemurian, the Atlantean, the Aryan and the succeeding races. Thus we may say that on that cosmic mental plane the whole of the system was called into existence simultaneously by that thought—an act of special creation; and it must all be now simultaneously present to Him. So that it may well be that His mighty consciousness to some extent reflects itself even on very much lower levels, and somehow we sometimes catch faint glimpses of those reflection.

Thượng đế đã suy nghĩ về toàn bộ cuộc sống của hệ thống Ngài, không chỉ như nó đang diễn ra bây giờ, mà còn ở mọi thời điểm trong quá khứ, và như nó sẽ diễn ra ở mọi thời điểm trong tương lai. Và suy nghĩ của Ngài tạo ra sự tồn tại của những gì Ngài nghĩ đến. Những hình tư tưởng này được cho là tồn tại ở cõi trí vũ trụ — hai toàn bộ tập hợp bảy cõi trên bộ bảy cõi của chúng ta. Ngài suy nghĩ về những gì Ngài muốn từng chuỗi hành tinh sẽ làm; Ngài đi sâu vào các chi tiết nhỏ hơn, vì Ngài suy nghĩ về loại hình con người cho từng giống dân căn và giống dân phụ, từ khi bắt đầu tất cả, qua các giống dân Lemuria, Atlantis, Arya và các giống dân tiếp theo. Do đó, chúng ta có thể nói rằng trên cõi trí vũ trụ đó, toàn bộ hệ thống đã được gọi vào sự tồn tại đồng thời bởi suy nghĩ đó — một hành động của sự sáng tạo đặc biệt; và tất cả điều đó bây giờ chắc chắn là đang hiện diện cùng lúc với Ngài. Vì vậy, có thể rằng tâm thức vĩ đại của Ngài ít nhiều phản chiếu xuống ngay cả những cấp độ thấp hơn nhiều, và theo cách nào đó, đôi khi chúng ta bắt gặp những thoáng nhìn yếu ớt của những phản chiếu đó.

FIFTH SECTION: DEVAS AND NATURE SPIRITS

THE AURA OF THE DEVA

THE AURA OF THE DEVA

THE devas are a mighty kingdom of spirits, the next above humanity, just in the same way as the animal kingdom is the next one below it. You may think of them as great and glorious angels, but of course they are of many different kinds, and different degrees of evolution. None of them are so low down as to have physical bodies such as we have. The lowest kind are called kamadevas, and they have astral bodies, while the next higher variety have bodies made of lower mental matter, and so on. They will never be human, because most of them are already beyond that stage, but there are some of them who have been human beings in the past. When men come to the end of their evolution as men, and become something greater than human, several paths open before them, and one of these is to join this beautiful deva evolution.

Devas and men differ in appearance. For one thing devas are more fluidic—capable of far greater expansion and contraction. Secondly, they have a certain fiery quality which is clearly distinguishable from that of any ordinary human being. The only kind of human being with whom it might be possible to confound them would be the highly-developed—an arhat, for example, who had a large and well-arranged aura; but even then one who had seen both would not be likely to mistake them. The aura of the ordinary man is

HÀO QUANG CỦA CÁC THIÊN THẦN

Các thiên thần (devas) là một vương quốc hùng mạnh của các linh hồn, nằm ngay trên nhân loại, giống như cách giới động vật nằm ngay dưới nó. Bạn có thể nghĩ về họ như là những thiên thần vĩ đại và huy hoàng, nhưng dĩ nhiên họ thuộc nhiều loại khác nhau và có các mức độ tiến hóa khác nhau. Không có thiên thần nào thấp đến mức có thể có thân thể vật lý giống như chúng ta. Loại thấp nhất được gọi là kamadevas, và họ có thân thể cảm dục, trong khi loại cao hơn một bậc có thân thể làm bằng vật chất trí tuệ hạ đẳng, và cứ như thế. Họ sẽ không bao giờ trở thành con người, vì hầu hết đã vượt qua giai đoạn đó, tuy nhiên cũng có một số đã từng là con người trong quá khứ. Khi con người đạt đến điểm cuối của quá trình tiến hóa làm người và trở thành một thứ gì đó cao cả hơn nhân loại, sẽ có nhiều con đường mở ra trước mặt họ, và một trong số đó là gia nhập vào sự tiến hóa tuyệt đẹp của các thiên thần.

Các thiên thần và con người khác nhau về ngoại hình. Thứ nhất, thiên thần có tính chất linh động hơn – khả năng giãn nở và co rút rất mạnh mẽ. Thứ hai, họ có một phẩm chất rực lửa rõ ràng, khác biệt so với bất kỳ con người bình thường nào. Loại người duy nhất mà có thể dễ nhầm lẫn với họ là những người phát triển cao – ví dụ, một arhat có một hào quang lớn và được sắp xếp tốt; nhưng ngay cả khi đó, ai đã từng thấy cả hai sẽ khó có khả năng nhầm lẫn. Hào quang của một người bình thường có khả năng giãn nở tạm thời ở một mức độ nào

capable of a certain amount of temporary expansion. It has a definite size, which is the same as that of a section of the causal body, and as the causal body grows, that section becomes larger, and the man has a larger aura; but such increase comes only gradually.

đó. Nó có một kích thước nhất định, bằng với một phần của nhân thể, và khi nhân thể phát triển, phần đó trở nên lớn hơn, và người đó có một hào quang lớn hơn; nhưng sự gia tăng này chỉ xảy ra dần dần.

If you remember the plates in Man Visible and Invisible, you will recollect that the ordinary man, as far as the causal body is concerned, is far from being fully developed. When you look at the causal body of the developed man, you will see that it is full of colour, so the first stages of improvement in the case of the ordinary man consists in its filling up, not its enlargement. He must get the ovoid filled with different colours, and then expansion begins.

Nếu bạn nhớ lại các bản in trong cuốn "Man Visible and Invisible", bạn sẽ nhớ rằng người bình thường, xét về mặt nhân thể, còn rất xa mới phát triển hoàn chỉnh. Khi bạn nhìn vào nhân thể của một người đã phát triển, bạn sẽ thấy rằng nó đầy màu sắc, do đó, giai đoạn cải thiện đầu tiên trong trường hợp người bình thường là làm đầy nhân thể, không phải mở rộng nó. Người đó phải làm cho hình dạng hình bầu dục đầy đủ các màu sắc khác nhau, rồi sau đó sự giãn nở mới bắt đầu.

If any sudden rush of feeling comes over the ordinary man, it shows itself, as depicted in the book, by the flashing in the aura, and out from it, of the colour of the quality expressed —rose for affection, blue for devotion or green for sympathy; and also in the pulsating bands of that colour, and in the general intensification of everything connected with that emotion. It does not do more than that for the ordinary man; an exceedingly vivid rush of affection, for example, fills the aura with rose and sends out thought-forms of that colour in the direction of its object; but it does not usually appreciably increase, even temporarily, the size of the aura.

Nếu bất kỳ cảm xúc đột ngột nào tràn ngập một người bình thường, điều đó sẽ thể hiện ra, như được mô tả trong sách, bằng cách hào quang lóe sáng và tỏa ra màu sắc của phẩm chất được biểu hiện — màu hồng cho tình cảm, màu xanh dương cho lòng sùng mộ, hoặc màu xanh lá cho sự cảm thông; và cũng trong các dải màu rung động của màu đó, và sự tăng cường chung của mọi thứ liên quan đến cảm xúc đó. Đối với người bình thường, điều này không đi xa hơn; một cảm giác tình cảm cực kỳ sống động, chẳng hạn, sẽ làm đầy hào quang với màu hồng và phát ra các hình tư tưởng của màu đó hướng đến đối tượng của nó; nhưng nó thường không làm tăng đáng kể, ngay cả tạm thời, kích thước của hào quang.

The developed man, however, has already filled the causal body with colour, so in his case the effect produced by such a rush of affection or devotion or sympathy is not only to suffuse the body with colour and cause a

Tuy nhiên, người đã phát triển đã làm đầy nhân thể với màu sắc, vì vậy trong trường hợp của họ, hiệu ứng tạo ra bởi một dòng cảm xúc mãnh liệt như tình cảm hay lòng sùng mộ không chỉ làm cho cơ thể tràn ngập màu sắc và

great outrush of thought-forms, but also to produce a considerable temporary expansion, though the aura afterwards contracts to its normal size. Each such outrush of feeling makes the aura permanently just a little larger than before. The more it increases, the more power the man has to feel. Intellectual development also increases the aura, but in that case yellow is the predominant colour.

tạo ra một dòng chảy mạnh của các hình tư tưởng, mà còn gây ra một sự giãn nở tạm thời đáng kể, mặc dù hào quang sau đó co lại về kích thước bình thường. Mỗi dòng cảm xúc như vậy làm cho hào quang lớn hơn một chút so với trước đó. Càng tăng, người đó càng có sức mạnh cảm nhận mạnh mẽ hơn. Sự phát triển trí tuệ cũng tăng cường hào quang, nhưng trong trường hợp này, màu vàng là màu chủ đạo.

Remember that utterly unselfish affection or devotion belongs not to the astral but to the buddhic plane, and that is why when a wave of such feeling rushes over a man it causes great temporary expansion of his aura; yet it never increases to the same tremendous extent as with a deva. The fluctuations in the aura of a deva are so great as to be startling to those who are not used to them. One who recently did us the honour to pay us a visit at Adyar, to give us information about the foundation of the sixth root-race, had normally an aura of about one hundred and fifty yards in diameter; but when he became interested in the teaching which he was giving to us, that aura increased until it reached the sea, which is about a mile away from us.

Hãy nhớ rằng tình cảm hay lòng sùng mộ hoàn toàn vị tha không thuộc về cõi cảm dục mà thuộc về cõi bồ đề, và đó là lý do khi một dòng cảm xúc như vậy tràn ngập một người, nó gây ra sự giãn nở lớn tạm thời của hào quang; nhưng nó không bao giờ tăng lên cùng mức độ to lớn như đối với một thiên thần. Sự biến động trong hào quang của một thiên thần lớn đến mức gây bất ngờ cho những ai không quen thuộc với chúng. Một vị thiên thần gần đây đã đến viếng chúng tôi tại Adyar để cung cấp thông tin về sự thành lập của giống dân chánh thứ sáu, thường có hào quang rộng khoảng một trăm năm mươi thước đường kính; nhưng khi ông trở nên hứng thú với những lời dạy mà ông đang truyền tải cho chúng tôi, hào quang đó đã tăng lên đến tận biển, cách chúng tôi khoảng một dặm.

No human being could feel sufficient emotion to produce such an increase as this. Even in the case of a Master the proportionate temporary enlargement would never be so great. I do not mean anything derogatory to the deva, when I say that the Master is steadier, and that the permanent growth of His aura would be as great as that of the deva, but the temporary expansion less in proportion. The texture of the deva' s aura is, as it were, looser. The same extent of aura in a

Không một con người nào có thể cảm thấy đủ cảm xúc để tạo ra một sự gia tăng như vậy. Ngay cả trong trường hợp một Chân sư, sự giãn nở tạm thời theo tỷ lệ cũng không bao giờ lớn đến thế. Tôi không có ý xúc phạm thiên thần khi nói rằng Chân sư ổn định hơn, và sự phát triển lâu dài của hào quang Ngài cũng lớn như của thiên thần, nhưng sự giãn nở tạm thời lại ít hơn theo tỷ lệ. Kết cấu của hào quang thiên thần, có thể nói, lỏng lẻo hơn. Cùng một độ rộng của hào quang ở một con người chứa

human being contains more matter, because it is more condensed or concentrated. The deva in question was no further advanced than an arhat, whose aura might probably extend a third of the distance. But it might easily happen that a clairvoyant who had not seen either before might realise only that he was surrounded by a cloud of glory in either case, and he probably would not know the difference.

nhiều vật chất hơn vì nó được cô đặc hoặc tập trung hơn. Thiên thần được đề cập ở đây không tiến bộ hơn một arhat, có thể hào quang của người đó kéo dài khoảng một phần ba khoảng cách đó. Nhưng rất có thể một người có thông nhãn mà chưa từng nhìn thấy cả hai có thể chỉ nhận ra rằng anh ta bị bao quanh bởi một đám mây huy hoàng trong cả hai trường hợp và có lẽ sẽ không biết sự khác biệt.

Expansion and growth take place in the astral and mental bodies as well as in the causal. These three bodies are all of the same extent, although you must remember one is dealing with only sections, and even sections of sections. There used to be a theory afloat that the causal body of the ordinary was about the size of a pea, and that it gradually increased; but that is not correct. The undeveloped causal body is the same size as any other, until the expansion begins.

Sự giãn nở và phát triển diễn ra trong các thể cảm dục và trí tuệ cũng như trong nhân thể. Ba thể này đều có cùng một mức độ, mặc dù bạn phải nhớ rằng mình chỉ đang xử lý với các phần, thậm chí là các phần của các phần. Từng có một lý thuyết phổ biến rằng nhân thể của người bình thường có kích thước cỡ hạt đậu và tăng dần; nhưng điều đó không đúng. Nhân thể chưa phát triển có kích thước giống như bất kỳ nhân thể nào khác, cho đến khi sự giãn nở bắt đầu.

As I have said, the aura of a deva has fiery characteristics which are not easy to describe, though very readily recognisable. All of the colours are more fluidic, and of the nature of flame rather than of cloud. A man looks like an exceedingly brilliant, yet delicate cloud of glowing gas, but a deva looks like a mass of fire.

Như tôi đã nói, hào quang của một thiên thần có các đặc tính rực lửa khó diễn tả, nhưng rất dễ nhận biết. Tất cả các màu sắc đều linh động hơn và có tính chất của ngọn lửa hơn là đám mây. Một người trông giống như một đám mây khí phát sáng, rực rỡ nhưng tinh tế, trong khi một thiên thần trông giống như một khối lửa.

The human form inside the aura of a deva is very much less defined than in a man. He lives more in the circumference, more all over his aura than a man does. Ninety-nine per cent of the matter of a man' s aura is within the periphery of the physical body, but the proportion is far less in the case of a deva. Devas usually appear as human beings of gigantic size. Somebody has suggested that

Hình dạng con người bên trong hào quang của một thiên thần ít được xác định rõ nét hơn so với con người. Họ sống nhiều hơn ở vòng ngoài, trong toàn bộ hào quang của mình nhiều hơn so với một con người. Chín mươi chín phần trăm vật chất của hào quang con người nằm trong chu vi của thân thể vật lý, nhưng tỷ lệ đó thấp hơn rất nhiều đối với một thiên thần. Các thiên thần thường xuất hiện

there are devas who look as though they were feathered. There is some justification for this idea; I know exactly the appearance that that man was trying to describe, but it is not easy to put it into words. The great green devas whom I saw in Ireland have a very striking appearance, being enormous in size and most majestic. One cannot describe them accurately; in words it is only possible to approximate. The painters usually represent angels with wings and feathers, but I think where these are mentioned in the Christian scriptures they are always symbolical, for when real angels appear they are sometimes mistaken for human beings (as by Abraham, for example); so obviously they could not have had wings.

dưới hình dạng người khổng lồ. Có người từng gợi ý rằng có những thiên thần trông như thể họ có lông vũ. Quan điểm này có phần chính xác; tôi biết rõ hình dáng mà người đó cố gắng mô tả, nhưng không dễ để diễn đạt thành lời. Những thiên thần xanh vĩ đại mà tôi thấy ở Ireland có diện mạo rất nổi bật, với kích thước khổng lồ và cực kỳ uy nghi. Không thể mô tả chính xác về họ; qua ngôn từ, chỉ có thể diễn tả một cách tương đối. Các họa sĩ thường vẽ các thiên thần với đôi cánh và lông vũ, nhưng tôi nghĩ khi những yếu tố này được nhắc đến trong các văn bản Thiên Chúa giáo, chúng luôn mang tính biểu tượng, vì khi các thiên thần thật sự xuất hiện, đôi khi họ bị nhầm lẫn với con người (như trường hợp của Abraham chẳng hạn); nên rõ ràng là họ không thể có cánh.

In many cases a deva may be distinguished by the form which he happens to be taking inside his ovoid. It is nearly always a human form. You remember that nature-spirits take human form almost invariably, but with a peculiarity of some sort—always a little odd. I should be disposed to say the same of the devas; but it would be wrong to think of their forms as in any way distorted, for they have a great dignity and majesty.

Trong nhiều trường hợp, một thiên thần có thể được nhận diện qua hình dạng mà họ tạm thời chọn bên trong hình bầu dục của mình. Đó gần như luôn là hình dạng con người. Bạn nhớ rằng các tinh linh tự nhiên hầu như luôn chọn hình dạng con người, nhưng có một nét đặc trưng nào đó — luôn có gì đó hơi kỳ lạ. Tôi cũng cho rằng điều này đúng với các thiên thần; nhưng sẽ sai lầm nếu nghĩ hình dạng của họ bị biến dạng theo bất kỳ cách nào, vì họ có một sự trang nghiêm và uy nghi vĩ đại.

The devas produce thought-forms as we do, but theirs are not usually so concrete as ours until they reach a high level. They have a wide generalising nature, and are constantly making gorgeous plans. They have a colour-language, which is probably not as definite as our speech, though in certain ways it may express more.

Các thiên thần cũng tạo ra các hình tư tưởng giống như chúng ta, nhưng chúng thường không rõ ràng và cụ thể như của chúng ta cho đến khi họ đạt đến một cấp độ cao. Họ có bản chất rộng mở, tổng quát và thường xuyên lập kế hoạch hoành tráng. Họ có một ngôn ngữ màu sắc, có lẽ không cụ thể như ngôn từ của chúng ta, mặc dù theo một cách nào đó có thể diễn đạt nhiều hơn.

As regards the size of the aura, that of an ordinary man extends about eighteen inches on each side of the body. If he puts his elbow against his side and stretches out his arm and hand, his finger-tips will be near the circumference. The average Theosophist may be a trifle larger than the quite uninterested person; but there are fine, large auras outside the Society as well. Intense feeling means a larger aura.

Về kích thước của hào quang, hào quang của một người bình thường kéo dài khoảng mười tám inch ở mỗi bên cơ thể. Nếu người đó đưa khuỷu tay ép sát cơ thể và duỗi thẳng cánh tay cùng bàn tay, các đầu ngón tay sẽ gần với chu vi của hào quang. Một hội viên Theosophist trung bình có thể có hào quang lớn hơn một chút so với người hoàn toàn không quan tâm; nhưng vẫn có những hào quang đẹp và lớn bên ngoài Hội. Cảm xúc mãnh liệt đồng nghĩa với một hào quang lớn hơn.

We may have a distortion of the aura—it may be a little out of shape. As I have explained before, most people have the small end of the egg upwards, but we who are students tend to grow larger at the top, because the characteristics which we are developing express themselves in matter which naturally floats in the upper part of the aura because of its specific gravity. The increased size of the aura is a prerequisite for initiation, and the qualifications should be visible in it. The aura of a Buddha is said in the books to be three miles in radius; at one stage below His, I have myself seen one which extends about two miles. It naturally increases with each initiation.

Chúng ta có thể có một hào quang biến dạng — nó có thể hơi mất cân đối. Như tôi đã giải thích trước đây, hầu hết mọi người có đầu nhỏ của hình bầu dục hướng lên, nhưng chúng ta, những người nghiên cứu, có xu hướng phát triển lớn hơn ở phần trên, vì các phẩm chất mà chúng ta đang phát triển thể hiện ra trong vật chất, vốn tự nhiên nổi ở phần trên của hào quang do trọng lực cụ thể của nó. Sự gia tăng kích thước hào quang là điều kiện tiên quyết cho lần điểm đạo, và các phẩm tính cần thiết phải được thể hiện rõ ràng trong đó. Hào quang của một vị Phật được ghi lại trong các kinh sách có bán kính ba dặm; ở một cấp thấp hơn Ngài một bậc, tôi từng thấy một hào quang kéo dài khoảng hai dặm. Nó tự nhiên tăng lên sau mỗi lần điểm đạo.

The devas do not come along our line of development, and do not take such initiations as we do, for the two kingdoms converge at a point higher than the adept. There are ways in which a man can enter the deva evolution, even at our own stage, or lower.

Các thiên thần không đi theo con đường phát triển của chúng ta và không trải qua các lần điểm đạo như chúng ta, vì hai vương quốc hội tụ ở một điểm cao hơn Chân Sư. Có nhiều cách để một con người có thể bước vào con đường tiến hóa của thiên thần, ngay cả ở cấp độ của chúng ta, hoặc thấp hơn.

You ask if the devas are often near at hand and willing to teach men. They are usually quite willing to expound and exemplify subjects

Bạn hỏi liệu các thiên thần có thường hiện diện và sẵn sàng dạy bảo con người hay không. Họ thường sẵn sàng giảng giải và minh họa

along their own line to any human being who is sufficiently developed to appreciate them. Much instruction is being given in this way; but most people have not prepared themselves for it yet, and so are unable to profit by it. We know nothing of any rule or limit for the work of the devas; they have more lines of activity than we can imagine.

những chủ đề theo con đường của họ cho bất kỳ con người nào đủ phát triển để hiểu được. Có rất nhiều chỉ dạy được truyền đạt theo cách này; nhưng hầu hết mọi người chưa chuẩn bị cho điều đó và do đó không thể hưởng lợi từ nó. Chúng ta không biết về bất kỳ quy tắc hay giới hạn nào đối với công việc của các thiên thần; họ có nhiều lĩnh vực hoạt động hơn chúng ta có thể tưởng tượng.

There are usually plenty of them here at Adyar. We have many great advantages here, where the Masters come so frequently. In order to see them, all that is required is a little clairvoyance at the right moment. There is a stimulus from these Beings, which some feel in one way and some in others. Perhaps in the earlier incarnation of the Lord Gautama as the first Zoroaster, the fire which is one of the signs of His development may have been one of the reasons why He was mistaken for a deva. It is said that during meditation flames leapt from the aura of the Lord Buddha; but we must remember that an ordinary thought-form would often appear flame-like to a person who was not used to such things. The shining of the Christ at the transfiguration is a similar case.

Thường có rất nhiều thiên thần ở đây tại Adyar. Chúng tôi có nhiều lợi thế lớn lao, vì các Chân Sư thường xuyên đến nơi này. Để thấy được họ, tất cả những gì cần thiết là một chút khả năng thông nhãn vào đúng thời điểm. Có một kích thích từ những Đấng Cao Cả này, một số người cảm nhận được theo cách này, một số theo cách khác. Có lẽ trong kiếp đầu tiên của Đức Gautama với vai trò Zoroaster đầu tiên, ngọn lửa là một trong những dấu hiệu của sự phát triển của Ngài và có thể đã là một trong những lý do khiến Ngài bị nhầm lẫn là một thiên thần. Người ta nói rằng trong lúc tham thiền, ngọn lửa bùng lên từ hào quang của Đức Phật; nhưng chúng ta phải nhớ rằng một hình tư tưởng bình thường cũng thường xuất hiện như ngọn lửa đối với người không quen thuộc với những điều này. Sự tỏa sáng của Đức Christ trong lần biến hình cũng là một trường hợp tương tự.

There are plenty of glorious influences all around us here, but their effect upon each one of us can be in proportion to his receptivity. We can take from all this just what we make ourselves fit to take, and no more. A person who is thinking of himself all the while may bathe in this glowing magnetism for a year, and not be one iota the better for it. He may even be the worse; for these tremendously strong vibrations tend to intensify a man' s

Có vô vàn ảnh hưởng huy hoàng xung quanh chúng ta ở đây, nhưng hiệu quả của chúng đối với mỗi người chúng ta tùy thuộc vào mức độ tiếp nhận của từng người. Chúng ta có thể hấp thu từ tất cả điều này những gì mà chúng ta tự trang bị để tiếp nhận, và không hơn. Một người liên tục nghĩ về bản thân có thể chìm trong từ trường rực rỡ này cả năm trời mà không cải thiện chút nào. Thậm chí, người đó có thể trở nên tồi tệ hơn; vì những rung động cực kỳ

qualities, and sometimes the undesirable are strengthened as well as the desirable; or he may be altogether upset, and become unbalanced and hysterical. To a man who is wise enough to take it, a stay at Adyar is an opportunity such as few men have ever had during history; but what we make of it depends entirely upon ourselves.

mạnh mẽ này có xu hướng khuếch đại phẩm chất của con người, và đôi khi cả những điều không mong muốn cũng được tăng cường cùng với những điều tốt đẹp; hoặc người đó có thể bị đảo lộn hoàn toàn, trở nên mất cân bằng và kích động. Đối với một người đủ khôn ngoan để đón nhận, một khoảng thời gian ở Adyar là cơ hội mà hiếm người nào trong lịch sử từng có được; nhưng chúng ta làm được gì từ nó hoàn toàn tùy thuộc vào bản thân.

THE SPIRIT OF A TREE

The spirit of a great tree, such as a banyan, not infrequently externalises itself, and when it does so it usually takes on a gigantic human form. I have noticed one near here, for example, whose form is about twelve feet high, and looked like a woman the last time I saw it. Its features were quite clear, but its form was misty. There are also nature-spirits which cling round a tree, and do not at all like to be disturbed. I have heard it said that nature-spirits do not cling round the trees which man fells for timber; but such observations as I have been able to make do not bear out this contention, and it seems to me that it must have been invented by men who wished to destroy the tree without feeling any unpleasant twinges of conscience.

Tinh thần của một cây lớn, chẳng hạn như cây đa, không hiếm khi hiện hình ra bên ngoài, và khi làm như vậy, nó thường mang hình dạng con người khổng lồ. Tôi từng chú ý thấy một ví dụ gần đây, hình dạng của nó cao khoảng mười hai feet, và trông như một người phụ nữ lần cuối tôi nhìn thấy. Các đường nét trên khuôn mặt khá rõ ràng, nhưng hình dáng tổng thể thì mờ ảo. Cũng có những tinh linh tự nhiên bám quanh một cái cây và hoàn toàn không thích bị quấy rầy. Tôi từng nghe nói rằng các tinh linh tự nhiên không bám quanh những cây mà con người đốn để lấy gỗ; nhưng những quan sát mà tôi có được không ủng hộ luận điểm này, và dường như đối với tôi rằng quan điểm này có lẽ được phát minh bởi những người muốn phá hủy cây mà không cảm thấy bất kỳ áy náy nào về lương tâm.

Although it takes so fine a form, the spirit of a tree is not individualised, nor even within measurable distance of individualisation. Nevertheless, it is already much higher than the lower forms of animal life, and when it passes into the animal kingdom it will come

Dù có hình dạng tinh tế như vậy, tinh thần của một cái cây không được biệt ngã hóa, thậm chí còn chưa đạt đến mức gần với quá trình biệt ngã hóa. Tuy nhiên, nó đã cao hơn nhiều so với các dạng sống động vật thấp kém, và khi nó chuyển sang giới động vật, nó sẽ nhập thẳng

straight into some of the mammalian groups. It has its likes and dislikes, and these show in its aura, though the colour and definition are naturally altogether vaguer and dimmer than in the case of an animal. Indeed, in animals who glow with affection its colour is often remarkably strong; stronger in the case of some animals than that which is shown by some human beings, because it is so much more concentrated and one-pointed.

vào một số nhóm động vật có vú. Nó có sự ưa thích và không ưa, và điều này biểu hiện trong hào quang của nó, mặc dù màu sắc và sự rõ nét tất nhiên mờ nhạt hơn nhiều so với trường hợp của động vật. Thật vậy, ở những động vật phát sáng với tình cảm, màu sắc thường rất mạnh; thậm chí mạnh hơn ở một số động vật so với một số con người, vì nó tập trung và nhất tâm hơn nhiều.

The strong attraction which some people feel for particular kinds of trees or animals depends often upon the line of animal and vegetable evolution through which those people have risen.

Sự thu hút mạnh mẽ mà một số người cảm thấy đối với các loại cây hoặc động vật cụ thể thường phụ thuộc vào dòng tiến hóa động vật và thực vật mà những người đó đã đi qua.

SIXTH SECTION: THE WORLD AND THE RACES OF MEN

THE BUILDING OF THE SYSTEM

OUR solar system has seven planes which, when taken together, form the lowest of the great cosmic planes. There was a time when this cosmic plane consisted only of what was to it atomic matter, that is to say, of the bubbles in koilon. That was the condition existing on what we may call the site of the solar system. When the Solar LOGOS chose to manifest Himself, when He came forth out of eternity into time, and wished to form this system, He commenced first of all by defining an area, the limit perhaps of His own aura.

HỆ Thái dương của chúng ta có bảy cõi giới, khi được kết hợp lại, tạo thành cõi thấp nhất trong các cõi vũ trụ lớn. Đã có thời khi cõi vũ trụ này chỉ bao gồm những gì được gọi là vật chất nguyên tử, tức là các bọt khí trong koilon. Đó là tình trạng tồn tại tại nơi mà chúng ta có thể gọi là vị trí của hệ Thái dương. Khi Thái dương Thượng Đế chọn thể hiện Ngài, khi Ngài xuất hiện từ vĩnh cửu vào thời gian và muốn hình thành hệ thống này, Ngài bắt đầu trước hết bằng cách xác định một khu vực, có thể là giới hạn của chính hào quang của Ngài.

Within that area He began His work upon the bubbles in koilon (which seem to have been already constructed, probably by some still greater LOGOS) using them as the atoms of our highest plane, and creating the universe in seven breaths. For example, He did not make the physical-plane matter directly from the astral-plane matter, but withdrew into Himself some of the matter of the astral plane and then breathed it out again in a new combination. Thus there is what is sometimes called a fresh tanmatra as well as a fresh tattwa for each plane.

Trong khu vực đó, Ngài bắt đầu công việc của mình trên các bọt khí trong koilon (dường như đã được tạo ra từ trước, có lẽ bởi một Thượng Đế lớn hơn nào đó), sử dụng chúng như các nguyên tử của cõi cao nhất của chúng ta và tạo ra vũ trụ trong bảy hơi thở. Ví dụ, Ngài không tạo ra vật chất của cõi vật lý trực tiếp từ vật chất của cõi cảm dục, mà rút vào chính Ngài một số vật chất của cõi cảm dục và sau đó thở ra chúng trong một tổ hợp mới. Do đó, có cái gọi là tanmatra mới cũng như tattwa mới cho mỗi cõi giới.

The shortest and clearest definition of these words which I have ever heard was given by the late T. Subba Rao. He said:

Định nghĩa ngắn gọn và rõ ràng nhất về các từ này mà tôi từng nghe được đưa ra bởi T. Subba Rao quá cố. Ông nói:

"The tanmatra is the modification in the consciousness of the LOGOS, and the tattwa is the effect produced in matter by that modification. You have seen how on a sandy shore a little wave comes quietly in, runs up

"Tanmatra là sự biến đổi trong tâm thức của Thượng Đế, và tattwa là hiệu ứng được tạo ra trong vật chất bởi sự biến đổi đó. Bạn đã thấy làm thế nào một làn sóng nhỏ lặng lẽ đi vào, chảy lên cát và rút đi. Nhưng nó để lại phía sau

on the sand and retires. But it has left behind it a tiny ridge to mark its limit. If the tide is rising, the next wave which comes in goes a little further up the beach, makes its mark in turn and then retires. You may think of the tanmatra as imaged by that wave, which is the temporary modification of the ocean, and you may think of the little ridge made in the sand as symbolising the tattwa."

một gờ nhỏ để đánh dấu giới hạn của nó. Nếu thủy triều đang dâng lên, làn sóng tiếp theo sẽ tiến xa hơn trên bãi biển, đánh dấu vị trí của nó và sau đó rút đi. Bạn có thể nghĩ tanmatra như được hình dung bởi làn sóng đó, là sự biến đổi tạm thời của đại dương, và bạn có thể nghĩ về gờ nhỏ được tạo ra trên cát như tượng trưng cho tattwa."

The meaning of the word tattwa appears to be "thatness," or "inherent quality."

Ý nghĩa của từ tattwa dường như là "tính chất đó" hoặc "phẩm tính cố hữu."

Though the atoms of the various planes as we descend are thus not made directly from one another it is nevertheless true that the atoms of the lower planes could not be made as they are unless the bubbles of which they are composed had already had the experience of passing through all the others above. The atom of the second plane already consists of forty-nine of these bubbles, and the atom of the third or nirvanic plane of two thousand four hundred and one. This proportion persists all the way down, so that the same energy which makes forty-nine astral atoms makes only one physical atom, the bubbles being arranged differently.

Mặc dù các nguyên tử của các cõi khác nhau khi chúng ta đi xuống không được tạo ra trực tiếp từ nhau, nhưng vẫn đúng rằng các nguyên tử của các cõi thấp hơn không thể được tạo ra như chúng nếu các bọt khí mà chúng được tạo thành chưa trải qua kinh nghiệm trên các cõi khác ở trên. Nguyên tử của cõi thứ hai đã bao gồm bốn mươi chín bọt khí này, và nguyên tử của cõi thứ ba hoặc cõi niết bàn gồm hai ngàn bốn trăm lẻ một bọt khí. Tỷ lệ này tồn tại suốt hành trình xuống, vì vậy năng lượng giống nhau làm ra bốn mươi chín nguyên tử cảm dục chỉ tạo ra một nguyên tử vật lý, các bọt khí được sắp xếp khác nhau.

If we could take a physical atom and put it back plane by plane up to the highest, it would be found to consist of about fourteen thousand million of these bubbles. But when the LOGOS is making the planes, the matter of one plane is drawn up and disintegrated down to the original bubbles, and then recombined to make the matter of the next lower plane. It is probable that the force by which some greater LOGOS formed the bubbles in koilon is what Madame Blavatsky calls fohat, for you remember that that is spoken of as digging

Nếu chúng ta có thể lấy một nguyên tử vật lý và đưa nó trở lại từng cõi lên đến cõi cao nhất, nó sẽ bao gồm khoảng mười bốn nghìn triệu bọt khí này. Nhưng khi Thượng Đế tạo ra các cõi, vật chất của một cõi được nâng lên và phân rã đến các bọt khí nguyên thủy, và sau đó được tái kết hợp để tạo ra vật chất của cõi thấp hơn tiếp theo. Có thể mãnh lực mà một Thượng Đế lớn hơn đã tạo ra các bọt khí trong koilon là cái mà bà Blavatsky gọi là fohat, vì bạn nhớ rằng fohat được miêu tả là đào các lỗ trong không gian, và những lỗ đó có thể là

holes in space, and the holes may be these infinitesimal bubbles, instead of solar systems, as we at first supposed.

những bọt khí vô cùng nhỏ bé này, thay vì là các hệ mặt trời, như chúng ta đã nghĩ lúc đầu.

I do not know whether each bubble is rotating round its own axis or not. Remember, it is not like a soap-bubble, which is a film of water with an outer and inner surface, enclosing air inside it; it is like a bubble in soda-water, which has only one surface, where the air meets the water. To the highest sight that we can as yet bring to bear upon it, it appears to be absolutely empty, so we cannot tell whether there is any interior motion going on in it or not. It seems to have no proper motion of its own, but it can be moved as a whole from without, singly or en masse, by an exertion of the will. No two of these bubbles ever under any circumstances touch each other.

Tôi không biết liệu mỗi bọt khí có tự quay quanh trục của nó hay không. Hãy nhớ, nó không giống như một bong bóng xà phòng, mà là một màng nước với bề mặt bên ngoài và bên trong, chứa không khí bên trong; nó giống như một bong bóng trong nước có ga, chỉ có một bề mặt, nơi không khí tiếp xúc với nước. Đối với thị giác cao nhất mà chúng ta có thể chiếu lên nó, nó dường như hoàn toàn trống rỗng, vì vậy chúng ta không thể biết có chuyển động nội tại nào diễn ra trong đó hay không. Nó dường như không có chuyển động riêng, nhưng có thể được di chuyển từ bên ngoài, riêng lẻ hoặc hàng loạt, bằng sự vận dụng ý chí. Không hai bọt khí nào dưới bất kỳ hoàn cảnh nào chạm vào nhau.

The drawing of the physical atom which is given in the frontispiece to The Ancient Wisdom is not quite accurate; it is far too flat—too much like a locket in appearance. The drawing given in Occult Chemistry is far better. The atom in reality is nearly globular, and its projecting points lie almost on the surface of a sphere. It looks somewhat like a wire cage, composed of ten endless wires, which lie completely separate and never touch one another—that is, if any one of them were taken out and uncoiled, and laid out flat, it would be a circle. The arrangement is rather complicated, and a diagram is necessary in order to make it clear. A model would be still better, but no one has yet had the time or the patience to make one.

Hình vẽ nguyên tử vật lý được cung cấp trong trang bìa của cuốn The Ancient Wisdom không hoàn toàn chính xác; nó quá phẳng—quá giống như một mề đay. Hình vẽ trong Occult Chemistry tốt hơn nhiều. Nguyên tử thực sự gần như hình cầu, và các điểm nhô ra của nó nằm gần như trên bề mặt của một quả cầu. Nó trông giống như một cái lồng dây, được tạo thành từ mười sợi dây vô tận, nằm hoàn toàn tách biệt và không bao giờ chạm vào nhau—tức là, nếu bất kỳ sợi nào trong số đó được tháo ra và duỗi thẳng, nó sẽ thành một vòng tròn. Cách sắp xếp khá phức tạp, và một sơ đồ là cần thiết để làm rõ. Một mô hình sẽ tốt hơn, nhưng chưa ai có thời gian hoặc kiên nhẫn để làm một.

By reference to the illustration in Occult Chemistry it will be seen that three of these

Bằng cách tham khảo hình minh họa trong Occult Chemistry, sẽ thấy rằng ba trong số

ten wires are thicker than the rest, for in them the seven sets of spirillae do not fit accurately over one another (as they do in the other wires), because in every seven hundred turns there are four more atoms. This means an increase of one in every one hundred and seventy-five bubbles, and it is this which makes those three seem larger than the rest. A scientific man, in criticising the Koilon article, said that in dealing with such minute particles it was impossible to be so accurate, but that is only because he did not understand that it is a mere question of counting and comparison.

mười sợi dây này dày hơn phần còn lại, vì trong chúng, bảy tập hợp xoắn ốc không khớp chính xác với nhau (như chúng làm trong các sợi dây khác), bởi vì trong mỗi bảy trăm vòng có bốn nguyên tử nữa. Điều này có nghĩa là sự gia tăng một trong mỗi một trăm bảy mươi lăm bọt khí, và điều này khiến ba sợi dây đó có vẻ lớn hơn những sợi khác. Một nhà khoa học, khi phê bình bài báo về Koilon, đã nói rằng khi làm việc với những hạt nhỏ như vậy, không thể chính xác như vậy được, nhưng đó chỉ vì ông ta không hiểu rằng đó chỉ là vấn đề đếm và so sánh.

The atom has three movements of its own: (1) rotation on its axis; (2) an orbital motion, for it is continually running round in a small circle; (3) a pulsation like a heart, a constant expansion and contraction. These three movements are always going on, and are unaffected by any force from outside. A force from outside—a ray of light for example—will set the atom as a whole moving violently up and down, the phase of this movement being proportional to the intensity of the light, and its wave-length being determined by the colour of the light. A curious feature is that when this happens one of the seven minor wires of the atom begins to glow—the which corresponds to the colour of the light which is setting the whole atom in motion.

Nguyên tử có ba chuyển động riêng: (1) quay quanh trục của nó; (2) chuyển động quỹ đạo, vì nó liên tục chạy vòng quanh trong một vòng tròn nhỏ; (3) một sự đập như tim, một sự co giãn liên tục. Ba chuyển động này luôn diễn ra, và không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ lực nào từ bên ngoài. Một lực từ bên ngoài—ví dụ như một tia sáng—sẽ khiến toàn bộ nguyên tử di chuyển mạnh mẽ lên xuống, pha của chuyển động này tỷ lệ thuận với cường độ ánh sáng, và bước sóng của nó được xác định bởi màu sắc của ánh sáng. Một đặc điểm kỳ lạ là khi điều này xảy ra, một trong bảy sợi dây nhỏ của nguyên tử bắt đầu phát sáng—sợi tương ứng với màu của ánh sáng đang làm cho toàn bộ nguyên tử chuyển động.

The atom exists because of the force which the LOGOS is pouring through it, precisely as a little revolving column of dust and leaves, at the corner of the street, exists because of the whirling wind which made it. The existence of matter depends therefore absolutely upon the continuance of an idea in the mind of the LOGOS; if He chose to withdraw His force from the physical plane—to cease thinking it

Nguyên tử tồn tại vì lực mà Thượng Đế đang truyền qua nó, chính xác như một cột bụi và lá xoay nhỏ bé, tại một góc phố, tồn tại nhờ cơn gió xoáy tạo ra nó. Sự tồn tại của vật chất do đó phụ thuộc hoàn toàn vào sự tiếp tục của một ý tưởng trong tâm thức của Thượng Đế; nếu Ngài chọn rút lại lực của mình khỏi cõi vật lý—ngừng nghĩ về nó—mọi nguyên tử vật lý sẽ ngay lập tức phân rã, và toàn bộ cõi vật lý sẽ

—every physical atom would instantly disintegrate, and the whole physical plane would disappear in an instant like the light of a candle when it is blown out.

biến mất trong chớp mắt như ánh sáng của một ngọn nến khi nó bị thổi tắt.

Besides this force which holds the atom together in its spiral form, a number of the forces of the LOGOS are also playing round its coils—or perhaps we should rather say, one of His forces is playing at a number of different levels. There are seven orders of this force, which are eventually, at the end of the seventh round, to play fully round the seven sets of spirillae; but some of them are not yet in activity, since this is only the fourth round.

Bên cạnh lực giữ nguyên tử trong hình xoắn ốc của nó, nhiều mãnh lực của Thượng Đế cũng tác động xung quanh các vòng xoắn của nguyên tử—hoặc có lẽ chúng ta nên nói, một trong những mãnh lực của Ngài đang tác động ở nhiều cấp độ khác nhau. Có bảy bậc của mãnh lực này, và cuối cùng, vào cuối cuộc tuần hoàn thứ bảy, chúng sẽ hoàn toàn tác động xung quanh bảy tập hợp xoắn ốc; nhưng một số trong số đó vẫn chưa hoạt động, vì đây mới chỉ là cuộc tuần hoàn thứ tư.

There is some reason to believe that what the scientific people call electrons may be what we call astral atoms, for they have said that in a chemical atom of hydrogen there are probably somewhere between seven hundred and a thousand of these electrons. Now it happens that in a chemical atom of hydrogen there are eight hundred and eighty-two astral atoms. This may of course be only a coincidence, but that seems somewhat improbable. If this suggestion be true it follows that in some of their experiments our scientific men must be actually disintegrating physical matter, and throwing it back on to the astral plane; in which case it would seem that they must presently be forced to admit the existence of astral matter, though they will naturally think of it as nothing but a further subdivision of physical matter.

Có lý do để tin rằng những gì các nhà khoa học gọi là electron có thể là những gì chúng ta gọi là nguyên tử cảm dục, vì họ đã nói rằng trong một nguyên tử hóa học của hydro có thể có từ bảy trăm đến một nghìn electron. Bây giờ, điều xảy ra là trong một nguyên tử hóa học của hydro có tám trăm tám mươi hai nguyên tử cảm dục. Điều này có thể chỉ là một sự trùng hợp, nhưng điều đó dường như ít có khả năng. Nếu gợi ý này là đúng, thì điều này có nghĩa là trong một số thí nghiệm, các nhà khoa học của chúng ta thực sự đang phân rã vật chất vật lý và đẩy nó trở lại cõi cảm dục; trong trường hợp đó, có vẻ như họ sẽ sớm phải thừa nhận sự tồn tại của vật chất cảm dục, mặc dù họ tự nhiên sẽ nghĩ rằng nó chỉ là một phân chia thêm của vật chất vật lý.

I do not know whether in such cases the disintegrated physical atoms re-form themselves; but in our experiments, when by an effort of the will the physical atom is

Tôi không biết liệu trong những trường hợp như vậy các nguyên tử vật lý bị phân rã có tự tái tạo lại không; nhưng trong các thí nghiệm của chúng tôi, khi bằng một nỗ lực của ý chí,

broken up into astral or mental atoms, it means only that for a moment the human will is set against the divine will which formed that atom. It requires a distinct effort to hold the atom temporarily in a different form, and the moment that the human will is withdrawn the divine will re-asserts itself and the physical atom is there once more. This, however, seems to apply only to the breaking up of the ultimate atoms of the plane; when for experimental purposes we break up a chemical atom into physical ultimate atoms, it remains in that condition, and does not return to its original state.

nguyên tử vật lý bị phá vỡ thành nguyên tử cảm dục hoặc trí tuệ, điều đó chỉ có nghĩa là trong khoảnh khắc ý chí của con người đã đối lập với ý chí thiêng liêng đã tạo ra nguyên tử đó. Cần một nỗ lực rõ ràng để tạm thời giữ nguyên tử ở dạng khác, và ngay khi ý chí của con người được rút lại, ý chí thiêng liêng tái khẳng định và nguyên tử vật lý lại xuất hiện. Tuy nhiên, điều này dường như chỉ áp dụng cho việc phá vỡ các nguyên tử cuối cùng của cõi giới; khi vì mục đích thí nghiệm, chúng tôi phá vỡ một nguyên tử hóa học thành các nguyên tử cuối cùng của cõi vật lý, nó vẫn ở trong trạng thái đó và không quay trở lại trạng thái ban đầu.

In interstellar space (between solar system) we are given to understand that atoms lie far apart and equidistant; and I believe that that is their normal condition when undisturbed. That is what is meant by speaking of the atoms as free. Within the atmosphere of a planet they are never found in at all that state, for even when not grouped in forms, they are at any rate enormously compressed by the force of attraction.

Trong không gian giữa các sao (giữa các hệ mặt trời), chúng tôi được cho biết rằng các nguyên tử nằm cách xa nhau và cách đều nhau; và tôi tin rằng đó là trạng thái bình thường của chúng khi không bị xáo trộn. Đó là điều được ngụ ý khi nói về các nguyên tử tự do. Trong khí quyển của một hành tinh, chúng không bao giờ ở trong trạng thái đó, vì ngay cả khi không được nhóm lại thành hình tướng, chúng vẫn bị nén khổng lồ bởi lực hấp dẫn.

A man has a causal body on the atomic mental plane, but the mental atoms composing it will be crushed together by attraction into a very definite and quite dense shape, even though they are in no way altered in themselves, and are not grouped into molecules. Such a body could exist comfortably on its own atomic plane in the neighbourhood of a planet, where the atomic matter is in the compressed condition; but it would not at all be able to move or function in this far-away space where the atoms remain absolutely free and uncompressed.

Một người có một thể nhân quả trên cõi trí nguyên tử, nhưng các nguyên tử trí tuệ tạo thành nó sẽ bị ép chặt lại bởi lực hấp dẫn thành một hình dạng rất cụ thể và khá đậm đặc, mặc dù bản thân chúng không bị thay đổi, và không được nhóm lại thành phân tử. Một thể như vậy có thể tồn tại thoải mái trên cõi nguyên tử của nó ở gần một hành tinh, nơi vật chất nguyên tử ở trong trạng thái bị nén; nhưng nó hoàn toàn không thể di chuyển hoặc hoạt động trong không gian xa nơi các nguyên tử vẫn hoàn toàn tự do và không bị nén.

The conditions in interplanetary space are probably not exactly the same as in interstellar space, for there may be a great deal of disturbance due to cometic and meteoric matter, and also the tremendous attraction of the sun produces a considerable compression within the limits of his system. Indeed, the vortex made in the first place by the LOGOS is of course still in action; and part of its action was to draw in matter from the surrounding space and compress it. I have no information upon the question as to whether atoms floating within the limits of the solar system would or would not be necessarily all vivified by elemental essence. It seems to me most probable, however, that only those atoms which make the mental, astral and physical bodies (the latter of course, including the atmosphere and the lower varieties of ether) of the sun and the various planets and comets would be so vivified.

Các điều kiện trong không gian giữa các hành tinh có lẽ không hoàn toàn giống với không gian giữa các sao, vì có thể có rất nhiều sự xáo trộn do vật chất của sao chổi và thiên thạch gây ra, và lực hấp dẫn khổng lồ của mặt trời cũng tạo ra sự nén đáng kể trong giới hạn của hệ thống của Ngài. Thực tế, xoáy lực được tạo ra ngay từ đầu bởi Thượng Đế vẫn đang hoạt động; và một phần của hoạt động của nó là hút vật chất từ không gian xung quanh và nén nó. Tôi không có thông tin về việc liệu các nguyên tử trôi nổi trong giới hạn của hệ mặt trời có nhất thiết phải được sinh động hóa bởi tinh linh hành khí hay không. Tuy nhiên, theo tôi có lẽ chỉ những nguyên tử tạo thành các thể trí tuệ, cảm dục và vật lý (thể vật lý dĩ nhiên bao gồm cả khí quyển và các dạng dĩ thái thấp hơn) của mặt trời và các hành tinh, sao chổi khác nhau sẽ được sinh động hóa.

At any rate, as we began by saying, the LOGOS chooses His area—an area of size stupendous beyond our comprehension. Astronomy tells us that the distance between solar systems is so enormous as to be out of all proportion to the systems themselves. It is nevertheless probable that the LOGOI of those systems are actually in touch with one another, and that the solar system existing in the centre of each of these inconceivably vast spheres represents the condensation of matter which was originally scattered throughout the whole of that prodigious area, in a condition of the minutest possible subdivision—perhaps in the condition of the ultimate bubbles which are atoms of our highest plane.

Dù sao đi nữa, như chúng ta đã bắt đầu bằng cách nói, Thượng Đế chọn khu vực của Ngài—một khu vực có kích thước vượt quá sự hiểu biết của chúng ta. Thiên văn học nói với chúng ta rằng khoảng cách giữa các hệ mặt trời lớn đến mức không tương xứng so với chính các hệ thống. Tuy nhiên, có khả năng rằng các Thượng Đế của những hệ thống đó thực sự đang liên lạc với nhau, và rằng hệ mặt trời tồn tại ở trung tâm của mỗi một trong những quả cầu khổng lồ không tưởng tượng nổi này đại diện cho sự ngưng tụ của vật chất ban đầu được phân tán khắp toàn bộ khu vực khổng lồ đó, trong một tình trạng phân chia nhỏ nhất có thể—có lẽ trong tình trạng của các bọt khí nguyên thủy, là những nguyên tử của cõi cao nhất của chúng ta.

At a certain stage in that condensation or

Tại một giai đoạn nhất định trong sự ngưng tụ

compressed—a stage when the radius of His globe still extent far beyond the orbit of the outermost planet of our system as it is to-day —He sets up within it a whirling motion accompanied by intense electrical action, thus making a kind of colossal vortex in many dimensions. The compression of the whirling mass is continued through what to us would be untold ages, in the course of which He breathes the seven breaths of which we have previously spoken, and thereby groups the bubbles into the atomic matter of the various planes. Eventually there comes a point at which He sends through it a kind of electrical shock, which precipitates it into a lower condition of matter, so that instead of being a mere aggregation of atoms it becomes definitely a combination of then, usually a mass of glowing hydrogen.

hoặc nén đó—một giai đoạn khi bán kính của quả cầu của Ngài vẫn kéo dài xa hơn quỹ đạo của hành tinh xa nhất trong hệ thống của chúng ta như ngày nay—Ngài thiết lập bên trong nó một chuyển động xoáy kèm theo các hoạt động điện mãnh liệt, do đó tạo ra một loại xoáy lực khổng lồ trong nhiều chiều. Sự nén của khối xoáy này tiếp tục qua những gì đối với chúng ta sẽ là những kỷ nguyên không thể kể xiết, trong quá trình đó Ngài thở ra bảy hơi thở mà chúng ta đã đề cập trước đây, và do đó nhóm các bọt khí thành vật chất nguyên tử của các cõi khác nhau. Cuối cùng, có một điểm mà Ngài truyền qua nó một loại xung điện, điều này làm cho nó kết tinh thành một trạng thái vật chất thấp hơn, để thay vì chỉ là một tập hợp các nguyên tử, nó trở thành một sự kết hợp xác định của chúng, thường là một khối hydro phát sáng.

Here we have the nebular stage, through which various systems in our universe are at this moment passing, as may be seen by means of any large telescope. As our nebula revolved round its axis it gradually cooled, contracted and flattened down, so that eventually it became rather a huge revolving disc than a sphere. Presently fissures appeared in this disc and it broke into rings, presenting somewhat the appearance of the planet Saturn and its surroundings, but on a gigantic scale. At a chosen point in each of these rings a subsidiary vortex was set up, and gradually much of the matter of the ring was gathered into this. The concussion of the fragments generated an amount of heat which reduced them to a gaseous condition and thus formed a huge glowing ball, which gradually, as it cooled, condensed into a planet.

Ở đây chúng ta có giai đoạn tinh vân, mà nhiều hệ thống trong vũ trụ của chúng ta hiện tại đang trải qua, có thể được quan sát bằng bất kỳ kính thiên văn lớn nào. Khi tinh vân của chúng ta quay quanh trục của nó, nó dần dần nguội đi, co lại và dẹt xuống, do đó cuối cùng nó trở thành một đĩa quay khổng lồ hơn là một hình cầu. Sau đó, các vết nứt xuất hiện trong đĩa này và nó vỡ thành những vòng, có hình dạng giống như hành tinh Sao Thổ và môi trường xung quanh của nó, nhưng ở quy mô khổng lồ. Tại một điểm được chọn trong mỗi vòng này, một xoáy phụ được thiết lập, và dần dần phần lớn vật chất của vòng được thu thập vào đó. Va chạm của các mảnh tạo ra một lượng nhiệt lớn khiến chúng bị hóa thành trạng thái khí, và do đó hình thành một quả cầu phát sáng khổng lồ, quả cầu này dần dần, khi nguội đi, ngưng tụ thành một hành tinh.

The planet formed upon the ring in this

Hành tinh được hình thành trên vòng trong

particular part of the system was, however, not the earth but the moon. We think of the moon as the satellite of the earth, comparing it in our minds with the satellites of Mars, Jupiter or Saturn; but in reality the comparison is unfair, for the moon is more companion planet than a satellite. No other satellite in the solar system bears at all the same proportion to its primary as the moon does to the earth, even though it is now much smaller than it used to be, as will be presently explained. It was the one physical planet of the lunar chain, and our present humanity inhabited it in the distant past, although we were then a stage further back, and were in the animal kingdom.

phần này của hệ thống, tuy nhiên, không phải là trái đất mà là mặt trăng. Chúng ta thường nghĩ về mặt trăng như là vệ tinh của trái đất, so sánh nó trong tâm trí chúng ta với các vệ tinh của Sao Hỏa, Sao Mộc hoặc Sao Thổ; nhưng thực tế, so sánh này là không công bằng, vì mặt trăng là một hành tinh đồng hành hơn là một vệ tinh. Không có vệ tinh nào khác trong hệ mặt trời có tỷ lệ so với hành tinh chính của nó giống như mặt trăng so với trái đất, ngay cả khi hiện nay nó nhỏ hơn nhiều so với trước đây, điều mà sẽ được giải thích sau. Mặt trăng từng là một hành tinh vật lý duy nhất của dãy hành tinh nguyệt cầu, và nhân loại hiện tại của chúng ta từng sống trên đó trong quá khứ xa xôi, mặc dù khi đó chúng ta ở một giai đoạn xa hơn nữa, thuộc về giới động vật.

The earth came into existence when the active life of the moon was already over. A new vortex was set up not far away from the moon, and the rest of the matter of the ring was gradually gathered into it.. The resultant collisions once more produced a ball of glowing gas, which enfolded the body of the moon and very soon reduced it to a similar condition. As this combined mass gradually cooled, condensation took place round the two vortices, but by far the larger part of the matter was attracted to the new one which became the earth, leaving the moon a much smaller body than it had been and altogether denuded of air and water.

Trái đất ra đời khi sự sống hoạt động của mặt trăng đã kết thúc. Một xoáy mới được thiết lập không xa mặt trăng, và phần còn lại của vật chất của vòng dần dần được thu thập vào đó. Va chạm của các mảnh một lần nữa tạo ra một quả cầu khí phát sáng, bao quanh thân thể của mặt trăng và rất nhanh chóng làm cho nó rơi vào trạng thái tương tự. Khi khối kết hợp này dần nguội đi, quá trình ngưng tụ diễn ra quanh hai xoáy, nhưng phần lớn hơn rất nhiều của vật chất bị hút về xoáy mới và trở thành trái đất, để lại mặt trăng là một thân thể nhỏ hơn nhiều so với trước đây và hoàn toàn không còn không khí và nước.

The moon was still, from the intense heat, in a plastic condition like hot mud, and the earth in its earlier stages was subject to the most tremendous volcanic convulsions. In the course of these, enormous masses of rock, often many miles in diameter, were thrown

Mặt trăng, do sức nóng dữ dội, vẫn ở trong trạng thái dẻo giống như bùn nóng, và trái đất trong giai đoạn đầu của nó trải qua những trận động đất núi lửa khủng khiếp nhất. Trong quá trình này, những khối đá khổng lồ, thường có đường kính nhiều dặm, bị ném lên không gian

up into space to vast distances in all directions. The majority of these fell back upon the earth, but some of them struck the moon while still in its plastic condition and produced upon it many of those huge depressions which we now call lunar craters. Any one who will take the trouble of throwing a few small pebbles into mud at the right stage of consistency will find that be obtains in that way an effect precisely similar to that which we observe upon the surface of the moon. Some of the lunar craters are really craters, but not many.

ở những khoảng cách lớn theo mọi hướng. Phần lớn những khối đá này rơi trở lại trái đất, nhưng một số trong số đó đã đập vào mặt trăng khi nó vẫn còn trong trạng thái dẻo và tạo ra trên đó nhiều những vết lõm khổng lồ mà chúng ta hiện gọi là miệng núi lửa nguyệt cầu. Bất cứ ai cố gắng ném vài viên sỏi nhỏ vào bùn khi ở giai đoạn đặc quánh nhất định sẽ thấy rằng hiệu ứng mà họ thu được gần giống như những gì chúng ta quan sát trên bề mặt mặt trăng. Một số miệng núi lửa nguyệt cầu thực sự là miệng núi lửa, nhưng không nhiều.

The moon is now like a vast cinder, hard but porous, of a consistency not unlike that of pumice-stone, though harder. Hardly any physical action of any sort is now taking place upon the surface of the moon. It is probably slowly disintegrating, and we are told that in the course of our seventh round it will break up altogether, and its matter will be used (with presumably some of our own) to build a new world which will be the only physical globe of the next incarnation of our chain. To that new globe whatever remains of the earth will act as a satellite.

Mặt trăng bây giờ giống như một khối than lớn, cứng nhưng xốp, có độ đặc tương tự như đá bọt, dù cứng hơn. Hầu như không có hành động vật lý nào diễn ra trên bề mặt mặt trăng hiện nay. Nó có lẽ đang từ từ phân rã, và chúng ta được nói rằng trong cuộc tuần hoàn thứ bảy của chúng ta, nó sẽ vỡ hoàn toàn, và vật chất của nó sẽ được sử dụng (có thể kết hợp với một phần vật chất của trái đất) để xây dựng một thế giới mới, sẽ là hành tinh vật lý duy nhất của sự tái sinh tiếp theo của dãy hành tinh chúng ta. Trái đất sẽ đóng vai trò là vệ tinh cho hành tinh mới đó.

The moon has often been described in Theosophical literature as the eighth sphere, because it is not one of the seven planets of our chain upon which evolution is taking place. It is therefore what is called a “dead end,” a place where only refuse gathers, and it is a kind of a dust-heap or waste-paper-basket to the system—a kind of astral cesspool into which are thrown decaying fragments of various sorts, such as the lost personality which has torn itself away from the ego, who has allowed it to slip out of his grasp in the manner which I explained in the first volume of this book, in

Mặt trăng thường được miêu tả trong văn học Thông Thiên Học là cầu thứ tám, vì nó không phải là một trong bảy hành tinh của dãy chúng ta, nơi mà sự tiến hóa đang diễn ra. Do đó, nó được gọi là một "ngõ cụt," nơi chỉ có rác rưởi tụ tập, và nó là một loại bãi rác hoặc thùng rác cho hệ thống—một loại hầm chứa cảm dục nơi các mảnh vỡ đang phân hủy của các loại khác nhau bị ném vào, chẳng hạn như nhân cách bị lạc đã tự tách mình ra khỏi chân ngã, người đã để cho nó tuột khỏi tay như tôi đã giải thích trong tập đầu tiên của cuốn sách này,

the article on Lost Soul.

trong bài viết về Linh hồn lạc lối.

THE PLANETARY CHAINS

Our solar system at the present moment contains ten chains, each consisting of seven globes, and these are evolving side by side, though at different stages. Seven of them are represented upon the physical level by one or more globes, but the three others exist only on higher levels. The number of globes on the physical plane which a chain has at any given time depends upon the stage of its evolution. The globes of each chain present us with a small cycle of evolution descending into denser matter and then ascending out of it, and in an exactly analogous manner the successive incarnations of a chain also descend into denser matter and then ascend out of it. Our own chain is at the present moment at its lowest level of materiality, so that of its seven planets three are on the physical plane, two on the astral and two on the lower mental.

Hệ Thái dương của chúng ta hiện tại bao gồm mười dãy hành tinh, mỗi dãy bao gồm bảy bầu hành tinh, và chúng đang tiến hóa song song, mặc dù ở các giai đoạn khác nhau. Bảy trong số đó được đại diện trên cõi vật lý bởi một hoặc nhiều bầu hành tinh, nhưng ba dãy khác chỉ tồn tại trên các cõi cao hơn. Số lượng bầu hành tinh trên cõi vật lý mà một dãy hành tinh có vào bất kỳ thời điểm nào phụ thuộc vào giai đoạn tiến hóa của nó. Các bầu của mỗi dãy hành tinh mang đến cho chúng ta một chu kỳ tiến hóa nhỏ, đi vào vật chất đậm đặc hơn và sau đó thoát ra khỏi đó, và theo cách tương tự chính xác, các lần tái sinh liên tiếp của một dãy cũng đi vào vật chất đậm đặc hơn và sau đó thoát ra khỏi nó. Dãy của chúng ta hiện tại đang ở mức thấp nhất của tính vật chất, do đó trong số bảy hành tinh của nó, ba bầu ở trên cõi vật lý, hai ở cõi cảm dục và hai ở cõi trí hạ.

We usually employ the letters of the alphabet to denote these globes in their order; so we should represent the present condition of affairs by saying that globes A and G are on the lower mental plane; globes B and F on the astral, and globes C, D, and E upon the physical level, C and E being smaller than D. It will be observed that in travelling round the chain the life-wave is steadily involving itself more and more in matter as it descends from A to D, but is rising again and casting off successive veils of matter as it passes from D to G.

Chúng ta thường sử dụng các chữ cái của bảng chữ cái để biểu thị các bầu này theo thứ tự; vì vậy chúng ta có thể mô tả tình trạng hiện tại bằng cách nói rằng bầu A và G nằm trên cõi trí hạ; bầu B và F trên cõi cảm dục, và bầu C, D, và E trên cõi vật lý, trong đó C và E nhỏ hơn D. Có thể quan sát thấy rằng trong khi đi vòng quanh dãy, làn sóng sự sống đang ngày càng hòa mình vào vật chất nhiều hơn khi nó đi xuống từ A đến D, nhưng lại dần dần vươn lên và dần gỡ bỏ các lớp vỏ của vật chất khi nó đi từ D đến G.

This is the condition of affairs during the

Đây là tình trạng trong lần tái sinh thứ tư và

fourth and most material incarnation of each chain. But in the third and fifth incarnations each chain has its first and seventh planets on the higher mental, its second and sixth on the lower mental, its third and fifth on the astral, and only one planet, the fourth, on the physical plane. The second and sixth incarnations of each chain are one stage higher; their fourth planet is upon the astral plane, while the third and fifth are upon the lower mental, the second and sixth upon the higher mental and the first and seventh at the buddhic level. The first and seventh incarnations of a chain are one stage higher still, in that their lowest planets are on the lower mental plane and their first and seventh planets at the stage which we call nirvanic.

vật chất nhất của mỗi dãy hành tinh. Nhưng trong lần tái sinh thứ ba và thứ năm, mỗi dãy có bầu thứ nhất và thứ bảy trên cõi trí thượng, bầu thứ hai và thứ sáu trên cõi trí hạ, bầu thứ ba và thứ năm trên cõi cảm dục, và chỉ có một bầu, bầu thứ tư, trên cõi vật lý. Lần tái sinh thứ hai và thứ sáu của mỗi dãy cao hơn một bậc; bầu thứ tư của chúng ở trên cõi cảm dục, trong khi bầu thứ ba và thứ năm ở trên cõi trí hạ, bầu thứ hai và thứ sáu ở trên cõi trí thượng, và bầu thứ nhất và thứ bảy ở cõi Bồ đề. Lần tái sinh thứ nhất và thứ bảy của một dãy còn cao hơn một bậc nữa, trong đó các bầu thấp nhất của chúng nằm trên cõi trí hạ và các bầu thứ nhất và thứ bảy ở giai đoạn mà chúng ta gọi là niết bàn.

It is not easy for us to attach any meaning to the idea of a planet upon planes so exalted as the nirvanic or buddhic, and we are perhaps scarcely justified in using the term. All that we mean is that there is a certain location in space where the evolution of certain groups of monads is taking place through agencies which work on those exalted levels.

Chúng ta khó có thể gắn bất kỳ ý nghĩa nào cho khái niệm về một hành tinh trên các cõi cao như niết bàn hay bồ đề, và có lẽ chúng ta không hoàn toàn có lý khi sử dụng thuật ngữ này. Tất cả những gì chúng ta muốn nói là có một vị trí nhất định trong không gian, nơi sự tiến hóa của một số nhóm chân thần đang diễn ra thông qua các tác nhân hoạt động trên những cõi cao quý đó.

Each of these seventy planets may be regarded as having a definite location in space and as revolving round, or in some way depending upon, our sun. Of these seventy planets only twelve are physical, and even of those twelve one is not yet recognised by science and two others have only lately been discovered.

Mỗi một trong bảy mươi bầu hành tinh này có thể được coi là có một vị trí cụ thể trong không gian và quay quanh, hoặc bằng cách nào đó phụ thuộc vào, mặt trời của chúng ta. Trong số bảy mươi bầu hành tinh này, chỉ có mười hai bầu là vật lý, và ngay cả trong số mười hai bầu đó, có một bầu vẫn chưa được khoa học công nhận và hai bầu khác mới được phát hiện gần đây.

The existence of Vulcan was accepted by some astronomers a century ago, but as it cannot now be found, the scientific men of the

Sự tồn tại của Vulcan đã được một số nhà thiên văn học chấp nhận một thế kỷ trước, nhưng vì nó hiện không thể được tìm thấy, các nhà khoa

present day hold that the earlier observations were incorrect. No astronomer had dreamt of the two planets beyond the orbit of Neptune at the time when they were first mentioned in Theosophical writings, but now their existence is admitted in consequence of the deflections which they have produced in certain cometary orbits.

học ngày nay cho rằng các quan sát trước đó là sai. Không nhà thiên văn học nào từng mơ về hai hành tinh nằm ngoài quỹ đạo của Sao Hải Vương vào thời điểm chúng được đề cập lần đầu tiên trong các tác phẩm Thông Thiên Học, nhưng hiện nay sự tồn tại của chúng đã được thừa nhận do những sự lệch lạc mà chúng đã gây ra trong các quỹ đạo sao chổi nhất định.

Madame Blavatsky says that Neptune is not in our solar system, but there can be no question that it revolves round our sun. Madame Blavatsky therefore must have been speaking in some occult or symbolical sense when she used those words. From the occult point of view also, the Neptunian chain is clearly part of our system, being one of the ten chains which compose it; so we are unable at the moment to attach any meaning to Madame Blavatsky' s statement. That does not in the least imply that it is really meaningless or inaccurate.

Bà Blavatsky nói rằng Sao Hải Vương không thuộc hệ Thái dương của chúng ta, nhưng không thể phủ nhận rằng nó quay quanh mặt trời của chúng ta. Do đó, bà Blavatsky phải đang nói theo nghĩa huyền bí hoặc biểu tượng khi bà sử dụng những từ đó. Từ quan điểm huyền bí, dãy hành tinh của Sao Hải Vương rõ ràng là một phần của hệ thống của chúng ta, là một trong mười dãy hành tinh cấu thành nó; vì vậy hiện tại chúng ta không thể gắn bất kỳ ý nghĩa nào cho tuyên bố của bà Blavatsky. Điều đó hoàn toàn không có nghĩa là tuyên bố đó thật sự vô nghĩa hoặc không chính xác.

We have frequently found that passages in her writings, which we had been for a long time compelled to put aside as incomprehensible and apparently contrary to known facts, had nevertheless a definite meaning and a certain sense in which they were true, though these were discoverable only when (by penetrating to higher planes) fresh aspects of the subject were brought into view. No doubt in due time this will prove to be the case with this enigmatical statement about Neptune.

Chúng tôi thường thấy rằng các đoạn trong các tác phẩm của bà, mà chúng tôi trong một thời gian dài buộc phải bỏ qua vì không thể hiểu được và dường như mâu thuẫn với các sự kiện đã biết, vẫn có một ý nghĩa xác định và một số cách hiểu nhất định trong đó chúng là sự thật, mặc dù những điều này chỉ được phát hiện khi (bằng cách thâm nhập vào các cõi cao hơn) các khía cạnh mới của chủ đề được đưa ra ánh sáng. Không nghi ngờ gì, theo thời gian, điều này sẽ chứng minh là đúng với tuyên bố bí ẩn này về Sao Hải Vương.

Besides those on the seventy planets of which we have spoken, there are other evolutions taking place, every inch of place being utilised. Even in the koilon itself there may be an evolution going on of which we know nothing

Ngoài những bầu hành tinh trên bảy mươi bầu mà chúng ta đã nói đến, còn có những cuộc tiến hóa khác đang diễn ra, mỗi inch không gian đều được sử dụng. Thậm chí trong koilon có thể có một cuộc tiến hóa mà chúng ta không

and can imagine nothing. We know as yet so little of this marvellous system to which we belong; all this teaching of Theosophy which has so changed our lives is but the lifting of a tiny corner of the veil. All space is filled with life, and there are even lower orders than that of the physical plane. It sometimes happens that a human being comes into touch with that lower evolution, but that is always undesirable. Yet it would be a great mistake to speak of the inhabitants of this lower world as wicked. Certainly that evolution brings harm to us if we become entangled with it, but that is because it is not meant for us.

biết gì và không thể tưởng tượng được. Chúng ta vẫn còn biết rất ít về hệ thống tuyệt diệu này mà chúng ta thuộc về; tất cả những giáo lý Thông Thiên Học này, đã thay đổi cuộc sống của chúng ta, chỉ là sự vén lên một góc nhỏ của bức màn. Tất cả không gian đều tràn đầy sự sống, và thậm chí có những trật tự thấp hơn cả cõi vật lý. Đôi khi một con người có thể tiếp xúc với cuộc tiến hóa thấp hơn đó, nhưng điều đó luôn là không mong muốn. Tuy nhiên, sẽ là một sai lầm lớn khi nói về các cư dân của thế giới thấp hơn này là xấu xa. Chắc chắn rằng cuộc tiến hóa đó mang lại tổn hại cho chúng ta nếu chúng ta bị cuốn vào nó, nhưng đó là vì nó không dành cho chúng ta.

Of the seven chains that have physical planets, taking them in order, beginning with the nearest to the sun and working outwards, we have first Vulcan, with only one physical planet, which is small and must be very hot. The Vulcan chain is in its third incarnation, but we are given to understand that its scheme of evolution is not destined to bring the entities concerned with it to as high a level as will be ultimately attained by the inhabitants of our own planet.

Trong số bảy dãy có các hành tinh vật lý, khi xét theo thứ tự, bắt đầu từ gần mặt trời nhất và tiến ra xa, trước tiên chúng ta có Vulcan, với chỉ một hành tinh vật lý, nhỏ và hẳn rất nóng. Dãy Vulcan đang ở lần tái sinh thứ ba của nó, nhưng chúng ta được hiểu rằng kế hoạch tiến hóa của nó không được định sẵn để đưa các thực thể liên quan đến nó lên một mức cao như mức mà các cư dân của hành tinh chúng ta sẽ đạt được sau cùng.

Mercury is the next planet, and belongs to the earth-chain.

Sao Thủy là hành tinh tiếp theo và thuộc về dãy trái đất.

Venus is the only physical planet of the chain of which it is a part. It is in the seventh round of its fifth incarnation, and it represents the most advanced degree of evolution yet attained by humanity in this solar system. Being so far advanced, it has been to able to afford assistance to other and less developed evolutions; from it, as we know, descended the Lords of the Flame, who gave so great a stimulus to the progress of humanity in the

Kim Tinh là hành tinh vật lý duy nhất của dãy hành tinh mà nó thuộc về. Kim Tinh hiện đang ở vòng tuần hoàn thứ bảy của lần tái sinh thứ năm, và nó đại diện cho mức độ tiến hóa cao nhất mà nhân loại trong hệ Thái dương này đạt được cho đến nay. Vì đã tiến xa đến vậy, Kim Tinh đã có thể hỗ trợ các cuộc tiến hóa khác kém phát triển hơn; từ đó, như chúng ta biết, các Đấng Hỏa Tinh đã giáng xuống, mang lại sự kích thích lớn cho tiến trình phát triển

middle of our third root-race.

It is a remarkable fact that the astronomers of a hundred and fifty years ago recorded several observations of a satellite of Venus, whereas now it is quite certain that no such orb exists. The usual supposition is that those earlier astronomers erred. But this is scarcely likely in view of the number and character of the witnesses, and also their repeated observations. It was seen by astronomers as well known as Cassini and Short, in 1761, and that not once but many times, and with different telescopes. It was observed by Scheuten during the whole of its transit along with Venus in the same year; it was seen four times by Montaigne, and again in 1764 by Rödkier, Horrebow and Montbaron. It was estimated to have a diameter of about two thousand miles. It is surely more probable that all these astronomers were right in their observations, for we are told that in our seventh round the moon will disintegrate and we shall be left without a satellite. It may be only a coincidence that Venus is in its seventh round, but it is a curious one.

The next planets are our Earth and Mars, and these two, along with Mercury, are the three physical planets of a chain which is in its fourth incarnation. Our Earth is the lowest and most material of the series—planet D, while Mars is our planet C and Mercury our planet E. A good many of the more advanced members of our present humanity were not upon the planet Mars when the life-wave last

của nhân loại vào giữa giống dân thứ ba của chúng ta.

Một thực tế đáng chú ý là các nhà thiên văn học cách đây một trăm năm mươi năm đã ghi lại nhiều lần quan sát một vệ tinh của Kim Tinh, trong khi giờ đây chúng ta chắc chắn rằng không tồn tại một thiên thể như vậy. Giả thiết thông thường là các nhà thiên văn học trước đây đã sai lầm. Nhưng điều này khó xảy ra khi xét đến số lượng và tính chất của các nhân chứng, cũng như việc quan sát của họ được lặp lại nhiều lần. Thiên thể đó đã được các nhà thiên văn học nổi tiếng như Cassini và Short quan sát vào năm 1761, không chỉ một lần mà nhiều lần, và với các kính thiên văn khác nhau. Scheuten đã quan sát nó trong suốt quá trình chuyển động cùng với Kim Tinh vào cùng năm đó; Montaigne đã thấy nó bốn lần, và một lần nữa vào năm 1764, nó được quan sát bởi Rödkier, Horrebow, và Montbaron. Người ta ước tính rằng thiên thể này có đường kính khoảng hai nghìn dặm. Chắc chắn rằng việc tất cả các nhà thiên văn học này đều chính xác trong quan sát của họ là khả dĩ hơn, bởi vì chúng ta được cho biết rằng trong vòng tuần hoàn thứ bảy của chúng ta, mặt trăng sẽ phân rã và chúng ta sẽ không còn vệ tinh. Có thể chỉ là một sự trùng hợp khi Kim Tinh đang ở trong vòng tuần hoàn thứ bảy, nhưng đó là một sự trùng hợp đáng chú ý.

Các hành tinh tiếp theo là Trái Đất và Hỏa Tinh, và hai hành tinh này, cùng với Sao Thủy, là ba hành tinh vật lý của dãy hành tinh đang ở lần tái sinh thứ tư. Trái Đất của chúng ta là hành tinh thấp nhất và vật chất nhất trong chuỗi—hành tinh D, trong khi Hỏa Tinh là hành tinh C của chúng ta và Sao Thủy là hành tinh E. Một số thành viên tiến bộ hơn của nhân loại hiện tại đã không ở trên Hỏa Tinh khi làn

swept over it, as will be explained later; but the great bulk of the human race has certainly passed through a series of incarnations on that planet, and we have left behind us many traces of our occupation, of which the present inhabitants are abundantly availing themselves. When our present occupancy of the earth ends for a time, we shall all pass on to the somewhat less material life of the planet Mercury, where the average level of consciousness may be somewhat more extended than it is here, since ordinary humanity will then possess what is now called etheric sight. There are no grounds whatever, so far as I know, for the statement made by a recent writer that the real names of Mercury and Venus have been interchanged. Indeed, we know a great deal about these planets which makes the idea inconceivable.

sóng sự sống cuối cùng quét qua nó, như sẽ được giải thích sau; nhưng phần lớn nhân loại chắc chắn đã trải qua một loạt các lần tái sinh trên hành tinh đó, và chúng ta đã để lại nhiều dấu vết của sự tồn tại của mình, mà cư dân hiện tại của Hỏa Tinh đang tận dụng rất nhiều. Khi thời gian chúng ta hiện diện trên Trái Đất kết thúc, tất cả chúng ta sẽ chuyển sang cuộc sống ít vật chất hơn một chút trên Sao Thủy, nơi mức độ tâm thức trung bình có thể được mở rộng hơn đôi chút so với ở đây, vì nhân loại thông thường khi đó sẽ sở hữu thị giác dĩ thái. Không có cơ sở nào, theo như tôi biết, để ủng hộ tuyên bố của một tác giả gần đây rằng tên thực sự của Sao Thủy và Kim Tinh đã bị hoán đổi. Thực tế, chúng ta biết khá nhiều về các hành tinh này khiến ý tưởng đó khó có thể chấp nhận được.

Next come the asteroids—material which will make a world some time; but we do not count them now.

Tiếp theo là các tiểu hành tinh—vật chất sẽ tạo thành một thế giới trong tương lai; nhưng chúng ta không tính chúng bây giờ.

The giant of the solar system, Jupiter, has a chain of its own. It is in an early stage of its evolution, being very much too hot for life, such as we know, to exist on its surface; but its satellites are inhabited. Its surface has seas of molten metals, and similar conditions exist on all the outside giant planets. It has a density about that of water, if you take the whole mass; but what we see is really the outside of a mass of cloud thousands of miles in depth—so we get a false estimate of the actual size of the planet itself. The Jupiter scheme is at present in the second round of its third incarnation. We are told that this system will eventually raise its humanity to an extremely high level.

Gã khổng lồ của hệ mặt trời, Sao Mộc, có một dãy hành tinh của riêng nó. Nó đang ở giai đoạn đầu của sự tiến hóa, quá nóng để có thể tồn tại sự sống như chúng ta biết trên bề mặt của nó; nhưng các vệ tinh của nó có sự sống. Bề mặt của Sao Mộc có những biển kim loại nóng chảy, và các điều kiện tương tự cũng tồn tại trên tất cả các hành tinh khổng lồ bên ngoài. Nó có mật độ xấp xỉ bằng nước, nếu tính toàn bộ khối lượng; nhưng những gì chúng ta thấy thực sự là bề mặt của một khối mây có độ dày hàng ngàn dặm—vì vậy chúng ta có một ước tính sai về kích thước thực sự của hành tinh. Hệ thống Sao Mộc hiện đang ở vòng tuần hoàn thứ hai của lần tái sinh thứ ba. Chúng ta được cho biết rằng hệ thống này cuối cùng sẽ nâng

cao nhân loại của nó lên một mức độ rất cao.

Next we come to Saturn, with its wonderful system of rings and satellites. It is the only physical planet of its chain. It also is in an early round of its third incarnation, and we understand that the development connected with it is slower than most of the others, but that it will ultimately reach exalted levels.

Tiếp theo chúng ta đến với Sao Thổ, với hệ thống vòng và vệ tinh tuyệt vời của nó. Sao Thổ là hành tinh vật lý duy nhất của dãy hành tinh của nó. Nó cũng đang ở vòng tuần hoàn đầu của lần tái sinh thứ ba, và chúng ta hiểu rằng sự phát triển liên quan đến nó chậm hơn hầu hết các hệ thống khác, nhưng cuối cùng nó sẽ đạt đến các cấp độ cao quý.

As to the schemes to which the outer planets Uranus and Neptune belong, we have but little information, though we know that the latter is in its fourth incarnation, because of the fact that to it belong also the two other physical planets whose orbits lie outside its own. The conditions existing on all these gigantic outer members of the solar systems must be altogether so entirely different from those on the small inner planets that it is practically impossible to form any idea of the sort of life which must be lived by their inhabitants, even in the future when the globes have cooled down.

Về các hệ thống hành tinh mà các hành tinh bên ngoài Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương thuộc về, chúng ta có rất ít thông tin, mặc dù chúng ta biết rằng Sao Hải Vương đang ở lần tái sinh thứ tư của nó, vì hai hành tinh vật lý khác có quỹ đạo nằm ngoài quỹ đạo của nó cũng thuộc về nó. Các điều kiện tồn tại trên tất cả các thành viên khổng lồ bên ngoài của hệ Thái dương chắc chắn hoàn toàn khác với những gì tồn tại trên các hành tinh nhỏ bên trong, khiến chúng ta hầu như không thể hình dung được kiểu sống mà các cư dân của chúng có thể sống, ngay cả trong tương lai khi các bầu hành tinh đã nguội đi.

SUCCESSIVE LIFE-WAVES

The conception of the successive life-waves which pour out from the LOGOS should not be a difficult one, yet it frequently happens that some confusion seems to arise in the mind of the student in connection with it.

Khái niệm về các làn sóng sự sống liên tiếp tuôn ra từ LOGOS không nên quá khó hiểu, nhưng thường xảy ra trường hợp có sự nhầm lẫn trong tâm trí của người học liên quan đến nó.

Perhaps this comes partially from the fact that the term “life-wave” has been employed in our literature in three distinct senses. First, it has been used to denote the three great

Có lẽ điều này phần nào xuất phát từ việc thuật ngữ "làn sóng sự sống" đã được sử dụng trong tài liệu của chúng ta với ba ý nghĩa khác nhau. Thứ nhất, nó được sử dụng để chỉ ba đợt tuôn

outpourings of Divine Life by means of which our solar system came into existence—by which its evolution is carried on. Secondly, it has been applied to the successive impulsions of which the second outpouring is formed; and it is in this sense principally that I shall employ the term now. Thirdly, the expression has been accepted as signifying the transference of life from one planet of our chain to another in the course of evolution.

trào ra của Sự Sống Thiêng Liêng Vĩ đại, thông qua đó hệ mặt trời của chúng ta xuất hiện và tiến hóa của nó được tiếp tục. Thứ hai, nó được áp dụng cho các xung lực kế tiếp nhau mà trong đó đợt phóng thích sự sống thứ hai được hình thành; và đây là nghĩa chính mà tôi sẽ sử dụng thuật ngữ này bây giờ. Thứ ba, biểu thức này đã được chấp nhận như việc chuyển giao sự sống từ một hành tinh trong dãy hành tinh của chúng ta sang một hành tinh khác trong quá trình tiến hóa.

A life-wave of this third type does not at all correspond to the life-wave of the second type, but consists of synchronous portions of seven of the latter, treated as though they constituted a single entity. As we all know, we have with us at the present time seven kingdoms in manifestation—the human, the animal, the vegetable, the mineral, and the three elemental kingdoms which precede the mineral.

Một làn sóng sự sống thuộc loại thứ ba này hoàn toàn không tương ứng với làn sóng sự sống thuộc loại thứ hai, mà bao gồm các phần đồng bộ của bảy trong số các làn sóng sự sống này, được xem như thể chúng tạo thành một thực thể đơn nhất. Như tất cả chúng ta đều biết, hiện tại chúng ta có bảy giới đang hiện diện—giới nhân loại, giới động vật, giới thực vật, giới khoáng vật, và ba giới tinh linh trước giới khoáng vật.

We must realise that all these are manifestations of the same life—the one life of the LOGOS manifesting in that second great outpouring which comes from His second aspect after the primitive matter has been prepared for its reception by the action of the first outpouring which comes from the third aspect (see The Christian Creed, p. 40). That second outpouring comes forth in a series of successive waves, following one another as the waves of the sea follow one another. Each of these waves has reached its present stage by passing through all the earlier stages, and in each of those it has spent a period of time corresponding to the life of a chain of seven worlds, sometimes called a manvantara.

Chúng ta phải nhận thức rằng tất cả những giới này là sự biểu hiện của cùng một sự sống —sự sống duy nhất của LOGOS biểu hiện qua đợt phóng thích sự sống lớn thứ hai, đến từ khía cạnh thứ hai của Ngài sau khi vật chất nguyên thủy đã được chuẩn bị để đón nhận sự sống đó nhờ hành động của đợt phóng thích sự sống thứ nhất, đến từ khía cạnh thứ ba (xem The Christian Creed, trang 40). Đợt phóng thích sự sống thứ hai này xuất hiện như một chuỗi các làn sóng liên tiếp, theo sau nhau như những làn sóng biển. Mỗi làn sóng này đã đạt đến giai đoạn hiện tại của nó bằng cách đi qua tất cả các giai đoạn trước đó, và trong mỗi giai đoạn đó, nó đã trải qua một khoảng thời gian tương ứng với vòng đời của một dãy hành tinh gồm bảy thế giới, đôi khi được gọi là một manvantara.

This Sanskrit word manvantara literally means the period between two Manus, and so it might be applied at various levels. We see from The Secret Doctrine that each root-race has its Manu, a great adept who takes charge of it, and superintends its formation and growth. But there is also a Manu for the world-period which includes the seven root-races; and yet again there is a still greater Manu who superintends the progress of the life-wave (using that term in its third sense) through all the seven planets of the chain; and since one complete journey through all those seven globes has been called a round, He is spoken of as the Round-Manu.

Từ Sanskrit manvantara này nghĩa đen là khoảng thời gian giữa hai Manus, và vì thế nó có thể được áp dụng ở các cấp độ khác nhau. Chúng ta thấy từ Giáo Lý Bí Nhiệm rằng mỗi giống dân chánh có một Manu, một đại điểm đạo đồ phụ trách nó và giám sát sự hình thành và phát triển của nó. Nhưng cũng có một Manu cho giai đoạn thế giới bao gồm bảy giống dân chánh; và một Manu lớn hơn nữa giám sát sự tiến hóa của làn sóng sự sống (theo nghĩa thứ ba của thuật ngữ) qua tất cả bảy hành tinh trong dãy; và vì một chuyến hành trình hoàn chỉnh qua tất cả bảy bầu hành tinh được gọi là một vòng tuần hoàn, Ngài được gọi là Round-Manu.

Seven such rounds complete one life-period for a planetary chain—one incarnation of the chain, as it were; and over this enormous period there is a Great One who presides, and to Him also this title of Manu is accorded. Higher still there is One who presides over the seven successive chains, which may be regarded as the seven incarnations of our chain, making one complete scheme of evolution; but He is usually spoken of not as a Manu, but as the LOGOS of seven chains, or sometimes as the Planetary LOGOS. So we have here a graduated hierarchy of mighty adepts, extending up to Divinity itself.

Bảy vòng tuần hoàn như vậy hoàn thành một kỳ sống của một dãy hành tinh—một lần nhập thể của dãy hành tinh, có thể nói như vậy; và trên suốt khoảng thời gian khổng lồ này, có một Đấng Vĩ Đại giám sát, và Ngài cũng được trao tước hiệu Manu. Cao hơn nữa là Đấng giám sát bảy dãy hành tinh liên tiếp, được xem như bảy lần nhập thể của dãy của chúng ta, tạo thành một kế hoạch tiến hóa hoàn chỉnh; nhưng Ngài thường được gọi không phải là Manu, mà là LOGOS của bảy dãy hành tinh, hoặc đôi khi là Hành Tinh Thượng đế. Vì vậy, chúng ta có ở đây một hệ thống phân cấp của những điểm đạo đồ vĩ đại, kéo dài lên đến Thiên Tính.

It is obvious, therefore, that the term manvantara might indicate various periods of time, corresponding to the levels at which it was employed; but in our Theosophical literature it has generally been used to indicate the duration of one chain—the time occupied by the life-wave in making seven rounds. To the greater period of the seven successive incarnations of the chain, the

Do đó, rõ ràng rằng thuật ngữ manvantara có thể chỉ định các khoảng thời gian khác nhau, tương ứng với cấp độ mà nó được sử dụng; nhưng trong văn học Thông Thiên Học của chúng ta, nó thường được sử dụng để chỉ thời gian của một dãy hành tinh—thời gian mà làn sóng sự sống cần để hoàn thành bảy vòng tuần hoàn. Đối với khoảng thời gian lớn hơn của bảy lần nhập thể liên tiếp của dãy hành tinh, đôi

name of mahamanvantara (which means simply great manvantara) has sometimes been given.

khi tên gọi mahamanvantara (có nghĩa là đại manvantara) đã được sử dụng.

The following table may be of use to our students, as summarizing the system of evolution:

Bảng sau đây có thể hữu ích cho các học viên của chúng ta, như một sự tóm tắt hệ thống tiến hóa:

7 Branch Races make——One Sub-race.

- 7 Chi Nhánh Giống tạo thành——Một Giống dân phụ.

7 Sub-races make——One Root-race.

- 7 Giống dân phụ tạo thành——Một Giống dân chánh.

7 Root-races make——One World-period.

- 7 Giống dân chánh tạo thành——Một Giai đoạn thế giới.

7 World-periods make——One Round.

- 7 Giai đoạn thế giới tạo thành——Một Vòng tuần hoàn.

7 Rounds make——One Chain-period.

- 7 Vòng tuần hoàn tạo thành——Một Kỳ dãy hành tinh.

7 Chain-periods make——One Planetary Scheme.

- 7 Kỳ dãy hành tinh tạo thành——Một Kế hoạch Hành tinh.

10 Planetary Schemes make——Our Solar system.

- 10 Kế hoạch Hành tinh tạo thành——Hệ Mặt Trời của chúng ta.

It is scarcely practical for us at present to endeavour to estimate in years the exact length of these enormous expanses of time. In exoteric Hindu books definite numbers are given, but Madame Blavatsky tell us that it is impossible to rely fully upon these, as other and esoteric considerations are involved, which the writers do not take into account. We have no direct information upon these points, but there is some reason to suspect that the time of the rounds is not an invariable quantity, but that some are shorter than others. It has been thought that those in front of us will probably not be so long as those

Thực tế không thể đo đạc bằng năm về độ dài chính xác của những khoảng thời gian rộng lớn này. Trong các sách Hindu ngoại môn, các con số cụ thể được đưa ra, nhưng Madame Blavatsky nói rằng không thể hoàn toàn tin cậy vào những con số này, vì có những yếu tố huyền bí khác mà các tác giả không tính đến. Chúng ta không có thông tin trực tiếp về những điểm này, nhưng có một số lý do để nghi ngờ rằng thời gian của các vòng tuần hoàn không phải là một hằng số, mà một số có thể ngắn hơn những vòng tuần hoàn khác. Người ta cho rằng những vòng tuần hoàn phía trước chúng ta có thể không kéo dài bằng

through which we have passed; but here again we have no certain information, and it seems useless to speculate.

những vòng tuần hoàn chúng ta đã trải qua; nhưng một lần nữa, chúng ta không có thông tin chắc chắn, và việc suy đoán dường như vô ích.

At all these stages there are always seven life-waves in action. In every one of these chains is a human kingdom, and it is always accompanied by its brothers, an animal, a vegetable and a mineral kingdom. But each of these is steadily evolving; so that the life-wave which is ensouling the animal kingdom of the present day will in the next chain have arrived at the human level and will provide the causal bodies for the humanity of that chain. In the same way the life-wave which ensouls our vegetable kingdom now will ensoul the animal kingdom then, and so on.

Trong tất cả các giai đoạn này luôn có bảy làn sóng sự sống đang hoạt động. Trong mỗi dãy hành tinh đều có một giới nhân loại, và luôn đi kèm với nó là các giới anh em: giới động vật, giới thực vật và giới khoáng vật. Nhưng mỗi giới này đều tiến hóa không ngừng; do đó, làn sóng sự sống hiện đang hoạt hóa giới động vật của ngày nay sẽ trong dãy hành tinh tiếp theo đạt đến mức nhân loại và sẽ cung cấp thể nguyên nhân cho nhân loại của dãy đó. Theo cách tương tự, làn sóng sự sống đang hoạt hóa giới thực vật của chúng ta hiện tại sẽ hoạt hóa giới động vật khi đó, và cứ thế tiếp tục.

It of course follows from this that we were the animal kingdom of the moon-chain, and the vegetable kingdom of the chain previous to that, That is not precisely an accurate method of expression, because we as separate egos did not exist then; but that wave of essence which in the first chain ensouled the mineral kingdom, in the second chain the vegetable, and in the third chain the animal, has now been employed in the formation of those causal bodies which we are inhabiting at the present day.

Rõ ràng từ điều này, chúng ta từng là giới động vật của dãy Mặt Trăng, và là giới thực vật của dãy trước đó. Điều này không hoàn toàn chính xác khi diễn đạt, vì chúng ta với tư cách là những bản ngã riêng lẻ không tồn tại vào thời điểm đó; nhưng làn sóng tinh túy đã hoạt hóa giới khoáng vật trong dãy đầu tiên, giới thực vật trong dãy thứ hai, và giới động vật trong dãy thứ ba, hiện đang được sử dụng để hình thành các thể nguyên nhân mà chúng ta đang cư ngụ vào ngày nay.

What then will be the future progress of that wave, and how will it appear in the next chain? It will not appear there at all, for we must remember that at the close of this human evolution man finds always before him the seven paths which open the way to still further development. I have tried to explain these, so far as they may at present be described, in the concluding chapter of

Vậy thì, làn sóng sự sống đó sẽ tiến triển như thế nào trong tương lai, và nó sẽ xuất hiện như thế nào trong dãy hành tinh tiếp theo? Thực tế là nó sẽ không xuất hiện ở đó chút nào, bởi vì chúng ta phải nhớ rằng khi kết thúc quá trình tiến hóa của nhân loại này, con người luôn tìm thấy trước mặt bảy con đường mở ra để tiến hóa cao hơn nữa. Tôi đã cố gắng giải thích những con đường này, ít nhất là ở mức độ

Invisible Helpers.

chúng có thể được miêu tả vào thời điểm hiện tại, trong chương cuối của cuốn Invisible Helpers.

I need not repeat here what I then wrote, but I may add to it a fragment of information which has since come to my knowledge. One of those paths, which we had then to leave blank, leads to what we have called a staff appointment. Every general has, quite apart from the regular officers who hold various commands under him, a special set of officers who form his staff, whose duty it is to be in personal attendance upon him, and to be ready at any moment to do anything that he may require, or to fill any vacancy that may occur. The Solar LOGOS also has His staff—a number of adepts who are not in the service of any particular chain, yet ever prepared to be sent to the aid of any that need assistance. To join this body is one of the seven possibilities which lie before him who has “reached the further shore.”

Tôi không cần lặp lại ở đây những gì tôi đã viết khi đó, nhưng tôi có thể bổ sung một mảnh thông tin mà từ đó đến nay tôi mới biết. Một trong những con đường đó, mà khi đó chúng tôi để trống, dẫn đến điều mà chúng tôi đã gọi là một "chức vụ đặc biệt." Giống như một tướng quân có các sĩ quan tham mưu đặc biệt ngoài các sĩ quan thông thường chỉ huy các đơn vị dưới quyền, những người có nhiệm vụ trực tiếp phục vụ Ông, sẵn sàng làm bất cứ điều gì cần thiết hoặc đảm nhận bất kỳ vị trí trống nào khi cần. Cũng tương tự như vậy, LOGOS Thái Dương có một nhóm "tham mưu" gồm những điểm đạo đồ không thuộc phục vụ của bất kỳ dãy hành tinh nào, nhưng luôn sẵn sàng được cử đến giúp đỡ bất kỳ dãy nào cần trợ giúp. Tham gia vào nhóm này là một trong bảy khả năng mở ra trước những ai đã "đạt đến bờ bên kia."

When the time comes for our chain to disintegrate and for the life from it to pass into the fifth chain, we shall already have moved on to a stage beyond the human, along one or other of these seven paths. Consequently the humanity which will commence as primitive man in the fifth chain will not be ourselves at all, but will be the wave next behind us—that which is ensouling our present animal kingdom.

Khi thời điểm đến để dãy hành tinh của chúng ta phân rã và sự sống từ nó chuyển sang dãy thứ năm, chúng ta sẽ đã di chuyển lên một giai đoạn vượt qua nhân loại, tiến bước trên một trong bảy con đường đó. Do đó, nhân loại sẽ bắt đầu như loài người nguyên thủy trong dãy thứ năm, và không phải là chính chúng ta, mà sẽ là làn sóng tiếp theo sau chúng ta—làn sóng hiện đang hoạt hóa giới động vật của chúng ta.

In the same way our vegetable monad will have evolved a stage higher, and will ensoul the animal kingdom of that new chain; while the life-wave which is now animating the mineral kingdom will by that time have risen to the level of the vegetable kingdom. Thus we

Tương tự, chân thần của giới thực vật của chúng ta sẽ tiến hóa lên một giai đoạn cao hơn và sẽ hoạt hóa giới động vật của dãy hành tinh mới; trong khi làn sóng sự sống hiện đang hoạt hóa giới khoáng vật sẽ vào thời điểm đó tiến lên cấp độ của giới thực vật. Do đó, chúng ta

see that of the seven life-waves which we now know, six will be present in the fifth chain, but each will have gained a stage in its development.

thấy rằng trong số bảy làn sóng sự sống mà chúng ta hiện biết, sáu làn sóng sẽ hiện diện trong dãy thứ năm, nhưng mỗi làn sóng sẽ đạt được một giai đoạn tiến hóa cao hơn.

Our present human life-wave, having obtained the object of its immersion into matter, has passed out of this series of chains altogether, though some of those who were its members may still retain a voluntary connection with it for the purpose of helping its evolution. But since each of our waves has moved on a stage, how is the place of the hindmost supplied? Are we to suppose that the first elemental kingdom will no longer be represented in the new chain? By no means; for we find that a fresh life-wave from the LOGOS is following close behind the others, and so this new influx completes the seven.

Làn sóng sự sống nhân loại hiện tại của chúng ta, sau khi đã đạt được mục tiêu của việc hòa nhập vào vật chất, sẽ ra khỏi chuỗi dãy hành tinh này hoàn toàn, mặc dù một số trong số những thành viên của nó có thể vẫn giữ mối liên hệ tự nguyện với nó để giúp đỡ sự tiến hóa của nó. Nhưng vì mỗi làn sóng sự sống của chúng ta đã di chuyển lên một giai đoạn, thì làm thế nào để lấp đầy chỗ trống của làn sóng đứng sau cùng? Chúng ta có nên cho rằng giới tinh linh thứ nhất sẽ không còn đại diện trong dãy mới không? Không phải vậy; chúng ta thấy rằng có một làn sóng sự sống mới từ LOGOS đang theo sát phía sau các làn sóng khác, và sự xuất hiện mới này hoàn thành bảy làn sóng.

Precisely the same process has taken place in connection with each chain in succession. In each of them one life-wave has attained its goal, and passed off through seven channels to some entirely higher form of manifestation; and each of those behind it has moved forward one stage, and place of the hindmost has in each case been filled by a fresh influx of life from the LOGOS.

Chính quá trình này đã xảy ra liên tục trong mỗi dãy hành tinh. Trong mỗi dãy, một làn sóng sự sống đã đạt được mục tiêu của nó và ra khỏi chuỗi thông qua bảy kênh đến một hình thức biểu hiện hoàn toàn cao hơn; và mỗi làn sóng phía sau nó đã tiến lên một giai đoạn, và chỗ trống của làn sóng đứng sau cùng đã được lấp đầy bởi một làn sóng sự sống mới từ LOGOS.

Each of these waves enters in each chain-period at the lowest level of the kingdom which it is ensouling, and passes out of that kingdom at its highest point. A fresh influx of life from the LOGOS enters the first elemental kingdom in each chain, and there are six such influxes in our scheme, so that we have altogether thirteen successive life-waves at work in this scheme of seven chains, though

Mỗi làn sóng sự sống này nhập vào mỗi dãy hành tinh ở mức độ thấp nhất của giới mà nó đang hoạt hóa, và thoát ra khỏi giới đó ở điểm cao nhất của nó. Một dòng sống mới từ LOGOS nhập vào giới tinh linh thứ nhất trong mỗi dãy, và có sáu dòng sống như vậy trong kế hoạch của chúng ta, do đó chúng ta có tổng cộng mười ba làn sóng sự sống liên tiếp hoạt động trong kế hoạch của bảy dãy hành tinh

never more than seven of them are in operation simultaneously. All are moving steadily onward but always preserving the same distance between them, and we can take up any particular wave at any point in its progress and follow it backwards or forwards as we desire.

này, mặc dù không bao giờ có hơn bảy trong số chúng hoạt động đồng thời. Tất cả đều tiến lên đều đặn nhưng luôn giữ khoảng cách như nhau, và chúng ta có thể lấy bất kỳ làn sóng nào tại bất kỳ điểm nào trong quá trình của nó và theo dõi nó tiến về phía trước hoặc trở về quá khứ theo mong muốn của chúng ta.

Take for example the seventh of these waves. It enters into the first incarnation of the chain as the first elemental kingdom; in the second chain it has reached the level of the second elemental kingdom, and in the lunar chain it ensouls the third. In our present chain it animates our mineral kingdom, while in the fifth and sixth chains it will ensoul respectively the vegetable and animal kingdoms. In the seventh chain it will arrive at the level of humanity, and will then pass off through its seven channels, as the other humanities have done. We have then the complete history of this life-wave before us, from the time when it emerged into manifestation in the first elemental kingdom, until it is again attaining divine levels at the end of its appointed evolution.

Ví dụ, hãy lấy làn sóng thứ bảy. Nó nhập vào lần nhập thể đầu tiên của dãy như giới tinh linh thứ nhất; trong dãy thứ hai, nó đã đạt đến mức độ của giới tinh linh thứ hai, và trong dãy Mặt Trăng, nó đã hoạt hóa giới tinh linh thứ ba. Trong dãy hành tinh hiện tại của chúng ta, nó hoạt hóa giới khoáng vật của chúng ta, trong khi trong dãy thứ năm và thứ sáu, nó sẽ lần lượt hoạt hóa giới thực vật và giới động vật. Trong dãy thứ bảy, nó sẽ đạt đến mức độ của nhân loại, và sau đó sẽ rời khỏi thông qua bảy kênh, giống như những làn sóng sự sống khác của nhân loại đã làm. Chúng ta có trước mắt toàn bộ lịch sử của làn sóng sự sống này, từ thời điểm nó xuất hiện vào biểu hiện trong giới tinh linh thứ nhất, cho đến khi nó một lần nữa đạt đến các cấp độ thiêng liêng vào cuối quá trình tiến hóa được chỉ định của nó.

We have not before us in our scheme the complete evolution of any other wave than this. If, for example, we trace back our own life-wave, we shall find that it ensouled the animal kingdom in the moon-chain, the vegetable kingdom in the second chain, and the mineral kingdom in the first chain. Where then did it gain the evolution of the three elemental kingdoms? For it must obviously have advanced through those stages before it manifested as the mineral. It has passed through them in some previous scheme of chains—we know not where or when. It is evident that the only entirely new impulse is

Chúng ta không có trước mắt trong kế hoạch của mình quá trình tiến hóa hoàn chỉnh của bất kỳ làn sóng sự sống nào khác ngoài làn sóng này. Nếu, chẳng hạn, chúng ta theo dõi lại làn sóng sự sống của chính mình, chúng ta sẽ thấy rằng nó đã hoạt hóa giới động vật trong dãy Mặt Trăng, giới thực vật trong dãy thứ hai, và giới khoáng vật trong dãy thứ nhất. Vậy thì, nó đã đạt được sự tiến hóa của ba giới tinh linh ở đâu? Bởi vì rõ ràng nó phải đã vượt qua những giai đoạn đó trước khi biểu hiện như giới khoáng vật. Nó đã vượt qua chúng trong một chuỗi dãy hành tinh nào đó trước đây—chúng ta không biết ở đâu hoặc khi nào. Rõ

that first chain of our scheme was the seventh life-wave, for all the others which form part of that first chain had already gone through some portion of their evolution in anterior schemes of worlds. Its humanity must evidently have passed through the six antecedent stages in that unknown past, and it came here only to acquire the finishing touch to its education which prepared it to pass off along the seven paths which lay open before it.

ràng rằng làn sóng sự sống hoàn toàn mới duy nhất trong dãy đầu tiên của kế hoạch này là làn sóng thứ bảy, vì tất cả các làn sóng khác là một phần của dãy đầu tiên đã trải qua một phần nào đó của sự tiến hóa của chúng trong những kế hoạch hành tinh trước đó. Nhân loại của làn sóng này chắc chắn phải đã vượt qua sáu giai đoạn trước đó trong quá khứ vô định đó, và nó đến đây chỉ để hoàn thành những bước cuối cùng trong quá trình giáo dục của mình, chuẩn bị để vượt qua một trong bảy con đường mở ra trước nó.

But our life-waves stretch onward into the future as well as back into the past. The eighth wave, for example, which entered for the first time in the second chain as a fresh impulse from the Divine Life, has no time in our scheme of evolution to reach the human level. In our present chain it is ensouling the third elemental kingdom, and causing us a great deal of trouble in the shape of desire-elementals. In the seventh chain that wave will be ensouling the animal kingdom, and it will therefore attain humanity in the first chain of some unknown scheme of globes, hidden at present in the womb of the future.

Nhưng các làn sóng sự sống của chúng ta kéo dài không chỉ về quá khứ mà còn tiến xa vào tương lai. Ví dụ, làn sóng thứ tám, lần đầu tiên nhập vào dãy thứ hai như một dòng sống mới từ sự sống thiêng liêng, không có đủ thời gian trong kế hoạch tiến hóa của chúng ta để đạt đến mức độ nhân loại. Trong dãy hiện tại của chúng ta, nó đang hoạt hóa giới tinh linh thứ ba, và gây cho chúng ta rất nhiều phiền toái dưới hình thức của những tinh linh dục vọng. Trong dãy thứ bảy, làn sóng đó sẽ hoạt hóa giới động vật, và do đó sẽ đạt đến nhân loại trong dãy đầu tiên của một chuỗi hành tinh không xác định trong tương lai, hiện vẫn đang nằm trong lòng của tương lai.

Naturally the remaining waves, from the ninth to the thirteenth, are also unfinished, so that out of all the waves which use our scheme as the theatre of their evolution only one finds time to complete all its stages—a fact which, if we can realise all that it involves, gives us a deeply impressive illustration of the vastness of the resources of nature, a glimpse into the illimitable eternities through which, never hastening yet never resting, her unfoldment proceeds with such splendid precision.

Tự nhiên, các làn sóng còn lại, từ làn sóng thứ chín đến làn sóng thứ mười ba, cũng chưa hoàn tất, do đó, trong tất cả các làn sóng sử dụng kế hoạch của chúng ta làm sân khấu cho sự tiến hóa của chúng, chỉ có một làn sóng hoàn thành tất cả các giai đoạn của nó—một thực tế mà nếu chúng ta có thể hiểu hết những gì nó bao hàm, sẽ mang đến cho chúng ta một minh họa sâu sắc về sự rộng lớn của các nguồn lực của tự nhiên, cũng như một cái nhìn thoáng qua về những vĩnh hằng vô tận qua đó, không vội vàng nhưng cũng không bao giờ

ngừng nghỉ, sự phát triển của nó tiến tới với sự chính xác tuyệt đẹp.

Now that we have clearly in our minds the steady progress of these life-waves, we must immediately proceed to modify our conception by the introduction into it of another important factor. In each case of transference from one kingdom to another, there is always a certain part of the life-waves which does not succeed in passing, and is therefore left behind. We may perhaps understand that most easily if we begin by thinking of the future of our own humanity.

Giờ đây, khi chúng ta đã có trong tâm trí một hình ảnh rõ ràng về sự tiến bộ không ngừng của những làn sóng sự sống này, chúng ta ngay lập tức phải điều chỉnh khái niệm của mình bằng cách đưa vào đó một yếu tố quan trọng khác. Trong mỗi trường hợp chuyển tiếp từ một giới sang giới khác, luôn luôn có một phần của những làn sóng sự sống không thành công trong việc vượt qua, và do đó bị bỏ lại phía sau.

We know that the goal set before us is the attainment of that level of initiation which has been called adeptship—the position of the asekha, “the one who has no more to learn” with regard to our planetary chain. But we also know that it will not be the whole of humanity that will succeed in this lofty aim, but only a certain part of it. We are told that in the middle of the next round a separation will occur between those souls who are strong enough to undertake the higher stages of evolution and those who are not. This separation has been prefigured by the many legends of a “last judgment” at which the future destiny of the souls for this aeon would be decided. The diseased imagination of the mediaeval monk, always seeking an opportunity to introduce grotesquely exaggerated horrors into his creed in order to terrify an incredibly ignorant peasantry into more liberal donations for the support of Mother-Church, distorted into “eternal damnation” the perfectly simple idea of aeonian suspension.

Chúng ta có thể hiểu điều này một cách dễ dàng hơn nếu bắt đầu suy nghĩ về tương lai của nhân loại chúng ta. Chúng ta biết rằng mục tiêu được đặt ra trước chúng ta là đạt đến mức độ điểm đạo, một vị trí của asekha, “người không còn điều gì để học” liên quan đến dãy hành tinh của chúng ta. Nhưng chúng ta cũng biết rằng không phải toàn bộ nhân loại sẽ thành công trong mục tiêu cao cả này, mà chỉ có một phần nhất định của nó. Chúng ta được cho biết rằng ở giữa vòng tuần hoàn tiếp theo sẽ xảy ra một sự phân tách giữa những linh hồn đủ mạnh để đảm nhận những giai đoạn tiến hóa cao hơn và những linh hồn không đủ mạnh. Sự phân tách này đã được tiên báo bởi nhiều truyền thuyết về một "phán xét cuối cùng", tại đó số phận tương lai của các linh hồn trong kỷ nguyên này sẽ được quyết định. Trí tưởng tượng bệnh hoạn của các tu sĩ thời trung cổ, luôn tìm kiếm cơ hội để đưa vào tôn giáo của họ những nỗi kinh hoàng phóng đại một cách lố bịch, nhằm dọa dẫm những người nông dân cực kỳ thiếu hiểu biết để thu được nhiều sự đóng góp cho Giáo hội, đã bóp méo ý tưởng hoàn toàn đơn giản về một "sự đình chỉ trong kỷ nguyên" thành khái niệm về “địa

ngục vĩnh viễn".

Those who are left behind at this period have sometimes been described as "the failures of the fifth round," though perhaps even this is somewhat too harsh a term. There may well be some among them who by greater exertion might have qualified themselves to pass onward, and these are rightly spoken of as failures; but the majority will be left behind simply because they are too young to go on, and so not strong enough for the more difficult work.

Những linh hồn bị bỏ lại trong thời kỳ này đôi khi được miêu tả là "những kẻ thất bại của vòng tuần hoàn thứ năm," mặc dù có lẽ ngay cả cụm từ này cũng có phần quá khắc nghiệt. Chắc chắn sẽ có những người trong số họ, nếu có nỗ lực lớn hơn, có thể đã đủ điều kiện để tiếp tục tiến lên, và những người này được coi là những kẻ thất bại; nhưng phần lớn sẽ bị bỏ lại chỉ đơn giản vì họ còn quá trẻ để tiếp tục, và do đó không đủ mạnh cho những công việc khó khăn hơn.

The facts of the case may be stated quite simply. The lower classes of monads passed only gradually from the animal kingdom into the human during the earlier half of our present chain-period. Some of them are still, consequently, at an early stage of the human evolution, and are therefore exceedingly unlikely to overtake the classes which are so far in advance of them. We have been given to understand that it is just possible for even the lowest savage to reach before the middle of the fifth round the level necessary for continued evolution, but in order to do this he must never once fail to take advantage of each opportunity as it is offered to him, and the number who will do this will be infinitesimally small. It is calculated that the proportion who will be prepared to go on will amount to about three-fifths of the total population of the earth (not merely of the physical population, it will be understood, but of the total number of egos who constitute the human life-wave evolving through this chain) while the remaining two-fifths will be left behind.

Sự thật của vấn đề có thể được trình bày một cách rất đơn giản. Những lớp thấp của các chân thần chỉ dần dần chuyển từ giới động vật sang nhân loại trong nửa đầu của chu kỳ hiện tại của chúng ta. Một số trong số họ vẫn đang ở giai đoạn đầu của sự tiến hóa nhân loại, và do đó rất khó có khả năng bắt kịp các lớp tiến xa hơn nhiều. Chúng ta được cho biết rằng ngay cả những người man rợ thấp nhất cũng có thể đạt đến mức độ cần thiết để tiếp tục tiến hóa trước giữa vòng tuần hoàn thứ năm, nhưng để làm được điều đó, họ phải không bao giờ bỏ lỡ bất kỳ cơ hội nào khi nó được trao cho họ, và số người thực hiện điều này sẽ cực kỳ nhỏ. Người ta tính rằng tỷ lệ những người sẵn sàng tiếp tục sẽ vào khoảng ba phần năm tổng số dân trên Trái đất (không chỉ đơn thuần là dân số hồng trần, mà là toàn bộ số lượng chân ngã tạo thành làn sóng sự sống của nhân loại đang tiến hóa qua chuỗi hành tinh này), trong khi hai phần năm còn lại sẽ bị bỏ lại phía sau.

The surroundings in the world at that time

Môi trường của thế giới vào thời điểm đó sẽ

will be specially adapted for the rapid progress of the more advanced egos, and will therefore be wholly unsuitable for entities at a much lower stage of evolution, as the gross vibrations of violent passion and of strong coarse feelings which are necessary for the development of the inert and half-formed astral body of the savage will be no longer available. We can easily imagine many ways in which this unsuitability would show itself. In a world of high intellectual and spiritual development, where war and the slaughter of animals have long been things of the past, the existence of savage races, full of undisciplined passions and desire for conflict, would obviously introduce many serious difficulties and complications; and though no doubt means might be devised for their repression, that very repression would debar them from the activities requisite for their early stage of evolution.

được điều chỉnh đặc biệt để phù hợp với sự tiến bộ nhanh chóng của những chân ngã tiên tiến hơn, do đó sẽ hoàn toàn không phù hợp cho các thực thể ở giai đoạn tiến hóa thấp hơn nhiều, vì những rung động thô của đam mê bạo lực và cảm xúc mạnh mẽ, thô lỗ—những yếu tố cần thiết cho sự phát triển của thể cảm dục còn trì trệ và chưa hoàn thiện của người man rợ—sẽ không còn nữa. Chúng ta có thể dễ dàng tưởng tượng ra nhiều cách mà sự không phù hợp này sẽ thể hiện. Trong một thế giới có sự phát triển cao về trí tuệ và tinh thần, nơi chiến tranh và việc giết mổ động vật từ lâu đã là quá khứ, sự tồn tại của các giống loài man rợ, đầy đam mê không được kiểm soát và khao khát xung đột, rõ ràng sẽ gây ra nhiều khó khăn và phức tạp nghiêm trọng; và mặc dù không nghi ngờ gì rằng các biện pháp có thể được đưa ra để đàn áp họ, nhưng chính sự đàn áp đó sẽ ngăn cản họ khỏi các hoạt động cần thiết cho giai đoạn tiến hóa ban đầu của họ.

Obviously, therefore, the kindest and best thing to do with those who are thus backward is simply to drop them out from this evolution, and let them prepare to take their place in next year' s class—in the next planetary chain. Such entities will not suffer in any way; they will simply have a very prolonged period of rest in such heaven-life as they may be capable of appreciating, and no doubt, even though their consciousness during this period will probably be but partially awakened, a certain amount of inner progress will be going on.

Rõ ràng, điều tốt nhất và nhân từ nhất đối với những người chậm tiến là đơn giản loại họ ra khỏi quá trình tiến hóa này và để họ chuẩn bị cho việc tham gia vào "lớp học" của năm tiếp theo—tức là trong chuỗi hành tinh tiếp theo. Những thực thể như vậy sẽ không chịu đau khổ gì cả; họ sẽ chỉ trải qua một khoảng thời gian rất dài trong cuộc sống thiên đường mà họ có thể cảm nhận được, và không nghi ngờ gì rằng, ngay cả khi tâm thức của họ trong giai đoạn này có thể chỉ được thức tỉnh một phần, một mức độ tiến bộ nội tâm nhất định vẫn sẽ diễn ra.

From that condition they will descend into the earlier stages of the evolution of the next chain, and will be among the leaders of primitive humanity there. We should not think of them as in any way put back, but

Từ trạng thái đó, họ sẽ bước xuống các giai đoạn tiến hóa sớm hơn của chuỗi tiếp theo và sẽ là những người dẫn đầu của nhân loại nguyên thủy tại đó. Chúng ta không nên nghĩ rằng họ bị thụt lùi theo bất kỳ cách nào, mà chỉ

merely as assigned to the position to which they really belong, where their progress is easy and certain. It is to this class that Madame Blavatsky referred when she spoke of vast numbers of “lost souls”; though this term “lost souls,” when employed in this connection, sometimes misleads students who have not yet grasped the full splendour and certainty of the evolutionary scheme.

đơn thuần được đặt vào vị trí mà họ thực sự thuộc về, nơi mà tiến trình của họ sẽ dễ dàng và chắc chắn. Đây chính là lớp mà Madame Blavatsky đã nhắc đến khi bà nói về số lượng lớn những "linh hồn lạc lối"; mặc dù thuật ngữ "linh hồn lạc lối" khi được sử dụng trong ngữ cảnh này đôi khi có thể gây nhầm lẫn cho những sinh viên chưa nắm bắt được sự huy hoàng và tính chắc chắn của hệ thống tiến hóa.

We may think then of each life-wave in its passage through the chain as breaking up into wavelets. Consider what will be the progress made by our own life-wave. Broadly speaking, this represents the animal kingdom of the moon, though the failures of the lunar humanity have naturally joined it, and may be expected to be among its leaders.

Chúng ta có thể nghĩ rằng mỗi làn sóng sự sống trong hành trình của nó qua chuỗi hành tinh sẽ tách ra thành các làn sóng nhỏ hơn. Hãy xem xét tiến trình của làn sóng sự sống của chính chúng ta. Nói một cách tổng quát, điều này đại diện cho giới động vật của Mặt Trăng, mặc dù những thất bại của nhân loại Mặt Trăng đã tự nhiên tham gia vào đó, và có thể được mong đợi sẽ nằm trong số những người dẫn đầu của nó.

The whole of the wave which ensouled that lunar animal kingdom should theoretically have entered humanity during the earlier part of this chain, and should by the end of the seventh round attain the goal appointed for it.

Toàn bộ làn sóng đã vận hành giới động vật của Mặt Trăng lý thuyết là đã bước vào nhân loại trong giai đoạn đầu của chuỗi hiện tại và, theo lý thuyết, đến cuối vòng tuần hoàn thứ bảy, sẽ đạt đến mục tiêu đã được chỉ định cho nó.

We who are now human beings in this chain ought all of us to attain adeptship, and pass away from this scheme of evolution altogether by one of the seven paths which open before the adept, while what is now our animal kingdom ought by the end of this chain to attain individualisation, and therefore to be ready to furnish the humanity for the next chain, the fifth of the scheme.

Chúng ta, những người hiện đang là con người trong chuỗi này, lẽ ra phải đạt đến cấp bậc của Chân sư (adeptship), và vượt ra khỏi chuỗi tiến hóa này thông qua một trong bảy con đường mở ra trước mặt các Chân sư, trong khi giới động vật hiện tại của chúng ta sẽ đạt đến sự biệt ngã vào cuối chuỗi này và sẵn sàng cung cấp nhân loại cho chuỗi tiếp theo, chuỗi thứ năm trong hệ thống.

We know, however, that two-fifths of our humanity will fall out in the middle of the fifth round, because it is obviously too far

Tuy nhiên, chúng ta biết rằng hai phần năm nhân loại của chúng ta sẽ rơi ra ở giữa vòng tuần hoàn thứ năm, vì rõ ràng họ quá xa so với

behind the rest to enable it even with the greatest efforts to attain the goal during this chain. This two-fifths will enter the next chain along with the members of our present animal kingdom, and will therefore constitute part of that future humanity.

phần còn lại để có thể, dù cố gắng hết sức, đạt được mục tiêu trong chuỗi này. Hai phần năm đó sẽ bước vào chuỗi tiếp theo cùng với các thành viên của giới động vật hiện tại của chúng ta, và do đó sẽ trở thành một phần của nhân loại tương lai.

One of the great reasons why the division between the more advanced and the less advanced must be made in the middle of the fifth round is that the later races will be in much closer touch with the adepts and the great devas than we are now. It will therefore be necessary for them to hold themselves always in an impressible condition, in readiness to receive and respond to an outpouring of influences. This in its turn requires that they shall live a peaceful and contemplative life, which would be an impossibility if there were still left in the world savage races who would attack and kill the man in a state of contemplation. The more powerful vibrations of that time would not rouse the higher nature of the savage, but would only stimulate and intensify his lower passions, so that he would gain nothing by being on earth at that period, while he would make impossible the progress of the more developed people.

Một trong những lý do lớn khiến cho sự phân chia giữa những người tiên tiến và những người kém phát triển hơn phải được thực hiện vào giữa vòng tuần hoàn thứ năm là vì các giống loài sau này sẽ có mối liên hệ gần gũi hơn với các Chân sư và các đại thiên thần (devas) vĩ đại so với hiện nay. Do đó, họ cần phải luôn ở trong trạng thái dễ cảm ứng, sẵn sàng tiếp nhận và đáp ứng với những luồng ảnh hưởng. Điều này đòi hỏi họ phải sống một cuộc đời yên bình và chiêm nghiệm, điều mà sẽ trở nên bất khả thi nếu thế giới vẫn còn tồn tại những giống người man rợ, những kẻ có thể tấn công và giết hại người đang trong trạng thái chiêm nghiệm. Những rung động mạnh mẽ hơn vào thời điểm đó sẽ không đánh thức bản chất cao hơn của người man rợ, mà chỉ kích thích và tăng cường các đam mê thấp kém của họ, khiến họ không thể đạt được gì khi còn trên Trái Đất vào giai đoạn đó, đồng thời ngăn cản sự tiến bộ của những người phát triển hơn.

But the other three-fifths of our present humanity, which may be described as successful in so far as it does not drop out at the day of judgment in the fifth round, will yet not all of it succeed, in the sense of attaining the asekha level. It is thought that probably about one-fifth of the whole number (that is to say, one-third of those who have not dropped out) will fully achieve; but that means that two-thirds of the successes will still at the end of our chain of worlds have further work to do,

Tuy nhiên, ba phần năm còn lại của nhân loại hiện tại, những người có thể được coi là đã thành công trong việc không bị loại bỏ vào ngày phán xét của vòng tuần hoàn thứ năm, sẽ không phải tất cả đều thành công trong việc đạt đến cấp bậc asekha. Người ta cho rằng có lẽ khoảng một phần năm tổng số người (tức là một phần ba trong số những người không bị loại bỏ) sẽ hoàn toàn đạt được thành tựu; nhưng điều này có nghĩa là hai phần ba số người thành công vẫn sẽ còn nhiều việc phải

before they have reached the level intended for them. They also will have to enter the next chain, though they will not need the earlier stages of its evolution: so they will probably appear at about its middle point, much as the higher classes of monads who came over from the moon entered our present evolution at its middle point. The matter will, however, be complicated for them by the fact that, just as on this chain the point set before us for attainment is higher than that of the moon-chain, so will the level of achievement expected on the fifth chain be higher than ours. With that, however, we have no concern for the moment.

làm vào cuối chuỗi hành tinh của chúng ta, trước khi họ đạt đến cấp độ mà họ được định sẵn. Họ cũng sẽ phải bước vào chuỗi tiếp theo, mặc dù họ không cần trải qua các giai đoạn tiến hóa ban đầu: có lẽ họ sẽ xuất hiện vào khoảng giữa của chuỗi, tương tự như những lớp đơn tử cao cấp hơn từ Mặt Trăng đã tham gia vào quá trình tiến hóa hiện tại của chúng ta ở giai đoạn giữa. Tuy nhiên, vấn đề sẽ trở nên phức tạp đối với họ bởi vì, giống như trong chuỗi này, cấp độ được đặt ra cho chúng ta để đạt được cao hơn so với chuỗi Mặt Trăng, cấp độ thành tựu mong đợi ở chuỗi thứ năm cũng sẽ cao hơn so với của chúng ta. Tuy nhiên, đó không phải là điều chúng ta quan tâm ngay lúc này.

The actual distribution at the end of our planetary chain will probably be into several well-defined classes, somewhat as follows; though obviously each of these might be further subdivided:

Phân bổ thực tế vào cuối chuỗi hành tinh của chúng ta có lẽ sẽ được chia thành một số nhóm rõ ràng, mặc dù mỗi nhóm này có thể được phân chia nhỏ hơn:

Those who, having intelligently studied evolution and determined to take the shorter and steeper Path to the goal, have already attained adeptship in previous rounds.

- Những người đã nghiên cứu một cách thông minh về tiến hóa và quyết định chọn con đường ngắn hơn và dốc hơn để đạt được mục tiêu, đã đạt đến cấp độ Chân sư trong các vòng tuần hoàn trước đó.

Those who attain the asekha level in the seventh round. These are the highest class of the men who have moved along with the ordinary stream of evolution—the vanguard of those who have followed the usual path. They may be taken as corresponding, for our chain, to the first class of the moon-men.

- Những người đạt được cấp độ asekha trong vòng tuần hoàn thứ bảy. Đây là lớp cao nhất của những người đã đi cùng dòng tiến hóa bình thường—những người tiên phong của những người đã theo con đường thông thường. Họ có thể được coi là tương ứng, đối với chuỗi của chúng ta, với lớp thứ nhất của những người Mặt Trăng.

Those who have fallen short of this perfect attainment, but yet have succeeded in reaching the arhat level in the seventh round. They correspond for our chain to the second

- Những người không đạt được sự hoàn hảo, nhưng đã thành công trong việc đạt đến cấp độ arhat trong vòng tuần hoàn thứ bảy. Họ tương ứng với lớp thứ hai của những người Mặt

class of the moon-men, and will need very few births in the next incarnation of the chain before they also gain the level of liberation.

Trăng, và sẽ chỉ cần rất ít lần tái sinh trong chuỗi tiếp theo trước khi họ cũng đạt đến cấp độ giải thoát.

Those who, while they passed the examination at the middle of the fifth round, have not yet succeeded in raising themselves above the three lower levels of the Path Proper. These may perhaps be taken to correspond for our chain with the animal-men of the moon, who had only just contrived to separate themselves from the animal kingdom, and consequently had much preparatory work to do in the new chain.

- Những người đã vượt qua bài kiểm tra vào giữa vòng tuần hoàn thứ năm, nhưng chưa thành công trong việc nâng mình lên khỏi ba cấp độ thấp hơn của Con Đường Chính Đáng (Path Proper). Họ có thể được coi là tương ứng với những người nửa động vật của Mặt Trăng, những người chỉ vừa mới tách ra khỏi giới động vật, và do đó còn nhiều công việc chuẩn bị cần thực hiện trong chuỗi mới.

Those who, while they succeeded in attaining humanity in our earth-chain, yet failed to raise themselves sufficiently to justify their continuance in that chain after the middle of the fifth round. There will, no doubt, be several subdivisions or classes among these.

- Những người đã thành công trong việc đạt được nhân tính trong chuỗi Trái Đất của chúng ta, nhưng lại không đủ để biện minh cho việc họ tiếp tục trong chuỗi đó sau giữa vòng tuần hoàn thứ năm. Rõ ràng sẽ có một số phân chia hoặc lớp nhỏ hơn trong số này.

Those who have failed altogether to gain the level of humanity. These will be some of the very lowest of the monads, who had only just reached the animal kingdom on the moon, and have been slowly rising during the earth-chain, but have not succeeded in attaining individualisation.

Những người hoàn toàn thất bại trong việc đạt được cấp độ nhân loại sẽ bao gồm một số ít những đơn tử thấp nhất, những đơn tử chỉ vừa mới đạt đến giới động vật trên Mặt Trăng và đã chậm rãi tiến lên trong chuỗi hành tinh Trái Đất, nhưng chưa thành công trong việc đạt được cá nhân hóa.

It is not only in the case of humanity that we find this failure to attain the destined level. The same thing appears to happen in connection with every kingdom all through the course of evolution. While the majority of each wave of monads fulfil the destiny appointed for them, there is in each a minority who fall behind, and a much smaller minority who run far in advance of that destiny. For example, just as a few men are now rising far above their fellows and attaining adeptship, so a few animals are even already breaking

Không chỉ riêng trong trường hợp của nhân loại mà chúng ta thấy sự thất bại này trong việc đạt đến cấp độ đã định sẵn. Điều tương tự cũng xảy ra với mọi giới trong suốt quá trình tiến hóa. Trong khi phần lớn mỗi làn sóng đơn tử đều hoàn thành số phận đã được định đoạt cho họ, trong mỗi làn sóng luôn có một thiểu số bị tụt lại phía sau, và một thiểu số rất nhỏ vượt xa mục tiêu đã được định sẵn. Ví dụ, cũng giống như một số ít người hiện đang vượt lên xa so với đồng loại của họ và đạt đến cấp độ Chân sư, một số ít động vật thậm chí đã bắt

away from their group-souls and becoming individualised, though the great body of the animal life-wave will arrive at individualisation only towards the end of the seventh round, and will form the humanity of the fifth chain. The men who are approaching adeptship are always those who are in close touch with the existing adepts as Their pupils; the animals who are approaching humanity are usually those who are in close touch with the existing humanity as pets specially developed in affection and intelligence.

đầu tách khỏi linh hồn nhóm và trở nên cá nhân hóa, mặc dù đại đa số làn sóng sự sống động vật sẽ chỉ đạt đến cá nhân hóa vào cuối vòng tuần hoàn thứ bảy và sẽ tạo thành nhân loại của chuỗi hành tinh thứ năm. Những người đàn ông đang tiếp cận cấp độ Chân sư luôn là những người có mối liên hệ gần gũi với các Chân sư hiện hữu như các đệ tử của các Ngài; các loài động vật đang tiến gần đến nhân loại thường là những con vật có mối liên hệ gần gũi với nhân loại hiện tại, thường là những vật nuôi được phát triển đặc biệt về tình cảm và trí tuệ.

In the earlier days of the Theosophical teaching we supposed that even if an animal by specially rapid development should become individualised here and now, he would still have to wait until the next chain before he could secure a human body. Later investigations, however, have shown us that exceptions to this rule are at this stage still possible, and that animals who are fortunate enough to attain individualisation during this present world-period may be accommodated with primitive human bodies at the commencement of the occupation by our life-wave of the next planet in our present chain. It is obvious that the number of animals prepared to take advantage of this (which, so far as we can see, appears likely to be their final opportunity of entering the human life of this chain) must be relatively exceedingly small; but still it is a possibility which we must take into account if we wish correctly to comprehend the course of evolution.

Trong những ngày đầu của giáo lý Thông Thiên Học, chúng tôi đã cho rằng ngay cả khi một con vật phát triển nhanh chóng đặc biệt và trở nên cá nhân hóa ở đây và bây giờ, nó vẫn phải chờ đến chuỗi hành tinh tiếp theo mới có thể có được một thể xác con người. Tuy nhiên, những cuộc điều tra sau này đã chỉ ra rằng ngoại lệ cho quy tắc này vẫn có thể xảy ra ở giai đoạn này, và những con vật may mắn đạt được cá nhân hóa trong giai đoạn thế giới hiện tại có thể được đưa vào các thể xác con người nguyên thủy khi làn sóng sự sống của chúng ta bắt đầu chiếm lĩnh hành tinh tiếp theo trong chuỗi hiện tại của chúng ta. Hiển nhiên rằng số lượng động vật sẵn sàng tận dụng cơ hội này (mà theo như chúng ta có thể thấy, có vẻ như đây là cơ hội cuối cùng của chúng để bước vào đời sống con người trong chuỗi này) phải cực kỳ nhỏ; nhưng dù vậy, đó vẫn là một khả năng mà chúng ta phải tính đến nếu muốn hiểu đúng về quá trình tiến hóa.

I have once seen a case in which there were special features that made an even earlier incarnation possible—a case of an animal which had shown in earth-life not only great

Tôi đã từng chứng kiến một trường hợp có những yếu tố đặc biệt khiến cho một sự đầu thai sớm hơn thậm chí có thể xảy ra—một trường hợp của một con vật không chỉ thể hiện

intelligence, but also unusually strong devotion to his human friend, a devotion which of course continued in the astral life and was even stronger there than ever. The animal' s power of definite thought was such that during life he frequently travelled great distances in his astral body when asleep, to visit his master on his journeys. In this case definite progress was made in the astral life after death, and the response to our efforts was much greater than we had hoped, for the astral life gave us a better opportunity than was possible on the physical plane to grasp the exact limits of the animal' s lines of thought. They were few, narrow and curiously limited; but yet they extended much further along their lines than one would suppose.

trí thông minh lớn trong đời sống trên Trái Đất, mà còn có lòng trung thành mạnh mẽ bất thường đối với người bạn con người của nó, một sự trung thành mà tất nhiên tiếp tục trong cuộc sống cõi trung giới và thậm chí còn mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Khả năng suy nghĩ cụ thể của con vật này lớn đến mức trong suốt cuộc đời, nó thường xuyên di chuyển quãng đường xa trong thể trung giới của nó khi đang ngủ để thăm chủ nhân trong những chuyến hành trình của người ấy. Trong trường hợp này, tiến bộ rõ rệt đã được thực hiện trong cuộc sống trung giới sau khi chết, và phản hồi đối với những nỗ lực của chúng tôi lớn hơn nhiều so với những gì chúng tôi đã hy vọng, vì cuộc sống trung giới đã mang lại cho chúng tôi cơ hội tốt hơn so với cõi trần để nắm bắt được giới hạn chính xác của các đường suy nghĩ của con vật. Những đường suy nghĩ này ít, hẹp và bị giới hạn một cách kỳ lạ; nhưng chúng lại mở rộng xa hơn nhiều so với những gì một người có thể tưởng tượng.

Certain new lines of thought opened up in the astral life, and the developments were exceedingly interesting. An almost immediate incarnation in this world was clearly possible, but there were some curious combinations which made the matter difficult to arrange. The animal would have been a primitive savage in many ways, and yet could only have been incarnated in immediate personal relation with his master, for whom his attachment was so strong that it would have been impossible to keep him away from him This presented serious difficulties, but still they might somehow have been overcome, but for the fact that it was impossible to guarantee the sex of the savage!

Một số dòng tư tưởng mới đã mở ra trong đời sống cảm dục, và những phát triển này vô cùng thú vị. Việc nhập thể ngay lập tức trong thế giới này rõ ràng là có thể, nhưng có một vài kết hợp kỳ lạ khiến việc sắp xếp này trở nên khó khăn. Con vật ấy sẽ là một người nguyên thủy theo nhiều cách, và tuy nhiên, chỉ có thể nhập thể trong mối quan hệ cá nhân trực tiếp với chủ nhân của mình, vì sự gắn bó của nó với chủ nhân mạnh mẽ đến mức không thể giữ nó cách xa Ông ta. Điều này đã đặt ra những khó khăn nghiêm trọng, nhưng vẫn có thể vượt qua bằng cách nào đó, nếu không phải là vì việc bảo đảm giới tính của người nguyên thủy này là điều không thể!

Presumably among the animals that succeed

Giả thuyết là trong số các loài động vật thành

there will also be various classes, corresponding in a general way in this evolution to the various classes of monads in the lunar evolution; and some of the animal essence at present ensouling the lowest forms of life will certainly fail to attain the human level in this chain, and will therefore correspond in the animal kingdom to our "failures of the fifth round." As to whether these forms also will disappear from the earth at that same period in the fifth round we have no direct information, but analogy would seem to require that this should be so. The same differentiation into classes, according to the measure of success achieved, has been observed in connection with all the lower kingdoms, so that in reality each life-wave ought to be symbolised as breaking up constantly into ripples or wavelets, some of which in time join the preceding or succeeding waves, though the majority move steadily along their appointed course.

công, sẽ có nhiều lớp khác nhau, tương ứng một cách tổng quát trong tiến hóa này với các lớp khác nhau của các chân thần trong cuộc tiến hóa mặt trăng; và một số tinh chất động vật hiện đang nhập thể trong các dạng sống thấp nhất chắc chắn sẽ không đạt đến cấp độ nhân loại trong dãy hành tinh này, do đó sẽ tương ứng trong giới động vật với "những thất bại của cuộc tuần hoàn thứ năm" của chúng ta. Về việc liệu những hình thái này có biến mất khỏi trái đất vào cùng thời kỳ đó trong cuộc tuần hoàn thứ năm hay không, chúng ta không có thông tin trực tiếp, nhưng theo lý luận thì điều này dường như là bắt buộc. Sự phân hóa thành các lớp, tùy theo mức độ thành công đạt được, đã được quan sát thấy liên quan đến tất cả các giới thấp hơn, do đó thực tế mỗi làn sóng sống nên được biểu tượng hóa như là phân tách thành các gợn sóng nhỏ hoặc sóng con liên tục, trong số đó một số theo thời gian sẽ hợp nhất với các làn sóng trước hoặc sau, mặc dù phần lớn tiếp tục di chuyển dọc theo con đường đã định.

The seven life-waves which ensoul our seven kingdoms have always for their principal field of action the planet to which the attention of the LOGOS is for the moment directed; but a certain small proportion of their action is always manifesting in the other worlds of the chain also. Thus, although the attention of the Planetary LOGOS is now fixed upon our earth, there are yet representatives of all the kingdoms simultaneously existing upon every one of the six other globes of our chain. These are often described as the seed from which the forms will develope when the life-wave reaches the planet—that is to say, when the special attention of the Planetary LOGOS is turned to it once more.

Bảy làn sóng sống nhập thể vào bảy giới của chúng ta luôn có trường hành động chính là hành tinh mà vào thời điểm đó LOGOS đang hướng sự chú ý của Ngài đến; nhưng một tỷ lệ nhỏ của hành động của chúng luôn biểu hiện ở các thế giới khác trong dãy hành tinh. Do đó, mặc dù sự chú ý của Hành Tinh Thượng Đế hiện đang tập trung vào trái đất của chúng ta, vẫn có những đại diện của tất cả các giới cùng tồn tại đồng thời trên mỗi trong sáu bầu hành tinh khác của dãy hành tinh chúng ta. Những thứ này thường được mô tả là hạt giống từ đó các hình thái sẽ phát triển khi làn sóng sống đến hành tinh — nghĩa là khi sự chú ý đặc biệt của Hành Tinh Thượng Đế quay trở lại hành tinh một lần nữa.

These forms have remained in existence upon their respective planets ever since they were first filled by the lunar animal-men in the first round, and in this way the trouble of what might be called fresh creation for each globe in each round is avoided. The life ensouling these forms during the comparative obscuration of those planets is still part of the great wave, and is still moving onward in connection with it. It serves other functions besides that of providing the seed for the incoming wave, since it is also employed as a means of more rapid evolution for certain classes of monads.

Những hình thái này đã tồn tại trên các hành tinh tương ứng của chúng kể từ khi chúng được lấp đầy bởi các người-thú mặt trăng trong cuộc tuần hoàn đầu tiên, và bằng cách này, công việc mà có thể được gọi là sáng tạo mới cho mỗi bầu hành tinh trong mỗi cuộc tuần hoàn được tránh đi. Sự sống nhập thể vào những hình thái này trong thời kỳ che khuất tương đối của những hành tinh đó vẫn là một phần của làn sóng lớn, và vẫn tiếp tục tiến triển cùng với nó. Nó phục vụ các chức năng khác ngoài việc cung cấp hạt giống cho làn sóng mới đến, vì nó cũng được sử dụng như một phương tiện tiến hóa nhanh hơn cho một số lớp chân thần.

It is by the special treatment thus given that it is possible for the second-class monad to overtake the first class and become one of its members. Under certain conditions of strong desire for advancement, if he is seen to be striving with exceptional vigour to improve himself, he may be separated from the great masses of his fellows on this planet, and passed by the authorities into what is called the Inner Round, and may take his next incarnation among the limited population of Mercury. In that case he will spend there about the same time that he would otherwise have devoted to incarnations in one root-race, and will then pass on to the astral planet F. After a similar stay there he will be transferred to globes G, A and B successively, and then to Mars and to the Earth.

Chính nhờ sự đối xử đặc biệt này mà chân thần lớp hai có thể vượt qua chân thần lớp một và trở thành một thành viên của nó. Dưới những điều kiện nhất định của khát khao mạnh mẽ cho sự tiến bộ, nếu thấy rằng y đang nỗ lực với một sức mạnh đặc biệt để tự cải thiện, y có thể được tách ra khỏi đại chúng đồng loại của mình trên hành tinh này và được các nhà chức trách đưa vào cái gọi là Vòng Nội Bộ, và có thể nhập thể lần tiếp theo trong số dân cư hạn chế của Sao Thủy. Trong trường hợp đó, y sẽ ở lại đó khoảng thời gian mà nếu không, y đã dành cho các lần nhập thể trong một giống dân chính, và sau đó y sẽ chuyển đến hành tinh cảm dục F. Sau một khoảng thời gian lưu trú tương tự ở đó, y sẽ được chuyển đến các bầu hành tinh G, A và B lần lượt, sau đó đến Sao Hỏa và đến Trái Đất.

As in each of these spheres he will have made a stay about equivalent to the normal period of a root-race, the life-wave will have left the Earth before his return, but he will overtake it upon the planet Mercury, and will then join the ranks of the first-class monads and share

Như trong mỗi thiên cầu này, y sẽ ở lại khoảng thời gian tương đương với thời kỳ bình thường của một giống dân chính, làn sóng sống sẽ rời Trái Đất trước khi y quay trở lại, nhưng y sẽ bắt kịp nó trên hành tinh Sao Thủy, và sau đó gia nhập hàng ngũ chân thần lớp một và chia sẻ

the remainder of their evolution and their varied opportunities of more rapid development. Entities engaged upon this special line of evolution form the majority of the small population of Mercury and Mars at the present time. In the latter planet there is also a certain residuum of primitive mankind which was unprepared to pass on when the life-wave left for the Earth—a race which represents a stage of humanity lower than any at present existing within our cognisance. It will probably be extinct long before we reach Mars in the fifth round, since there appear to be no other egos needing manifestation at that level for the moment.

phần còn lại của tiến hóa của họ và các cơ hội đa dạng để phát triển nhanh hơn. Các thực thể tham gia vào dòng tiến hóa đặc biệt này chiếm đa số trong dân cư nhỏ của Sao Thủy và Sao Hỏa vào thời điểm hiện tại. Trên hành tinh sau, cũng có một phần dư thừa của loài người nguyên thủy chưa sẵn sàng để tiến khi làn sóng sống rời đi đến Trái Đất — một giống dân đại diện cho một giai đoạn nhân loại thấp hơn bất kỳ giai đoạn nào hiện đang nằm trong nhận thức của chúng ta. Có lẽ nó sẽ tuyệt chủng lâu trước khi chúng ta đến Sao Hỏa trong cuộc tuần hoàn thứ năm, vì dường như không có linh hồn nào khác cần biểu hiện ở cấp độ đó vào lúc này.

In the same way we find that all the kingdoms are represented upon the astral and mental globes. It is not very easy for us to grasp with our physical consciousness what can be the condition of the life of the lower kingdoms on these higher planes; the idea of the evolution of a mineral on the mental plane, for example, suggests nothing readily comprehensible to the ordinary mind. We may perhaps help ourselves towards the understanding of it by remembering that every mineral must have its astral and mental counterparts, and that the special types of matter which form these are also on their respective planes manifestations of the mineral monad, and we may suppose that through such manifestations that monad is evolving during its existence on these loftier levels.

Tương tự, chúng ta nhận thấy rằng tất cả các giới đều được đại diện trên các bầu hành tinh cảm dục và trí tuệ. Không dễ dàng để chúng ta với tâm thức hồng trần có thể hiểu được tình trạng của sự sống của các giới thấp hơn trên những cõi giới cao này; ý tưởng về sự tiến hóa của một khoáng vật trên cõi trí, ví dụ, không gợi ra điều gì có thể dễ hiểu đối với tâm trí thông thường. Có lẽ chúng ta có thể giúp mình tiến gần hơn tới việc thấu hiểu nó bằng cách nhớ rằng mọi khoáng vật đều phải có các đối thể cảm dục và trí tuệ của nó, và rằng các loại vật chất đặc biệt hình thành những đối thể này cũng là các biểu hiện trên cõi giới tương ứng của chân thần khoáng vật, và chúng ta có thể giả định rằng thông qua các biểu hiện như vậy, chân thần đó đang tiến hóa trong thời gian tồn tại của nó trên những cấp độ cao hơn này.

The group-soul must always contain within itself latent possibilities connected with the higher planes through which it has descended; and it may be that in those stages of evolution these potentialities are being

Nhóm linh hồn luôn phải chứa đựng trong bản thân nó những khả năng tiềm ẩn liên quan đến các cõi cao hơn mà nó đã đi qua trong quá trình giáng hạ; và có thể là trong những giai đoạn tiến hóa này, những tiềm năng đó đang được

developed by some method quite outside those with which we are familiar. Without the unfolding of psychic faculties we cannot expect to understand in detail the hidden growth in these exalted spheres of finer matter; the important point is that we should realise that although the great life-wave resides only upon one globe of our group at a given time, the remaining planets are by no means dormant, and useful progress is continually being made in every part of our chain.

phát triển bằng một phương pháp hoàn toàn ngoài những gì chúng ta quen thuộc. Nếu không có sự phát triển của các năng lực thông linh, chúng ta không thể mong đợi hiểu chi tiết về sự phát triển ẩn giấu trong các thiên cầu cao siêu của chất liệu tinh tế hơn; điểm quan trọng là chúng ta phải nhận ra rằng mặc dù làn sóng sống lớn chỉ cư ngụ trên một bầu hành tinh của nhóm chúng ta vào một thời điểm nhất định, các hành tinh còn lại không hề bất động, và tiến trình hữu ích đang liên tục diễn ra ở mọi phần của dãy hành tinh chúng ta.

I have tried to make the above description of the successive life-waves as clear as possible; but lest it should still present some difficulties to the mind of a reader unaccustomed to the study of this system of cosmogony, I append a little diagram which I think may be of assistance. The vertical columns indicate the successive incarnations of the chain; the horizontal divisions represent the various kingdoms of nature; the diagonal arrows are the successive waves of evolution which have come forth from the LOGOS. The arabic numbers attached to each of these arrows apply to those arrows only, and not to the squares in which they happen to come. It will be seen that there are thirteen of these arrows. Their length appears to vary, but that is only because we are regarding them solely from the point of view of our own scheme of evolution.

Tôi đã cố gắng làm cho mô tả về các làn sóng sống kế tiếp trở nên rõ ràng nhất có thể; nhưng e rằng vẫn có thể gây khó khăn cho tư duy của một người đọc không quen với việc nghiên cứu hệ thống vũ trụ học này, tôi thêm vào một sơ đồ nhỏ mà tôi nghĩ có thể hữu ích. Các cột dọc biểu thị các lần giáng sinh kế tiếp của dãy hành tinh; các phân khu ngang đại diện cho các giới tự nhiên khác nhau; các mũi tên chéo là các làn sóng tiến hóa liên tiếp đã xuất phát từ LOGOS. Các con số Ả Rập gắn với mỗi mũi tên này chỉ áp dụng cho các mũi tên đó, chứ không áp dụng cho các ô mà chúng có thể đi qua. Ta sẽ thấy rằng có mười ba mũi tên này. Độ dài của chúng dường như thay đổi, nhưng điều đó chỉ là do chúng ta đang nhìn nhận chúng chỉ từ quan điểm của hệ thống tiến hóa của chúng ta.

Within the limits of that scheme arrow No. 1 appears to cross only one kingdom—the human. That does not at all mean that the wave represented by that arrow has not passed through the six previous stages; it means only that those six previous stages have been experienced in some other scheme.

Trong giới hạn của hệ thống đó, mũi tên số 1 dường như chỉ cắt qua một giới—giới nhân loại. Điều đó hoàn toàn không có nghĩa là làn sóng được đại diện bởi mũi tên đó chưa trải qua sáu giai đoạn trước đó; nó chỉ có nghĩa là sáu giai đoạn trước đó đã được trải nghiệm trong một hệ thống khác. Điều tương tự cũng

Just the same thing is true at the opposite corner of the diagram. Arrow No. 13 crosses only one kingdom—the first elemental; it will inevitably in due course have to pass through all the other kingdoms, but it cannot do so in this scheme of evolution, because that is already at an end. So far as our diagram is concerned it appears in that one kingdom only.

đúng ở góc đối diện của sơ đồ. Mũi tên số 13 chỉ cắt qua một giới—giới nguyên tố thứ nhất; nó tất yếu sẽ phải trải qua tất cả các giới khác theo thời gian, nhưng nó không thể làm vậy trong hệ thống tiến hóa này, bởi vì hệ thống đó đã kết thúc. Theo như sơ đồ của chúng ta, nó chỉ xuất hiện trong một giới đó mà thôi.

If we take the column representing any one chain—let us say the fourth, which denotes our present stage of evolution—we shall find in running the eye down it that seven arrows pass through it, indicating the seven kingdoms now existing around us. We can follow any one of those arrows either backwards or forwards, and so can trace any of our kingdoms either in the past or in the future. We should note that waves 1 to 6 come to us from some other scheme of evolution, while waves 7 to 13 are fresh emanations from the LOGOS.

Nếu chúng ta lấy cột biểu thị cho bất kỳ dãy hành tinh nào—hãy lấy dãy thứ tư, biểu thị giai đoạn tiến hóa hiện tại của chúng ta—chúng ta sẽ thấy khi đưa mắt nhìn xuống nó, có bảy mũi tên đi qua nó, biểu thị bảy giới hiện đang tồn tại xung quanh chúng ta. Chúng ta có thể theo dõi bất kỳ một trong những mũi tên đó quay ngược lại hoặc tiến về phía trước, và do đó có thể lần theo bất kỳ giới nào của chúng ta trong quá khứ hoặc tương lai. Chúng ta nên lưu ý rằng các làn sóng từ 1 đến 6 đến với chúng ta từ một hệ thống tiến hóa khác, trong khi các làn sóng từ 7 đến 13 là những phát xuất mới từ LOGOS.

THE MONADS FROM THE MOON

Those who have studied the Theosophical system are aware that we divide humanity into various classes according to the age of the ego, and the degree of his development. Transaction No. 26 of the London Lodge gives this arrangement very clearly, and it is also to be found in Chapter XII of The Ancient Wisdom; but our students will see that the author of the last-named work has altered the numbering of the classes so as to bring it more

Những ai đã nghiên cứu hệ thống Thông Thiên Học đều biết rằng chúng ta phân chia nhân loại thành nhiều loại khác nhau dựa trên tuổi đời của chân ngã và mức độ phát triển của họ. Transaction No. 26 của Hội London giải thích sự sắp xếp này rất rõ ràng, và nó cũng được tìm thấy trong Chương XII của Minh Triết Ngàn Đời; tuy nhiên, các học viên của chúng ta sẽ thấy rằng tác giả của tác phẩm cuối cùng này đã thay đổi cách đánh số các loại để làm cho nó

nearly into agreement with that adopted in The Secret Doctrine.

gần hơn với hệ thống được sử dụng trong Giáo Lý Bí Nhiệm.

Mrs. Besant separates from the rest those entities to which the London Lodge Transaction had given the titles of the first and second classes, and calls them solar monads, so that she begins her list of the lunar monads with those that the Transaction had called the third class, and to it she gives the name of the first class; consequently in The Ancient Wisdom the fourth class of the Transaction is called the second and the fifth becomes the third. Madame Blavatsky' s fourth class covers Mr. Sinnett' s sixth and seventh, while the remainder of her classes includes entities which he did not take into account at all. His classification dealt only with members of the lunar animal kingdom, which would become human on our earth-chain; hers took in everything which passed over from the lunar chain to this. Her fifth class represents the vegetable kingdom of the moon, and her sixth class its mineral kingdom, while her seventh includes all three of its elemental kingdoms.

Bà Besant đã tách biệt các thực thể mà Transaction của Hội London đã gọi là loại thứ nhất và thứ hai, và gọi họ là chân thần Thái dương, vì vậy bà bắt đầu danh sách của mình về chân thần Nguyệt cầu với những người mà Transaction gọi là loại thứ ba, và bà đặt cho họ tên là loại thứ nhất; do đó trong Minh Triết Ngàn Đời, loại thứ tư của Transaction được gọi là loại thứ hai, và loại thứ năm trở thành loại thứ ba. Lớp thứ tư của bà Blavatsky bao gồm lớp thứ sáu và thứ bảy của ông Sinnett, trong khi các lớp còn lại của bà bao gồm các thực thể mà ông không tính đến. Phân loại của ông chỉ đề cập đến các thành viên của giới động vật nguyệt cầu, những người sẽ trở thành nhân loại trên dãy hành tinh của chúng ta; trong khi của bà bao gồm tất cả những gì đã chuyển từ dãy nguyệt cầu sang đây. Lớp thứ năm của bà đại diện cho giới thảo mộc của mặt trăng, và lớp thứ sáu đại diện cho giới khoáng vật của nó, trong khi lớp thứ bảy bao gồm cả ba giới tinh linh của nó.

Since the writing of The Ancient Wisdom and The Pedigree of Man, Mrs. Besant has thought it advisable to adopt clearly descriptive English names in place of those which have previously been used. To those who fully succeeded upon the moon-chain, and attained the arhat level prescribed for them, she gives the title of Lords of the Moon. Those whom she had previously called solar monads (whom Mr. Sinnett had described as first and second class pitris) are now to be called moon-men of the first and second orders respectively. The first order of moon-men has many sub-divisions, as we shall see directly. What she

Kể từ khi viết Minh Triết Ngàn Đời và Phả hệ của Con Người, bà Besant đã thấy cần thiết phải sử dụng các tên tiếng Anh mô tả rõ ràng thay cho các tên đã được sử dụng trước đây. Những người đã thành công hoàn toàn trên dãy nguyệt cầu và đạt đến cấp độ a-la-hán quy định cho họ, bà gọi là Các Đấng Chúa Tể của Mặt Trăng. Những người mà bà trước đây gọi là chân thần Thái dương (những người mà ông Sinnett đã mô tả là lớp thứ nhất và thứ hai của pitris) giờ đây được gọi là nhân loại Mặt trăng của thứ bậc thứ nhất và thứ hai tương ứng. Thứ bậc thứ nhất của nhân loại Mặt trăng có nhiều phân cấp khác nhau, như chúng ta sẽ

previously called the first-class monads (Mr. Sinnett' s third class) are now described as lunar animal-men. Her second, third and fourth classes (corresponding, as above stated, to Mr. Sinnett' s fourth, fifth, sixth and seventh) are now described as the first, second and third divisions of the lunar animals. This completes the list of the entities constituting our present humanity, as Madame Blavatsky' s lower classes (of which Mr. Sinnett took no account) will not attain the human level in the present chain.

thấy ngay sau đây. Những gì bà trước đây gọi là chân thần lớp thứ nhất (lớp thứ ba của ông Sinnett) giờ đây được mô tả là nguyệt thú-nhân. Các lớp thứ hai, thứ ba và thứ tư của bà (tương ứng, như đã nêu ở trên, với lớp thứ tư, thứ năm, thứ sáu và thứ bảy của ông Sinnett) giờ đây được mô tả là ba phân cấp của nguyệt thú. Điều này hoàn thành danh sách các thực thể cấu thành nhân loại hiện tại của chúng ta, vì các lớp thấp hơn của bà Blavatsky (mà ông Sinnett không tính đến) sẽ không đạt đến cấp độ nhân loại trong dãy hành tinh hiện tại.

These classes are arranged in the order of their advancement, and they differ not only in appearance but also in the methods by which that advancement is attained. Among other points there is great difference in the length of the intervals between successive incarnations, and in the way in which these intervals are spent; but this part of the subject will be treated in the section on reincarnation.

Các lớp này được sắp xếp theo thứ tự tiến bộ của họ, và họ khác nhau không chỉ về hình dáng mà còn về các phương pháp đạt được tiến bộ. Trong số các điểm khác biệt đó, có sự khác biệt lớn về độ dài của các khoảng thời gian giữa các lần đầu thai liên tiếp, và cách thức các khoảng thời gian này được sử dụng; nhưng phần này của chủ đề sẽ được đề cập trong phần về luân hồi.

To understand how these classes are distinguished we must remember that for each chain of worlds a definite level of attainment is laid down, and to reach that is to gain full success. In our present chain of worlds the level assigned is that of the asekha adept, but in the moon-chain it was the fourth step of the Path, that of the arhat. Those who fully attained that on the lunar chain had achieved the purpose of the LOGOS, and so were free to take one or other of the seven paths which always open before the perfected humanity of each chain.

Để hiểu cách các lớp này được phân biệt, chúng ta phải nhớ rằng đối với mỗi dãy thế giới, có một cấp độ thành tựu nhất định được đặt ra, và đạt đến cấp độ đó là đạt được thành công hoàn toàn. Trong dãy thế giới hiện tại của chúng ta, cấp độ được chỉ định là chân sư asekha, nhưng trong dãy nguyệt cầu, đó là bước thứ tư của Thánh Đạo, tức a-la-hán. Những người đã đạt được hoàn toàn cấp độ đó trên dãy nguyệt cầu đã hoàn thành mục đích của Thượng Đế, và do đó được tự do chọn một trong bảy con đường luôn mở ra trước nhân loại hoàn thiện của mỗi dãy.

Below them were people standing at many different stages, whom we must to some extent attempt to classify. Broadly speaking, the animal kingdom of one chain makes the

Dưới họ là những người đứng ở nhiều giai đoạn khác nhau, mà chúng ta phải cố gắng phân loại. Nói chung, giới động vật của một dãy sẽ trở thành nhân loại của dãy tiếp theo.

humanity of the next. Our present humanity is composed of the successful portion of the animal kingdom of the moon-chain, plus those members of the lunar humanity who failed to reach the required level.

Nhân loại hiện tại của chúng ta bao gồm phần thành công của giới động vật của dãy nguyệt cầu, cùng với các thành viên của nhân loại nguyệt cầu đã không đạt được cấp độ yêu cầu.

We have already attempted to show into what classes men must inevitably distribute themselves at the end of evolution upon our own earth-chain. A similar arrangement existed at the end of the lunar chain.

Chúng ta đã cố gắng chỉ ra các lớp mà con người sẽ tất yếu phân chia thành vào cuối cuộc tiến hóa trên dãy hành tinh của chúng ta. Một sự sắp xếp tương tự đã tồn tại vào cuối dãy nguyệt cầu.

Those who had attained the arhat level were the full successes, and they passed off along one or other of their seven paths. We do not certainly know that these are the same as the seven which open before our own adepts, but at least one of them shows decided resemblance; for just as some of our adepts will remain in close touch with the next chain and incarnate on it in order to help its inhabitants in their evolution, so one of the seven classes of the Lords of the Moon stayed to help us in our chain. The members of this class are those called in The Secret Doctrine the Barhishads.

Những người đã đạt đến cấp độ a-la-hán là những người thành công hoàn toàn, và họ đã chọn một trong bảy con đường. Chúng ta không chắc chắn rằng những con đường này giống với bảy con đường mở ra trước các chân sư của chúng ta, nhưng ít nhất một trong số đó có sự tương đồng rõ rệt; bởi vì cũng như một số chân sư của chúng ta sẽ duy trì mối liên hệ chặt chẽ với dãy hành tinh tiếp theo và hóa thân trên đó để giúp đỡ cư dân của nó trong tiến hóa, thì một trong bảy lớp của Các Đấng của Mặt Trăng đã ở lại để giúp chúng ta trong dãy hành tinh của mình. Các thành viên của lớp này được gọi trong Giáo Lý Bí Nhiệm là Barhishads.

Moon-men (first order). Next below this level comes a large and diversified group to which we are at present giving the title of moon-men (first order), though for convenience in following out the several destinies of its subdivisions it will probably be found necessary presently to assign separate names to them. It includes some who, though they had not succeeded in reaching the arhat level, were on some of the lower steps of the Path; others who had not yet gained that Path, though they were approaching it; the failures who had dropped out of the lunar humanity

Nhân loại Mặt trăng (thứ bậc thứ nhất). Ngay dưới cấp độ này là một nhóm lớn và đa dạng mà hiện tại chúng ta gọi là nhân loại Mặt trăng (thứ bậc thứ nhất), mặc dù để tiện cho việc theo dõi số phận của các phân nhóm của nó, có lẽ sẽ cần thiết phải đặt tên riêng cho chúng. Nó bao gồm một số người, mặc dù chưa thành công đạt đến cấp độ a-la-hán, đã ở trên một trong những bước thấp hơn của Thánh Đạo; những người khác chưa đạt đến Thánh Đạo, mặc dù họ đã tiến gần đến nó; những người thất bại đã rơi ra khỏi nhân loại nguyệt cầu (tương ứng với hai phần năm nhân loại của

(corresponding to the two-fifths of our humanity who will drop out in our fifth round); and the most advanced representatives of the lunar animal kingdom, who had succeeded in fully developing the causal body. We may later give distinctive names to these subdivisions, but for the present we will merely number them.

chúng ta sẽ rơi ra trong vòng tuần hoàn thứ năm của chúng ta); và những đại diện tiên tiến nhất của giới động vật nguyệt cầu, những người đã thành công trong việc phát triển hoàn toàn thể nhân quả. Chúng ta có thể sau này sẽ đặt tên riêng biệt cho các phân nhóm này, nhưng hiện tại chúng ta chỉ đánh số chúng.

Those who, although they had not attained arhatship, were already upon one or other of the various steps of the Path. These also, like the Lords of the Moon, have long ere this attained adeptship and passed away altogether from the field of our consideration.

Những người, mặc dù chưa đạt đến cấp độ a-la-hán, nhưng đã bước vào một trong các bước của Thánh Đạo. Những người này, giống như Các Đấng của Mặt Trăng, từ lâu đã đạt đến cấp độ chân sư và hoàn toàn rời khỏi phạm vi quan tâm của chúng ta.

Those of the lunar-chain animal kingdom who attained individualisation in the fourth round of the moon-chain. All these also have by this time attained adeptship. The Masters best known to us in connection with Theosophical work belong to this class, and in it we may also include the majority of those who became arhats under the influence of the preaching of the Lord Buddha.

Những thành viên của giới động vật trong dãy nguyệt cầu đạt được sự cá nhân hóa trong cuộc tuần hoàn thứ tư của dãy nguyệt cầu. Tất cả những người này cũng đã đạt được trình độ chân sư vào thời điểm này. Các Chân Sư mà chúng ta biết rõ trong công việc Thông Thiên Học thuộc về lớp này, và chúng ta cũng có thể bao gồm đa số những người trở thành a-la-hán dưới ảnh hưởng của lời giảng dạy của Đức Phật.

Those who attained individualisation in the fifth round of the moon-chain. These are now the distinguished people of the world—not by any means only those whom the world calls distinguished, but those who, along one line or another, are considerably in advance of their fellows. In our Theosophical ranks this means those who are either already on the Path or approaching it; in the outer world it means men who are either great saints or of specially high intellectual or artistic development.

Những người đạt được sự cá nhân hóa trong cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy nguyệt cầu. Đây là những người nổi bật của thế giới ngày nay—không chỉ là những người mà thế giới gọi là nổi bật, mà còn là những người, trên một số khía cạnh nào đó, tiến bộ hơn đáng kể so với đồng loại của họ. Trong hàng ngũ Thông Thiên Học của chúng ta, điều này có nghĩa là những người đã hoặc đang chuẩn bị bước vào Thánh Đạo; trong thế giới bên ngoài, đó là những người hoặc là các thánh nhân vĩ đại hoặc là những người có sự phát triển trí tuệ hoặc nghệ thuật đặc biệt cao.

Those who attained individualisation in the

Những người đạt được sự cá nhân hóa trong

sixth round of the moon-chain. We have here a fairly large class of people, distinctly gentlemen, persons of refined feeling, with a high sense of honour, and rather above the average in their goodness, intellect, or religious feelings. Typical instances of this class are our country gentlemen and professional men, our clergy or our officers in the army and navy. They have strength, but they are by no means free from the possibility of using their power wrongly. They may not do at all what people around them think they ought to do, and therefore they may often not be considered respectable; but at least they will do nothing low or mean.

cuộc tuần hoàn thứ sáu của dãy nguyệt cầu. Ở đây chúng ta có một lớp khá lớn, là những quý ông đúng nghĩa, những người có cảm xúc tinh tế, với một ý thức danh dự cao và vượt trội hơn mức trung bình về đức tính tốt, trí tuệ hoặc cảm xúc tôn giáo. Ví dụ điển hình cho lớp này là các quý ông của đất nước và các chuyên gia của chúng ta, giáo sĩ hoặc sĩ quan trong quân đội và hải quân. Họ có sức mạnh, nhưng không có nghĩa là không có khả năng sử dụng sai sức mạnh của mình. Họ có thể không làm những gì mọi người xung quanh nghĩ rằng họ nên làm, và do đó họ thường không được coi là đáng kính; nhưng ít nhất họ sẽ không làm gì thấp hèn hoặc hèn nhát.

Those who attained individualisation in the seventh round of the moon-chain. The members of this class do not differ greatly from those of the last, except that they are somewhat nearer the average in goodness or intellectual development or religious feeling. They turn their intelligence to rather more material ends, as city merchants perhaps. They represent the great division which we commonly call the upper middle class—gentlemen still, yet with a life slightly less elevated than that of the professional man.

Những người đạt được sự cá nhân hóa trong cuộc tuần hoàn thứ bảy của dãy nguyệt cầu. Các thành viên của lớp này không khác nhiều so với lớp trước, ngoại trừ việc họ gần với mức trung bình hơn về đức hạnh, phát triển trí tuệ hoặc cảm xúc tôn giáo. Họ hướng trí thông minh của mình vào các mục đích vật chất hơn, chẳng hạn như các thương nhân thành thị. Họ đại diện cho nhóm lớn mà chúng ta thường gọi là tầng lớp trung lưu thượng, vẫn là quý ông, nhưng với cuộc sống ít cao quý hơn so với những người làm nghề chuyên môn.

All these classes which have been mentioned are in reality subdivisions of one class—the first order of the moon-men—and all the way through they melt into one another by almost indistinguishable gradations, so that the lowest ego of any one of them differs but little from the highest ego of the next class below. Not only are the lines between them thus not clearly marked, but there is even a good deal of interpenetration. Egos belonging by right to the mercantile class get astray among the professions, while those of the higher type

Tất cả các lớp đã được đề cập này thực chất là các phân lớp của một lớp—nhân loại Mặt trăng thứ bậc thứ nhất—và xuyên suốt, chúng hòa vào nhau với những mức độ gần như không thể phân biệt, vì vậy cái ngã thấp nhất của bất kỳ lớp nào cũng khác rất ít so với cái ngã cao nhất của lớp ngay bên dưới. Không chỉ các ranh giới giữa chúng không được đánh dấu rõ ràng, mà còn có rất nhiều sự giao thoa. Những chân ngã thuộc về tầng lớp thương nhân có thể lạc vào các ngành nghề, trong khi những chân ngã cao hơn bị buộc phải tham gia kinh doanh.

find themselves forced into business. As they say in India: “In these days castes are mixed.”

Như người Ấn Độ nói: "Trong những ngày này các giai cấp bị trộn lẫn."

I have divided them according to the round of the lunar chain in which they became human. When that happens in any of the earlier rounds it usually means that the newly-formed ego proceeded to take human incarnations in the next following round. For example, those who were individualised in the fourth round of the moon-chain came into human incarnation in the middle of the fifth, and continued to incarnate through the remainder of the fifth, the whole of the sixth, and half of the seventh. In the same way those individualised in the fifth round took up their series of human incarnations in the middle of the sixth; and those individualised in the sixth took birth in the seventh. Those individualised in the seventh round had their first experience of human life on the earth-chain, and of course had to be correspondingly primitive on their arrival here.

Tôi đã phân loại chúng theo cuộc tuần hoàn của dãy nguyệt cầu trong đó chúng trở thành con người. Khi điều đó xảy ra trong bất kỳ cuộc tuần hoàn nào trước đó, điều này thường có nghĩa là chân ngã mới hình thành đã bắt đầu hóa thân làm người trong cuộc tuần hoàn tiếp theo. Ví dụ, những người đạt được sự cá nhân hóa trong cuộc tuần hoàn thứ tư của dãy nguyệt cầu đã bắt đầu hóa thân làm người vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm, và tiếp tục hóa thân trong phần còn lại của cuộc tuần hoàn thứ năm, toàn bộ cuộc tuần hoàn thứ sáu và một nửa cuộc tuần hoàn thứ bảy. Tương tự, những người được cá nhân hóa trong cuộc tuần hoàn thứ năm đã bắt đầu chuỗi hóa thân làm người của họ vào giữa cuộc tuần hoàn thứ sáu; và những người được cá nhân hóa trong cuộc tuần hoàn thứ sáu sinh ra trong cuộc tuần hoàn thứ bảy. Những người được cá nhân hóa trong cuộc tuần hoàn thứ bảy có trải nghiệm đầu tiên về đời sống con người trên dãy địa cầu, và dĩ nhiên khi đến đây, họ phải ở mức độ nguyên thủy tương ứng.

Moon-men (second order). Below this huge class comes the second order of the moon-men, whose members, having been individualised at a somewhat earlier stage in their animal life, had not yet fully developed a causal body, but had already what might be described as the skeleton of such a vehicle—a number of interlacing streams of force which indicated the outline of the ovoid that was yet to come. These egos had consequently a somewhat curious appearance, almost as though they were enclosed in a kind of basket-work of the higher mental matter.

Nhân loại Mặt trăng (thứ bậc thứ hai). Dưới lớp lớn này là nhân loại Mặt trăng thứ bậc thứ hai, những người, vì được cá nhân hóa ở giai đoạn sớm hơn trong đời sống động vật của họ, chưa phát triển hoàn toàn thể nhân quả, nhưng đã có những gì có thể mô tả như bộ khung của thể này—một số dòng chảy lực đan xen chỉ ra đường viền của cái noãn hào quang còn chưa hoàn thiện. Những chân ngã này do đó có một vẻ ngoài khá kỳ lạ, gần như thể họ được bao bọc trong một loại mạng lưới của vật chất trí tuệ cao hơn.

At the present day these are represented by the great mass of the bourgeoisie; what is usually called the lower middle class, a typical specimen of whom would be the small shop-keeper or shop-assistant. This class may be described as on the whole well-intentioned, but usually narrow, conventional and dull. They often make a fetish of what they call respectability. A man who is deadly respectable usually does nothing whatever that counts, either for good or for ill. He may go on at a dead level of monotony for many lives, guiding himself always by the canon of what he supposes other people will think of him.

Hiện tại, họ được đại diện bởi đại đa số thuộc tầng lớp tư sản; thường được gọi là tầng lớp trung lưu thấp, một mẫu điển hình sẽ là những người chủ tiệm nhỏ hoặc nhân viên bán hàng. Lớp này có thể được mô tả là nói chung có ý tốt, nhưng thường hẹp hòi, theo lối mòn và tẻ nhạt. Họ thường xem trọng những gì họ gọi là sự đáng kính. Một người đàn ông quá tôn sùng sự đáng kính thường không làm gì cả, dù là tốt hay xấu. Anh ta có thể tiếp tục sống trong sự đơn điệu buồn tẻ qua nhiều kiếp, luôn luôn hướng dẫn bản thân mình theo chuẩn mực của những gì anh ta cho rằng người khác sẽ nghĩ về anh ta.

We may sometimes see a bourgeois soul even in the higher classes, and when such souls attain power in any country, it indicates that that country is engaged in expiating its evil karma. The reign of such a king as George III. in England was the karma of the murder of king Charles I. and of the other horrors of puritanism; and the result was the division between England and America, which is only now being healed. Since people of this level cannot learn the lesson of any particular sub-race as rapidly as the higher classes, they usually take many incarnations in each before passing on to the next.

Chúng ta đôi khi có thể thấy một linh hồn tư sản ngay cả trong các tầng lớp cao hơn, và khi những linh hồn như vậy đạt được quyền lực ở bất kỳ quốc gia nào, điều đó cho thấy rằng quốc gia đó đang phải chuộc lại nghiệp quả xấu của mình. Triều đại của một vị vua như George III ở Anh là nghiệp quả của việc ám sát vua Charles I và những tội ác khác của chủ nghĩa Thanh giáo; và kết quả là sự chia cắt giữa Anh và Mỹ, hiện tại mới đang được hàn gắn. Vì những người ở cấp độ này không thể học được bài học của bất kỳ giống dân phụ nào một cách nhanh chóng như các tầng lớp cao hơn, họ thường cần nhiều kiếp sống trong mỗi giống dân trước khi tiến lên giống dân tiếp theo.

Lunar Animal-men. The next group we call the lunar animal-men—those egos who had individualised from the earliest stage of the animal kingdom at which individualisation was possible. They consequently commenced their human life without anything which could properly be called a causal body, but with the monad floating above a personality to which it was linked only by certain threads

Nguyệt thú-nhân. Nhóm tiếp theo chúng ta gọi là nguyệt thú-nhân—những chân ngã đã được cá nhân hóa từ giai đoạn sớm nhất của vương quốc động vật mà sự cá nhân hóa có thể xảy ra. Do đó, họ bắt đầu cuộc sống con người của mình mà không có thứ gì có thể gọi là thể nhân quả, nhưng với chân thần nổi trên phàm ngã và chỉ được liên kết với nó bằng một số sợi chất liệu niết bàn. Chính họ là những người

of nirvanic matter. It was they who in the first round filled the forms made by the Lords of the Moon, and thus did pioneer work for all the kingdoms.

trong cuộc tuần hoàn thứ nhất đã lấp đầy các hình tướng được tạo ra bởi Các Đấng của Mặt Trăng, và do đó đã làm công việc tiên phong cho tất cả các giới.

In considering them we come at last to what are called the working-classes, who make the enormous majority of humanity in every country. Why they alone should receive the honourable title of workers is not clear, for they would assuredly rebel with promptitude and vigour if they were called upon to work as many hours a day as does any successful man of the higher classes; but it is usually taken to signify those who work with their hands rather than with their heads. The particular type with which we are dealing at the moment —those who were animal-men on the moon— may be said to work with both, for they are the skilled workmen of the world—belonging to the proletariat, but representing the best class of it; men of determination and good character, self-respecting and reliable.

Khi xem xét họ, cuối cùng chúng ta đến với những gì được gọi là tầng lớp lao động, chiếm đa số trong nhân loại ở mỗi quốc gia. Tại sao chỉ riêng họ lại nhận được danh hiệu danh dự là người lao động thì không rõ ràng, vì họ chắc chắn sẽ nổi dậy ngay lập tức và mạnh mẽ nếu họ bị yêu cầu làm việc nhiều giờ mỗi ngày như bất kỳ người thành công nào thuộc tầng lớp cao hơn; nhưng nó thường được hiểu là chỉ những người làm việc bằng tay thay vì bằng trí óc. Loại hình cụ thể mà chúng ta đang đề cập đến lúc này—những người từng là nguyệt thú-nhân—có thể được nói là làm việc cả bằng tay và trí óc, vì họ là những thợ lành nghề của thế giới—thuộc tầng lớp lao động, nhưng đại diện cho lớp tốt nhất của nó; những người có quyết tâm và nhân cách tốt, tự trọng và đáng tin cậy.

Below that again we have three classes, whose members had not yet succeeded in breaking away from their group-souls, and were consequently not then individualities, though they had every prospect of becoming so during our present earth-chain. These are still labelled as animals.

Dưới lớp này còn có ba lớp nữa, mà các thành viên chưa thành công trong việc thoát ra khỏi linh hồn nhóm của họ, và do đó chưa trở thành cá nhân, mặc dù họ có mọi triển vọng sẽ trở thành như vậy trong dãy địa cầu hiện tại. Những lớp này vẫn được coi là động vật.

First-class Moon-animal. These attained humanity during the second round of the earth-chain, and are at the present day represented by the vast mass of unskilled labour, on the whole well-meaning but usually careless and improvident. Along with them we must group the higher types of savages—men like the Zulus and some of the better kinds of American Indians and negroes.

Nguyệt thú-nhân hạng nhất. Những thực thể này đạt được nhân loại trong cuộc tuần hoàn thứ hai của dãy địa cầu, và hiện nay được đại diện bởi đại đa số lao động phổ thông, nhìn chung có thiện ý nhưng thường cẩu thả và thiếu thận trọng. Cùng với họ, chúng ta phải nhóm các kiểu hình cao hơn của người bán khai—những người như Zulu và một số người da đỏ Mỹ hay người da đen tốt hơn.

Second-class Moon-animals. This is a lower type which gained individuality only in the third round the earth-chain. We see it exemplified now in savages of comparatively mild type, in some of the hill-tribes of India, and among ourselves in the wastrels, the unemployable, the drunkards, and many of the slum-dwellers of our great towns.

Nguyệt thú-nhân hạng hai. Đây là một kiểu hình thấp hơn, chỉ đạt được tính cá nhân trong cuộc tuần hoàn thứ ba của dãy địa cầu. Chúng ta thấy nó hiện nay biểu hiện ở những người bán khai tương đối hiền lành, trong một số bộ lạc trên đồi ở Ấn Độ, và trong xã hội của chúng ta ở những kẻ lang thang, những người không thể làm việc, những kẻ say rượu, và nhiều cư dân ở các khu ổ chuột của các thành phố lớn.

Third-class Moon-animals. These are the lowest specimens of humanity, but little removed even now from the animal kingdom, which they left only during the earlier world-periods of this present round, or even in the earlier races on this earth. It is represented now by the lowest and most brutal of savages, and among ourselves by habitual criminals, by bomb-throwers and wife- and child-beaters. To this group also may be added a few of those who at various stages were individualised through hatred or fear.

Nguyệt thú-nhân hạng ba. Đây là những mẫu hình thấp nhất của nhân loại, thậm chí đến nay vẫn còn rất ít khác biệt so với giới động vật, mà họ chỉ mới rời khỏi trong các giai đoạn sớm hơn của thời kỳ thế giới hiện tại, hoặc thậm chí trong các giống dân sớm hơn trên trái đất này. Hiện nay, nó được đại diện bởi những người bán khai thấp kém và tàn bạo nhất, và trong xã hội của chúng ta là những tội phạm chuyên nghiệp, những kẻ ném bom, và những người đánh đập vợ con. Cũng có thể thêm vào nhóm này một số ít người đã được cá nhân hóa qua sự hận thù hoặc sợ hãi trong các giai đoạn khác nhau.

Below all these come the three classes which furnish our present lower kingdoms; the lunar vegetable kingdom, which is now our animal; the lunar mineral, which is now our vegetable; and the lunar elemental kingdoms, the most advanced of which has become our mineral kingdom.

Dưới tất cả những nhóm này là ba lớp cung cấp các giới thấp hơn hiện tại của chúng ta; giới thảo mộc nguyệt cầu, mà nay là giới động vật của chúng ta; giới khoáng vật nguyệt cầu, mà nay là giới thực vật của chúng ta; và các giới tinh linh nguyệt cầu, trong đó giới tiến bộ nhất đã trở thành giới khoáng vật của chúng ta.

It is to those whom we have called the animal-men that the pioneer work on the earth-chain was assigned. Although on the moon they broke away from the animal kingdom, and must therefore be considered as potentially human, on the first globe of the first round of our earth-chain they entered into evolution not at the human level but at that of the first

Công việc tiên phong trên dãy địa cầu đã được giao cho những ai mà chúng ta gọi là nguyệt thú-nhân. Mặc dù trên mặt trăng, họ đã tách ra khỏi giới động vật và do đó phải được coi là tiềm năng con người, nhưng trên bầu hành tinh đầu tiên của cuộc tuần hoàn thứ nhất của dãy địa cầu, họ đã tham gia vào sự tiến hóa không phải ở cấp độ con người mà ở cấp độ của

elemental kingdom. They passed rapidly from that into the second and third, and then successively through the mineral, vegetable and animal kingdoms until they reached the human.

giới tinh linh thứ nhất. Họ nhanh chóng tiến từ đó lên giới tinh linh thứ hai và thứ ba, sau đó lần lượt qua các giới khoáng vật, thảo mộc và động vật cho đến khi họ đạt đến nhân loại.

In each of these kingdoms they established the forms, taking the idea of them from the minds of the Lords of the Moon, who, on behalf of the LOGOS, were directing the evolution of that globe. We might rather say, perhaps, that these primitive entities flowed into the moulds made by the instructors, and materialised these moulds for the use of those who followed them; for close behind them all the time was pressing the next class of monads—the highest of those who had not yet in the lunar chain broken away from the group-souls. And behind them in turn came all the rest.

Trong mỗi giới này, họ thiết lập các hình thể, lấy ý tưởng về chúng từ tâm thức của Các Đấng của Mặt Trăng, những người thay mặt Thượng Đế đang chỉ đạo sự tiến hóa của bầu hành tinh đó. Có lẽ chúng ta nên nói rằng những thực thể nguyên sơ này chảy vào các khuôn mẫu do các huấn sư tạo ra, và hiện hình các khuôn mẫu này để cho những người theo sau họ sử dụng; vì suốt thời gian đó, ngay sau họ, là lớp chân thần tiếp theo—những người cao nhất trong số những người chưa rời khỏi linh hồn nhóm trên dãy nguyệt cầu. Và tiếp theo sau họ lần lượt là tất cả những thực thể khác.

When our animal-men had completed this work on the first globe in that first round, they moved on to the second globe and repeated exactly the same process there in denser matter; when that was finished they passed to the third, and then to the fourth, and so on, running again through the tedious evolution from the first elemental kingdom up to the human in each of the globes, in order that the forms might be duly prepared for those that followed. At the end of the first round their task was over, and they entered the first globe of the second round at the level of primitive humanity, though it was so primitive that the advantage is scarcely a perceptible one.

Khi các nguyệt thú-nhân của chúng ta đã hoàn thành công việc này trên bầu hành tinh đầu tiên trong cuộc tuần hoàn thứ nhất, họ chuyển sang bầu hành tinh thứ hai và lặp lại chính xác quá trình tương tự ở vật chất đậm đặc hơn; khi công việc đó kết thúc, họ chuyển sang bầu hành tinh thứ ba, và sau đó là bầu hành tinh thứ tư, và cứ thế, trải qua một lần nữa sự tiến hóa từ giới tinh linh thứ nhất lên đến con người trong mỗi bầu hành tinh, để các hình thể được chuẩn bị đầy đủ cho những người theo sau. Vào cuối cuộc tuần hoàn thứ nhất, nhiệm vụ của họ đã hoàn thành, và họ tiến vào bầu hành tinh thứ nhất của cuộc tuần hoàn thứ hai ở cấp độ nhân loại nguyên sơ, mặc dù nó nguyên sơ đến mức lợi thế hầu như không thể nhận thấy.

In the course of that second round the first class of the lunar animals had reached the

Trong cuộc tuần hoàn thứ hai đó, lớp nguyệt thú-nhân hạng nhất đã đạt đến cấp độ nhân

human level, and the same thing happened in the third round to the second class of lunar animals; but here a fresh complication is introduced by the entry in the middle of the third round of the second order of moon-men, who had succeeded on the moon-chain in setting up a kind of framework for the causal body. Coming in at this stage, they soon pushed themselves to the front and took the lead.

loại, và điều tương tự cũng xảy ra trong cuộc tuần hoàn thứ ba đối với lớp nguyệt thú-nhân hạng hai; nhưng tại đây một sự phức tạp mới xuất hiện với sự gia nhập giữa cuộc tuần hoàn thứ ba của nhân loại Mặt trăng thứ bậc thứ hai, những người đã thành công trong việc thiết lập một loại khung cho thể nhân quả trên dãy nguyệt cầu. Khi tham gia vào giai đoạn này, họ nhanh chóng đẩy mình lên phía trước và dẫn đầu.

Students will remember that the fourth world-period of the fourth round differs from all the rest in that it is to some extent a recapitulation of all the earlier stages. A large number of entities appear to have been on the brink of individualisation, but could not quite attain it in the ordinary course of evolution before that middle point of the fourth round when the door was to be shut. A special opportunity was therefore given to them, and the conditions of the first, second and third rounds were reproduced in miniature in the first, second and third root-races of this present world-period.

Học viên sẽ nhớ rằng giai đoạn thế giới thứ tư của cuộc tuần hoàn thứ tư khác với tất cả các giai đoạn khác ở chỗ nó phần nào là sự nhắc lại của tất cả các giai đoạn trước đó. Một số lượng lớn thực thể dường như đã ở ngưỡng cửa của sự cá nhân hóa, nhưng chưa thể hoàn toàn đạt được điều đó trong quá trình tiến hóa thông thường trước khi đến điểm giữa của cuộc tuần hoàn thứ tư khi cánh cửa sẽ đóng lại. Vì vậy, một cơ hội đặc biệt đã được trao cho họ, và các điều kiện của các cuộc tuần hoàn thứ nhất, thứ hai và thứ ba đã được tái tạo trong một quy mô nhỏ trong ba giống dân căn bản đầu tiên của thời kỳ thế giới hiện tại này.

If we examine humanity as it appeared on Mars in this fourth round, we find that it did not differ radically in appearance from that of the present day; and this is true of all its root-races from the first to the seventh. But if we look at the humanity of the first root-race on our own globe in this present round, we shall see that its members are utterly unlike any kind of men that we know. They are mere drifting masses of cloud—just the men of the first round over again. In the same way men of our second root-race have the curious formless pudding-bag appearance which had not until then been seen on any world of our chain since the second round. In the third

Nếu chúng ta xem xét nhân loại như nó đã xuất hiện trên Hỏa Tinh trong cuộc tuần hoàn thứ tư này, chúng ta thấy rằng nó không khác biệt căn bản về ngoại hình so với nhân loại ngày nay; và điều này đúng với tất cả các giống dân căn bản của nó từ thứ nhất đến thứ bảy. Nhưng nếu chúng ta nhìn vào nhân loại của giống dân căn bản thứ nhất trên bầu hành tinh của chúng ta trong cuộc tuần hoàn hiện tại này, chúng ta sẽ thấy rằng các thành viên của nó hoàn toàn không giống bất kỳ loại người nào mà chúng ta biết. Họ chỉ là những khối mây trôi dạt—chính là con người của cuộc tuần hoàn thứ nhất lặp lại. Tương tự, con người của giống dân căn bản thứ hai của

root-race came over again all the business of the descent into denser matter and the separation of the sexes which had distinguished middle of the third round.

chúng ta có vẻ ngoài kỳ lạ như cái túi bột không có hình dạng mà cho đến lúc đó chưa từng thấy ở bất kỳ thế giới nào của dãy hành tinh chúng ta kể từ cuộc tuần hoàn thứ hai. Trong giống dân căn bản thứ ba, tất cả công việc đi xuống vật chất đậm đặc hơn và sự phân chia giới tính, điều đã làm nổi bật giữa cuộc tuần hoàn thứ ba, lại diễn ra một lần nữa.

All this was done only for the sake of backward entities, and it must not be forgotten that only they took part in it—which accounts for the sin of the mindless, the extreme degradation of the forms, and other things. None of the humanity of previous rounds (and previous parts of this round) appeared during that period at all; all its members came in only when the changes in the middle of the third root-race had brought matters back to something resembling the conditions to which they were accustomed—though even then the physical vehicles were of so low a type that some of the arrivals declined to occupy them. The whole of the plan of the earlier races of this globe was in fact the offering of a final opportunity to the laggards, and it was to a large extent successful. Many entities who had not been fully able to take advantage of these conditions in those earlier rounds were able to do something with them now, especially with the aid of the tremendous impetus given to evolution by the descent of the Lords of the Flame from Venus.

Tất cả điều này chỉ được thực hiện vì lợi ích của các thực thể lạc hậu, và cần nhớ rằng chỉ có họ tham gia vào điều đó—điều này giải thích cho tội lỗi của những kẻ vô tâm, sự suy đồi cùng cực của các hình thể, và những điều khác. Không có thành viên nào của nhân loại từ các cuộc tuần hoàn trước (và các phần trước của cuộc tuần hoàn này) xuất hiện trong giai đoạn đó; tất cả các thành viên của nó chỉ xuất hiện khi những thay đổi vào giữa giống dân căn bản thứ ba đã đưa sự việc trở lại một tình trạng giống với các điều kiện mà họ đã quen thuộc—mặc dù ngay cả khi đó, các phương tiện thể chất vẫn ở mức thấp đến nỗi một số người mới đến đã từ chối sử dụng chúng. Toàn bộ kế hoạch của các giống dân sớm hơn trên bầu hành tinh này thực tế là nhằm mang đến một cơ hội cuối cùng cho những kẻ lạc hậu, và phần lớn nó đã thành công. Nhiều thực thể chưa thể hoàn toàn tận dụng những điều kiện này trong các cuộc tuần hoàn trước đã có thể làm được điều gì đó với chúng bây giờ, đặc biệt với sự giúp đỡ từ động lực mạnh mẽ được mang lại cho tiến hóa bởi sự giáng lâm của Các Đấng Hỏa Tinh từ Kim Tinh.

In this fourth round the third class of lunar animals attained their individuality, and in the middle of the third root-race on this globe the less developed of the first order of moon-men began to return to incarnation also. From that time until the middle of the Atlantean

Trong cuộc tuần hoàn thứ tư này, lớp nguyệt thú-nhân hạng ba đã đạt được tính cá nhân, và vào giữa giống dân căn bản thứ ba trên bầu hành tinh này, những thực thể kém phát triển hơn của nhân loại Mặt trăng thứ bậc thứ nhất cũng bắt đầu quay trở lại hóa thân. Từ thời

period, and perhaps even somewhat beyond it, the monads of that first order came rapidly into incarnation, and of course at once took up a position in the forefront of evolving humanity.

điểm đó cho đến giữa thời kỳ Atlantis, và có thể còn xa hơn một chút, các chân thần của nhân loại Mặt trăng thứ bậc thứ nhất nhanh chóng hóa thân, và tất nhiên ngay lập tức nắm vị trí tiên phong trong quá trình tiến hóa của nhân loại.

It is hoped that this attempt at explanation will facilitate the work of those who are studying this most interesting subject. There is, it is true, much complication in detail, but the broad principles are clear, and a student who keeps those in mind will soon grasp the scheme as a whole.

Hy vọng rằng nỗ lực giải thích này sẽ giúp ích cho công việc của những ai đang nghiên cứu chủ đề thú vị này. Đúng là có nhiều chi tiết phức tạp, nhưng các nguyên tắc cơ bản rất rõ ràng, và một học viên nào ghi nhớ những nguyên tắc đó sẽ sớm nắm bắt được toàn bộ kế hoạch này.

THE EARTH-CHAIN

THE EARTH-CHAIN

DÃY ĐỊA CẦU

We have just passed the middle point of the evolution of our chain of worlds. There are to be seven rounds—seven journeys round the seven globes. Three of those journeys have been completed, and we are now on the fourth (the middle) globe of the fourth round. The middle point of our world-period ought to be the culmination of the fourth or Atlantean root-race, and as we are now at a comparatively early period in the history of the fifth root-race it is evident that we have only just passed that middle period. We do not know, however, whether the middle point in evolution corresponds to the middle point in time, for we do not know whether all the rounds or all the race-periods are of the same length. As I have mentioned before, the probabilities seem to be that they differ, perhaps even differ considerably; and there is

Chúng ta vừa đi qua điểm giữa của quá trình tiến hóa của dãy hành tinh các thế giới của mình. Sẽ có bảy cuộc tuần hoàn — bảy hành trình quanh bảy bầu hành tinh. Ba trong số những hành trình này đã hoàn tất, và hiện chúng ta đang ở trên bầu hành tinh thứ tư (bầu giữa) của cuộc tuần hoàn thứ tư. Điểm giữa của chu kỳ thế giới của chúng ta đáng lẽ phải là đỉnh cao của giống dân chánh thứ tư, hay giống dân Atlantean, và vì hiện tại chúng ta đang ở vào một thời kỳ tương đối sớm trong lịch sử của giống dân chánh thứ năm, rõ ràng là chúng ta chỉ vừa mới vượt qua thời kỳ giữa này. Tuy nhiên, chúng ta không biết liệu điểm giữa của quá trình tiến hóa có tương ứng với điểm giữa về thời gian hay không, vì chúng ta không biết liệu tất cả các cuộc tuần hoàn hoặc tất cả các chu kỳ giống dân có cùng độ dài hay không. Như tôi đã đề cập trước đây, nhiều khả

reason to hope those lying in front of us may be somewhat shorter than those which are behind us.

năng là chúng khác nhau, có thể là khác biệt đáng kể; và có lý do để hy vọng rằng các cuộc tuần hoàn sắp tới có thể ngắn hơn một chút so với những cuộc tuần hoàn trước đó.

As I have already said, it is useless even to speculate on the actual length in years of these enormous periods. Some years ago we took considerable pains to verify one of the remote dates given in The secret Doctrine, that of sixteen and a half million years since the separation of the sexes in the middle of the third root-race. We found that separation to be a long process which extended over more than million years and was taking place at different times in different parts of the world. Selecting a time when it seemed to have been fairly achieved, we calculated from that time to the present by observing certain astronomical changes, and our result was within a hundred thousand years of Madame Blavatsky' s. As this was an observation made years after her death, and by methods absolutely different from any that I have known her to use, I think we may accept it as a very good corroboration.

Như tôi đã nói, thật vô ích ngay cả khi suy đoán về độ dài thực tế tính bằng năm của những thời kỳ khổng lồ này. Một vài năm trước, chúng tôi đã nỗ lực đáng kể để xác minh một trong những niên đại xa xưa được đưa ra trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, đó là mười sáu triệu rưỡi năm kể từ khi có sự phân hóa giới tính ở giữa giống dân chánh thứ ba. Chúng tôi nhận thấy sự phân hóa đó là một quá trình kéo dài, diễn ra trong hơn một triệu năm và diễn ra ở những thời điểm khác nhau tại các khu vực khác nhau trên thế giới. Chọn một thời điểm khi quá trình đó dường như đã đạt được tương đối ổn định, chúng tôi tính toán từ thời điểm đó đến hiện tại bằng cách quan sát những thay đổi thiên văn nhất định, và kết quả của chúng tôi nằm trong phạm vi sai lệch chỉ khoảng một trăm nghìn năm so với kết quả của Madame Blavatsky. Vì đây là một quan sát được thực hiện nhiều năm sau khi bà qua đời, và bằng các phương pháp hoàn toàn khác so với bất kỳ phương pháp nào mà tôi biết bà từng sử dụng, tôi nghĩ rằng chúng ta có thể chấp nhận nó như là một sự xác nhận rất tốt.

From what we saw in the course of that enquiry we came to the conclusion that all those earlier radical changes in the constitution of man extended over really enormous periods of time, but that the later changes connected with the development of civilisations passed much more rapidly, so that these latter could be counted by thousands of years, while the former required actually millions. Without then pledging ourselves to anything in the way of dates as

Từ những gì chúng tôi quan sát được trong quá trình điều tra đó, chúng tôi đã đi đến kết luận rằng tất cả những thay đổi cơ bản trước đó trong cấu tạo của con người đều diễn ra trong những khoảng thời gian thực sự khổng lồ, nhưng những thay đổi sau đó liên quan đến sự phát triển của các nền văn minh thì diễn ra nhanh hơn nhiều, đến mức có thể tính chúng bằng hàng nghìn năm, trong khi những thay đổi trước đó thực sự cần đến hàng triệu năm. Vậy nên, không cam kết điều gì về mặt niên đại

regards the earlier part of this stupendous evolution, let us glance rapidly over the work done so far in this earth-chain.

đối với phần đầu tiên của quá trình tiến hóa kỳ vĩ này, hãy cùng điểm qua nhanh công việc đã được thực hiện cho đến nay trong dãy hành tinh địa cầu này.

Before the solar system was brought into manifestation, the LOGOS formed the entire scheme of it in His mind, and by doing so brought it all simultaneously into existence upon His mental plane. At what level that mental plane may be we cannot tell; it may be what we call the mental cosmic plane, or it may be higher still. To it Madame Blavatsky, so far as it concerns our solar system, has given the name of "the archetypal world," and the Greeks seem to have called it "the intelligible world." All that we hear or read as to an instantaneous creation of the whole system out of nothing refers to this formation of cosmic thought-forms.

Trước khi hệ thống thái dương được biểu hiện, Thượng đế (LOGOS) đã hình thành toàn bộ kế hoạch của nó trong tâm trí Ngài, và bằng cách làm như vậy đã đưa toàn bộ hệ thống đó vào tồn tại ngay lập tức trên cõi trí của Ngài. Chúng ta không thể biết được cõi trí đó ở mức độ nào; có thể là cõi trí vũ trụ mà chúng ta gọi, hoặc có thể là cao hơn nữa. Đối với hệ mặt trời của chúng ta, Madame Blavatsky đã đặt tên cho cõi này là "thế giới nguyên hình," và người Hy Lạp dường như đã gọi nó là "thế giới khả tri." Tất cả những gì chúng ta nghe hay đọc về việc tạo ra tức thời toàn bộ hệ thống từ hư vô đều liên quan đến sự hình thành của các hình tư tưởng vũ trụ này.

Indeed, from one point of view it seems as though we were in truth an expression of the Planetary LOGOS Himself, and as though the evolution were taking place within His body, as though the globes were centres in that body, or rather, not the globes that we see, but the spirit of them—their higher principles. From this point of view globe A would be the expression of His brain or mental body, and all these forms would exist in His mind. For our mental plane is not only the third subdivision of the lowest cosmic plane; it is also at the same time the lowest subdivision of an aspect or manifestation of the LOGOS. We may take it that He manifests Himself along seven lines or through seven aspects, and that each of these that we call planes is the lowest form of one of these aspects, so that the atomic part of our mental plane is really the lowest subplane of the mental body of the Planetary LOGOS.

Thật vậy, từ một góc độ nào đó, dường như chúng ta thật sự là biểu hiện của Thái dương Thượng đế, và dường như quá trình tiến hóa đang diễn ra trong thân thể của Ngài, như thể các bầu hành tinh là các trung tâm trong thân thể đó, hoặc đúng hơn, không phải các bầu mà chúng ta nhìn thấy, mà là linh hồn của chúng — những nguyên lý cao hơn của chúng. Từ góc nhìn này, bầu A sẽ là biểu hiện của não hoặc thân thể trí của Ngài, và tất cả những hình thức này sẽ tồn tại trong tâm trí của Ngài. Vì cõi trí của chúng ta không chỉ là phân cõi thứ ba của cõi vũ trụ thấp nhất; nó cũng đồng thời là phân cõi thấp nhất của một khía cạnh hoặc biểu hiện của Thái dương Thượng đế. Chúng ta có thể xem Ngài biểu hiện qua bảy đường hoặc bảy khía cạnh, và mỗi phân cõi mà chúng ta gọi là cõi giới là hình thức thấp nhất của một trong những khía cạnh này, do đó phần nguyên tử của cõi trí của chúng ta thực sự là

phân cõi thấp nhất của thân thể trí của Hành Tinh Thượng đế.

Before the Manu of a chain or of a round commences the task appointed for Him, He examines the part of that mighty thought-form which refers to His work, and brings it down to some level within easy reach for constant reference. The same thing is done at a somewhat lower level by the Manu of each world and of each root-race. Each Manu at His own level has before Him the model towards which He has to build, and He endeavours to make His race or His world, as the case may be, as nearly as possible an exact copy of what the LOGOS intended it to be. As He has to build with existing materials He can usually approach the required perfection only by degrees; and so the earlier efforts at the formation of a race, for example, are often only partially successful.

Trước khi một Manu của một dãy hành tinh hoặc một cuộc tuần hoàn bắt đầu nhiệm vụ được giao phó cho Ngài, Ngài xem xét phần của hình tư tưởng vĩ đại liên quan đến công việc của mình và đưa nó xuống một mức độ nào đó để dễ dàng tham khảo liên tục. Điều tương tự cũng được thực hiện ở một mức thấp hơn bởi Manu của mỗi thế giới và của mỗi giống dân chánh. Mỗi Manu ở cấp độ của mình có trước mắt hình mẫu mà Ngài phải xây dựng, và Ngài cố gắng làm cho giống dân hoặc thế giới của mình, tùy theo trường hợp, càng gần với đối phần chính xác của điều mà Thượng đế dự kiến. Vì Ngài phải xây dựng bằng các vật liệu hiện có nên Ngài thường chỉ có thể tiến gần đến sự hoàn hảo yêu cầu từng bước một; và do đó, những nỗ lực ban đầu trong việc hình thành một giống dân, chẳng hạn, thường chỉ thành công một phần.

In the first round of the earth-chain the Manu in charge brought down all the archetypes for the whole of the chain. Although many of these will not be fully perfected down here until the seventh round, the germs of all of them were already there even in the first round. For every kingdom in nature He selected a certain set of forms, which He wished to have vivified during the first round, with the view of developing from them at later stages everything which the LOGOS wished the earth-chain to produce. The scheme of these forms, materialised down to a level where they could use them, was handed over to certain of the Lords of the Moon, who were entrusted with the work of setting the activities of the first chain in motion. They made these forms in each of the seven worlds

Trong cuộc tuần hoàn đầu tiên của dãy địa cầu, vị Manu phụ trách đã đưa xuống tất cả các nguyên hình cho toàn bộ dãy này. Mặc dù nhiều nguyên hình này sẽ không được hoàn thiện đầy đủ ở đây cho đến cuộc tuần hoàn thứ bảy, nhưng các mầm mống của tất cả chúng đã có mặt ngay từ cuộc tuần hoàn đầu tiên. Đối với mỗi giới trong tự nhiên, Ngài đã chọn ra một bộ hình dạng nhất định mà Ngài muốn được sinh động hóa trong cuộc tuần hoàn đầu tiên, với mục tiêu phát triển từ đó vào các giai đoạn sau mọi thứ mà Thượng đế mong muốn dãy địa cầu tạo ra. Sơ đồ của các hình dạng này, đã hiện hình đến một mức độ mà chúng có thể sử dụng, đã được giao cho một số Chúa tể của Mặt trăng, những người được giao trách nhiệm khởi động các hoạt động của chuỗi hành tinh đầu tiên. Họ tạo ra những hình dạng

of that first round, and as they made them the animal-men from the moon entered them, solidified and used them, and from them generated others which could be inhabited by the moon-animals which occupied the stages below them.

này trong từng thế giới của cuộc tuần hoàn đầu tiên đó, và khi họ tạo ra chúng, những người động vật-thú từ mặt trăng nhập vào, làm cô đặc chúng và sử dụng chúng, và từ đó tạo ra các dạng khác có thể được các động vật-thú mặt trăng cư ngụ trong các giai đoạn thấp hơn.

On each of the planets these lunar animal-men began at the lowest level, with the forms necessary for the first elemental kingdoms. Then they passed through in rapid succession the second and third elemental kingdoms, and then the mineral, vegetable and animal until they reached the human. Having done this on each planet they attained humanity for the last time on the seventh planet of the lunar chain. Since then they have rested from that particular kind of labour, for on the second round and afterwards they were human from the beginning.

Trên mỗi hành tinh, những người động vật-thú của mặt trăng này đã bắt đầu ở cấp độ thấp nhất, với các hình dạng cần thiết cho các giới hành khí đầu tiên. Sau đó, họ lần lượt đi qua nhanh chóng giới hành khí thứ hai và thứ ba, sau đó là giới khoáng vật, thảo mộc và động vật, cho đến khi đạt đến nhân loại. Sau khi hoàn tất điều này trên mỗi hành tinh, họ đạt tới nhân loại lần cuối trên hành tinh thứ bảy của dãy hành tinh mặt trăng. Kể từ đó, họ đã tạm nghỉ loại công việc đặc biệt này, vì trong cuộc tuần hoàn thứ hai và sau đó, họ đã là con người ngay từ đầu.

The conditions during that first round were different from any that have prevailed since. First, the life was in all cases a stage higher, for when the planets were first brought into existence they were at the same level as those of the moon-chain. Globes A and G, for example, which are now on the lower levels of the mental plane, were then the theatre for life belonging to the higher levels. The globes themselves were built even then of the lower mental matter, but it was not in a condition to be inhabited by beings at its own level—not sufficiently condensed nor sufficiently at rest. Globes B and F, though composed of astral matter, were then utilised only for forms of lower mental matter.

Các điều kiện trong cuộc tuần hoàn đầu tiên đó khác với bất kỳ điều kiện nào đã tồn tại kể từ đó. Trước hết, sự sống trong mọi trường hợp đều ở một giai đoạn cao hơn, vì khi các hành tinh được tạo ra lần đầu, chúng đã ở cùng cấp độ với các hành tinh của dãy mặt trăng. Ví dụ, các bầu hành tinh A và G, hiện ở các cấp độ thấp hơn của cõi trí, khi đó là sân khấu cho sự sống thuộc về các cấp độ cao hơn. Bản thân các bầu hành tinh được tạo thành từ vật chất trí tuệ hạ đẳng, nhưng chúng không đủ đậm đặc hoặc ổn định để cư dân ở cấp độ của chúng có thể cư ngụ. Các bầu hành tinh B và F, mặc dù được cấu tạo từ vật chất cảm dục, khi đó chỉ được sử dụng cho các hình dạng của vật chất trí tuệ hạ đẳng.

Mars and Mercury were still in a condition largely gaseous and etheric, and only astral

Sao Hỏa và sao Thủy khi đó vẫn chủ yếu ở trạng thái khí và dĩ thái, và chỉ có các thể cảm

bodies were employed by the entities who lived their lives upon these two planets. Our own planet D already contained a good deal of solid physical matter, but in a condition of heat so intense that there were still lakes and seas and even showers of molten metal, so that it would have been quite impossible for people with bodies in the slightest degree like ours to live there at all. The inhabitants, however, used only vehicles of etheric matter, and therefore were not at all incommoded by these conditions. In the interval between the first and the second round the matter of the various globes had time to settle down into a more orderly condition, so that each of them could be inhabited by entities using vehicles at the level its of its own matter.

dục được sử dụng bởi các thực thể sống trên hai hành tinh này. Hành tinh của chúng ta, bầu D, đã chứa một lượng lớn vật chất vật lý đậm đặc, nhưng ở trạng thái nhiệt độ cực kỳ cao, vẫn còn những hồ, biển và thậm chí là những trận mưa kim loại nóng chảy, do đó sẽ hoàn toàn không thể cho người có thân thể giống của chúng ta sống ở đó. Tuy nhiên, các cư dân sử dụng chỉ các thể dĩ thái, vì vậy họ không bị những điều kiện này gây bất tiện. Trong khoảng thời gian giữa cuộc tuần hoàn thứ nhất và thứ hai, vật chất của các bầu hành tinh khác nhau đã có thời gian ổn định vào một trạng thái có trật tự hơn, để mỗi bầu hành tinh có thể được cư trú bởi các thực thể sử dụng các thể ở cùng cấp độ vật chất của chúng.

It is difficult for us to imagine what the evolution of that first chain can have been; it is even difficult for those of us who have repeatedly watched it to give any account of it in words upon the physical plane. It is by no means easy to realise even the present condition of globe A. We can understand that the men of that globe are living in their mental bodies, and we can imagine to some extent that the group-souls of animals and vegetables may somehow or other exist at such a level; but what can a mineral be upon the mental plane? It would correspond to our thought of a mineral. Yet perhaps we should be wrong to assume that such a thought-form as we could make of gold would be the only representative of gold on that level; the thought-form which exists there is that of the Manu, and is moulded by a power altogether beyond comparison with that of our mentality.

Thật khó cho chúng ta hình dung về quá trình tiến hóa của dãy hành tinh đầu tiên có thể đã diễn ra như thế nào; điều này thậm chí còn khó hơn cho những người trong chúng ta đã từng quan sát nhiều lần để có thể trình bày bất cứ điều gì về nó bằng ngôn từ ở cõi trần. Thật không dễ dàng để hiểu ngay cả tình trạng hiện tại của bầu hành tinh A. Chúng ta có thể hiểu rằng những người của bầu hành tinh đó sống trong các thể trí của họ, và chúng ta có thể hình dung phần nào rằng các linh hồn nhóm của động vật và thực vật có thể tồn tại ở mức độ như vậy theo cách nào đó; nhưng khoáng vật trên cõi trí là gì? Có lẽ nó tương ứng với ý niệm của chúng ta về khoáng vật. Tuy nhiên, có thể chúng ta sai lầm nếu giả định rằng một hình tư tưởng mà chúng ta có thể tạo ra về vàng sẽ là đại diện duy nhất của vàng ở cấp độ đó; hình tư tưởng tồn tại ở đó là của Manu, và được tạo thành bởi một sức mạnh hoàn toàn vượt xa sức mạnh trí tuệ của chúng ta.

Every article which exists on the physical

Mỗi vật thể tồn tại trên cõi trần phải tồn tại ở

plane must also exist in a certain sense upon all the planes above it, since it is a manifestation of the divine life, and must therefore have its connecting link through all the planes. It must be on these higher correspondences of the minerals that certain effects are produced which constitute for them the evolution of those less material globes; but the idea is not one which can readily be explained or made to gear in with the conceptions of the physical brain. It is the bringing down of the mind-energies flowing from the LOGOS—from His cosmic mental plane to that prakritic mental which is our mental plane. It is His idea of a mineral, materialised as low down as our thought of the etheric body of a mineral.

một mức độ nào đó trên tất cả các cõi giới phía trên, vì nó là biểu hiện của sự sống thiêng liêng, và do đó phải có liên kết nối qua tất cả các cõi giới. Các hiệu ứng tạo ra trên các tương ứng cao hơn này của khoáng vật sẽ là điều cấu thành cho sự tiến hóa của chúng trong các bầu hành tinh ít vật chất hơn; nhưng ý niệm này không phải là điều có thể dễ dàng giải thích hoặc khiến cho phù hợp với các khái niệm của bộ não vật lý. Đây là sự hạ xuống của các năng lượng trí tuệ chảy từ Thượng đế — từ cõi trí vũ trụ của Ngài xuống cõi trí prakritic, cõi trí của chúng ta. Đó là ý tưởng của Ngài về khoáng vật, hiện hình xuống đến mức thấp nhất là hình tư tưởng của chúng ta về thể dĩ thái của khoáng vật.

When the whole thing was brought down upon globe D in the first round the etheric body of a mineral was formed, but even then it was not a whole etheric body, because at this early stage only some of the sub-planes were fully vivified. The very atoms also were more sluggish, since only one set of spirillae was in activity. In each round an additional force was poured into the atoms, and that brought an additional set of spirillae into play, so that now as we are in the fourth round we have four sets of spirillae in activity; but even now our atom is as nothing in comparison with that which will exist in the seventh round, when all the sets of spirillae will be fully working, and the entire atom will be what the LOGOS intends it to be.

Khi toàn bộ sự việc này được mang xuống bầu D trong cuộc tuần hoàn đầu tiên, thể dĩ thái của một khoáng vật đã được hình thành, nhưng ngay cả lúc đó nó cũng chưa phải là một thể dĩ thái hoàn chỉnh, vì ở giai đoạn ban đầu này, chỉ một số phân cõi được sinh động hóa đầy đủ. Các nguyên tử cũng kém năng động hơn, vì chỉ có một bộ spirillae đang hoạt động. Trong mỗi cuộc tuần hoàn, một lực bổ sung được truyền vào các nguyên tử, và điều này kích hoạt thêm một bộ spirillae, vì vậy hiện tại khi chúng ta ở trong cuộc tuần hoàn thứ tư, có bốn bộ spirillae đang hoạt động; nhưng ngay cả bây giờ nguyên tử của chúng ta vẫn chẳng là gì so với những gì sẽ tồn tại trong cuộc tuần hoàn thứ bảy, khi tất cả các bộ spirillae sẽ hoạt động đầy đủ, và toàn bộ nguyên tử sẽ trở thành đúng như Thượng đế dự kiến.

The man of globe A in the first round can hardly be called a man at all; he is a thought. He is what will some day be a mind-body—the germ of a mind-body, bearing perhaps the

Người của bầu A trong cuộc tuần hoàn đầu tiên khó có thể gọi là người; đó là một ý nghĩ. Đó là thứ sẽ trở thành một thể trí trong tương lai — mầm mống của một thể trí, có lẽ tương

same relation to its later possibilities as the embryonic form of an infant after the first month bears to the fully developed human body. He has marvellously little consciousness at this early stage.

tự như mối quan hệ giữa hình thái phôi của một trẻ sơ sinh sau tháng đầu tiên với cơ thể người phát triển hoàn chỉnh. Người đó có rất ít tâm thức ở giai đoạn ban đầu này.

As we have said, on the astral globe B in the first round everything was brought down to the lower mental level and fixed definitely there, with a little commencement of astralisation. On Mars men had definite astral bodies, but they were as yet imperfect, for only matter of certain subplanes was then to be had. A little touch of etheric matter was also introduced, though only certain kinds of ether were available. On the Earth in this round men had etheric bodies, but they were mere drifting shapeless clouds, though towards the end of the world-period they began to aggregate around themselves gaseous matter as well as etheric. They appear to have absorbed from the intensely heated surrounding atmosphere whatever they required in the way of nutriment.

Như đã nói, trên bầu cảm dục B trong cuộc tuần hoàn đầu tiên, mọi thứ được hạ xuống cấp độ trí tuệ hạ đẳng và được cố định ở đó, với một chút khởi đầu của sự cảm dục hóa. Trên sao Hỏa, con người có các thể cảm dục cụ thể, nhưng chúng vẫn chưa hoàn thiện, vì khi đó chỉ có vật chất của một số phân cõi nhất định có sẵn. Một chút vật chất dĩ thái cũng được giới thiệu, dù chỉ một số loại dĩ thái nhất định có sẵn. Trên Trái Đất trong cuộc tuần hoàn này, con người có các thể dĩ thái, nhưng chúng chỉ là những đám mây trôi dạt không có hình dạng, mặc dù về cuối kỳ thế giới, chúng bắt đầu tụ hợp xung quanh mình vật chất khí cũng như dĩ thái. Họ dường như đã hấp thụ từ bầu không khí nóng bỏng xung quanh những gì họ cần để nuôi dưỡng.

They seem to have had a succession of manifestations which I suppose we must take as corresponding to races—apparently, however, only root-races, for there were but seven; and one incarnation (if we can call it an incarnation) for each individual lasted through the whole race. It appears, however, that the world-periods were enormously longer then even than they are now, but it is not easy for us, with our ideas of what life means, to understand how these most primitive of men could contrive to evolve at all. The condition of the world has already been described, but we may note that some of the chemical elements were already beginning to combine. By the end of the

Họ dường như đã có một chuỗi các biểu hiện mà tôi nghĩ chúng ta có thể xem như là các giống dân — tuy nhiên, chỉ là các giống dân chánh, vì chỉ có bảy giống; và mỗi lần nhập thể (nếu có thể gọi là một lần nhập thể) của mỗi cá thể kéo dài suốt qua toàn bộ giống dân đó. Có vẻ như các chu kỳ thế giới khi đó còn dài hơn rất nhiều so với hiện nay, nhưng với những ý niệm của chúng ta về sự sống có nghĩa là gì, không dễ để hiểu được làm cách nào những người nguyên thủy nhất này có thể xoay xở để tiến hóa. Tình trạng của thế giới đã được mô tả trước đó, nhưng chúng ta có thể lưu ý rằng một số nguyên tố hóa học đã bắt đầu kết hợp. Đến cuối chu kỳ thế giới, nhiệt độ đã giảm đáng kể, có lẽ xuống khoảng một nghìn độ

world-period the temperature was considerably reduced, perhaps to about a thousand degrees Fahrenheit on the average, though it remained much hotter than that in certain districts, and in others it had even got down to the level of boiling water.

Fahrenheit trung bình, mặc dù ở một số khu vực nhiệt độ vẫn còn nóng hơn rất nhiều, và ở những nơi khác, nhiệt độ thậm chí còn xuống đến mức nước sôi.

On globe E (Mercury) they had apparently only the three higher ethers—not four as they had had upon the earth. But they had obviously progressed, and were much more alive than they had been, though even now their consciousness seemed amoebalike. Nevertheless, it is clear that man was already beginning in a blind way to work both upwards and downwards—downwards to densify his lower vehicles and upwards to make them more conscious. Primitive though everything was, it is clear that each globe was an advance on that which had preceded it. But in all cases it appears that he had not yet the full consciousness even of any subdivision of matter in which he happened to be working. The impression given rather is that each subdivision was again subdivided, and that he was able to use only this fraction of a part.

Trên bầu hành tinh E (sao Thủy), họ dường như chỉ có ba loại dĩ thái cao hơn — không có bốn loại như họ đã có trên Trái Đất. Nhưng rõ ràng là họ đã tiến bộ, và sống động hơn nhiều so với trước đây, dù thậm chí đến lúc này, tâm thức của họ vẫn giống như amip. Tuy nhiên, rõ ràng rằng con người đã bắt đầu, một cách mù mờ, phát triển cả lên và xuống — xuống để làm cho các thể thấp của mình thêm đậm đặc và lên để làm cho chúng có ý thức hơn. Mặc dù mọi thứ vẫn còn nguyên sơ, rõ ràng là mỗi bầu hành tinh là một bước tiến so với bầu hành tinh trước đó. Nhưng trong mọi trường hợp, có vẻ như con người vẫn chưa có ý thức đầy đủ về bất kỳ phân chia nào của vật chất mà họ tình cờ đang làm việc. Ấn tượng mang lại là mỗi phân chia lại được phân chia tiếp, và họ chỉ có thể sử dụng một phần nhỏ của nó.

There seems little to be said with regard to evolution on globes F and G, except that there for the first time we begin to notice the curious phenomenon of failures. On every globe from the first a certain small portion of each kingdom had been intentionally left behind, in order to act as seed for the next occupation of the planet in the following round. If this were not done all the trouble of making the forms afresh would have to be undertaken on each globe in each round; whereas by the present scheme a certain population is always left on each planet, from which the race can be reproduced in the next

Dường như không có nhiều điều cần nói về sự tiến hóa trên các bầu hành tinh F và G, ngoại trừ việc lần đầu tiên chúng ta bắt đầu nhận thấy hiện tượng kỳ lạ của những "sự thất bại." Trên mỗi bầu hành tinh từ đầu, một phần nhỏ của mỗi giới đã được cố ý để lại phía sau, nhằm hoạt động như hạt giống cho sự tái chiếm cứ hành tinh trong cuộc tuần hoàn tiếp theo. Nếu điều này không được thực hiện, mọi công sức để tạo ra các hình tướng mới phải được thực hiện lại trên mỗi bầu hành tinh trong mỗi cuộc tuần hoàn; trong khi với sơ đồ hiện tại, một dân số nhất định luôn được giữ lại trên mỗi hành tinh, từ đó giống dân có thể được tái tạo

round when necessary. The great wave of life moves from planet to planet, as the LOGOS wills it. When He fixes His attention upon one globe, the life flames out there and evolution pushes rapidly forward. When he withdraws His eyes from it the life fades away, the wheels of progress slacken and the wave passes on to the globe to which His attention has been turned. But the life does not die out altogether.

trong cuộc tuần hoàn tiếp theo khi cần thiết. Đợt sóng sự sống lớn di chuyển từ hành tinh này sang hành tinh khác, theo ý muốn của Thượng đế. Khi Ngài tập trung sự chú ý của mình vào một bầu hành tinh, sự sống bùng lên ở đó và tiến hóa tiến triển nhanh chóng. Khi Ngài rời mắt khỏi đó, sự sống mờ đi, bánh xe của sự tiến hóa chậm lại và đợt sóng chuyển sang bầu hành tinh mà Ngài đang hướng sự chú ý tới. Nhưng sự sống không hoàn toàn biến mất.

A small population, human, animal, vegetable, still remains, but does not increase. It usually maintains its numbers at about the same level through the untold millions of years until that planet is entered again. When the life-wave reaches it once more, when a vast number of egos are ready to incarnate in it, the stagnant race suddenly becomes wondrously prolific, and great changes and vast improvements of alls kinds are quickly introduced, and vehicles are soon evolved fit to receive the coming inrush of a far more highly evolved humanity. Meantime the small and comparatively torpid race has been providing for those who are engaged in the inner round to which I have already referred. As I have said, in the earlier globes of the first round this seed was purposely left behind; but towards the end of that round there were egos who did not achieve quite what was expected of them—who were not fit to go on to globe G at the time when the normal evolution of globe F was over.

Một dân số nhỏ, bao gồm con người, động vật, thảo mộc, vẫn tồn tại, nhưng không tăng trưởng. Số lượng của nó thường duy trì ở mức gần như không thay đổi qua hàng triệu năm không thể kể xiết cho đến khi hành tinh đó được tái chiếm. Khi làn sóng sự sống đạt đến hành tinh đó một lần nữa, khi một lượng lớn chân ngã sẵn sàng nhập thể trong nó, giống dân trì trệ đột nhiên trở nên sinh sôi mạnh mẽ, và những thay đổi lớn và những cải tiến rộng lớn thuộc mọi loại nhanh chóng xuất hiện, và các hình tướng sớm được tiến hóa để phù hợp với đợt tràn vào của nhân loại tiến hóa cao hơn. Trong thời gian chờ đợi, giống dân nhỏ và tương đối trì trệ này đã cung cấp cho những người tham gia vào cuộc tuần hoàn nội môn mà tôi đã đề cập trước đó. Như tôi đã nói, trong các bầu hành tinh đầu tiên của cuộc tuần hoàn thứ nhất, hạt giống này đã được cố ý để lại phía sau; nhưng về cuối cuộc tuần hoàn đó, có những chân ngã không đạt được hoàn toàn những gì mong đợi ở họ — không đủ điều kiện để tiếp tục sang bầu hành tinh G khi quá trình tiến hóa bình thường của bầu hành tinh F kết thúc.

Such entities were left behind, and worked on steadily among the remnant, passing perhaps, in, process of time, to join the remnant of

Những thực thể như vậy bị bỏ lại phía sau và tiếp tục công việc trong phần còn lại, có lẽ theo thời gian, tham gia vào phần còn lại của bầu

globe G; possibly also, by means of some extraordinary impulse, occasionally being able to hurry on to try to overtake the life-wave, but more often continuing to lag behind, until they are overtaken by the life-wave on its next journey round the globes. In this latter case they usually find themselves in a class of monads lower than that to which they had previously belonged. This process is a kind of reversal of the procedure of the inner round. In the inner round the ego runs on ahead of the life-wave, and by making an extra journey round the globes raises himself one class higher. These laggards fall behind the life-wave and, by losing one round, drop into an inferior class. A certain proportion of these failures appear on every planet and in all the various kingdoms—mineral essence that ought to have reached the vegetable level, vegetable life that should have touched the animal, animal life that should have becomes individualised.

hành tinh G; có khả năng, nhờ vào một số xung lực phi thường, đôi khi họ có thể tăng tốc để cố gắng bắt kịp làn sóng sự sống, nhưng thường là tiếp tục tụt lại phía sau cho đến khi họ được làn sóng sự sống đuổi kịp trong chuyến hành trình vòng quanh các bầu hành tinh lần tới. Trong trường hợp sau này, họ thường thấy mình ở trong một lớp chân ngã thấp hơn so với lớp mà họ đã thuộc về trước đây. Quá trình này là một kiểu đảo ngược của tiến trình của cuộc tuần hoàn nội môn. Trong cuộc tuần hoàn nội môn, chân ngã đi trước làn sóng sự sống, và bằng cách thực hiện một cuộc hành trình bổ sung quanh các bầu hành tinh, nâng mình lên một lớp cao hơn. Những kẻ lạc hậu tụt lại sau làn sóng sự sống và, bằng cách bỏ qua một cuộc tuần hoàn, tụt xuống một lớp thấp hơn. Một tỷ lệ nhất định của những thất bại này xuất hiện trên mỗi hành tinh và trong tất cả các giới khác nhau — bản chất khoáng vật lẽ ra phải đạt đến cấp độ thực vật, đời sống thực vật lẽ ra đã chạm đến cấp độ động vật, đời sống động vật lẽ ra đã được biệt ngã hóa.

No matter of the lower planes is ever carried over from planet to planet. When, for example, we leave this planet in order to incarnate upon Mercury, only the egos will be carried over. Those egos will draw round themselves mental and astral matter belonging to their new planet, and they will obtain physical bodies by entering the baby vehicles provided by some of those who are already inhabiting Mercury.

Không có vật chất nào của các cõi thấp được chuyển từ hành tinh này sang hành tinh khác. Khi chúng ta rời hành tinh này để nhập thể trên sao Thủy, chẳng hạn, chỉ có các chân ngã sẽ được chuyển tiếp. Những chân ngã đó sẽ tập hợp quanh mình vật chất trí tuệ và cảm dục thuộc về hành tinh mới, và họ sẽ có được thân thể vật lý bằng cách nhập vào các thể sơ sinh do những người đã cư trú trên sao Thủy cung cấp.

Just at first those vehicles will be of but poor quality, no doubt; but it will not be the first-class monads who require them, for it is a law of this system of evolution that those who reach the highest level on one planet are never born in the early races of the next planet. They

Ban đầu, những thể này có lẽ sẽ có chất lượng kém, không nghi ngờ gì; nhưng những người thuộc lớp monad hạng nhất sẽ không cần chúng, vì đó là quy luật của hệ thống tiến hóa này rằng những người đạt đến cấp độ cao nhất trên một hành tinh sẽ không bao giờ được sinh

do not need such primitive evolution as those early races would give, and so they join the evolution of the planet when a certain proportion of its people have evolved to somewhere near their level, and can provide them with fitting vehicles.

ra trong các giống dân đầu tiên của hành tinh kế tiếp. Họ không cần loại tiến hóa sơ khai như những giống dân đầu tiên đó cung cấp, và do đó họ sẽ tham gia vào quá trình tiến hóa của hành tinh khi một tỷ lệ nhất định của dân số của hành tinh đó đã tiến hóa đến gần mức của họ và có thể cung cấp cho họ các thể thích hợp.

Exactly the same thing happens as egos pass from chain to chain. The most developed of the lunar inhabitants are not found in the first round of the earth-chain, but come in only in the middle of the fourth. The egos who incarnate in the first root-race on any planet are those who have not progressed beyond the middle of the evolution on the previous planet, just as it was the animal-men from the moon who did all the work in this first round of the earth-chain of which we have been speaking.

Điều tương tự xảy ra khi các chân ngã di chuyển từ dãy hành tinh này sang dãy hành tinh khác. Những cư dân tiến hóa nhất của mặt trăng không có mặt trong cuộc tuần hoàn đầu tiên của dãy hành tinh địa cầu, mà chỉ đến vào giữa cuộc tuần hoàn thứ tư. Những chân ngã nhập thể trong giống dân chánh đầu tiên trên bất kỳ hành tinh nào là những người chưa tiến bộ vượt qua giai đoạn giữa của quá trình tiến hóa trên hành tinh trước đó, giống như những người động vật-thú từ mặt trăng đã thực hiện tất cả công việc trong cuộc tuần hoàn đầu tiên của dãy hành tinh địa cầu mà chúng ta đã thảo luận.

In connection with this first round it may be well to explain the apparent difference which exists between the Theosophical teaching and the theories of Darwin. In this first round, when form appeared for the first time so far as our planetary chain is concerned, the human shape was evolved from the animal, just as the Darwinian theory suggests, though it is also true that in our present fourth round the process was reversed, and the human form existed on this globe before those of any of the mammals which we now know.

Liên quan đến cuộc tuần hoàn thứ nhất này, có lẽ cũng nên giải thích sự khác biệt rõ ràng giữa giáo lý Thông Thiên Học và các lý thuyết của Darwin. Trong cuộc tuần hoàn thứ nhất, khi hình tướng xuất hiện lần đầu tiên trong dãy hành tinh của chúng ta, hình dạng con người đã tiến hóa từ động vật, giống như lý thuyết Darwin gợi ý; tuy nhiên, cũng đúng rằng trong cuộc tuần hoàn thứ tư hiện nay, quá trình đã diễn ra ngược lại, và hình tướng con người đã tồn tại trên bầu hành tinh này trước khi xuất hiện các loài động vật có vú mà chúng ta hiện biết đến.

For the inconceivably slow process of natural selection from accidental variation we substitute an intelligent direction both of the selection and of the variations; for we hold

Thay vì quá trình tiến hóa tự nhiên chậm chạp không thể tưởng tượng từ những biến đổi ngẫu nhiên, chúng tôi thay thế bằng một định hướng có chủ đích cho cả việc lựa chọn và biến

that the forms evolved only in order that they may be a fitter expression for the evolving life within. Our attitude towards Darwinism is that we agree in broad outline with its discoveries, but carry them much further, since we propound a spiritual as well as a material evolution.

đổi; vì chúng tôi cho rằng các hình tướng chỉ tiến hóa để trở thành biểu hiện thích hợp hơn cho sự sống đang tiến hóa bên trong chúng. Quan điểm của chúng tôi đối với thuyết Darwin là chúng tôi đồng ý với các khám phá của thuyết này về mặt đại cương, nhưng mở rộng xa hơn, vì chúng tôi đưa ra một sự tiến hóa tinh thần bên cạnh sự tiến hóa vật chất.

In the second round the forms made in the first round were already there, so that it was not necessary to repeat the building process. Each subplane of each plane is divided into seven, so that in each plane there are forty-nine subdivisions. In this second round man was working at and through the first and second subdivisions of each of the subplanes, so that while he had matter of all the planes in him it was only the two lower subdivisions of the two lower sub-planes that were active. Man may be said to be building his lower quaternary gradually through the earlier half of his evolution.

Trong cuộc tuần hoàn thứ hai, các hình tướng đã được tạo ra từ cuộc tuần hoàn đầu tiên vẫn tồn tại, vì vậy không cần lặp lại quá trình xây dựng. Mỗi phân cõi của mỗi cõi được chia thành bảy phần, do đó trong mỗi cõi có bốn mươi chín phân chia. Trong cuộc tuần hoàn thứ hai này, con người làm việc ở hai phân cõi đầu tiên của mỗi cõi phụ, vì vậy, mặc dù trong mình có vật chất của tất cả các cõi giới, chỉ có hai phân cõi thấp hơn của hai cõi phụ thấp hơn là hoạt động. Có thể nói, con người đang xây dựng dần tứ nguyên thấp của mình trong suốt nửa đầu quá trình tiến hóa của mình.

In this second round the races were much more definite, and were clearly distinguishable one from another. Men were no longer mere drifting clouds of etheric or gaseous matter, but had succeeded in developing a certain amount of solidity, though they were still unpleasantly jelly-like in consistency and indeterminate in shape. Madame Blavatsky compares them to pudding-bags, because of the curious shapeless projections which they had instead of arms and legs. At the beginning of the round they put out these projections temporarily, just as an amoeba does; but constant repetition of the process at last made the projections permanent, and moulded them into some approximation to the form

Trong cuộc tuần hoàn thứ hai này, các giống dân rõ ràng hơn rất nhiều và phân biệt rõ ràng với nhau. Con người không còn chỉ là những đám mây vật chất dĩ thái hoặc khí trôi dạt nữa, mà đã phát triển được một mức độ đậm đặc nhất định, mặc dù vẫn còn như thạch và không rõ hình dạng. Madame Blavatsky ví họ như những túi pudding, vì những hình chiếu kỳ lạ và không có hình dáng của họ thay vì cánh tay và chân. Lúc đầu, họ tạm thời đẩy ra những hình chiếu này giống như một con amip; nhưng quá trình lặp lại liên tục cuối cùng đã khiến các hình chiếu này trở nên cố định và định hình chúng thành một hình dạng tương tự với hình dạng mà họ sẽ định cư sau này. Nhiều người trong số họ nhẹ và mảnh đến mức họ có thể trôi nổi trong bầu không khí dày

into which they were destined finally to settle. Many of these people were so light and tenuous that they were able to drift about in the heavy atmosphere of the time. Others rolled along rather than crept, but none of them were able to maintain themselves in an upright position without assistance.

đặc lúc bấy giờ. Một số khác lăn đi thay vì bò, nhưng không ai có thể đứng thẳng mà không có sự trợ giúp.

Man was still lamentably incomplete as regards his higher vehicles. He had what he considered a mind, and something else that might stand for a feeble astral body, but his consciousness was still dim and vague and he had little thinking power; he was all instincts and almost no reason.

Con người vẫn còn cực kỳ không hoàn chỉnh về các thể cao của mình. Họ có thứ mà họ coi là tâm trí và một cái gì đó có thể được coi là một thể cảm dục yếu ớt, nhưng tâm thức của họ vẫn còn mờ nhạt và không rõ ràng, và họ có rất ít năng lực tư duy; họ hầu như chỉ có bản năng và gần như không có lý trí.

In this round the animal-men maintained and improved their human position, and by the end of it the first class of the animals had definitely attained humanity. Just as all the archetypes of the mineral kingdom had been fully brought down in the first round, though not yet fully worked out, so were all the vegetable archetypes brought down in this second round, though it was long after that before they were all realized. It is probably chiefly to the vegetation of this period that we owe our coal deposits.

Trong cuộc tuần hoàn này, những người động vật-thú đã duy trì và cải thiện vị trí nhân loại của mình, và đến cuối cuộc tuần hoàn này, lớp đầu tiên của các động vật đã đạt đến nhân loại một cách rõ ràng. Cũng giống như tất cả các nguyên hình của giới khoáng đã được đưa xuống hoàn chỉnh trong cuộc tuần hoàn thứ nhất, mặc dù chưa được phát triển đầy đủ, thì trong cuộc tuần hoàn thứ hai này, tất cả các nguyên hình thực vật đã được đưa xuống, mặc dù phải mất một thời gian dài sau đó chúng mới được hiện thực hóa đầy đủ. Có lẽ chúng ta chủ yếu mắc nợ các trầm tích than của mình đối với thảm thực vật của thời kỳ này.

In the course of the third round we come to more comprehensible conditions. Even in the earlier globes man became more human in shape than he had been before, though even then he was still cloudy, gigantic and far from beautiful. On Mars in this third round man had for the first time what may be called a recognizably human body, though at first it was still etheric, and more like some kind of reptilian monkey than like man as we know

Trong quá trình tuần hoàn thứ ba, chúng ta đạt đến các điều kiện dễ hiểu hơn. Ngay cả ở các bầu hành tinh đầu, con người cũng trở nên có hình dáng giống người hơn so với trước đây, mặc dù khi đó họ vẫn còn mờ mịt, khổng lồ và không mấy đẹp đẽ. Trên sao Hỏa trong tuần hoàn thứ ba này, lần đầu tiên con người có một thân thể mà có thể gọi là thân thể người, mặc dù lúc đầu vẫn là dĩ thái, và giống với một loại khỉ bò sát hơn là hình dáng con người mà

him now. He was still somewhat jelly-like, and if one pressed in his skin by a poke of the finger the hole remained for a long time before it filled out again. He had rudimentary bones—more gristle perhaps than bone, but he was not stiff enough to stand, and so he lay about groveling and wallowing in the soft warm mud at the sides of the rivers.

chúng ta biết ngày nay. Họ vẫn còn hơi giống thạch, và nếu một ai đó ấn vào da họ, lỗ hổng sẽ tồn tại trong một thời gian dài trước khi tự lấp đầy. Họ có các xương sơ khai — có lẽ là sụn nhiều hơn xương, nhưng họ không đủ cứng để đứng, và do đó họ nằm lăn lóc trong lớp bùn mềm ấm dọc theo các dòng sông.

Mars had much more water then that it has now, and much of the country was pretty, though the vegetation was peculiar. The atmosphere was what we should now consider unbreathable—full of chlorine and quite suffocating. All the animal archetypes were brought down in this round, though many of them were not worked out until the middle of our present round.

Sao Hỏa khi đó có nhiều nước hơn nhiều so với hiện tại, và nhiều vùng đất rất đẹp, mặc dù thảm thực vật khá kỳ lạ. Bầu không khí là loại mà chúng ta hiện cho là không thể thở được — đầy clo và hoàn toàn ngột ngạt. Tất cả các nguyên hình động vật được đưa xuống trong cuộc tuần hoàn này, mặc dù nhiều loài chưa được phát triển cho đến giữa cuộc tuần hoàn hiện tại của chúng ta.

On the earth in the third round great changes took place. Even from the beginning men were more compact and began to try to stand upright, though they were still shaky and uncertain, and always fell back to all-fours when pursued or frightened. They began to have hair and bristles upon the body, but they were still loose and flabby. Their skins were dark and their faces scarcely human; strangely flattened with eyes small and set curiously far apart, so that they could see sideways as well as in front. They had the lower jaw very heavily developed, and practically no forehead, but just a roll of flesh like a sausage where the forehead should have been, the whole head sloping backwards curiously.

Trên Trái Đất trong cuộc tuần hoàn thứ ba đã có những thay đổi lớn. Ngay từ đầu, con người đã cô đọng hơn và bắt đầu cố gắng đứng thẳng, mặc dù họ vẫn còn rung lắc và không ổn định, và luôn rơi trở lại tư thế bò khi bị truy đuổi hoặc sợ hãi. Họ bắt đầu có lông và cứng trên cơ thể, nhưng vẫn còn lỏng lẻo và mềm nhũn. Da họ sẫm màu và khuôn mặt hầu như không giống người; phẳng kỳ lạ với đôi mắt nhỏ và đặt cách xa nhau một cách kỳ lạ, đến mức họ có thể nhìn ngang cũng như nhìn phía trước. Họ có xương hàm dưới phát triển mạnh mẽ và hầu như không có trán, chỉ có một cuộn thịt giống như một khúc xúc xích thay cho trán, và cả đầu ngả về phía sau một cách kỳ lạ.

The arms were much longer in proportion than ours, and could not be perfectly straightened at the elbows, a difficulty which existed with the knees also. The hands and

Cánh tay của họ dài hơn nhiều so với tỷ lệ của chúng ta và không thể duỗi thẳng hoàn toàn ở khuỷu tay, một khó khăn cũng tồn tại ở đầu gối. Bàn tay và bàn chân họ to lớn và biến dạng,

feet were enormous and misshapen, and the heels projected backwards almost as much as the toes did forwards, so that the man was able to walk backwards as rapidly and certain as in the other direction. This curious form of progress was facilitated by the possession of the third eye at the back of the head, which still remains to us in a rudimentary form as the pineal gland.

và gót chân nhô ra phía sau gần như bằng ngón chân ra phía trước, khiến con người có thể đi lùi nhanh chóng và chắc chắn như khi đi về phía trước. Hình thức tiến bộ kỳ lạ này được hỗ trợ bởi con mắt thứ ba ở sau đầu, vẫn tồn tại dưới dạng cơ quan tuyến tùng của chúng ta.

Even yet men had scarcely any reason, but only passions and instincts. They knew nothing about fire, and were unable to count. They ate chiefly certain slimy creatures of reptilian nature, but they also dug up and ate some kind of primitive truffle, and I have seen them tearing off the tops of gigantic tree-ferns in order to eat the seeds.

Thậm chí cho đến lúc này, con người vẫn hầu như không có lý trí, chỉ có đam mê và bản năng. Họ không biết gì về lửa và không thể đếm. Họ chủ yếu ăn những sinh vật nhầy nhụa có tính chất bò sát, nhưng họ cũng đào và ăn một loại nấm truffle sơ khai nào đó, và tôi đã thấy họ xé rời các ngọn dương xỉ khổng lồ để ăn hạt của chúng.

Towards the middle of the occupation of this planet the separation of the sexes took place, and soon after that the second order of moon-men began to come into incarnation. They were in the first place born of the existing humanity, but they soon established a new type for themselves, becoming smaller, more compact, lighter in colour and generally speaking much more what we should now call human in appearance.

Vào khoảng giữa thời kỳ cư trú trên hành tinh này, sự phân tách giới tính đã diễn ra, và ngay sau đó, loại người-thú mặt trăng thứ hai bắt đầu nhập thể. Ban đầu, họ được sinh ra từ nhân loại hiện có, nhưng nhanh chóng thiết lập một loại hình mới cho mình, trở nên nhỏ hơn, đậm đặc hơn, da sáng màu hơn, và nhìn chung có vẻ ngoài giống con người hơn theo cách chúng ta sẽ gọi ngày nay.

There was constant war between them and the earlier and more gigantic inhabitants, who caught and ate them whenever opportunity offered, but the later arrivals, having much more intellect, were presently able to dominate their gigantic congeners, and to keep them in some sort of order. Indeed, practically the whole of the world presently passed into their control, and the earlier races had either to adapt themselves to the more civilized life or to be driven off into the less

Giữa họ và những cư dân khổng lồ và có mặt từ trước luôn diễn ra chiến tranh, những kẻ khổng lồ thường bắt và ăn họ khi có cơ hội, nhưng những người mới đến, vì thông minh hơn nhiều, đã sớm có thể thống trị những người khổng lồ đồng loại của mình và giữ họ trong một trật tự nhất định. Thực tế, gần như toàn bộ thế giới đã nhanh chóng rơi vào sự kiểm soát của họ, và các giống dân trước đó buộc phải thích nghi với đời sống văn minh hơn hoặc bị đẩy ra các vùng ít thuận lợi hơn.

desirable parts of the country.

The world was still far from being as quiescent as at the present time. Earthquakes and volcanic outbursts were still painfully common, and life was distinctly precarious. The configuration of the land was entirely different, and mountains seem to have attained stupendous heights, unknown to us now. There were enormous waterfalls, and great whirlpools were also common.

Thế giới vẫn còn cách xa sự ổn định như hiện tại. Động đất và núi lửa phun trào vẫn còn khá phổ biến, và cuộc sống thì rõ ràng là bấp bênh. Cấu trúc của đất đai hoàn toàn khác, và dường như các ngọn núi đạt đến những độ cao đáng kinh ngạc mà hiện nay không còn tồn tại. Có những thác nước khổng lồ, và những xoáy nước lớn cũng thường gặp.

When the race passed on to Mercury we find on the whole a decided improvement. Much more affection appeared, and men showed distinct traces of unselfishness, sharing their food instead of snarling over it as they had frequently done at the earlier stages. The presence of the moon-men had given a great impetus to progress, and though the bulk of humanity were still very animal and undeveloped, traces of co-operation and rudimentary civilization already began to appear. There is not much to be said with regard to the sixth and seventh planets, so we will turn to the consideration of our present fourth round.

Khi giống dân này tiến tới sao Thủy, chúng ta thấy rõ ràng một sự cải thiện lớn. Có nhiều tình cảm hơn, và con người bắt đầu biểu hiện những dấu hiệu của sự vị tha, chia sẻ thức ăn thay vì gầm gừ tranh giành như họ thường làm ở các giai đoạn trước. Sự hiện diện của những người-thú mặt trăng đã tạo ra một động lực lớn cho sự tiến bộ, và mặc dù phần lớn nhân loại vẫn còn rất động vật và chưa phát triển, những dấu vết của sự hợp tác và văn minh sơ khai đã bắt đầu xuất hiện. Không có nhiều điều để nói về các hành tinh thứ sáu và thứ bảy, vì vậy chúng ta sẽ chuyển sang xem xét cuộc tuần hoàn thứ tư hiện tại của chúng ta.

On globe A in this fourth round mind became definite on the lower mental level, and so we may say that in this round man began really to think. The result at first was by no means good. In the previous rounds he had not been sufficiently developed to originate thought-forms to any great extent, and so the elemental essence of the globes had been affected only by the thoughts of the devas, which left everything harmonious and peaceful. Now that man began to interject his selfish and jarring thoughts, this comfortable condition was very largely disturbed. Strife,

Trên bầu hành tinh A trong cuộc tuần hoàn thứ tư này, trí tuệ đã trở nên rõ ràng ở cấp độ trí tuệ thấp, vì vậy chúng ta có thể nói rằng trong cuộc tuần hoàn này, con người đã thực sự bắt đầu suy nghĩ. Ban đầu, kết quả không mấy tốt đẹp. Trong các cuộc tuần hoàn trước, con người chưa phát triển đủ để tạo ra các hình tư tưởng ở mức độ lớn, và vì vậy các tinh chất hành khí của các bầu hành tinh chỉ bị ảnh hưởng bởi suy nghĩ của các thiên thần, khiến mọi thứ hài hòa và yên bình. Giờ đây, khi con người bắt đầu xen vào những ý nghĩ ích kỷ và gây xáo trộn, trạng thái yên bình này đã bị ảnh

unrest and disharmony were introduced, and the animal kingdom drew decisively apart from man, and began to feel fear and hatred towards him.

hưởng rất nhiều. Sự xung đột, bất ổn và bất hòa được đưa vào, và giới động vật tách ra hoàn toàn khỏi con người, bắt đầu cảm thấy sợ hãi và thù địch với con người.

All the archetypes for humanity were brought down at the beginning of this round—among others, archetypes of races which have not yet come into existence. From examining these it is possible to see what the men of the future will be like. They will have finer vehicles in every way, and will be distinctly more beautiful in appearance, expressing in their forms the spiritual forces.

Tất cả các nguyên hình cho nhân loại đã được đưa xuống vào đầu cuộc tuần hoàn này — trong đó có những nguyên hình của các giống dân chưa xuất hiện. Từ việc xem xét các nguyên hình này, có thể thấy con người của tương lai sẽ như thế nào. Họ sẽ có những thể tinh tế hơn mọi mặt và rõ ràng sẽ đẹp hơn nhiều, thể hiện trong hình dạng của họ các lực lượng tinh thần.

When the life-wave reached Mars in this fourth round, it found in possession of the planet, besides the ordinary seed-humanity, another and most unpleasant race, which is spoken of in The Secret Doctrine as the "water-men, terrible and bad." They were descended from the type which had been left behind in the previous round as not fit to make progress, and they had since then been engaged in developing the evil side of their nature. They were the usual half-reptile, half-ape, but with a horrible tarantula-like appearance about the eyes, and a fiendish delight in cruelty and evil. They seem also to have had a certain amount of low-class mesmeric power, and were a kind of primitive edition of the Malakurumbas as described by Madame Blavatsky in her account of the hill tribes of the Nilgiris.

Khi làn sóng sự sống đến sao Hỏa trong cuộc tuần hoàn thứ tư này, nó đã gặp phải trên hành tinh này, ngoài giống nhân loại hạt giống thông thường, một giống dân khác vô cùng khó chịu, được nhắc đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* như là "người-nước, đáng sợ và xấu xa." Họ là hậu duệ của loại hình đã bị bỏ lại trong cuộc tuần hoàn trước vì không đủ điều kiện để tiến bộ, và kể từ đó họ đã phát triển mặt ác trong bản chất của mình. Họ là sự kết hợp nửa bò sát, nửa vượn, nhưng có vẻ ngoài khủng khiếp giống nhện độc về mắt, và vui sướng một cách ma quái trong việc tàn ác và ác độc. Họ dường như cũng có một mức độ sức mạnh thôi miên cấp thấp và là một loại phiên bản nguyên thủy của bộ lạc Malakurumba được Madame Blavatsky mô tả trong câu chuyện của bà về các bộ lạc trên núi Nilgiris.

When the life-wave came around, the incoming humanity soon established itself sufficiently strongly to free itself from the fear of these monstrous savages. It was to resist possible attacks from them that the first fortifications were erected by man, and it was also to be able to defeat their malignity that

Khi làn sóng sự sống đến, nhân loại mới đến sớm thiết lập đủ quyền lực để tự giải thoát khỏi nỗi sợ hãi trước những tên man rợ kinh khủng này. Chính để chống lại các cuộc tấn công có thể từ chúng mà những công sự đầu tiên được dựng lên bởi con người, và cũng là để có thể đánh bại sự độc ác của chúng mà con người lần

men began first to build primitive cities and live together in considerable numbers. At first they built them principally of wood and mud, though sometimes of piles of unhewn stone.

đầu tiên bắt đầu xây dựng các thành phố sơ khai và sống cùng nhau với số lượng đáng kể. Lúc đầu, họ chủ yếu xây dựng các công trình từ gỗ và bùn, mặc dù đôi khi từ những đống đá thô chưa đẽo gọt.

At this period some of the Lords of the Moon incarnated among them and taught them many things—among others the use of fire, which, however, they did not yet know how to produce for themselves. The greater Beings lighted their fires for them, and then they kept them perpetually alight. Very early a stringent law was made that a public fire should always be kept burning in a building specially dedicated to it, and the young girls who could not as yet either work or fight were usually left to watch it. From this no doubt arose the first idea of a sacred fire ever to be kept burning as a religious duty, and of the appointment of vestal virgins to guard it.

Trong thời kỳ này, một số Chúa tể của Mặt trăng đã nhập thể trong số họ và dạy họ nhiều điều — trong đó có cả cách sử dụng lửa, mà tuy nhiên họ vẫn chưa biết cách tự tạo ra. Các Đấng vĩ đại nhóm lửa cho họ, và họ giữ cho nó cháy mãi. Rất sớm, một quy định nghiêm ngặt được đặt ra rằng một ngọn lửa công cộng phải luôn được duy trì trong một tòa nhà dành riêng cho nó, và những cô gái trẻ chưa thể làm việc hoặc chiến đấu thường được giao nhiệm vụ canh giữ nó. Không nghi ngờ gì, từ đây nảy sinh ý tưởng đầu tiên về một ngọn lửa thiêng liêng luôn phải được giữ cháy như một bổn phận tôn giáo và việc bổ nhiệm các nữ trinh để canh giữ nó.

Sometimes, however, it happened that, from a great flood or tempest or some other catastrophe, a whole district was left for a time without fire, and then the people often had to travel far in order to obtain and carry back to their homes this prime necessity. Some bold spirit conceived the idea of obtaining fire in such an emergency from the crater of a volcano, and many lives were at one time and another lost in such attempts. This was in the fourth root-race.

Tuy nhiên, đôi khi, vì một trận lũ lớn, bão hoặc thảm họa nào đó, cả một khu vực bị mất lửa trong một thời gian, và khi đó người dân thường phải đi xa để lấy và mang về nhà thứ thiết yếu này. Một người dũng cảm nào đó đã nảy ra ý tưởng lấy lửa trong trường hợp khẩn cấp từ miệng núi lửa, và nhiều người đã mất mạng vào một thời điểm hoặc lúc khác trong những nỗ lực như vậy. Đây là trong giống dân chánh thứ tư.

The men of the fifth root-race were comparatively advanced, for they built their houses of hewn stone, though without mortar. They were a proud and warlike people, but had some curious ideas. They appear to have had no initiative whatever, and they regarded anything new with horror, as

Người của giống dân chánh thứ năm tương đối tiến bộ, vì họ xây nhà bằng đá đẽo, dù không có vữa. Họ là một dân tộc kiêu hãnh và hiếu chiến, nhưng lại có những ý tưởng kỳ lạ. Họ dường như không có sáng kiến gì và xem bất cứ điều gì mới là vô cùng đạo đức suy đồi và ghê tởm. Họ thiếu kiên nhẫn, và vẫn có rất ít

exceedingly immoral and repulsive. They had no perseverance, and even yet but little reasoning capacity. Everything was done on impulse, and nothing was under control in any way, so long only as it was nothing new. Yet in many ways they would compare favourably with some races which exist on earth now.

khả năng suy luận. Mọi việc đều được làm theo bản năng, và không có gì bị kiểm soát, miễn là đó không phải điều mới mẻ. Tuy vậy, theo nhiều cách, họ có thể được so sánh một cách tích cực với một số giống dân hiện đang tồn tại trên Trái Đất.

The men of the sixth race were a much more powerful set of people, with a considerable amount of will and determination. They soon dominated the fifth, taking up its civilisation and carrying it much further. They succeeded in subduing the whole of the planet and brought it under one rule, although the enormous majority of its inhabitants belonged to the fifth race. These people had much more mind than the others, and possessed some inventive genius, but it was their tendency to do everything by fits and starts, and not take up a piece of work and carry it through. There was some psychic development among them, but it was usually uncontrolled. Want of control, in fact, was a permanent characteristic of this Martian civilisation. Everything was erratic, even though the people were capable in certain ways.

Người của giống dân thứ sáu mạnh mẽ hơn rất nhiều, với một ý chí và quyết tâm đáng kể. Họ nhanh chóng thống trị giống dân thứ năm, tiếp nhận nền văn minh của giống này và phát triển nó xa hơn nhiều. Họ đã thành công trong việc khuất phục toàn bộ hành tinh và đưa nó vào một chế độ thống nhất, mặc dù phần lớn dân số thuộc về giống dân thứ năm. Những người này có tư duy cao hơn những người khác và có một chút tài năng sáng tạo, nhưng xu hướng của họ là làm mọi việc một cách đứt quãng và không hoàn thành một công việc nào một cách trọn vẹn. Họ có một chút phát triển tâm linh, nhưng thường là thiếu kiểm soát. Thực tế, thiếu kiểm soát là một đặc điểm lâu dài của nền văn minh trên sao Hỏa này. Mọi thứ đều không ổn định, mặc dù những người này có khả năng nhất định theo một số cách.

The people of the seventh race in turn got the power into their hands, not by force, but rather by superior mental development and cunning. They were not so warlike as the sixth, and they were always smaller in number, but they knew more in many ways than the sixth. They were coming nearer to modern ideas; they had a more definite sense of right and wrong; they were less fierce and more law-abiding; they had a definite policy and lived according to it.

Người của giống dân thứ bảy lần lượt nắm quyền lực vào tay, không phải bằng vũ lực, mà bằng sự phát triển trí tuệ vượt trội và mưu lược. Họ không hiếu chiến như giống dân thứ sáu và luôn có số lượng ít hơn, nhưng họ biết nhiều hơn theo nhiều cách so với giống dân thứ sáu. Họ đến gần hơn với các ý tưởng hiện đại; họ có ý thức rõ ràng về đúng và sai; họ ít hung hăng hơn và tuân thủ luật pháp nhiều hơn; họ có một chính sách rõ ràng và sống theo đó.

Their supremacy was entirely intellectual, and they possessed to a high extent the art of combination. Their social polity seems to have been something like that of ants or bees, and in some ways they would compare favourably with many races of the present day. It was in this race that we first noticed writing as a fairly common accomplishment They knew something of art, for they had both statues and pictures, though totally different in every way from ours. They were also the first race who took the trouble to make good roads.

Quyền lực của họ hoàn toàn là trí tuệ, và họ sở hữu nghệ thuật phối hợp ở mức độ cao. Hệ thống xã hội của họ dường như tương tự như của loài kiến hoặc ong, và theo một số cách, họ có thể được so sánh tích cực với nhiều giống dân ngày nay. Chính trong giống dân này, lần đầu tiên chúng tôi nhận thấy việc viết lách trở nên phổ biến. Họ biết một chút về nghệ thuật, vì họ có cả tượng và tranh, mặc dù hoàn toàn khác với chúng ta. Họ cũng là giống dân đầu tiên chú trọng đến việc làm đường tốt.

I believe that I have already explained why the earlier races of our present world-period differ from all the rest. We were in fact recapitulating the first, second and third rounds for the benefit of those monads who, though considerably behind the rest, could by a special effort of this sort be helped to overtake them. During the third root-race was repeated all that had happened in the middle of the third round—the materialisation of men on to the physical plane and their separation into sexes. After this had been fully achieved, and a reasonable continuity of form had been arrived at, a number of special efforts were made, by the authorities in charge of the evolution, to consolidate humanity and set it definitely on its way to the higher spiritual advancement which lies before it on the upward arc of the chain.

Tôi tin rằng mình đã giải thích lý do vì sao các giống dân đầu tiên của chu kỳ thế giới hiện tại của chúng ta khác biệt với tất cả các giống dân còn lại. Thực tế, chúng ta đang lặp lại các cuộc tuần hoàn thứ nhất, thứ hai và thứ ba nhằm giúp đỡ những chân ngã còn tụt hậu nhiều so với phần còn lại, nhưng có thể theo kịp nhờ vào một nỗ lực đặc biệt như vậy. Trong giống dân chánh thứ ba, toàn bộ những gì đã xảy ra ở giữa cuộc tuần hoàn thứ ba được lặp lại — sự hiện hình của con người trên cõi trần và sự phân hóa thành giới tính. Sau khi điều này được hoàn thành và đạt đến sự ổn định hình tướng hợp lý, nhiều nỗ lực đặc biệt đã được thực hiện bởi các quyền lực chịu trách nhiệm về tiến hóa nhằm củng cố nhân loại và đặt nó vào con đường tiến hóa tinh thần cao hơn đang chờ đợi ở cung bậc thăng tiến của dãy hành tinh.

The first step was the descent of seven of the leading Lords of the Moon, in order to provide vehicles for the seven great types or rays of men. We are told in The Secret Doctrine how each stood on his own lot, and cast off shadows which were inhabited by the men of the lower race. This somewhat mystical statement means simply that these great men

Bước đầu tiên là sự giáng trần của bảy trong số những Chúa tể mặt trăng hàng đầu, nhằm cung cấp các thể cho bảy loại hay cung lớn của nhân loại. Trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, chúng ta được kể rằng mỗi vị đứng ở vị trí của mình và tạo ra các bóng dáng, những bóng dáng này được con người của giống dân thấp hơn cư ngụ. Lời tuyên bố có phần huyền bí này đơn

duplicated, by an effort of the will, their own etheric doubles; in fact, they materialised round themselves an additional etheric double, made it permanent and then stepped out of it.

giản có nghĩa rằng những vĩ nhân này, bằng một nỗ lực ý chí, đã tạo ra các thể dĩ thái kép của chính họ; thực tế, họ hiện hình quanh mình một thể dĩ thái kép bổ sung, làm cho nó trở nên vĩnh viễn và sau đó bước ra khỏi thể đó.

The other entities of lower race who were just being brought down to the physical level eagerly seized upon these vehicles, entered them and tried to use them. Not being yet fully adapted to them, they found it difficult to maintain their position, and were constantly slipping out. As soon as this happened, some other entity would seize the etheric body, and slip into it as though it were an overcoat, only presently to find it slipping from him in turn, and to see it seized by somebody else. Many of these etheric doubles were made, and by degrees the less developed people learnt how to inhabit them permanently, so that the process of further materialisation could be undertaken, and in this way gradually bodies were produced which served to express the seven great types and their sub-types.

Các thực thể của giống dân thấp hơn đang được đưa xuống cõi trần đã hào hứng nắm lấy những thể này, nhập vào và cố gắng sử dụng chúng. Do chưa hoàn toàn thích nghi, họ gặp khó khăn trong việc duy trì vị trí của mình và thường xuyên trượt ra khỏi các thể này. Mỗi khi điều này xảy ra, một thực thể khác sẽ nhanh chóng chộp lấy thể dĩ thái và bước vào, giống như mặc vào một chiếc áo khoác, nhưng sau đó lại thấy nó trượt khỏi mình và bị một ai khác chiếm lấy. Nhiều thể dĩ thái kép đã được tạo ra, và dần dần những người ít phát triển hơn học cách ở lại trong chúng một cách vĩnh viễn, từ đó quá trình hiện hình thêm nữa có thể được tiến hành, và theo cách này, dần dần các thể được sản sinh ra để biểu hiện bảy loại lớn và các loại phụ của chúng.

The bodies of the children of these entities were by no means equal to those of their fathers, but still certain types were established, and however much the forms deteriorated they were still habitable. As soon as these lines were definite the special classes of monads from the moon, who had been individualised at an earlier stage for the purpose, were brought down to take possession of them. These were the three classes who had been individualised on globes A, B and C of the lunar chain, and I have already described how the first of these classes, the orange-coloured group, refused to do its duty precisely because the forms were

Các thể của con cái của những thực thể này không thể so sánh với của cha mẹ họ, nhưng một số loại hình nhất định đã được thiết lập, và cho dù hình tướng có thoái hóa bao nhiêu thì vẫn có thể cư ngụ được. Khi các dòng này đã được xác định, các lớp chân ngã đặc biệt từ mặt trăng, đã được biệt ngã hóa ở giai đoạn trước cho mục đích này, được đưa xuống để chiếm hữu chúng. Đây là ba lớp đã được biệt ngã hóa trên các bầu hành tinh A, B và C của dãy mặt trăng, và tôi đã mô tả cách mà lớp đầu tiên trong số này, nhóm có màu cam, từ chối làm nhiệm vụ của mình chỉ vì các hình tướng vẫn ở trong tình trạng không thỏa đáng. Vì sự từ chối này, các hình tướng dành cho họ phải

still in so unsatisfactory a condition. Because of this refusal the forms destined for them had to be occupied by an altogether lower class; and the consequence was that, instead of maintaining the advancement which had been gained by so much effort, the forms were allowed to drop back again into a condition even worse than before. Their undeveloped possessors even intermingled with some of the animal forms. This is what Madame Blavatsky called the sin of the mindless, and the result of it gave us various types of anthropoid apes.

bị chiếm hữu bởi một lớp thấp hơn hoàn toàn; và hậu quả là, thay vì duy trì sự tiến bộ đã đạt được bằng nhiều nỗ lực, các hình tướng đã được cho phép tụt lại về một trạng thái còn tồi tệ hơn trước. Những người sở hữu thiếu phát triển thậm chí còn giao thoa với một số hình tướng động vật. Đây là điều mà Madame Blavatsky gọi là "tội lỗi của những kẻ không trí tuệ," và kết quả của nó là tạo ra các loại hình vượn người khác nhau.

The fifth, sixth, and seventh subraces of the third root-race were much more what we should now call human than their predecessors. The description previously given of a third-round man would fit aptly enough the man of the fifth Lemurian subrace. These have been often spoken of as the egg-headed people, from the resemblance of their skulls to an egg with the small end up. They had still but little forehead, and the eyes were set near the top of the egg.

Các phân giống thứ năm, thứ sáu và thứ bảy của giống dân chánh thứ ba có vẻ con người hơn nhiều so với các giống tiền nhiệm. Mô tả về một con người trong cuộc tuần hoàn thứ ba phù hợp khá nhiều với con người của phân giống Lemuria thứ năm. Những người này thường được gọi là người đầu trứng, vì hình dáng hộp sọ của họ giống như một quả trứng với đầu nhỏ hướng lên trên. Họ vẫn có rất ít trán, và đôi mắt được đặt gần đỉnh của quả trứng.

The men of the sixth subrace were chiefly remarkable for their colour. They were no longer black or brown-black like the fifth subrace, but blue-black shading towards the end of the race into a distinct but rather livid blue.

Người của phân giống thứ sáu chủ yếu nổi bật bởi màu sắc của họ. Họ không còn đen hay nâu đen như phân giống thứ năm, mà là xanh đen, chuyển dần về cuối giống dân thành một màu xanh nhợt nhạt rõ ràng nhưng hơi tái.

The seventh subrace, beginning as grey-blue, passed down through various greyish shades into a kind of grey-white. A fair idea of the type of their faces may be obtainable from the statues which they themselves erected, some few of which still remain upon Easter Island. They had long horse-like faces, the trip of the nose being at first above the centre, and at the

Phân giống thứ bảy, bắt đầu với màu xám xanh, chuyển dần qua các sắc thái xám khác nhau thành một loại màu xám trắng. Một ý niệm hợp lý về loại khuôn mặt của họ có thể được lấy từ các tượng đài mà họ tự dựng lên, một số ít trong đó vẫn còn tồn tại trên đảo Phục Sinh. Họ có khuôn mặt dài như ngựa, với sống mũi ban đầu ở trên trung tâm, và vào

end of the race exactly in the centre, of a line drawn from the top of the forehead to the chin. The forehead was still a mere roll of bone, though growing a little higher towards the end of the subrace. They had thick clumsy lips and broad and flat noses, characteristics which have survived in a less aggravated form among the negroes who are perhaps now their nearest representatives.

cuối giống dân này thì ở đúng trung tâm của một đường thẳng từ đỉnh trán đến cằm. Trán vẫn chỉ là một cuộn xương, mặc dù cao hơn một chút về cuối của phân giống. Họ có đôi môi dày, thô kệch và mũi rộng, phẳng, những đặc điểm còn tồn tại ở một mức độ nhẹ hơn trong số những người da đen, có lẽ là đại diện gần nhất của họ ngày nay.

No race of pure Lemurian blood now exists; though the pigmies of Central Africa appear to represent a long-isolated fragment of the fourth subrace, decreased to their present stature during millions of years in accordance with that curious law which appears to impose diminution of size upon the last relics of a dying race. Most negro tribes have a considerable admixture of Atlantean blood; in the case of the Zulus, for example, we have in general build and bearing a close representative of the Tlavatli subrace of the Atlanteans, although the colour and some of the faces are Lemurian. The men of this seventh subrace were great builders in a rough cyclopean fashion, and they had also a certain rude idea of art.

Không có giống dân nào mang dòng máu Lemuria thuần khiết còn tồn tại; mặc dù những người lùn ở Trung Phi dường như là một mảnh vỡ của phân giống thứ tư, đã thu nhỏ lại kích thước hiện tại qua hàng triệu năm theo quy luật kỳ lạ mà dường như áp đặt sự giảm kích thước lên những tàn dư cuối cùng của một giống dân sắp tuyệt chủng. Hầu hết các bộ lạc da đen đều có sự pha trộn đáng kể của dòng máu Atlantis; trong trường hợp của người Zulu, chẳng hạn, hình dáng và phong thái chung là đại diện khá gần gũi của phân giống Tlavatli của người Atlantis, mặc dù màu sắc và một số khuôn mặt có nguồn gốc Lemuria. Những người của phân giống thứ bảy này là những thợ xây dựng vĩ đại theo kiểu thô sơ, và họ cũng có một ý tưởng sơ khai về nghệ thuật.

It was during the period of this third root-race that there occurred one of the greatest events connected with human evolution—the descent of the Lords of the Flame from Venus. It has already been mentioned that Venus is considerably further advanced in evolution than our earth-chain, and in consequence of that fact many of her adepts are able to move freely about the solar system, and to go and offer assistance wherever it is needed.

Trong thời kỳ của giống dân chánh thứ ba này đã diễn ra một trong những sự kiện vĩ đại nhất liên quan đến sự tiến hóa của nhân loại — sự giáng trần của các Chúa tể Ngọn Lửa từ sao Kim. Như đã đề cập trước đó, sao Kim tiến hóa xa hơn dãy hành tinh địa cầu của chúng ta rất nhiều, và vì thế, nhiều vị chân sư của họ có thể di chuyển tự do khắp hệ mặt trời, và đến trợ giúp bất cứ nơi nào cần thiết.

The determined effort had been made to bring

Một nỗ lực quyết tâm đã được thực hiện để

up the backward members of our humanity, by affording the additional opportunity to those who needed it of running once more through such evolution as the first, second and third rounds can give; and when that was over this further tremendous stimulus of the descent of these Great Ones was brought to bear as a final effort, to individualise as large a number as possible of the more backward entities before what is called "the shutting of the door," the period when for the sake of further evolution no more entities could be admitted from the animal kingdom into the human.

nâng đỡ các thành viên tụt hậu trong nhân loại của chúng ta, bằng cách mang lại cơ hội bổ sung cho những ai cần nó để tiến hóa thêm một lần nữa qua các cuộc tuần hoàn thứ nhất, thứ hai và thứ ba. Khi điều này hoàn tất, một động lực lớn lao khác được đưa ra với sự giáng trần của các Đấng Vĩ Đại, như là nỗ lực cuối cùng để biệt ngã hóa càng nhiều càng tốt các thực thể kém phát triển hơn trước thời điểm được gọi là "việc đóng cánh cửa," tức là khi không còn thực thể nào từ giới động vật có thể được chấp nhận vào nhân loại vì mục đích tiến hóa tiếp theo.

This band of Great Ones then arrived from Venus and at once took charge of evolution. Their Leader is called in Indian books Sanat Kumara, and with Him came three lieutenants and some five and twenty other adepts as assistants. About a hundred ordinary human beings who were in some way affiliated to these Great Ones, or perhaps had been individualised by Them, were also brought over from Venus, and merged into the ordinary humanity of the earth.

Đoàn các Đấng Vĩ Đại này sau đó đến từ sao Kim và ngay lập tức đảm nhận trách nhiệm tiến hóa. Vị Lãnh Đạo của họ được gọi trong các sách Ấn Độ là Sanat Kumara, và cùng Ngài là ba phó tướng và khoảng hai mươi lăm chân sư khác hỗ trợ. Khoảng một trăm con người bình thường, có mối liên hệ đặc biệt nào đó với các Đấng Vĩ Đại này hoặc có lẽ đã được biệt ngã hóa bởi các Ngài, cũng được đưa từ sao Kim đến và hòa nhập vào nhân loại bình thường của Trái Đất.

It is these Great Ones who are spoken of in The Secret Doctrine as projecting the spark into the mindless men and awakening the intellect within them. We must not allow ourselves to be misled by this rather curious expression into supposing that the Lords threw some part of Themselves into the human bodies. They acted rather in the nature of a magnetic stimulus; They shone upon the people as the sun shines upon flowers, and drew them up towards Themselves, and so enabled them to develope the latent spark and to become individualised.

Chính các Đấng Vĩ Đại này đã được đề cập trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* là những người đã khơi dậy tia lửa trong những người vô trí và đánh thức trí tuệ trong họ. Chúng ta không nên để mình bị hiểu sai bởi cách diễn đạt hơi kỳ lạ này mà nghĩ rằng các Đấng đã ném một phần của các Ngài vào các thân thể con người. Họ hoạt động giống như một kích thích từ trường; họ chiếu sáng con người như mặt trời chiếu lên hoa, và kéo con người lên gần với các Ngài, nhờ đó họ phát triển được tia lửa tiềm ẩn và trở thành cá thể hóa.

Another point worthy of notice is that none of the Lords from Venus took incarnation in our humanity at all. They did not (and indeed could not) take human bodies; They build for Themselves instead vehicles like the highest ideals of the human form in appearance, yet absolutely unlike it in that they were uninfluenced by time and incapable of change or decay. I have myself seen several of these marvellous vehicles, and although they have been worn upon this earth for sixteen million years they still remain precisely as on the day when they were made. They must be regarded as a kind of permanent materialisation; bodies built like statues, and yet to the sight and the touch presenting the appearance of ordinary living men.

Một điểm đáng chú ý khác là không có Chúa tể nào từ sao Kim nhập thể trong nhân loại của chúng ta. Họ không (và thực tế là không thể) lấy thân thể con người; thay vào đó, các Ngài tạo ra cho mình các thể có hình dáng giống những lý tưởng cao nhất của hình dạng con người, nhưng hoàn toàn khác biệt ở chỗ chúng không bị ảnh hưởng bởi thời gian và không thể thay đổi hay hủy hoại. Chính bản thân tôi đã thấy một số thể tuyệt diệu này, và mặc dù chúng đã được sử dụng trên Trái Đất trong mười sáu triệu năm, chúng vẫn giữ nguyên như vào ngày đầu tiên chúng được tạo ra. Chúng phải được coi như một dạng hiện hình vĩnh viễn; các thể được xây dựng như những bức tượng, nhưng với hình dạng và xúc giác giống như những người sống bình thường.

I know that in The Secret Doctrine Madame Blavatsky mentions some of the sons of mind, who came to this earth to help, as incarnating among the people whom they were trying to benefit; but she applies this title to the Lords of the Moon as well as to the Lords of the Flame, and it was the former only who entered into ordinary human bodies and so for the time became part of another race. The great Lords of the Flame have done Their work long ago, and most of Them have passed away from us to take up Their tasks elsewhere. Only a very few still remain with us, holding some of the highest offices of the Hierarchy which works for the good of humanity.

Tôi biết rằng trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* Madame Blavatsky nhắc đến một số người con của trí tuệ, những người đến Trái Đất để giúp đỡ, đã nhập thể trong số những người mà họ đang cố gắng hỗ trợ; nhưng bà áp dụng danh hiệu này cho cả các Chúa tể Mặt trăng và Chúa tể Ngọn lửa, và chỉ có những Chúa tể Mặt trăng là đã nhập vào các thân thể con người bình thường và do đó tạm thời trở thành một phần của một giống dân khác. Các Chúa tể Vĩ Đại của Ngọn lửa đã hoàn thành công việc của họ từ rất lâu, và hầu hết trong số họ đã rời khỏi chúng ta để đảm nhiệm các nhiệm vụ khác ở nơi khác. Chỉ có rất ít người vẫn còn ở lại với chúng ta, giữ một số chức vụ cao nhất của Thánh đoàn làm việc vì lợi ích của nhân loại.

But for the help kindly given to us by these great Leaders the world would have been a very different place to-day. Without Them not only would millions, who became human under the impetus which They gave, be still in the animal kingdom, but all the rest of

Nếu không có sự giúp đỡ tốt lành từ các Vị Lãnh Đạo vĩ đại này, thế giới ngày nay sẽ hoàn toàn khác biệt. Không có các Ngài, không chỉ hàng triệu người, những người đã trở thành con người nhờ động lực mà các Ngài mang lại, vẫn sẽ còn ở trong giới động vật, mà tất cả

humanity would be far behind the position in which it now stands. This fourth round is that which is especially destined to the development of the desire-principle in man; it is only in the next or fifth round that he is intended to devote himself to the unfolding of the intellect. Owing, however, to the stimulus given by the Lords of the Flame the intellect has already been considerably developed, and we are therefore for a whole round in advance of where we should have been but for Their help. At the same time it should be said that the intellect of which we are now so proud is infinitesimal compared to that which the average man will possess at the culminating point of the next or fifth round.

phần còn lại của nhân loại sẽ tụt hậu xa so với vị trí hiện tại. Cuộc tuần hoàn thứ tư này đặc biệt dành cho sự phát triển của nguyên lý dục vọng trong con người; chỉ đến cuộc tuần hoàn tiếp theo hoặc thứ năm, con người mới bắt đầu tận tâm phát triển trí tuệ. Tuy nhiên, nhờ động lực được các Chúa tể Ngọn lửa mang lại, trí tuệ đã được phát triển đáng kể, và vì thế chúng ta đi trước một cuộc tuần hoàn so với vị trí đáng lẽ phải có nếu không có sự trợ giúp của các Ngài. Đồng thời, cũng nên nói rằng trí tuệ mà chúng ta hiện rất tự hào vẫn còn vô cùng nhỏ bé so với trí tuệ mà con người trung bình sẽ sở hữu vào thời điểm đỉnh cao của cuộc tuần hoàn tiếp theo hoặc thứ năm.

Among other plans for the helping on of evolution, the Lords of the Flame brought from Their planet certain additions to our kingdoms. They imported wheat as a specially desirable food-stuff for humanity, and they also brought in bees and ants—the former to modify the vegetable kingdom and assist in the fertilisation of flowers, as well as to provide a pleasant and nutritious addition to human food. It will be noted that both bees and ants live in a manner quite different from that of the purely terrestrial creatures, in that with them a group-soul animates the entire ant or bee community, so that the community acts with a single will, and its different units are actually members of one body in the sense in which hands and feet are members of the human frame. It might indeed be said of them that they have not only a group-soul but a group-body also.

Trong số các kế hoạch khác để hỗ trợ sự tiến hóa, các Chúa tể Ngọn lửa đã mang từ hành tinh của họ đến một số bổ sung cho các giới của chúng ta. Họ đã mang lúa mì như một loại thực phẩm đặc biệt hữu ích cho nhân loại, và họ cũng mang đến ong và kiến — loài thứ nhất giúp điều chỉnh giới thực vật và hỗ trợ sự thụ phấn cho hoa, cũng như cung cấp một nguồn thực phẩm ngon lành và bổ dưỡng cho con người. Cần lưu ý rằng cả ong và kiến đều sống theo một cách hoàn toàn khác biệt so với các sinh vật hoàn toàn thuộc về Trái Đất, vì chúng có một linh hồn nhóm điều khiển toàn bộ cộng đồng ong hoặc kiến, khiến cho cộng đồng hoạt động như một ý chí duy nhất, và các cá thể trong cộng đồng thực chất là các thành viên của một cơ thể, theo nghĩa mà tay và chân là các thành viên của cơ thể con người. Thực ra có thể nói rằng chúng không chỉ có một linh hồn nhóm mà còn có một cơ thể nhóm.

Our human evolution has attempted to imitate all these importations, but with somewhat indifferent success. In imitating

Sự tiến hóa của con người chúng ta đã cố gắng bắt chước tất cả những nhập cư này, nhưng với kết quả không mấy khả quan. Khi bắt chước

bees we have produced wasps; and in imitating ants we have produced what are commonly called “white ants,” as well as curious little ant-flies which are almost indistinguishable from them. The nearest that we have been able to get to wheat is rye, but the crossing of the wheat with other native terrestrial grasses has given us oats and barley.

ong, chúng ta đã tạo ra ong bắp cày; khi bắt chước kiến, chúng ta đã tạo ra những gì thường gọi là "kiến trắng," cũng như các loài ruồi kiến kỳ lạ mà gần như không thể phân biệt được với chúng. Lúa mạch đen là loài gần nhất mà chúng ta có thể tạo ra từ lúa mì, nhưng việc lai tạo giữa lúa mì và các loài cỏ bản địa đã mang đến cho chúng ta yến mạch và lúa mạch.

After this comes the history of the mighty Atlantean race, to which even to-day belong the majority of earth’ s inhabitants. Towards the middle part of this race came in the first order of moon-men, ship-load after ship-load of them, each taking their places just where they could themselves evolve best, and where they could be of the greatest use to the rest of evolving humanity, to the forefront of which they naturally immediately gravitated.

Sau đó là lịch sử của giống dân vĩ đại Atlantis, mà đến nay vẫn bao gồm đa số dân cư trên Trái Đất. Vào khoảng giữa giống dân này, các loại người-thú mặt trăng đầu tiên đã đến, từng đoàn tàu sau đoàn tàu của họ, mỗi người định cư tại những nơi mà họ có thể phát triển tốt nhất và nơi họ có thể hữu ích nhất cho phần còn lại của nhân loại đang tiến hóa, mà họ tự nhiên hướng về phía trước ngay lập tức.

Later than the great Atlantean race came the wonderful history of the Aryans—a grand civilisation built up by the great Manu Vaivasvata. Although as yet comparatively in its youth, it already dominates the world, but its greatest glory lies still in advance of us. Soon, under another Manu even better known to us, the sixth root-race will be born. But the story of all this will be found in Mrs. Besant’ s new book Man; Whence, How and Whither, which contains details of the results of all the recent investigations into the subject.

Sau giống dân Atlantis vĩ đại là lịch sử tuyệt vời của giống dân Aryan — một nền văn minh vĩ đại được xây dựng bởi Đại Manu Vaivasvata. Dù hiện tại vẫn còn trẻ trung so với lịch sử, nền văn minh này đã chi phối thế giới, nhưng vinh quang lớn nhất của nó vẫn còn ở phía trước. Sắp tới, dưới một vị Manu khác, người mà chúng ta đã biết rõ, giống dân chánh thứ sáu sẽ được sinh ra. Nhưng câu chuyện về tất cả điều này sẽ được tìm thấy trong cuốn sách mới của bà Besant, *Con người; Từ đâu, Như thế nào và Đến đâu*, cuốn sách chứa đựng các chi tiết về kết quả của tất cả các nghiên cứu gần đây về chủ đề này.

MODES OF INDIVIDUALISATION

Those who have been following the recent discoveries and investigations will remember that in an article not long ago I mentioned the existence, within one of the great classes of monads, of two types which, though equal to one another in development, differ greatly in their intervals between lives, one of them habitually taking nearly double the length of heaven-life which is customary with the other. As the amount of spiritual force generated is roughly equal in the two cases, it follows that one type of man must exhaust that force more speedily than the other. Into the same portion of time, as we measure it, he compresses a double amount of bliss; he works as it were at higher pressure, and therefore concentrates his experience and gets through nearly twice the amount in any given period, so that his seven hundred years is fully equivalent to the twelve hundred of a man of the other type.

Những ai theo dõi các phát hiện và nghiên cứu gần đây sẽ nhớ rằng trong một bài viết không lâu trước đây, tôi đã đề cập đến sự tồn tại, trong một trong những lớp lớn của các chân thần, của hai loại khác nhau, mặc dù phát triển ngang bằng nhau, nhưng lại có sự khác biệt lớn về khoảng thời gian giữa các kiếp sống của họ. Một trong hai loại này thường kéo dài gấp đôi khoảng thời gian "cuộc sống thiên đường" so với loại kia. Vì lượng năng lực tinh thần được tạo ra trong cả hai trường hợp là gần như bằng nhau, điều này có nghĩa là một loại người phải tiêu hao năng lượng đó nhanh hơn loại kia. Trong cùng một khoảng thời gian (theo cách chúng ta đo lường), người này nén lại một lượng hạnh phúc gấp đôi; y làm việc như thể dưới áp lực cao hơn, do đó cô đọng kinh nghiệm của mình và trải qua gần gấp đôi khối lượng công việc trong bất kỳ giai đoạn nào, khiến bảy trăm năm của y tương đương đầy đủ với mười hai trăm năm của người thuộc loại kia.

The fundamental difference between these two varieties results from the way in which, in each case, individualisation was attained. We know that the monad manifests itself upon the nirvanic plane as the triple spirit, and that, when an ego is called into existence as an expression of this triple spirit, its manifestation is arranged in a certain well-recognised form which has frequently been explained in our literature. Of the three aspects one, the spirit itself, remains upon its own plane; the second, the intuition (or, as our President has now decided to call it, the itself through the matter of the buddhic or rational pure reason) puts itself down one stage and

Sự khác biệt cơ bản giữa hai loại này là kết quả từ cách thức mà sự cá nhân hóa được đạt tới trong mỗi trường hợp. Chúng ta biết rằng chân thần thể hiện mình trên cõi niết bàn như là Tinh thần tam phân, và rằng khi một chân ngã được gọi vào tồn tại như là biểu hiện của tinh thần tam phân này, sự thể hiện của nó được sắp xếp theo một hình thức nhất định đã được giải thích nhiều lần trong văn học của chúng ta. Trong ba khía cạnh của tinh thần, một, tinh thần tự nó vẫn ở trên cõi của nó; khía cạnh thứ hai, thuần lý trí (hay theo như Chủ tịch của chúng ta hiện nay đã quyết định gọi nó, lý trí thuần túy) hạ mình một bậc và thể hiện qua vật chất của cõi bồ đề; khía cạnh thứ ba, trí tuệ,

expresses plane; the third, intelligence, puts itself down two planes, and expresses itself through matter of the upper part of the mental plane.

hạ mình hai bậc và thể hiện qua vật chất của phần cao hơn của cõi trí.

Our President has recently decided to endeavour as far as possible to replace the Sanskrit terms in our literature by English words; from this point onwards, therefore, I shall use the words “pure reason” in place of “buddhi,” and “rational plane” instead of “buddhic plane”.

Chủ tịch của chúng ta gần đây đã quyết định cố gắng thay thế các thuật ngữ Sanskrit trong văn học của chúng ta bằng các từ tiếng Anh khi có thể; vì vậy, từ thời điểm này, tôi sẽ sử dụng từ lý trí thuần túy thay cho buddhi, và cõi lý trí thay cho cõi bồ đề.

The personality is also triple in its manifestation, and is an accurate reflection of the arrangement of the ego; but like all other reflections, it reverses itself. The intelligence reflects itself in the lower mind on the lower part of the same mental plane: the pure reason mirrors itself in the astral body, and, in some way much more difficult to comprehend, the spirit in turn reflects itself upon the physical plane.

Phàm ngã cũng là một thể hiện tam phân, và nó là một phản ánh chính xác của sự sắp xếp của chân ngã; nhưng giống như tất cả các phản chiếu khác, nó đảo ngược chính mình. Trí tuệ phản ánh mình trong hạ trí trên phần thấp hơn của cùng một cõi trí; lý trí thuần túy phản chiếu mình trong thể cảm dục, và, bằng cách nào đó khó hiểu hơn nhiều, tinh thần lại phản chiếu mình trên cõi vật chất.

It is obvious that, when an ego is formed, all three of these manifestations of the spirit must be called forth, but the first connection may be made through any one of the three. It has previously been explained that individualisation from the animal kingdom usually takes place through association with the humanity of the period. Such examples of it as we occasionally see taking place round us at the present time will serve as instances for us. Some particular domestic animal, well treated by its human friends, is stimulated by its constant contact with them up to the point where it breaks away from the group-soul to which it has previously belonged. The process has been fully described in Man Visible and Invisible and The Christian Creed, and I need

Rõ ràng rằng, khi một chân ngã được hình thành, tất cả ba khía cạnh của tinh thần này phải được kêu gọi, nhưng sự kết nối đầu tiên có thể được thực hiện qua bất kỳ một trong ba khía cạnh đó. Điều này đã được giải thích trước đó rằng sự cá nhân hóa từ giới động vật thường diễn ra thông qua sự tiếp xúc với nhân loại của thời kỳ đó. Những ví dụ về điều này mà chúng ta thỉnh thoảng thấy xung quanh chúng ta hiện nay sẽ là minh chứng. Một con vật nuôi cụ thể nào đó, được đối xử tốt bởi bạn bè con người của nó, được kích thích nhờ sự tiếp xúc liên tục với họ đến mức nó tách khỏi linh hồn nhóm mà trước đó nó đã thuộc về. Quá trình này đã được mô tả đầy đủ trong các tác phẩm Con Người Hữu Hình và Vô Hình và Tín Điều Cơ Đốc, và tôi không cần lặp lại mô tả đó ở đây.

not repeat that description here. But a point which is not mentioned in those earlier works is the possibility that the first connection may be made in various ways—between the lower mind and the higher; between the astral body and the pure reason; or between the physical body and the spirit itself.

Nhưng một điểm chưa được đề cập trong các tác phẩm trước đó là khả năng sự kết nối đầu tiên có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau—giữa hạ trí và thượng trí; giữa thể cảm dục và lý trí thuần túy; hoặc giữa thể xác và tinh thần.

A domestic animal (when well treated) usually developes intense affection for its master, and a strong desire to understand him, to please him, and to anticipate what he is going to do. Sometimes, for a few minutes, the master turns affectionate thought upon the animal, or makes a distinct effort to teach him something; and in these cases there is a direct and intentional action passing from the mental or astral body of the master to the corresponding vehicle of the animal. But this is comparatively rare, and the greater portion of the work is done without any direct volition on either side, simply by the incessant and inevitable action due to the proximity of the two entities concerned. The astral and mental vibrations of the man are far stronger and more complex than those of the animal, and they are consequently exercising a never-ceasing pressure upon the latter.

Một con vật nuôi (khi được đối xử tốt) thường phát triển tình cảm mạnh mẽ đối với chủ nhân của nó, và một khát khao mãnh liệt để hiểu chủ nhân, làm hài lòng và dự đoán những gì người đó sẽ làm. Đôi khi, trong vài phút, chủ nhân dành suy nghĩ tình cảm cho con vật, hoặc cố gắng rõ ràng để dạy nó điều gì đó; và trong những trường hợp này, có một hành động trực tiếp và có chủ ý truyền từ thể trí hoặc thể cảm dục của chủ nhân đến phương tiện tương ứng của con vật. Nhưng điều này tương đối hiếm, và phần lớn công việc được thực hiện mà không có ý chí trực tiếp từ bất kỳ bên nào, chỉ đơn giản là do hành động không ngừng và không thể tránh khỏi nhờ sự gần gũi của hai thực thể liên quan. Rung động cảm dục và trí tuệ của con người mạnh mẽ và phức tạp hơn nhiều so với con vật, và do đó, chúng luôn tạo ra một áp lực không ngừng lên con vật.

We can see therefore that the character and type of the master will have a great influence on the destiny of the animal. If the master be an emotional man, full of strong affections, the probability is that the development of any domestic animal of his will be chiefly through its astral body, and that the final breaking of the link with the group-soul will be due to some sudden outrush of intense affection, which will reach the rational aspect of the floating monad belonging to it, and will thus cause the formation of an ego. If, on the other

Chúng ta có thể thấy rằng, tính cách và loại hình của chủ nhân sẽ có ảnh hưởng lớn đến số phận của con vật. Nếu chủ nhân là một người giàu cảm xúc, đầy tình cảm mãnh liệt, thì khả năng cao là sự phát triển của bất kỳ con vật nuôi nào của y sẽ chủ yếu qua thể cảm dục, và sự cắt đứt cuối cùng khỏi linh hồn nhóm sẽ do một đợt bùng phát mạnh mẽ của tình cảm mãnh liệt, điều này sẽ chạm đến khía cạnh lý trí của chân thần trôi nổi thuộc về con vật đó, và do đó sẽ dẫn đến sự hình thành một chân ngã. Mặt khác, nếu chủ nhân là người ít cảm

hand, the master be unemotional and if the chief activities in his nature are of the intellectual type, it is the nascent mental body of the animal which will be stimulated, and the probabilities are that individualisation will be reached because that mental development rises to a level too great to permit any longer of enfoldment within the group-soul. In yet another case, if the master be a man of great spirituality or of intensely strong will, while the animal will develope great affection and admiration for him, it will yet be the will within the animal which is principally stimulated. This will show itself in the physical body by intense activity, and indomitable resolution to achieve whatever the creature may attempt, especially in the way of service to his master.

xúc và các hoạt động chính trong bản chất của y thuộc loại trí tuệ, thì thể trí mới hình thành của con vật sẽ được kích thích, và khả năng cao là sự cá nhân hóa sẽ đạt được bởi vì sự phát triển trí tuệ đó đạt đến một mức quá cao, không còn có thể bao bọc trong linh hồn nhóm. Trong một trường hợp khác, nếu chủ nhân là một người có tinh thần cao hoặc có ý chí mạnh mẽ, trong khi con vật sẽ phát triển tình cảm và sự ngưỡng mộ lớn đối với y, thì chính ý chí trong con vật sẽ là yếu tố chính được kích thích. Điều này sẽ thể hiện trong thể xác bằng hoạt động mãnh liệt và quyết tâm không thể lay chuyển để đạt được bất cứ điều gì mà sinh vật cố gắng, đặc biệt là trong cách phụng sự chủ nhân của nó.

It is difficult to rid oneself of the idea that the distance between the spirit and the physical body must be far greater than that between the lower mind and the intelligence, or between the astral and rational bodies. But this is not really so, for it is not a question of distance in space at all, but of the conveying of a sympathetic vibration from the reflection to the original. When we think of it in this way; it is obvious that each reflection must be in direct connection with its original, whatever the distance between them may be—in closer connection than it is with any object which is out of the direct line, no matter how much nearer in space the latter object may be.

Thật khó để thoát khỏi ý nghĩ rằng khoảng cách giữa tinh thần và thể xác phải lớn hơn rất nhiều so với khoảng cách giữa hạ trí và trí thông minh, hoặc giữa thể cảm dục và thể lý trí. Nhưng thực tế không phải như vậy, vì đây không phải là vấn đề khoảng cách trong không gian, mà là sự truyền tải rung động cộng cảm từ phản chiếu đến nguyên bản. Khi chúng ta nghĩ theo cách này, điều rõ ràng là mỗi phản chiếu phải có kết nối trực tiếp với nguyên bản của nó, bất kể khoảng cách giữa chúng là bao nhiêu — kết nối gần hơn so với bất kỳ đối tượng nào không nằm trên đường thẳng trực tiếp, dù đối tượng này có gần hơn về mặt không gian.

The desire of the animal to rise constitutes a steady upward pressure along all these lines, and the point at which that pressure finally breaks through the restrictions, and forms the required link between the monad and its personality, determines certain

Mong muốn vươn lên của động vật tạo ra một áp lực liên tục theo tất cả các đường này, và điểm mà áp lực đó cuối cùng phá vỡ các hạn chế, và hình thành liên kết cần thiết giữa chân thần và phàm ngã của nó, xác định những đặc tính nhất định của chân ngã mới sinh ra. Việc

characteristics of the new ego which thus comes into existence. The actual formation of the link is usually instantaneous if the first connection is made through affection or will, but it is much more gradual when it is a case of mental development; and this also makes a considerable difference in the current of the future evolution of the entity.

hình thành thực sự của liên kết thường diễn ra ngay lập tức nếu kết nối đầu tiên được thực hiện qua tình thương hoặc ý chí, nhưng nó diễn ra dần dần hơn khi là trường hợp phát triển trí tuệ; và điều này cũng tạo ra sự khác biệt đáng kể trong dòng chảy của sự tiến hóa tương lai của thực thể.

In the course of the recent investigations we discovered that, out of a great mass of people who were individualised practically simultaneously at a certain point in the moon-chain, those who had attained individualisation gradually by intellectual development came into incarnation upon earth roughly about one million years ago, and have since taken between any two lives an average interval of about twelve hundred years; whereas those who had attained individualisation through an instantaneous uprush of affection or will did not come into terrestrial incarnation until about four hundred thousand years later, though as they have since taken an average interval between lives of about seven hundred years their condition at the present time is practically the same.

Trong quá trình điều tra gần đây, chúng tôi phát hiện ra rằng, trong số một lượng lớn người đã được biệt ngã hóa gần như cùng lúc tại một thời điểm nhất định trong dãy hành tinh mặt trăng, những người đạt được sự biệt ngã hóa dần dần thông qua sự phát triển trí tuệ đã bắt đầu nhập thể trên Trái Đất cách đây khoảng một triệu năm, và kể từ đó, họ đã có khoảng cách trung bình giữa hai cuộc đời là khoảng mười hai trăm năm; trong khi những người đạt được sự biệt ngã hóa thông qua một sự bùng nổ tình thương hoặc ý chí ngay lập tức thì không nhập thể trên Trái Đất cho đến khoảng bốn trăm ngàn năm sau đó, mặc dù vì họ có khoảng cách trung bình giữa các kiếp là khoảng bảy trăm năm, tình trạng của họ vào thời điểm hiện tại về cơ bản là giống nhau.

I cannot emphasise too strongly that this difference of interval must not in the least be supposed to indicate that those who came in later generate less of spiritual force during their earth-lives. If there be any difference, it appears to be in favour of the men of shorter interval, for they (being as a rule more devotional) seem to be able to generate even more force in a given space of time than the others. Perhaps it would express the facts still better to say that they produce in a way a different kind of force; probably both are

Tôi không thể nhấn mạnh quá đủ rằng sự khác biệt về khoảng thời gian này không nên được hiểu là những người đến sau tạo ra ít năng lượng tinh thần hơn trong suốt cuộc đời họ trên Trái Đất. Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào, nó dường như có lợi cho những người có khoảng cách ngắn hơn, vì họ (thường có tính sùng đạo hơn) có vẻ có thể tạo ra nhiều năng lượng hơn trong một khoảng thời gian nhất định so với những người khác. Có lẽ nó sẽ diễn đạt sự thật tốt hơn nếu nói rằng họ tạo ra một loại năng lượng khác; có lẽ cả hai đều cần thiết,

necessary, each as a complement to the other. The difference of interval between lives means merely that they take their bliss in a much more concentrated form, and therefore work out the result of an equal expenditure of force in much less time. Indeed, it appears very much as though the period of their respective entries upon terrestrial life had been arranged especially in order that, after running through about the same number of incarnations, they might arrive at the same point, and be able to work together.

mỗi cái như một phần bổ sung cho cái kia. Sự khác biệt về khoảng cách giữa các kiếp chỉ có nghĩa là họ trải nghiệm niềm hạnh phúc của họ ở một dạng cô đọng hơn, và do đó, giải quyết kết quả của một mức tiêu hao năng lượng tương đương trong thời gian ngắn hơn nhiều. Thật vậy, nó dường như rất giống như thể thời kỳ nhập thể của họ đã được sắp xếp đặc biệt để, sau khi trải qua cùng một số lượng kiếp nhất định, họ có thể đến cùng một điểm và có thể làm việc cùng nhau.

Later investigations have convinced us that there is far greater flexibility with regard to these intervals between lives than we at first supposed. It is quite true that the amount of force which a man has to work out, first in the astral plane and then in the heaven-world, is precisely what he has developed during his earthly life—plus of course such further force of the same kind as he may generate during his astral or heaven-lives respectively. But it is evident that the rate at which this amount of force exhausts itself is by no means always the same. The necessity of bringing groups of people into incarnation together, in order not only that they may work out mutual karmic inter-relations, but also that they may all learn to labour together towards one great end, is evidently a dominant factor in regulating the rate of the expenditure of force.

Các cuộc điều tra sau đó đã thuyết phục chúng tôi rằng có sự linh hoạt lớn hơn nhiều về những khoảng cách giữa các kiếp so với điều mà chúng tôi ban đầu nghĩ. Đúng là lượng năng lượng mà một người phải giải quyết, đầu tiên trên cõi cảm dục và sau đó trên cõi trời, chính xác là những gì mà người đó đã phát triển trong suốt cuộc sống trên Trái Đất — cộng thêm tất nhiên là năng lượng cùng loại mà người đó có thể tạo ra trong suốt cuộc đời cảm dục hoặc cõi trời của mình. Nhưng rõ ràng là tốc độ mà lượng năng lượng này tự tiêu hao không phải lúc nào cũng giống nhau. Nhu cầu đưa các nhóm người vào nhập thể cùng nhau, không chỉ để họ giải quyết các mối quan hệ nghiệp quả tương hỗ, mà còn để họ cùng nhau học cách làm việc hướng tới một mục đích lớn lao, rõ ràng là một yếu tố chi phối trong việc điều chỉnh tốc độ tiêu hao năng lượng.

A study of the lives of Alcyone will show that this must be so, since it is unquestionable that a number of people, living each his or her own life, must inevitably generate widely-varying amounts of spiritual force; yet in life after life of that entrancing story it is contrived that these people shall come back together, in

Một nghiên cứu về cuộc đời của Alcyone sẽ cho thấy rằng điều này phải là như vậy, vì không thể nghi ngờ rằng một số lượng người, mỗi người sống cuộc sống của riêng mình, chắc chắn sẽ tạo ra các mức năng lượng tinh thần khác nhau; tuy nhiên, trong kiếp sau kiếp của câu chuyện hấp dẫn đó, nó được sắp xếp sao

order that they may pass through similar preparatory experiences, and that the bonds of affection between them may be knit so strongly that they will be incapable of misunderstanding or mistrusting one another, when the strain of the real work comes upon them in the future.

cho những người này sẽ trở lại cùng nhau, để họ có thể trải qua những kinh nghiệm chuẩn bị tương tự, và để những mối quan hệ tình cảm giữa họ được gắn kết mạnh mẽ đến mức họ sẽ không thể hiểu lầm hay nghi ngờ lẫn nhau, khi căng thẳng của công việc thực sự đè lên họ trong tương lai.

Besides the differences in the mode of individualisation which I have just mentioned, there are also differences in the degree of individualisation, which corresponds to the stage of development at which it takes place. It has been explained in Theosophical literature that as an animal group-soul gradually evolves within its own kingdom it breaks up into smaller and smaller subdivisions. Quadrillions of flies or mosquitoes are attached to one group-soul, millions of rats or mice, hundreds of thousands of rabbits or sparrows. But when we come to such animals as the lion, the tiger, the leopard, the deer, the wolf or the wild boar, only a few thousand will be found to belong to one soul, while among domesticated animals such as sheep and oxen the number is smaller still.

Ngoài những sự khác biệt trong cách biệt ngã hóa mà tôi vừa đề cập, cũng có những sự khác biệt trong mức độ biệt ngã hóa, tương ứng với giai đoạn phát triển mà nó diễn ra. Trong văn học Thông Thiên Học, đã giải thích rằng khi một linh hồn nhóm của động vật dần tiến hóa trong vương quốc của nó, nó sẽ phân chia thành các tiểu phân ngày càng nhỏ hơn. Hàng tỷ con ruồi hoặc muỗi thuộc về một linh hồn nhóm, hàng triệu con chuột hoặc chuột nhắt, hàng trăm ngàn con thỏ hoặc chim sẻ. Nhưng khi chúng ta đến các loài động vật như sư tử, hổ, báo, hươu, sói hoặc lợn rừng, chỉ có vài ngàn con thuộc về một linh hồn nhóm, trong khi ở các loài động vật đã được thuần hóa như cừu và bò, số lượng còn nhỏ hơn nữa.

Individualisation is possible only from seven kinds of animals—one for each of the seven great lines or types. Of these we already know certainly the elephant, the monkey, the dog and the cat; and the horse is possibly a fifth. Up to each of these heads of types leads a long line of wild animals, which has not yet been fully investigated; but we know that wolves, foxes, jackals and all such creatures culminate in the dog, and lions, tigers, leopards, jaguars and ocelots in the domestic cat. When we reach these seven individualisable animals we find usually only a few hundred attached to

Sự biệt ngã hóa chỉ có thể xảy ra từ bảy loại động vật — mỗi loại thuộc về một trong bảy dòng hoặc loại lớn. Trong số này, chúng ta đã chắc chắn biết về voi, khỉ, chó và mèo; và có thể ngựa là loài thứ năm. Mỗi loài đầu của các loại này được dẫn dắt bởi một dòng dài các động vật hoang dã, mà vẫn chưa được điều tra đầy đủ; nhưng chúng ta biết rằng sói, cáo, linh cẩu và các loài tương tự đều đạt đỉnh cao ở loài chó, và sư tử, hổ, báo, báo đốm và báo ocelot đều đạt đỉnh cao ở loài mèo nhà. Khi chúng ta đến bảy loài động vật có khả năng biệt ngã này, ta thường chỉ thấy vài trăm cá

each group-soul, and as their development continues the souls break up rapidly. The pariah dog of India or Constantinople is nothing but a half-tamed wolf, and a thousand of such creatures may well represent only one soul; but in the case of the really intelligent pet dog or cat one soul hovers over not more than ten or a dozen bodies.

thể gắn liền với mỗi linh hồn nhóm, và khi sự phát triển của chúng tiếp tục, các linh hồn này nhanh chóng phân chia ra. Loài chó pariah ở Ấn Độ hay Constantinople thực chất chỉ là những con sói bán thuần hóa, và có thể một ngàn con như vậy chỉ đại diện cho một linh hồn; nhưng trong trường hợp của chó hoặc mèo nuôi thực sự thông minh, một linh hồn chỉ trông coi không quá mười hay mười hai thể xác.

Now it makes much difference at what stage of this higher animal life individualisation takes place, and this is dependent largely upon the opportunities which offer themselves. Even a pariah dog is presumably capable of individualisation, but it could be only a very low type of individualisation. The animals of the moon-chain were not the same as those of to-day, and so we cannot draw exact parallels; but assuredly the pariah dog could at most individualise into nothing more than a separated fragment of the group-soul with a monad hovering over it, connected perhaps by a line or two of spiritual matter—corresponding therefore to the animal-men from the moon, who led the way in filling the forms in the first round. On the other hand the really intelligent and affectionate pet dog or cat, whose owner looks after him properly and makes a friend of him, would certainly, when he individualised, obtain a causal body at least equivalent to that of the first order of moon-men, while various intermediate types of domestic animals would produce the basket-work causal body, such as that obtained by the second order of the moon-men.

Việc biệt ngã hóa diễn ra ở giai đoạn nào của cuộc sống cao cấp của động vật này có nhiều khác biệt, và điều này phần lớn phụ thuộc vào những cơ hội có sẵn. Ngay cả một con chó pariah cũng có khả năng biệt ngã hóa, nhưng đó sẽ là một loại biệt ngã hóa rất thấp. Các động vật của dãy mặt trăng không giống như những loài hiện nay, vì vậy chúng ta không thể so sánh chính xác; nhưng chắc chắn con chó pariah có thể biệt ngã hóa thành không gì hơn ngoài một mảnh tách biệt của linh hồn nhóm với một chân thần bao quanh nó, có thể được kết nối bằng một hoặc hai đường vật chất tinh thần — do đó tương ứng với những người thú từ dãy mặt trăng, những người đã tiên phong trong việc lấp đầy các hình tướng trong cuộc tuần hoàn đầu tiên. Ngược lại, con chó hoặc mèo nuôi thực sự thông minh và tình cảm, mà chủ của nó chăm sóc đúng cách và coi như một người bạn, chắc chắn khi nó biệt ngã hóa sẽ có được một thể nguyên nhân ít nhất tương đương với thể của những người mặt trăng thuộc loại bậc nhất, trong khi các loại động vật nuôi trung gian sẽ tạo ra một thể nguyên nhân dạng lưới, giống như thể mà những người mặt trăng thuộc loại bậc hai có được.

It will be seen therefore that the amount of real work done in the attainment of any given

Do đó, có thể thấy rằng lượng công việc thực sự được thực hiện để đạt được bất kỳ mức độ

level is practically always the same, though in some cases more of it is done in one kingdom and less in another. It has already been made abundantly clear, in the course of our investigations, that entities attaining to the culminating point in one kingdom do not enter the lower levels of the next higher kingdom. The life which ensouls an oak-tree, a banyan, or a rose-bush will pass directly into the mammalian order when it enters the animal kingdom; whereas the life which leaves the vegetable kingdom at a much lower level may pass into the stage of insects and reptiles.

nào gần như luôn luôn giống nhau, mặc dù trong một số trường hợp nhiều công việc được thực hiện ở một giới và ít hơn ở giới khác. Trong quá trình điều tra của chúng tôi, đã được làm rõ rằng các thực thể đạt đến điểm đỉnh cao trong một giới không bước vào các mức độ thấp hơn của giới cao hơn. Sự sống mang linh hồn của cây sồi, cây đa, hoặc cây hồng sẽ trực tiếp tiến vào cấp độ động vật có vú khi nó bước vào giới động vật; trong khi sự sống rời khỏi giới thảo mộc ở một mức thấp hơn nhiều có thể tiến vào giai đoạn côn trùng và bò sát.

In just the same way, a being who reaches the summit of intelligence and affection possible in the animal kingdom will overleap the absolutely primitive conditions of humanity, and will show himself as a first-class individuality from the beginning of his human career; whereas one who leaves the animal kingdom at a lower level will quite naturally have to begin correspondingly lower down in the scale of humanity. This is the explanation of a remark once made by one of our Masters, when referring to the cruelty and superstition shown by the great mass of humanity: “They have individualised too soon; they are not yet worthy of the human form.”

Tương tự như vậy, một thực thể đạt đến đỉnh cao của trí thông minh và tình cảm có thể có trong giới động vật sẽ vượt qua các điều kiện sơ khai hoàn toàn của nhân loại, và sẽ thể hiện mình như một cá thể ưu tú ngay từ khi bắt đầu cuộc hành trình làm người của mình; trong khi một thực thể rời khỏi giới động vật ở mức độ thấp hơn sẽ tự nhiên phải bắt đầu ở một cấp bậc tương ứng thấp hơn trong thang nhân loại. Đây là lời giải thích cho một nhận xét từng được một trong các Chân sư của chúng tôi đưa ra, khi Ngài đề cập đến sự tàn ác và mê tín được thể hiện bởi đại đa số nhân loại: “Họ đã biệt ngã hóa quá sớm; họ vẫn chưa xứng đáng với hình hài con người."

The three methods of individualisation which I have already mentioned, through the development of affection, intellect, and will, are the normal lines which we may suppose to have been intended in the scheme of things. Individuality is, however, occasionally attained in certain other ways which we may perhaps define as irregular methods, since it would seem that they can scarcely have been

Ba phương pháp biệt ngã hóa mà tôi đã đề cập trước đây — qua sự phát triển tình cảm, trí tuệ và ý chí — là những con đường bình thường mà chúng ta có thể cho là đã được dự định trong kế hoạch của vũ trụ. Tuy nhiên, đôi khi cá tính được đạt được bằng những cách khác mà chúng ta có thể định nghĩa là các phương pháp không chính quy, vì dường như chúng hầu như không phải là một phần của kế hoạch

part of the original plan.

ban đầu.

For example, at the beginning of the seventh round of the moon-chain a certain group of beings were at the point of individualisation, and were drawn towards it by their association with some of the perfected inhabitants whom we call the Lords of the Moon. An unfortunate twist, however, entered into their development, and they began to take so great a pride in their intellectual advance, that that became the prominent feature in their character, so that they were working not to gain the approval or affection of their masters, but to show their advantage over their fellow-animals, and to excite their envy. It was this latter motive which pushed them on to make the efforts which resulted in individualisation, and so the causal bodies which were formed showed almost no colour but orange. The authorities in charge of that stage of evolution nevertheless allowed them to individualise, apparently because if they had been permitted to continue their evolution in the animal kingdom any further, they would have become worse instead of better. We have therefore the extraordinary spectacle of a detachment of egos (what we have lately been calling a ship-load), numbering about two millions, who had individualised themselves entirely by pride, and who, though clever enough in their way, possessed but little of any other quality.

Ví dụ, vào đầu cuộc tuần hoàn thứ bảy của dãy hành tinh mặt trăng, một nhóm sinh linh đã đến gần ngưỡng cửa của sự biệt ngã hóa và bị thu hút về phía đó bởi mối liên hệ của họ với một số cư dân hoàn hảo mà chúng ta gọi là các Đấng Chủ Quản của Mặt Trăng. Tuy nhiên, một khúc quanh không may đã xuất hiện trong sự phát triển của họ, và họ bắt đầu tự hào quá mức về sự tiến bộ trí tuệ của mình, đến mức đó trở thành đặc điểm nổi bật trong tính cách của họ, khiến họ không còn làm việc để nhận được sự chấp thuận hoặc tình cảm của các vị thầy, mà để thể hiện sự vượt trội của họ so với các đồng loại động vật, và để khơi dậy sự ghen tị của chúng. Chính động cơ sau này đã thúc đẩy họ nỗ lực dẫn đến sự biệt ngã hóa, và do đó các thể nguyên nhân được hình thành hầu như không có màu sắc nào khác ngoài màu cam. Các nhà chức trách chịu trách nhiệm về giai đoạn tiến hóa đó vẫn cho phép họ biệt ngã hóa, có vẻ như vì nếu họ được phép tiếp tục tiến hóa trong giới động vật thêm nữa, họ sẽ trở nên tồi tệ hơn thay vì tốt hơn. Chúng ta do đó có một cảnh tượng phi thường về một nhóm phàm ngã (những gì gần đây chúng ta gọi là một chuyến tàu) gồm khoảng hai triệu cá thể, những người đã biệt ngã hóa hoàn toàn bằng lòng kiêu hãnh, và mặc dù khá thông minh theo cách riêng của họ, nhưng lại có rất ít phẩm chất nào khác.

The fruitage of the first, second and third globes of the seventh round of the lunar chain was intended to play a certain part in the development of humanity on the earth. At a certain stage in the development of that planet we know that seven of the Lords of the

Thành quả của các bầu hành tinh thứ nhất, thứ hai và thứ ba của cuộc tuần hoàn thứ bảy của dãy mặt trăng đã được dự định sẽ đóng một vai trò nhất định trong sự phát triển của nhân loại trên Trái Đất. Tại một giai đoạn nhất định trong sự phát triển của hành tinh đó,

Moon—one belonging to each great type—descended to the earth and began to cast off etheric bodies for the shaping of the new race. The entities who occupied these vehicles intermarried, and when their descendants became numerous these three ship-loads of egos were called upon to descend and occupy these vehicles, and thus establish the type of the humanity that was to come. “One-third refuses; two-thirds obey.” It was the members of this orange-coloured ship-load from planet A of the lunar chain who declined these lowly vehicles, while the golden-coloured egos from globe B and the rose-coloured group from globe C accepted the conditions, entered into the vehicles, and fulfilled their destiny.

chúng ta biết rằng bảy trong số các Đấng Chủ Quản của Mặt Trăng — mỗi Đấng thuộc một loại lớn — đã xuống Trái Đất và bắt đầu tạo ra các thể dĩ thái để hình thành giống loài mới. Các thực thể chiếm giữ các thể này đã kết hôn với nhau, và khi con cháu của họ trở nên đông đảo, ba chuyến tàu này của các phàm ngã đã được kêu gọi để hạ xuống và chiếm lấy những thể xác này, từ đó thiết lập loại hình nhân loại sẽ xuất hiện. "Một phần ba từ chối; hai phần ba vâng lời." Đó là những thành viên của nhóm phàm ngã màu cam từ hành tinh A của dãy mặt trăng đã từ chối những thể xác thấp kém này, trong khi những phàm ngã màu vàng từ bầu hành tinh B và nhóm màu hồng từ bầu hành tinh C chấp nhận các điều kiện, nhập vào các thể xác đó và hoàn thành số phận của họ.

The future career of these orange-coloured egos showed clearly enough the undesirability of the line along which they had come, for not only did they refused to take the primitive bodies which were assigned to them (thus leaving them to be occupied by very much lower animal types, and so leading to the sin of the mindless), but all through their history their arrogance and unruliness caused constant trouble to themselves and to others who were infected by their foolishness. Eventually the law of evolution forced them to occupy bodies in many respects considerably worse than those which had at first been offered to them; and though that lesson taught them something, and they seem to have recognised that a mistake had been made, even when they mingled with ordinary humanity we find them invariably in opposition, and perpetually making trouble by standing upon their own dignity at inopportune moments. By constant collision with natural laws the great majority of them

Sự nghiệp tương lai của những phàm ngã màu cam này cho thấy rõ ràng sự không mong muốn của con đường mà họ đã đi, vì không chỉ họ từ chối những thể xác nguyên thủy được chỉ định cho họ (do đó để lại những thể xác đó bị chiếm giữ bởi các loại động vật thấp kém hơn nhiều, dẫn đến "tội của những kẻ vô trí"), mà trong suốt lịch sử của họ, sự kiêu ngạo và sự không tuân phục của họ đã gây ra rắc rối liên tục cho chính họ và những người khác bị lây nhiễm bởi sự ngu xuẩn của họ. Cuối cùng, định luật tiến hóa buộc họ phải chiếm những thể xác còn tồi tệ hơn nhiều so với những thể xác ban đầu đã được trao cho họ; và mặc dù bài học đó đã dạy cho họ điều gì đó, và họ có vẻ như đã nhận ra rằng họ đã phạm một sai lầm, ngay cả khi họ hòa mình vào nhân loại thông thường, chúng ta vẫn thấy họ luôn trong tình trạng đối nghịch, và liên tục gây rắc rối bằng cách đặt lòng kiêu hãnh của họ lên những thời điểm không thích hợp. Qua sự va chạm liên tục với các định luật tự nhiên, phần lớn trong số họ đã dần dần bị đẩy vào dòng chảy của

have by degrees been driven more or less into line with the rest of humanity; but even now we may distinguish some of them by the occasional recrudescence of their old objectionable characteristics; they are still “turbulent and aggressive, independent and separative, prone to discontent and eager for change,” as our President has described them.

phần còn lại của nhân loại; nhưng ngay cả bây giờ, chúng ta vẫn có thể nhận ra một số trong họ qua sự tái xuất hiện đôi khi của những đặc điểm xấu cũ; họ vẫn còn "náo động và hung hăng, độc lập và phân cách, dễ bất mãn và háo hức cho sự thay đổi", như Chủ tịch của chúng ta đã mô tả họ.

Some few of the cleverest of them have made no inconsiderable mark upon human history, for they developed into the celebrated “Lords of the Dark Face” of Atlantis, of whom we read so much in The Secret Doctrine; and later such special distortions became world-devastating conquerors, caring nothing for the thousands who were slain or starved in the course of the gratification of their mad ambition, or (later still) equally unscrupulous American millionaires, well called by their parasites “Napoleons of finance.”

Một số ít những người tài giỏi nhất trong số họ đã để lại dấu ấn không nhỏ trong lịch sử nhân loại, vì họ đã phát triển thành những "Chúa tể của Gương Mặt Đen" nổi tiếng của Atlantis, mà chúng ta đã đọc rất nhiều trong "Giáo Lý Bí Nhiệm"; và sau đó những biến dạng đặc biệt như vậy đã trở thành những kẻ chinh phục phá hủy thế giới, không quan tâm gì đến hàng ngàn người bị giết hoặc bị bỏ đói trong quá trình thỏa mãn tham vọng điên rồ của họ, hoặc (về sau nữa) những nhà tài phiệt Mỹ không kém phần vô đạo đức, được những kẻ bợ đỡ của họ gọi là "Napoleon của tài chính".

Another abnormal method in which individuality has been gained is through fear. In the case of animals who have been cruelly treated by man, there have been cases in which the cunning developed by strenuous efforts to understand and avoid the cruelty has caused the breaking away from the group-soul, and produced an ego possessing only a very low type of intellectuality—an ego who, when he puts himself down into the lower planes, must inevitably, because of the nature of his permanent atoms, draw round him mental and astral vehicles capable only of expressing the less desirable passions.

Một phương pháp bất thường khác mà qua đó cá tính đã được đạt được là qua sự sợ hãi. Trong trường hợp các động vật bị con người đối xử tàn nhẫn, đã có những trường hợp mà sự xảo quyệt phát triển do nỗ lực cố gắng hiểu và tránh sự tàn ác đã khiến chúng thoát khỏi linh hồn nhóm, và tạo ra một phàm ngã chỉ sở hữu một loại trí tuệ rất thấp — một phàm ngã mà khi y tự hạ mình xuống các cõi thấp hơn, do bản chất của các nguyên tử trường tồn của mình, y chắc chắn phải thu hút quanh mình các thể trí và thể cảm dục chỉ có khả năng thể hiện những đam mê ít đáng mong muốn hơn.

A variant of this case is the type of ego in which the attitude caused by the cruelty has been rather that of intense hatred than of fear.

Một biến thể của trường hợp này là kiểu phàm ngã mà thái độ gây ra bởi sự tàn ác lại là sự căm thù mãnh liệt hơn là sợ hãi. Lực này cũng đủ

That force also is strong enough to develope such intelligence as may be necessary to injure the oppressor, and in that way also individuality has been secured. It is not difficult to imagine the kind of human being that would be produced along such lines as these, and this is the explanation of the existence of the fiendishly cruel and blood-thirsty savages of whom we sometimes hear, of the inquisitors of the Middle Ages, and of those who torture children in the present day. Of them it is distinctly true that they have come into humanity far too soon, and are displaying under its guise an exaggerated form of some of the very worst characteristics of the most unpleasant types of animals.

mạnh để phát triển trí thông minh cần thiết để gây tổn hại cho kẻ áp bức, và theo cách đó, cá tính cũng đã được đảm bảo. Không khó để tưởng tượng loại người sẽ được tạo ra theo những con đường như vậy, và đây là lời giải thích cho sự tồn tại của những kẻ man rợ vô cùng tàn nhẫn và khát máu mà chúng ta đôi khi nghe nói đến, của các quan tòa thời Trung Cổ, và của những kẻ tra tấn trẻ em trong thời hiện đại. Ở những người này, điều chắc chắn đúng là họ đã nhập vào nhân loại quá sớm, và đang thể hiện dưới hình thức đó một phiên bản phóng đại của một số đặc điểm tồi tệ nhất của những loại động vật khó chịu nhất.

Yet another variant is the entity who is individualised by an intense desire for power over others, such as is sometimes shown by the chief bull of a herd. An ego developed in such a way often manifests great cruelty, and appears to take pleasure in it, probably because to torture others is a manifestation of his power over them.

Một biến thể khác là thực thể được biệt ngã hóa bởi một khao khát mãnh liệt về quyền lực đối với người khác, như đôi khi được thể hiện bởi con bò đực đầu đàn của một đàn gia súc. Một phàm ngã phát triển theo cách này thường thể hiện sự tàn nhẫn lớn, và dường như thích thú với điều đó, có lẽ vì việc tra tấn người khác là sự thể hiện quyền lực của y đối với họ.

On the other hand those who have been individualised at a comparatively low level along one of the regular lines—as by affection—provide us with a type of equally primitive but joyous and good-natured savages—savages, in fact, who are not savage but kindly, as are many of the tribes to be found in some of the islands of the Southern Seas.

Mặt khác, những ai đã được biệt ngã hóa ở mức độ tương đối thấp theo một trong những con đường bình thường — như qua tình cảm — lại cung cấp cho chúng ta một kiểu người nguyên thủy nhưng vui tươi và có lòng tốt — thực tế, những người nguyên thủy không hung bạo mà lại tử tế, như nhiều bộ tộc có thể được tìm thấy trên một số hòn đảo ở Nam Hải.

As we look at these early stages of our development upon the Moon-chain, it often seems as though the mode of individualisation of an ego depended upon mere chance—upon "the accident of environment." Yet I do not believe that this is

Khi chúng ta nhìn vào những giai đoạn đầu của sự phát triển của chúng ta trong dãy hành tinh mặt trăng, dường như phương thức biệt ngã hóa của một phàm ngã phụ thuộc vào sự tình cờ — vào "sự ngẫu nhiên của môi trường". Tuy nhiên, tôi không tin rằng điều này là như

so; even for animals the environment is not accidental, and there is no room for chance in a perfectly-ordered universe. I should not be surprised if further investigation should reveal to us that the very mode of the individualisation was somehow pre-determined either for or by the monad himself, with a view to preparation for whatever portion of the great work he is to undertake in the future. There will come a time when we shall be part of the great Heavenly Man—not in the least as a myth or a poetic symbol, but as a vivid and actual fact, which we ourselves have seen. That celestial body has many members; each of these members has its own function to fulfil, and the living cells which are to form part of them need widely-different experiences to prepare them. It may well be that from the dawn of evolution the parts have been chosen—that each monad has his destined line of evolution, and that his freedom of action is concerned chiefly with the rate at which he shall move along that line. In any case our duty is clear—to push ahead as rapidly as we can, watching ever to discern the divine purpose, living only to fulfil it, striving always to help onwards the great scheme of the LOGOS by helping our fellowman.

vậy; ngay cả đối với động vật, môi trường không phải là ngẫu nhiên, và không có chỗ cho sự ngẫu nhiên trong một vũ trụ được sắp đặt hoàn hảo. Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu các cuộc điều tra thêm nữa sẽ tiết lộ cho chúng ta rằng chính phương thức biệt ngã hóa đã được định trước bằng cách nào đó, hoặc là dành cho hoặc bởi chân thần của y, với ý định chuẩn bị cho bất kỳ phần công việc lớn nào mà y sẽ thực hiện trong tương lai. Sẽ đến một thời điểm khi chúng ta trở thành một phần của Đấng Thiên Địa Vĩ Đại — không chút nào như một huyền thoại hay một biểu tượng thơ ca, mà là một sự thật sống động và thực tế, mà chính chúng ta đã chứng kiến. Thể thiên giới đó có nhiều thành viên; mỗi thành viên có một chức năng riêng cần thực hiện, và những tế bào sống sẽ hình thành một phần của chúng cần những trải nghiệm rất khác nhau để chuẩn bị. Có thể rằng ngay từ buổi bình minh của sự tiến hóa, các phần đã được chọn — rằng mỗi chân thần có dòng tiến hóa đã được định sẵn của mình, và sự tự do hành động của y chủ yếu liên quan đến tốc độ mà y sẽ di chuyển dọc theo dòng đó. Trong mọi trường hợp, nhiệm vụ của chúng ta là rõ ràng — tiến lên càng nhanh càng tốt, luôn luôn quan sát để nhận ra ý định thiêng liêng, sống chỉ để hoàn thành nó, và luôn cố gắng thúc đẩy kế hoạch vĩ đại của Thượng Đế bằng cách giúp đỡ đồng loại của chúng ta.

THE SEVEN TYPES—BẢY LOẠI HÌNH

The seven great types or rays do not correspond to the planes, for each type is to be found upon all the planes. One may symbolize the planes as horizontal, as they are usually represented in Theosophical diagrams; and

Bảy loại hay cung vĩ đại không tương ứng với các cõi, vì mỗi loại đều hiện diện trên mọi cõi. Có thể tượng trưng các cõi như nằm ngang, như thường được trình bày trong các biểu đồ Thông Thiên Học; rồi nếu chúng ta vẽ bảy cột

then if we proceed to draw seven vertical columns cutting across the seven planes at right angles, those columns will symbolize the types. This will cut up our diagram into forty-nine square, and in reality each of these forty-nine has also forty-nine subdivisions in the same manner, because each plane has seven sub-planes, and each type has seven sub-types, which are produced by the influence upon it of each of the other types in turn. A diagram which clearly explains this may be found in The Secret Doctrine, Vol. iii. p. 483.

dọc cắt ngang bảy cõi theo góc vuông, các cột ấy sẽ tượng trưng cho các loại. Như vậy sơ đồ của chúng ta sẽ bị chia thành bốn mươi chín ô vuông, và trên thực tế mỗi ô trong bốn mươi chín ô này lại có bốn mươi chín phân chia theo cùng một cách, vì mỗi cõi có bảy cõi phụ, và mỗi loại có bảy loại phụ, vốn là do ảnh hưởng lần lượt của từng loại khác tác động lên nó mà sinh ra. Có thể tìm thấy một biểu đồ giải thích rõ điều này trong Giáo Lý Bí Nhiệm, Tập iii, tr. 483.

There are seven great types of men, coming out from the seven great Planetary LOGOI. Each of us belongs to one of these, but each has also a sub-ray from one of the other types.

Có bảy loại vĩ đại của nhân loại, phát xuất từ bảy Hành Tinh Thượng đế vĩ đại. Mỗi người trong chúng ta thuộc về một trong số này, nhưng mỗi người cũng có một cung phụ từ một trong các loại khác.

If a man belongs to the blue or devotional type, and has the wisdom ray as his sub-type, he will be wise in his devotion; but if his sub-ray be also devotional, he may be blindly devoted having no discrimination, and therefore unable to see any blemish in the object of his worship.

Nếu một người thuộc loại lam hay loại sùng tín, và có cung minh triết làm loại phụ, y sẽ khôn ngoan trong lòng sùng tín của mình; nhưng nếu cung phụ của y cũng là sùng tín, y có thể sùng tín mù quáng, không có phân biện, và do đó không thể thấy bất kỳ tì vết nào nơi đối tượng tôn thờ của mình.

Yet though each of us, as has been said, has come out through one or other of the seven Planetary LOGOI, it does not at all follow that he will return through the same LOGOS. Each of the great root-races will produce as its flower and result what is called in the sacred books a Heavenly Man, one mighty Being who actually includes within Himself all those members of the root-race who have made themselves worthy of such inclusion—includes them precisely as our physical body includes millions of cells. True, we have all of us incarnated in other root-races, but we belong to that root-race in which we finally succeed in attaining adeptship, and it will be of the Heavenly Man which represents that

Tuy vậy, dù mỗi người trong chúng ta, như đã nói, đã đi ra qua một trong bảy Hành Tinh Thượng đế, điều đó hoàn toàn không có nghĩa là y sẽ trở về qua cùng một Thượng đế. Mỗi giống dân gốc vĩ đại sẽ kết sinh và tạo ra, như các sách thiêng gọi, một Đấng Thiên Nhân, một Đấng hùng mạnh thực sự bao gồm trong Chính Ngài tất cả những thành viên của giống dân gốc đã khiến mình xứng đáng được bao gồm như thế—bao gồm họ y như thân thể thể xác của chúng ta bao gồm hàng triệu tế bào. Đúng là tất cả chúng ta đều đã từng lâm phàm trong các giống dân gốc khác, nhưng chúng ta thuộc về giống dân gốc mà trong đó ta rốt cuộc đạt được địa vị chân sư, và chúng ta sẽ trở thành một bộ phận của Đấng Thiên Nhân đại

race that we shall form a part.

For each root-race there is a Manu and a Bodhisattva, and these are respectively the brain and the heart of the Heavenly Man of the root-race. We who work in the Theosophical Society are most of us following along one or other of these two lines, and so we shall find ourselves grouped round one or other of those centres in that glorious future. But in the Heavenly Man, as in the man on earth, there are seven centres, and each of these centres is represented by an official of the Occult Hierarchy. Some men will be drawn to one of these centres, and some to another, so that there is the fullest possibility of development for all possible types and dispositions.

These Heaven-born Men so formed are the true inhabitants of the solar system, the mind-born sons of the Planetary LOGOI, destined themselves to be the Planetary LOGOI of the future, and of them we shall be living, conscious component parts; and yet at the same time each of us will have the fullest liberty and the highest possible activity. Incomprehensible, of course, to our present power of thought, but utterly true, nevertheless. Well for us if we can attain our level and take our part along with the great Masters who are the leaders of our Society. If that be too high for us at present, there will be other opportunities in the future—others, and yet others, stretching away in endless vistas. Yet those of us who are earnest students in this Society have now a glorious opportunity, of which we should do well to take the fullest advantage; for if we lose it who knows how many lives of hard work it will take us to earn such another? Soon the Teacher of angels and men will show Himself upon earth once more; happy are we in that we are allowed to help (even though it be ever so little) to prepare the way for His coming; happier yet will be those

diện cho giống dân ấy.

Đối với mỗi giống dân gốc có một Manu và một Bồ-tát, và đây lần lượt là bộ não và trái tim của Đấng Thiên Nhân của giống dân gốc. Chúng ta —những người làm việc trong Hội Thông Thiên Học—phần lớn đang đi theo một trong hai đường lối này, nên trong tương lai huy hoàng ấy chúng ta sẽ thấy mình được nhóm quanh một trong hai trung tâm đó. Nhưng nơi Đấng Thiên Nhân, cũng như nơi con người ở trần thế, có bảy trung tâm, và mỗi trung tâm này được một vị của Thánh Đoàn Huyền Bí đại diện. Một số người sẽ bị lôi cuốn về một trung tâm nào đó, số khác về trung tâm khác, để cho có khả năng phát triển trọn vẹn cho mọi loại hình và mọi khuynh hướng có thể có.

Những Đấng Thiên Nhân sinh từ Trời như thế là những cư dân đích thực của hệ mặt trời, là các Con của trí tuệ, sinh bởi các Hành Tinh Thượng đế, và chính họ được định mệnh trở thành các Hành Tinh Thượng đế trong tương lai; chúng ta sẽ là những thành phần cấu thành, sống động và có ý thức của Các Ngài; đồng thời mỗi người trong chúng ta vẫn có tự do trọn vẹn và hoạt động cao nhất có thể. Dĩ nhiên điều ấy vượt ngoài khả năng tư tưởng hiện tại của chúng ta, nhưng vẫn hoàn toàn chân thật. Thật tốt lành cho chúng ta nếu có thể đạt tới tầm mức của mình và đảm nhận phần việc cùng với các Chân sư vĩ đại—những vị lãnh đạo của Hội chúng ta. Nếu như hiện thời điều ấy quá cao đối với ta, thì tương lai vẫn còn những cơ hội khác—hết cơ hội này đến cơ hội khác—trải dài mút mắt. Tuy nhiên, những ai trong chúng ta là các đạo sinh thành tâm trong Hội này hiện có một cơ hội hiển hách, mà chúng ta nên tận dụng tối đa; vì nếu bỏ lỡ nó thì ai biết phải mất bao nhiêu đời khó nhọc mới có thể kiếm được một cơ hội tương tự? Sắp tới, Đấng Huấn Sư của thiên thần và loài người sẽ lại Hiển Hiện trên trần gian; chúng ta thật hạnh phúc vì được phép góp phần (dù rất nhỏ)

of us who shall see Him face to face, who will be privileged to work under Him in the service of humanity when that day of the Lord shall dawn!

dọn đường cho Sự Đến của Ngài; và càng hạnh phúc hơn nữa sẽ là những ai sẽ thấy Ngài mặt đối mặt, được vinh dự làm việc dưới Quyền Ngài để phụng sự nhân loại khi ngày của Chúa ló rạng!

STRAY NOTES ON RACES

The Irish Race

The Irish are not of Atlantean stock, but belong to the fourth sub-race of the fifth root-race. It is true that Ireland was part of the Atlantean continent, and that the earliest inhabitants were of the Rmoahal, the first sub-race of the fourth root-race; but no recognisable trace now remains of these aborigines, who were a small dark people somewhat of the type of the Laplanders of the present day. Nor is there much now left to bear witness to the first invasion from Africa of a host led by an Ethiopian queen; but there are still some tokens of the next arrivals—a race called the Firbolgs—big, hairy-faced men who appear to have come down from Iceland —probably people of the same stock as the Ainus of Japan. The great majority of the Irish nation (not counting the Scottish immigrants of Ulster) is composed of the descendants of two races—the Tuatha-de-Danaan and the Milesian. The Tuatha-de-Danaan were men of the Caucasian stock, practically identical with the early Greeks, and they reached Ireland by a circuitous northern route, having moved up gradually through Russia, and round by Sweden and Norway, in the manner of the curious slow, wholesale migrations of those earlier days. They were a handsome race with oval faces, clear complexion, mostly dark hair,

Người Ireland không phải thuộc dòng dõi người Atlantis, mà thuộc giống dân phụ thứ tư của giống dân chính thứ năm. Đúng là Ireland từng là một phần của lục địa Atlantis, và những cư dân đầu tiên của nó là người Rmoahal, giống dân phụ đầu tiên của giống dân chính thứ tư; nhưng không còn dấu vết nào có thể nhận ra của những người bản địa này, những người nhỏ bé có nước da sẫm, tương tự như người Laplander thời nay. Cũng không còn lại nhiều bằng chứng về cuộc xâm lược đầu tiên từ châu Phi do một nữ hoàng Ethiopia lãnh đạo; nhưng vẫn còn một vài dấu vết của những người đến sau — một giống dân gọi là Firbolg — những người đàn ông to lớn với khuôn mặt đầy lông, có vẻ như đến từ Iceland — có lẽ là người cùng dòng dõi với người Ainu ở Nhật Bản. Phần lớn dân tộc Ireland (không tính những người di cư Scotland ở Ulster) được hình thành từ hậu duệ của hai giống dân — Tuatha-de-Danaan và người Milesian. Người Tuatha-de-Danaan thuộc dòng dõi người Caucasian, gần như giống hệt với người Hy Lạp cổ đại, và họ đã đến Ireland bằng một con đường vòng phía bắc, di chuyển dần dần qua Nga, rồi vòng qua Thụy Điển và Na Uy, theo kiểu di cư chậm rãi và toàn diện của những ngày xa xưa. Họ là một giống dân đẹp với khuôn mặt trái xoan, nước da

and deep blue or almost violet eyes. Sometimes the hair was lighter and the eyes were grey, but the other type was the more common, and one may often see it exactly reproduced among the Irish peasants of to-day.

trong trẻo, phần lớn tóc đen và đôi mắt xanh đậm hoặc gần như tím. Đôi khi tóc của họ sáng màu hơn và mắt màu xám, nhưng loại kia phổ biến hơn, và người ta có thể thường thấy nó tái hiện chính xác trong số những người nông dân Ireland ngày nay.

The Tuatha-de-Danaan were not only so much handsomer, but also intellectually and spiritually so very much in advance of the mixed race which they found in Ireland that they were regarded by the latter as of celestial lineage, and to this day tradition speaks of them as a race of gods who ruled Ireland during a golden age, which is by no means so entirely legendary as historians generally suppose. Ireland was unquestionably the seat of a high civilisation and a centre of philosophy and learning while the neighbouring island of England was largely covered by dense forests and peopled by naked savages who painted themselves blue.

Người Tuatha-de-Danaan không chỉ đẹp hơn nhiều, mà còn vượt xa về trí tuệ và tinh thần so với giống dân hỗn hợp mà họ tìm thấy ở Ireland, đến mức họ được coi là thuộc dòng dõi thiên giới, và cho đến ngày nay, truyền thuyết vẫn nói về họ như một giống dân của các vị thần, những người đã cai trị Ireland trong một thời kỳ vàng son, không hoàn toàn huyền thoại như các nhà sử học thường nghĩ. Ireland chắc chắn là trung tâm của một nền văn minh cao và một trung tâm triết học và học thuật trong khi hòn đảo láng giềng Anh vẫn phần lớn bị bao phủ bởi những khu rừng rậm và có người sinh sống bởi những kẻ man rợ trần truồng, tự tô màu xanh lên người mình.

The Tuatha-de-Danaan reigned in Ireland through many ages of power and great glory, but their civilisation waned in time, as all others do, and at last they were overcome by an invasion of the Milesians from Spain—a race far inferior to them in culture, spirituality and general development, but having the rude physical strength of youth and much knowledge of the lower magic. These were a bullet-headed people, rugged and often positively ugly of face, with light or vividly red hair—a type which may also still be seen sometimes among the peasantry of the southern part of the country almost in its original purity. Far inferior as they were to the Tuatha-de-Danaan, the Milesians were still a variant of that same fourth sub-race of the Aryans; and since these two types are its main

Người Tuatha-de-Danaan đã trị vì ở Ireland qua nhiều thời đại của quyền lực và vinh quang, nhưng nền văn minh của họ cũng dần tàn lụi như tất cả các nền văn minh khác, và cuối cùng họ đã bị đánh bại bởi một cuộc xâm lược của người Milesian từ Tây Ban Nha — một giống dân kém hơn nhiều về văn hóa, tinh thần và sự phát triển tổng thể, nhưng có sức mạnh thô sơ của tuổi trẻ và nhiều kiến thức về ma thuật hạ cấp. Đây là những người có đầu tròn, thô kệch và thường có khuôn mặt thực sự xấu xí, với mái tóc sáng màu hoặc đỏ rực — một kiểu mà đôi khi vẫn có thể được nhìn thấy trong số những người nông dân ở miền nam đất nước gần như với sự tinh khiết ban đầu của nó. Dù kém hơn nhiều so với người Tuatha-de-Danaan, người Milesian vẫn là một biến thể của giống dân phụ thứ tư của dòng dõi Aryan;

constituents, it is to that sub-race that we must assign the Irish of the present day—Celts, near of kin to the Highlander of Scotland, the Welshman, the Cornishman or the Breton.

và vì hai kiểu người này là thành phần chính của dân tộc, chúng ta phải gán người Ireland hiện đại thuộc giống dân phụ đó — người Celt, gần gũi với người vùng cao Scotland, người xứ Wales, người Cornish hoặc người Breton.

At present there is unfortunately a wide-spread poverty and general lack of prosperity among the Irish nation in its native Erin—a condition of affairs which the Irish usually attribute to oppression by the conquering English. This “oppression,” so far as it is a fact, and not a figment of the imagination, comes from the radical difference between the two races, which causes a curiously complete lack of mutual understanding. The stolid matter-of-fact Anglo-Saxon cannot possibly comprehend the point of view of the imaginative and poetical Irishman, and the motives of the latter are always a sealed book to the former. The average English peasant lives almost entirely upon the physical plane, and his thought runs naturally along lines connected with his every-day interests and experiences. The average Irish peasant of the south and west lives very much upon the astral plane, and cares comparatively little about physical conditions so long as he has the accustomed astral atmosphere about him. His thoughts are usually far away from the mechanical daily round, and occupied with legends of the past, or with the stories of saints and angels and fairies.

Hiện tại, thật đáng tiếc khi có sự nghèo đói lan rộng và sự thiếu thịnh vượng nói chung trong dân tộc Ireland tại quê hương Erin của họ — một tình trạng mà người Ireland thường quy cho sự áp bức của người Anh xâm lược. Sự "áp bức" này, nếu có phần nào là sự thật và không phải là tưởng tượng, bắt nguồn từ sự khác biệt cơ bản giữa hai giống dân, điều này gây ra sự thiếu hiểu biết hoàn toàn giữa họ. Người Anglo-Saxon bình dị và thực tế không thể nào hiểu được quan điểm của người Ireland giàu trí tưởng tượng và thi vị, và động cơ của người Ireland luôn là một cuốn sách kín đối với người Anglo-Saxon. Người nông dân Anh bình thường gần như hoàn toàn sống trên cõi vật lý, và suy nghĩ của anh ta tự nhiên chạy theo những hướng liên quan đến lợi ích và trải nghiệm hàng ngày của mình. Người nông dân Ireland bình thường ở miền nam và miền tây sống rất nhiều trên cõi cảm dục, và so sánh thì ít quan tâm đến điều kiện vật lý hơn, miễn là anh ta có được bầu không khí cảm dục quen thuộc. Suy nghĩ của anh ta thường xa rời khỏi những vòng quay hàng ngày, và bị ám ảnh bởi những truyền thuyết của quá khứ, hoặc với những câu chuyện về các vị thánh, thiên thần và tiên nữ.

I well remember the plaintive amazement of an English landlord who, shocked at the condition of some of the cabins on his estate, had built for his labourers neat little staring brick cottages with all the latest improvements. With great difficulty he persuaded some of the peasants to try the new

Tôi vẫn nhớ rất rõ sự ngạc nhiên đầy than thở của một địa chủ người Anh, người đã sốc trước tình trạng của một số ngôi nhà trên điền trang của mình, đã xây cho những người lao động của mình những ngôi nhà gạch mới, tiện nghi với tất cả những cải tiến hiện đại nhất. Với rất nhiều khó khăn, ông đã thuyết phục một số

dwellings upon which they looked with such strong disfavour, but after a day or two every one of them went back again to the old cabins with their mud floors and leaking roofs, vowing that there was no home like the old home, with all its inconveniences. The truth was that they thought so little of the physical that these inconveniences were hardly felt at all, and weighed as nothing in the balance against the comfortable homelike feeling of the astral radiations of the old walls, to which they had been accustomed from childhood. But the Englishman knew nothing about astral vibrations, and could only marvel at the stupidity and obstinacy of people who actually preferred a miserable and unquestionably filthy old hovel to a new and clean cottage.

nông dân thử các ngôi nhà mới mà họ rất không ưa, nhưng sau một hoặc hai ngày, tất cả đều quay lại với những ngôi nhà cũ của họ với sàn đất và mái nhà dột, thề rằng không nơi nào tốt bằng ngôi nhà cũ, dù có nhiều bất tiện. Sự thật là họ coi trọng quá ít về mặt vật lý đến mức những bất tiện này hầu như không được cảm nhận, và chẳng đáng là gì khi so với cảm giác ấm cúng của các bức xạ cảm dục của những bức tường cũ, nơi họ đã quen thuộc từ thuở nhỏ. Nhưng người Anh không biết gì về các rung động cảm dục, và chỉ có thể ngạc nhiên trước sự ngu ngốc và cố chấp của những người thực sự thích một túp lều cũ kỹ, không nghi ngờ gì là dơ bẩn, thay vì một ngôi nhà mới và sạch sẽ.

The drunkenness which is so sadly common among the peasantry is largely referable to the same cause; it is not physical but astral sensation which is sought, and to some extent obtained, by means of the absorption of alcohol. The average Irish peasant may perhaps drink more than his English compeer, but his thoughts are on the whole far purer and more elevated. To him all women are sacred for the sake of the Virgin Mother to whom he prays, and statistics show that crimes against the weaker sex are far rarer in Erin than in Albion. The Englishman endeavours to be accurate; the Irishman cares little for accuracy, but prefers to say rather what is most courteous, or what he thinks will please. In a word, they represent two different sub-races; their development runs along quite different lines, and only the wisest and most liberal of each can possibly understand and make allowance for the peculiarities of the other.

Tình trạng say xỉn phổ biến một cách đáng buồn trong số những người nông dân chủ yếu cũng có thể được giải thích bởi cùng nguyên nhân đó; không phải cảm giác vật lý mà cảm giác cảm dục là thứ được tìm kiếm, và phần nào đó được đạt được, bằng cách hấp thụ rượu. Người nông dân Ireland bình thường có thể uống nhiều hơn người đồng nghiệp Anh của mình, nhưng suy nghĩ của anh ta trên toàn bộ là trong sáng và cao thượng hơn. Đối với anh ta, tất cả phụ nữ đều thiêng liêng vì Đức Mẹ Đồng Trinh mà anh ta cầu nguyện, và thống kê cho thấy rằng các tội ác chống lại phái yếu hiếm xảy ra hơn rất nhiều ở Erin so với ở Albion. Người Anh cố gắng chính xác; người Ireland không quan tâm nhiều đến sự chính xác, nhưng thích nói những gì lịch sự nhất, hoặc những gì anh ta nghĩ sẽ làm vui lòng người khác. Tóm lại, họ đại diện cho hai giống dân phụ khác nhau; sự phát triển của họ đi theo các hướng hoàn toàn khác nhau, và chỉ có những người khôn ngoan và rộng lượng nhất

của mỗi bên mới có thể hiểu và thông cảm cho những điểm khác biệt của nhau.

It is probable that many causes combine to produce the poverty and general lack of prosperity of the Irish. Without raising any of the vexed questions about which party opinions clash, the occultist may examine with interest at least one cause which is never suspected by those who discuss the subject in this prosaic twentieth century; and that is the working of a curse pronounced against the race (or perhaps one should rather say a spell laid upon it) no less than two thousand years ago at the time of the Milesian conquest. Students of early Irish history will remember how persistently it is stated that the invading Milesians were able to hold in thrall the distinctly superior race which they had overcome, because they cast upon it the glamour of a great illusion. This legend has a basis of fact. The priests of the Milesian religion were well acquainted with certain types of magic, and as the country was conquered they occupied it with strongly magnetised centres. They established one of these every few miles, until they had a net-work of them covering the whole southern and western part of the land, and even now, after the lapse of two thousand years, a strong influence radiates from them.

Có lẽ nhiều nguyên nhân kết hợp để tạo ra sự nghèo đói và thiếu thịnh vượng nói chung của người Ireland. Không cần phải khơi dậy bất kỳ câu hỏi nhạy cảm nào mà các ý kiến đảng phái xung đột, các nhà huyền bí học có thể quan sát với sự quan tâm ít nhất một nguyên nhân chưa từng được nghi ngờ bởi những người thảo luận vấn đề này trong thế kỷ hai mươi khô khan; và đó là sự hoạt động của một lời nguyền đã được phát ra chống lại giống dân này (hoặc có lẽ đúng hơn là một câu thần chú được đặt lên nó) cách đây không dưới hai ngàn năm, vào thời kỳ chinh phục của người Milesian. Những người nghiên cứu lịch sử Ireland thời kỳ đầu sẽ nhớ rằng nó được tuyên bố rất kiên định rằng người Milesian xâm lược đã có thể chế ngự giống dân vượt trội mà họ đã đánh bại, vì họ đã gây ra một ảo tưởng vĩ đại lên nó. Truyền thuyết này có cơ sở thực tế. Các giáo sĩ của tôn giáo Milesian rất thông thạo một số loại ma thuật nhất định, và khi đất nước này bị chinh phục, họ đã thiết lập những trung tâm từ tính mạnh mẽ trên khắp vùng đất. Họ lập ra một trong những trung tâm này cách vài dặm, cho đến khi họ có một mạng lưới bao phủ toàn bộ miền nam và miền tây của đất nước, và thậm chí bây giờ, sau hai ngàn năm, một ảnh hưởng mạnh mẽ vẫn phát ra từ chúng.

Great crowds of nature-spirits of a certain type are still irresistibly attracted to these centres, gambol round them and are permeated by their influence, and unconsciously become its ministers, and spread it all over the country wherever they go.

Các đám đông tinh linh tự nhiên thuộc một loại nhất định vẫn bị thu hút không thể cưỡng lại bởi những trung tâm này, chúng nhảy múa xung quanh chúng và bị ảnh hưởng bởi chúng, và vô thức trở thành những người phục vụ cho chúng, và lan tỏa ảnh hưởng đó khắp đất nước bất cứ nơi nào chúng đi.

The spell which the Milesian priests laid upon the people was two-fold—the curses of disunion and lethargy—that they should never be able effectively to combine together, but always quarrel among themselves, and that they should apathetically submit to the domination of whoever wielded or inherited the magnetic power. If any English ruler had ever known enough of magic to understand and utilise this heritage of the Milesian priests, the history of Ireland might have been different. As the Anglo-Saxon is usually blankly ignorant and blatantly incredulous with regard to all that side of nature, a very curious thing has happened. Consciously or unconsciously the Roman Church has come into that heritage, and profits by what still remains of the power of that ancient spell, and her rule is unquestioned through all the districts where long ago those priests of an older faith established their magnetic centres.

Câu thần chú mà các giáo sĩ Milesian đặt lên người dân là hai chiều — những lời nguyền của sự chia rẽ và thụ động — rằng họ sẽ không bao giờ có thể hợp nhất một cách hiệu quả với nhau, mà luôn luôn cãi vã lẫn nhau, và rằng họ sẽ thụ động chấp nhận sự thống trị của bất kỳ ai nắm giữ hoặc thừa hưởng quyền lực từ tính. Nếu có bất kỳ nhà cầm quyền Anh nào từng hiểu đủ về ma thuật để hiểu và sử dụng di sản này của các giáo sĩ Milesian, thì lịch sử Ireland có thể đã khác. Vì người Anglo-Saxon thường ngu ngốc và hoài nghi một cách trắng trợn đối với tất cả những khía cạnh đó của tự nhiên, một điều rất kỳ lạ đã xảy ra. Có ý thức hoặc vô thức, Giáo hội La Mã đã thừa hưởng di sản đó, và hưởng lợi từ những gì còn sót lại của quyền lực của câu thần chú cổ xưa đó, và quyền lực của Giáo hội không bị thách thức ở tất cả các khu vực nơi mà từ lâu các giáo sĩ của một tôn giáo cũ đã thiết lập các trung tâm từ tính của họ.

The Spanish Race

The whole question of racial Karma is a difficult one, and I do not think that we have as yet sufficient information at our command to enable us to speak definitely upon the subject. This much is certain—that whenever we find markedly unusual conditions surrounding a race, we may conclude that the Manu in charge of that portion of evolution has in hand a number of egos who need just those conditions for their progress. The law of cause and effect must obviously govern national as well as individual affairs, though its action is complicated by the fact that the egos who form the race when the effect arrives

Toàn bộ vấn đề về nghiệp quả chủng tộc là một vấn đề khó khăn, và tôi không nghĩ rằng chúng ta hiện tại có đủ thông tin trong tay để có thể nói chắc chắn về chủ đề này. Điều này chắc chắn là — bất cứ khi nào chúng ta thấy những điều kiện khác thường bao quanh một chủng tộc, chúng ta có thể kết luận rằng Đấng Manu chịu trách nhiệm về phần tiến hóa đó đang nắm trong tay một số phàm ngã cần những điều kiện đó để tiến bộ. Luật nhân quả rõ ràng phải chi phối các vấn đề quốc gia cũng như cá nhân, mặc dù sự vận hành của nó phức tạp bởi thực tế rằng những phàm ngã hình thành nên chủng tộc khi nghiệp quả đến

are usually not those who were there when the cause was set in motion.

thường không phải là những phàm ngã đã tạo ra nguyên nhân ban đầu.

For example, it may be not unreasonable to suppose that the fact that Spain has somewhat ignominiously lost the whole of South America and Mexico, has a definite karmic relation to the awful cruelty and rapacity shown in her conquest of those countries; yet we imagine that the Spaniards who suffered loss when those countries freed themselves can hardly in all cases have been reincarnations of those who wrought such appalling havoc under Cortes and Pizarro. On the other hand, it is very probable that some of them may have been, for we know that people of the lower classes return very much sooner than those of the first class, and usually have to incarnate several times in the same branch-race before they have learnt all its lessons.

Ví dụ, có thể không phải là không hợp lý khi cho rằng thực tế Tây Ban Nha đã mất một cách đáng hổ thẹn toàn bộ Nam Mỹ và Mexico có liên quan nghiệp quả nhất định đến sự tàn ác và tham lam khủng khiếp mà Tây Ban Nha đã thể hiện trong quá trình chinh phục các quốc gia đó; tuy nhiên, chúng ta tưởng tượng rằng những người Tây Ban Nha đã chịu mất mát khi các quốc gia đó giành độc lập khó có thể là hóa thân của những người đã gây ra sự tàn phá khủng khiếp dưới thời Cortes và Pizarro. Mặt khác, rất có thể một số trong họ có thể đã là như vậy, vì chúng ta biết rằng những người thuộc tầng lớp thấp hơn tái sinh nhanh hơn nhiều so với những người thuộc tầng lớp cao hơn, và thường phải hóa thân nhiều lần trong cùng một nhánh chủng tộc trước khi họ học hết tất cả các bài học của nó.

The Jewish Race —Chủng Tộc Do Thái

The peculiar conditions of the Jewish race exist primarily because at this particular stage the Manu needs them for the proper training of some of the egos under his care. We can only guess at the racial karma which made those conditions possible. Perhaps the explanation is to be found in the fact that the Jewish race is descended from those Atlantean Semites who were drawn away into Arabia, apart from their fellows, by the Manu of the Fifth root-race when he was making his first segregation. That first attempt was not wholly successful, and a second segregation took place into the Gobi district, from which

Những điều kiện đặc biệt của chủng tộc Do Thái tồn tại chủ yếu vì ở giai đoạn cụ thể này, Đấng Manu cần chúng để đào tạo đúng cách cho một số phàm ngã dưới sự chăm sóc của Ngài. Chúng ta chỉ có thể phỏng đoán về nghiệp quả chủng tộc đã làm cho những điều kiện đó trở nên khả thi. Có lẽ lời giải thích có thể được tìm thấy trong thực tế rằng chủng tộc Do Thái là hậu duệ của những người Atlantis gốc Semite, những người đã bị dẫn vào Ả Rập, tách biệt khỏi đồng loại của họ, bởi Đấng Manu của giống dân chính thứ năm khi Ngài thực hiện cuộc phân lập đầu tiên. Nỗ lực đầu tiên đó không hoàn toàn thành công, và một cuộc

in due time was produced the first sub-race of the new root-race. When a second sub-race was needed, the Manu sent emissaries to the descendant of those who had been left behind in Arabia, hoping to mingle with theirs the blood of the new root-race; but they were so strongly impressed with the idea (which he himself had originally implanted in them) that they were a chosen race, set apart from the world and forbidden to intermarry with others, that in the name of his own teaching they now rejected his overtures, and he had to seek elsewhere for what he wanted.

phân lập thứ hai đã diễn ra ở vùng Gobi, từ đó vào thời điểm thích hợp đã tạo ra giống dân phụ đầu tiên của giống dân chính mới. Khi cần giống dân phụ thứ hai, Đấng Manu đã gửi các sứ giả đến hậu duệ của những người đã bị bỏ lại ở Ả Rập, hy vọng sẽ kết hợp với dòng máu của họ với giống dân chính mới; nhưng họ đã bị ấn tượng mạnh bởi ý tưởng (mà chính Ngài đã gieo vào họ) rằng họ là một dân tộc được chọn, tách biệt khỏi thế giới và bị cấm kết hôn với người khác, đến nỗi nhân danh chính giáo lý của Ngài, họ đã từ chối lời đề nghị của Ngài, và Ngài đã phải tìm kiếm ở nơi khác những gì mình muốn.

The particular sub-race from which the Jewish nation is directly descended had moved across from Arabia to the Somali Coast, in order to avoid conquest by those who followed the new teaching of the Manu. They then split off even from that dissenting band, and made their way along the shores of the Gulf of Aden and the Red Sea, until they entered upon the territory of Egypt. The Pharaoh of the time received them hospitably, and assigned them a tract of land on which to dwell, and they settled down there for some centuries; but as a later Pharaoh sought to levy from them some impost to which they objected, and also to force them to perform for him certain unpaid labour, as his other subjects did, they protested against his claims, and continued their migration by crossing the Sinaitic desert and settling themselves in southern Syria, dispossessing, after much fighting, other robber tribes of much the same blood as themselves.

Giống dân phụ cụ thể mà từ đó dân tộc Do Thái trực tiếp xuất thân đã di chuyển từ Ả Rập đến bờ biển Somali, để tránh bị chinh phục bởi những người theo đuổi giáo lý mới của Đấng Manu. Sau đó, họ tách ra khỏi nhóm bất đồng đó và đi dọc theo bờ biển Vịnh Aden và Biển Đỏ, cho đến khi họ tiến vào lãnh thổ Ai Cập. Vị Pharaoh của thời kỳ đó đã tiếp đón họ một cách hiếu khách và giao cho họ một khu đất để sinh sống, và họ đã định cư ở đó trong vài thế kỷ; nhưng khi một Pharaoh sau đó tìm cách áp đặt lên họ một số loại thuế mà họ phản đối, và cũng buộc họ phải thực hiện một số lao động không công cho ông ta như các thần dân khác của ông ta, họ đã phản đối yêu cầu của ông ta và tiếp tục cuộc di cư của mình bằng cách băng qua sa mạc Sinai và định cư ở miền nam Syria, chiếm đoạt, sau nhiều cuộc chiến, các bộ tộc cướp bóc khác có cùng dòng máu với họ.

The karma of that rejection has left them ever since a race apart, the same egos to a large extent incarnating again and again in that line

Nghiệp quả của sự từ chối đó đã để lại họ mãi mãi là một chủng tộc riêng biệt, và phần lớn những phàm ngã tương tự đã hóa thân lặp đi

instead of passing from race to race in the usual way. Whether some blind perception of this difference may help to account for the treatment they have received at the hands of other races I cannot definitely say, but it may also be partially due to the fact that because of the tradition of that original selection by the Manu they have always had a feeling somewhat similar to that of the Brahmans—that they are superior to all the rest of the world; and the rest of the world has not always appreciated the attitude which they adopted in consequence of that belief.

lặp lại trong dòng dõi đó thay vì chuyển từ chủng tộc này sang chủng tộc khác theo cách thông thường. Liệu một nhận thức mù quáng về sự khác biệt này có thể giúp giải thích phần nào cách đối xử mà họ đã nhận được từ tay các chủng tộc khác hay không, tôi không thể nói chắc chắn, nhưng nó cũng có thể một phần do thực tế rằng vì truyền thống về sự lựa chọn ban đầu của Đấng Manu, họ luôn cảm thấy một sự tự hào tương tự như của các Brahmin — rằng họ vượt trội hơn so với phần còn lại của thế giới; và phần còn lại của thế giới không phải lúc nào cũng đánh giá cao thái độ mà họ đã áp dụng do niềm tin đó.

They were originally a nomad tribe like the Bedouin Arabs, and lived largely by robbery, their deity being confessedly but a private tribal god who fought against the gods of other nations and was perpetually vaunting himself as superior to them, although it will be remembered that in one case he was not able to overcome certain other races "because they had chariots of iron" (Judges, i. 19). Just like all other elemental tribal deities, he required constant sacrifices of blood, and in order that he might receive plenty of these he was always exceedingly jealous lest any of his followers should desert him, and make their offerings to other deities. The requiring of blood-sacrifices is an invariable criterion as to the status of a deity; no entity in the least deserving of respect or worship ever made such an abominable demand. It will be found that he often suggested mean and dishonourable plans—which is quite a common thing for a tribal deity to do, but would of course be utterly impossible for any higher entity.

Ban đầu họ là một bộ lạc du mục giống như người Bedouin Ả Rập, và sống phần lớn bằng nghề cướp bóc, với thần linh của họ được thừa nhận chỉ là một vị thần bộ lạc riêng, người chiến đấu chống lại các vị thần của các quốc gia khác và luôn tự ca ngợi mình là vượt trội so với họ, mặc dù sẽ được nhớ rằng có một lần ông không thể vượt qua một số chủng tộc khác "vì họ có chiến xa bằng sắt" (Thẩm phán 1:19). Giống như tất cả các vị thần bộ lạc nguyên sơ khác, ông yêu cầu những lễ hiến sinh bằng máu thường xuyên, và để nhận được nhiều lễ hiến sinh như vậy, ông luôn cực kỳ ghen tị nếu bất kỳ người theo ông nào từ bỏ ông và dâng lễ cho các vị thần khác. Yêu cầu những lễ hiến sinh bằng máu là một tiêu chí không thể thiếu để đánh giá tình trạng của một vị thần; không có thực thể nào đáng được tôn trọng hoặc thờ phụng mà lại đưa ra yêu cầu ghê tởm như vậy. Sẽ thấy rằng ông thường đề xuất những kế hoạch thấp hèn và không đáng kính — điều này là rất phổ biến đối với một vị thần bộ lạc, nhưng tất nhiên sẽ hoàn toàn không thể xảy ra đối với bất kỳ thực thể cao cấp nào.

The carrying away into captivity in Babylon of

Việc một số người náo loạn này bị lưu đày đến

a number of these turbulent people was quite the best thing that could happen to them. They then for the first time came into contact with a highly civilised race, and for the first time heard of a supreme God of whom everything was part. Then they characteristically tried to identify their own tribal deity with this Supreme Being, and so caused much confusion. When they returned from this captivity they rewrote their scriptures from the memory of the older men, and then they put into them a certain admixture the higher ideas about a supreme deity.

Babylon hoàn toàn là điều tốt nhất có thể xảy ra với họ. Lần đầu tiên họ tiếp xúc với một chủng tộc văn minh cao cấp, và lần đầu tiên họ nghe nói về một Thượng Đế tối cao mà mọi thứ đều là một phần của Ngài. Sau đó, họ một cách đặc trưng đã cố gắng đồng nhất vị thần bộ lạc của họ với Đấng Tối Cao này, và do đó đã gây ra nhiều sự nhầm lẫn. Khi họ trở về từ cảnh lưu đày này, họ đã viết lại các thánh thư của mình từ ký ức của những người lớn tuổi, và sau đó họ đưa vào đó một số ý tưởng cao cấp hơn về một Thượng Đế tối cao.

The Founder of Christianity took possession of a Jewish body; all the earlier teachers of the religion were of the same race, and so, unfortunately, they brought over into Christianity this mixed conception of a god who is full of irreconcilable characteristics, being at the same time jealous, cruel and revengeful, and yet omniscient, omnipresent and compassionate. Even at the present day the Christian church still reads in its highest service the ridiculous old Jewish commandments, with which is incorporated the statement of the jealousy of the deity, while in another part of the very same service she acclaims him as “God of God, Light of Light, very God of very God.” If the Christians could only have left these primitive Jewish conceptions alone, and taken with reference to God the teachings of their Founder, who spoke of Him always as the Father in heaven, many of the troubles of the Church would have been avoided.

Người sáng lập đạo Thiên Chúa đã nhập vào một thân xác Do Thái; tất cả các giáo huấn sư đầu tiên của tôn giáo này cũng đều thuộc cùng một chủng tộc, và do đó, không may thay, họ đã mang vào đạo Thiên Chúa một quan niệm hỗn hợp về một vị thần đầy những đặc tính không thể hòa hợp, vừa ghen tị, tàn nhẫn và báo thù, vừa toàn tri, hiện diện khắp nơi và đầy lòng từ bi. Thậm chí cho đến ngày nay, nhà thờ Thiên Chúa vẫn đọc trong các buổi lễ cao nhất của mình những điều răn Do Thái cổ xưa lố bịch, trong đó có lời tuyên bố về sự ghen tuông của vị thần, trong khi ở một phần khác của chính buổi lễ đó, họ lại ca ngợi Ngài là “Chúa của Chúa, Ánh sáng của Ánh sáng, Thượng đế của Thượng đế.” Nếu người Thiên Chúa giáo có thể bỏ qua những quan niệm Do Thái nguyên thủy này và chỉ lấy những giáo lý của người Sáng lập của họ về Thượng đế, Đấng mà Ngài luôn gọi là Cha trên trời, thì nhiều vấn đề của Giáo hội đã có thể được tránh.

The Atlanteans had as a race no sense of the abstract, and were unable to generalise; for example, they had no multiplication table; arithmetic was to them a system of magic, and a child had to learn elaborate rules without ever knowing the reason for them. For example, he was taught that if 8 came beneath 8 in the particular form of magic which we now call addition, the figure 6 must be noted as the result, and the next figure to the left-hand side in the result must be increase by 1. If however the particular magic happened to be subtraction, a cipher was the result; if it was division the figure 1 appeared; if it was multiplication the figure 4 was the result, and the next figure to the left must be altered by 6. But he never knew that 8 plus 8 equals 16, or that 8 times 8 equals 64! A similar elaborate set of rules had to be memorized for every conceivable position of all the figures up to 10. These four sets or types of mathematical magic had to be learnt just as though they were four conjugations of a verb. Most of their calculations, however, were made by means of machinery—a kind of abacus or framework something like that now used by the Chinese and Japanese, by means of which it is even now possible to make quite elaborate calculations—as, for example, to take the square root of any number.

Người Atlanteans, với tư cách là một giống dân, không có ý thức về sự trừu tượng và không thể tổng quát hóa; ví dụ, họ không có bảng cửu chương; đối với họ, số học là một hệ thống huyền thuật, và một đứa trẻ phải học các quy tắc phức tạp mà không bao giờ biết lý do đằng sau chúng. Ví dụ, y được dạy rằng nếu số 8 nằm dưới số 8 trong một loại huyền thuật mà chúng ta hiện gọi là phép cộng, thì kết quả phải ghi là số 6, và con số tiếp theo ở bên trái phải được tăng thêm 1. Tuy nhiên, nếu loại huyền thuật đó là phép trừ, kết quả sẽ là số 0; nếu là phép chia, kết quả là số 1; nếu là phép nhân, kết quả là số 4, và con số tiếp theo ở bên trái phải được thay đổi bằng 6. Nhưng y không bao giờ biết rằng 8 cộng 8 bằng 16, hay 8 nhân 8 bằng 64! Một tập hợp quy tắc phức tạp tương tự phải được ghi nhớ cho mọi vị trí có thể của tất cả các số lên đến 10. Bốn tập hợp hay kiểu huyền thuật toán học này phải được học như thể chúng là bốn cách chia động từ. Tuy nhiên, hầu hết các phép tính của họ được thực hiện bằng máy móc—một loại bàn tính hoặc khung tương tự như loại hiện nay được người Trung Quốc và người Nhật Bản sử dụng, thông qua đó ngay cả hiện nay cũng có thể thực hiện các phép tính khá phức tạp—ví dụ, lấy căn bậc hai của bất kỳ số nào.

The Atlanteans were clever at amassing facts, and had prodigious memories; also they invented a good deal of quite complicated machinery, though most of it would seem to us now quite clumsy in its action. We see another curious trace of their limitations in the religion which the Egyptians inherited from them. They had observed and noted

Người Atlanteans rất giỏi trong việc tích lũy các sự kiện, và có trí nhớ phi thường; họ cũng phát minh ra nhiều loại máy móc khá phức tạp, mặc dù hầu hết trong số đó ngày nay dường như khá vụng về đối với chúng ta. Chúng ta thấy một dấu vết kỳ lạ khác về những hạn chế của họ trong tôn giáo mà người Ai Cập đã thừa hưởng từ họ. Họ đã quan sát và ghi

most of the types of elemental essence and nature-spirits, and they had named them all, and invented special forms of spells for each, by which it could be controlled; and they went on elaborately learning all these, with the feeling that if any but the right spell was applied to a particular elemental, he would probably prove destructive. Yet they never realised that the force behind the spells was in every case the human will, and that a determined exertion of that, without any spell at all, would have been equally effective in all these different places. The Book of the Dead contains great numbers of these, and only that portion of it which it was thought would be needed by each dead person was placed along with him in his tomb.

nhận hầu hết các loại tinh chất hành khí và tinh linh tự nhiên, và họ đã đặt tên cho tất cả, và phát minh ra các hình thức thần chú đặc biệt cho từng loại để có thể kiểm soát chúng; và họ tiếp tục học một cách phức tạp tất cả những thứ này, với cảm giác rằng nếu bất kỳ thần chú nào khác ngoài thần chú đúng đắn được áp dụng cho một hành khí cụ thể, y có thể trở nên hủy diệt. Tuy nhiên, họ không bao giờ nhận ra rằng lực lượng đằng sau các thần chú trong mọi trường hợp chính là ý chí của con người, và rằng một sự nỗ lực quyết tâm của ý chí đó, mà không cần bất kỳ thần chú nào, cũng sẽ có hiệu quả tương tự trong tất cả các trường hợp khác nhau này. Tử Thư chứa rất nhiều những điều như vậy, và chỉ phần nào của nó mà người ta nghĩ rằng sẽ cần thiết cho mỗi người chết mới được đặt cùng với họ trong lăng mộ.

The Turanian sub-race of the Atlanteans made a series of experiments in what is now called democracy, and carried it to even wilder lengths than its most rabid exponents at the present day have yet suggested. The results were so utterly intolerable that the whole race broke up into anarchy and chaos; and China even now bears the impress of the violent reaction in the direction of aristocratic government which followed. The Turanians had their animal passions very strongly developed, and were in many ways not what we should call pleasant people.

Giống dân phụ Turanian của người Atlanteans đã thực hiện một loạt các thí nghiệm trong điều mà ngày nay được gọi là dân chủ, và họ đã đẩy nó đi xa hơn cả những người ủng hộ cực đoan nhất của thời hiện đại có thể tưởng tượng ra. Kết quả là hoàn toàn không thể chịu đựng nổi đến mức cả giống dân đã tan rã thành vô chính phủ và hỗn loạn; và Trung Quốc ngày nay vẫn còn mang dấu ấn của phản ứng dữ dội theo hướng chính quyền quý tộc đã xảy ra sau đó. Người Turanians có các dục vọng động vật phát triển rất mạnh, và về nhiều mặt, họ không phải là những người mà chúng ta có thể gọi là dễ chịu.

MARS AND ITS INHABITANTS—SAO HỎA VÀ CƯ DÂN CỦA NÓ

The present condition of the planet Mars is by

Tình trạng hiện nay của hành tinh Sao Hỏa

no means unpleasant. It is a smaller planet than the Earth and more advanced in age. I do not mean that it is actually older in years, for the whole chain of worlds came into existence—not simultaneously indeed—but within a certain definite area of time. But being smaller it lives its life as a planet more quickly. It cooled more rapidly from the nebulous condition, and it has passed through its other stages with corresponding celerity. When humanity occupied it in the third round it was in much the same condition as is the Earth at the present time—that is to say, there was much more water than land on its surface. Now it has passed into comparative old age, and the water surface is far less than that of land. Large areas of it are at present desert, covered with a bright orange sand which gives the planet the peculiar hue by which we so readily recognize it. Like that of many of our own deserts, the soil is probably fertile enough if the great irrigation system were extended to it, as it no doubt would have been if humanity had remained upon it until now.

hoàn toàn không khó chịu. Nó là một hành tinh nhỏ hơn Trái Đất và trưởng thành hơn về niên kỷ. Tôi không có ý nói rằng nó thực sự già hơn về số năm, vì toàn bộ dãy thế giới xuất hiện—không phải đồng thời—nhưng trong một khoảng thời gian nhất định. Tuy nhiên, vì nhỏ hơn nên nó sống đời sống như một hành tinh nhanh hơn. Nó nguội đi nhanh hơn từ tình trạng tinh vân, và đã đi qua các giai đoạn khác của mình với tốc độ tương ứng. Khi nhân loại cư trú trên đó trong cuộc tuần hoàn thứ ba, nó ở trong tình trạng khá giống với Trái Đất hiện nay—nghĩa là, bề mặt của nó có nhiều nước hơn đất liền. Nay nó đã bước vào thời kỳ lão niên tương đối, và diện tích nước ít hơn đất liền rất nhiều. Những vùng rộng lớn của nó hiện là sa mạc, phủ cát cam sáng tạo cho hành tinh sắc độ riêng biệt khiến ta dễ dàng nhận ra nó. Giống như nhiều sa mạc của chính chúng ta, đất đai có lẽ đủ màu mỡ nếu hệ thống thủy lợi vĩ đại được mở rộng đến đó, như chắc hẳn đã được làm nếu nhân loại còn ở lại trên đó đến tận bây giờ.

The present population, consisting practically of members of the inner round, is but a small one, and they find plenty of room for themselves to live without great effort, in the equatorial lands, where the temperature is highest and there is no difficulty as to water. The great system of canals which has been observed by terrestrial astronomers was constructed by the second order of moon-men when they last occupied the planet, and its general scheme is to take advantage of the annual melting of enormous masses of ice at the outer fringe of the polar snow-caps. It has been observed that some of the canals are double, but the double line is only occasionally apparent; that is due to the fore-thought of the Martian engineers. The country is on the whole level, and they had great dread of inundations; and wherever

Dân cư hiện nay, thực tế gồm các thành viên của cuộc tuần hoàn nội bộ, chỉ là một nhóm nhỏ, và họ tìm thấy dư dả chỗ ở cho mình mà không cần nỗ lực lớn, tại các vùng xích đạo, nơi nhiệt độ cao nhất và không gặp khó khăn về nước. Hệ thống kênh đào vĩ đại đã được các nhà thiên văn học trần thế quan sát được là do hạng thứ hai của những người Mặt Trăng xây dựng khi họ cư trú trên hành tinh này lần cuối, và sơ đồ tổng quát của nó là tận dụng việc tan chảy hàng năm của khối lượng băng khổng lồ ở rìa ngoài của các mũ băng cực. Người ta đã quan sát thấy một số kênh là kênh kép, nhưng đường kép chỉ đôi khi mới thấy rõ; đó là do sự lo xa của các kỹ sư Hỏa tinh. Địa hình nói chung khá bằng phẳng, và họ rất sợ lụt; bất cứ nơi nào họ nghĩ rằng có lý do để e ngại dòng nước thoát ra quá mạnh trong những trường hợp bất thường, một kênh song song thứ hai

they thought that there was reason to fear too great an outrush of water under exceptional circumstances the second parallel canal was constructed to receive any possible overflow and carry it away safely.

được xây để đón bất kỳ nước tràn nào có thể có và đưa nó đi một cách an toàn.

The actual canals themselves are not visible to terrestrial telescopes; what is seen is the belt of verdure which appears in a tract of country on each side of the canal only at the time when the water pours in. Just as Egypt exists only because of the Nile, so do large districts on Mars exist only because of these canals. From each side of them radiate at intervals water-ways, which run some miles into the surrounding country and are then subdivided into thousands of tiny streamlets, so that a strip of country a hundred miles in width is thoroughly irrigated. In this area are forests and cultivated fields, and vegetation of all sorts starts forth in the greatest profusion, making upon the surface of the planet a dark belt which is visible to us even forty million miles away when the planet is at its nearest and favourably situated.

Bản thân các kênh thực sự không thể thấy qua kính thiên văn của trần thế; điều được thấy là vành đai cây xanh xuất hiện ở một dải đất hai bên kênh chỉ vào thời điểm nước đổ vào. Cũng như Ai Cập tồn tại là nhờ sông Nile, nhiều vùng rộng trên Sao Hỏa cũng chỉ tồn tại nhờ các kênh này. Từ hai bên kênh, theo những khoảng cách nhất định, tỏa ra các thủy đạo chạy hàng dặm vào vùng đất chung quanh, rồi được phân chia thành hàng ngàn dòng suối li ti, sao cho một dải đất rộng một trăm dặm được tưới tiêu triệt để. Trong khu vực này có rừng và ruộng vườn, và thảm thực vật muôn loài sinh sôi nảy nở vô cùng phong phú, tạo nên trên bề mặt hành tinh một vành đai sẫm màu có thể thấy được ngay cả ở khoảng cách bốn mươi triệu dặm khi hành tinh ở vị trí gần nhất và thuận lợi.

Mars is much farther from the centre of the system than we are, and consequently the sun appears to its inhabitants scarcely more than half the size that it does to us. Nevertheless the climate of the inhabited portions of the planet is very good, the temperature during the day at the equator being usually about 70° Fahrenheit, though there are not many nights in the year when there is not a touch of frost. Clouds are almost unknown, the sky being for most of the year entirely clear. The country is therefore to a large extent free from the unpleasantness of rain or snow. The Martian day is a few minutes longer than our own and their year is nearly twice as long as ours, and the variation of the seasons in the inhabited part is but slight.

Sao Hỏa xa tâm của hệ mặt trời hơn chúng ta nhiều, nên mặt trời đối với cư dân của nó chỉ hiện ra lớn bằng chừng hơn một nửa so với đối với chúng ta. Tuy nhiên, khí hậu của các phần có người ở của hành tinh rất tốt, nhiệt độ ban ngày ở xích đạo thường vào khoảng 70° Fahrenheit, dù trong năm hiếm đêm lại không có chút sương giá. Mây hầu như không có, bầu trời phần lớn trong năm hoàn toàn quang đãng. Vì vậy đất nước phần lớn thoát khỏi sự khó chịu của mưa hay tuyết. Ngày Hỏa tinh dài hơn ngày của chúng ta vài phút, và năm của họ gần như dài gấp đôi năm của chúng ta, còn sự biến đổi các mùa ở vùng có cư dân chỉ rất ít.

In physical appearance the Martians are not unlike ourselves, except that they are considerably smaller. The tallest men are not above five feet in height and the majority are two or three inches shorter. According to our ideas they are somewhat broad in proportion, having very great chest capacity—a fact which may possibly be due to the rarity of the air and the consequent necessity of deep breathing in order fully to oxygenate the blood. The whole civilised population of Mars is one race, and there is practically no difference in features or complexion, except that, just as among ourselves, there are blondes and brunettes, some of the people having a faintly yellowish skin and black hair, while the majority have yellow hair and blue or violet eyes—somewhat Norwegian in appearance. They dress mostly in brilliant colours, and both sexes wear an almost shapeless garment of some very soft material which falls straight from the shoulders down to the feet. Generally the feet are bare, though they sometimes use a sort of metal sandal or slipper, with a thong round the ankle.

Về hình dáng thể chất, người Hỏa tinh không khác mấy chúng ta, trừ việc họ nhỏ con hơn khá nhiều. Người đàn ông cao nhất cũng không vượt quá khoảng 1,52 mét, và đa số thấp hơn độ 5–7,5 cm. Theo quan niệm của chúng ta, họ có phần bè ngang hơn tương xứng, với dung tích lồng ngực rất lớn—một thực tế có lẽ do không khí loãng và do đó cần hít thở sâu để đưa oxy đầy đủ vào máu. Toàn bộ dân cư văn minh của Sao Hỏa là một chủng tộc, và hầu như không có khác biệt về nét mặt hay nước da, ngoại trừ việc—cũng như giữa chúng ta—có người tóc sáng và người tóc sẫm; một số có da hơi ngả vàng và tóc đen, trong khi phần lớn có tóc vàng và mắt xanh hoặc tím—trông hơi giống người Na Uy. Họ thường mặc y phục rực rỡ, và cả hai giới đều mặc một thứ áo choàng gần như vô dạng bằng vật liệu rất mềm, rũ thẳng từ vai xuống chân. Nói chung họ để chân trần, dù đôi khi dùng một loại dép hay giày kim loại, có dây quấn quanh cổ chân.

They are very fond of flowers, of which there is a great variety, and their towns are built on the general plan of the garden-city, the house usually being one-storeyed only, but built round inner courtyards and straggling over a great deal of ground. These houses look exteriorly as though built of coloured glass, and indeed the material which is used is transparent, but it is somehow so fluted that while the persons inside enjoy an almost unimpeded view of their gardens, no one from outside can see what is going on in the house.

Họ rất yêu hoa, có vô vàn chủng loại, và các thành phố của họ được xây theo mô thức chung của "thành phố trong vườn", ngôi nhà thường chỉ một tầng, nhưng xây quanh các sân trong và lan rộng trên một khu đất khá lớn. Bề ngoài các ngôi nhà trông như được xây bằng thuỷ tinh màu, và thực ra vật liệu được dùng là trong suốt, nhưng bằng cách nào đó nó được khía rãnh để trong khi người bên trong gần như nhìn không bị cản trở ra khu vườn, thì người bên ngoài lại không thể thấy chuyện gì đang diễn ra trong nhà.

The houses are not built up in blocks, but the material is melted and poured into moulds; if a house is to be built, a sort of double mould of it is first made in metal faced with cement, and then the curious glasslike substance is

Nhà cửa không được xây bằng cách chồng từng khối, mà vật liệu được nấu chảy và đổ vào khuôn; nếu cần xây một ngôi nhà, người ta trước hết tạo một kiểu khuôn đôi bằng kim loại có tráng xi măng, rồi chất liệu giống thủy tinh

melted and poured into this mould, and when it is cold and hardened the moulds are taken away, and the house is finished except for a certain amount of polishing of the surface. The doors are not exactly like ours, since they have no hinges or bolts, and are opened and shut by treading on certain spots in the ground, either without or within. They do not swing on hinges, but run back into the wall on each side. All these doors and all furniture and fittings are of metal. Wood seems to be used scarcely at all.

kỳ lạ kia được nấu chảy và đổ vào khuôn này; khi nó nguội và cứng lại, các khuôn được tháo ra, và ngôi nhà coi như hoàn tất, chỉ còn phải đánh bóng bề mặt ở một mức độ nào đó. Cửa không giống hệt như cửa của chúng ta, vì chúng không có bản lề hay then chốt, mà mở đóng bằng cách giẫm lên những điểm nhất định trên nền, ở ngoài hay ở trong. Chúng không quay trên bản lề, mà chạy lùi vào bức tường ở mỗi bên. Tất cả các cửa và toàn bộ đồ đạc, trang bị đều bằng kim loại. Gỗ dường như hầu như không được dùng.

There is only one language in use over the whole planet, except for the few savage tribes, and this language, like everything in their world, has not grown up as ours have done, but has been constructed in order to save time and trouble. It has been simplified to the last possible extent, and it has no irregularities of ant sort. They have two methods of recording their thoughts. One is to speak into a small box with a mouthpiece on one side of it, something like that of a telephone. Each word so spoken is by the mechanism expressed as a kind of complicated sign upon a little plate of metal, and when the message has been spoken the plate falls out and is found to be marked in crimson characters, which can easily be read by those who are familiar with the scheme. The other plan is actually to write by hand, but that is an enormously more difficult acquirement, for the script is a very complicated kind of shorthand which can be written as rapidly as one can speak. It is in this latter script that all their books are printed, and these latter are usually in the shape of rolls made of very thin flexible metal. The engraving of them is exceedingly minute, and it is customary to read it through a magnifier, which is fixed conveniently upon a stand. In the stand there is machinery which unrolls the scroll before the magnifier at any desired rate, so that one reads without needing to

Chỉ có một ngôn ngữ được dùng khắp cả hành tinh, trừ một vài bộ lạc man dã, và ngôn ngữ này, giống như mọi thứ trong thế giới của họ, không phải được hình thành dần như của chúng ta, mà được cấu trúc có chủ ý để tiết kiệm thời gian và công sức. Nó được giản lược đến mức tối đa có thể, và không có bất kỳ bất quy tắc nào. Họ có hai phương pháp ghi lại tư tưởng. Một là nói vào một cái hộp nhỏ có ống nói ở một bên, hơi giống ống của điện thoại. Mỗi từ nói vào được cơ cấu biến thành một loại ký hiệu phức tạp trên một miếng kim loại nhỏ, và khi thông điệp đã được nói xong, miếng kim loại rơi ra và thấy được ghi bằng những ký tự màu đỏ thẫm, người quen với hệ thống ấy có thể đọc dễ dàng. Cách kia là thực sự viết tay, nhưng đó là một kỹ năng khó hơn vô cùng, vì lối chữ là một loại tốc ký rất phức tạp có thể viết nhanh bằng tốc độ nói. Sách của họ đều in bằng loại chữ này, và thường ở dạng cuộn làm bằng kim loại rất mỏng và mềm dẻo. Chữ khắc cực kỳ nhỏ, và thói quen là đọc qua một kính lúp gắn tiện lợi trên một giá đỡ. Trong giá có bộ máy tự động trải cuộn sách trước kính lúp theo bất kỳ tốc độ mong muốn nào, sao cho người ta đọc mà không cần chạm tay vào sách.

touch the book at all.

On every hand one sees signs of a very old civilisation, for the inhabitants have preserved the tradition of all that was known when the great life-wave of humanity occupied the planet, and have since added to it many other discoveries. Electricity seems to be practically the sole motive power, and all sorts of labour-saving machines are universally employed.

Khắp nơi đều thấy dấu hiệu của một nền văn minh rất cổ xưa, vì cư dân ở đây đã giữ gìn truyền thống mọi điều đã biết từ thời làn sóng sự sống vĩ đại của nhân loại cư trú trên hành tinh, và từ đó họ còn bổ sung thêm nhiều khám phá khác. Điện hầu như là nguồn lực duy nhất cho mọi vận hành, và mọi loại máy móc tiết kiệm lao động đều được sử dụng phổ biến.

The people are on the whole distinctly indolent, especially after they have passed their first youth. But the comparatively small size of the population enables them to live very easily. They have trained various kinds of domestic animals to a far higher condition of intelligent co-operation than has yet been achieved upon earth, so that a great deal of servant' s and gardener' s work is done by these creatures with comparatively little direction.

Nói chung dân chúng khá lười nhác, nhất là sau khi qua tuổi thanh xuân đầu đời. Nhưng do dân số tương đối ít ỏi, họ có thể sống rất dễ dàng. Họ đã huấn luyện nhiều loài vật nuôi đến một mức hợp tác thông minh cao hơn xa những gì đã đạt được trên Trái Đất, sao cho một phần lớn công việc hầu hạ và làm vườn được các sinh vật này làm với chỉ dẫn tương đối ít.

One autocratic ruler governs the whole planet, but the monarchy is not hereditary. Polygamy is practised, but it is the custom to hand over all children to the State at a very early age to be reared and educated, so that among the vast majority of the people there is no family tradition whatever, and no one knows who are his father and mother. There is no law compelling this, but it is considered so decidedly the right thing to do and the best for the children that the few families who choose to live somewhat more as we do, and to educate their children at home, are always regarded as selfishly injuring their prospects for the sake of what is considered mere animal affection.

Một nhà cai trị chuyên chế cầm quyền cả hành tinh, nhưng chế độ quân chủ không truyền ngôi theo huyết thống. Chế độ đa thê được thực hành, nhưng tục lệ là giao tất cả con cái cho Nhà nước từ rất sớm để được nuôi dạy và giáo dục, nên giữa đại đa số dân chúng hầu như không có truyền thống gia đình nào, và không ai biết cha mẹ mình là ai. Không có luật bắt buộc điều này, nhưng nó được xem là điều đúng đắn một cách dứt khoát và là tốt nhất cho trẻ em, đến nỗi số ít gia đình chọn sống phần nào giống như chúng ta, và giáo dục con cái tại nhà, luôn bị coi là ích kỷ làm tổn hại tiền đồ của con mình vì thứ mà người ta cho là chỉ là tình cảm thú tính.

The state is thus in the position of universal guardian and schoolmaster, and the school authorities of each district are instructed-

Như vậy, Nhà nước ở vào vị thế người giám hộ và người thầy phổ quát, và nhà chức trách giáo dục của mỗi khu vực được chỉ dẫn cẩn thận sắp

carefully to sort the children according to the aptitudes which they display, and their line of life is decided for them in this manner—a very wide range of choice, however, being allowed the individual child as he approaches years of discretion. But children who show at the same time great intellect and wide general capacity are set apart from all the rest, and trained with a view of becoming members of the ruling class.

xếp trẻ em theo các năng khiếu mà chúng biểu lộ, và con đường đời của chúng được quyết định theo cách này—tuy nhiên vẫn cho cá nhân đứa trẻ một phạm vi lựa chọn rất rộng khi nó đến tuổi biết tự định đoạt. Song những trẻ đồng thời tỏ ra trí tuệ vượt trội và năng lực tổng quát rộng rãi thì được tách riêng khỏi tất cả những đứa khác, và được đào luyện với mục tiêu trở thành thành viên của giai tầng cai trị.

The King has under him what may be called viceroys of large districts, and they in turn have under them governors of smaller districts, and so on down to what would be equivalent here to the head-man of a village. All these officials are chosen by the King from this group of specially educated children, and when the time of his own death is considered to be approaching it is from the already appointed officials that he chooses his successor.

Nhà Vua có dưới quyền mình những người có thể gọi là phó vương của các khu vực lớn, rồi dưới họ là các tổng trấn của khu vực nhỏ hơn, và cứ thế cho đến cấp tương đương với trưởng làng ở đây. Tất cả các quan chức này do Nhà Vua chọn từ nhóm trẻ em được giáo dục đặc biệt này, và khi thời điểm băng hà của chính Nhà Vua được cho là đã gần kề, Người chọn người kế vị từ số quan chức đã được bổ nhiệm sẵn ấy.

They have brought their scientific medical studies to such perfection that disease has been eliminated, and even the ordinary signs of the approach of old age have been to a large extent got rid of. Practically no one appears old, and it would seem that they hardly feel old; but, after a life somewhat longer than our own the desire to live gradually fades away, and the man dies. It is quite customary for a man who is losing interest and feels that death is approaching (this corresponds to what we should call a centenarian) to apply to a certain scientific department which corresponds to what we might call a school of surgery, and ask to be put painlessly to death—a request which is always granted.

Họ đã đưa các nghiên cứu y học khoa học đến trình độ hoàn hảo đến mức bệnh tật đã bị loại trừ, và ngay cả những dấu hiệu thông thường của tuổi già sắp đến cũng phần lớn bị loại bỏ. Hầu như không ai trông có vẻ già, và xem ra họ cũng khó mà cảm thấy mình già; nhưng sau một đời sống dài hơn của chúng ta đôi chút, khát vọng sống dần phai nhạt, và con người qua đời. Thông lệ là một người đang mất hứng thú sống và cảm thấy cái chết đang đến gần (tương đương với người trăm tuổi theo cách gọi của chúng ta) sẽ nộp đơn đến một phòng ban khoa học nào đó, tương đương với điều ta có thể gọi là một trường phẫu thuật, và xin được cho chết êm ái—một yêu cầu luôn được chấp thuận.

All these rulers are autocratic, each within his own sphere, but appeal to a higher official is always possible, though the right is not frequently exercised, because the people

Tất cả các nhà cầm quyền này đều chuyên chế, mỗi người trong phạm vi của mình, nhưng lúc nào cũng có thể kháng án lên cấp cao hơn, dù quyền ấy không thường được dùng, vì dân

usually prefer to acquiesce in any fairly reasonable decision rather than to take the trouble involved in an appeal. The rulers on the whole seem to perform their duties fairly well, but again one gets the impression that they do so not so much from any pre-eminent sense of right or justice as to avoid the trouble that would certainly ensue from a flagrantly unjust decision.

chúng thường thích chấp thuận bất kỳ quyết định tương đối hợp lý nào hơn là chịu phiền toái do việc kháng án. Nhìn chung các quan cai trị có vẻ hoàn thành bổn phận khá tốt, nhưng một lần nữa người ta có ấn tượng rằng họ làm vậy không hẳn bởi một cảm thức vượt trội về điều phải hay công lý, mà để tránh phiền toái chắc chắn sẽ nảy sinh từ những phán quyết trắng trợn bất công.

One of the most remarkable things about this people is that they have absolutely no religion. There are no churches, no temples, no places of worship of any sort whatever, no priest, no ecclesiastical power. The accepted belief of the people is what we should call scientific materialism. Nothing is true but what can be scientifically demonstrated, and to believe anything which cannot be so demonstrated is regarded as not only the height of folly, but even as a positive crime, because it is considered a danger to the public peace.

Một trong những điều đáng kinh ngạc nhất về dân tộc này là họ hoàn toàn không có tôn giáo. Không có nhà thờ, không đền miếu, không nơi thờ tự dưới bất kỳ hình thức nào, không giáo sĩ, không quyền lực giáo hội. Niềm tin được chấp nhận của dân chúng là điều chúng ta gọi là chủ nghĩa duy vật khoa học. Không có gì là chân thật trừ những gì có thể được chứng minh một cách khoa học, và tin vào bất cứ điều gì không thể chứng minh như thế bị coi là không chỉ dốt nát đến cực độ, mà còn là một tội ác thực sự, vì nó bị xem là mối nguy cho trật tự công cộng.

Martian history in the remote past was not unlike our own, and there are stories of religious persecutions, and of peoples whose beliefs were of so uncomfortable a nature that they forced them not only into feverish energy for themselves, but also into perpetual interference with the liberty of thought of other people. Martian public opinion is quite determined that there shall never again be any opportunity for the introduction of disturbing factors of that sort, and that physical science and the lower reason shall reign supreme; and though there, as here, events have occurred which material science cannot explain, people find it best to say nothing about them.

Lịch sử Hỏa tinh trong quá khứ xa xôi không khác gì mấy với lịch sử của chúng ta, và có những chuyện về các cuộc bách hại tôn giáo, và về những dân tộc có tín ngưỡng khó chịu đến mức chúng thúc đẩy họ không chỉ lao vào hoạt động cuồng nhiệt cho chính mình, mà còn không ngừng can thiệp vào tự do tư tưởng của người khác. Dư luận Hỏa tinh nhất quyết rằng sẽ không bao giờ cho phép xuất hiện lần nữa những yếu tố gây xáo trộn kiểu ấy, và rằng khoa học vật lý cùng hạ trí phải thống trị tối thượng; và dù ở đó cũng như ở đây, vẫn có những sự kiện xảy ra mà khoa học duy vật không thể giải thích, người ta thấy tốt nhất là im lặng không nói đến.

Nevertheless on Mars, as in other places, there are a certain number of people who know better than this, and many centuries ago a few

Tuy nhiên, trên Sao Hỏa, như ở những nơi khác, vẫn có một số người hiểu biết hơn thế, và nhiều thế kỷ trước đây một vài người trong số

of these joined themselves together into a secret brotherhood to meet and discuss such matters. Very gradually and with infinite precaution, they took other recruits into this charmed circle, and so came into existence, in this most materialistic of worlds, a secret society which not only believed in superphysical worlds but practically of their existence, for its members took up the direct study of mesmerism and spiritualism, and many of them developed a good deal of power.

họ đã liên kết lại thành một huynh đệ bí mật để gặp gỡ và thảo luận những vấn đề như vậy. Rất dần dần và với sự thận trọng tột bậc, họ thu nhận thêm người vào vòng tròn được bảo chứng này, và như thế đã hình thành, trong thế giới duy vật nhất này, một hội kín không chỉ tin vào các thế giới siêu vật chất mà còn thực hành thực chứng sự hiện hữu của chúng, vì các thành viên của hội đảm nhận việc trực tiếp nghiên cứu thôi miên và thần linh học, và nhiều người trong số họ phát triển được không ít năng lực.

At the present time the secret society is very widely spread, and the head of it at this moment is a pupil of one of our Masters. Even now after all these centuries its existence is not officially known to the authorities, but as a matter of fact they have something more than a suspicion of it, and they have learnt to fear it. None of its members are actually identified as such, but many are strongly suspected, and it seems to have been observed that when any of these strongly suspected people have in the past been injured or unjustly put to death, the persons who were concerned in bringing about that result have invariably died prematurely and mysteriously, though never in any case has their death been traceable to any physical-plane action on the part of the suspected member. Consequently, although such a belief is no doubt somewhat of an infringement of the principles of pure reason by which everything is supposed to be governed, it has come to be generally understood that it is safest not to pry too closely into the beliefs of people who seem to differ in some degree from the majority, so long as they do not openly make profession of anything which would be considered subversive of the good morals of materialism.

Hiện tại, hội kín này đã lan rộng rất nhiều, và người đứng đầu hội lúc này là một môn sinh của một trong các Chân sư của chúng ta. Cho đến nay, sau ngần ấy thế kỷ, sự tồn tại của hội chưa được nhà chức trách chính thức biết đến, nhưng thực ra họ nghi ngờ hơn cả, và đã học được cách sợ nó. Không ai trong các thành viên bị xác định rõ ràng là thành viên cả, nhưng nhiều người bị nghi ngờ mạnh, và có vẻ như người ta đã nhận thấy rằng khi bất cứ ai trong số các đối tượng bị nghi ngờ mạnh như vậy từng bị làm hại hoặc bị xử tử oan trái trong quá khứ, thì những kẻ liên can trong việc đưa đến kết cục ấy luôn luôn chết yểu và một cách bí ẩn, dù chưa bao giờ có trường hợp nào cái chết của họ có thể lần ra là do một hành động trên cõi hồng trần của người bị nghi là thành viên. Bởi vậy, dù niềm tin ấy hẳn là một sự xâm phạm nào đó đối với các nguyên lý của lý trí thuần túy vốn được cho là cai quản mọi sự, người ta đã ngầm hiểu rộng rãi rằng an toàn nhất là đừng dòm ngó quá sát vào niềm tin của những người có vẻ khác đôi chút với đa số, miễn là họ không công khai tuyên xưng bất cứ điều gì sẽ bị coi là phá hoại đạo đức tốt đẹp của chủ nghĩa duy vật.

Driven far away from the pleasant equatorial

Bị dồn ra xa khỏi các vùng xích đạo dễ chịu vào

regions into inhospitable lands and impenetrable forests, there still exist some remnants of the savage tribes who are descended from those left behind when the great life-wave left Mars for the earth. These are primitive savages at a lower stage than any now living on the exterior of our earth, though bearing some resemblance to one of our interior evolutions.

những miền đất khắc nghiệt và rừng rậm bất khả thâm nhập, vẫn còn tồn tại vài tàn dư của các bộ lạc man dã, là hậu duệ của những người bị bỏ lại khi làn sóng sự sống vĩ đại rời Sao Hỏa đến Trái Đất. Họ là những người mọi rợ nguyên thủy ở cấp thấp hơn bất kỳ nhóm nào hiện đang sống trên bề mặt bên ngoài của Trái Đất, mặc dù có phần giống với một trong các tiến hóa nội giới của chúng ta.

Some at least of the members of the secret society have learnt how to cross without great difficulty the space which separates us from Mars, and have therefore at various times tried to manifest themselves through mediums at spiritualistic séances, or have been able, by the methods which they have learnt, to impress their ideas upon poets and novelists.

Ít nhất một số thành viên của hội kín đã học được cách vượt qua không mấy khó khăn khoảng không gian ngăn cách chúng ta với Sao Hỏa, và vì vậy đã nhiều lần cố gắng biểu lộ qua các đồng tử trong các Buổi gọi hồn, hoặc đã có thể, bằng những phương pháp họ học được, in ấn tư tưởng của mình lên các thi sĩ và tiểu thuyết gia.

The information which I have given above is based upon observation and inquiry during various visit to the planet; yet nearly all of it might be found in the works of various writers within the last thirty or forty years, and in all such cases it has been communicated or impressed by someone from Mars, although the very fact of such impression was (at least in some cases) quite unknown to the physical writer.

Những thông tin tôi nêu trên dựa trên quan sát và điều tra trong nhiều lần viếng thăm hành tinh; tuy vậy, hầu hết tất cả đều có thể tìm thấy trong các tác phẩm của nhiều tác giả trong vòng ba mươi hay bốn mươi năm qua, và trong tất cả các trường hợp như vậy, các dữ liệu ấy đã được truyền đạt hay in ấn bởi một ai đó từ Sao Hỏa, mặc dù chính thực tế về sự in ấn như thế (ít nhất trong một số trường hợp) hoàn toàn không được tác giả trên cõi trần biết đến.

Of our future home, Mercury, we know much less than of Mars, for visits to it have been hurried and infrequent. Many people would think it incredible that life such as ours could exist on Mercury, with a sun that appears at least seven times as large as it does here. The heat, however, is not at all so intense as would be supposed. I am informed that this is due to the presence of a layer of gas on the outskirts of the Mercurian atmosphere, which prevents most of the heat from penetrating. We are told also that the most destructive of all possible

Về ngôi nhà tương lai của chúng ta, Sao Thủy, chúng ta biết ít hơn nhiều so với về Sao Hỏa, vì các chuyến viếng thăm đến đó đều vội vã và hiếm hoi. Nhiều người sẽ cho là khó tin rằng sự sống như của chúng ta có thể tồn tại trên Sao Thủy, với mặt trời hiện ra ít nhất lớn gấp bảy lần như ở đây. Tuy nhiên, sức nóng không hề dữ dội như người ta tưởng. Tôi được cho biết điều này là do sự hiện diện của một tầng khí ở rìa ngoài của bầu khí quyển Sao Thủy, vốn ngăn phần lớn sức nóng xuyên qua. Cũng được cho biết rằng cơn bão hủy diệt nhất có thể có

storms on Mercury is one which even for a moment disturbs the stability of this gaseous envelope. When that happens a kind of a whirl-pool is set up in it, and for a moment a shaft of direct sunlight comes from the sun through its vortex. Such a shaft instantly destroys whatever life comes in its way, and burns up in a moment everything combustible. Fortunately such storms are rare. The inhabitants whom I have seen there are much like ourselves, though again somewhat smaller.

trên Sao Thủy là cơn nào dù chỉ trong chốc lát làm xáo trộn sự ổn định của lớp vỏ khí này. Khi điều đó xảy ra, trong lớp vỏ khí ấy tạo nên một kiểu xoáy lốc, và trong khoảnh khắc một trục tia sáng mặt trời trực tiếp xuyên qua tâm lốc. Một trục tia như vậy lập tức hủy diệt bất cứ sự sống nào nằm trên đường đi của nó, và thiêu cháy ngay tức khắc mọi thứ bắt lửa. May thay những cơn bão như thế hiếm gặp. Những cư dân mà tôi đã thấy ở đó khá giống chúng ta, nhưng lại nhỏ con hơn đôi chút.

The influence of gravity both on Mars and Mercury is less than half what it is on earth, but while on Mars I did not notice any particular way in which advantage had been taken of this. I observed Mercury that the doors of the houses were quite a considerable height from the ground, needing what for us would be a respectable gymnastic feat to reach them, though on Mercury it is only a slight spring that is required. All the inhabitants of that planet are from birth possessed of etheric sight; I remember that the fact was first brought to my notice by observing a child who was watching the movements of some crawling creature; and I saw that when it entered its abode he was still able to follow its movements, even when it was deep down under the ground.

Ảnh hưởng của trọng lực trên cả Sao Hỏa và Sao Thủy đều chưa bằng một nửa so với trên Trái Đất, nhưng trong khi ở Sao Hỏa tôi không nhận thấy người ta tận dụng điều này theo cách nào đặc biệt, thì trên Sao Thủy tôi thấy cửa các ngôi nhà được đặt khá cao so với mặt đất, cần một động tác thể dục đáng nể theo chuẩn của chúng ta để với tới, dù trên Sao Thủy thì chỉ cần một cú bật nhẹ. Tất cả cư dân của hành tinh ấy bẩm sinh có thị giác dĩ thái; tôi nhớ sự kiện này được lưu ý đến lần đầu khi tôi quan sát một đứa trẻ đang dõi theo chuyển động của một sinh vật đang bò; và tôi thấy rằng khi nó chui vào hang, đứa trẻ vẫn có thể theo dõi chuyển động của nó, ngay cả khi nó đã xuống sâu dưới đất.

SEVENTH SECTION: REINCARNATION

THREE LAWS OF HUMAN LIFE—BA ĐỊNH LUẬT CỦA ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

THE ordinary ego is by no means yet in a position to choose a body for himself. The place of his birth is usually determined by

Chân ngã thông thường tuyệt nhiên chưa ở vị thế có thể tự chọn một thể xác cho mình. Nơi sinh của y thường được quyết định bởi ba yếu

three factors, or perhaps it would be better to say by the combined action of three forces. First comes the law of evolution, which cause an ego to be born under conditions which will give him an opportunity of developing exactly those qualities of which he stands most in need. But the action of this force is limited by the second factor, the law of karma. The ego may not have deserved the best possible opportunity, and so he has to put up with the second or third best. He may not even have deserved any great opportunity at all, and so a tumultuous life of small progress may be his fate.

tố, hay có lẽ tốt hơn nên nói bởi tác động kết hợp của ba mãnh lực. Trước hết là định luật tiến hoá, vốn khiến một chân ngã được sinh ra trong những điều kiện sẽ cho y cơ hội phát triển đúng những phẩm tính mà y đang thiếu nhất. Nhưng tác động của mãnh lực này bị hạn chế bởi yếu tố thứ hai, định luật nghiệp quả. Chân ngã có thể không xứng đáng với cơ hội tốt nhất có thể, vậy nên y phải chấp nhận cơ hội hạng nhì hay hạng ba. Y thậm chí có thể không xứng đáng với bất cứ cơ hội lớn nào, và như thế số phận của y có thể là một đời sống náo động với tiến bộ ít ỏi.

A third factor also comes into play—the force of any personal ties of love or hate that the ego may have previously formed. This may modify the action of the first and second forces, for by it a man may sometimes be drawn into a position which he cannot be said to have deserved in any other way than by the strong personal love which he has felt for some one higher in evolution than himself.

Một yếu tố thứ ba cũng tham gia vào—đó là lực của bất kỳ mối ràng buộc cá nhân nào của tình thương hay thù ghét mà chân ngã có thể đã hình thành trước đó. Điều này có thể điều chỉnh tác động của hai mãnh lực đầu, vì nhờ nó đôi khi một người bị kéo vào một vị trí mà không thể nói là y xứng đáng bằng cách nào khác, ngoại trừ tình thương cá nhân mãnh liệt mà y từng cảm đối với một người cao hơn y trên đường tiến hoá.

A man who has worked much beyond the ordinary—a man who had already entered the Path which leads to adeptship—may be able to exercise a certain amount of choice as to the country and family of his birth; but such an one will be the first to put aside entirely any wish of his own in the matter, and resign himself absolutely into the hands of the great eternal law, confident that whatever it brings to him must be far better for him than any selection of his own.

Một người đã làm việc vượt xa mức thông thường—một người đã bước vào Thánh Đạo dẫn tới địa vị chân sư—có thể có khả năng thực thi một mức độ lựa chọn nào đó về quốc gia và gia đình nơi mình sinh ra; nhưng chính hạng người như thế sẽ là người đầu tiên gạt bỏ hoàn toàn mọi ước muốn riêng tư trong vấn đề này, và phó mặc trọn vẹn vào tay đại định luật vĩnh cửu, tin chắc rằng bất kỳ điều gì nó mang đến cho mình ắt phải tốt hơn nhiều so với bất cứ sự chọn lựa nào của riêng mình.

Parents cannot choose the soul who shall inhabit the body to which they give birth, but by so living as to offer an unusually good opportunity for the progress of an advanced ego they can make it exceedingly probable that such an ego will come to them.

Cha mẹ không thể chọn linh hồn sẽ cư ngụ trong thân thể mà họ sinh ra, nhưng bằng cách sống sao cho dâng hiến một cơ hội đặc biệt thuận lợi cho sự tiến bộ của một chân ngã tiến hóa, họ có thể làm cho xác suất để một chân ngã như thế đến với họ trở nên rất cao.

THE RETURN TO BIRTH

The whole of our solar system is a manifestation of its LOGOS, and every particle in it is definitely part of His vehicles. All the physical matter of the solar system taken as a totality constitutes His physical body; all the astral matter within it constitutes His astral body; all the mental matter, His mental body, and so on. Entirely above and beyond His system He has a far wider and greater existence of His own, but that does not in the least affect the truth of the statement which we have just made.

Toàn bộ hệ mặt trời của chúng ta là một biểu hiện của THƯỢNG ĐẾ của nó, và mọi hạt trong đó đều là một phần cụ thể của các thể của Ngài. Tất cả vật chất hồng trần của hệ mặt trời, khi được xem như một tổng thể, cấu thành thể xác của Ngài; tất cả vật chất cảm dục trong đó cấu thành thể cảm dục của Ngài; tất cả vật chất trí tuệ, cấu thành thể trí của Ngài, và tương tự như vậy. Hoàn toàn vượt lên trên và vượt ra ngoài hệ thống của Ngài, Ngài có một sự tồn tại rộng lớn và vĩ đại hơn nhiều, nhưng điều đó không ảnh hưởng gì đến tính xác thực của tuyên bố mà chúng ta vừa đưa ra.

This solar LOGOS contains within Himself seven planetary LOGOI, who are as it were centres of force within Him, channels through which His force pours out. Yet at the same time there is a sense in which they may be said to constitute Him. The matter which we have just described as composing His vehicles also composes theirs, for there is no particle of matter anywhere in the system which is not part of one or other of them. All this is true of every plane; but let us for a moment take the astral plane as an example, because its matter is fluid enough to answer the purposes of our inquiry, and at the same time it is near enough to the physical to be not entirely beyond the Limits of our physical comprehension.

Thái dương Thượng đế này chứa đựng trong Ngài bảy Hành Tinh Thượng Đế, như thể chúng là những trung tâm lực trong Ngài, là những kênh mà qua đó sức mạnh của Ngài tuôn trào. Tuy nhiên, đồng thời cũng có thể nói rằng chúng tạo thành Ngài. Vật chất mà chúng ta vừa mô tả là cấu thành các thể của Ngài cũng cấu thành các thể của chúng, vì không có hạt vật chất nào trong hệ thống này mà không phải là một phần của một trong số chúng. Tất cả điều này đúng với mọi cõi; nhưng chúng ta hãy lấy cõi cảm dục làm ví dụ, vì vật chất của nó đủ lỏng để đáp ứng cho mục đích điều tra của chúng ta, đồng thời nó cũng đủ gần với vật chất để không hoàn toàn vượt ngoài giới hạn của sự hiểu biết hồng trần của chúng ta.

Every particle of the astral matter of the system is part of the astral body of the solar LOGOS, but it is also part of the astral body of one or other of the seven planetary LOGOI. Remember that this includes the astral matter of which your astral body and mine are

Mọi hạt của vật chất cảm dục trong hệ thống đều là một phần của thể cảm dục của LOGOS Thái dương, nhưng nó cũng là một phần của thể cảm dục của một trong bảy Hành Tinh Thượng Đế. Hãy nhớ rằng điều này bao gồm vật chất cảm dục mà từ đó thể cảm dục của bạn

composed. We have no particle which is exclusively our own. In every astral body there are particles belonging to each one of the seven planetary LOGOI, but the proportions vary infinitely. The bodies of those Monads which originally came forth through a planetary LOGOS will continue all through their evolution to have more of the particles of that LOGOS than of any other, and in this way people may be distinguished as primarily belonging to one or other of these seven great Powers.

và tôi được tạo thành. Chúng ta không có hạt nào là hoàn toàn của riêng mình. Trong mỗi thể cảm dục đều có các hạt thuộc về mỗi một trong bảy Hành Tinh Thượng Đế, nhưng tỷ lệ của chúng khác nhau vô cùng. Các thể của những chân thần mà ban đầu xuất phát qua một Hành Tinh Thượng Đế sẽ tiếp tục trong suốt quá trình tiến hóa của họ có nhiều hạt thuộc về Hành Tinh Thượng Đế đó hơn bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế nào khác, và theo cách này, con người có thể được phân biệt là thuộc về một trong bảy Đại Lực này.

In these seven planetary LOGOI certain psychic changes periodically occur; perhaps they correspond to in-breathing and out-breathing, or to the beating of the heart with us down here on the physical plane. However that may be, there seem to be an infinite number of possible permutations and combinations of them. Now since our astral bodies are built of the very matter of their astral bodies, it is obvious that no one of these planetary LOGOI can change astrally in any way without thereby affecting the astral body of every man in the world, though of course more especially those in whom there is a preponderance of the matter expressing that particular LOGOS; and if it be remembered that we are taking the astral plane merely as an example, and that exactly the same thing is true on all the other planes, we shall then begin to have an idea how important to us the motions of these planetary Spirits are.

Trong bảy Hành Tinh Thượng Đế này, có những biến đổi tâm linh định kỳ xảy ra; có lẽ chúng tương ứng với việc hít vào và thở ra, hoặc với nhịp đập của trái tim trong chúng ta ở cõi hồng trần. Tuy nhiên, có vẻ như có một số lượng vô hạn các hoán vị và kết hợp khả dĩ của chúng. Bây giờ, vì các thể cảm dục của chúng ta được tạo thành từ chính vật chất của các thể cảm dục của họ, rõ ràng là không một Hành Tinh Thượng Đế nào có thể thay đổi về mặt cảm dục mà không ảnh hưởng đến thể cảm dục của mọi người trên thế giới, mặc dù tất nhiên ảnh hưởng đó sẽ mạnh mẽ hơn đối với những người có tỷ lệ vật chất thể hiện Hành Tinh Thượng Đế đó nhiều hơn; và nếu chúng ta nhớ rằng chúng ta chỉ đang lấy cõi cảm dục làm ví dụ, và rằng điều tương tự cũng đúng trên tất cả các cõi khác, chúng ta sẽ bắt đầu có một ý niệm về tầm quan trọng của các chuyển động của các Linh Thể Hành Tinh này đối với chúng ta.

Madame Blavatsky writes of a certain order of supernal Beings whom she calls the Lipika, or Lords of Karma. We are told that their agents in the administration of karma are the four (really seven) great rulers who are known as the Devarajas or Regents of the Earth. Each

Madame Blavatsky viết về một thứ bậc của các Đấng Siêu Phàm mà bà gọi là Lipika, hoặc các Đấng Chủ Tể Nghiệp Quả. Chúng ta được cho biết rằng các đặc phái viên của các Ngài trong việc quản lý nghiệp quả là bốn (thực ra là bảy) đại chủ nhân được biết đến như các Devaraja

one of them is at the head of a certain vast group of devas and nature-spirits, and even of elemental essence. Once more for purposes of explanation let us confine ourselves to astral plane, but always with the memory at the back of our minds that the same thing applies to all the other planes as well. Astral matter as a whole is specially under the control of one of these Great Ones, but the second sub-plane of every plane is also to a certain extent under the direction of the same Great One, because that sub-plane holds the same relation to the plane of which it is a part as the astral plane does to the whole set of planes. Therefore for every sub-plane there are two influences—the influence of the ruler of the plane as a whole, and the sub-influence of the ruler of the sub-plane.

hay Nhiếp Chính của Trái Đất. Mỗi một trong số họ đứng đầu một nhóm rộng lớn gồm các deva và tinh linh tự nhiên, và thậm chí cả tinh chất nguyên tố. Một lần nữa, để dễ giải thích, chúng ta hãy giới hạn mình trong cõi cảm dục, nhưng luôn nhớ rằng điều tương tự cũng áp dụng cho tất cả các cõi khác. Vật chất cảm dục nói chung đặc biệt nằm dưới sự kiểm soát của một trong các Đại Đấng này, nhưng cõi phụ thứ hai của mỗi cõi cũng phần nào chịu sự điều khiển của Đại Đấng đó, vì cõi phụ này có mối quan hệ với cõi mà nó là một phần giống như cách cõi cảm dục có mối quan hệ với toàn bộ tập hợp các cõi. Vì vậy, đối với mỗi cõi phụ, có hai ảnh hưởng — ảnh hưởng của chủ tinh của cõi nói chung và ảnh hưởng phụ của chủ tinh của cõi phụ.

Now out of this astral matter, every particle of which belongs to the garment of one or other of the seven planetary LOGOI, and is at the same time under the predominating influence of the Devaraja of the astral plane, and also under the subordinate influence of another Devaraja who indirectly rules its sub-plane, our astral bodies have to be built. In order to help us to grasp this, let us think of the sub-planes of the astral plane as horizontal divisions, and of the types of matter belonging to the seven great planetary LOGOI as perpendicular divisions crossing these others at right angles. (There are still further subdivisions, but we will take no account of them for the present, in order that the broad idea may stand out clearly). This then even already gives us forty-nine distinctly marked varieties of astral matter, because on each of its sub-planes we have matter belonging to each of the planetary LOGOI.

Giờ đây, từ vật chất cảm dục này, mỗi hạt thuộc về y phục của một trong bảy Hành Tinh Thượng Đế, đồng thời nằm dưới ảnh hưởng chủ đạo của Devaraja của cõi cảm dục, và cũng dưới ảnh hưởng phụ của một Devaraja khác gián tiếp cai quản cõi phụ của nó, các thể cảm dục của chúng ta phải được xây dựng. Để giúp chúng ta hiểu rõ hơn điều này, hãy tưởng tượng các cõi phụ của cõi cảm dục như các phân chia ngang, và các loại vật chất thuộc về bảy Đại Hành Tinh Thượng Đế như các phân chia dọc cắt ngang qua các phân chia khác theo góc vuông. (Vẫn còn có các phân chia nhỏ hơn nữa, nhưng chúng ta sẽ không tính đến chúng lúc này để ý tưởng tổng quát có thể hiện ra rõ ràng). Điều này ngay lập tức cho chúng ta bốn mươi chín loại vật chất cảm dục khác biệt, vì trên mỗi cõi phụ của cõi này, chúng ta đều có vật chất thuộc về mỗi Hành Tinh Thượng Đế.

Even taking no account of the further subdivisions, we see that we have already the possibility of an almost infinite number of combinations; so that whatever may be the characteristics of the ego he is able to find an adequate expression for himself.

Ngay cả khi không tính đến các phân chia nhỏ hơn nữa, chúng ta đã thấy rằng có vô số các kết hợp khả dĩ; điều này có nghĩa là bất kể đặc tính của chân ngã là gì, y vẫn có thể tìm thấy một phương tiện biểu hiện phù hợp cho mình.

Let us consider the case of an ego who is about to descend into incarnation. We must think of him as resting upon the higher part of the mental plane in his causal body, and having no vehicle lower than that. Since the death of his last physical body he has been drawing steadily inwards, first into his astral and then into his mental vehicle, and at the end of the heaven-life he has cast off even the latter. He then rests for a certain period on his own plane—a period which varies, according to the stage of his development, from two or three days of unconsciousness in the case of an ordinary undeveloped man to a long period of years of conscious and glorious life in that of exceptionally advanced people. Then he begins once more to turn his attention downwards and outwards. As in the course of his upward movement he has withdrawn his attention from the physical and the astral planes respectively, the permanent atoms have passed into a dormant condition, and have ceased the vigorous vibration which is their usual characteristic. The same thing happens to the mental unit at the end of the heaven-life, and during his rest on his own plane the ego has these three appendages within himself in a quiescent condition.

Hãy xem xét trường hợp một chân ngã chuẩn bị hạ xuống nhập thể. Chúng ta phải hình dung y đang nghỉ ngơi trên phần cao của cõi trí trong thể nhân quả của mình, và không có một thể nào thấp hơn thể đó. Kể từ khi y mất đi thể xác trong kiếp trước, y đã dần dần rút vào trong, trước tiên là vào thể cảm dục, sau đó là thể trí, và đến cuối kiếp trời, y đã từ bỏ cả thể trí. Lúc này, y nghỉ ngơi trong một khoảng thời gian nhất định trên cõi riêng của mình—khoảng thời gian này thay đổi, tùy thuộc vào giai đoạn phát triển của y, từ hai hoặc ba ngày vô thức đối với một người bình thường chưa phát triển đến một giai đoạn kéo dài nhiều năm của cuộc sống ý thức và vinh quang đối với những người đã phát triển vượt bậc. Sau đó, y bắt đầu một lần nữa hướng sự chú ý của mình xuống dưới và ra bên ngoài. Trong quá trình đi lên của mình, khi y đã rút sự chú ý khỏi cõi hồng trần và cõi cảm dục, các nguyên tử trường tồn đã đi vào trạng thái ngủ yên và ngừng các rung động mạnh mẽ vốn là đặc tính thường thấy của chúng. Điều tương tự cũng xảy ra với đơn vị trí tuệ khi kết thúc kiếp trời, và trong thời gian nghỉ ngơi trên cõi riêng của mình, chân ngã có ba phụ kiện này trong tình trạng yên tĩnh.

When he turns his attention once more to the mental plane, the mental unit immediately resumes its activity, and because of that it at once gathers round it such matter as is required to express that activity. Precisely the

Khi y hướng sự chú ý trở lại cõi trí, đơn vị trí tuệ ngay lập tức nối lại hoạt động của nó, và do đó, nó ngay lập tức thu hút xung quanh mình những loại vật chất cần thiết để biểu hiện hoạt động đó. Chính xác điều tương tự xảy ra khi y

same thing happens when he turns his attention to the astral atom, and puts his will into that. It attracts to itself material capable of providing him with an astral body of exactly the same type as that which he had at the end of his last astral life. It is necessary to have this fact clearly in mind, that what he thus acquires as he descends is not a ready-made astral body, but simply the material out of which he is to build an astral body in the course of the life which is to follow.

hướng sự chú ý vào nguyên tử cảm dục và đặt ý chí của mình vào đó. Nó thu hút về phía mình vật chất có khả năng cung cấp cho y một thể cảm dục có cùng loại như thể y đã có vào cuối đời sống cảm dục trước đó. Điều cần phải ghi nhớ rõ ràng là những gì y thu nhận khi hạ xuống không phải là một thể cảm dục sẵn có, mà chỉ đơn thuần là vật chất mà y sẽ xây dựng thành thể cảm dục trong quá trình sống sẽ theo sau đó.

In the case of lower-class monads with unusually strong astral bodies, who reincarnate after a very short interval, it sometimes happens that the shade or shell left over from the last astral life still persists, and in that case it is likely to be attracted to the new personality. When that happens it brings with it strongly the old habits and modes of thought, and sometimes even the actual memory of that past life.

Trong trường hợp các chân thần thuộc đẳng cấp thấp hơn với các thể cảm dục đặc biệt mạnh mẽ, những người tái sinh sau một khoảng thời gian ngắn, đôi khi xảy ra trường hợp vỏ cảm dục còn sót lại từ kiếp cảm dục trước vẫn tồn tại, và trong trường hợp đó, nó có thể bị thu hút về phía nhân cách mới. Khi điều đó xảy ra, nó mang theo rất mạnh mẽ các thói quen cũ và cách suy nghĩ, đôi khi thậm chí cả ký ức thực sự của kiếp sống trước đó.

The astral matter is at first evenly distributed throughout the ovoid; it is only when the little physical form comes into existence in the middle of the ovoid that the astral and mental matter are attracted to it, and begin to mould themselves into its shape, and thereafter steadily grow along with it. At the same time with this change in arrangement the mental and astral matter are called into activity, and emotion and thought appear.

Lúc đầu, vật chất cảm dục được phân bố đồng đều trong hình bầu dục của thể cảm dục; chỉ khi hình dạng thể xác nhỏ bé xuất hiện ở trung tâm của hình bầu dục đó thì vật chất cảm dục và trí tuệ mới bị thu hút vào và bắt đầu định hình theo hình dáng của nó, sau đó phát triển đều đặn cùng với nó. Đồng thời, với sự thay đổi trong sự sắp xếp này, vật chất trí tuệ và cảm dục được kích hoạt, và cảm xúc cùng tư tưởng bắt đầu xuất hiện.

The aura of the little baby is comparatively colourless, and it is only as the qualities develope that the colours begin to show. This is the material which is given to him out of which to fashion his astral vehicle, the material which he has earned by the desires and emotions which he allowed to play

Hào quang của một em bé còn khá nhạt màu, và chỉ khi các phẩm chất phát triển, các màu sắc mới bắt đầu hiện ra. Đây là vật chất mà y được trao để tạo thành thể cảm dục của mình, vật chất mà y đã tích lũy được nhờ những ham muốn và cảm xúc mà y đã để cho vận hành qua mình trong kiếp trước; nhưng y không bị bắt

through him in his previous life; but he is by no means compelled to utilise all this material in building for himself his new vehicle. If he is left entirely to himself, the automatic action of the permanent atom will tend to produce for him, from the materials given, an astral body precisely similar to that which he had in the last life; but there is no reason whatever why all these materials should be used, and if the child is wisely treated and reasonably guided he will be encouraged to develope to the fullest all the germs of good which he has brought over from his previous life, while the evil germs will be allowed to slumber. If that is done these latter will gradually atrophy and drop away from him, and the ego will unfold within himself the opposite virtues, and then he will be free for all his future lives from the evil qualities which those germs indicated. Parents and teachers may help him towards this desirable consummation, not so much by any definite facts which they teach him as by the encouragement which they give to him, by the rational and kindly treatment uniformly accorded to him, and above all by the amount of affection lavished upon him.

buộc phải sử dụng tất cả vật chất này trong việc xây dựng thể mới của mình. Nếu y hoàn toàn tự do, hành động tự động của nguyên tử trường tồn sẽ có xu hướng tạo ra cho y từ những vật chất có sẵn một thể cảm dục giống hệt như thể y đã có trong kiếp trước; nhưng không có lý do gì khiến tất cả vật chất đó phải được sử dụng, và nếu đứa trẻ được nuôi dạy một cách khôn ngoan và hợp lý, y sẽ được khuyến khích phát triển đến mức tối đa tất cả các mầm tốt mà y đã mang từ kiếp trước, trong khi các mầm xấu sẽ được để cho ngủ yên. Nếu điều đó xảy ra, những mầm này sẽ dần dần teo lại và rơi khỏi y, và chân ngã sẽ khai mở trong chính mình những phẩm chất đối lập, và từ đó, y sẽ được giải thoát trong tất cả các kiếp sống tương lai khỏi các phẩm chất xấu mà những mầm xấu đó đại diện. Cha mẹ và giáo viên có thể giúp y đạt được kết quả đáng mong đợi này, không phải bằng cách dạy cho y những sự thật nhất định, mà là thông qua sự khích lệ dành cho y, bằng sự đối xử hợp lý và tử tế nhất quán, và trên hết là qua lượng tình yêu thương được dồn vào y.

We must remember that while the higher vehicles, the mental and the astral body, are expressions of the man at his present stage of evolution (as far as that can be expressed in the matter of their respective planes), the physical body is a vehicle or a limitation imposed upon him from without, and is therefore pre-eminently the instrument of karma. The evolutionary force comes into play in the selection of its materials, but even in this it is at every turn limited and hampered by the karma of the past. The parents have been chosen because they are fitted to give such a body as will be suitable for the

Chúng ta phải nhớ rằng trong khi các thể cao hơn, thể trí và thể cảm dục, là những biểu hiện của con người ở giai đoạn tiến hóa hiện tại của y (ở mức độ mà điều đó có thể biểu hiện trong vật chất của các cõi tương ứng), thì thể xác là một phương tiện hay một giới hạn được áp đặt từ bên ngoài, và do đó, nó vượt trội lên là công cụ của nghiệp quả. Lực tiến hóa đóng vai trò trong việc lựa chọn các vật liệu cấu thành thể xác, nhưng ngay cả trong việc này, nó vẫn luôn bị giới hạn và cản trở bởi nghiệp quả của quá khứ. Cha mẹ đã được chọn vì họ phù hợp để mang lại một thể xác thích hợp cho sự phát triển của chân ngã được giao phó cho họ,

development of the ego committed to them, but with every pair of parents there are manifold possibilities. Each of their represents a long line of ancestry, and often a particular parent may be chosen, not for anything that he is or has in himself, but because of some quality which appeared to an unusual degree in one of his ancestors—because he possesses a power which he has not used, though it is latent in his physical body because it is physically descended from that ancestor. In that parent, and in many preceding generations, the faculty to express that quality may have slept entirely without effect, but when there comes into the line an ego which possesses the quality, the faculty to express it leaps out from the dormant into the active condition, and we have a case of what is called reversion to a remote type.

nhưng với mỗi cặp cha mẹ có vô vàn khả năng khác nhau. Mỗi người trong số họ đại diện cho một dòng dõi dài, và thường một cha mẹ cụ thể được chọn không phải vì điều gì y có hoặc là bản thân y, mà vì một phẩm chất nào đó xuất hiện ở mức độ bất thường trong một trong những tổ tiên của y — vì y có một khả năng mà y chưa từng sử dụng, mặc dù nó tiềm ẩn trong thể xác của y do được di truyền từ tổ tiên đó. Ở người cha mẹ đó và ở nhiều thế hệ trước, khả năng biểu hiện phẩm chất đó có thể hoàn toàn ngủ yên mà không có tác động, nhưng khi có một chân ngã nào đó trong dòng dõi có phẩm chất này, khả năng biểu hiện nó sẽ đột nhiên từ trạng thái tiềm ẩn chuyển sang trạng thái hoạt động, và chúng ta có trường hợp gọi là sự trở lại kiểu hình xa xưa.

In the formation of the physical body there are three principal forces at work: first, the influence of the ego who is intending to take up the new form; secondly, the work of the building elemental formed by the Lords of Karma; and thirdly, the thought of the mother. Now suppose that an etheric body is about to be formed for an ego in the process of his descent into incarnation. He is himself an ego of a certain type and sub-type, and these characteristics of his are impressed upon his physical permanent atom, and this in turn determines which of the perpendicular divisions of etheric matter shall enter into the composition of that etheric body and in what proportion they shall be used. This quality of his, however, does not determine which of the horizontal divisions shall be employed, and in what proportion; that matter is in the hands of the four Devarajas, and will be determined according to the past karma of the man. Each

Trong việc hình thành thể xác, có ba lực chính đang hoạt động: đầu tiên, ảnh hưởng của chân ngã đang có ý định tiếp nhận hình thức mới; thứ hai, công việc của tinh linh xây dựng được tạo ra bởi các Đấng Chủ Tể Nghiệp Quả; và thứ ba, tư tưởng của người mẹ. Giờ đây, giả sử rằng một thể dĩ thái sắp được hình thành cho một chân ngã trong quá trình y hạ xuống nhập thể. Bản thân y là một chân ngã thuộc một loại và phụ loại cụ thể, và những đặc tính này của y được in dấu lên nguyên tử trường tồn hồng trần của y, và điều này đến lượt nó sẽ quyết định phân chia thẳng đứng nào của vật chất dĩ thái sẽ đi vào cấu thành thể dĩ thái đó và theo tỷ lệ nào chúng sẽ được sử dụng. Tuy nhiên, đặc tính này của y không quyết định được những phân chia ngang nào sẽ được sử dụng và tỷ lệ ra sao; điều này nằm trong tay của bốn Devaraja, và sẽ được quyết định theo nghiệp quả quá khứ của con người. Mỗi Devaraja trong số này có vô số trợ lý dưới quyền của

of these Devarajas has vast hosts of assistants at his command, so that no one of the births which are momentarily taking place upon earth is ever overlooked. The Devarajas make a thought-form, the building elemental mentioned above, which is charged exclusively with the production of the most suitable physical body that can be arranged for the man. For his evolution he requires a body which has within it certain possibilities; for that purpose he may be born of a parent who himself possesses these qualities, and therefore can directly hand them on, or he may be born of a parent whose ancestors, on one side or the other, possessed them, so that the unawakened germs which can respond to them may be handed on by that parent to his offspring.

mình, vì vậy không một sự sinh nào xảy ra trên Trái Đất bị bỏ sót. Các Devaraja tạo ra một tư tưởng-hình, tinh linh xây dựng đã được đề cập trước đó, chịu trách nhiệm duy nhất trong việc sản xuất thể xác phù hợp nhất có thể cho con người. Để tiến hóa, y cần một thể xác có những khả năng nhất định; vì mục đích đó, y có thể được sinh ra từ một cha mẹ có những phẩm chất này, và do đó có thể trực tiếp truyền lại chúng, hoặc y có thể được sinh ra từ một cha mẹ mà tổ tiên của họ, từ một phía nào đó, có những phẩm chất này, do đó những mầm chưa thức tỉnh có thể đáp ứng với những phẩm chất đó được truyền từ cha mẹ này sang cho con cái.

Remember that this elemental, which is put in charge of the development of the physical body, is the joint thought-form of the four Devarajas, and that its primary business is to build the etheric mould into which the physical particles of the new baby-body are to be built. In building this new etheric body it has four varieties of etheric matter which it can use (the four over which its creators respectively preside) and the type of the etheric body which is produced depends upon the proportion in which these constituents are employed. Remember that the elemental has no power of choice with regard to the perpendicular subdivisions, but it has every freedom with regard to the horizontal kinds of matter.

Hãy nhớ rằng tinh linh xây dựng này, chịu trách nhiệm cho việc phát triển thể xác, là một tư tưởng-hình chung của bốn Devaraja, và nhiệm vụ chính của nó là xây dựng khuôn dĩ thái vào đó các hạt hồng trần của thể xác mới sẽ được hình thành. Trong việc xây dựng thể dĩ thái mới này, nó có bốn loại vật chất dĩ thái mà nó có thể sử dụng (bốn loại này do bốn Đấng sáng tạo của nó cai quản tương ứng), và loại thể dĩ thái được sản sinh ra phụ thuộc vào tỷ lệ mà các thành phần này được sử dụng. Hãy nhớ rằng tinh linh xây dựng này không có quyền lựa chọn liên quan đến các phân chia thẳng đứng, nhưng nó hoàn toàn tự do trong việc chọn loại vật chất ngang.

It is quite impossible for us at our present level to understand the working of so mighty a consciousness as that of a Devaraja, so we can only chronicle the fact, without pretending to

Chúng ta không thể hiểu rõ sự vận hành của một ý thức mạnh mẽ như của một Devaraja ở cấp độ hiện tại của mình, nên chúng ta chỉ có thể ghi nhận sự thật mà không thể giải thích

explain it, that the elemental in doing its work appears somehow not to be entirely separated from the minds which projected it. In some way inexplicable to us it still remains to some modified extent within their consciousness, and in rare cases, where a developed ego is (even at an early age) beginning to take active possession of his body, it would seem that he may come into direct contact with them, and call down upon himself by their consent more karma than they had originally apportioned to him.

nó, rằng tinh linh xây dựng trong khi làm công việc của mình dường như không hoàn toàn tách rời khỏi tâm trí đã phóng xuất nó. Bằng cách nào đó không thể giải thích đối với chúng ta, nó vẫn còn một phần trong ý thức của các Devaraja, và trong những trường hợp hiếm hoi, khi một chân ngã phát triển (ngay cả khi còn nhỏ tuổi) bắt đầu tiếp nhận thể xác của mình, có vẻ như y có thể tiếp xúc trực tiếp với họ, và nhờ sự đồng thuận của họ, y có thể kêu gọi nhiều nghiệp quả hơn mức mà ban đầu họ đã phân bổ cho y.

One who can do that while the elemental is still at its work can also retain during later life this touch with the karmic deities, and therefore his power to appeal to them for further modifications. So far as we have seen, however, this possible modification may be only in the direction of the increase of the karma to be worked out, not in that of its decrease. The awakening of consciousness, which enables an ego thus to come into touch with the Devarajas and to co-operate willingly with them so far as their work with himself is concerned, may commence at any time; so that an ego who was not in touch with them during the working of the elemental which built his physical body may yet, by stupendous efforts along the line of self-development and usefulness, attract their attention later in life and evoke from them a definite response.

Một người có thể làm được điều này khi tinh linh xây dựng vẫn đang làm công việc của mình cũng có thể giữ được mối liên hệ với các Đấng Chủ Tể Nghiệp Quả trong suốt cuộc đời, và do đó có thể cầu xin sự điều chỉnh thêm nữa. Tuy nhiên, cho đến nay chúng ta thấy rằng sự điều chỉnh khả dĩ này chỉ có thể là tăng thêm nghiệp quả cần phải trả, chứ không phải giảm bớt. Sự thức tỉnh của ý thức, cho phép một chân ngã tiếp xúc với các Devaraja và hợp tác một cách tự nguyện với họ trong phạm vi công việc với chính y, có thể bắt đầu vào bất kỳ lúc nào; vì vậy, một chân ngã chưa tiếp xúc với họ trong quá trình tinh linh xây dựng hình thành thể xác của mình vẫn có thể, thông qua những nỗ lực phi thường trong việc phát triển bản thân và hữu ích, thu hút sự chú ý của họ sau này trong cuộc đời và nhận được từ họ một phản hồi nhất định.

The germ which is to expand into the physical body of the man has within itself two constituents, with two sets of potentialities. (The student must be careful not to confound this physical germ which comes from the parents with the physical permanent atom which the ego brings with him). It is

Mầm sống để phát triển thành thể xác của con người chứa đựng trong nó hai thành phần, với hai tập hợp các tiềm năng. (Người học cần cẩn thận không nhầm lẫn mầm sống hồng trần này từ cha mẹ với nguyên tử trường tồn hồng trần mà chân ngã mang theo). Nó về bản chất là một trứng, trong đó chứa tất cả các khả năng

essentially an ovum, which has within itself all the possibilities of the maternal ancestry, but it has been pierced by a spermatozoon which brings with it all the potentialities of the paternal ancestry.

của dòng mẹ, nhưng nó đã được thụ tinh bởi một tinh trùng mang theo tất cả các tiềm năng của dòng cha.

These two sets of possibilities are wide, as may easily be seen if we reflect upon the number of ancestors which any one of us must have had, say a thousand years ago. But wide though they be, they have their limitations. For example, take the case of one of our gardeners here at Adyar—a man of what is called the coolie or unskilled labourer class. Going back a thousand years that man' s ancestors must have been counted by millions; yet all those millions must have been of the coolie class. They must have included all possible varieties of coolie, good and bad, clever and stupid, kind and cruel; but they were all coolies, and therefore all had the limitations of the brain and the qualities belonging to that class.

Hai tập hợp khả năng này rất rộng, như ta có thể dễ dàng nhận thấy nếu ta suy nghĩ về số lượng tổ tiên mà mỗi chúng ta phải có từ khoảng một ngàn năm trước. Nhưng mặc dù chúng rộng lớn, chúng vẫn có giới hạn. Ví dụ, hãy lấy trường hợp của một người làm vườn ở Adyar—một người thuộc tầng lớp lao động phổ thông hay người lao động không có kỹ năng. Quay trở lại một ngàn năm trước, tổ tiên của người đó phải được tính bằng hàng triệu; tuy nhiên, tất cả những triệu người đó đều thuộc tầng lớp lao động phổ thông. Họ phải bao gồm tất cả các loại người lao động phổ thông có thể có, tốt và xấu, thông minh và ngu dốt, nhân từ và tàn ác; nhưng tất cả đều là người lao động phổ thông, và do đó đều có những hạn chế về trí óc và phẩm chất thuộc về tầng lớp đó.

From among these potentialities the elemental has to make its selection. For that purpose it has two questions to consider, quality and form. Of these the former is infinitely more important. The latter is concerned chiefly with the matter of the lower sub-planes. But the quality of the etheric matter selected for the building of that higher part of the physical body will to a large extent determine the capacities of that body during that incarnation—whether it will be naturally clever or stupid, placid or irritable, energetic or lethargic, sensitive or unresponsive.

Từ các tiềm năng này, tinh linh xây dựng phải thực hiện sự lựa chọn. Để làm được điều đó, nó phải xem xét hai yếu tố, chất lượng và hình dạng. Trong số này, yếu tố đầu tiên quan trọng hơn vô hạn. Yếu tố sau liên quan chủ yếu đến vật chất của các cõi phụ thấp hơn. Nhưng chất lượng của vật chất dĩ thái được chọn để xây dựng phần cao hơn của thể xác sẽ quyết định phần lớn các khả năng của thể đó trong suốt kiếp sống—liệu nó sẽ tự nhiên thông minh hay ngu dốt, điềm tĩnh hay cáu kỉnh, năng động hay uể oải, nhạy cảm hay không phản ứng.

So the first work of the thought-form or elemental of the Devarajas is to select which of

Vì vậy, công việc đầu tiên của tư tưởng-hình hoặc tinh linh của các Devaraja là chọn ra các

these possibilities shall be brought into prominence in the building of the new physical body—especially in the building of its brain. The mere outer form is a minor consideration, though also an important one, but this too is part of the work of the elemental. If the man has deserved the limitation of deformity in his physical body or of weakness in some of its organs—the heart, the lungs, the stomach—it is through the elemental that his karma is adjusted. Its instructions (if we may use such a term) are to build a body of a certain kind and degree of strength, and with certain characteristics brought into prominence. But these are not instructions given to it to carry in its mind, for it has no mind; they are rather itself, its very life, for when those instructions have finally been carried out it ceases to be, because the work for which it was created is done.

khả năng nào sẽ được đưa lên nổi bật trong quá trình xây dựng thể xác mới — đặc biệt là trong việc xây dựng bộ não của nó. Hình dạng bên ngoài chỉ là một yếu tố phụ, mặc dù cũng quan trọng, nhưng đây cũng là một phần trong công việc của tinh linh. Nếu một người đã tích lũy nghiệp quả về những giới hạn thể chất, chẳng hạn như dị tật hoặc yếu đuối ở một số cơ quan — tim, phổi, dạ dày — thì thông qua tinh linh này mà nghiệp quả của y sẽ được điều chỉnh. Những chỉ dẫn của tinh linh (nếu có thể dùng từ này) là xây dựng một cơ thể có loại và mức độ sức mạnh nhất định, và với những đặc điểm nổi bật nhất định. Nhưng những chỉ dẫn này không phải là những điều mà tinh linh ghi nhớ trong tâm trí của nó, vì nó không có tâm trí; chúng chính là bản chất của nó, là sự sống của nó, bởi vì khi những chỉ dẫn này được thực hiện xong, tinh linh này sẽ ngừng tồn tại, vì công việc mà nó được tạo ra đã hoàn tất.

It is a well-known fact to students of embryology that in their earlier stages the germs of a fish, a dog and a man are practically indistinguishable. They all grow in the same manner, but the difference between them is that one of them stops at one stage of that growth, while the others go on further. The reason for this obvious fact is not clear to those who adopt the materialistic view. They have to postulate that matter coming from a particular source, although in every way identical in appearance with matter coming from a totally different source, nevertheless possesses within it some inherent qualities which compel it to reproduce the form from which it came.

Đây là một sự thật đã được các nhà nghiên cứu phôi học biết rõ rằng ở các giai đoạn đầu tiên, mầm sống của một con cá, một con chó và một con người hầu như không thể phân biệt được. Chúng phát triển theo cùng một cách, nhưng sự khác biệt giữa chúng là một trong số chúng dừng lại ở một giai đoạn phát triển, trong khi các loài khác tiếp tục tiến xa hơn. Lý do cho sự thật hiển nhiên này không rõ ràng đối với những người theo quan điểm duy vật. Họ phải giả định rằng vật chất đến từ một nguồn cụ thể, mặc dù về mọi mặt đều giống hệt với vật chất đến từ một nguồn hoàn toàn khác, nhưng vẫn chứa đựng trong nó một số phẩm chất vốn có, buộc nó phải tái tạo hình thức từ nguồn mà nó xuất phát.

The compulsory force is not an inherent quality in the matter, which is in truth identical and composed of precisely the same

Lực cưỡng chế này không phải là một phẩm chất vốn có trong vật chất, vì trên thực tế, vật chất là giống nhau và được cấu tạo từ chính

chemical elements, but it is the divine life pressing forward to ensoul this matter, and moulding it for itself into the form which is suited for it at that particular stage of its development. As soon as the entity becomes individualised, and therefore commences to make individual karma, this additional factor of the moulding thought-form of the karmic deities comes into play, and takes possession of the growing germ, even before its own ego can grasp it.

những nguyên tố hóa học giống nhau, mà là sự sống thiêng liêng đang thúc đẩy về phía trước để làm sống động vật chất này, và uốn nắn nó thành hình thức phù hợp với nó tại giai đoạn phát triển cụ thể đó. Ngay khi thực thể trở nên cá nhân hóa và do đó bắt đầu tạo ra nghiệp quả cá nhân, yếu tố bổ sung này—tư tưởng-hình định hình của các Đấng Chủ Tể Nghiệp Quả—bắt đầu hoạt động và tiếp quản sự phát triển của mầm sống, ngay cả trước khi chân ngã của chính nó có thể nắm bắt được.

The form and color of this elemental vary in different cases. At first it accurately expresses in shape and size the baby body which it has to build, as that body should look (as far as the elemental' s work is concerned) at the time of its birth. Clairvoyants, seeing this doll-like little figure hovering about (and afterwards within) the body of the mother, have sometimes mistaken it for the soul of the coming baby, instead of the mould of its physical body. When the foetus has grown to the size of the mould, that much of its task is successfully achieved, and it sheds that outer husk of itself and unfolds the form of the next stage at which it has to aim—the size, shape and condition of the body as it ought to be (taking only the elemental' s work into account) at the time when it proposes to leave it. All further growth of the body after the elemental has retired is under the control of the ego himself.

Hình dạng và màu sắc của tinh linh này thay đổi trong từng trường hợp. Ban đầu, nó biểu hiện chính xác về hình dạng và kích thước thể xác của đứa trẻ mà nó phải xây dựng, như thể hình dạng đó nên xuất hiện (ở mức độ công việc của tinh linh) vào thời điểm sinh ra. Những nhà thông nhãn, khi nhìn thấy hình dáng nhỏ bé giống như búp bê này bay lơ lửng (và sau đó là bên trong) cơ thể của người mẹ, đôi khi đã nhầm nó với linh hồn của đứa trẻ sắp sinh, thay vì là khuôn mẫu của thể xác của nó. Khi bào thai đã phát triển đến kích thước của khuôn mẫu, phần đó của nhiệm vụ đã được hoàn thành, và tinh linh đó sẽ bỏ lớp vỏ bên ngoài của nó và mở rộng hình dạng cho giai đoạn tiếp theo mà nó phải đạt đến — kích thước, hình dạng và điều kiện của cơ thể như nó nên có (theo công việc của tinh linh) vào thời điểm mà tinh linh dự định rời bỏ nó. Tất cả sự phát triển thêm nữa của thể xác sau khi tinh linh đã rút lui đều nằm dưới sự kiểm soát của chân ngã.

In both of these cases the elemental uses itself as the mould. Its colours represent to a large extent the qualities which it is calculated to evoke in the body which it has to build, and its form is also usually that which is destined for him. It exists only for its work, and when the

Trong cả hai trường hợp này, tinh linh sử dụng chính nó như một khuôn mẫu. Màu sắc của nó phần lớn thể hiện các phẩm chất mà nó dự định khơi dậy trong cơ thể mà nó phải xây dựng, và hình dạng của nó cũng thường là hình dạng được định sẵn cho nó. Nó tồn tại chỉ

amount of force with which it has originally been supplied is exhausted, there is no longer any power left to hold together the particles, and it simply disintegrates.

vì công việc của nó, và khi lượng lực mà nó được cung cấp ban đầu cạn kiệt, sẽ không còn sức mạnh nào để giữ các hạt vật chất lại với nhau, và nó sẽ tan rã.

This elemental takes charge of the body from the first, but some time before physical birth takes place the ego also comes into contact with his future habitation, and from that time onwards the two forces are working side by side. Sometimes the characteristics which the elemental is directed to impose are but few in number, and consequently it is able to retire at a comparatively early age, and to leave the ego in full control of the body. In other cases, where the limitations are of such a character that a good deal of time is necessary for their development, it may retain its position until the body is seven years old. Egos differ greatly in the interest which they take in their physical vehicles, for some hover over them anxiously from the first and take a good deal of trouble about them, while others are almost entirely careless with regard to the whole matter.

Tinh linh này chịu trách nhiệm về thể xác từ đầu, nhưng một thời gian trước khi sinh thể hồng trần, chân ngã cũng bắt đầu tiếp xúc với nơi cư trú tương lai của mình, và từ thời điểm đó trở đi, hai lực này làm việc song song với nhau. Đôi khi những đặc điểm mà tinh linh được chỉ đạo áp đặt chỉ có rất ít, và do đó nó có thể rút lui khi đứa trẻ còn rất nhỏ và để lại thể xác hoàn toàn dưới sự kiểm soát của chân ngã. Trong những trường hợp khác, khi những giới hạn về thể chất cần phải có một thời gian dài để phát triển, tinh linh có thể duy trì vị trí của nó cho đến khi đứa trẻ lên bảy tuổi. Các chân ngã rất khác nhau về mức độ quan tâm mà họ dành cho các thể xác của mình. Một số thì chăm sóc chúng một cách lo lắng ngay từ đầu và dành rất nhiều nỗ lực cho chúng, trong khi những chân ngã khác gần như hoàn toàn thờ ơ với vấn đề này.

When a child is still-born, there has usually been no ego behind it, and consequently no elemental. There are vast hosts of souls seeking reincarnation, and many of them are still at so early a stage of their evolution that almost any ordinary surroundings would be equally suitable for them; they have so many lessons to learn that it matters little with which one they begin, and almost any conceivable set of surroundings will teach them something which they sorely need. Nevertheless it does sometimes happen that there is not at a given time any ego able to take advantage of a particular opportunity, and in that case, though the body may be formed to a

Khi một đứa trẻ chết non, thường không có chân ngã nào đứng sau nó, và do đó cũng không có tinh linh xây dựng. Có vô số các linh hồn đang tìm kiếm sự tái sinh, và nhiều trong số họ vẫn đang ở giai đoạn phát triển quá sơ khai đến mức hầu như bất kỳ môi trường nào cũng đều phù hợp với họ; họ có quá nhiều bài học cần học đến mức không quan trọng họ sẽ bắt đầu với bài học nào, và hầu như bất kỳ hoàn cảnh nào cũng sẽ dạy cho họ điều mà họ rất cần. Tuy nhiên, đôi khi xảy ra trường hợp không có một chân ngã nào vào thời điểm nhất định có thể tận dụng được cơ hội tái sinh cụ thể, và trong trường hợp đó, mặc dù thể xác có thể hình thành phần nào nhờ tư tưởng của

certain extent by the thought of the mother, as there is no ego to occupy it, it is never really alive.

người mẹ, nhưng vì không có chân ngã để nhập vào nó, nên nó sẽ không bao giờ thực sự sống.

In building the form the elemental takes the etheric matter which it needs from that which it finds ready within the body of the mother. That is one reason for the necessity of the greatest care on the part of that mother during the time the child' s body is being formed. If she supplies nothing but the best and purest materials, the elemental will find itself compelled to choose from those. Another factor which has an exceedingly powerful influence is the thought of the mother during this period, for that also moulds the shape which is slowly growing within her. Again this shows us why the mother' s thought must at that time be especially pure and high, why she must be kept away altogether from all coarse or agitating influences, why only the most beautiful forms and colours should surround her, and the most harmonious conditions should prevail in her neighbourhood.

Trong việc xây dựng hình thể, tinh linh xây dựng lấy vật chất dĩ thái cần thiết từ những gì nó tìm thấy sẵn có trong cơ thể của người mẹ. Đây là một lý do cho sự cần thiết của sự chăm sóc kỹ lưỡng nhất từ phía người mẹ trong suốt thời gian thể xác của đứa trẻ đang được hình thành. Nếu người mẹ cung cấp những vật liệu tốt nhất và tinh khiết nhất, tinh linh sẽ bị buộc phải chọn từ những vật liệu đó. Một yếu tố khác có ảnh hưởng rất mạnh là tư tưởng của người mẹ trong suốt thời gian này, vì tư tưởng đó cũng định hình hình dạng đang phát triển chậm rãi bên trong bà. Điều này lại càng cho thấy tại sao tư tưởng của người mẹ trong thời gian đó phải đặc biệt thanh khiết và cao thượng, tại sao bà phải tránh xa hoàn toàn mọi ảnh hưởng thô tục hoặc kích động, và tại sao chỉ những hình thức và màu sắc đẹp đẽ nhất nên bao quanh bà, cùng với những điều kiện hài hòa nhất.

If the elemental' s instructions do not include some special development in the way of features, such as unusual beauty or unusual ugliness, that part of the shaping of the new body will most likely be done by the thought of the mother—and by the thought-forms which are constantly floating round her. If she thinks often with devoted love of her husband there is a strong probability that the child will resemble its father; if on the contrary she looks often at her reflection in the mirror and thinks much about herself, it is probable that the child will bear considerable resemblance to her. Equally, if it happens that she is constantly thinking with devoted affection or

Nếu hướng dẫn của tinh linh không bao gồm một sự phát triển đặc biệt về các đặc điểm như sắc đẹp phi thường hay xấu xí phi thường, thì rất có thể việc định hình thể xác mới sẽ được thực hiện bởi tư tưởng của người mẹ — và bởi các tư tưởng-hình luôn bao quanh bà. Nếu bà thường nghĩ về người chồng với tình yêu thương tận tụy, thì rất có khả năng đứa trẻ sẽ giống cha nó; ngược lại, nếu bà thường ngắm mình trong gương và nghĩ nhiều về bản thân, thì đứa trẻ có thể mang nhiều nét giống bà. Tương tự, nếu bà liên tục nghĩ đến với tình cảm yêu thương hoặc ngưỡng mộ về một người thứ ba nào đó, đứa trẻ có thể sẽ giống người đó — luôn với giả định rằng tinh linh

admiration of some third person, the child is likely to resemble that person—always supposing that the elemental has no definite instructions in this matter. When the children grow older their physical bodies are influenced largely by their own thoughts, and as these differ from those of the mother, we often see that considerable changes in physical appearance take place, the child in some cases growing more beautiful and in other cases less so as the years roll by. “As a man thinks, so is he” is true on the physical plane as well as on others; and if the thought is always calm and serene, the face will surely reflect it.

không có chỉ dẫn rõ ràng trong vấn đề này. Khi những đứa trẻ lớn lên, thể xác của chúng chịu ảnh hưởng phần lớn từ tư tưởng của chính chúng, và vì những tư tưởng này khác với tư tưởng của mẹ chúng, ta thường thấy rằng có những thay đổi đáng kể về ngoại hình thể chất, đôi khi đứa trẻ trở nên đẹp hơn và đôi khi kém đẹp hơn theo năm tháng. "Như một người nghĩ, nên y là như vậy" cũng đúng ở cõi hồng trần như ở những cõi khác; và nếu tư tưởng luôn bình thản và thanh thản, thì khuôn mặt chắc chắn sẽ phản ánh điều đó.

To an advanced ego all the earlier stages of childhood are naturally exceedingly wearisome. I remember that the late Mr T. Subba Rao complained quite bitterly about it when he first took his new body. He declared that, do what he would, he could not make that baby body sleep more than twenty hours out of the day, and the rest of the time he actually had to wait near it and watch it squirming about, and listen to its plaintive ululations, and endure to be fed through it with tasteless and nauseous varieties of pap! Sometimes a really advanced person decides to avoid all this by asking someone else to give him an adult body, a sacrifice which any of his disciples would always be delighted to make for him.

Đối với một chân ngã đã tiến hóa, tất cả các giai đoạn đầu của thời thơ ấu thường là cực kỳ nhàm chán. Tôi nhớ rằng Ông T. Subba Rao đã phàn nàn rất cay đắng về điều này khi Ông lần đầu tiên nhập vào cơ thể mới của mình. Ông tuyên bố rằng, dù làm gì đi nữa, Ông cũng không thể khiến thể xác đứa trẻ ngủ nhiều hơn hai mươi giờ mỗi ngày, và phần còn lại của thời gian Ông thực sự phải chờ đợi gần đó, quan sát nó co giật và nghe tiếng khóc than của nó, và chịu đựng việc phải được nuôi dưỡng qua nó bằng những loại thức ăn nhạt nhẽo và khó chịu! Đôi khi một người thực sự đã tiến hóa quyết định tránh tất cả những điều này bằng cách nhờ ai đó trao cho mình một thể xác đã trưởng thành, một sự hy sinh mà bất kỳ đệ tử nào của họ cũng luôn vui lòng thực hiện.

But this method also has its drawbacks. However wearisome it may be to pass through childhood, at least in that way a man grows a body for himself, which is as nearly as may be an expression of him, and agrees with all his little peculiarities; but one who takes an adult body finds it already full of peculiarities of its

Tuy nhiên, phương pháp này cũng có những hạn chế. Dù quá trình trải qua thời thơ ấu có buồn chán đến đâu, ít nhất theo cách đó, con người tự mình phát triển một thể xác, gần như là sự biểu hiện của chính y, và phù hợp với tất cả những đặc điểm nhỏ của y; nhưng một người chọn một thể xác đã trưởng thành sẽ

own, which have worn in it deep grooves of habit that cannot readily be changed. It cannot but be to some extent a misfit, and it takes a long time to make its vibrations synchronise with his own.

thấy rằng thể đó đã có đầy đủ những thói quen riêng, với những đường nét đã in sâu bởi các thói quen lâu dài mà không dễ dàng thay đổi được. Thể xác đó khó có thể hoàn toàn phù hợp, và sẽ mất rất nhiều thời gian để khiến cho những rung động của nó đồng bộ với những rung động của chính y.

An ego coming into incarnation has always to adapt himself to a new set of conditions, but when he comes to birth in the ordinary way this can at least be done gradually, as the child grows up; but one who takes an adult body has instantly to adapt himself to all these fresh surroundings, which is often a very difficult business. In this case he has retained his old astral and mental bodies; but they are naturally counterparts of his previous vehicle, and they have to be adapted to the new form. Once more, if that form be a baby this can be done gradually, but if it is an adult form it must be done immediately, which means an amount of strain that is distinctly unpleasant.

Khi một chân ngã bước vào nhập thể, y luôn phải thích nghi với một tập hợp điều kiện mới, nhưng khi y sinh ra theo cách thông thường, ít nhất điều này có thể được thực hiện dần dần khi đứa trẻ lớn lên; nhưng một người tiếp nhận một thể xác trưởng thành sẽ phải thích nghi ngay lập tức với tất cả những hoàn cảnh mới này, và điều này thường là một nhiệm vụ rất khó khăn. Trong trường hợp này, y vẫn giữ các thể cảm dục và trí tuệ cũ của mình; nhưng những thể này tự nhiên là đối bản của thể trước đó của y, và chúng phải được điều chỉnh để phù hợp với hình dạng mới. Một lần nữa, nếu hình dạng đó là một đứa trẻ, điều này có thể được thực hiện dần dần, nhưng nếu đó là một hình thể trưởng thành, nó phải được thực hiện ngay lập tức, điều này đồng nghĩa với một áp lực đáng kể và thực sự khó chịu.

PERSONAL CHARACTERISTICS—ĐẶC TÍNH CÁ NHÂN

I have looked up many cases, and I find that for the ordinary man there seems to be but little continuity of personal appearance life after life; but I have known cases of strong similarity as well as great unlikeness. As the physical body is to some extent an expression of the ego, and that remains the same, there must be some cases where it expresses itself in similar forms; but racial, family and other characteristics usually override this

Tôi đã tra cứu nhiều trường hợp, và tôi nhận thấy rằng đối với người thường, dường như có rất ít tính liên tục về diện mạo cá nhân đời này qua đời khác; nhưng tôi cũng đã biết những trường hợp giống nhau mạnh mẽ cũng như khác nhau rất nhiều. Vì thân thể thể xác ở một mức nào đó là sự biểu lộ của chân ngã, và chân ngã thì vẫn như cũ, hẳn phải có những trường hợp nó biểu lộ ra trong những hình thức tương tự; nhưng các đặc điểm chủng tộc, gia tộc và

tendency. When an individual is so advanced that the personality and ego are unified, the personality tends to have impressed upon it the characteristics of the glorified form in the causal body, which is relatively permanent.

các đặc tính khác thường lấn át khuynh hướng này. Khi một cá nhân tiến bộ đến mức phàm ngã và chân ngã đã hợp nhất, phàm ngã có khuynh hướng được in đậm lên mình những đặc tính của hình thể vinh hiển trong thể nguyên nhân, vốn tương đối trường tồn.

When the man is an adept and all his karma is worked out, the physical body is the nearest possible presentment of that glorified form. The Masters will therefore remain recognisable through any number of incarnations. I have noticed that one of the Masters who comparatively recently attained adeptship is as yet not quite like the others, having somewhat rugged features. I am sure that will be different in the next incarnation. I should not expect to see much difference in the bodies of our Masters, even if They should choose to take others, and even though they might be of another race. I have seen prototypes of what bodies are to be like in the seventh Race; they will be transcendently beautiful.

Khi con người là một chân sư và toàn bộ nghiệp quả của y đã được giải quyết, thể xác trở thành biểu hiện gần nhất có thể của hình tướng vinh quang ấy. Do đó, các Chân sư vẫn có thể nhận ra được qua bao nhiêu lần lâm phàm đi nữa. Tôi nhận thấy một trong các Chân sư, người mới đạt đến địa vị chân sư cách tương đối gần đây, vẫn chưa hoàn toàn giống các Vị khác, với những nét diện mạo có phần thô ráp. Tôi chắc điều đó sẽ khác trong lần lâm phàm kế tiếp. Tôi sẽ không mong thấy có nhiều khác biệt nơi các thân xác của các Chân sư, ngay cả nếu Các Ngài chọn nhận những thân xác khác, và cho dù những thân xác ấy có thể thuộc một chủng tộc khác. Tôi đã thấy những nguyên mẫu của các thân xác sẽ như thế nào trong giống dân thứ bảy; chúng sẽ đẹp siêu việt.

The glorified form in the causal body is an approach to the archetype, and comes nearer to it as man developes. The human form appears to be the model for the highest evolution in this particular solar system. It is varied slightly in different planets, but is broadly speaking the same in general outline. In other solar systems forms may possibly be quite unlike it; we have no information on that point.

Hình tướng vinh quang trong thể nguyên nhân là một sự tiệm cận tới nguyên hình, và nó càng đến gần hơn khi con người khai triển. Hình tướng nhân loại dường như là khuôn mẫu cho mức tiến hoá cao nhất trong hệ mặt trời đặc thù này. Ở các hành tinh khác nhau, nó có đôi chút biến dị, nhưng nói chung, đại cương vẫn như nhau. Trong các hệ mặt trời khác, các hình tướng có thể hoàn toàn không giống như vậy; về điểm này chúng ta không có thông tin.

BRINGING OVER PAST KNOWLEDGE

We do not yet know with any certainty the laws which govern the power to impress the

Chúng ta vẫn chưa biết một cách chắc chắn các định luật chi phối khả năng ghi lại kiến thức

detailed knowledge of one life upon the physical brain of the next. Such evidence as is at present before us seems to show that details are usually forgotten, but that broad principles appear to the new mind as self-evident. Many of us have exclaimed when for the first time in this incarnation we read a Theosophical book: "This is exactly what I have always felt, but I did not know how to put it into words!" In some cases there seems scarcely that much of memory, yet as soon as the teaching is presented it is instantly recognised as true. Mrs. Besant as Hypatia must unquestionably have known a great deal of this philosophy which was not clearly formulated in her present brain during the orthodox or free-thought periods of this incarnation.

chi tiết của một kiếp sống lên bộ não hồng trần của kiếp sống tiếp theo. Những bằng chứng hiện có dường như cho thấy rằng các chi tiết thường bị lãng quên, nhưng các nguyên tắc chung lại xuất hiện trong tâm trí mới như những điều hiển nhiên. Nhiều người trong chúng ta đã từng thốt lên khi lần đầu tiên đọc một cuốn sách Thông Thiên Học trong kiếp này: "Đây chính xác là điều mà tôi luôn cảm nhận, nhưng tôi không biết cách diễn đạt nó thành lời!" Trong một số trường hợp, dường như thậm chí còn không có được nhiều ký ức như vậy, nhưng ngay khi giáo lý được trình bày, nó lập tức được nhận ra là chân lý. Bà Besant khi là Hypatia chắc chắn đã biết rất nhiều về triết lý này, điều mà trong giai đoạn chính thống hoặc tự do tư tưởng của kiếp sống hiện tại, không hoàn toàn được biểu hiện rõ ràng trong bộ não của bà.

If any reliance at all is to be placed upon exoteric tradition, even the BUDDHA Himself, who descended from higher planes with the definite intention of taking birth to help the world, knew nothing clearly of His mission after He had entered His new body, and regained full knowledge only after years of searching for it. Undoubtedly He could have known from the first had He chosen, but He did not choose; He submitted Himself to what seems to be the common lot.

Nếu có thể dựa vào truyền thống ngoại môn, thậm chí Đức Phật Bản Thân Ngài, người đã từ các cõi cao giáng xuống với mục đích rõ ràng là nhập thế để giúp đỡ thế gian, sau khi đã nhập vào thể xác mới của Ngài, cũng không biết rõ ràng về sứ mệnh của mình và chỉ khôi phục được tri thức đầy đủ sau nhiều năm tìm kiếm. Không nghi ngờ gì nữa, Ngài hoàn toàn có thể biết ngay từ đầu nếu Ngài chọn lựa, nhưng Ngài đã không chọn như vậy; Ngài đã chấp nhận điều dường như là số phận chung của nhân loại.

It is possible that in His case there may be another explanation. The body which was born of King Suddhodana and Queen Maya may not in its earlier years have been inhabited by the Lord BUDDHA. He may have acted as the Christ did; He may have asked one of His disciples to take care of that vehicle for Him until He needed it, and He may have

Có khả năng rằng trong trường hợp của Ngài, có thể có một lời giải thích khác. Thể xác được sinh ra từ Vua Suddhodana và Hoàng hậu Maya có thể trong những năm đầu không được Đức Phật cư ngụ. Ngài có thể đã hành động giống như Đức Christ; Ngài có thể đã yêu cầu một trong những đệ tử của mình chăm sóc phương tiện đó cho đến khi Ngài cần nó, và

entered it Himself only at the moment when it fainted after the long austerities of the six years of searching for truth. If this be so, then the reason that Prince Siddartha did not remember all that the Lord BUDDHA previously knew was because He was not the same person. But in any case we may be sure that the ego, who is the true man, always knows what he has once learned; but he is not always able to impress it upon his new brain without the help of a suggestion from without.

Ngài chỉ nhập vào nó khi thân thể kiệt sức sau những khổ hạnh kéo dài suốt sáu năm tìm kiếm chân lý. Nếu điều này là đúng, thì lý do Hoàng tử Siddhartha không nhớ hết những gì Đức Phật trước đó đã biết là vì họ không phải cùng một người. Nhưng trong mọi trường hợp, chúng ta có thể chắc chắn rằng chân ngã, người thực sự là con người, luôn biết những gì y đã từng học; nhưng y không phải lúc nào cũng có thể in dấu điều đó lên bộ não mới của mình mà không có sự gợi ý từ bên ngoài.

Fortunately for our students it seems to be an invariable rule that one who has accepted occult truth in one life always comes into contact with it in the next, and so revives his dormant memory. I suppose we may say that the opportunity of thus recovering the truth is the karma of having accepted it, and of having earnestly tried to live according to it in the previous incarnation. There is, however, every probability that much of what we now call distinctively Theosophical belief will be the ordinary accepted knowledge of the day by the time that we return to take up again our work on the physical plane, so it may be that we shall all be educated in it as a matter of course. If that be so, the difference between those who have studied it this time and those who have not will be that the former will take it up with enthusiasm and make rapid progress, while to the latter it will mean no more than does the science of to-day to the entirely unscientific mind.

May mắn thay cho các học viên của chúng ta, dường như có một quy luật bất biến rằng người đã chấp nhận chân lý huyền môn trong một kiếp sống sẽ luôn tiếp xúc với nó trong kiếp tiếp theo, và nhờ đó mà hồi sinh ký ức tiềm ẩn của mình. Tôi cho rằng chúng ta có thể nói rằng cơ hội khôi phục chân lý theo cách này là nghiệp quả của việc đã chấp nhận nó, và đã nỗ lực sống theo chân lý đó trong kiếp trước. Tuy nhiên, có mọi khả năng rằng phần lớn những gì chúng ta hiện gọi là niềm tin đặc biệt của Thông Thiên Học sẽ trở thành kiến thức được chấp nhận thông thường vào thời điểm chúng ta trở lại để tiếp tục công việc trên cõi hồng trần, vì vậy rất có thể tất cả chúng ta sẽ được giáo dục trong nó một cách tự nhiên. Nếu điều đó xảy ra, sự khác biệt giữa những người đã nghiên cứu nó lần này và những người chưa nghiên cứu sẽ là những người trước sẽ tiếp nhận nó với sự nhiệt tình và tiến bộ nhanh chóng, trong khi đối với những người sau, nó sẽ không có ý nghĩa gì hơn so với khoa học ngày nay đối với những người hoàn toàn không có tư duy khoa học.

In any case, let no one for a moment suppose that the benefit of our study and hard work can ever be lost.

Trong bất kỳ trường hợp nào, đừng ai nghĩ rằng lợi ích của sự nghiên cứu và công việc khó nhọc của chúng ta có thể bị mất đi.

THE INTERVALS BETWEEN LIVES—NHỮNG KHOẢNG NGHỈ GIỮA CÁC KIẾP SỐNG

A certain amount of misconception exists among students with regard to the average interval which elapses between two incarnations. It seems probable that we misunderstood the information given on this subject in the early days of the Society, and the statements then made have been copied without comment even into some of the later books. Most of the closer students have come to know more or less accurately the facts of the case, but so far as I am aware nothing resembling a tabulation of averages for the various classes of egos has yet been published.

Giữa các đạo sinh có một mức độ ngộ nhận nhất định liên quan đến khoảng nghỉ trung bình giữa hai lần lâm phàm. Có vẻ như chúng ta đã hiểu sai các thông tin được ban cho về chủ đề này trong những ngày đầu của Hội, và các phát biểu khi ấy đã được chép lại nguyên văn, thậm chí cả trong một số sách xuất bản về sau, mà không kèm bình giải. Phần lớn những đạo sinh đào sâu hơn đã biết được ít nhiều chính xác các sự kiện của vấn đề, nhưng theo như tôi được biết, cho đến nay vẫn chưa hề có điều gì giống như một bảng thống kê các trị số trung bình dành cho các hạng chân ngã khác nhau được công bố.

At the end of the chapter on the heaven-world (then called devachan) in Mr. Sinnett' s monumental work Esoteric Buddhism, the statement is made that the whole period between death and the next physical birth varies greatly in the case of different persons, but rebirth in less than fifteen hundred years is spoken of as almost impossible, while the stay in devachan which rewards a very rich karma is said sometimes to extend to enormous periods. This statement is based upon passages in the same letters from which is derived all the rest of this most interesting book, and there is no question whatever that Mr. Sinnett has quite accurately reported what was told to him. The same general idea is put forward by Madame Blavatsky in The Secret Doctrine (ii. 317): "Let us remember that, save in the case of young children and of individuals whose lives have been violently cut off by some accident, no spiritual entity can reincarnate before a period of many

Cuối chương nói về cõi thượng thiên (lúc ấy gọi là devachan) trong tác phẩm đồ sộ Phật giáo Huyền Môn của Ông Sinnett, có phát biểu rằng toàn bộ thời kỳ giữa cái chết và lần sinh hồng trần kế tiếp biến thiên rất lớn tuỳ từng người; tái sinh trong thời gian ít hơn một nghìn năm trăm năm được nói đến như hầu như không thể có, trong khi thời gian lưu tại devachan để đáp đền một nghiệp quả hết sức phong phú đôi khi kéo dài tới những giai đoạn to tát. Lời phát biểu này dựa trên các đoạn trong cùng những bức thư vốn là nguồn cho mọi phần còn lại của cuốn sách thú vị bậc nhất này, và hoàn toàn không có gì phải nghi ngờ rằng Ông Sinnett đã thuật lại rất chính xác điều đã được nói với ông. Cùng ý tưởng tổng quát ấy được Bà Blavatsky nêu ra trong Giáo Lý Bí Nhiệm (quyển ii, tr. 317): "Chúng ta hãy ghi nhớ rằng, trừ những trường hợp trẻ nhỏ và những cá nhân có đời sống bị cắt đứt một cách bạo liệt bởi tai nạn nào đó, không một thực thể tinh thần nào có thể tái sinh trước khi nhiều thế kỷ

centuries has elapsed."

In those earlier days we took this fifteen hundred years as an average for humanity, but later investigations have clearly shown us that it could not have been meant exactly in that way. To make the statement square with the observed facts, it must be either greatly limited or greatly extended. If confined to a small group of the most advanced of the human race it would be approximately correct; and on the other hand, if it were extended to include not only humanity but the vast hosts of the deva kingdom, it might again be taken as coming very near to the truth. In the case of the quotation from The Secret Doctrine the expression spiritual entities may be read as implying that Madame Blavatsky was speaking only of highly developed persons; but the passage from Esoteric Buddhism gives us fifteen hundred years almost as a minimum.

We are given to understand that the letters upon which Esoteric Buddhism was founded were written by various pupils of the Masters under Their general direction; and so, while there is plenty of room for inaccuracies to creep in (as we know that they have crept in) it is impossible to suppose that the writers did not know facts quite readily accessible to anyone who can watch the process of reincarnation. We must remember that the letter was written not to the world at large but quite definitely to Mr. Sinnett, with possibly a view to the few others who were at that time studying with him. To state such an average for them would be reasonably exact, and perhaps this is what was done; but we certainly cannot accept it as the mean proportion for the whole human race at the present time.

It is probably impossible to arrive at a really

đã trôi qua."

Trong những ngày đầu ấy, chúng ta đã xem con số một nghìn năm trăm như là một trị số trung bình cho nhân loại, nhưng các khảo sát về sau đã cho thấy rõ rằng điều đó hẳn đã không được hiểu chính xác theo cách như vậy. Để cho lời phát biểu phù hợp với các sự kiện quan sát được, hoặc phải giới hạn nó rất đáng kể, hoặc phải mở rộng nó rất đáng kể. Nếu chỉ giới hạn cho một nhóm nhỏ thuộc những người tiến bộ nhất của nhân loại, thì nó sẽ gần đúng; và ở mặt khác, nếu mở rộng để bao gồm không chỉ nhân loại mà còn cả các đoàn thể đông đảo của giới thiên thần, thì nó lại có thể được xem là rất gần với chân lý. Trong trường hợp trích dẫn từ Giáo Lý Bí Nhiệm, cụm từ các thực thể tinh thần có thể được hiểu ngụ ý rằng Bà Blavatsky chỉ nói về những người phát triển cao; nhưng đoạn trích từ Phật giáo Huyền Môn lại đưa ra con số một nghìn năm trăm năm hầu như như là mức tối thiểu.

Chúng ta được hiểu rằng những bức thư làm nền tảng cho Phật giáo Huyền Môn được viết bởi nhiều môn đồ khác nhau của các Chân sư dưới sự chỉ đạo chung của Các Ngài; bởi vậy, dù vẫn có nhiều chỗ cho những sai lệch lọt vào (như chúng ta biết là đã có), thì không thể nào giả định rằng những người viết không biết những sự kiện vốn sẵn sàng trong tầm nhận thức của bất kỳ ai có thể quan sát tiến trình tái sinh. Chúng ta phải nhớ rằng bức thư ấy không được viết cho toàn thế giới nói chung, mà rõ ràng là viết cho Ông Sinnett, có thể là với cái nhìn đến một vài người khác lúc bấy giờ cũng đang học với ông. Đưa ra một trị số trung bình như vậy cho nhóm người ấy sẽ là tương đối chính xác, và có lẽ đó chính là điều đã được làm; nhưng chúng ta chắc chắn không thể chấp nhận nó như là con số trung bình cho toàn thể nhân loại trong thời điểm hiện tại.

Có lẽ không thể đạt đến một trị số trung bình

accurate average, for in order to do that it would be necessary to know at least approximately the number in each of the different classes of monads. Something of the nature of an estimate for each of the main classes may be given, though even then it must be remembered that there will necessarily be wide individual variations on each side of it.

thật sự chính xác, vì để làm được điều đó thì ít nhất cần biết gần đúng số lượng trong mỗi hạng chân thần khác nhau. Tuy vậy, có thể đưa ra một loại ước lượng cho mỗi hạng chính, dẫu ngay cả khi ấy cũng phải nhớ rằng tất sẽ có các sai biệt cá nhân rất rộng ở mỗi phía.

Three principal factors have to be taken not account; the class to which an ego belongs, the mode in which he has attained individualisation, and the length and nature of his last life. Let us then take up the various classes of humanity in their order, using the nomenclature decided upon by Mrs. Besant in the table facing page 213.

Ba yếu tố chủ yếu phải được tính đến: hạng mà một chân ngã thuộc về, cách thức y đạt đến biệt ngã hóa, và độ dài cùng tính chất của đời sống gần nhất của y. Vậy, chúng ta hãy lần lượt xét các hạng người trong nhân loại theo trật tự của chúng, sử dụng thuật ngữ do Bà Besant ấn định trong bảng đối diện trang 213.

Lords of the Moon

Các Nguyệt tinh quân

At the head of that list appear the Lords of the Moon—those who attained the arhat level at some time or other during the evolution of the moon-chain. For that humanity, as for all others, seven paths open when they have attained the level assigned to their chain; and in this case one of those paths brought a certain proportion of the Lords of the Moon over to the earth-chain to direct the earlier stages of its evolution. All of these, however, have long since attained adeptship, and we need therefore take no account of them in the consideration of our present subject.

Đứng đầu danh sách ấy là các Nguyệt tinh quân—những vị đã đạt cấp độ A-la-hán vào một thời kỳ nào đó trong quá trình tiến hoá của Dãy Mặt Trăng. Với nhân loại ấy, cũng như với mọi nhân loại khác, bảy con đường mở ra khi họ đạt đến cấp độ dành cho Dãy của họ; và trong trường hợp này, một trong những con đường ấy đã đưa một tỷ lệ nhất định các Nguyệt tinh quân sang Dãy Địa Cầu để chỉ đạo các giai đoạn sơ kỳ của sự tiến hoá nơi đây. Tuy nhiên, tất cả những vị này từ lâu đã đạt đến địa vị chân sư, nên trong việc xét chủ đề hiện tại, chúng ta không cần tính đến các Ngài.

Moon-Men. (First Order)

Nguyệt nhân. (Đệ Nhất Đẳng)

The next class is the first order of the Moon-men, and that is a class so large and varied that it will be necessary for us to discuss it in the several subdivisions given in the chapter on monads from the moon.

Hạng kế là đệ nhất đẳng của Nguyệt nhân, một hạng đông đảo và dị biệt đến mức sẽ cần bàn trong những tiểu phân nhóm được nêu trong chương về các chân thần đến từ Mặt Trăng.

1 & 2. The first class, as given there, includes those who even on the moon-chain were

1 & 2. Hạng thứ nhất, như đã nêu ở đó, gồm những người ngay trên Dãy Mặt Trăng đã ở

already on the Path; and the second consists of those who were individualised in the fourth round of the moon-chain. In our present chapter we need not consider either of these classes, since their members have attained adeptship, and so the question of incarnations and the intervals between them no longer concerns them.

trên Thánh Đạo; và hạng thứ hai gồm những người đã được biệt ngã hóa trong cuộc tuần hoàn thứ tư của Dãy Mặt Trăng. Trong chương hiện tại, chúng ta không cần xét đến hai hạng này, vì các thành viên của họ đã đạt địa vị chân sư, và do vậy vấn đề các lần lâm phàm và khoảng nghỉ giữa chúng không còn liên quan đến họ nữa.

3. Those who attained individualisation in the fifth round of the moon-chain.

3. Những người đạt biệt ngã hóa trong cuộc tuần hoàn thứ năm của Dãy Mặt Trăng.

Among these, those who are already on the Path are usually taking a continuous succession of incarnations, so that for them the question of the interval between lives does not arise. If, however, they are for some reason not as yet taking the special series of lives which usually follows upon initiation, their intervals are very long—probably at the least fifteen hundred or two thousand years, or even more. Though not so usual as the series of rapid incarnations, this does sometimes occur; for among the cases known to us those who passed the first initiation some considerable time ago, one ego has been taking successive incarnations in physical life ever since, with scarcely any break, while another has been away from physical life for two thousand three hundred years; and yet the result so far as progress on the Path is concerned seems to have been exactly the same.

Trong số này, những ai đã ở vào Thánh Đạo thường đang liên tục đảm nhận các lần lâm phàm nối tiếp, nên đối với họ, vấn đề khoảng nghỉ giữa các đời không đặt ra. Tuy nhiên, nếu vì lý do nào đó họ chưa nhận chuỗi đời đặc biệt vốn thường theo sau điểm đạo, thì khoảng nghỉ của họ rất dài—có lẽ ít nhất là một nghìn năm trăm hay hai nghìn năm, thậm chí hơn. Dẫu không phổ biến bằng chuỗi lâm phàm nhanh, điều này vẫn đôi khi xảy ra; vì trong những trường hợp chúng ta biết, giữa những vị đã vượt qua lần điểm đạo thứ nhất cách một thời gian đáng kể, có một chân ngã đã liên tiếp thọ sinh trong cõi hồng trần từ đó đến nay hầu như không ngưng nghỉ, trong khi một vị khác đã rời đời sống hồng trần đến hai nghìn ba trăm năm; thế mà kết quả xét về tiến bộ trên Thánh Đạo dường như vẫn hoàn toàn như nhau.

The apportioning of the different stages of a long interval like this varies considerably in different cases. The stay upon the astral plane is short, or the ego may even pass through it rapidly and unconsciously. Most of the time is passed in the highest level of the heaven-world, and then, after that is over, a certain proportion of conscious life in the causal body precedes the next descent into birth. This life of the ego on its own plane is at this stage only

Việc phân bổ các giai đoạn khác nhau của một khoảng nghỉ dài như thế này biến thiên đáng kể trong các trường hợp khác nhau. Thời gian lưu tại cõi cảm dục là ngắn, hoặc chân ngã thậm chí có thể đi qua đó một cách nhanh chóng và vô thức. Phần lớn thời gian được trải qua ở tầng cao nhất của cõi thượng thiên, rồi sau khi điều đó chấm dứt, một tỷ lệ nhất định đời sống có ý thức trong thể nguyên nhân sẽ đi trước lần giáng sinh kế tiếp. Ở giai đoạn này,

about one-tenth of the entire interval between the earth-lives. But this again is a matter in which no two instances are alike.

đời sống của chân ngã trên chính cõi của mình chỉ vào khoảng một phần mười toàn bộ khoảng nghỉ giữa các đời hồng trần. Nhưng đây lại là điều mà không có hai trường hợp nào giống nhau.

In the case of those who are approaching the Path the general interval is not far from twelve hundred years if the ego has been individualised slowly by intellectual development, and is therefore passing through its blissful experiences at the ordinary rate. If, however, the ego has been individualised suddenly by a rush of emotion or by a stupendous effort of will, and is consequently taking his bliss in the more concentrated form, his interval is about seven hundred years. Both these types are little likely to stay long upon the astral plane; probably five years represents for them an astral life of fair average duration. At the other end of their stay in the heaven-world there most likely comes a certain period of conscious life in the ego on its own plane, but this does not exceed half a-century at most.

Đối với những người đang tiến gần Thánh Đạo, khoảng nghỉ nói chung không xa con số một nghìn hai trăm năm nếu chân ngã đã được biệt ngã hóa chậm qua sự phát triển trí tuệ, và vì vậy đang trải nghiệm phúc lạc của mình theo nhịp độ thông thường. Nhưng nếu chân ngã đã được biệt ngã hóa đột ngột bởi một cơn bộc phát tình cảm hay bởi một nỗ lực ý chí phi thường, và do đó đang thụ hưởng phúc lạc theo hình thức cô đọng hơn, thì khoảng nghỉ của y vào khoảng bảy trăm năm. Cả hai kiểu này đều ít có khuynh hướng lưu lâu ở cõi cảm dục; có lẽ năm năm là con số đại diện cho một đời sống cảm dục có độ dài trung bình công bằng đối với họ. Ở đầu kia của thời gian lưu tại cõi thượng thiên, rất có thể sẽ có một giai đoạn nhất định đời sống có ý thức của chân ngã trên chính cõi của mình, nhưng điều này tối đa cũng không vượt quá nửa thế kỷ.

During their more recent lives we find that it has been the tendency of those people who take the normal interval of twelve hundred years to incarnate successively in the different sub-races. Often we find them running twice through the same set of sub-races, first in male and then in female vehicles, or vice versa.

Trong các đời gần đây của họ, chúng ta nhận thấy khuynh hướng nơi những người lấy khoảng nghỉ thông thường là một nghìn hai trăm năm là đầu thai nối tiếp qua các giống dân phụ khác nhau. Thường thấy họ đi hai lần qua cùng một chuỗi giống dân phụ, lần đầu trong vận cụ nam rồi đến vận cụ nữ, hoặc ngược lại.

The fates of various people differ greatly. Some go on steadily life after life, but nothing particular happens to them. Others are constantly in trouble, shock following shock; and yet both are advancing along the line which is best for them. It often happens that if a man dies young, he is born again in the same sub-race, and when a man goes round the sub-races twice, he usually takes the other sex on

Số phận của các hạng người khác nhau dị biệt rất lớn. Có người cứ đều đặn tiếp nối đời này qua đời khác mà chẳng có điều gì đặc biệt xảy đến với họ. Có người thì liên tục gặp tai ương, hết cú sốc này đến cú sốc khác; thế mà cả hai hạng đều đang tiến bước theo đường lối tốt nhất cho họ. Thường xảy ra rằng nếu một người chết trẻ, y sẽ tái sinh trong cùng một giống dân phụ; và khi một người đi vòng qua

the second journey. Broadly speaking, the Indians represent the first sub-race of the Aryan root-race, the Arabs the second, the Parsis the third, the Romance nations the fourth and the Teutons the fifth. If a man takes a birth in France, he does not need one in Italy or Spain, and the same is true of Germany and England.

các giống dân phụ hai lần, y thường nhận giới tính kia trong chuyến đi thứ hai. Nói rộng ra, người Ấn Độ đại diện cho giống dân phụ thứ nhất của giống dân gốc Arya, người Ả Rập là giống dân phụ thứ hai, người Parsi là giống dân phụ thứ ba, các dân tộc Rômanh là giống dân phụ thứ tư, và người Teuton là giống dân phụ thứ năm. Nếu một người thọ sinh ở Pháp, y không nhất thiết cần một đời ở Ý hay Tây Ban Nha, và điều tương tự cũng đúng cho Đức và Anh.

Students taking the seven hundred years interval seem to have more the habit of attaching themselves to one sub-race and returning to it whenever possible, and diverging into others only occasionally in order to develope special qualities. As a general rule successive incarnations in the same race intensify its characteristics; equilibrium is brought about by incarnating in various races, or by travel and living among different people. With regard to this matter, the idiosyncrasies of the ego play a considerable part. I mentioned elsewhere how the strong prepossession in the mind of the Jews that they are a special and chosen people tends to bring them back into the same race; and pride of race generally, if unusually intense, is likely to work in that direction.

Những người thuộc khoảng gián cách bảy trăm năm dường như có thói quen gắn bó hơn với một giống dân phụ và quay lại với nó bất cứ khi nào có thể, chỉ thỉnh thoảng rẽ sang các giống dân phụ khác để phát triển những phẩm tính đặc thù. Như một quy tắc chung, những lần lâm phàm liên tiếp trong cùng một chủng tộc sẽ tăng cường các đặc trưng của nó; sự quân bình được đem lại bằng cách đầu thai trong nhiều chủng tộc khác nhau, hoặc bằng việc du hành và sống giữa các dân tộc khác biệt. Về phương diện này, những tính dị biệt của chân ngã đóng vai trò đáng kể. Tôi đã nhắc nơi khác rằng sự thiên chấp mạnh mẽ trong tâm trí người Do Thái cho rằng họ là một dân tộc đặc biệt và được tuyển chọn có xu hướng đưa họ quay lại cùng một chủng tộc; và niềm kiêu hãnh về chủng tộc nói chung, nếu quá mãnh liệt, cũng có khả năng tác động theo chiều hướng ấy.

Even pride of family is not without its result also, and I have known of several cases in which, when abnormally developed, it has brought the ego back into the line of his direct descendants two or three times before he got free. In the beginning of these studies it was given to us as a general rule that a man usually takes not less than three and not more than seven incarnations in one sex before passing over to the other. Although the many researches which we have since undertaken

Ngay cả niềm tự hào gia tộc cũng không phải là không có hệ quả, và tôi đã biết vài trường hợp mà khi được nuôi dưỡng một cách bất thường, nó đã đưa chân ngã trở lại dòng của các hậu duệ trực hệ của y hai hoặc ba lần trước khi y thoát ra được. Vào thời kỳ khởi đầu của những khảo cứu này, chúng ta được ban như một quy tắc chung rằng một người thường không nhận ít hơn ba và không nhiều hơn bảy lần lâm phàm trong một giới tính trước khi chuyển sang giới tính kia. Dù nhiều cuộc khảo

have to a large extent confirmed this general rule, they have also shown us a great number of exceptions to it, some people taking long lines of incarnations in one sex before turning to the other, and others for a time incarnating alternately in male and female bodies; but most of these were in the case of egos who were already advanced somewhat beyond the average, and were therefore probably receiving special treatment.

sát mà chúng ta đã thực hiện từ đó đến nay phần lớn đã xác nhận quy tắc chung này, chúng cũng cho thấy vô số ngoại lệ, có người nhận những chuỗi dài lâm phàm trong một giới tính trước khi quay sang giới tính kia, lại có người trong một thời gian thì luân phiên đầu thai vào thân nam rồi thân nữ; nhưng phần nhiều những trường hợp ấy thuộc các chân ngã đã tiến bộ vượt trên mức trung bình đôi chút, và do vậy có lẽ đang nhận sự sắp đặt đặc thù.

Evidently there is no hesitation in modifying the general rule to suit particular cases, when for any reason that is seen to be desirable. Though the laws governing reincarnation are allowed to work mechanically upon the vast majority of undeveloped egos, it seems clear from the instances observed that as soon as any one ego makes a little progress of any sort and so becomes hopeful from the evolutionary point of view, considerable elasticity is introduced into the arrangements, and within certain definite limits he is born into the sex, race and conditions which are best suited to give him an opportunity of strengthening the weak points in his character.

Hiển nhiên không có sự do dự trong việc điều chỉnh quy tắc chung để thích ứng các trường hợp riêng lẻ, khi vì một lý do nào đó điều ấy được thấy là đáng mong muốn. Dẫu các định luật chi phối tái sinh được để cho vận hành một cách cơ học trên đại đa số những chân ngã chưa phát triển, có vẻ rõ ràng qua các trường hợp quan sát được rằng ngay khi bất kỳ một chân ngã nào tiến bộ đôi chút theo bất kỳ cách nào, và vì thế trở nên đáng hy vọng từ quan điểm tiến hoá, thì sự linh hoạt đáng kể được đưa vào những sắp đặt, và trong những giới hạn nhất định, y được sinh vào giới tính, chủng tộc và hoàn cảnh thích hợp nhất để cho y cơ hội củng cố những điểm yếu trong Tính cách.

In the case of men who have distinguished themselves greatly along artistic, scientific or religious lines, the interval is usually much the same, though the apportioning may differ slightly. The general tendency is to a longer astral and a shorter causal life, especially in the case of the religious and the artistic. A great philosopher sometimes enormously extends his life in the heaven-world; I remember that Madame Blavatsky has somewhere stated that Plato would be likely to stay away from earth for at least ten thousand years, though I imagine that this is an entirely exceptional ease.

Đối với những người đã nổi bật một cách lớn lao theo các đường hướng nghệ thuật, khoa học hoặc tôn giáo, khoảng nghỉ thường vẫn tương tự, dù việc phân bổ có thể hơi khác. Khuynh hướng chung là đời sống cảm dục dài hơn và đời sống nguyên nhân ngắn hơn, đặc biệt trong trường hợp tôn giáo và nghệ thuật. Một triết gia vĩ đại đôi khi kéo dài đời sống nơi cõi thượng thiên tới mức rất lớn; tôi nhớ rằng Bà Blavatsky đã từng nói ở đâu đó rằng Plato có khả năng vắng mặt khỏi trần gian ít nhất mười nghìn năm, dẫu tôi hình dung đó hoàn toàn là một trường hợp ngoại lệ.

4. Those who attained individualisation in the sixth round of the moon-chain; typical examples of whom are the country gentlemen and professional men.

Their intervals vary greatly, say from six hundred to a thousand years, of which perhaps twenty or twenty-five may be spent upon the astral plane, and all the rest in various stages of the heaven-world. There is probably just a touch of consciousness in the ego on its own plane, but only a touch.

4. Những người đạt biệt ngã hóa trong cuộc tuần hoàn thứ sáu của Dãy Mặt Trăng; ví dụ điển hình là các địa chủ thôn quê và giới chuyên nghiệp.

Khoảng nghỉ của họ biến thiên rất lớn, nói khoảng từ sáu trăm đến một nghìn năm, trong đó có lẽ hai mươi hay hai mươi lăm năm được trải qua nơi cõi cảm dục, và toàn bộ phần còn lại ở các tầng khác nhau của cõi thượng thiên. Rất có thể chỉ có một nét chạm nhẹ của ý thức nơi chân ngã trên chính cõi của mình, nhưng chỉ là một nét chạm.

5. Those who individualised in the seventh round of the moon-chain—the upper middle class. This class generally has an interval between lives of perhaps five hundred years, of which about twenty-five are passed on the astral plane and the rest in the heaven-world. In such a case there is no conscious life in the causal body, though of course, like all other human beings, they have the flash of memory and of prescience which is always vouchsafed to each ego when he touches his own plane between two physical incarnations.

5. Những người biệt ngã hóa trong cuộc tuần hoàn thứ bảy của Dãy Mặt Trăng—tầng lớp trung lưu thượng tầng. Hạng này nói chung có khoảng nghỉ giữa các đời vào khoảng năm trăm năm, trong đó chừng hai mươi lăm năm ở cõi cảm dục và phần còn lại ở cõi thượng thiên. Trong trường hợp như vậy không có đời sống có ý thức trong thể nguyên nhân, dẫu dĩ nhiên, như mọi con người khác, họ đều có tia chớp ký ức và linh tri vốn luôn được ban cho mỗi chân ngã khi y chạm vào cõi riêng của mình giữa hai lần đầu thai hồng trần.

Moon-men, Second Order. The bourgeoisie. Their interval between lives is commonly two hundred to three hundred years, of which about forty are usually spent upon the astral plane, and the rest in the lower levels of the heaven-world.

Nguyệt nhân, Đệ Nhị Đẳng. Tầng lớp trưởng giả. Khoảng nghỉ giữa các đời của họ thường là từ hai trăm đến ba trăm năm, trong đó khoảng bốn mươi năm thường được trải qua nơi cõi cảm dục, và phần còn lại ở các tầng thấp của cõi thượng thiên.

In this, as in all the other types, individualisation may have been obtained by intelligence or by emotion, and there will be a corresponding difference in the average length of the intervals between successive incarnations, but in all these lower classes the difference caused by the mode of individualisation is much less in proportion than in the higher class.

Trong hạng này, như trong mọi hạng khác, biệt ngã hóa có thể đạt được bằng trí tuệ hoặc bằng tình cảm, và sẽ có một khác biệt tương ứng trong độ dài trung bình của những khoảng nghỉ giữa các lần lâm phàm nối tiếp; nhưng ở tất cả các hạng thấp này, sự khác biệt do cách thức biệt ngã hóa gây ra nhỏ hơn nhiều, xét theo tỷ lệ, so với hạng cao hơn.

Moon Animal-men. The pioneers of the first

Nguyệt thú-nhân. Những người tiên phong

round of the earth-chain, represented now by the skilled workers of the world. Such men have usually an interval between lives varying from one hundred to two hundred years, about forty of which are spent on the middle level of the astral plane, and the rest on some of the lower sub-planes of the heaven-world.

của cuộc tuần hoàn thứ nhất của Dãy Địa Cầu, hiện nay được đại diện bởi những công nhân lành nghề của thế giới. Những người như vậy thường có khoảng nghỉ giữa các đời biến thiên từ một trăm đến hai trăm năm, trong đó khoảng bốn mươi năm ở tầng giữa của cõi cảm dục, và phần còn lại ở vài phân cõi thấp của cõi thượng thiên.

Moon-animals, First class. Now the un-skilled labourers.

Nguyệt thú, Đệ Nhất Đẳng. Nay là những lao động phổ thông.

Their interval between lives varies from sixty to a hundred years, of which from forty to fifty are spent on the lower parts of the astral plane, and the remainder on the lowest division of the heaven-world.

Khoảng nghỉ giữa các đời của họ biến thiên từ sáu mươi đến một trăm năm, trong đó từ bốn mươi đến năm mươi năm ở các phần thấp của cõi cảm dục, và phần còn lại ở phân khu thấp nhất của cõi thượng thiên.

Moon-animals, Second class. The drunkards and the unemployable.

Nguyệt thú, Đệ Nhị Đẳng. Những kẻ nghiện rượu và những người không thể thuê mướn.

Such people are generally absent from the world some forty or fifty years, which they spend entirely on the astral plane—usually on the lowest subdivision but one.

Những người như vậy thường vắng mặt khỏi thế gian khoảng bốn mươi hay năm mươi năm, thời gian này họ hoàn toàn trải qua nơi cõi cảm dục—thường ở phân cõi thấp nhất trừ một (tức tầng áp chót).

Moon-animals, Third class. The lowest of humanity.

Nguyệt thú, Đệ Tam Đẳng. Tầng thấp nhất của nhân loại.

Their interval between lives is often about five years, spent on the lowest sub-plane of the astral—unless they are earth-bound by crime, which not infrequently happens.

Khoảng nghỉ giữa các đời của họ thường vào khoảng năm năm, trải qua ở phân cõi thấp nhất của cõi cảm dục—trừ khi họ bị trói buộc với cõi trần do tội ác, điều vốn không hiếm khi xảy ra.

In all the cases mentioned above, a certain difference is produced by the mode of individualisation, but this difference is much less in proportion in the lower classes. Still on the whole those individualised through intellect tend always to take the longer of the two intervals mentioned as possible for them, whereas those who come along other paths tend to take the shorter.

Trong tất cả những trường hợp được nêu ở trên, có một khác biệt nhất định do cách thức biệt ngã hóa gây nên, nhưng khác biệt này nhỏ hơn nhiều, xét theo tỷ lệ, ở các hạng thấp. Tuy nhiên, nhìn chung, những người được biệt ngã hóa qua trí tuệ thì luôn có xu hướng nhận khoảng nghỉ dài hơn trong hai khoảng được nêu là khả hữu cho họ, trong khi những người đi theo các con đường khác lại có xu hướng

nhận khoảng nghỉ ngắn hơn.

A third factor which exercises great influence is the length and nature of the individual life. Obviously an ego who casts aside his physical body in childhood has not had the opportunity in that body to generate a sufficient amount of spiritual force to keep him on the higher planes for the length of time common to his type. Generally speaking, then, a man who dies young will have a shorter interval than his neighbour who lives to old age. Generally speaking, again, the man dying young is likely to have a greater proportion of astral life, because most of the strong emotions which work themselves out in astral life are generated in the earlier part of the physical existence, whereas the more spiritual energy which finds its result in the heaven-life is likely to continue until the end or near the end of the period spent upon earth.

Yếu tố thứ ba có ảnh hưởng lớn là độ dài và tính chất của đời sống cá nhân. Hiển nhiên một chân ngã vứt bỏ thể xác khi còn thơ ấu đã không có cơ hội trong thân xác ấy để tạo ra một lượng mãnh lực tinh thần đủ để giữ y trên các cõi cao trong thời gian dài thường thấy nơi hạng của y. Nói chung, người chết trẻ sẽ có khoảng nghỉ ngắn hơn so với người hàng xóm sống đến tuổi già. Cũng nói chung, người chết trẻ có khả năng có tỷ lệ đời sống cảm dục lớn hơn, bởi lẽ phần lớn các xúc cảm mãnh liệt được triển khai trong đời sống cảm dục vốn phát sinh ở phần đầu của cuộc sống hồng trần, trong khi năng lượng tinh thần cao hơn tìm thấy kết quả ở đời sống thiên giới thường kéo dài cho đến cuối hoặc gần cuối thời gian sống trên trần thế.

The character of the man during his earth-life is a consideration of the utmost importance. Some men lead a long life in which there is scarcely anything of spirituality, and that naturally tends to shorten the interval between their incarnations and brings it far below what is common for their class. Probably, too, in such a case quite an undue proportion of the interval would be spent on the astral plane. The averages given, therefore, are only averages, and it must be clearly understood that a wide range on each side of them is usually possible, so that the various classes may considerably over-lap one another.

Phẩm hạnh của con người trong đời sống hồng trần là một yếu tố quan trọng bậc nhất. Có người sống lâu nhưng hầu như chẳng có gì của tính chất tinh thần, và điều đó tự nhiên làm ngắn khoảng nghỉ giữa các lần lâm phàm của họ, đưa nó xuống thấp hơn hẳn mức phổ biến cho hạng của họ. Có lẽ, trong trường hợp như vậy, một phần tỷ lệ quá mức của khoảng nghỉ sẽ được trải qua ở cõi cảm dục. Vì thế, các trị số được nêu chỉ là những trị số trung bình, và phải hiểu rõ rằng một biên độ rộng ở mỗi phía thường là khả hữu, đến nỗi các hạng khác nhau có thể chồng lấp nhau khá nhiều.

We have only recently come to understand the importance, in this regard, of strong mutual affection. From our study of past lives it has become clear to us that egos are closely associated in families or group, and that this connection tends on the whole to equalise the

Gần đây, chúng ta mới hiểu tầm quan trọng, trong phương diện này, của mối tình thân hỗ tương mạnh mẽ. Từ việc khảo cứu các đời quá khứ, đã trở nên rõ ràng với chúng ta rằng các chân ngã gắn bó mật thiết trong những gia tộc hay nhóm, và mối liên hệ này nói chung có xu

intervals between the lives of the members of such a group. It is evidently considered necessary that they should prepare for future work together by constant association as they evolve, and it is manifest that intervals which would otherwise be shorter or longer are so dealt with as to bring the entire party into incarnation together, not once but many times.

This unquestionably involves an increase or decrease of the rate at which the spiritual force discharges itself, and it is clear that this must be a matter of careful regulation by the Authorities in charge of evolution. Though we have not yet discovered the exact law which regulates it, there is little doubt that when we do we shall find that it works automatically, so that the maximum of result may be achieved without injustice to any individual concerned.

There seems to be a type of students who are always yearning to discover injustice in the working of the evolutionary machinery; but those who have spent many years in the investigation of the processes of nature know more and more certainly as they go on that injustice is an impossibility, and that any case in which we think we descry it is only a case in which our knowledge is as yet imperfect. Those who have probed the mysteries of nature most deeply are precisely those who have acquired the utter certainty that He who doeth all things doeth all things well.

hướng làm cân bằng các khoảng nghỉ giữa những đời sống của các thành viên trong một nhóm như vậy. Hiển nhiên điều được xem là cần thiết là họ phải chuẩn bị cho công việc tương lai chung bằng sự gắn bó thường xuyên khi họ tiến hoá, và hiển nhiên những khoảng nghỉ vốn lẽ ra ngắn hơn hoặc dài hơn thì được xử lý sao cho đưa toàn bộ nhóm vào lâm phàm cùng nhau, không chỉ một lần mà là nhiều lần.

Điều này tất nhiên đòi hỏi gia tăng hoặc giảm thiểu tốc độ mà mãnh lực tinh thần tự phóng xuất, và rõ ràng đây phải là một vấn đề được điều hòa cẩn trọng bởi các Vị có thẩm quyền phụ trách tiến hoá. Dù chúng ta chưa khám phá ra định luật chính xác chi phối điều đó, nhưng hầu như không còn nghi ngờ rằng khi khám phá được, chúng ta sẽ thấy nó vận hành một cách tự động, để cho hiệu quả tối đa được đạt đến mà không bất công với bất kỳ cá nhân nào liên hệ.

Dường như có một hạng đạo sinh luôn khát khao phát hiện sự bất công trong vận hành của guồng máy tiến hoá; nhưng những ai đã dành nhiều năm để khảo sát các tiến trình của thiên nhiên thì càng đi sâu càng biết một cách chắc chắn hơn rằng bất công là điều không thể có, và bất kỳ trường hợp nào mà chúng ta tưởng như thấy nó, chỉ là trường hợp cho thấy tri thức của chúng ta hãy còn chưa trọn vẹn. Những ai thâm nhập sâu nhất vào các mầu nhiệm của thiên nhiên chính là những người đã đạt được sự xác quyết tuyệt đối rằng Đấng làm nên muôn sự đều làm nên mọi sự cách hoàn hảo.

Phần Chín: Hội Thông Thiên Học và Vị Sáng Lập của Hội

EIGHTH SECTION: KARMA

THE LAW OF EQUILIBRIUM

WHEN we are considering the life of man we have three principal forces to take into account, all interacting and limiting one another: the steady pressure of evolution, the law of cause and effect which we call karma, and the free-will of man. The action of the evolutionary force has, so far as we can see, no reference whatever to the man' s pleasure or pain, but only to his progress, or rather his opportunities for progress. One would say that it was absolutely indifferent as to whether the man was happy or unhappy, and that it might press him sometimes into one of these conditions and sometimes into the other, according to what was best calculated to afford opportunity for the development of the particular virtue on the formation of which he is for the moment engaged. Karma appears as the manifestation of the action of the man' s free-will in the past. He has accumulated energies which either afford opportunities for the evolutionary force, or limit it in its operation. Then the man's present use of such free-will as he possesses is a third factor

KHI chúng ta xem xét đời sống của con người, có ba mãnh lực chính cần được tính đến, tất cả đều tương tác và giới hạn lẫn nhau: áp lực ổn định của tiến hóa, định luật nhân quả mà chúng ta gọi là nghiệp quả, và ý chí tự do của con người. Hành động của lực tiến hóa, theo những gì chúng ta có thể thấy, không hề liên quan đến niềm vui hay nỗi đau của con người, mà chỉ liên quan đến sự tiến bộ của y, hay đúng hơn là cơ hội cho sự tiến bộ. Có thể nói rằng lực này hoàn toàn không quan tâm liệu con người có hạnh phúc hay khổ đau, và rằng nó có thể đẩy y vào một trong hai trạng thái này tùy thuộc vào điều gì tốt nhất để tạo cơ hội phát triển đức tính mà y đang tập trung hình thành tại thời điểm đó. Nghiệp quả xuất hiện như là sự biểu hiện của hành động tự do của con người trong quá khứ. Y đã tích lũy các năng lượng hoặc mang lại cơ hội cho lực tiến hóa, hoặc giới hạn nó trong quá trình hoạt động của nó. Sau đó, việc sử dụng ý chí tự do hiện tại của con người là yếu tố thứ ba.

The doctrine of karma explains that advancement and well-being are the results of well-doing; but there should be no mistake as to exactly what is meant by well-doing and well-being respectively. The object of the entire scheme is, so far as we are concerned, the evolution of humanity; and consequently the man who does best is he who does most to help forward the evolution of others as well as

Giáo lý về nghiệp quả giải thích rằng sự tiến bộ và thịnh vượng là kết quả của việc làm tốt; nhưng không nên nhầm lẫn về chính xác điều gì được hiểu là việc làm tốt và sự thịnh vượng. Mục tiêu của toàn bộ kế hoạch này, khi xét từ góc độ của chúng ta, là sự tiến hóa của nhân loại; do đó, người làm tốt nhất là người giúp đẩy nhanh sự tiến hóa của người khác cũng như chính mình. Người thực hiện điều này ở

his own. The man who does this to the utmost extent of his power and opportunity in one life will certainly find himself in the next in possession of greater power and wider opportunities. These are not unlikely to be accompanied by worldly wealth and power, because the very possession of these usually gives the opportunity required, but they are by no means a necessary part of the karma; and it is important for us to bear in mind that the result of usefulness is always the opportunity for further and wider usefulness, and we must not consider the occasional concomitants of that opportunity as themselves the reward of the work done in the last incarnation.

mức độ tối đa trong một đời sống chắc chắn sẽ tìm thấy trong kiếp sau sự sở hữu của quyền lực lớn hơn và cơ hội rộng lớn hơn. Những điều này có thể kèm theo sự giàu có và quyền lực thế gian, vì sự sở hữu của chúng thường mang lại cơ hội cần thiết, nhưng chúng không phải là phần tất yếu của nghiệp quả; và điều quan trọng cần nhớ là kết quả của sự hữu ích luôn là cơ hội để tiếp tục và mở rộng sự hữu ích đó, và chúng ta không nên coi những yếu tố thỉnh thoảng đi kèm với cơ hội đó như là phần thưởng cho công việc đã hoàn thành trong kiếp trước.

One instinctively shrinks from the use of such words as reward and punishment, because they seem to imply the existence, somewhere in the background, of an irresponsible being who deals out both at will. We shall get a truer idea of the way in which karma works if we think of it as a necessary readjustment of equilibrium disturbed by our action—as a kind of illustration of the law that action and reaction are always equal. It will also help us much in our thinking if we try to take a broader view of it—to regard it from the point of view of those who administer its laws rather than from our own.

Một cách tự nhiên, chúng ta rút lui khỏi việc sử dụng các từ như phần thưởng và trừng phạt, bởi vì chúng dường như ngụ ý sự tồn tại, ở đâu đó phía sau, của một thực thể vô trách nhiệm, người phân phát cả hai tùy ý. Chúng ta sẽ có được một cái nhìn đúng đắn hơn về cách mà nghiệp quả hoạt động nếu nghĩ về nó như là sự điều chỉnh cần thiết của sự cân bằng bị phá vỡ bởi hành động của chúng ta—như là một minh họa của định luật rằng hành động và phản ứng luôn bằng nhau. Nó cũng sẽ giúp ích rất nhiều cho chúng ta trong việc suy nghĩ nếu cố gắng có một cái nhìn rộng hơn—xem xét nó từ quan điểm của những người quản lý các định luật của nó thay vì từ quan điểm của chính chúng ta.

Though the inevitable law must sooner or later bring to each man unerringly the result of his own work, there is no immediate hurry about it; in the counsels of the eternal there is always time enough, and the first object is the evolution of humanity. Therefore it is that one who shows himself a willing and useful

Mặc dù định luật không thể tránh khỏi phải mang đến cho mỗi người kết quả của chính công việc của họ, nhưng không có sự vội vàng ngay lập tức trong vấn đề này; trong các lời khuyên của vĩnh cửu, luôn có đủ thời gian, và mục tiêu đầu tiên là sự tiến hóa của nhân loại. Vì vậy, người tỏ ra là một công cụ sẵn lòng và

instrument in forwarding that evolution always receives as his “reward” the opportunity of helping it still further, and thus, in doing good to others, to do best of all for himself. Of course if the thought of self-advancement were his motive for thus acting, the selfishness of the idea would vitiate the action and narrow its results; but if, forgetting himself altogether, he devotes his energies to the single aim of helping in the great work, the effect upon his own future will undoubtedly be as stated.

hữu ích trong việc thúc đẩy sự tiến hóa luôn nhận được "phần thưởng" là cơ hội để tiếp tục giúp đỡ, và do đó, khi làm điều tốt cho người khác, y làm tốt nhất cho chính mình. Tất nhiên, nếu động cơ của y là sự tiến bộ của bản thân, thì sự ích kỷ của ý tưởng sẽ làm hỏng hành động và thu hẹp kết quả của nó; nhưng nếu y hoàn toàn quên bản thân và dồn năng lượng vào mục tiêu duy nhất là giúp đỡ trong công việc lớn lao đó, thì tác động lên tương lai của y sẽ không thể nghi ngờ là như đã được mô tả.

A definite protest ought once for all to be entered against the theory that suffering is the necessary condition of spiritual progress. Exercise is the condition of attaining physical strength, but it need not be painful exercise; if a man is willing to, take a walk every day, there is no need to torture him on the tread-mill in order to develop the muscles of his legs. For spiritual progress a man must develope virtue, unselfishness, helpfulness—that is to say, he must learn to move in harmony with the great cosmic law; and if he does this willingly there is no suffering for him but that which comes from sympathy with others.

Cần có một sự phản đối dứt khoát đối với lý thuyết rằng đau khổ là điều kiện cần thiết cho sự tiến bộ tinh thần. Tập thể dục là điều kiện để đạt được sức mạnh thể chất, nhưng không cần thiết phải là một bài tập đau đớn; nếu một người sẵn lòng đi bộ mỗi ngày, không cần phải tra tấn y trên cỗ máy hành xác để phát triển cơ bắp chân. Đối với sự tiến bộ tinh thần, một người phải phát triển đức hạnh, lòng vị tha, sự giúp đỡ—tức là, y phải học cách vận động hài hòa với định luật vũ trụ lớn lao; và nếu y làm điều này một cách sẵn lòng, sẽ không có sự đau khổ cho y ngoại trừ sự đau khổ đến từ lòng trắc ẩn với người khác.

Granted that at the present time most men refuse to do this, that when they set themselves in opposition to the great law suffering invariably follows, and that the eventual result of many such experiences is to convince them that the path of wickedness and selfishness is also the path of folly; in this sense it is true that suffering conduces to progress in those particular cases. But because we wilfully elect to offend against the law, and thereby bring down suffering upon ourselves, we have surely no right so to blaspheme the great law of the universe as to say that it has

Được thừa nhận rằng vào thời điểm hiện tại, hầu hết mọi người từ chối làm điều này, rằng khi họ đối nghịch với định luật lớn lao, đau khổ không thể tránh khỏi sẽ theo sau, và kết quả cuối cùng của nhiều kinh nghiệm như vậy là khiến họ nhận ra rằng con đường của tội lỗi và sự ích kỷ cũng là con đường của ngu muội; theo nghĩa này, đúng là đau khổ góp phần vào sự tiến bộ trong những trường hợp cụ thể đó. Nhưng vì chúng ta cố tình chọn làm điều trái ngược với định luật, và do đó mang đến đau khổ cho chính mình, chúng ta chắc chắn không có quyền phỉ báng định luật vũ trụ lớn

ordered matters so badly that without suffering no progress can be made. As a matter of fact if a man only will, he can make far more rapid progress without suffering at all.

lao mà nói rằng nó đã sắp đặt mọi thứ tệ đến nỗi nếu không có đau khổ thì không thể đạt được tiến bộ. Trên thực tế, nếu một người thật sự muốn, y có thể tiến bộ nhanh hơn nhiều mà không hề phải chịu bất kỳ đau khổ nào.

It must, however, be remembered that any man who has once realised the glorious goal which lies before us can never be perfectly happy until he has attained that goal, and that he finds an ever-present source of dissatisfaction in his own failings. Now even dissatisfaction is a modified form of suffering; and from that no man can hope to be free until the imperfection has been outgrown. “God, Thou hast made us for Thyself, and our hearts are ever restless till they find their rest in Thee.”

Tuy nhiên, cần nhớ rằng bất kỳ người nào đã một lần nhận ra mục tiêu vinh quang nằm trước mặt y sẽ không bao giờ có thể hoàn toàn hạnh phúc cho đến khi y đạt được mục tiêu đó, và y luôn tìm thấy một nguồn gốc bất mãn trong những thiếu sót của chính mình. Giờ đây, ngay cả sự bất mãn cũng là một dạng đau khổ được giảm nhẹ; và không ai có thể hy vọng thoát khỏi điều này cho đến khi các sự không hoàn hảo đã được khắc phục. "Lạy Chúa, Ngài đã tạo ra chúng con cho chính Ngài, và trái tim chúng con luôn bất an cho đến khi chúng tìm thấy sự yên nghỉ trong Ngài."

Whether it is comforting or the reverse to know that one’ s sufferings are deserved may be a matter of opinion; but that in no way alters the undoubted fact that unless they had been so deserved they could not possibly come to us. It is lamentable that so many people should adopt the unphilosophical and indeed childish attitude which leads them to assume that any idea which does not fall in with their particular sectarian preconceptions cannot possibly be true. Unintelligent people constantly say: “The Theosophical teaching about karma does not seem to me so comfortable as the Christian idea of forgiveness of sins,” or “The Theosophical heaven-world does not seem so real and beautiful as the Christian, and so I will not believe in it.”

Việc biết rằng những đau khổ của mình là xứng đáng có thể mang lại sự an ủi hay ngược lại tùy quan điểm cá nhân; nhưng điều đó không thay đổi sự thật không thể phủ nhận rằng, nếu không có lý do chính đáng, chúng không thể đến với chúng ta. Thật đáng tiếc rằng có quá nhiều người chấp nhận thái độ không triết lý và thậm chí trẻ con dẫn đến việc cho rằng bất kỳ ý tưởng nào không phù hợp với những quan niệm giáo phái cụ thể của họ không thể đúng. Những người thiếu hiểu biết thường nói: “Giáo lý Thông Thiên Học về nghiệp quả không có vẻ dễ chịu như ý tưởng Kitô giáo về sự tha thứ tội lỗi,” hoặc “Thế giới thiên đường của Thông Thiên Học không có vẻ thực và đẹp như của Kitô giáo, vì vậy tôi sẽ không tin vào nó.”

They evidently think, poor creatures, that their likes and dislikes are powerful enough to

Họ rõ ràng nghĩ, những sinh vật tội nghiệp ấy, rằng sở thích và không thích của họ đủ mạnh

alter the laws of the universe, and that nothing of which they do not approve can possibly be on any plane. We, however, are engaged in studying the facts of existence, which after all are not modified because Mr. and Mrs. So-and-so would rather believe them to be otherwise than they are. If it were possible for anyone to be an innocent victim there would be no certainty of the operation of the great law of cause and effect anywhere in the universe, which would be a far more terrible thing for us than having to work out the results of any amount of sin committed in former lives. It can never be too strongly emphasized that the law of karma is not the vindictive vengeance of some angry deity, but simply an effect naturally and inevitably following upon its cause in obedience to the action of universal law.

để thay đổi các định luật của vũ trụ, và rằng không có điều gì mà họ không tán thành có thể tồn tại ở bất kỳ cảnh giới nào. Tuy nhiên, chúng ta đang nghiên cứu các sự kiện của sự tồn tại, những sự thật không thay đổi chỉ vì Ông A hay bà B muốn tin rằng chúng khác biệt. Nếu có ai đó là nạn nhân vô tội thì sẽ không có sự chắc chắn về việc vận hành của định luật nhân quả ở bất kỳ đâu trong vũ trụ, và điều này còn đáng sợ hơn rất nhiều so với việc phải gánh chịu hậu quả của mọi tội lỗi đã phạm phải trong những kiếp sống trước. Không bao giờ có thể nhấn mạnh quá mức rằng định luật nghiệp quả không phải là sự trả thù ác độc của một vị thần giận dữ, mà chỉ đơn thuần là một hệ quả tự nhiên và không thể tránh khỏi theo sau nguyên nhân của nó, tuân theo sự vận hành của định luật vũ trụ.

Every individual will have to pay to the utmost every debt that he contracts, and to every individual the most perfect justice will be done; but for this purpose it is not always necessary that a vast crowd of egos should be perpetually meeting one another in successive lives. If one man so acts towards another as seriously to hasten or retard his evolution, if he does anything which produces upon the other a marked or permanent effect, it is fairly certain that the two must meet again in order that the debt may be adjusted. It is obvious that that may be done in various ways.

Mỗi cá nhân sẽ phải trả đến cùng mọi món nợ mà họ đã tạo ra, và đối với mỗi cá nhân, sự công lý hoàn hảo nhất sẽ được thực hiện; nhưng để đạt được điều này, không phải lúc nào cũng cần thiết rằng một đám đông các chân ngã phải liên tục gặp lại nhau trong các kiếp sống liên tiếp. Nếu một người hành động theo cách làm chậm hoặc thúc đẩy sự tiến hóa của người khác một cách nghiêm trọng, nếu y làm điều gì đó có tác động rõ ràng hoặc lâu dài đến người kia, thì có khả năng cao là hai người đó sẽ gặp lại nhau để món nợ được điều chỉnh. Rõ ràng rằng điều này có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau.

A man who murders another may conceivably sometimes himself be murdered in turn in another incarnation; but he can cancel the karma much more satisfactorily if he happens to have an opportunity in that next incarnation of saving the life of his former

Một người đã giết một người khác có thể đôi khi bị giết trở lại trong một kiếp sống khác; nhưng y có thể giải quyết nghiệp quả một cách thỏa đáng hơn nếu trong kiếp sau y có cơ hội cứu mạng người mà y đã giết trước đây, thậm chí bằng cách hy sinh mạng sống của chính

victim at the cost of his own. It would seem that sometimes he may cancel it without losing his own at all; for among the many lines of lives which have been examined we found at least one case in which a murderer apparently fully expiated his fault by patiently devoting the whole of a later life to the service of the person whom he had previously slain.

mình. Có vẻ rằng đôi khi y có thể giải quyết nghiệp quả mà không cần mất đi mạng sống của mình; vì trong nhiều chuỗi kiếp sống đã được nghiên cứu, chúng ta tìm thấy ít nhất một trường hợp trong đó một kẻ giết người dường như đã chuộc lỗi hoàn toàn bằng cách kiên nhẫn cống hiến cả cuộc đời sau này để phục vụ người mà y đã từng giết hại.

There is a vast amount of minor karma which appears to go into what may be described as a kind of general fund. The schoolboy who mischievously pinches a classmate will certainly not have to meet that classmate a thousand years hence under other skies in order to be pinched by him in return, though it is unquestionable that even in so small a matter as this perfect justice will be done to both the parties. Constantly as we pass on through life we shower small kindnesses upon those whom we meet; carelessly and often unconsciously we do them small injuries in thought and word and deed. Every one of these brings its corresponding result of good or evil to ourselves, and we too, though we knew it not, were the agents of karma in those very actions. The small kindness which we attempt will prove a failure if the recipient does not deserve even that much of help; the careless slight will pass unnoticed by its victim if there has been nothing in his past for which it is a fitting retribution.

Có một lượng lớn nghiệp quả nhỏ dường như đi vào cái có thể được mô tả như một loại "quỹ chung". Một cậu học sinh nghịch ngợm véo bạn cùng lớp chắc chắn không phải gặp lại cậu bạn đó hàng ngàn năm sau dưới những bầu trời khác để bị véo lại; mặc dù không thể phủ nhận rằng ngay cả trong những việc nhỏ nhặt như thế này, sự công lý hoàn hảo cũng sẽ được thực hiện đối với cả hai bên. Liên tục khi chúng ta bước qua cuộc sống, chúng ta gieo rắc những ân huệ nhỏ cho những người mà chúng ta gặp; vô tình và thường xuyên không có ý thức, chúng ta làm hại họ qua suy nghĩ, lời nói và hành động. Mỗi một hành động trong số này đều mang lại kết quả tương ứng tốt hoặc xấu cho chúng ta, và chúng ta cũng, mặc dù không nhận ra, là những tác nhân của nghiệp quả trong chính những hành động đó. Lòng tốt nhỏ mà chúng ta cố gắng sẽ không thành công nếu người nhận không xứng đáng nhận ngay cả một sự giúp đỡ nhỏ như thế; sự coi thường hờ hững sẽ không được nạn nhân chú ý nếu không có gì trong quá khứ của y xứng đáng với sự trả thù thích đáng đó.

It is not easy to draw the line between these two classes of karma—that which necessitates personal adjustment and that which goes into the general fund. It is certain that whatever influences a person seriously belongs to the first category, and small

Không dễ để vạch ra ranh giới giữa hai loại nghiệp quả này—nghiệp quả yêu cầu sự điều chỉnh cá nhân và nghiệp quả đi vào quỹ chung. Chắc chắn rằng bất cứ điều gì ảnh hưởng nghiêm trọng đến một người đều thuộc về loại đầu tiên, và những rắc rối hàng ngày

everyday troubles belong to the second; but we have at present no means of knowing exactly how much influence must be exerted in order that an action may rank in the first-class.

nhỏ thuộc về loại thứ hai; nhưng hiện tại chúng ta không có phương tiện để biết chính xác mức độ ảnh hưởng cần phải có để một hành động được xếp vào loại thứ nhất.

We must remember that some of the greatest and most important of all karma can never be personally repaid. In all our line of lives, past and future, no benefit can be greater than that which the Masters have conferred upon us in giving us access to the Theosophical teaching; yet to Them as individuals we can make absolutely no return, since They are far beyond the need of anything that we can do. Yet even this stupendous debt must be discharged like all the rest; but the only way in which we can ever repay it is by handing on the knowledge to others. So we see that here is another kind of karma which may be said to go into the general fund, though not quite in the same sense as before.

Chúng ta phải nhớ rằng một số nghiệp quả lớn nhất và quan trọng nhất không bao giờ có thể được trả lại cá nhân. Trong tất cả các chuỗi kiếp sống của chúng ta, cả trong quá khứ và tương lai, không có lợi ích nào lớn hơn những gì mà các Chân sư đã ban cho chúng ta khi trao cho chúng ta sự tiếp cận với giáo lý Thông Thiên Học; tuy nhiên, với các Ngài như những cá nhân, chúng ta không thể đáp trả gì, vì các Ngài đã vượt xa khỏi nhu cầu của bất cứ điều gì mà chúng ta có thể làm. Tuy vậy, món nợ khổng lồ này cũng phải được trả như tất cả các món nợ khác; nhưng cách duy nhất mà chúng ta có thể trả lại là truyền lại kiến thức đó cho người khác. Vì vậy, chúng ta thấy rằng đây là một loại nghiệp quả khác có thể được nói là đi vào quỹ chung, mặc dù không hoàn toàn giống như trước.

A querent asks, “If it is a man’ s karma to have scarlet-fever, by what mechanism is the result brought about?”

Một người hỏi, "Nếu nghiệp quả của một người là mắc phải bệnh sốt đỏ, thì cơ chế nào khiến kết quả đó xảy ra?"

I do not think that, in the sense in which the questioner means it, it ever is a man’ s karma to have scarlet-fever. It is his karma in a given incarnation to have as the result of his actions in past lives a certain amount of physical suffering, and if a scarlet-fever germ happens to be at hand when he is in a sensitive condition, it may be permitted to fasten upon him, and part of that debt of suffering may be discharged in that way. But if such a germ does not happen to be there at the moment, one of cholera or tuberculosis will do just as

Tôi không nghĩ rằng, theo nghĩa mà người đặt câu hỏi muốn nói, một người bao giờ có nghiệp quả để mắc phải bệnh sốt đỏ. Nghiệp quả của y trong một kiếp sống nhất định là phải chịu đựng một mức độ đau khổ thể xác nhất định do những hành động trong quá khứ, và nếu một vi khuẩn sốt đỏ tình cờ có mặt khi y ở trong tình trạng nhạy cảm, nó có thể được phép bám vào y, và một phần của món nợ đau khổ đó có thể được trả qua cách đó. Nhưng nếu vi khuẩn đó không có mặt vào lúc đó, một con vi khuẩn gây bệnh tả hoặc bệnh lao có thể thực

well, or instead of a disease there may be a broken limb caused by a bit of orange-peel on the pavement or by a passing motor car.

hiện công việc đó, hoặc thay vì một bệnh tật, y có thể gãy một chân do một miếng vỏ cam trên vỉa hè hoặc bởi một chiếc xe ô tô đi qua.

I am aware that there are books which lay down with great precision the exact type of karma which follows upon certain action—as, for example, that if a man is rude to his father in one incarnation he will be born lame of the right leg in the next, whereas if it is with his mother that he has a difference of opinion it will be the left leg which is affected, and so on. But in the many lines of lives which we have examined in order to study the working of karma we have found no such rigidity. On the contrary, We were especially struck no less by the wonderful flexibility of karma than by its unerring certainty. By no possible effort can the man escape a single feather-weight of the suffering destined for him, but he may often avoid it in one shape only to find it inexorably descending upon him in a different form, from some unsuspected quarter.

Tôi biết rằng có những cuốn sách giải thích rất chi tiết về loại nghiệp quả cụ thể sẽ theo sau một hành động cụ thể—chẳng hạn, nếu một người bất kính với cha mình trong một kiếp, thì y sẽ được sinh ra với chân phải bị què trong kiếp sau, trong khi nếu xung đột xảy ra với mẹ, thì đó sẽ là chân trái bị ảnh hưởng, và những điều tương tự. Nhưng trong nhiều chuỗi kiếp sống mà chúng ta đã nghiên cứu để tìm hiểu về sự vận hành của nghiệp quả, chúng ta không tìm thấy sự cứng nhắc như vậy. Ngược lại, chúng ta đặc biệt ấn tượng không chỉ bởi sự chắc chắn không thể sai lệch của nghiệp quả mà còn bởi tính linh hoạt tuyệt vời của nó. Không có nỗ lực nào có thể khiến con người thoát khỏi dù chỉ một lượng đau khổ nhỏ nhất định cho y, nhưng y có thể thường tránh được nó dưới hình thức này chỉ để thấy nó không thể tránh khỏi giáng xuống dưới hình thức khác, từ một góc khuất nào đó.

Just as a debt of ten pounds can be paid in a single note, in two smaller notes, in gold or silver, or even in a bag-full of copper, so a certain amount of karma may come in one terrible blow, in a number of successive but less severe blows of various kinds, or even in a long series of comparatively petty annoyances; but in any and every case the full tale must be paid.

Cũng giống như một khoản nợ mười bảng có thể được thanh toán bằng một tờ tiền duy nhất, bằng hai tờ tiền nhỏ hơn, bằng vàng hay bạc, hoặc thậm chí bằng một túi đồng, vì vậy một lượng nghiệp quả nhất định có thể đến dưới hình thức một cú đánh kinh hoàng, một chuỗi các cú đánh liên tiếp nhưng ít nghiêm trọng hơn, hoặc thậm chí là một chuỗi dài các phiền toái nhỏ nhặt tương đối không đáng kể; nhưng trong mọi trường hợp, toàn bộ món nợ phải được thanh toán.

The same sin, committed under the same circumstances by two exactly similar people, must result in the same amount of suffering, yet the kind of suffering might be almost

Cùng một tội lỗi, được thực hiện trong cùng một hoàn cảnh bởi hai người giống hệt nhau, chắc chắn sẽ dẫn đến cùng một mức độ đau khổ, nhưng loại đau khổ có thể gần như vô hạn

infinitely varied, according to the requirements of the case. Take as an example one of the very commonest of failings, and let us think what would be the probable result of selfishness. This is primarily a mental attitude or condition, so we must look for its immediate result on the mental plane. It is undoubtedly an intensification of the lower personality at the expense of the individuality, and one of its results will therefore certainly be the accentuation of that lower personality, so that selfishness tends to reproduce itself in aggravated form, and to grow steadily stronger.

trong sự đa dạng của nó, tùy thuộc vào các yêu cầu của trường hợp. Lấy ví dụ một trong những lỗi rất phổ biến, và hãy xem xét kết quả có thể xảy ra của tính ích kỷ. Đây chủ yếu là một thái độ hoặc tình trạng tinh thần, vì vậy chúng ta phải tìm kiếm kết quả tức thời của nó trên cõi trí. Nó chắc chắn là sự gia tăng của phàm ngã ở mức độ thấp hơn với chi phí của chân ngã, và một trong những kết quả của nó sẽ là sự nhấn mạnh phàm ngã đó, khiến cho tính ích kỷ có xu hướng tự tái tạo trong một dạng trầm trọng hơn, và ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn.

Thus more and more of the higher would be lost in each life through entanglement with the lower, and persistence in this fault would be a fatal bar to progress; for nature' s severest penalty is always deprivation of the opportunity for progress, just as her highest reward is the offering of such opportunity. So here we have already a glimpse of the way in which selfishness may itself bring about its own worst result, in so hardening the man as to make him insensible to all good influences, and to render his further progress impossible until he had conquered it.

Như vậy, càng nhiều phần cao hơn của chân ngã sẽ bị mất đi trong mỗi kiếp do sự vướng víu với phần thấp hơn, và việc tiếp tục lỗi này sẽ là một chướng ngại nghiêm trọng đối với tiến bộ; vì hình phạt nghiêm khắc nhất của tự nhiên luôn là sự tước đi cơ hội tiến bộ, giống như phần thưởng cao nhất của y là sự cung cấp cơ hội đó. Do đó, chúng ta đã có một cái nhìn sơ lược về cách mà tính ích kỷ có thể tự nó mang lại hậu quả tồi tệ nhất của nó, bằng cách khiến con người trở nên chai sạn trước tất cả các ảnh hưởng tốt đẹp, và làm cho sự tiến bộ tiếp theo của y trở nên không thể thực hiện được cho đến khi y đã chiến thắng tính ích kỷ.

There would also be the karma on the physical plane of all the unjust or unkind acts which the man' s selfishness might lead him to commit; but the worst penalty that those could bring upon him would be trivial and evanescent beside the effect upon his own mental condition. It is possible that one result might be that he would be drawn by affinity into the society of selfish people, and so through suffering from this vice in others he would learn how heinous it is in himself. But

Cũng sẽ có nghiệp quả trên cõi vật lý từ tất cả các hành động bất công hoặc bất nhân mà tính ích kỷ của con người có thể khiến y phạm phải; nhưng hình phạt nặng nhất mà những hành động đó có thể mang lại sẽ tầm thường và thoáng qua so với ảnh hưởng lên trạng thái tinh thần của chính y. Có thể một trong những kết quả là y sẽ bị hút vào xã hội của những người ích kỷ, và do đó, qua việc chịu đựng tính xấu này từ người khác, y sẽ học được mức độ nghiêm trọng của nó trong chính bản thân.

the resources of the law are endless, and we mistake if we imagine it as cramped down to the line of action on which we in our ignorance think it ought to be administered.

Nhưng nguồn lực của định luật là vô tận, và chúng ta mắc sai lầm nếu tưởng tượng rằng nó bị hạn chế trong cách thức hành động mà chúng ta, trong sự thiếu hiểu biết của mình, nghĩ rằng nó nên được áp dụng.

A large proportion of the man' s suffering is what Mr. Sinnett calls "ready-money karma"—that is to say, it is not due to the result of actions in past lives, and not in any real sense necessary at all. But his actions, in spite of examples put before him and advice freely given to him, are so foolish, and his ignorance is so invincible, so apparently perverse, that he is constantly involving himself in suffering the causes of which are transparently obvious and readily evitable. I do not think that I exaggerate when I say that nine-tenths of the suffering of the ordinary man is utterly unnecessary, for it is not the result of the distant past, but is simply the outcome of the mistaken action or foolish attitude of this present life.

Một phần lớn đau khổ của con người là những gì mà Ông Sinnett gọi là "nghiệp quả trả ngay lập tức" — tức là, không phải kết quả của những hành động trong kiếp sống trước, và không cần thiết theo nghĩa thực sự nào cả. Nhưng hành động của y, mặc dù có những ví dụ được đặt ra trước mặt và những lời khuyên được đưa ra tự do, lại quá ngu ngốc, và sự thiếu hiểu biết của y dường như không thể vượt qua, đến mức y liên tục tự đưa mình vào những tình huống đau khổ mà nguyên nhân rõ ràng và có thể tránh được. Tôi không nghĩ rằng mình đã phóng đại khi nói rằng chín phần mười sự đau khổ của người thường là hoàn toàn không cần thiết, vì nó không phải là kết quả của quá khứ xa xôi, mà đơn giản là hậu quả của hành động sai lầm hoặc thái độ ngu ngốc trong cuộc sống hiện tại.

Another point to be taken into account is that man in his calculations so often fails to discriminate between good and evil effects. The average man regards death as the greatest of all evils, either for himself or for his friends; yet in many cases karma grants it as a reward. It is, indeed, hardly ever an evil or a punishment, but simply an incident—a kind of move in the game, inevitable at certain intervals, but at all times available as a temporary solution of a difficult position when it is seen to be desirable. It is rarely a matter of anything approaching the importance which is commonly attributed to it.

Một điểm khác cần tính đến là con người trong những tính toán của y thường không phân biệt được giữa kết quả tốt và xấu. Người thường coi cái chết là điều xấu nhất trong tất cả các điều xấu, cho bản thân y hoặc cho những người thân yêu của y; tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, nghiệp quả ban tặng nó như một phần thưởng. Trên thực tế, gần như không bao giờ là điều ác hoặc một sự trừng phạt, mà chỉ là một sự kiện—một kiểu di chuyển trong trò chơi, không thể tránh khỏi ở những khoảng thời gian nhất định, nhưng luôn có sẵn như là một giải pháp tạm thời cho một tình huống khó khăn khi nó được coi là cần thiết. Nó hiếm khi là vấn đề có tầm quan trọng lớn như thường được gán cho nó.

If we can conceive two newly-formed egos standing side by side, absolutely primitive and karmaless, and one of them should kill the other, or, indeed, act in any way with regard to the other, a result would be produced which would be, strictly speaking, undeserved. I doubt whether any such condition ever exists, for I think that the individualised animal brings over something of karma into his first human birth.

Nếu chúng ta có thể hình dung hai chân ngã mới được hình thành đứng cạnh nhau, hoàn toàn nguyên sơ và không có nghiệp quả, và một trong số họ giết người kia, hoặc thực hiện bất kỳ hành động nào khác đối với người kia, một kết quả sẽ được tạo ra mà xét về mặt kỹ thuật, là không xứng đáng. Tôi nghi ngờ rằng có bất kỳ điều kiện như vậy từng tồn tại, vì tôi nghĩ rằng loài thú được biệt ngã hóa sẽ mang theo một số nghiệp quả vào trong lần sinh ra làm người đầu tiên của chúng.

Many animals have a sense of right and wrong, or at least a knowledge that some things ought to be done and that others ought not to be done; and they are capable of feeling ashamed when they have done what they think to be wrong. They have in many cases a power of choice; they can exercise (or not exercise) patience and forbearance; and where there is a power of choice there must be responsibility, and consequently karma. The savage animal becomes a savage and cruel man; the gentle and patient animal becomes a gentle and kindly man, however primitive he may be. This serious difference is clearly the consequence of karma made in the animal kingdom. Such karma must inhere in the group-soul, but must be equally distributed through it, so that when a portion breaks off as an individual, it will carry within it its share of that karma.

Nhiều loài động vật có ý thức về đúng sai, hoặc ít nhất là một nhận thức rằng có những điều nên làm và những điều không nên làm; và chúng có khả năng cảm thấy xấu hổ khi chúng làm điều mà chúng cho là sai. Trong nhiều trường hợp, chúng có khả năng lựa chọn; chúng có thể thực thi (hoặc không thực thi) sự kiên nhẫn và lòng khoan dung; và nơi nào có quyền lựa chọn thì sẽ có trách nhiệm, và do đó có nghiệp quả. Con vật hung dữ trở thành con người hung bạo và tàn nhẫn; con vật hiền lành và kiên nhẫn trở thành con người hiền lành và tử tế, cho dù y có nguyên thủy đến đâu. Sự khác biệt nghiêm trọng này rõ ràng là hệ quả của nghiệp quả đã được tạo ra trong vương quốc động vật. Nghiệp quả như vậy phải được thừa hưởng trong linh hồn nhóm, nhưng phải được phân phối đồng đều thông qua nó, vì vậy khi một phần tách ra như một cá thể, nó sẽ mang theo phần nghiệp quả đó.

It may be said that that only pushes our difficulty a little farther back, for there must be a first step sometime, and we must technically consider the result of that first step as unjust.

Có thể nói rằng điều này chỉ đẩy vấn đề của chúng ta đi xa hơn một chút, bởi vì sẽ luôn có một bước đầu tiên, và về mặt kỹ thuật, chúng ta phải coi kết quả của bước đầu tiên đó là bất công.

Not necessarily. Let us suppose the first step to be a fight between two animals. The wish to

Không nhất thiết. Hãy giả sử bước đầu tiên đó là một cuộc chiến giữa hai con thú. Ý muốn

kill or wound would be equally present in both; the karma of that wish would in the case of the vanquished be worked out at once by death, whereas the victor would still owe a debt which would probably be discharged later by his own death by violence. In considering the case of humanity, however, we need not indulge in any such speculations.

giết hoặc làm tổn thương sẽ có mặt trong cả hai; nghiệp quả của ý định đó, trong trường hợp con bị thua, sẽ được giải quyết ngay lập tức bằng cái chết, trong khi kẻ chiến thắng vẫn còn mắc một món nợ, món nợ đó có thể sẽ được trả lại sau này bằng chính cái chết của nó dưới bạo lực. Tuy nhiên, khi xem xét trường hợp của nhân loại, chúng ta không cần phải sa vào những suy đoán như vậy.

We have behind us a great mass of accumulated energy of both kinds, desirable and undesirable, and I can hardly imagine any conceivable "accident" that would not suit as an expression for some part of its infinite variety. Therefore shipwreck or financial ruin does not discriminate, because it need not; there is always something which can work itself out in that way in the whole mass of karma which lies behind an ordinary man. In the rare cases where there is nothing remaining which can so work itself out, the man cannot be injured, and is therefore what is commonly called miraculously saved.

Chúng ta có phía sau mình một khối lượng năng lượng tích lũy rất lớn, bao gồm cả những loại đáng mong muốn và không đáng mong muốn, và tôi khó có thể tưởng tượng được bất kỳ "tai nạn" nào có thể xảy ra mà không phù hợp như là một biểu hiện cho một phần nào đó của sự đa dạng vô tận này. Do đó, đắm tàu hay phá sản tài chính không cần phải phân biệt, bởi vì nó không cần thiết; luôn có điều gì đó trong toàn bộ khối nghiệp quả đằng sau một người bình thường có thể tự giải quyết theo cách đó. Trong những trường hợp hiếm hoi khi không còn gì có thể tự giải quyết theo cách đó, người đó không thể bị tổn hại, và do đó, được coi như là "được cứu sống một cách kỳ diệu."

Nothing could be more wildly absurd than the idea that anything we can do can prevent the working out of karma. For example, if a child is born under circumstances which lead to its being cruelly treated, no doubt such treatment is in accordance with its previous karma; but if kindly intervention delivers it from the demons in human form who torment it, then that intervention also is in accordance with its karma. If it were not, then the well-intentioned effort to rescue it would fail, as we know it sometimes does. Our obvious duty is to do all the good we can, and to render all the help within our power in

Không gì có thể vô lý hơn ý tưởng rằng bất cứ điều gì chúng ta làm đều có thể ngăn cản việc nghiệp quả được thực hiện. Ví dụ, nếu một đứa trẻ được sinh ra trong hoàn cảnh dẫn đến việc nó bị đối xử tàn nhẫn, chắc chắn rằng sự đối xử như vậy là phù hợp với nghiệp quả trước đó của nó; nhưng nếu sự can thiệp từ thiện cứu nó khỏi những kẻ hành hạ, thì sự can thiệp đó cũng phù hợp với nghiệp quả của nó. Nếu không phải vậy, thì nỗ lực tốt đẹp nhằm cứu nó sẽ thất bại, như chúng ta đôi khi thấy. Trách nhiệm hiển nhiên của chúng ta là làm tất cả những điều tốt chúng ta có thể, và cung cấp mọi sự giúp đỡ trong khả năng của chúng

every direction; and we need have no haunting fear that in doing so we are interfering with the work of the great karmic deities, who are assuredly perfectly capable of managing their business with absolute exactitude, whatever we do or do not do.

ta trong mọi phương diện; và chúng ta không cần lo sợ rằng trong việc làm như vậy, chúng ta đang can thiệp vào công việc của các vị thần nghiệp quả vĩ đại, những người chắc chắn hoàn toàn có khả năng quản lý mọi việc với sự chính xác tuyệt đối, dù chúng ta có làm gì hay không.

Does karma seem merciless? If that adjective can be correctly applied to the working of Nature' s laws, I suppose we must admit that it is so, just as the law of gravitation is. If a child slips over the edge of a precipice, no matter how sad may be the circumstances surrounding the slip, he usually falls to the bottom of that precipice just as effectually as would an older and more responsible person; if a man seizes a red-hot iron bar, he is equally burnt whatever may have been his object in seizing it, or whether he knew that it was hot or not. Yet it would hardly occur to us to think of the bar or the precipice as merciless, or to blame the law of gravitation or the law of the radiation of heat. Does not exactly the same thought apply in the case of karma?

Nghiệp quả có vẻ tàn nhẫn không? Nếu tính từ đó có thể được áp dụng đúng cách vào sự vận hành của các định luật tự nhiên, tôi cho rằng chúng ta phải thừa nhận rằng nó là như vậy, giống như định luật hấp dẫn. Nếu một đứa trẻ trượt khỏi rìa vách đá, bất kể hoàn cảnh xung quanh cú trượt đó có buồn bã đến mức nào, nó thường sẽ rơi xuống đáy vách đá một cách chắc chắn giống như một người lớn có trách nhiệm hơn; nếu một người nắm lấy thanh sắt đang nóng rực, y sẽ bị bỏng dù mục đích của y là gì, hoặc liệu y có biết thanh sắt đó nóng hay không. Tuy nhiên, sẽ không ai nghĩ đến việc cho rằng thanh sắt hay vách đá là tàn nhẫn, hoặc đổ lỗi cho định luật hấp dẫn hay định luật bức xạ nhiệt. Có phải ý tưởng tương tự không áp dụng trong trường hợp nghiệp quả?

THE METHOD OF KARMA

It is scarcely possible to put into words the appearance presented to clairvoyant vision on the higher planes by the working of this law of karma. It seems as though the man' s action built cells or channels stored with energy, through the reactions of which he can be reached by the law of evolution. The appearance is as though all sorts of forces are playing round him, but they are able to influence him only by acting through these

Thật khó có thể diễn tả bằng lời hình ảnh được trình bày trước tầm nhìn thông nhãn trên các cõi cao hơn về sự vận hành của định luật nghiệp quả này. Dường như hành động của con người tạo ra các tế bào hoặc kênh chứa đầy năng lượng, thông qua những phản ứng của chúng mà y có thể bị tác động bởi định luật tiến hóa. Hình ảnh cho thấy như thể đủ loại lực đang chơi quanh con người, nhưng chúng chỉ có thể ảnh hưởng đến y thông qua những năng

energies which he has himself set in motion. He is continually adding to the number of these cells or channels of energy, and so is continually modifying the possibilities of reaching him. It is in meeting and dealing with all these kaleidoscopic changes, and yet in spite of them all getting in its work and accurately performing its task, that the marvellous and all but incredible adaptability and versatility of karma is exhibited.

lượng mà chính y đã kích hoạt. Y liên tục gia tăng số lượng các tế bào hoặc kênh năng lượng này, và do đó liên tục thay đổi các khả năng tiếp cận y. Chính trong việc xử lý tất cả những thay đổi như trong kính vạn hoa này, và mặc dù có chúng nhưng vẫn thực hiện công việc một cách chính xác, mà tính thích ứng và linh hoạt tuyệt diệu đến khó tin của nghiệp quả được thể hiện.

There is another aspect of karma the consideration of which I have found helpful in the effort to understand its working; but it belongs to a plane so high that it is unfortunately impossible to put it clearly into words. Imagine that we see each man as though he were absolutely alone in the universe, the centre of an incredibly vast series of concentric spheres. Every thought, or word, or action of his sends out a stream of force which rushes towards the surfaces of the spheres. This force strikes the interior surface of one of the spheres, and, being at right angles to it, is necessarily reflected back unerringly to the point from which it came.

Có một khía cạnh khác của nghiệp quả mà tôi nhận thấy hữu ích trong nỗ lực hiểu cách nó hoạt động; nhưng nó thuộc về một cõi quá cao nên thật không may là không thể diễn tả rõ ràng bằng lời. Hãy tưởng tượng rằng chúng ta thấy mỗi người như thể y hoàn toàn cô độc trong vũ trụ, là trung tâm của một loạt các quả cầu đồng tâm khổng lồ không thể tưởng tượng được. Mỗi suy nghĩ, lời nói, hay hành động của y phát ra một dòng lực lao nhanh về phía bề mặt của các quả cầu. Lực này đập vào bề mặt bên trong của một trong các quả cầu và, vì nó vuông góc với bề mặt đó, nó sẽ chắc chắn được phản xạ lại không sai lệch đến điểm mà nó đã xuất phát.

From which sphere it is reflected seems to depend upon the character of the force, and this also naturally regulates the time of its return. The force which is generated by some actions strikes a sphere comparatively near at hand, and is reflected back very quickly, while other forces rush on almost to infinity, and return only after many lives. But in any case they inevitably return, and they can return nowhere but to the centre from which they came forth. Each man makes his own spheres, and the play of his forces is in no way affected by the action of those sent up by his neighbor, for they cross one another without

Quả cầu nào mà lực đó phản xạ dường như phụ thuộc vào tính chất của lực đó, và điều này cũng điều chỉnh thời gian của sự trở lại của nó. Lực được tạo ra bởi một số hành động va vào một quả cầu tương đối gần và phản xạ lại rất nhanh, trong khi các lực khác lao đi gần như vô hạn và chỉ trở lại sau nhiều kiếp sống. Nhưng trong mọi trường hợp, chúng không thể tránh khỏi việc trở lại, và chúng không thể trở lại bất cứ đâu ngoài trung tâm mà từ đó chúng đã xuất phát. Mỗi người tự tạo ra các quả cầu của mình, và sự chơi đùa của các lực của y không hề bị ảnh hưởng bởi hành động của những lực phát ra từ người láng giềng của

interfering, just as do the rays of light from two lamps. And the medium through which they move is frictionless, so that the amount of force which returns is precisely that which the man himself has generated.

y, vì chúng giao nhau mà không can thiệp, giống như các tia sáng từ hai chiếc đèn. Và môi trường mà qua đó chúng di chuyển là không có ma sát, nên lượng lực quay lại chính xác là lượng mà người đó đã tự tạo ra.

The prarabdha karma of an individual, that is, the karma selected by the authorities for him to discharge in his present life, divides itself into two parts. That which is to express itself in his physical body is made by the Devarajas into the thought-form or elemental which builds the body, of which we have spoken in a previous section; but the other and far larger block which is to indicate his fate through life, the good or evil fortune which is to come to him—this is made into another thought-form which does not descend; hovering over the embryo, it remains upon the mental plane. From that level it broods over the man and takes or makes opportunities to discharge itself by sections, sending down from itself a flash like lightning to strike, or a finger to touch, sometimes far down on the physical plane, sometimes a sort of extension which reaches only the astral plane, and sometimes what we may call a horizontal flash or finger upon the mental plane.

Nghiệp quả prarabdha của một cá nhân, tức là nghiệp quả được các bậc quyền uy lựa chọn để y xử lý trong đời sống hiện tại, chia thành hai phần. Phần nghiệp quả sẽ biểu hiện ra ở thể xác của y được các Devaraja biến thành hình tư tưởng hoặc tinh linh xây dựng thể xác, điều mà chúng ta đã đề cập trong phần trước; nhưng phần nghiệp quả lớn hơn và xa hơn, phần định đoạt số phận của y trong suốt cuộc đời—những vận may tốt hoặc xấu sẽ đến với y—được biến thành một hình tư tưởng khác, không đi xuống mà lơ lửng trên cõi trí. Từ mức độ đó, nó bao trùm lấy con người và tạo ra hoặc nắm lấy cơ hội để giải phóng theo từng phần, gửi xuống từ chính nó một tia chớp giống như tia sét để đánh vào, hoặc một ngón tay để chạm, đôi khi xuống tận cõi vật lý, đôi khi chỉ đến cõi cảm dục, và đôi khi là một dạng tia chớp hoặc ngón tay ngang trên cõi trí.

This elemental goes on discharging itself until it is quite empty; and then, like the other, it fades into nothingness, or more correctly is disintegrated and returns to the matter of the plane. The man can modify its action by the new karma which he is constantly making, by the new causes which he is perpetually setting up. The ordinary man has usually scarcely will enough to create any strong new causes, and so the elemental empties itself of its contents according to what may be described as its original programme, taking advantage

Tinh linh này tiếp tục giải phóng chính nó cho đến khi nó hoàn toàn trống rỗng; và rồi, giống như những cái khác, nó phai nhạt đi vào hư vô, hoặc đúng hơn là bị phân rã và quay trở lại chất liệu của cõi. Con người có thể sửa đổi hành động của nó bằng nghiệp quả mới mà y liên tục tạo ra, bằng những nguyên nhân mới mà y liên tục thiết lập. Người bình thường thường không có đủ ý chí để tạo ra bất kỳ nguyên nhân mới mạnh mẽ nào, do đó tinh linh đó giải phóng bản thân nó theo chương trình gốc, tận dụng các giai đoạn chiêm tinh

of convenient astrological periods and surrounding circumstances, which make its work easier or more effective; and so the horoscope of the man may work out with considerable exactitude. But if the man be sufficiently developed to possess a strong will, the elemental' s action is likely to be much modified, and the life will by no means follow the lines laid down in the horoscope. Sometimes the modifications introduced are such that the elemental is unable fully to discharge himself before the time of the man' s death; and in that case whatever is left of him is again absorbed into the great mass of the sanchita karma—that which has not yet been worked out; and out of that another and more or less similar elemental is made ready for the beginning of the next physical life.

thuận lợi và các hoàn cảnh xung quanh, giúp công việc của nó trở nên dễ dàng hoặc hiệu quả hơn; vì vậy, lá số chiêm tinh của con người có thể diễn ra với độ chính xác khá cao. Nhưng nếu con người phát triển đủ để có ý chí mạnh mẽ, hành động của tinh linh có thể bị sửa đổi rất nhiều, và cuộc sống sẽ không đi theo những gì đã được vạch ra trong lá số chiêm tinh. Đôi khi những sự thay đổi được đưa vào có thể làm cho tinh linh không thể giải phóng hoàn toàn trước khi người đó qua đời; và trong trường hợp đó, những gì còn lại của nó sẽ lại được hấp thụ vào khối nghiệp quả sanchita lớn —phần nghiệp quả chưa được xử lý; và từ đó, một tinh linh khác, tương tự hơn hoặc ít hơn, sẽ được tạo ra sẵn sàng cho khởi đầu của đời sống vật lý tiếp theo.

The great mass of the accumulated karma can also be seen hovering over the ego. Usually it is not a pleasant sight, because by the nature of things it contains more evil than good result. In the earlier days of their development in the remote past, most men have done many things that they should not have done, and thereby have laid up for themselves as a physical result a good deal of suffering on this lowest plane. In the present day all civilised beings have risen at least to the level of good intention, and consequently there is much less of directly evil karma being made by such people. We all do foolish things at times; we all make mistakes; but still on the whole the average civilised being is trying to do good and not harm, and therefore on the whole is likely to be making more good karma than bad. But by no means all of the good karma goes into that great accumulated mass, and so we get the impression in that of a preponderance of evil over good.

Khối nghiệp quả lớn của nghiệp quả tích lũy cũng có thể được nhìn thấy lơ lửng trên chân ngã. Thường thì đó không phải là một cảnh tượng dễ chịu, vì theo bản chất của sự việc, nó chứa nhiều hậu quả xấu hơn là tốt. Trong những ngày đầu của sự phát triển xa xưa, hầu hết con người đã làm nhiều điều mà họ không nên làm, và do đó, họ đã để lại cho bản thân mình một lượng lớn đau khổ trên cõi thấp nhất này như là kết quả vật lý. Ngày nay, tất cả những người văn minh ít nhất đã đạt đến mức độ có ý định tốt, và do đó có ít nghiệp quả xấu trực tiếp được tạo ra bởi những người như vậy. Tất cả chúng ta đều làm những việc dại dột đôi khi; chúng ta đều mắc sai lầm; nhưng nói chung, người văn minh trung bình đang cố gắng làm điều tốt và không gây hại, do đó, nhìn chung, y có khả năng tạo ra nhiều nghiệp quả tốt hơn xấu. Nhưng không phải tất cả nghiệp quả tốt đều đi vào khối tích lũy lớn đó, và do đó chúng ta có cảm giác rằng phần nghiệp quả xấu nhiều hơn phần tốt.

The result of most good thoughts or good actions is to improve the man himself, to make one or other of his bodies vibrate in response to higher forces, or to bring out in him qualities of courage, determination, affection, devotion, which he did not possess in so full a measure before. All this effect then shows in the man himself and in his vehicles, but not in the mass of piled up karma which is waiting for him. If, however, he does some good action definitely with the thought of its reward in his mind, good karma for that good action will come to him, and will store itself up with the rest of the accumulation until such time as it may be brought forward and materialised into activity. This good karma naturally binds the man to earth just as effectually as evil karma, and consequently

Kết quả của hầu hết các suy nghĩ tốt hoặc hành động tốt là cải thiện chính con người, khiến một hoặc các thể của y rung động để đáp ứng với các lực cao hơn, hoặc phát triển trong y những phẩm chất như dũng cảm, quyết tâm, tình cảm, sự tận tụy mà trước đây y chưa sở hữu đầy đủ. Tất cả những tác động này sau đó thể hiện trong chính con người và các thể của y, nhưng không trong khối nghiệp quả tích lũy đang chờ đợi y. Tuy nhiên, nếu y làm một hành động tốt một cách cụ thể với ý nghĩ về phần thưởng trong tâm trí, nghiệp quả tốt cho hành động tốt đó sẽ đến với y, và sẽ được lưu trữ cùng với phần còn lại của sự tích lũy cho đến khi nó được đưa ra và hiện thực hóa thành hành động. Nghiệp quả tốt này đương nhiên sẽ ràng buộc con người với trái đất một cách hiệu quả như nghiệp quả xấu, và do đó, người đang

the man who is aiming at real progress learns to do all actions absolutely without thought of self or of the result of his action, because if there is no thought of self, results of the ordinary kind cannot touch him.

nhắm đến sự tiến bộ thực sự học cách làm tất cả các hành động mà hoàn toàn không có ý nghĩ về bản thân hay kết quả của hành động của mình, bởi vì nếu không có ý nghĩ về bản thân, kết quả của loại thông thường không thể chạm tới y.

Not that the man can escape the benefit of a good deed, any more than he can escape the result of an evil deed; but if the man thinks of the reward that will come to him he will receive the benefit in the shape of that reward, whereas if he forgets himself entirely and does this thing out of the fulness of his heart, because it is the right thing to do and therefore he can do no other, then the whole force of the result is spent in the building of his own character, and nothing of it remains to bind him to the lower planes. The fact is that in each case the man gets what he wants. As the Christ said Himself: "Verily I say unto you, they have their reward." The man who thinks of good result to himself obtains that good result; the mail who is not thinking of himself at all, or thinking only of making himself a channel for the forces of the LOGOS, is made into a better channel as the result of the action which that thought prompted.

Điều này không có nghĩa là con người có thể thoát khỏi lợi ích của một việc làm tốt, cũng giống như y không thể thoát khỏi kết quả của một việc làm xấu; nhưng nếu con người nghĩ về phần thưởng sẽ đến với y, y sẽ nhận được lợi ích dưới hình thức của phần thưởng đó, trong khi nếu y hoàn toàn quên mình và làm điều này từ tận đáy lòng, vì đó là điều đúng đắn phải làm và do đó y không thể làm điều gì khác, thì toàn bộ sức mạnh của kết quả sẽ được sử dụng để xây dựng nhân cách của y, và không gì trong nó còn lại để ràng buộc y với các cõi thấp hơn. Thực tế là trong mỗi trường hợp, con người nhận được những gì y muốn. Như Đức Christ đã nói: "Quả thật, Ta nói với các ngươi, họ đã nhận phần thưởng của mình." Người nghĩ về kết quả tốt cho bản thân sẽ nhận được kết quả tốt đó; người không nghĩ về bản thân chút nào, hoặc chỉ nghĩ về việc làm cho mình trở thành một kênh dẫn cho các lực của THƯỢNG ĐẾ, sẽ trở thành một kênh dẫn tốt hơn nhờ vào hành động mà suy nghĩ đó thúc đẩy.

Another complication is introduced by the fact that many people do good deeds in the name of and for the sake of some other, and in that way they make that other a partaker with them of the results. Many a man does a good deed in the name of the Christ, or if he be a Theosophist, in that of the Master, and justice demands that in such a case, since it is the thought of the Christ or the Master which has produced this result, something of the effect

Một sự phức tạp khác được đưa vào bởi thực tế là nhiều người làm việc thiện nhân danh và vì lợi ích của một người khác, và theo cách đó, họ khiến người đó trở thành người cùng chia sẻ kết quả với họ. Nhiều người thực hiện hành động tốt nhân danh Đức Christ, hoặc nếu họ là Thông Thiên Học gia, thì nhân danh Chân Sư, và công lý đòi hỏi rằng trong trường hợp như vậy, vì suy nghĩ về Đức Christ hoặc Chân Sư đã tạo ra kết quả này, một phần của tác động phải

must go to the great person in question. In this way vast stores of helpful magnetism are constantly at the disposal of those Great Ones to whom many send thoughts of affection and devotion, in whose name many kindly deeds are done. Naturally it would be utterly impossible that the result of such action should in any way bind the Great One. It simply provides him with additional spiritual force for the work which he has in hand.

được chuyển đến vị vĩ đại đó. Theo cách này, những kho dự trữ khổng lồ của từ tính hữu ích luôn sẵn sàng cho các vị Vĩ Đại, những người mà nhiều người gửi đến những suy nghĩ yêu thương và tận tụy, nhân danh nhiều hành động tốt đẹp được thực hiện. Dĩ nhiên là hoàn toàn không thể rằng kết quả của những hành động như vậy sẽ dưới bất kỳ hình thức nào ràng buộc các vị Vĩ Đại. Nó chỉ đơn giản cung cấp cho các Ngài thêm năng lực tinh thần để thực hiện công việc mà các Ngài đang đảm nhận.

THE KARMA OF DEATH

It is by no means certain that in the majority of cases a time for death is definitely appointed by the Lords of Karma at all. The whole arrangement is far more elastic and adaptable than most students suppose. The clue to its comprehension lies in never forgetting that there are three great types of karma, which the Indians call sanchita, prarabdha and kriyamana.

Chưa có sự chắc chắn rằng trong đa số các trường hợp, thời điểm tử vong được các Đấng Chủ Tể Nghiệp Quả định đoạt một cách rõ ràng. Toàn bộ sự sắp xếp này linh hoạt và thích nghi hơn nhiều so với những gì hầu hết các học viên có thể hình dung. Manh mối để hiểu điều này nằm ở việc không bao giờ quên rằng có ba loại nghiệp quả chính, mà người Ấn Độ gọi là sanchita, prarabdha và kriyamana.

The first is the whole vast mass of unexhausted karma, good or bad, which still waits to be worked out; let us call it mass-karma. The second is that particular part of the first which has been selected to be worked out in this incarnation; let us call it the man' s destiny for this life. The third is the new karma which we are constantly making by our present actions.

Loại nghiệp đầu tiên là toàn bộ khối lượng khổng lồ của nghiệp chưa được giải quyết, tốt hay xấu, vẫn đang chờ để được xử lý; chúng ta có thể gọi nó là nghiệp tổng thể. Loại thứ hai là phần cụ thể của loại nghiệp thứ nhất đã được chọn để giải quyết trong kiếp sống này; chúng ta có thể gọi nó là định mệnh của một người trong kiếp sống này. Loại thứ ba là nghiệp mới mà chúng ta liên tục tạo ra bằng các hành động hiện tại của mình.

It is the karma of the second type that the astrologer or the palmist tries to read; and his

Chính là nghiệp thuộc loại thứ hai mà nhà chiêm tinh hoặc người xem chỉ tay cố gắng

calculations, are often invalidated by intrusions from the other two varieties. It is quite certain that nothing can happen to a man which is not in the great mass of his karma, but unquestionably something may happen which was not originally included in his destiny for this life.

đọc; và những tính toán của họ thường bị ảnh hưởng bởi sự xâm nhập từ hai loại nghiệp còn lại. Chắc chắn rằng không điều gì có thể xảy ra với một người mà không thuộc về khối nghiệp tổng thể của y, nhưng rõ ràng là có những sự kiện có thể xảy ra mà ban đầu không nằm trong định mệnh của y cho kiếp sống này.

Suppose the case of a man on board a vessel which is about to be wrecked, or in the first car of a train which is about to come into collision. It may or may not be in the destiny appointed for this particular life that that man should die about this time. If it is, he will no doubt be killed; if it is not, he may be saved, if such saving does not involve too great an interference with the ordinary laws of nature. I think we may say that he probably will be saved if the prolongation of his physical life would appreciably hasten his evolution. It is intended that in each life some lesson should be learnt, some quality developed. If that life-work is already done—or if, on the other hand, it is obvious that the man will not succeed in doing it this time, no matter how long he lives —he has nothing to gain by continued physical life, and he may just as well be delivered from it.

Hãy giả sử trường hợp một người đang ở trên một con tàu sắp bị đắm, hoặc ở toa đầu tiên của một đoàn tàu sắp xảy ra va chạm. Có thể hoặc không thể có trong định mệnh của kiếp sống này rằng người đó sẽ chết vào lúc này. Nếu có, thì chắc chắn y sẽ tử vong; nếu không, y có thể được cứu, nếu việc cứu y không liên quan đến sự can thiệp quá lớn vào các định luật tự nhiên. Tôi nghĩ rằng chúng ta có thể nói rằng y có thể sẽ được cứu nếu sự kéo dài cuộc sống hồng trần của y có thể đẩy nhanh đáng kể quá trình tiến hóa của y. Mục đích của mỗi kiếp sống là học một bài học nào đó, phát triển một phẩm chất nào đó. Nếu công việc của kiếp sống đó đã hoàn thành — hoặc nếu, ngược lại, rõ ràng rằng người đó sẽ không thành công trong việc thực hiện nhiệm vụ lần này, bất kể y sống bao lâu — thì y sẽ không có lợi ích gì từ việc kéo dài cuộc sống hồng trần và có thể được giải thoát khỏi nó.

Also, if there be in the vast mass of his previous karma some debt that can be adequately cancelled by whatever of physical or mental suffering may be involved in such a death, the opportunity of that cancellation may very well be taken when it thus offers itself, even though it may not have been included in the original plan for this particular life. But if in the whole of the mass-karma there is nothing that will fit in with such a death, the man simply cannot die that way, and he will inevitably be saved, even

Ngoài ra, nếu trong khối nghiệp lớn của y có một món nợ nào đó có thể được xóa bỏ một cách hợp lý nhờ vào những đau đớn về thể xác hoặc tinh thần liên quan đến cái chết như vậy, cơ hội đó có thể được nắm lấy khi nó xuất hiện, ngay cả khi điều đó không nằm trong kế hoạch ban đầu cho kiếp sống cụ thể này. Nhưng nếu trong toàn bộ nghiệp tổng thể không có điều gì phù hợp với cái chết như vậy, thì người đó đơn giản là không thể chết theo cách đó, và y sẽ không thể tránh khỏi việc được cứu, thậm chí bằng những phương tiện có vẻ như là kỳ diệu.

though it be by means which seem miraculous. We hear of such cases—cases in which a huge beam has fallen so as just to save a man from being crushed by the superincumbent weight of the wreckage, or in which when an ocean steamer has gone down with all hands, one man has somehow floated ashore on a hen-coop.

Chúng ta nghe về những trường hợp như vậy —những trường hợp trong đó một thanh gỗ lớn rơi xuống một cách vừa khéo để cứu một người khỏi bị nghiền nát bởi đống đổ nát, hoặc khi một con tàu biển chìm mà mọi người đều thiệt mạng, một người đàn ông đã nổi lên bờ trên một chiếc chuồng gà.

We must not forget the influence on our destiny of that third variety of karma which we are making for ourselves every day. A man may be doing such good work that for the moment he cannot be spared; he may or he may not have acted so as to deserve release from the physical plane at that particular period. Our tendency is to attach an altogether exaggerated importance to the time and the manner of our death. If for a moment we try to imagine how the matter must present itself to the Great Beings in charge of our evolution, we shall gain a much truer appreciation of relative values. To them the progress of the egos in their charge is the one matter of importance. They know the lessons to be learnt, the qualities to be developed.

Chúng ta không nên quên ảnh hưởng của loại nghiệp thứ ba, loại nghiệp mà chúng ta tự tạo ra mỗi ngày, lên số phận của mình. Một người có thể đang làm những công việc tốt đến mức y không thể bị tước đi vào thời điểm đó; y có thể đã hành động xứng đáng với việc được giải thoát khỏi cõi trần tại thời điểm đó hoặc không. Xu hướng của chúng ta là gán cho thời điểm và cách thức của cái chết một tầm quan trọng quá mức. Nếu chúng ta thử tưởng tượng cách vấn đề này được thể hiện với các Đấng Cao Cả chịu trách nhiệm cho sự tiến hóa của chúng ta, chúng ta sẽ có một sự đánh giá chính xác hơn về giá trị tương đối của nó. Đối với các Ngài, sự tiến bộ của chân ngã trong sự chăm sóc của họ là vấn đề duy nhất quan trọng. Các Ngài biết những bài học cần được học, những phẩm chất cần được phát triển.

They must regard it much as a schoolmaster regards the amount of work which a boy has to do before qualifying himself for entrance to the university. The schoolmaster divides that work according to the time at his disposal; so much must be done in each year, and the year' s work in turn must be subdivided into terms and even into days. But he will allow himself a considerable amount of latitude with regard to these minor divisions; he may decide to devote two days instead of one to some specially difficult point, or he may close a lesson earlier than he intended if its object is

Các Ngài có lẽ nhìn vấn đề này tương tự như cách một thầy giáo nhìn khối lượng công việc mà một học sinh phải hoàn thành trước khi đủ điều kiện nhập học đại học. Người thầy phân chia công việc đó theo thời gian có sẵn; một khối lượng nhất định phải được hoàn thành trong mỗi năm, và công việc của từng năm được chia nhỏ thành các học kỳ và thậm chí là các ngày. Nhưng thầy giáo có thể cho mình một mức độ linh hoạt đáng kể đối với các phân chia nhỏ hơn này; có thể thầy sẽ quyết định dành hai ngày thay vì một ngày cho một vấn đề đặc biệt khó khăn, hoặc thầy có thể kết thúc

clearly achieved.

một bài học sớm hơn dự định nếu mục tiêu của bài học đó đã đạt được rõ ràng.

Our lives are exactly these days of school life, and, the lesson may be lengthened or shortened as the teacher sees to be best. Death is merely the release from school at the end of one day' s lesson. We need not trouble ourselves about it in the least; we should thankfully accept it whenever karma permits it to us. We must realise that the one important thing is that the appointed lesson should be learnt. The sections into which that lesson shall be divided, the length of the various lesson-hours, and exactly when they shall begin or end—all these are details which we may well leave to the agents of the Great Law.

Cuộc đời chúng ta chính là những ngày học đó, và bài học có thể được kéo dài hoặc rút ngắn theo cách mà giáo viên cho là tốt nhất. Cái chết đơn giản chỉ là sự giải thoát khỏi trường học vào cuối một ngày học. Chúng ta không cần phải lo lắng về điều đó; chúng ta nên chấp nhận nó một cách biết ơn bất cứ khi nào nghiệp quả cho phép. Điều quan trọng là bài học đã được chỉ định phải được học. Những phần mà bài học được chia nhỏ, độ dài của các giờ học khác nhau, và chính xác khi nào chúng bắt đầu hay kết thúc—tất cả những điều này đều là những chi tiết mà chúng ta có thể hoàn toàn phó thác cho các Đấng Chủ Tể của Đại Định Luật.

From this point of view no death can be described as premature, for we may always be absolutely certain that what comes to us from without is what is best for us. Our business is to do our very best with each life, and to make every effort to retain it as long as possible. If we ourselves cut it short by recklessness or improper living, we are responsible, and the effect will assuredly be prejudicial; but if it is cut short by something entirely beyond our control, we may be sure that the curtailment is for our good.

Từ quan điểm này, không có cái chết nào có thể được mô tả là "chết non", vì chúng ta có thể hoàn toàn chắc chắn rằng những gì đến với chúng ta từ bên ngoài là điều tốt nhất cho chúng ta. Nhiệm vụ của chúng ta là làm hết sức mình trong mỗi kiếp sống, và nỗ lực giữ lại nó càng lâu càng tốt. Nếu chúng ta tự mình rút ngắn nó vì sự bất cẩn hoặc lối sống không đúng đắn, chúng ta phải chịu trách nhiệm, và hậu quả chắc chắn sẽ có hại; nhưng nếu nó bị rút ngắn bởi một điều gì đó hoàn toàn ngoài tầm kiểm soát của chúng ta, chúng ta có thể chắc chắn rằng sự cắt ngắn đó là vì lợi ích của chúng ta.

Nevertheless what has been written in some of our books about "premature" death is quite true. In extreme old age desire fades away, and so something of the work of the astral life is already done before the man leaves the physical plane. A similar result is achieved by long sickness, and so in either of these cases

Tuy nhiên, những gì đã được viết trong một số sách của chúng ta về "chết non" là hoàn toàn đúng. Trong tuổi già, dục vọng phai nhạt, và do đó một phần của công việc trong đời sống cảm dục đã được hoàn thành trước khi người đó rời khỏi cõi hồng trần. Một kết quả tương tự cũng đạt được nhờ bệnh tật kéo dài, và do đó

the astral life is likely to be comparatively short and without serious suffering. This may be called the ordinary course of nature, and it is only by comparison with it that an earlier death may be spoken of as "premature." If a person dies in youth, desire is still strong, and therefore a stronger and more strenuous astral life may be expected—a condition on the whole less desirable. But if the Powers behind decided that an earlier death is best, we may feel sure that They know of other considerations which outweigh the prolongation of the astral life.

trong cả hai trường hợp này, đời sống cảm dục có thể sẽ tương đối ngắn và không có nhiều đau khổ nghiêm trọng. Điều này có thể được gọi là quy luật tự nhiên, và chỉ khi so sánh với điều đó mà một cái chết sớm hơn mới có thể được coi là "chết non". Nếu một người chết trẻ, dục vọng vẫn còn mạnh mẽ, và do đó một đời sống cảm dục mạnh mẽ và căng thẳng hơn có thể được dự đoán—một tình trạng nhìn chung ít mong muốn hơn. Nhưng nếu các Đấng Cao Cả đã quyết định rằng cái chết sớm hơn là tốt nhất, chúng ta có thể chắc chắn rằng các Ngài biết về những yếu tố khác có sức nặng hơn việc kéo dài đời sống cảm dục.

It seems probable, therefore, that in the majority of cases the exact time and manner of a man' s death is not decided before or at his birth. Astrologers tell us that in many instances they cannot actually foretell the death of the subject whose horoscope they are examining. They say that at a certain time malefic influences are strong, and the man may die then, but if he does not, his life will continue until a certain other occasion when evil aspects threaten him, and so on. In the same way a palmist will tell us that at such and such points there are serious breaks or markings upon the life-line; they may indicate death, or it may be only serious illness. It is likely that these uncertainties represent points which were left open for later decisions, depending largely upon the modifications introduced by the action of the man during his life, and by the use which he makes of his opportunities. At any rate we may be well assured that whatever decision is made it will be a wise one, and that, whether in death or in life, all things are working together for our good.

Vì vậy, có vẻ hợp lý rằng trong đa số các trường hợp, thời điểm và cách thức của cái chết của một người không được quyết định trước hoặc vào thời điểm y sinh ra. Các nhà chiêm tinh cho chúng ta biết rằng trong nhiều trường hợp, họ không thể thực sự dự đoán cái chết của người mà họ đang xem xét lá số chiêm tinh. Họ nói rằng vào một thời điểm nhất định, các ảnh hưởng xấu mạnh mẽ và người đó có thể chết vào lúc đó, nhưng nếu không, cuộc sống của y sẽ tiếp tục cho đến một dịp khác khi những khía cạnh tiêu cực đe dọa, và cứ thế. Tương tự, một người xem chỉ tay sẽ nói với chúng ta rằng tại một số điểm nào đó có những đứt gãy hoặc dấu hiệu nghiêm trọng trên đường sinh mệnh; chúng có thể biểu thị cái chết, hoặc cũng có thể chỉ là bệnh tật nặng. Những sự không chắc chắn này có thể đại diện cho những điểm đã được để mở cho các quyết định sau này, phụ thuộc phần lớn vào những thay đổi được tạo ra bởi hành động của con người trong cuộc sống, và bởi cách mà y sử dụng các cơ hội của mình. Dù thế nào đi nữa, chúng ta có thể chắc chắn rằng bất kỳ quyết định nào được đưa ra đều là quyết định khôn ngoan, và rằng dù trong sự sống hay cái chết, mọi thứ đều đang làm việc

vì lợi ích của chúng ta.

KARMA AS AN EDUCATOR

No man can ever receive what he has not earned, and all things come to us as the result of causes which we ourselves have set in motion. If we have caused anything we have also caused its result, for the cause and the effect are like the two sides of a coin—we cannot have one without the other; indeed, the result comes upon us as part of our original action, which may be said in this case to be still continuing. Everything which comes to us is our own doing, good and bad alike; but it is also being employed definitely for our good. The payment of the debt is being utilised to develope the man who owes it, and in paying it he may show patience, courage, and endurance in the face of adverse circumstances.

Không ai có thể nhận được điều gì mà mình chưa xứng đáng, và mọi điều đến với chúng ta đều là kết quả của những nguyên nhân mà chính chúng ta đã khởi xướng. Nếu chúng ta đã gây ra điều gì đó, chúng ta cũng đã tạo ra kết quả của nó, vì nguyên nhân và kết quả giống như hai mặt của một đồng xu—chúng ta không thể có cái này mà không có cái kia; thực ra, kết quả đến với chúng ta như một phần của hành động ban đầu, mà trong trường hợp này có thể nói rằng nó vẫn đang tiếp diễn. Mọi thứ xảy ra với chúng ta đều là do chính chúng ta, dù tốt hay xấu; nhưng tất cả cũng được sử dụng một cách rõ ràng vì lợi ích của chúng ta. Việc trả món nợ đó đang được sử dụng để phát triển con người mắc nợ, và trong quá trình trả nợ, y có thể thể hiện sự kiên nhẫn, can đảm và chịu đựng trước những hoàn cảnh bất lợi.

People constantly grumble against their circumstances. A man will say:

Mọi người thường xuyên than phiền về hoàn cảnh của mình. Một người có thể nói:

“I cannot do anything, situated as I am, with so many cares, with so much business, with so large a family. If only I had the liberty which so-and-so has!”

"Tôi không thể làm được gì cả, với hoàn cảnh như hiện tại, với quá nhiều lo toan, quá nhiều công việc, với một gia đình lớn như vậy. Nếu tôi chỉ có được sự tự do như người này người kia!"

The man does not realise that these very hindrances are part of his training, and that they are put in his way just in order to teach him how to deal with them. He would like no doubt to have some opportunity of showing off the powers which he has already

Người đó không nhận ra rằng chính những trở ngại này là một phần của sự rèn luyện của y, và chúng được đặt trên con đường của y chính để dạy y cách đối phó với chúng. Y có thể mong muốn có cơ hội thể hiện những khả năng mà mình đã phát triển, nhưng điều cần thiết là y

developed, but what is needed is that he should develope the powers which he has not, and this means hard work and suffering, but also rapid progress. There is assuredly no such thing as punishment and reward, but there is the result of our actions, which may be pleasant or unpleasant. If we upset the equilibrium of nature in any way it inevitably readjusts itself at our expense.

phải phát triển những khả năng mà y chưa có, và điều này đòi hỏi công việc khó khăn và đau khổ, nhưng đồng thời cũng mang lại sự tiến bộ nhanh chóng. Chắc chắn không có thứ gọi là trừng phạt và thưởng, mà chỉ có kết quả của những hành động của chúng ta, có thể dễ chịu hoặc không dễ chịu. Nếu chúng ta làm xáo trộn sự cân bằng của tự nhiên theo bất kỳ cách nào, tự nhiên sẽ điều chỉnh lại và điều đó chắc chắn sẽ xảy ra bằng chi phí của chúng ta.

An ego sometimes chooses whether he will or will not take certain karma in the present life, though often the brain-mind may know nothing of this choice, so that the very adverse circumstances at which a man is grumbling may be exactly what he has deliberately chosen for himself in order to forward his evolution. When he is becoming a disciple, and is therefore somewhat out of the stage of evolution which is normal at present, he often dominates and largely changes his karma—not that he can escape his share, or any least portion of it, but that he gains much new knowledge and therefore sets in motion new forces in many directions, which naturally modify the working of the old ones. He plays off one law against another, thus neutralising forces whose results might hinder his progress.

Một chân ngã đôi khi chọn liệu y có muốn nhận một nghiệp quả nhất định trong kiếp sống hiện tại hay không, mặc dù não bộ có thể hoàn toàn không biết gì về sự lựa chọn này, nên những hoàn cảnh bất lợi mà một người đang than phiền có thể chính xác là những gì y đã cố ý chọn cho mình để thúc đẩy sự tiến hóa của mình. Khi y trở thành một đệ tử và do đó bước ra khỏi giai đoạn tiến hóa bình thường ở hiện tại, y thường chi phối và thay đổi phần lớn nghiệp quả của mình—không phải rằng y có thể trốn tránh phần của mình, hay bất kỳ phần nhỏ nào, mà là y có được nhiều tri thức mới và do đó khởi xướng nhiều lực mới theo nhiều hướng, điều này tự nhiên làm thay đổi sự hoạt động của các lực cũ. Y sử dụng một định luật để hóa giải một định luật khác, do đó làm vô hiệu hóa những lực có thể cản trở sự tiến bộ của y.

It has often been said that the disciple who takes steps to hasten his own progress thereby calls down suffering upon himself. That is not perhaps quite the best way to put it. All that he does is to take his own evolution earnestly in hand, and to endeavour, as rapidly as may be, to eradicate the evil and develope the good within himself, in order that he may become ever a more and more perfect living channel of the divine love. It is true that such action will

Người ta thường nói rằng người đệ tử khi tiến hành các bước để đẩy nhanh tiến trình của chính mình sẽ gọi đến những khổ đau cho bản thân. Có lẽ cách nói đó không hoàn toàn đúng. Tất cả những gì y làm là tự mình đảm nhận nghiêm túc quá trình tiến hóa của mình và cố gắng nhanh chóng xóa bỏ điều ác và phát triển điều thiện trong chính mình, để trở thành một kênh sống hoàn hảo hơn nữa cho tình yêu thiêng liêng. Đúng là hành động như vậy chắc

assuredly attract the attention of the great Lords of Karma, and while Their response will be to give him greater opportunity, it may and often does involve a considerable increase of suffering in various ways.

chắn sẽ thu hút sự chú ý của các Đấng Chủ Tể Nghiệp Quả vĩ đại, và trong khi phản ứng của các Ngài sẽ là mang lại cho y cơ hội lớn hơn, điều đó thường cũng bao gồm một sự gia tăng đáng kể về đau khổ theo nhiều cách khác nhau.

But if we think carefully we shall see that this is exactly what might be expected. All of us have more or less of evil karma behind us, and until that is disposed of, it will be a perpetual hindrance to us in our higher work. One of the earliest steps in the direction of serious progress is therefore the working out of whatever of this evil still remains to us, and so the first response of the Great Ones to our upward striving is frequently to give us the opportunity of paying off a little more of this debt (since we have now made ourselves strong enough to do it) in order that it may be cleared out of the way of our future work. The manner in which this debt shall be paid is a matter which is entirely in Their hands and not in ours; and we can trust Them to manage it without inflicting additional suffering upon others—unless of course those others have also some outstanding karmic debt which can be discharged in this way. In any case the great karmic deities cannot act otherwise than with absolute justice to every person concerned, whether directly or remotely.

Nhưng nếu chúng ta suy nghĩ cẩn thận, chúng ta sẽ thấy rằng đó là điều hoàn toàn có thể dự đoán. Tất cả chúng ta đều có nghiệp xấu ở mức độ ít nhiều, và cho đến khi điều đó được giải quyết, nó sẽ mãi mãi là một trở ngại cho chúng ta trong công việc cao cả của mình. Một trong những bước đầu tiên hướng đến sự tiến bộ nghiêm túc là xử lý những gì còn lại của nghiệp xấu này, và do đó, phản ứng đầu tiên của Các Đấng Cao Cả đối với sự nỗ lực của chúng ta thường là trao cho chúng ta cơ hội trả thêm một phần nợ này (vì chúng ta đã tự làm mình mạnh mẽ đủ để làm điều đó) để nó có thể được loại bỏ khỏi con đường của công việc tương lai của chúng ta. Cách thức trả món nợ này hoàn toàn nằm trong tay Các Ngài chứ không phải trong tay chúng ta; và chúng ta có thể tin tưởng rằng Các Ngài sẽ giải quyết nó mà không gây thêm đau khổ cho những người khác—trừ khi tất nhiên những người khác đó cũng có một món nợ nghiệp cần được thanh toán theo cách này. Trong mọi trường hợp, các vị thần nghiệp quả vĩ đại không thể hành động khác ngoài việc thực hiện công lý tuyệt đối đối với tất cả mọi người có liên quan, dù trực tiếp hay gián tiếp.

VARIETIES OF KARMA

The karma of service done is always the opportunity for more service. This is one of

Nghiệp quả của công việc phụng sự đã hoàn thành luôn mang lại cơ hội cho nhiều công

the rules which emerge with the greatest certainty from our study of the working of karma in the many past lives which have been examined. When a man leads a particularly good life it by no means follows that in the next one he will be rich or powerful or even comfortable; but it does absolutely follow that he will have wider opportunities for work. Clearly the LOGOS wants His work done, and if we wish for opportunities of progress we must show that we are willing to work.

việc phụng sự hơn nữa. Đây là một trong những quy luật hiển nhiên nhất từ việc nghiên cứu cách vận hành của nghiệp qua nhiều kiếp trước đã được xem xét. Khi một người sống một cuộc đời đặc biệt tốt, điều đó không có nghĩa rằng kiếp sau y sẽ giàu có, quyền lực, hoặc thậm chí thoải mái; nhưng chắc chắn y sẽ có nhiều cơ hội hơn để làm việc. Rõ ràng, LOGOS muốn công việc của Ngài được thực hiện, và nếu chúng ta mong muốn có cơ hội tiến bộ, chúng ta phải chứng tỏ rằng mình sẵn sàng làm việc.

Knowledge brings responsibility, along with opportunity. To yield to what you know to be wrong, or to go back a step in order to gain force for a greater spring forward, is to miss your opportunity. Lives may pass before you gain the same opportunity again. If you neglect the knowledge or vision which points out to you a fault, you will certainly be born in the next life without that knowledge or vision. Knowledge should always be used; it is a mistake to think that you can postpone your activity and retain the knowledge.

Tri thức mang lại trách nhiệm, đồng thời cũng mang lại cơ hội. Nếu làm điều mà bạn biết là sai, hoặc lùi lại một bước để lấy đà tiến xa hơn, đó là bỏ lỡ cơ hội của mình. Có thể sẽ phải trải qua nhiều kiếp sống trước khi bạn có lại cùng một cơ hội. Nếu bạn bỏ qua tri thức hoặc tầm nhìn chỉ ra cho bạn một lỗi lầm, chắc chắn trong kiếp sau bạn sẽ sinh ra mà không có tri thức hoặc tầm nhìn đó. Tri thức luôn phải được sử dụng; thật sai lầm khi nghĩ rằng bạn có thể hoãn lại hoạt động của mình mà vẫn giữ được tri thức.

We may make for ourselves most unpleasant future conditions if we choose to behave foolishly, but it is practically impossible for us who are now cultured people to throw ourselves back in a future birth into the position of savages or people of really low class. We may waste our time and make no progress, but unless we actually take to the practice of black magic, and use tremendous power in the wrong direction, we cannot throw ourselves back as far as that. Through misconduct or through neglect of opportunities we may be born in an uncomfortable position in our own class, or even in one a little lower, but it would upset

Chúng ta có thể tạo ra những điều kiện tương lai rất khó chịu nếu chọn hành động ngu xuẩn, nhưng hầu như không thể nào một người đã có văn hóa như chúng ta lại bị đẩy lùi trong kiếp sống tương lai vào vị trí của những kẻ man rợ hoặc những người thuộc tầng lớp thấp. Chúng ta có thể lãng phí thời gian và không tiến bộ, nhưng trừ khi thực hành hắc thuật và sử dụng sức mạnh to lớn vào hướng sai lầm, chúng ta không thể tự đẩy mình lùi xa đến mức đó. Do hành vi sai trái hoặc bỏ lỡ cơ hội, chúng ta có thể sinh ra trong một hoàn cảnh bất tiện trong tầng lớp của mình, hoặc thậm chí thấp hơn một chút, nhưng sẽ làm rối loạn trật tự của vạn vật nếu chúng ta có thể bị đẩy

the scheme of things if we could be thrown back into the savage state. Exceptional actions sometimes produce exceptional results, but as a general rule violent ups and downs are not practical; obviously it would be impossible for a cultured man to work out the kind of karma which in his position he must have made, if he were thrown back into the narrow conditions of an ignorant agricultural labourer. For the plans of the LOGOS an ever-increasing number of cultured people are needed, and therefore when once a man is born into a noble position he is on whole likely to continue to be so born.

trở lại trạng thái man rợ. Những hành động đặc biệt có thể dẫn đến những kết quả đặc biệt, nhưng nhìn chung, những sự thăng trầm dữ dội là không thực tế; rõ ràng là một người có văn hóa không thể làm tròn nghiệp quả mà y đã tạo ra nếu y bị đẩy trở lại vào điều kiện hẹp hòi của một lao động nông nghiệp không có học vấn. Đối với kế hoạch của LOGOS, ngày càng cần nhiều người có văn hóa, và do đó, khi một người đã sinh ra trong một vị trí cao quý, y có khả năng sẽ tiếp tục sinh ra trong những hoàn cảnh tương tự.

There are, however, certain kinds of action which bring unusually horrible karma as their results. For example, the karma of cruelty of any kind, whether to men or to animals, is always especially awful in character; it often brings with it chronic physical ailments, accompanied by most acute sufferings, and often also it produces insanity—this last more especially when the cruelty is of a refined and intentional character. We have found, for example, that many members of the ignorant mob who tortured Hypatia in Alexandria have been reborn in Armenia, and have themselves suffered all sorts of cruelties at the hands of the Turks. People who are now, apparently by accident, burnt to death with awful sufferings are often those who have burnt others in the middle ages, or looked on with glee at those ghastly scenes of martyrdom.

Tuy nhiên, có những hành động nhất định mang lại nghiệp quả khủng khiếp một cách bất thường. Ví dụ, nghiệp quả của sự tàn ác dưới bất kỳ hình thức nào, dù đối với con người hay động vật, luôn mang tính chất đặc biệt đáng sợ; nó thường mang đến các bệnh tật mãn tính về thể xác, kèm theo những đau khổ tột cùng, và thường cũng dẫn đến sự điên loạn —đặc biệt khi sự tàn ác mang tính tinh vi và cố ý. Chúng ta đã phát hiện, ví dụ, rằng nhiều thành viên của đám đông vô học đã tra tấn Hypatia ở Alexandria đã được tái sinh ở Armenia, và chính họ đã phải chịu đựng nhiều hình thức tàn ác dưới tay của người Thổ. Những người mà hiện tại, dường như do tai nạn, bị thiêu chết trong sự đau đớn khủng khiếp thường là những người đã từng thiêu người khác trong thời Trung Cổ, hoặc đã nhìn với sự thích thú vào những cảnh tượng ghê rợn của sự tử đạo.

Any injury done to a highly developed person reacts terribly upon the doer. We should indeed be careful about our attitude towards any Great One who may come, for He, being far in advance of us, is likely to be

Bất kỳ sự tổn hại nào gây ra cho một người phát triển cao đều phản ứng cực kỳ nghiêm trọng lên người thực hiện. Chúng ta thật sự cần cẩn thận với thái độ của mình đối với bất kỳ Đấng Cao Cả nào có thể đến, vì Ngài, do phát

misunderstood—to be different from what we have expected, and therefore not to be appreciated. One reason why the Great Ones do not more often come amongst men is that the karma of misjudging and ill-using Them is dreadful, and the fools among mankind are sure to incur it. I have myself seen a case in which a great soul, born where he was not understood, fell when young into the hands of a brutal and incompetent pedagogue who shamefully abused him. I have also been allowed to see the karma which will follow upon that cruelty, and I shudder when I think of it. Truly may it be said of that miserable wretch, in the words attributed to the Christ, that before he had "offended one of these little ones, it had been better for him that a millstone had been hanged about his neck, and he had been drowned in the depths of the sea."

triển vượt bậc hơn chúng ta, có khả năng sẽ bị hiểu lầm—khác với những gì chúng ta mong đợi, và do đó không được đánh giá đúng mức. Một trong những lý do tại sao các Đấng Cao Cả không thường xuyên đến giữa loài người hơn là vì nghiệp quả của việc phán xét sai và lạm dụng các Ngài là đáng sợ, và những kẻ ngu ngốc trong nhân loại chắc chắn sẽ mắc phải điều đó. Tôi đã từng chứng kiến một trường hợp trong đó một linh hồn vĩ đại, sinh ra ở một nơi mà y không được hiểu đúng, đã rơi vào tay một thầy giáo tàn nhẫn và vô năng khi còn trẻ, người đã ngược đãi y một cách tàn nhẫn. Tôi cũng đã được phép thấy nghiệp quả sẽ theo sau hành vi tàn bạo đó, và tôi rùng mình khi nghĩ đến nó. Thật sự có thể nói về kẻ khốn khổ đó, bằng những lời gán cho Đức Christ, rằng trước khi y "xúc phạm đến một trong những kẻ nhỏ bé này, tốt hơn là y nên bị buộc một cối đá vào cổ và bị ném xuống biển sâu."

Closely associated with this is the subject of the karma of ingratitude, which is always exceptionally heavy—most of all when the ingratitude is shown to an occult teacher. People are constantly pressing forward, desiring to come into touch with the Masters, to attract Their attention; and they sometimes think that the pupils of those Masters try to hold them back, or at any rate decline to assist them in their efforts to approach. The pupil of the Masters exists only to help others, and nothing pleases him more than to draw another to the Feet where he has learned so much himself. But when he sees from the type of the aspirant that he does not yet understand those Great Ones, that his attitude towards Them is captious, irreverent, presumptuous, he will take no responsibility in the matter, for he knows that serious disaster is certain to result. A man of such

Liên quan chặt chẽ đến điều này là chủ đề nghiệp quả của sự vô ơn, luôn đặc biệt nặng nề—đặc biệt là khi sự vô ơn được thể hiện đối với một vị thầy huyền môn. Người ta liên tục cố gắng tiến tới, mong muốn tiếp xúc với các Chân sư, thu hút sự chú ý của Các Ngài; và đôi khi họ nghĩ rằng các đệ tử của các Chân sư cố tình cản trở họ, hoặc ít nhất từ chối giúp họ trong nỗ lực tiếp cận. Người đệ tử của các Chân sư chỉ tồn tại để giúp đỡ người khác, và không có gì làm y hài lòng hơn việc đưa một người khác đến Chân Ngài, nơi y đã học được rất nhiều điều. Nhưng khi y thấy rằng người chí nguyện chưa hiểu đúng về các Đấng Cao Cả, rằng thái độ của y đối với Các Ngài là chê bai, thiếu tôn trọng, kiêu ngạo, y sẽ không chịu trách nhiệm trong việc này, vì y biết rằng chắc chắn sẽ có thảm họa nghiêm trọng xảy ra. Một người có tính cách như vậy chắc chắn sẽ tạo ra nghiệp quả xấu ở bất kỳ nơi nào; thật ngu ngốc

temperament is sure to make bad karma anywhere; it would be foolish to put him into a position where he can multiply it a hundredfold.

nếu đặt y vào vị trí mà y có thể nhân lên nghiệp xấu của mình hàng trăm lần.

For example, I have noticed cases in which people who have been deeply devoted to our President change their minds, and begin to abuse and slander her. That is a wicked thing, and it makes far worse karma than would be the maligning of a person to whom they owed nothing. I do not mean that people have no right to change their minds. If a man finds that he can no longer conscientiously follow our President, he has a full right to withdraw himself from among her disciples; we may regret his blindness, but we have no word of blame for him, for each man must do what he sees to be right. For such a departure there is no evil karma but that of the loss of opportunity—the ordinary result of failing in a test and making a serious mistake. But if after dropping away the man begins venomously to attack her and to circulate scandalous falsehoods against her, as so many have done, he is committing a very grave sin, and the karma of his action is exceedingly heavy. Vindictiveness and lying are always wicked; but when a man directs them against one from whose hands he has received the cup of life, they become a crime the effects of which are appalling.

Ví dụ, tôi đã nhận thấy những trường hợp trong đó những người đã từng rất tận tụy với Bà Hội Trưởng của chúng ta thay đổi quan điểm của họ và bắt đầu lăng mạ và phỉ báng bà. Đó là một hành động xấu xa và tạo ra nghiệp quả tồi tệ hơn nhiều so với việc bôi nhọ một người mà họ không mắc nợ gì cả. Tôi không có ý nói rằng mọi người không có quyền thay đổi quan điểm. Nếu một người nhận thấy rằng y không còn có thể theo Bà Hội Trưởng của chúng ta một cách lương tâm, y có đầy đủ quyền rút lui khỏi hàng ngũ các đệ tử của bà; chúng ta có thể tiếc nuối sự mù quáng của y, nhưng không có lời trách móc nào dành cho y, vì mỗi người phải làm điều mà y thấy là đúng. Đối với một sự ra đi như vậy, không có nghiệp quả xấu nào ngoài việc mất cơ hội—kết quả thông thường của việc thất bại trong một thử thách và mắc một sai lầm nghiêm trọng. Nhưng nếu sau khi rời đi, người đó bắt đầu tấn công bà một cách cay độc và lan truyền những lời nói dối độc địa về bà, như rất nhiều người đã làm, y đang phạm một tội rất nghiêm trọng, và nghiệp quả của hành động đó cực kỳ nặng nề. Lòng thù hận và dối trá luôn là tội lỗi; nhưng khi một người nhắm vào ai đó mà từ tay người đó y đã nhận được cốc nước sự sống, những hành vi đó trở thành tội ác với những hậu quả kinh khủng.

The fact that a man has a large amount of bad karma behind him makes anything like occult advancement impossible for him until it is worked off. For example, those who are deeply involved in karmic debts are not likely to be candidates for membership in the community

Việc một người có nhiều nghiệp xấu phía sau khiến cho bất kỳ sự tiến bộ huyền môn nào trở nên không thể đạt được cho đến khi nghiệp đó được giải quyết. Ví dụ, những người mắc nợ nghiệp quả sâu sắc không có khả năng trở thành ứng viên cho việc gia nhập cộng đồng

of the sixth root-race. No one could become an adept if he had evil karma behind him, because he must be free from any necessity for rebirth. A man who can function freely in his buddhic or rational vehicle, and so drop the causal body, need never again take up the latter; but naturally this cannot be done until all the karma of the lower planes is exhausted. The Master sends out all of HIS forces in open curves; but any lower thought of self causes the force sent out to travel in a closed curve, so that, whether it be good or bad, it has to return to its source and the man must come back to receive it.

của giống dân chính thứ sáu. Không ai có thể trở thành một Chân Sư nếu y còn nghiệp xấu phía sau, vì y phải thoát khỏi sự ràng buộc với việc tái sinh. Một người có thể hoạt động tự do trong thể Bồ Đề hoặc thể trí sáng suốt của mình và do đó có thể bỏ qua thể nhân quả, sẽ không bao giờ phải tiếp nhận lại thể này nữa; nhưng điều này tự nhiên không thể xảy ra cho đến khi tất cả nghiệp quả của các cõi thấp hơn đã được tiêu tan. Chân Sư phát ra tất cả các lực của Ngài theo đường cong mở; nhưng bất kỳ ý nghĩ thấp kém nào về bản ngã sẽ khiến lực được phát ra di chuyển theo một đường cong khép kín, do đó, dù là tốt hay xấu, nó đều phải quay lại với nguồn gốc của nó và con người phải quay lại để nhận lấy nó.

A man is not free from the binding results on lower planes until he is perfectly selfless on those planes. A man who when helping another feels perfectly the unity with him, obtains the result of his action on the rational plane only, and not lower down. Do not forget also that we are making karma on the astral plane, for a man can make karma wherever his consciousness is developed, or wherever he can act or choose. I have seen cases where actions done on the astral plane have borne karmic fruit in the next physical life. Another point to remember is that there is always a general karma belonging to an order or a nation, and that each individual in that order or that nation is, to a certain extent, responsible for the action of the whole. For instance, a priest has a certain responsibility for all that the collective priesthood does, even though he may not personally approve of it.

Con người không thoát khỏi kết quả ràng buộc trên các cõi thấp hơn cho đến khi y hoàn toàn vô ngã trên các cõi đó. Một người khi giúp đỡ người khác mà cảm nhận được sự hợp nhất hoàn toàn với họ, sẽ chỉ nhận được kết quả hành động của mình trên cõi trí sáng suốt, và không phải trên các cõi thấp hơn. Đừng quên rằng chúng ta cũng đang tạo nghiệp trên cõi cảm dục, vì con người có thể tạo nghiệp ở bất cứ nơi nào ý thức của y phát triển, hoặc bất cứ nơi nào y có thể hành động hoặc lựa chọn. Tôi đã thấy những trường hợp trong đó các hành động thực hiện trên cõi cảm dục đã mang lại kết quả nghiệp quả trong kiếp sống hồng trần tiếp theo. Một điểm khác cần nhớ là luôn có một nghiệp quả chung thuộc về một tổ chức hoặc một quốc gia, và mỗi cá nhân trong tổ chức đó hoặc quốc gia đó đều có trách nhiệm, ở một mức độ nào đó, đối với hành động của toàn thể. Ví dụ, một linh mục có trách nhiệm nhất định đối với tất cả những gì mà giới linh mục tập thể thực hiện, ngay cả khi y không cá nhân đồng tình với điều đó.

ANIMAL KARMA

Students often ask questions upon the working of karma in connection with the animal kingdom, saying that since it is scarcely conceivable that animals can have made much karma of any kind, it is difficult to account for the extreme differences to be observed in their conditions—one being well and kindly treated, while another is subjected to all kinds of brutalities, one always protected and well-fed, while another is left to starve and to fight for the bare right of living.

Học viên thường đặt câu hỏi về sự vận hành của nghiệp quả liên quan đến giới động vật, nói rằng bởi vì khó có thể tưởng tượng rằng loài động vật có thể tạo ra nhiều nghiệp quả theo bất kỳ hình thức nào, thật khó để lý giải cho những sự khác biệt cực kỳ rõ rệt trong điều kiện sống của chúng—một con thì được chăm sóc tốt và tử tế, trong khi con khác phải chịu đựng đủ loại tàn ác, một con luôn được bảo vệ và nuôi dưỡng tốt, trong khi con khác bị bỏ đói và phải chiến đấu cho quyền được sống tối thiểu.

There are two points to be borne in mind in this connection: first, an animal often does make a good deal of karma; second, the well-treated animal has not always so much advantage as he appears to have, for association with man does not always improve the animal or tend to evolve it in the right direction. The sporting dog is taught by the hunter to be far more savage and brutal than it could ever become in any form of life that could come to it by nature; for the wild animal kills only to satisfy his hunger, and it is only man who introduces into animal life the wickedness of killing for the sake of the lust of destruction. However much his intelligence may be developed, it would have been far better for this unfortunate creature if he had never come into contact with humanity; for through him his group-soul has now made karma—karma of the most evil kind, for which other dogs which are expressions of that group-soul will have to

Có hai điểm cần được ghi nhớ trong bối cảnh này: thứ nhất, một con vật thường tạo ra một lượng nghiệp quả đáng kể; thứ hai, con vật được đối xử tốt không phải lúc nào cũng có nhiều lợi thế như vẻ ngoài của nó. Bởi vì sự tương tác với con người không phải lúc nào cũng cải thiện con vật hoặc thúc đẩy sự tiến hóa của nó theo hướng đúng đắn. Chó săn được thợ săn dạy để trở nên tàn nhẫn và dã man hơn nhiều so với bất kỳ hình thức sống tự nhiên nào có thể đến với nó; vì động vật hoang dã chỉ giết để thỏa mãn cơn đói, và chỉ có con người mới đưa vào cuộc sống động vật sự xấu xa của việc giết chóc vì khao khát phá hủy. Dù trí tuệ của nó có phát triển bao nhiêu đi nữa, sẽ tốt hơn rất nhiều cho sinh vật bất hạnh này nếu nó chưa từng tiếp xúc với con người; vì thông qua nó, linh hồn nhóm của nó đã tạo ra nghiệp quả—nghiệp quả loại ác nhất, mà những con chó khác, là biểu hiện của linh hồn nhóm đó, sẽ phải chịu đựng sau này để từ từ

suffer later in order that gradually the savagery may be weeded out.

loại bỏ tính tàn ác.

The same may be said of the lap-dog who is pampered by some foolish mistress so that he gradually loses all the canine virtues, and becomes an embodiment of selfishness and love of ease. In both these cases man is criminally abusing his trust with regard to the animal kingdom, and is deliberately developing the lower instead of the higher instincts in the creatures committed to his care, thereby making bad karma himself, and leading a group-soul to make bad karma also. Man' s duty towards the dog is clearly to evolve in him devotion, affection, intelligence and usefulness, and to repress kindly but firmly every manifestation of the savage and cruel side of his nature, which a brutalised humanity has for ages so sedulously fostered.

Điều tương tự cũng có thể nói về con chó cảnh được một bà chủ ngớ ngẩn nuông chiều, khiến nó dần mất hết những đức tính của loài chó, và trở thành hiện thân của sự ích kỷ và yêu thích sự nhàn hạ. Trong cả hai trường hợp này, con người đã phạm tội lạm dụng niềm tin của mình đối với giới động vật, và cố ý phát triển bản năng thấp kém thay vì những bản năng cao hơn ở các sinh vật được giao phó cho sự chăm sóc của mình, qua đó tự mình tạo ra nghiệp xấu, và dẫn dắt linh hồn nhóm cũng tạo ra nghiệp xấu. Nhiệm vụ của con người đối với chó rõ ràng là phát triển trong nó lòng trung thành, tình cảm, trí tuệ và sự hữu ích, đồng thời kìm chế một cách nhẹ nhàng nhưng kiên quyết mọi biểu hiện của bản chất tàn ác và hung dữ của nó, mà một nhân loại bị tàn bạo đã chăm chút kỹ lưỡng trong nhiều thời đại.

Questioners sometimes speak as though they thought that a dog or a cat receives a certain incarnation as a reward of merit. We are not as yet dealing with a separated individuality, and therefore there is for that particular animal no past in which individual karma in the ordinary sense of the word can have been generated—nothing either to merit or to receive a reward. When a particular block of that monadic essence which is evolving along the line of animal incarnation which culminates in (let us say) the dog, has reached a fairly high level, the separate animals which form its manifestation down here are brought into contact with man, in order that its evolution may receive the stimulus which that contact alone can supply.

Những người đặt câu hỏi đôi khi nói như thể họ nghĩ rằng một con chó hoặc mèo nhận được một kiếp sống nhất định như là phần thưởng cho công lao. Chúng ta vẫn chưa đề cập đến một cá nhân được biệt lập, và do đó đối với con vật cụ thể đó không có quá khứ trong đó nghiệp quả cá nhân theo nghĩa thông thường của từ này có thể đã được tạo ra—không có gì đáng khen hoặc đáng thưởng. Khi một khối lớn của bản chất chân thần đang tiến hóa theo con đường nhập thể động vật mà đỉnh điểm là (giả sử) con chó, đã đạt đến một mức độ khá cao, những con vật riêng biệt tạo thành biểu hiện của nó ở đây được đưa vào tiếp xúc với con người, để sự tiến hóa của nó có thể nhận được sự kích thích mà chỉ có sự tiếp xúc đó mới có thể cung cấp.

The block of essence ensouling that group of dogs has in the matter so much of karma as is involved in having so governed its manifold expressions that it has been able to reach the level where such association is possible; and each dog belonging to that group-soul has his share of the result. So that when people ask what an individual dog can have done to merit a life of ease or the reverse, they are allowing themselves to be deceived by the illusion of mere outward appearance, and forgetting that there is no such thing as an individual dog, except during the latter part of that final incarnation in which the definite breaking away of a fresh soul from the block has occurred.

Khối bản chất nhập hồn nhóm chó đó có nghiệp quả liên quan đến việc đã điều khiển các biểu hiện đa dạng của nó đến mức đạt được mức độ mà sự kết hợp như vậy có thể xảy ra; và mỗi con chó thuộc về linh hồn nhóm đó đều có phần của nó trong kết quả. Do đó, khi mọi người hỏi một con chó cụ thể có thể đã làm gì để xứng đáng với một cuộc sống dễ dàng hoặc ngược lại, họ đã để bản thân bị đánh lừa bởi ảo ảnh của vẻ ngoài bên ngoài, và quên rằng không có gì gọi là một con chó cá thể, ngoại trừ trong giai đoạn sau của kiếp sống cuối cùng, khi sự tách biệt hoàn toàn của một linh hồn mới khỏi khối đã xảy ra.

Some of our friends do not realise that there may be such a thing as the commencement of an entirely new piece of karma. When an injury is done by A to B, they always fall back on the theory that at some previous time B must have injured A, and is now imply reaping what he has sown. That may be so in many cases, but such a chain of causation must begin somewhere, and it is quite as likely that this may be a spontaneous act of injustice on A' s part, for which karma will assuredly have to repay him in the future, while B' s suffering, though undeserved as far as A is concerned, is the payment for some other act or acts which he has committed in the past in connection with some one else.

Một số người bạn của chúng ta không nhận ra rằng có thể có một điều như sự khởi đầu của một mảnh nghiệp quả hoàn toàn mới. Khi một tổn hại được gây ra bởi A cho B, họ luôn dựa vào lý thuyết rằng trước đó B phải đã làm tổn thương A, và giờ đây đang đơn giản là gặt hái những gì mình đã gieo. Điều đó có thể đúng trong nhiều trường hợp, nhưng chuỗi nguyên nhân này phải bắt đầu từ đâu đó, và rất có thể đây là một hành động bất công tự phát từ phía A, mà nghiệp quả chắc chắn sẽ phải trả lại cho y trong tương lai, trong khi nỗi đau khổ của B, mặc dù không xứng đáng với A, lại là sự thanh toán cho một số hành động khác mà y đã thực hiện trong quá khứ liên quan đến một người nào khác.

In the case of the ill-treatment of an animal by a man this is certain—that it cannot be the result of previous karma on the part of the particular animal, because if it were an individual capable of carrying over karma it would not have been again incarnated in animal form. But the group-soul of which it is

Trong trường hợp một con vật bị con người đối xử tồi tệ, điều này chắc chắn—rằng nó không thể là kết quả của nghiệp quả trước đó của con vật cụ thể, bởi vì nếu nó là một cá thể có khả năng mang theo nghiệp quả thì nó sẽ không còn nhập thể trong hình thức động vật nữa. Nhưng linh hồn nhóm mà nó là một phần phải

a part must have acquired karma, or the thing could not happen. Animals do often intentionally cause each other terrible suffering. It is reasonably certain from various considerations that the prey killed by a wild beast for food, in what may be called the natural necessary course of business, does not suffer appreciably; but in the unnecessary and intentional fights which so often occur between animals—bulls, stags, dogs or cats, for example—great pain is wilfully inflicted, and that means bad karma for the group-soul, karma that must in the future be paid by it through some of its manifestations.

đã tích lũy nghiệp quả, nếu không sự việc không thể xảy ra. Động vật thường cố ý gây ra đau khổ khủng khiếp cho nhau. Từ nhiều cân nhắc khác nhau, người ta có thể cho rằng con mồi bị giết bởi dã thú để làm thức ăn, trong những gì có thể gọi là quy trình kinh doanh cần thiết tự nhiên, không cảm thấy đau đớn đáng kể; nhưng trong những cuộc chiến không cần thiết và có chủ ý thường xảy ra giữa động vật—ví dụ như bò đực, hươu, chó hoặc mèo—nỗi đau lớn đã bị cố ý gây ra, và điều đó đồng nghĩa với nghiệp xấu cho linh hồn nhóm, nghiệp phải được trả trong tương lai qua một số biểu hiện của nó.

Not for one moment, however, not by one tittle, does that lesson the guilt of the human beast who treats the animal cruelly, or causes him to fight or inflict pain on other creatures. Most emphatically there is karma, and exceedingly heavy karma, stored up for himself by the man who thus abuses the power to help which has been placed in his hands, and in many and many a life to come he will suffer the just result of his abominable brutality.

Tuy nhiên, điều đó không giảm bớt một chút nào tội lỗi của con người dã thú đối xử tàn nhẫn với động vật, hoặc khiến nó chiến đấu hoặc gây đau đớn cho những sinh vật khác. Nhất quyết rằng có nghiệp quả, và nghiệp quả vô cùng nặng nề, đang được tích lũy cho chính người đàn ông đã lạm dụng quyền lực giúp đỡ mà y đã được trao, và trong nhiều kiếp sống tới, y sẽ phải chịu đựng kết quả công bằng của sự tàn ác đáng ghê tởm của mình.

If one takes the trouble necessary to obtain a complete grasp of such knowledge as is already available in Theosophical literature on the subjects of karma and of animal reincarnation, the main principles upon which their laws work will be found clear and readily comprehensible. I fully recognise how small and general such knowledge is, and I realise that many cases are constantly occurring in which the details of the method in which the karma works itself out are entirely beyond our ken; but you may see enough to show you that what we have been taught as to the inevitability and the absolute

Nếu một người chịu khó nắm vững kiến thức hiện có trong văn học Thông Thiên Học về các chủ đề nghiệp quả và tái sinh của động vật, các nguyên tắc chính mà các quy luật của chúng vận hành sẽ được thấy là rõ ràng và dễ hiểu. Tôi hoàn toàn nhận thức được rằng kiến thức như vậy nhỏ bé và chung chung đến mức nào, và tôi nhận ra rằng nhiều trường hợp đang xảy ra liên tục mà chi tiết về phương pháp mà nghiệp quả tự thể hiện hoàn toàn vượt ra ngoài tầm hiểu biết của chúng ta; nhưng bạn có thể thấy đủ để cho bạn biết rằng những gì chúng ta đã được dạy về tính tất yếu và công lý tuyệt đối của định luật vĩ đại này là một trong

justice of the great law is one of the fundamental truths of nature. Secure in that certainty, you can afford to wait for the more detailed comprehension until you gain those higher faculties which alone will give the power to see the working of the system as a whole.

những chân lý cơ bản của tự nhiên. Được đảm bảo trong sự chắc chắn đó, bạn có thể chờ đợi sự hiểu biết chi tiết hơn cho đến khi bạn đạt được những năng lực cao hơn mà chỉ chúng mới có thể mang lại khả năng nhìn thấy sự vận hành của hệ thống một cách toàn diện.

Assuredly, as we progress, the divine light will illumine for us many corners that as yet remain in shadow, and we shall gradually but surely grow towards a perfect knowledge of the divine truth which even now is enfolding us, guarding and guiding us. All those who have had the privilege of studying these subjects under the guidance and with the help of the great Masters of the Wisdom are so fully persuaded of this that even where at present they do not see fully, they are more than willing and ready to trust to that great Power of which as yet only dim glimpses can be vouchsafed to human eye.

Chắc chắn, khi chúng ta tiến bộ, ánh sáng thiêng liêng sẽ chiếu sáng cho chúng ta nhiều góc khuất mà cho đến nay vẫn còn trong bóng tối, và chúng ta sẽ dần dần nhưng chắc chắn phát triển hướng tới sự hiểu biết hoàn hảo về chân lý thiêng liêng vốn đã đang bao trùm, bảo vệ và dẫn dắt chúng ta. Tất cả những ai có đặc ân nghiên cứu các chủ đề này dưới sự hướng dẫn và với sự giúp đỡ của các Chân sư Minh Triết đều tin tưởng sâu sắc vào điều này đến mức, ngay cả khi hiện tại họ chưa thấy rõ, họ vẫn sẵn sàng và hoàn toàn tin tưởng vào Quyền Lực vĩ đại mà mắt người chỉ có thể được hé lộ đôi chút."

NINTH SECTION: THE THEOSOPHICAL SOCIETY AND ITS FOUNDER

WHAT IS THE THEOSOPHICAL SOCIETY?—

IT would appear that some of its members have not quite comprehended the position of this Theosophical Society to which they belong. It is not a Society which is formed merely for the promotion of learning in some special branch, like the Royal Asiatic or the Royal Geographical Societies; still less is it a Church, which exists only to spread some particular form of doctrine. It has a place in modern life which is all its own, for its origin is unlike that of any other body at present existing. To understand this origin we must glance for a moment at the hidden side of the history of the world.

Có vẻ như một số hội viên vẫn chưa hoàn toàn thấu hiểu vị trí của Hội Thông Thiên Học mà họ thuộc về. Đây không phải là một Hội được lập ra chỉ để cổ vũ học thuật trong một chuyên ngành nào đó, như các Hội Hoàng gia Á Châu hay Hoàng gia Địa Lý; lại càng không phải là một Giáo hội, vốn chỉ hiện hữu để truyền bá một hình thức giáo lý đặc thù nào đó. Hội có một vị trí riêng trong đời sống hiện đại, vì nguồn gốc của Hội khác hẳn mọi đoàn thể hiện đang tồn tại. Để hiểu nguồn gốc ấy, chúng ta phải thoáng nhìn vào mặt ẩn tàng của lịch sử thế giới.

All students of occultism are aware that the evolution of the world is not being left to run its course haphazard, but that its direction and administration are in the hands of a great Hierarchy of Adepts, sometimes called the White Brotherhood. To that Brotherhood belong Those whom we name the Masters, because They are willing under certain conditions to accept as pupils those who prove themselves worthy of the honour. But not all Adepts are Masters; not all will take such pupils; many of Them, though equal in occult rank, have the whole of Their time occupied in quite other ways, though always for the helping of evolution.

Mọi đạo sinh của huyền bí học đều biết rằng sự tiến hoá của thế giới không phải được để mặc cho ngẫu nhiên, mà sự chỉ đạo và quản trị của nó nằm trong tay một Đại Thánh Đoàn các Chân sư, đôi khi được gọi là Huynh đệ Đoàn Chánh đạo. Thuộc về Huynh đệ Đoàn ấy là Những Vị mà chúng ta gọi là các Chân sư, bởi Các Ngài sẵn lòng, dưới những điều kiện nhất định, chấp nhận làm thầy cho những ai tự chứng tỏ mình xứng đáng với vinh dự ấy. Nhưng không phải mọi Chân sư đều là các Bậc Thầy theo nghĩa nhận đệ tử; không phải ai cũng nhận môn đồ; nhiều Vị trong Các Ngài, tuy bình đẳng về phẩm trật huyền thuật, lại dành trọn thời gian của Mình cho những công việc hoàn toàn khác, dẫu luôn là nhằm giúp đỡ tiến hoá.

For the better surveillance and management of the field of action, They have mapped out the world into districts, much as the Church divides its territory into parishes (though

Để giám sát và quản trị hữu hiệu hơn cánh đồng hoạt động, Các Ngài đã phân bản đồ thế giới thành các khu vực, cũng như Giáo hội chia lãnh thổ của mình thành các giáo xứ (dẫu các

these are parishes of continental size), and an Adept presides over each of these districts just as a priest does over his parish. But sometimes the Church makes a special effort, not connected specially with any one of its parishes, but intended for the good of all; it sends forth what is called a "home mission," with the object of stirring up faith and arousing enthusiasm all over a country, the benefits obtained being in no way a matter of personal gain to the missioners, but going to increase the efficiency of the ordinary parishes.

giáo xứ này có kích thước bằng cả lục địa), và một vị Chân sư cai quản mỗi khu vực ấy cũng như linh mục coi sóc giáo xứ của mình. Nhưng đôi khi Giáo hội thực hiện một nỗ lực đặc biệt, không gắn riêng với bất kỳ giáo xứ nào, mà nhằm lợi ích chung cho tất cả; Giáo hội phái ra điều gọi là một "truyền giáo nội địa," với mục đích khơi dậy đức tin và đánh thức nhiệt tâm ở khắp một quốc gia, và các lợi ích đạt được không hề thuộc về mối lợi cá nhân của những vị truyền giáo, mà quay lại làm gia tăng hiệu năng cho các giáo xứ thông thường.

In a certain way the Theosophical Society corresponds to such a mission, the ordinary religious divisions of the world being the parishes; for this Society comes forth among them all, not seeking to take away from any one of them those people who are following it, but striving to make them understand it and live it better than they ever did before, and in many cases giving back to them on a higher and more intelligent level the faith in it which they had previously all but lost. Yes, and other men too, who had nominally no religion—who, though at heart of the religious type, have yet been unable to accept the crudities of orthodox teaching—have found in Theosophy a presentation of the truth to which, because of its inherent reasonableness and wide tolerance, they are able heartily to subscribe. We have among our members Hindus, Buddhists, Jains, Parsis, Jews, Muhammadans and Christians, and no one of them all has ever heard or read from any of the officials of our Society a word against the religion to which he belongs; indeed, in many cases the work of the Society has produced a distinct revival of religious interest in places where it has been established.

Theo một nghĩa nào đó, Hội Thông Thiên Học tương ứng với một cuộc truyền giáo như vậy, còn các phân chia tôn giáo thông thường của thế giới là những giáo xứ; vì Hội này đi ra giữa tất cả những phân chia ấy, không nhằm lôi kéo khỏi bất kỳ phân hệ nào những người đang theo nó, nhưng cố khiến họ hiểu và sống đạo của mình tốt hơn bao giờ hết, và trong nhiều trường hợp trao lại cho họ, trên một bình diện cao hơn và sáng suốt hơn, đức tin mà trước đó họ hầu như đã đánh mất. Vâng, và cả những người khác nữa, vốn trên danh nghĩa thì không theo một tôn giáo nào—những người tuy trong thâm tâm thuộc loại thiên về tôn giáo, nhưng lại không thể chấp nhận những điều thô lậu của giáo huấn chính thống—đã tìm thấy trong Thông Thiên Học một trình bày chân lý mà, nhờ tính hợp lý bẩm sinh và lòng khoan dung rộng rãi của nó, họ có thể thành tâm chấp thuận. Trong hàng ngũ hội viên của chúng ta có người Ấn giáo, Phật giáo, Jain, Parsi, Do Thái giáo, Hồi giáo và Kitô giáo, và không một ai trong số họ từng nghe hay đọc được từ bất kỳ vị chức trách nào của Hội một lời chống lại tôn giáo mà họ thuộc về; thật vậy, trong nhiều trường hợp, công việc của Hội đã tạo ra một sự phục hưng rõ rệt về mối quan tâm tôn giáo tại những nơi Hội được thiết lập.

Why this should be so is readily

Vì sao lại như thế là điều dễ hiểu khi chúng ta

comprehensible when we remember that it is from this same great Brotherhood that all the religions of the world have their origin. In this true though hidden government of the world there is a department of Religious Instruction, and the Head of that department has founded all the different religions either personally or through some pupil, suiting the teaching given in each case to the people for whom it was destined, and to the period in the world' s history which had then been reached. They are simply different presentations of the same teaching, as may at once be seen by comparing them. The external forms vary considerably, but the broad essentials are always the same. By all the same virtues are commended; by all the same vices are condemned; so that the daily life of a good Buddhist or a good Hindu is practically identical with that of a good Christian or a good Muhammadan. They do the same things, but they call them by different names; one spends much time in prayer, and the other in meditation, but really their exercises are the same, and they all agree that the good man must be just, kindly, generous and true.

nhớ rằng chính từ Đại Huynh Đoàn ấy mà mọi tôn giáo của thế giới đã có nguồn gốc. Trong chính quyền chân thật tuy ẩn tàng của thế giới ấy có một bộ phận Giáo Huấn Tôn Giáo, và Vị đứng đầu bộ phận ấy đã sáng lập mọi tôn giáo khác nhau hoặc đích thân hoặc qua một môn đồ, điều chỉnh giáo huấn trong mỗi trường hợp cho phù hợp với dân tộc mà nó hướng đến, và với giai đoạn trong lịch sử thế giới đã đạt tới khi ấy. Chúng đơn giản là những trình bày khác nhau của cùng một giáo huấn, điều có thể thấy ngay bằng cách so sánh chúng. Hình thức bề ngoài có thể dị biệt rất nhiều, nhưng những yếu tính lớn lao thì luôn như nhau. Tất cả đều khen ngợi cùng những đức hạnh; tất cả đều lên án cùng những thói xấu; cho nên đời sống hằng ngày của một Phật tử tốt hay một Ấn giáo tốt trên thực tế giống hệt với đời sống của một Kitô hữu tốt hay một tín đồ Hồi giáo tốt. Họ làm những điều như nhau, chỉ là gọi bằng những tên khác nhau; một người dành nhiều thời gian cho cầu nguyện, người kia cho tham thiền, nhưng thực ra các pháp tu của họ là một, và tất cả đều đồng ý rằng con người thiện lành phải công chính, nhân hậu, rộng lượng và chân thực.

It is said that some hundreds of years ago the leading officials of the Brotherhood decided that once in every hundred years, in what to us is the last quarter of each century, a special effort should be made to help the world in some way. Some of these attempts can be readily discerned—such, for example, as the movement initiated by Christian Rosenkreutz in the fourteenth century, simultaneously with the great reforms in Northern Buddhism introduced by Tsong- kha-pa; the remarkable renaissance of classical learning and the introduction of printing into Europe in the fifteenth; the work of Akbar in India in the sixteenth, at the same time with the publication of many works in England and elsewhere by Lord Bacon, and the splendid

Người ta nói rằng cách đây vài trăm năm, các vị lãnh đạo của Huynh đệ Đoàn Chánh đạo đã quyết định rằng cứ mỗi một trăm năm, tức vào quý cuối của mỗi thế kỷ theo cách tính của chúng ta, cần thực hiện một nỗ lực đặc biệt nào đó để trợ giúp thế giới. Một số nỗ lực như thế có thể dễ dàng nhận ra—chẳng hạn như phong trào do Christian Rosenkreutz khởi xướng vào thế kỷ mười bốn, đồng thời với những cải cách lớn trong Phật giáo phương Bắc do Tsong-kha-pa đưa vào; cuộc phục hưng kỳ diệu của học thuật cổ điển và việc đưa kỹ nghệ in ấn vào châu Âu ở thế kỷ mười lăm; công cuộc của Akbar tại Ấn Độ vào thế kỷ mười sáu, đồng thời với việc công bố nhiều tác phẩm ở Anh và nơi khác của Lord Bacon, và sự phát triển rực rỡ của thời Elizabeth; việc sáng lập

development of the Elizabethan age; the founding of the Royal Society, and the scientific work of Robert Boyle and others after the Restoration in the seventeenth; the activities in the eighteenth (the secret history of which on higher planes is known to but few) which escaped from control and degenerated into the French Revolution; and in the nineteenth the foundation of the Theosophical Society.

Royal Society, cùng công trình khoa học của Robert Boyle và những người khác sau Thời Phục vị vương quyền ở Anh trong thế kỷ mười bảy; những hoạt động ở thế kỷ mười tám (lịch sử bí mật của chúng trên các cõi cao chỉ ít người biết) đã vượt khỏi tầm kiểm soát và suy thoái thành Cách mạng Pháp; và ở thế kỷ mười chín là sự thành lập Hội Thông Thiên Học.

This Society is one of the great world-movements, destined to produce effects far greater than any that we have yet seen. The history of its work so far is but a prologue to that which is to come, and its importance is out of all proportion to what it has hitherto appeared to be. It has this difference from all movements that have preceded it, that it is first, the herald of the Coming Christ, and secondly, the first definite step towards the founding of a new root-race. Many of our students are aware that the Master M., the great Adept to whom both of our founders owe special allegiance, has been selected to be the Manu of that race, and that His inseparable friend the Master K. H. is to be in charge of its religious teaching.

Hội này là một trong những phong trào lớn của thế gian, được định sẵn sẽ tạo ra những hiệu quả vượt xa mọi điều mà chúng ta từng thấy. Lịch sử công việc của Hội cho đến nay chỉ là khúc dạo đầu cho những gì sắp đến, và tầm quan trọng của Hội vượt hẳn mọi điều mà bề ngoài trước nay có vẻ như thế. Hội khác với mọi phong trào đã có trước ở chỗ, trước hết, Hội là sứ giả của Đấng Đang Đến, Đức Christ, và thứ đến, là bước đi đầu tiên, rõ rệt hướng tới việc khai sáng một giống dân gốc mới. Nhiều đạo sinh của chúng ta biết rằng Chân sư M., vị Chân sư vĩ đại mà cả hai vị sáng lập của chúng ta đều có sự quy ngưỡng đặc biệt, đã được chọn làm Manu của giống dân ấy, và rằng bạn hữu bất phân ly của Ngài là Chân sư K. H. sẽ đảm trách giáo huấn tôn giáo của giống dân này.

It is evident that in the work which these two Great Ones will have to do They will need an army of devoted subordinates, who must above all things be loyal, obedient and painstaking. They may possess other qualities also, but these at least they must have. There will be scope for the keenest intelligence, the greatest ingenuity and ability in every direction; but all these will be useless without the capacity of instant obedience and utter trust in the Master. Self-conceit is an absolute bar to progress in this direction. The man who can never obey an order because he always thinks he knows better than the authorities, the man who cannot sink his personality

Hiển nhiên trong công việc mà Hai Đấng Cao Cả này sẽ đảm nhận, Các Ngài sẽ cần một đạo binh thuộc hạ tận tâm, những người trước hết phải trung tín, vâng phục và miệt mài. Họ có thể sở hữu các phẩm chất khác nữa, nhưng tối thiểu phải có những điều ấy. Sẽ có đất dụng võ cho trí tuệ sắc bén nhất, óc sáng tạo khéo léo nhất và năng lực trên mọi mặt; nhưng tất cả những điều ấy sẽ vô dụng nếu thiếu năng lực vâng phục tức thời và niềm tín thác trọn vẹn nơi Chân sư. Tự phụ là rào chắn tuyệt đối đối với tiến bộ trên con đường này. Người không bao giờ chịu tuân lệnh vì luôn nghĩ mình hiểu biết hơn nhà cầm quyền; người không thể dìm phàm ngã của mình trọn vẹn

entirely in the work which is given him to do, and co-operate harmoniously with his fellow-workers—such a man has no place in the army of the Manu. Those who join it will have to incarnate over and over again in rapid succession in the new race, trying each time to bring their various bodies nearer and nearer to the model set before them by the Manu—a very laborious and trying piece of work, but one that is absolutely necessary for the establishment of the new type of humanity which is required for the race. The opportunity of volunteering for this work is now open to us.

vào công việc được trao, và hoà hợp cộng tác với các bạn đồng công—người như thế không có chỗ đứng trong đạo binh của Manu. Những ai gia nhập sẽ phải lâm phàm hết lần này đến lần khác trong nhịp độ mau lẹ vào giống dân mới, mỗi lần cố gắng đưa các thể của mình ngày càng tiệm cận khuôn mẫu do Manu đề ra—một công cuộc rất lao lực và thử thách, nhưng tuyệt đối cần thiết cho việc thiết lập kiểu mẫu nhân loại mới cần có cho giống dân ấy. Cơ hội tình nguyện cho công việc này hiện đã mở ra cho chúng ta.

Those who wish to join in it must begin to differentiate their aims from those of the ordinary man of the world. If we are to be selected for that work, we must show ourselves ready and willing by doing this which is now offered to us. The great Head of the department of Religious Instruction, the Lord Maitreya, who has already spoken as Krishna to the Indians and as Christ to the Christians, has decided soon to pay another visit to the world for the healing and the helping of the nations, and for the revival of spirituality on the earth which has well-nigh lost it. One great work which the Theosophical Society has to do is to try to prepare men for His coming, so that more may be able to profit by the unequalled opportunity which His presence will give. The religion which He founded when He came down in Judaea two thousand years ago has now spread widely over the world; but when, after He left His physical body, His followers gathered together to discuss the situation, we are told that the number of the names was only a hundred and twenty. A single preacher was His herald then; now it is a world-wide Society of twenty thousand members. May we hope to do a little better this time—to keep Him with us longer than three years before the

Những ai ao ước tham gia phải bắt đầu phân biệt mục đích của mình khỏi mục đích của người đời thông thường. Nếu chúng ta được tuyển chọn cho công việc ấy, chúng ta phải tỏ ra sẵn sàng và thiện chí bằng cách thực hiện điều hiện đang được trao cho chúng ta. Vị Đại Chủ quản của ngành Giáo Huấn Tôn Giáo, Đấng Maitreya, Đấng đã từng lên tiếng như Krishna với người Ấn và như Đức Christ với người Kitô hữu, đã quyết định sớm viếng thăm thế gian một lần nữa để chữa lành và trợ giúp các dân tộc, và để phục hưng tinh thần trên trần thế vốn hầu như đã đánh mất nó. Một công việc lớn mà Hội Thông Thiên Học phải làm là cố gắng chuẩn bị con người cho sự quang lâm của Ngài, hầu có thêm nhiều người có thể hưởng lợi từ cơ hội vô song mà sự hiện diện của Ngài sẽ mang lại. Tôn giáo mà Ngài khai sáng khi Ngài giáng trần ở Giu-đê hai nghìn năm trước nay đã lan rộng khắp thế giới; nhưng khi, sau khi Ngài rời bỏ thể xác, các môn đồ của Ngài nhóm họp lại để bàn định tình hình, chúng ta được cho biết rằng "số các tên" chỉ là một trăm hai mươi. Khi ấy chỉ có một nhà giảng đạo làm sứ giả trước của Ngài; nay là một Hội rộng khắp thế giới với hai mươi nghìn hội viên. Chúng ta có thể hy vọng làm tốt hơn đôi chút lần này—giữ Ngài ở với chúng ta lâu hơn ba năm trước khi sự gian ác của thế

wickedness of the world drives Him away, to draw round Him a somewhat larger body of followers before He leaves us? That is yet to be seen; but it depends largely upon the energy, effort and selflessness of members of the Theosophical Society now.

gian xua đuổi Ngài, quy tụ quanh Ngài một đoàn môn đồ đông đảo hơn trước khi Ngài rời chúng ta chăng? Điều đó còn phải chờ xem; nhưng phần lớn tùy thuộc vào nghị lực, nỗ lực và tinh thần vô ngã của các hội viên Hội Thông Thiên Học hiện nay.

Besides its primary object of spreading occult truth throughout the world, the Theosophical Society has also this secondary object—that it may act as a kind of net to draw together out of all the world the people who are sufficiently interested in occultism to be willing to work for it. Out of that number a certain proportion will be found who desire to press on further, to learn all that the Society has to teach, and to make real progress. Probably not all of those will succeed, but some certainly will, as some have done in the past; and from those who thus obtain a footing the Adepts Themselves may choose those whom They consider worthy of the great privilege of working under Them in the future. Such selection cannot of course be guaranteed to any one who passes even into the innermost groups of the Society, since the choice is absolutely in the hands of the Masters; we can say only that such selections have been made in the past, and that we know that many more volunteers are required.

Bên cạnh mục đích chính là truyền bá chân lý huyền bí trên khắp thế giới, Hội Thông Thiên Học còn có một mục đích thứ yếu—rằng Hội có thể đóng vai như một tấm lưới để kết tụ từ khắp nơi những người quan tâm đủ nhiều đến huyền bí học đến mức sẵn sàng làm việc cho nó. Từ số đó, một tỷ lệ nhất định sẽ được tìm thấy là những người mong muốn tiến xa hơn, học trọn những gì Hội dạy, và tạo ra tiến bộ thực sự. Có lẽ không phải tất cả những người ấy đều thành công, nhưng chắc chắn sẽ có một số, như trong quá khứ đã có; và từ những người nhờ vậy mà đặt được bàn chân vào cửa, chính Các Chân sư có thể chọn ra những ai Các Ngài xét là xứng đáng với đặc ân lớn lao được làm việc dưới quyền Các Ngài trong tương lai. Dĩ nhiên không thể bảo đảm sự tuyển chọn như vậy cho bất kỳ ai, ngay cả khi người đó bước vào các nhóm nội môn sâu nhất của Hội, vì sự chọn lựa hoàn toàn do Các Chân sư quyết định; chúng ta chỉ có thể nói rằng những tuyển chọn như thế đã từng được thực hiện trong quá khứ, và chúng ta biết rằng hiện cần thêm nhiều tình nguyện viên nữa.

Many have joined the Society without knowing anything of the inner opportunities which it offers, or the close relation with the great Masters of Wisdom into which it may bring its members. Many have come into it almost carelessly, with but little thought or comprehension of the importance of the step which they have taken; and there have been those who have left it equally carelessly, just because they have not fully understood.

Nhiều người đã gia nhập Hội mà chẳng biết gì về những cơ hội nội môn mà Hội cung ứng, hay mối liên hệ gần gũi với các Đại Sư Minh triết mà Hội có thể mang lại cho hội viên của mình. Nhiều người bước vào Hội một cách hờ hững, với rất ít suy tư hay thấu hiểu về tầm quan trọng của bước đi họ đã thực hiện; và cũng có những người rời Hội hờ hững như thế, chỉ vì họ chưa hiểu đầy đủ.

Even those have gained something, though

Ngay cả những người ấy cũng đã gặt hái được

far less than they might have gained if they had had greater intelligence. The Countess Wachtmeister tells how once when some casual visitors called to see Madame Blavatsky and offered to join the Society, she immediately sent for the necessary forms and admitted them. After they had gone, the Countess seems to have said half-remonstratingly that not much could be expected from them, for even she could see that they were joining only from motives of curiosity or courtesy.

điều gì đó, tuy ít hơn nhiều so với điều họ có thể đạt được nếu họ có trí tuệ lớn hơn. Nữ bá tước Wachtmeister kể rằng có lần khi vài khách ghé thăm tình cờ đến gặp Bà Blavatsky và ngỏ ý xin gia nhập Hội, Bà lập tức cho gọi các mẫu đơn cần thiết và thu nhận họ. Sau khi họ ra về, Nữ bá tước có vẻ đã nửa trách nửa than rằng không thể kỳ vọng nhiều ở họ, vì ngay chính bà cũng thấy họ gia nhập chỉ vì tò mò hay vì xã giao.

"That is true," said Madame Blavatsky, "but even this formal act has given them a small karmic link with the Society, and that, little as it is, will mean at least something for them in the future."

"Điều đó đúng," Bà Blavatsky nói, "nhưng ngay cả hành động hình thức này cũng đã tạo cho họ một mối dây nghiệp quả nhỏ với Hội, và điều ấy, tuy nhỏ bé, sẽ có nghĩa là ít nhất cũng có điều gì đó cho họ trong tương lai."

Some have committed the incredible folly of leaving it because they disapproved of the policy of its President, not reflecting first of all, that that policy is the President' s business and not theirs; secondly, that as the President knows enormously more in every direction than they do, there is probably for that policy some exceedingly good reason of which they are entirely unaware; and thirdly, that Presidents and policies are after all temporary, and do not on any way affect the great fundamental fact that the Society belongs to the Masters and represents Them, and that to abandon it is to desert Their standard. Since They stand behind it, and intend to use it as an instrument, we may be sure that They will permit no serious error. It is surely not the part of a good soldier to desert from the ranks because he disapproves of the plans of the General, and to go off and fight single-handed. Nor is such fighting likely to be specially efficient or useful to the cause which he professes to champion.

Có người đã phạm sự dại dột không thể tin được khi rời Hội vì bất đồng với chính sách của Hội trưởng, mà không suy xét trước hết rằng chính sách ấy là công việc của Hội trưởng chứ không phải của họ; thứ đến, vì Hội trưởng biết nhiều vô cùng trên mọi phương diện hơn họ, hẳn là có một lý do cực kỳ chính đáng nào đó cho chính sách ấy mà họ hoàn toàn không hay biết; và thứ ba, rằng Hội trưởng và chính sách rốt cuộc đều nhất thời, và không hề ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào đến sự thật nền tảng vĩ đại rằng Hội thuộc về Các Chân sư và đại diện Các Ngài, và rời bỏ Hội là bỏ rơi ngọn cờ của Các Ngài. Vì Các Ngài đứng sau Hội và dự định dùng Hội như một khí cụ, chúng ta có thể chắc rằng Các Ngài sẽ không để xảy ra sai lầm nghiêm trọng nào. Chắc chắn đó không phải là phần việc của một người lính tốt—bỏ hàng ngũ vì bất đồng với kế hoạch của vị Tổng chỉ huy, rồi đi đánh trận một mình. Mà lối "tác chiến" như thế khó lòng hữu hiệu hay có ích cho chính lý tưởng mà y tuyên xưng là đang bênh vực.

Some have deserted simply from a fear that if

Có người đào ngũ đơn giản vì sợ rằng nếu họ ở

they remained in the Society they might be identified with some idea of which they disapprove. This is not only selfishness but self-conceit; what does it matter what is thought or said of any of us, so long as the Master' s work is done and the Master' s plan carried out? We must learn to forget ourselves and think only of that work. It is true that that work will be done in any case, and that the place of those who refuse to do it will quickly be supplied. So it may be asked, what do defections matter? They do not matter to the work, but they matter very much to the deserter, who has thrown away an opportunity which may not recur for many incarnations. Such action shows a lack of all sense of proportion, an utter ignorance of what the Society really is and of the inner side of its work.

lại Hội, họ có thể bị đồng nhất với một ý tưởng mà họ không tán thành. Điều này không chỉ là ích kỷ mà còn là tự phụ; điều người ta nghĩ hay nói về bất cứ ai trong chúng ta có nghĩa lý gì, miễn là công việc của Chân sư được hoàn thành và kế hoạch của Chân sư được thực thi? Chúng ta phải học quên mình và chỉ nghĩ đến công việc ấy. Đúng là công việc ấy dù sao cũng sẽ được làm, và chỗ của những người từ chối làm sẽ chóng được bù đắp. Vậy có thể hỏi: những cuộc đào ngũ có hệ trọng gì chăng? Không hệ trọng đối với công việc, nhưng vô cùng hệ trọng đối với kẻ đào ngũ, vì y đã ném bỏ một cơ hội có thể không tái diễn trong nhiều kiếp lâm phàm. Hành động như thế cho thấy sự thiếu hẳn Ý thức về tỉ lệ, một sự vô tri hoàn toàn về Hội trên thực chất là gì và về nội diện công việc của Hội.

This work which our Masters are doing, this work of the evolution of humanity, is the most fascinating thing in the whole world. Sometimes those of us who have been able to develope the faculties of the higher planes have been allowed a glimpse of that mighty scheme—have witnessed the lifting of a tiny corner of the veil. I know of nothing more stirring, more absorbingly interesting. The splendour, the colossal magnitude of the plans take away one' s breath, yet even more impressive is the calm dignity, the utter certainty of it all. Not individuals only, but nations, are the pieces in this game; but neither nation nor individual is compelled to play any given part. The opportunity to play that part is given to it or to him; if he or it will not take it, there is invariably an understudy ready to step in and fill the gap.

Công việc mà Các Chân sư của chúng ta đang thực hiện, công cuộc tiến hoá của nhân loại, là điều hấp dẫn nhất trên đời. Đôi khi những người trong chúng ta đã có thể phát triển các năng lực của những cõi cao được phép thoáng thấy đồ án vĩ đại ấy—được chứng kiến cảnh bức màn được vén lên một góc nhỏ. Tôi không biết có gì khuấy động hơn, cuốn hút hơn thế. Vẻ lộng lẫy, tầm vóc khổng lồ của kế hoạch khiến người ta nghẹt thở, thế nhưng còn ấn tượng hơn là phẩm cách trầm tĩnh, sự chắc chắn tuyệt đối của tất cả. Không chỉ các cá nhân, mà cả các quốc gia, là những quân cờ trong ván cờ này; nhưng cả quốc gia lẫn cá nhân đều không bị cưỡng bức phải đóng một vai định sẵn. Cơ hội để đóng vai ấy được trao cho nó hay cho y; nếu y hay nó không nhận, bao giờ cũng có một người dự bị sẵn sàng bước vào lấp chỗ trống.

At this present time a magnificent opportunity is being offered to the great Anglo-Saxon race—to the whole Teutonic sub-race, if it will only sink its petty rivalries and

Ngay lúc này một cơ hội huy hoàng đang được trao cho giống dân Anglo-Saxon vĩ đại—cho toàn thể giống dân phụ Teutonic, nếu giống dân ấy chịu gác bỏ những ganh đua và đố kỵ

jealousies and take it. I hope with all my heart that it will do so; I believe that it will; but this I know, that if unfortunately it should fail, there is another nation already chosen to assume the sceptre which in that case would fall from its hands. Such failure would cause a slight delay, while the new nation was being pushed rapidly forward to the necessary level, but at the end of a few centuries exactly the same result would have been achieved. That is the one thing that is utterly certain—that the intended end will be achieved; through whose agency this will be done matters very much to the agent, but nothing at all to the total progress of the world.

vụn vặt để nắm lấy cơ hội. Tôi hết lòng hy vọng rằng họ sẽ làm như vậy; tôi tin rằng họ sẽ làm; nhưng điều tôi biết là, nếu chẳng may họ thất bại, đã có một dân tộc khác được chọn sẵn để nắm lấy vương trượng sẽ rơi khỏi tay họ khi ấy. Sự thất bại như thế sẽ gây một chậm trễ nhỏ, trong khi dân tộc mới được thúc đẩy tiến nhanh tới mức cần thiết, nhưng sau vài thế kỷ rốt cuộc chính kết quả ấy sẽ được đạt tới. Đó là điều tuyệt đối chắc chắn—rằng cứu cánh đã định sẽ được thực hiện; qua tác nhân nào thì điều ấy hệ trọng vô cùng đối với tác nhân, nhưng chẳng ảnh hưởng gì đến tiến trình tổng thể của thế giới.

Let us throw ourselves into that work, not out of it, trying ever to do more and more of it, and to do it better and better. For if we do well now in comparatively small matters—in Lodge activities, in propaganda work, in the service of those around us—we may be permitted to do something much grander—to help to smooth the way for the coming of the Lord; if we have the glorious privilege of earnestly and humbly making ourselves useful then, we may presently be entrusted with even greater responsibilities in connection with that new root-race, and of us will be true what was said of old: "Well done, good and faithful servant; thou hast been faithful over a few things; I will make thee ruler over many things; enter thou into the joy of thy Lord."

Chúng ta hãy dấn thân vào công việc ấy, chứ không rút ra khỏi nó, luôn cố gắng làm được ngày càng nhiều hơn và làm ngày càng tốt hơn. Vì nếu hiện nay chúng ta làm tốt những việc tương đối nhỏ—trong các sinh hoạt của Chi hội, trong công tác truyền bá, trong phụng sự những người quanh ta—chúng ta có thể được phép làm điều lớn lao hơn nhiều—giúp san phẳng con đường cho sự quang lâm của Đấng; nếu khi ấy chúng ta được đặc ân rạng rỡ là thành tâm khiêm cung làm cho mình trở nên hữu ích, thì chẳng bao lâu chúng ta có thể được uỷ thác những trọng trách còn lớn hơn nữa liên quan đến giống dân gốc mới ấy, và đối với chúng ta sẽ ứng nghiệm điều đã được nói thời xưa: "Tốt lắm, đầy tớ ngay lành và trung tín; ngươi đã trung tín trong ít việc; Ta sẽ lập ngươi cai quản nhiều việc; hãy vào hưởng sự vui mừng của Chúa ngươi."

THEOSOPHY AND WORLD-LEADERS— THÔNG THIÊN HỌC VÀ CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO THẾ GIỚI

A thoughtful Theosophist cannot but wonder

Một người Thông Thiên Học biết suy tư hẳn

sometimes how it is that Theosophy, though unquestionably representing the most advanced theory of existence and the most complete statement of the highest wisdom at present available, yet does not seem to appeal at all to many of the most eminent leaders of the world' s thought and progress, whether it be along the lines of science, art, literature, philosophy or religion. These men of the keenest intellect, these others of the noblest spirituality, surely they ought to be the very first to welcome the splendid effulgence of Theosophy, the clarity and common-sense of its system, the light which it throws upon all the problems of life and death, the beauty of the ideals which it puts before us. But the fact remains that they do not welcome it, but on the contrary many of them treat it with indifference, or even contempt. Their attitude is a remarkable phenomenon; how can we explain it?

đôi khi không thể không tự hỏi vì sao Thông Thiên Học, mặc dù không thể phủ nhận là trình bày học thuyết tiến hoá cao nhất về hiện hữu và là bản tuyên trình trọn vẹn nhất về minh triết tối thượng hiện đang khả dụng, thế mà dường như lại chẳng mảy may hấp dẫn nhiều vị lãnh đạo xuất chúng nhất của tư tưởng và tiến bộ thế giới, dầu là theo các hướng khoa học, nghệ thuật, văn chương, triết học hay tôn giáo. Những người có trí tuệ sắc bén nhất, những người khác có tinh thần cao quý nhất, lẽ ra chính họ phải là những người đầu tiên chào đón ánh huy hoàng của Thông Thiên Học, sự sáng rõ và lẽ thường của hệ thống ấy, ánh sáng mà nó chiếu vào mọi vấn đề sinh tử, vẻ đẹp của các lý tưởng nó nêu ra cho chúng ta. Thế nhưng thực tế là họ không chào đón, trái lại nhiều người trong họ đối xử với nó bằng thái độ dửng dưng, thậm chí khinh miệt. Thái độ ấy là một hiện tượng đáng chú ý; làm sao giải thích được?

Again, as to ourselves, putting aside such an altogether abnormal person as our President, we know quite well that we who are Theosophists are in intellect far behind the great leaders of scientific and philosophical thought, just as in spirituality and devotion we are far behind some of the great saints of whom we hear in the various religions. Yet we have the inestimable privilege of finding ourselves in the Theosophical Society, we can understand, believe and assimilate its teachings, while these others apparently cannot. We are clearly no better than they; along certain lines we are obviously less developed; why should this great and glorious reward come to us and not to them?

Còn về chính chúng ta, tạm gác sang một bên một nhân vật hoàn toàn dị thường như vị Hội trưởng của chúng ta, chúng ta biết rất rõ rằng những người chúng ta, các hội viên Thông Thiên Học, xét về trí tuệ thì còn cách xa các nhà lãnh đạo lớn về tư tưởng khoa học và triết học, cũng như xét về tinh thần và lòng sùng tín, chúng ta còn cách xa một số vị thánh lớn mà chúng ta nghe nói đến trong các tôn giáo khác nhau. Thế mà chúng ta lại có đặc ân vô giá là thấy mình ở trong Hội Thông Thiên Học, chúng ta có thể thấu hiểu, tin nhận và đồng hoá với các giáo huấn của Hội, trong khi những người kia dường như không thể. Rõ ràng chúng ta chẳng hơn gì họ; theo một số phương diện, chúng ta hiển nhiên kém phát triển hơn; vậy cớ sao phần thưởng lớn lao rực rỡ ấy lại đến với chúng ta mà không đến với họ?

It is a great and glorious reward; let us make

Đó là một phần thưởng lớn lao rực rỡ; chớ để

no mistake as to that. The strongest adjectives in the language, the most poetical description that we can conceive, would fail adequately to convey what Theosophy is to those who can grasp it, what it does for those who put it into practice. Since it does all this for us who are commonplace folk, why does it leave these much higher and grander people cold and Unmoved?

mình lầm lẫn về điều đó. Những tính từ mạnh nhất của ngôn ngữ, những mô tả thi vị nhất mà chúng ta có thể tưởng tượng, vẫn không tài nào diễn đạt đủ điều Thông Thiên Học là gì đối với những ai có thể nắm bắt nó, điều nó làm cho những ai thực hành nó. Vì nó làm tất cả những điều ấy cho chúng ta—những kẻ bình phàm—sao nó lại để những người cao cả và hùng vĩ kia lạnh nhạt, không lay chuyển?

They are higher and grander; here is another point about which no mistake must be made. The intellect of the great scientific man is a very wonderful and wholly desirably thing, the culmination of ages of development. The spirituality, the utter unworldliness and the deep devotion of the saint are beautiful and precious beyond all words, and such saintship comes only as the crown of many lives of earnest effort along that special line. These are indeed gifts which none can despise or gainsay; "more to be desired are they than gold, yea, than much fine gold; sweeter also than honey and the honeycomb."

Họ cao cả và hùng vĩ—điểm này cũng không được phép lầm lẫn. Trí tuệ của một nhà khoa học lớn là một điều kỳ diệu và hoàn toàn đáng mong ước, là đỉnh cao của những thời đại phát triển. Tinh thần linh thánh, sự thoát ly trần thế và lòng sùng tín sâu xa của vị thánh là điều đẹp đẽ và quý báu không lời nào tả xiết, và thánh hạnh như thế chỉ đến như vương miện của nhiều đời nỗ lực kiên trì theo đường hướng đặc biệt ấy. Thật vậy, đó là những ân phú mà chẳng ai có thể khinh chê hay phủ nhận; "đáng ước ao hơn vàng, phải, hơn vàng ròng nhiều; ngọt ngào hơn mật và tàng ong."

Yet their possessors have not the inestimable pearl of Theosophy, and we have it—we who stand on the plain, and look up to them on the mountain heights. Clearly these great men have much that we have not—much at least that in us is as yet merely rudimentary; what have we that they have not, that we are worthy of so great an honour?

Thế nhưng những vị sở hữu các ân phú ấy lại không có viên ngọc vô giá là Thông Thiên Học, còn chúng ta thì có—chúng ta đứng nơi đồng bằng mà ngước lên họ trên những đỉnh non cao. Rõ ràng các bậc vĩ nhân ấy có nhiều điều chúng ta chưa có—ít nhất là những điều nơi chúng ta mới chỉ là mầm mống; vậy chúng ta có gì mà họ chưa có, để chúng ta xứng đáng với vinh dự lớn lao đến thế?

This is what we have—the knowledge of the direction in which to put forth our forces. We have it because from the Theosophical teaching we understand something of the scheme of things, something of the plan upon which the world is built, something of the object and method of evolution—and that not only in a broad and general sense, but also in sufficient detail to make it practically

Đây là điều chúng ta có—tri thức về phương hướng để dốc phát lực của mình. Chúng ta có điều ấy vì từ giáo huấn Thông Thiên Học, chúng ta thấu hiểu phần nào đồ án vũ trụ, phần nào mô thức theo đó thế giới được dựng xây, phần nào mục đích và phương pháp của tiến hoá—và không chỉ theo nghĩa rộng lớn và tổng quát, mà còn trong mức chi tiết đủ để ứng dụng một cách thực tiễn vào đời sống cá nhân.

applicable to the life of the individual.

But why is all this so much clearer to us, the small people, than to these greater ones? By our own doctrine we know how "utter-true the faultless balance weighs," how none can have even the smallest benefit to which he is not entitled; what have we done to merit this greatest of all rewards—we who are very much like thousands of other people, full of ordinary human faults, neither better nor worse than the great majority of our fellow-men?

Nhưng vì sao tất cả điều này lại rõ ràng với những con người nhỏ bé như chúng ta hơn là với các vị vĩ nhân kia? Theo chính giáo nghĩa của mình, chúng ta biết "cái cân vô sai lầm cân đo hoàn toàn chân thật" biết bao, rằng chẳng ai có được dù lợi ích nhỏ nhất mà y không đáng hưởng; vậy chúng ta đã làm gì để xứng đáng với phần thưởng lớn nhất trong mọi phần thưởng—chúng ta, những kẻ rất giống hàng nghìn người khác, đầy những lỗi thường tình, chẳng hơn chẳng kém đại đa số đồng loại của mình?

Whatever it is that we have done, it must evidently have been in some other life than this. Many of us can bear testimony that when we first met with Theosophy (this time) something within us leapt up at once in glad response to its appeal, in eager recognition of kinship to its thought. Yet we all know that there are many other better people than we in whom it evokes no response whatever—who cannot understand the depth of our enthusiasm for it.

Dù là chúng ta đã làm gì, hiển nhiên điều ấy phải đã xảy ra trong một đời khác hơn đời này. Nhiều người trong chúng ta có thể làm chứng rằng khi lần đầu gặp Thông Thiên Học (lần này), có điều gì đó bên trong chúng ta đã lập tức trỗi dậy đáp ứng hoan hỷ trước tiếng gọi của nó, nhận ra nồng nhiệt mối đồng khí tương cầu với tư tưởng của nó. Thế nhưng chúng ta đều biết rằng có rất nhiều người tốt hơn chúng ta mà Thông Thiên Học chẳng gợi lên bất kỳ đáp ứng nào—những người không thể hiểu được vì sao chúng ta lại nhiệt thành đến thế đối với nó.

We usually (and quite correctly) explain this by saying that we have met with these glorious truths before; that we have known of and studied these things in a former life, and that our unappreciative friends have not. But that does not solve the problem; it only moves it a stage further back. Why, in that former life, did we study these things, while our more gifted friends did not?

Thông thường (và rất đúng) chúng ta giải thích rằng chúng ta đã từng gặp những chân lý huy hoàng này trước đây; rằng chúng ta từng biết và học những điều này trong một đời trước, còn những người bạn chưa thấu hiểu kia thì không. Nhưng điều đó chưa giải được bài toán; nó chỉ đẩy bài toán lùi thêm một chặng. Vì sao, trong đời trước ấy, chúng ta đã học những điều này, còn những người bạn tài năng hơn của chúng ta lại không?

The answer is that the world is still at an early stage of its evolution, and that man has not yet had time to unfold all qualities. He must take them in some sort of order; he must begin

Câu trả lời là: thế giới vẫn còn ở giai đoạn sớm của tiến hoá, và con người chưa có thời gian để triển khai mọi phẩm tính. Y buộc phải tiếp nhận chúng theo một trật tự nào đó; y phải

somewhere; and men differ because they have chosen different points from which to begin. We have our qualities and our powers (such as they are), and our attraction to these subjects, because it is in that direction that we have been putting out our every effort in the far-away past. No one possesses any quality that he has not worked to unfold within himself. So if our greater friends are "gifted" in certain ways, it is because they have earned their gift by hard work in previous lives. Just as by study in another life we have acquired our "gift"—the power to understand and appreciate something of Theosophic truth—so have they acquired their shining powers of intellect or devotion by practicing these qualities long ago.

khởi đi từ đâu đó; và con người khác nhau vì họ đã chọn những điểm khởi đầu khác nhau. Chúng ta có các phẩm chất và năng lực (như hiện có), và có sức lôi cuốn tới các đề tài này, vì đó là hướng mà chúng ta đã dốc mọi nỗ lực của mình trong quá vãng xa xưa. Không ai sở hữu một phẩm chất nào mà y chưa từng lao công để khai mở từ bên trong. Vậy nếu các bạn hữu vĩ đại của chúng ta "được phú bẩm" theo những cách thức nhất định, là vì họ đã kiến đắc ân phú ấy bằng lao nhọc trong các đời trước. Cũng như nhờ học hỏi trong một đời khác mà chúng ta đã thâu đắc "ân phú" của mình—năng lực thấu hiểu và trân quý phần nào chân lý Thông Thiên Học—thì họ cũng đã thâu đắc quyền năng rực rỡ của trí tuệ hoặc sùng tín bằng cách thực hành những phẩm tính ấy từ lâu.

We have taken different lines then, we have spent our time in developing different qualities. Now we each have what we have earned, but naturally each finds himself without those other qualities at which he has not been specially working. We are all imperfect, but not all imperfect in the same direction. Manifestly we must aim in the future at an all-round development, so that each must acquired the qualities which others now possess, but he as yet does not.

Chúng ta đã chọn những đường hướng khác nhau, chúng ta đã dành thời gian phát triển những phẩm chất khác nhau. Nay mỗi người có những gì mình đã kiến đắc, nhưng dĩ nhiên mỗi người cũng thấy mình thiếu những phẩm chất khác mà mình chưa chuyên tâm trau dồi. Tất cả chúng ta đều chưa hoàn hảo, nhưng không phải ai cũng bất toàn theo cùng một hướng. Hiển nhiên trong tương lai chúng ta phải nhắm tới một sự phát triển toàn diện, sao cho mỗi người phải thâu nhận những phẩm chất mà hiện người khác đang sở hữu, còn y thì chưa.

Another very interesting point, which has been somewhere well put by our President, is that the great leaders of thought at the present day are fulfilling a certain function in the world' s evolution which they could not so well fill if they knew all that we know. This is the fifth sub-race of the fifth root-race, and the fullest possible unfoldment of the lower mind is the task at the moment set before humanity. These leaders who intensity it, glory in it, almost worship it, are doing the work which

Một điểm rất thú vị nữa, đã từng được vị Hội trưởng của chúng ta diễn đạt rất hay ở đâu đó, là: các nhà lãnh đạo tư tưởng vĩ đại trong thời hiện tại đang đảm nhận một chức năng nhất định trong tiến hoá của thế giới mà họ không thể đảm nhận tốt như thế nếu họ biết tất cả những gì chúng ta biết. Đây là giống dân phụ thứ năm của giống dân gốc thứ năm, và sự triển khai đầy đủ nhất có thể của hạ trí là phận sự trong lúc này được đặt ra trước nhân loại. Những nhà lãnh đạo tôn vinh hạ trí, đắm say

they are appointed to do for the majority of mankind. It is precisely because they believe in intellect so thoroughly, because they think that there is nothing beyond it, that they can so intensify it and carry it to so high a place. It is because they know just so much, and no more, that they are convenient pawns to be used in this particular part of the cosmic game. For, as Omar Khayyam says:

trong nó, hầu như tôn thờ nó, đang thực hiện công việc mà họ được bổ nhiệm để làm cho đa số nhân loại. Chính vì họ tin vào trí tuệ đến mức triệt để, vì họ nghĩ rằng chẳng có gì nằm ngoài nó, nên họ có thể làm cho nó trở nên tinh luyện và đưa nó lên một địa vị cao như vậy. Chính vì họ biết bấy nhiêu, và không hơn, mà họ là những quân cờ tiện dụng để dùng trong chặng đặc thù này của ván cờ vũ trụ. Bởi, như Omar Khayyam nói:

"We are but pieces in the game He plays

Upon this chequer-board of nights and days;

Hither and thither moves, and checks, and slays,

And one by one back in the closet lays."

"Chúng ta chỉ là những quân cờ trong ván cờ Ngài chơi

Trên bàn cờ chằng ô của đêm ngày;

Chuyển nơi này nơi khác, chiếu tướng, đốn hạ,

Rồi từng quân một lại cất vào hòm."

These great men are the appointed leaders of a certain stage, and they are doing their work nobly; we cannot expect them to turn aside from that now to listen to us and our message. There will come a time in the future when they will listen, and then the magnificent intellectual development which they are now acquiring will carry them far and rapidly along the road of occult progress.

Những vĩ nhân này là các lãnh đạo được chỉ định của một giai đoạn nhất định, và họ đang làm công việc của mình một cách cao cả; chúng ta không thể kỳ vọng họ quay sang lắng nghe chúng ta và sứ điệp của chúng ta vào lúc này. Sẽ đến một thời trong tương lai khi họ sẽ lắng nghe, và khi ấy sự phát triển trí tuệ huy hoàng mà họ đang thâu đắc bây giờ sẽ đưa họ tiến xa và mau lẹ trên con đường tiến bộ huyền môn.

These three things it is clear that man must have before he can hope to reach perfection: intellect, spirituality, and discrimination—which last quality may in this case be defined as the knowledge of how to use the other two wisely. If any one of these be absent, the working of the others cannot but be to some extent defective. We constantly see that this is so. The scientific man evolves intellect to a very high level, but if the spiritual side of his nature is entirely undeveloped he may use intellect for personal ends instead of for the good of all; or he may be unscrupulous in the

Có ba điều rõ ràng con người phải có trước khi hy vọng đạt đến sự viên mãn: trí tuệ, tinh thần, và phân biện—phẩm chất sau cùng này trong trường hợp này có thể được định nghĩa là tri thức về cách sử dụng khôn ngoan hai điều kia. Nếu thiếu một trong ba, sự vận hành của hai điều còn lại ắt ở một mức độ nào đó sẽ khiếm khuyết. Chúng ta thường xuyên thấy điều này đúng. Nhà khoa học phát triển trí tuệ đến một mức rất cao, nhưng nếu phương diện tinh thần của y hoàn toàn chưa khai mở, y có thể dùng trí tuệ cho mục đích cá nhân thay vì vì lợi ích chung; hoặc y có thể bất chấp lương

pursuit of knowledge, as is the vivisector. The saint reaches a high level of devotion and spirituality, yet for lack of intellect he may often make himself ridiculous by superstition, he may be narrow-minded, and even a persecutor. And both the saint and the scientist may waste their energies in quite wrong direction for want of a clear knowledge of the great plan of the LOGOS—the very thing that Theosophy gives.

tri trong việc theo đuổi tri thức, như trường hợp nhà giải phẫu thực nghiệm trên sinh vật sống. Vị thánh đạt đến một cấp độ cao của lòng sùng tín và tinh thần, nhưng vì thiếu trí tuệ, y có thể nhiều phen làm mình nực cười vì mê tín, có thể hẹp hòi, thậm chí trở thành kẻ bức hại. Và cả vị thánh lẫn nhà khoa học đều có thể phung phí năng lực theo hướng hoàn toàn sai lạc vì thiếu một tri thức sáng tỏ về Thiên Cơ của Thượng đế—chính điều mà Thông Thiên Học cống hiến.

What a man is now is the consequence of what he has done and thought in the past. If he has devoted his energy to the development of intellect—well and good, he has the intellect for which he has worked; but, since in addition to that he needs spirituality and discrimination, he must now devote himself to working for the acquisition of those faculties. If he has so far spent his time chiefly in devotion he has gained great power in that direction, but he must now proceed to unfold those other qualities of intellect and discrimination to which he has not yet turned his attention. If in previous lives he has studied the great scheme of things, he comes back this time with power to comprehend and the intuition to accept the truth, and that is indeed well for him; but he still needs to unfold from within himself the qualities to which the other men have been devoting themselves.

Con người hiện là gì là kết quả của những gì y đã làm và nghĩ trong quá khứ. Nếu y đã dốc năng lực vào việc phát triển trí tuệ—tốt lắm, y có trí tuệ mà y đã lao công gặt hái; nhưng vì ngoài điều ấy y còn cần tinh thần và phân biện, y phải nay dốc tâm làm việc để thâu đắc các năng lực ấy. Nếu trước nay y chủ yếu dành thời gian cho sùng tín, y đã đạt được quyền năng lớn theo hướng đó, nhưng nay y phải tiến hành khai mở những phẩm chất khác là trí tuệ và phân biện mà y chưa hướng chú ý vào. Nếu trong các đời trước y đã học hỏi về đại đồ án của vạn hữu, y trở lại đời này với năng lực thấu hiểu và trực giác để tiếp nhận chân lý, và điều đó thật sự lành thay cho y; nhưng y vẫn cần khai mở từ bên trong mình những phẩm chất mà các người khác đã dốc công trau dồi.

Unfortunately man at these early stages of evolution is so constituted that he is apt to boast of what he himself possesses, and to try to exalt his own qualities by minimising those of others instead of imitating what is best in them. So it happens that the saint and the man of science rarely appreciate one another, and not infrequently there is a good deal of mutual contempt and misunderstanding. It is for us to be careful that we do not allow ourselves to

Đáng tiếc là ở những giai đoạn sớm của tiến hoá, con người lại có cấu trúc tâm lý khiến y dễ khoe khoang điều y sở hữu, và tìm cách đề cao phẩm chất của mình bằng cách hạ thấp phẩm chất của người khác, thay vì noi theo những gì tốt đẹp nhất nơi họ. Vậy nên vị thánh và nhà khoa học hiếm khi biết trân quý nhau, và không ít lần có rất nhiều khinh miệt và hiểu lầm lẫn nhau. Về phần chúng ta, cần cẩn trọng kẻo sa vào chiếc bẫy ấy. Hãy nhớ rằng chúng

fall into the same snare. Let us remember that we set before ourselves as a goal the attainment of adeptship, and that the adept is the perfect man in whom all these different good qualities exist in the highest degree.

ta đặt trước mình mục tiêu đạt đến địa vị chân sư, và rằng chân sư là con người hoàn hảo nơi đó mọi phẩm chất tốt đẹp này hiện hữu ở mức cao nhất.

Before we reach adeptship we have to develope as much spirituality as the greatest of the saints, and far more—as much intellect as the most brilliant man of science, and far more. So our attitude towards those who already possess these most desirable attributes should be not carping criticism, but the most generous appreciation and admiration of all that is good, while our own quality—that of knowledge of the direction in which evolution is moving—will prevent us from imitating the mistakes in addition to the excellencies of those who, while far advanced along other lines, are as yet scarcely even on the threshold or ours.

Trước khi đạt chân sư vị, chúng ta phải phát triển tinh thần nhiều như vị thánh vĩ đại nhất, và còn hơn thế—phát triển trí tuệ nhiều như nhà khoa học lỗi lạc nhất, và còn hơn thế. Vậy nên thái độ của chúng ta đối với những ai đã sở hữu các thuộc tính đáng ao ước ấy không nên là bới móc chỉ trích, mà là sự trân trọng rộng lượng và ngưỡng mộ sâu xa tất cả điều thiện, trong khi phẩm chất riêng của chúng ta—tri thức về phương hướng mà tiến hoá đang vận hành—sẽ ngăn chúng ta khỏi việc bắt chước những sai lầm bên cạnh những ưu điểm của những người, tuy đã tiến xa theo các đường hướng khác, nhưng vẫn hầu như chưa đặt chân lên ngưỡng cửa của đường hướng chúng ta.

All these qualities are necessary, and we have much hard work before us to develope those in which we are at present lacking. Yet I think we may congratulate ourselves upon the choice which we made in other lives, when we devoted ourselves to the study of the great scheme as a whole, to the endeavour to understand the plan of the LOGOS, and in our humble way to co-operate with Him.

Tất cả những phẩm chất này đều cần thiết, và trước mắt chúng ta còn nhiều lao công để phát triển những điều mà hiện chúng ta đang thiếu. Tuy vậy, tôi nghĩ chúng ta có thể chúc mừng chính mình về sự chọn lựa mà chúng ta đã làm trong những đời khác, khi chúng ta dành mình cho việc học hỏi đại đồ án như một chỉnh thể, nỗ lực thấu hiểu Thiên Cơ của Thượng đế, và trong khả năng khiêm tốn của mình mà cộng tác với Ngài.

For that has brought us (or should have brought us) contentment with our lot, the power to make the best of everything, and to see the best in everything. Most men are eager to see the worst in everybody, to pounce upon flaws in everything, to find something at which to carp and cavil. We who are Theosophists should cultivate a spirit exactly the reverse of this; we should see the hidden deity in every one and everything, and our

Vì điều ấy đã đưa chúng ta (hoặc lẽ ra phải đưa chúng ta) đến sự mãn nguyện với phần số của mình, năng lực tận dụng điều tốt nhất trong mọi sự, và thấy điều tốt nhất nơi mọi sự. Đa số người đời hăm hở nhìn cái xấu nơi mọi người, nhào đến chỗ khiếm khuyết trong mọi sự, tìm cái gì đó để bắt bẻ và hạch sách. Chúng ta, những người Thông Thiên Học, nên vun bồi một tinh thần hoàn toàn trái ngược; chúng ta nên thấy vị thần ẩn tàng nơi mỗi người và mỗi

eagerness should ever be to discover in all of them not what is evil, but what is good. If these others despise us; if the scientific man ridicules us as superstitious and refuses to listen to our explanations; if the devotional person regards us with horror as unorthodox, and insists on clinging to a less noble presentation of his deity than that which we offer him; let us on our side take heed that we do not make a corresponding mistake. They have their weak points, no doubt, and one of them is this prejudice which renders them unable to appreciate the truth; let us be courteous enough gracefully to ignore such failings, and focus our attention upon the splendid qualities in which they really excel—those qualities in which we must use our most strenuous endeavour to imitate them.

vật, và điều chúng ta hăm hở kiếm tìm nơi tất cả không phải là điều ác, mà là điều thiện. Nếu những người khác khinh chê chúng ta; nếu nhà khoa học chế nhạo chúng ta là mê tín và từ chối lắng nghe giải thích của chúng ta; nếu người sùng tín nhìn chúng ta với vẻ kinh hãi vì cho là "bất chính thống", và khăng khăng bám víu vào một hình dung kém cao quý về Thượng đế của y hơn điều mà chúng ta dành cho y; thì về phía chúng ta, hãy coi chừng đừng phạm một sai lầm tương ứng. Họ có điểm yếu, không nghi ngờ gì, và một trong số đó là định kiến khiến họ không thể trân quý chân lý; vậy chúng ta hãy đủ lịch nhã để khéo léo bỏ qua những thiếu sót như thế, và tập trung chú ý vào những phẩm chất huy hoàng mà họ thật sự xuất sắc—những phẩm chất mà chúng ta phải nỗ lực hết mình để noi theo.

For since we see that the LOGOS wills to use in His service our intellect and our devotion, we have the strongest conceivable motive to develope them as rapidly as we can, and we shall be saved much trouble, much mortification and waste of energy by the knowledge which we already have of the direction in which He wills that these forces should be employed. All that we have is from Him, and therefore all that we have we hold on His behalf and at His disposal, to be used ever and only in His service.

Vì khi chúng ta thấy rằng Thượng đế muốn sử dụng trí tuệ và lòng sùng tín của chúng ta trong công cuộc phụng sự của Ngài, chúng ta có động cơ mạnh mẽ nhất có thể nghĩ ra để phát triển chúng nhanh hết mức có thể, và chúng ta sẽ tránh được nhiều rắc rối, nhiều điều bẽ bàng và sự lãng phí năng lực nhờ hiểu biết mà chúng ta đã có về chiều hướng mà Ngài muốn những lực này được vận dụng. Mọi điều chúng ta có đều từ Ngài, và do đó mọi điều chúng ta có, chúng ta giữ thay mặt Ngài và đặt dưới quyền định đoạt của Ngài, để luôn luôn và chỉ được dùng cho sự phụng sự của Ngài.

REMINISCENCES

I first heard of Theosophy through coming across a second-hand copy of Mr. Sinnett' s book The Occult World, but my first communication from one of the Masters was obtained in a somewhat unusual way. For some years before this I had been engaged in the investigation of spiritualism, and in the

Tôi lần đầu tiên biết đến Thông Thiên Học khi tình cờ bắt gặp một cuốn sách cũ của Ông Sinnett mang tên The Occult World, nhưng lần đầu tiên tôi nhận được thông điệp từ một trong các Chân sư lại diễn ra theo cách khá bất thường. Trước đó, trong vài năm, tôi đã nghiên cứu về thuyết tâm linh và trong quá trình đó

course of that enquiry I had come into contact with most of the prominent mediums of that day, and had seen every one of the ordinary phenomena about which one reads in books upon that subject. One medium with when I had much to do was Mr. Eglinton; and although I have heard stories told against him, I must bear witness that in all my own dealings with him I found him most straightforward, reasonable and courteous.

tôi đã tiếp xúc với hầu hết các nhà ngoại cảm nổi tiếng thời bấy giờ, và đã chứng kiến mọi hiện tượng thông thường mà người ta thường đọc trong các sách về chủ đề này. Một nhà ngoại cảm mà tôi thường xuyên làm việc cùng là Ông Eglinton; mặc dù tôi đã nghe kể những câu chuyện không hay về Ông ấy, tôi phải làm chứng rằng trong tất cả các lần làm việc của tôi với Ông, tôi thấy Ông rất thẳng thắn, hợp lý và lịch sự.

One of his specialities was slate-writing, and I found it a very useful phenomenon to show to any enquirer who adopted the sceptical attitude. The method was this. On the way to the séance I took the sceptic into a stationer' s shop and induced him to buy two new school slates, and to have them packed in one parcel with a tiny crumb of slate pencil enclosed between them. I advised him to assure himself that the parcel was securely tied, and to seal the knots with his own seal if he had one. Then I told him to carry the parcel, and on no account whatever to let it pass out of his personal custody either before or during the séance. If during the performance it was necessary to sit with joined hands, I advised him to sit upon his parcel. Thus the séance commenced, and usually after a very short time there would be raps or some other indication that the force had gathered.

Một trong những đặc sản của Ông ấy là hiện tượng viết trên bảng đá, và tôi thấy nó là một hiện tượng rất hữu ích để cho những người thắc mắc và hoài nghi thấy. Phương pháp thực hiện như sau: Trên đường đến buổi lên đồng, tôi đưa người hoài nghi vào một cửa hàng văn phòng phẩm và khiến anh ta mua hai bảng đá học sinh mới, gói chúng lại trong một gói cùng với một mẩu bút chì đá nhỏ giữa hai bảng. Tôi khuyên anh ta tự mình buộc chặt gói và nếu có con dấu thì dùng để niêm phong các nút thắt. Sau đó, tôi bảo anh ta mang gói hàng, và dù bằng bất cứ giá nào, đừng để nó rời khỏi tay anh trước hoặc trong buổi lên đồng. Nếu trong buổi diễn cần phải ngồi nắm tay nhau, tôi khuyên anh ta ngồi lên gói hàng của mình. Buổi lên đồng bắt đầu, và thường chỉ sau một thời gian ngắn sẽ có tiếng gõ hoặc một số dấu hiệu khác cho thấy lực đã tụ lại.

We sat usually at a small square wooden table without any cloth upon it, and Eglinton' s plan was to take an ordinary slate, lay upon it a crumb of pencil and then slip it under the table, holding the slate against the under surface of the table. As this was in broad daylight, and we were alone in the room with the medium, there was no opportunity for substitution of previously prepared slates, or

Chúng tôi thường ngồi quanh một chiếc bàn gỗ vuông nhỏ không có khăn trải, và kế hoạch của Eglinton là lấy một bảng đá bình thường, đặt một mẩu bút chì lên nó rồi trượt nó xuống dưới bàn, giữ bảng sát với bề mặt bên dưới của bàn. Vì điều này diễn ra dưới ánh sáng ban ngày, và chúng tôi chỉ có hai người trong phòng với nhà ngoại cảm, không có cơ hội thay thế bảng đá đã chuẩn bị trước hoặc bất kỳ thủ

anything of that sort. The slate being held in this way, writing would appear on the surface which was pressed close against the table—writing in answer to any question which we chose to ask.

thuật nào khác. Bảng được giữ theo cách này, chữ viết sẽ xuất hiện trên bề mặt áp sát vào bàn—viết trả lời cho bất kỳ câu hỏi nào chúng tôi chọn đặt ra.

After this had been going on for some little time I asked insinuatingly whether the kind spirits could write on our slates. Nearly always the answer was in the affirmative, though once or twice I have been told that the power was not strong enough. Then I turned to the sceptic and asked him to produce his sealed package of slates:, but on no account to allow it to go out of his hands. Usually he held it out in both his hands above the table, and Mr. Eglinton would place one hand lightly upon the package.

Sau khi điều này tiếp diễn trong một thời gian ngắn, tôi đặt câu hỏi một cách gợi ý rằng liệu các tinh linh có thể viết trên các bảng đá của chúng tôi không. Gần như luôn luôn câu trả lời là có, mặc dù đôi khi họ nói rằng lực không đủ mạnh. Sau đó, tôi quay sang người hoài nghi và yêu cầu anh ta lấy gói bảng đá được niêm phong của mình ra, nhưng dù bằng cách nào cũng không để nó rời khỏi tay anh. Thường thì anh ta cầm gói hàng trong cả hai tay trên mặt bàn, và Ông Eglinton sẽ đặt nhẹ một tay lên gói hàng.

Under those conditions I asked the sceptic to formulate a mental question, and then while he still held the package of slates we heard the writing rapidly going on inside. When the usual three little taps announced that the message was finished, I said to the sceptic:

Trong những điều kiện đó, tôi yêu cầu người hoài nghi suy nghĩ một câu hỏi trong đầu, và khi anh ta vẫn cầm gói bảng, chúng tôi nghe thấy tiếng viết nhanh bên trong. Khi ba tiếng gõ nhỏ thông báo rằng thông điệp đã hoàn thành, tôi nói với người hoài nghi:

“Now examine your slates and your string, and make sure that no one has thrown you into an hypnotic trance and tampered with your parcel; then cut it open and read your answer.”

"Giờ hãy kiểm tra bảng đá và dây buộc của anh, và đảm bảo rằng không ai đã thôi miên anh và tác động đến gói hàng; sau đó cắt nó ra và đọc câu trả lời của mình."

Generally we found the two sides of the slates which had been pressed together filled with writing more or less in relation to the mental question which had been formulated. Usually the sceptic was tremendously impressed and even dumbfounded for the time; but within a week he generally wrote to say that of course we had somehow or other been deceived, and we had not really seen what we thought we saw.

Thông thường, chúng tôi thấy hai mặt của bảng đá, vốn được ép chặt với nhau, đầy chữ viết ít nhiều liên quan đến câu hỏi mà anh ta đã nghĩ trong đầu. Thường thì người hoài nghi cực kỳ ấn tượng và thậm chí câm lặng vì ngạc nhiên trong thời gian ngắn; nhưng trong vòng một tuần, anh ta thường viết thư nói rằng tất nhiên bằng cách nào đó chúng tôi đã bị lừa dối, và rằng chúng tôi thực sự không thấy những gì mình nghĩ đã thấy.

Mr. Eglinton had various so-called controls—one a Red Indian girl who called herself Daisy, and chattered volubly whether opportunity offered or not. Another was a tall Arab, named Abdullah, considerably over six feet, who never said anything, but produced remarkable phenomena, and often exhibited feats showing great strength. I have seen him simultaneously lift two heavy men, one in each hand. A third control who frequently put in an appearance was Ernest; he comparatively rarely materialised, but frequently spoke with direct voice, and wrote a characteristic and well-educated hand. One day in conversation with him something was said in reference to the Masters of the Wisdom; Ernest spoke of Them with the most profound reverence, and said that he had on various occasions had the privilege of seeing Them. I at once enquired whether he was prepared to take charge of any message or letter for Them, and he said that he would willingly do so, and would deliver it when opportunity offered, but he could not say exactly when that would be.

Ông Eglinton có nhiều thực thể kiểm soát được cho là điều khiển, một trong số đó là một cô gái người Da Đỏ tự xưng là Daisy, cô ấy nói chuyện rất huyên thuyên dù có cơ hội hay không. Một thực thể khác là một người Ả Rập cao lớn tên Abdullah, cao hơn sáu feet, người không bao giờ nói gì nhưng lại tạo ra những hiện tượng kỳ diệu và thường biểu diễn những kỳ tích thể hiện sức mạnh lớn. Tôi đã thấy Ông ấy đồng thời nhấc hai người đàn ông nặng nề, mỗi người một tay. Một thực thể kiểm soát thứ ba thường xuất hiện là Ernest; Ông ta hiếm khi hiện hình, nhưng thường nói bằng giọng trực tiếp và viết tay với nét chữ đặc trưng và học thức. Một ngày nọ, trong cuộc trò chuyện với Ông, có điều gì đó được nói liên quan đến các Chân sư Minh triết; Ernest nói về các Ngài với lòng kính trọng sâu sắc nhất và nói rằng Ông đã nhiều lần có vinh dự được nhìn thấy các Ngài. Ngay lập tức, tôi hỏi liệu Ông có sẵn sàng chuyển bất kỳ thông điệp hoặc thư từ nào cho các Ngài không, và Ông nói rằng Ông rất sẵn lòng làm điều đó, và sẽ giao nó khi có cơ hội, nhưng không thể nói chính xác khi nào điều đó sẽ xảy ra.

I may mention here that in connection with this I had later a good example of the unreliability of all such communications. Some considerable time afterwards some

Tôi có thể đề cập ở đây rằng liên quan đến việc này, sau này tôi đã có một ví dụ tốt về tính không đáng tin cậy của tất cả các thông điệp kiểu này. Một thời gian sau, một nhà tâm linh

spiritualist wrote to Lights explaining that there could not possibly be such persons as the Masters, because Ernest had positively told him that there were not. I wrote to the same newspaper to say that I had it on precisely the same valueless authority that there were Masters, and that Ernest knew Them well. In each case Ernest had evidently reflected the thought of the questioner, as such entities so often do.

đã viết thư cho tờ Light giải thích rằng không thể có các Chân sư, vì Ernest đã quả quyết nói với anh ta rằng không có các Chân sư. Tôi viết thư lại cho tờ báo đó để nói rằng tôi cũng có thông tin chính xác từ chính Ernest rằng có các Chân sư, và rằng Ernest biết rõ về các Ngài. Trong mỗi trường hợp, rõ ràng Ernest đã phản ánh suy nghĩ của người hỏi, giống như cách các thực thể như vậy thường làm.

To return to my story, I at once provisionally accepted Ernest' s offer; I said that I would write a letter to one of these Great Masters, and would confide it to him if my friend and teacher, Mr. Sinnett, approved. At the mention of this name the "spirits" were much perturbed; Daisy especially was very angry, and declared that she would have nothing to do with Mr. Sinnett under any circumstances; "Why, he calls us spooks!" she said, with great indignation. However I blandly stuck to my point that all I knew of Theosophy had come to me through Mr. Sinnett, and that I therefore did not feel justified in going behind his back in any way, or trying to find some other means of communication without first consulting him.

Trở lại với câu chuyện của tôi, tôi ngay lập tức tạm thời chấp nhận lời đề nghị của Ernest; tôi nói rằng tôi sẽ viết một lá thư gửi cho một trong những Chân sư vĩ đại này và sẽ giao nó cho Ông nếu người bạn và thầy của tôi, Ông Sinnett, đồng ý. Khi tôi nhắc đến tên Ông Sinnett, các "tinh linh" trở nên rất bối rối; đặc biệt là Daisy rất tức giận và tuyên bố rằng cô sẽ không bao giờ làm bất cứ điều gì liên quan đến Ông Sinnett trong bất kỳ hoàn cảnh nào. "Sao mà Ông ta lại gọi chúng tôi là ma quỷ!" cô ấy nói với sự phẫn nộ lớn. Tuy nhiên, tôi kiên định với quan điểm của mình rằng tất cả những gì tôi biết về Thông Thiên Học đều đến với tôi thông qua Ông Sinnett, vì vậy tôi không cảm thấy có quyền bỏ qua Ông ấy theo bất kỳ cách nào, hoặc cố gắng tìm một phương thức liên lạc khác mà không tham khảo ý kiến của Ông trước.

Finally, though with a very bad grace, the spirits consented to this, and the séance presently terminated. When Mr. Eglinton came out of his trance, I asked him how I could send a letter to Ernest, and he said at once that if I would send the letter to him he would put it in a certain box which hung against the wall, from which Ernest would take it when he wished. I then posted off to Mr. Sinnett, and asked his opinion of all this. He was at once

Cuối cùng, mặc dù rất miễn cưỡng, các tinh linh đồng ý với điều này, và buổi lên đồng sau đó kết thúc. Khi Ông Eglinton thoát khỏi trạng thái nhập hồn, tôi hỏi làm thế nào tôi có thể gửi một lá thư cho Ernest, và Ông ngay lập tức nói rằng nếu tôi gửi thư cho Ông ấy, Ông sẽ đặt nó vào một chiếc hộp treo trên tường, và Ernest sẽ lấy nó khi Ông muốn. Sau đó, tôi gửi thư ngay cho Ông Sinnett và hỏi ý kiến của Ông về toàn bộ sự việc. Ông ấy ngay lập tức tỏ

eagerly interested, and advised me promptly to accept the offer and see what happened.

ra rất quan tâm và khuyên tôi nên chấp nhận lời đề nghị này và xem điều gì sẽ xảy ra.

Thereupon I went home and wrote three letters. The first was to the Master K. H., telling Him with all reverence that ever since I had first heard of Theosophy my one desire had been to place myself under Him as a pupil. I told Him of my circumstances at the time, and asked whether it was necessary that the seven years of probation of which I had heard should be passed in India. I put this letter in a small envelope and sealed it carefully with my own seal. Then I enclosed it in a letter to Ernest in which I reminded him of his promise, and asked him to deliver this letter for me, and to bring back an answer, if there should be one. That second letter I sealed in the same manner as the first, and then I enclosed that in turn with a short note to Eglinton, asking him to put it in his box and let me know whether any notice was taken of it. I had asked a friend who was staying with me to examine the seals of both the letters with a microscope, so that if we should see them again we might know whether any one had been tampering with them. By return of post I received a note from Mr. Eglinton, saying that he had duly put the note for Ernest into his box, and that it had already vanished, and further that if any reply should come to him he would at once forward it.

Vì thế, tôi trở về nhà và viết ba lá thư. Lá thư đầu tiên là gửi cho Chân sư K. H., với tất cả lòng kính trọng, tôi bày tỏ rằng từ khi lần đầu nghe về Thông Thiên Học, ước nguyện duy nhất của tôi là được trở thành đệ tử của Ngài. Tôi kể với Ngài về hoàn cảnh của tôi lúc đó và hỏi liệu có cần phải trải qua bảy năm thử thách mà tôi đã nghe nói đến ở Ấn Độ hay không. Tôi đặt lá thư này vào một phong bì nhỏ và niêm phong cẩn thận bằng dấu niêm của chính mình. Sau đó, tôi đặt nó trong một lá thư gửi cho Ernest, nhắc nhở Ông về lời hứa của mình và yêu cầu Ông chuyển lá thư này cho tôi, và nếu có câu trả lời thì mang lại cho tôi. Lá thư thứ hai này tôi cũng niêm phong theo cách tương tự như lá đầu tiên, và rồi tôi đặt nó vào một bức thư ngắn gửi cho Eglinton, yêu cầu Ông đặt nó vào chiếc hộp và cho tôi biết liệu có bất kỳ phản hồi nào không. Tôi đã nhờ một người bạn đang ở cùng tôi kiểm tra dấu niêm của cả hai lá thư bằng kính hiển vi, để nếu chúng tôi thấy chúng lại, chúng tôi có thể biết liệu có ai đó đã tác động đến chúng hay không. Sau khi gửi thư, tôi nhận được một bức thư ngắn từ Ông Eglinton nói rằng Ông đã đặt lá thư gửi cho Ernest vào chiếc hộp và rằng nó đã biến mất, và nếu có bất kỳ phản hồi nào đến, Ông sẽ chuyển ngay cho tôi.

A few days later I received a letter directed in a hand which was unknown to me, and on opening it I discovered my own letter to Ernest apparently unopened, the name “Ernest” on the envelope being marked out, and my own written underneath it in pencil. My friend and I once more examined the seal with a microscope, and were unable to detect

Vài ngày sau, tôi nhận được một lá thư được gửi với nét chữ mà tôi không nhận ra, và khi mở ra, tôi phát hiện ra lá thư tôi gửi cho Ernest dường như chưa được mở, tên "Ernest" trên phong bì bị gạch đi, và tên tôi được viết bằng bút chì ngay bên dưới. Tôi và người bạn của tôi lại kiểm tra dấu niêm bằng kính hiển vi và không thể phát hiện bất kỳ dấu hiệu nào cho

any indication whatever that any one had tampered with the letter, and we both agreed that it was quite impossible that it could have been opened; yet on cutting it open I discovered that the letter which I had written to the Master had disappeared. All that I found inside was my own letter to Ernest, with a few words in the well-known hand-writing of the latter written on its blank page, to the effect that my letter had been duly handed to the Great Master, and that if in the future I should ever be thought worthy to receive an answer Ernest would gladly bring it to me.

thấy lá thư đã bị tác động, và chúng tôi đồng ý rằng không có khả năng nó đã bị mở ra; tuy nhiên, khi cắt nó ra, tôi phát hiện ra rằng lá thư tôi gửi cho Chân sư đã biến mất. Tất cả những gì tôi tìm thấy bên trong là lá thư của tôi gửi cho Ernest, với vài dòng chữ viết bằng nét chữ quen thuộc của Ông trên trang trống, cho biết rằng lá thư của tôi đã được chuyển cho Chân sư Vĩ đại, và rằng nếu trong tương lai tôi xứng đáng nhận câu trả lời, Ernest sẽ vui lòng mang nó đến cho tôi.

I waited for some months, but no reply came, and whenever I went to Eglinton' s séances and happened to encounter Ernest I always asked him when I might expect my answer. He invariably said that my letter had been duly delivered, but that nothing had yet been said about an answer, and that he could do no more. Six months later I did receive a reply, but not through Ernest, and in it the Master said that though He had not received the letter (nor, as He remarked, was it likely that He should, considering the nature of the messenger) He was aware of what I had written and He now proceeded to answer it.

Tôi đã chờ đợi nhiều tháng nhưng không nhận được hồi đáp, và mỗi khi tôi tham dự các buổi lên đồng của Ông Eglinton và tình cờ gặp Ernest, tôi luôn hỏi khi nào tôi có thể mong đợi câu trả lời của mình. Ông luôn nói rằng lá thư của tôi đã được chuyển đến đúng nơi, nhưng chưa có thông tin gì về câu trả lời, và Ông không thể làm gì hơn. Sáu tháng sau, tôi nhận được một hồi đáp, nhưng không phải từ Ernest, mà trong đó Chân sư nói rằng mặc dù Ngài không nhận được lá thư (và Ngài nhận xét rằng điều đó khó mà xảy ra, xét đến bản chất của người đưa thư), nhưng Ngài biết rõ những gì tôi đã viết và giờ đây Ngài sẽ trả lời.

He told me that the seven years of probation could be passed anywhere, but He suggested that I might come out here for a few months, to see whether I could work with the Headquarters staff. I wished to say in answer to this that my circumstances were such that it would be impossible for me to come to Adyar for three months, and then return to the work in which I was then engaged; but that I was perfectly ready to throw up that work altogether and to devote my life absolutely to His service. Ernest having so

Ngài nói với tôi rằng bảy năm thử thách có thể được trải qua ở bất cứ đâu, nhưng Ngài gợi ý rằng tôi có thể đến đây vài tháng để xem liệu tôi có thể làm việc cùng đội ngũ tại trụ sở chính không. Tôi muốn trả lời rằng hoàn cảnh của tôi không cho phép tôi đến Adyar trong ba tháng và sau đó quay lại công việc mà tôi đang làm; nhưng tôi hoàn toàn sẵn lòng từ bỏ công việc đó và hiến dâng cuộc đời mình cho sự phụng sự của Ngài. Vì Ernest đã thất bại quá rõ ràng, tôi không biết cách nào khác để gửi thông điệp này đến Chân sư ngoài việc đưa nó

conspicuously failed me, I knew of no way to get this message to the Master but to take it to Madame Blavatsky, and as she was to leave England on the following day for India, I rushed up to London to see her.

cho bà Blavatsky, và vì bà ấy sắp rời Anh vào ngày hôm sau để đến Ấn Độ, tôi đã vội vã lên London để gặp bà.

It was with difficulty that I induced her to read the letter, as she said very decidedly that such communications were intended only for the recipient. I was obliged to insist, however, and at last she read it and asked me what I wished to say in reply. I answered to the above effect, and asked her how this information could be conveyed to the Master. She replied that He knew it already, referring of course to the exceedingly close relation in which she stood with Him, so that whatever was within her consciousness was also within His when He wished it.

Tôi rất khó khăn để thuyết phục bà Blavatsky đọc lá thư, vì bà ấy nói một cách dứt khoát rằng những thông điệp như vậy chỉ dành cho người nhận. Tuy nhiên, tôi buộc phải kiên quyết, và cuối cùng bà ấy đã đọc nó và hỏi tôi muốn nói gì trong lời đáp. Tôi trả lời như đã nói ở trên và hỏi bà làm thế nào để thông tin này có thể được chuyển đến Chân sư. Bà trả lời rằng Ngài đã biết rõ điều đó rồi, tất nhiên là ám chỉ đến mối liên hệ vô cùng gần gũi giữa bà và Ngài, rằng bất cứ điều gì trong tâm thức của bà cũng đồng thời hiện hữu trong Ngài khi Ngài mong muốn.

She then told me to wait by her, and not to leave her on any account. I waited patiently all through the afternoon and evening, and even went with her quite late at night to Mrs. Oakley' s house, where a number of friends were gathered to say farewell Madame Blavatsky sat in an easy chair by the fireside, talking brilliantly to those who were present, and rolling one of her eternal cigarettes, when suddenly her right hand was jerked out towards the fire in a very peculiar fashion, and lay palm upwards. She looked down at it in surprise, as I did myself, for I was standing close to her, leaning with an elbow on the mantelpiece; and several of us saw quite clearly a sort of whitish mist form in the palm of her hand and then condense into a piece of' folded paper, which she at once handed to me, saying, "There is your answer." Every one in the room crowded round, of course, but she sent me away outside to read it, saying that I

Sau đó, bà bảo tôi phải đợi bên cạnh bà và không được rời bà trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Tôi kiên nhẫn chờ đợi suốt cả buổi chiều và tối, thậm chí còn đi cùng bà vào lúc rất muộn đến nhà của bà Oakley, nơi có một số bạn bè tụ họp để tạm biệt. Bà Blavatsky ngồi trên một chiếc ghế bành gần lò sưởi, nói chuyện rất sinh động với những người có mặt và cuốn một trong những điếu thuốc vĩnh cửu của mình, thì đột nhiên, tay phải của bà bị giật ra về phía lò sưởi theo một cách rất kỳ lạ, lòng bàn tay hướng lên. Bà nhìn xuống tay mình với vẻ ngạc nhiên, và tôi cũng vậy, vì tôi đứng gần bà, khuỷu tay tựa lên lò sưởi. Một số người trong chúng tôi thấy rõ một loại sương mù trắng xuất hiện trong lòng bàn tay của bà, sau đó ngưng tụ thành một mẩu giấy gấp, và bà ngay lập tức đưa nó cho tôi, nói: "Đây là câu trả lời của anh." Mọi người trong phòng đều chen chúc lại, nhưng bà bảo tôi đi ra ngoài để đọc nó, nói rằng tôi không được để ai xem nội dung của

must not let anyone see its contents. It told me that my intuition of throwing up everything and coming out here was a right one; that that was what He had wished me to do, but could not ask it unless I offered. I was further told to take a steamer a few days later and to join Madame Blavatsky in Egypt, which of course I did.

nó. Nội dung lá thư nói với tôi rằng trực giác của tôi về việc từ bỏ tất cả và đến đây là đúng đắn; rằng đó là điều Ngài muốn tôi làm, nhưng Ngài không thể yêu cầu trừ khi tôi tự nguyện đề xuất. Ngài cũng dặn tôi đi tàu thủy vài ngày sau đó và hội ngộ với bà Blavatsky ở Ai Cập, điều mà tất nhiên tôi đã làm.

In Cairo we took up our quarters in the Hotel d'Orient. Here it was that I first saw one of the members of the Brotherhood. While sitting on the floor at Madame Blavatsky' s feet, sorting out some papers for her, I was startled to see standing between us a man who had not entered by the door. It was He who is now the Master D. K., though at that date He had not taken the degree which made Him an adept.

Tại Cairo, chúng tôi ở tại khách sạn d'Orient. Chính tại đó tôi lần đầu tiên nhìn thấy một thành viên của Huynh đệ đoàn. Khi đang ngồi trên sàn nhà dưới chân bà Blavatsky, phân loại một số giấy tờ cho bà, tôi kinh ngạc thấy một người đàn ông đứng giữa chúng tôi, người đã không đi vào qua cửa. Đó là Ngài, người hiện giờ là Chân sư D. K., mặc dù vào thời điểm đó Ngài chưa đạt được cấp bậc Chân sư.

Our stay in Egypt with Madame Blavatsky was in many ways a most remarkable experience, as she constantly told us much of the inner side of what we saw there. She had been in Egypt before, and was well acquainted with some of the officials, with the Prime Minister, Nubar Pasha, with the Russian Consul Monsieur Hitrovo, and especially with the curator of the museum, Monsieur Maspero. I remember particularly how we went through the museum with this last gentleman, and how Madame Blavatsky was able to give him a great mass of most interesting information about the various curiosities which were under his care.

Trải nghiệm của chúng tôi ở Ai Cập với bà Blavatsky là vô cùng kỳ diệu theo nhiều cách, vì bà liên tục kể cho chúng tôi nghe về khía cạnh bên trong của những gì chúng tôi thấy tại đó. Bà đã từng ở Ai Cập trước đó, và quen biết rất nhiều quan chức, từ Thủ tướng Nubar Pasha, đến Tổng lãnh sự Nga Monsieur Hitrovo, và đặc biệt là với người phụ trách bảo tàng, Ông Maspero. Tôi còn nhớ rõ chúng tôi đã đi qua bảo tàng cùng với Ông ấy, và bà Blavatsky có thể cung cấp cho Ông ấy một lượng lớn thông tin vô cùng thú vị về các hiện vật mà Ông chịu trách nhiệm quản lý.

Madame Blavatsky understood Arabic, and she used to amuse us greatly by translating for our benefit the private remarks which were being made by the grave and dignified Arab merchants, as they sat talking to one another in the bazaar. After they had for some time

Bà Blavatsky hiểu tiếng Ả Rập và thường khiến chúng tôi cười khi dịch những lời nhận xét riêng tư mà các thương nhân Ả Rập trang trọng nói với nhau trong chợ. Sau một thời gian họ gọi chúng tôi là những "con chó Kitô" và nói những điều bất kính về tổ tiên của

been calling us Christian dogs, and speaking disrespectfully of our female relatives for many generations, she blandly asked them in their own language whether they thought that this was the way in which a good son of the Prophet should speak of those from whom he hoped to gain much in the way of business. The men were always covered with confusion, not having expected that any European could possibly understand them.

chúng tôi, bà bình thản hỏi họ bằng ngôn ngữ của họ rằng liệu họ có nghĩ rằng đó là cách một tín đồ Hồi giáo tốt nên nói về những người mà họ hy vọng sẽ kiếm được lợi nhuận không. Những người đàn ông đó luôn tỏ ra bối rối, vì không ngờ rằng bất kỳ người châu Âu nào có thể hiểu được họ.

Arabic, however, seems to have been the only Oriental language with which she was acquainted; she did not know Sanskrit, and many of the difficulties of our Theosophical terminology arise from the fact that in those days she would describe what she saw or knew, and then ask any Indian who happened to be near what was the Sanskrit name for it. Very often the gentleman who provided her with the term had not clearly understood what she meant; and even when he did, we must remember that she asked adherents of different schools of philosophy, and that each answered according to the shade of meaning applied to the term in his teaching.

Tuy nhiên, tiếng Ả Rập dường như là ngôn ngữ phương Đông duy nhất mà bà thông thạo; bà không biết tiếng Phạn, và nhiều khó khăn trong thuật ngữ Thông Thiên Học của chúng ta phát sinh từ thực tế rằng thời đó bà thường mô tả những gì bà thấy hoặc biết, sau đó hỏi bất kỳ người Ấn Độ nào có mặt về tên tiếng Phạn của nó. Thường thì quý Ông cung cấp thuật ngữ này không hoàn toàn hiểu bà muốn nói gì; và ngay cả khi họ hiểu, chúng ta phải nhớ rằng bà hỏi những người theo các trường phái triết học khác nhau, và mỗi người trả lời theo cách hiểu của trường phái của mình.

Many curious phenomena were constantly taking place around her at this period. First, she was herself the most striking of all the phenomena, for her changes were protean. Sometimes the Masters Themselves used her body, and wrote or spoke directly through her. At other times when her ego was elsewhere engaged, one or other of two pupils of lower degree than herself would take the body, and there were even certain occasions when another woman used to be in charge. I have myself frequently seen all these changes take place, and I have seen the new man who had entered the body looking round to discover

Nhiều hiện tượng kỳ lạ thường xuyên xảy ra xung quanh bà trong giai đoạn này. Đầu tiên, chính bà là hiện tượng nổi bật nhất, bởi sự thay đổi của bà như một vạn hóa thân. Đôi khi, chính các Chân sư sử dụng cơ thể của bà và viết hoặc nói trực tiếp qua bà. Lúc khác, khi chân ngã của bà đang bận rộn ở nơi khác, một trong hai đệ tử cấp thấp hơn sẽ sử dụng cơ thể của bà, và thậm chí có những lúc một phụ nữ khác đảm nhận. Tôi đã nhiều lần tận mắt chứng kiến những sự thay đổi này, và đã thấy người mới nhập vào cơ thể nhìn quanh để khám phá tình hình mà mình vừa nhập vào—ví dụ, cố gắng tiếp tục cuộc trò chuyện. Tuy nhiên, dù

the condition of affairs into which he had come—trying to take up the thread of conversation, for example. Yet with all this, she was in no sense of the word like an ordinary medium, for the true owner of the body stood at the back all the time in full consciousness, and thoroughly understood what was going on.

có tất cả những điều này, bà không giống một nhà ngoại cảm bình thường chút nào, vì chủ thể thực sự của cơ thể vẫn luôn đứng sau với đầy đủ nhận thức, và hoàn toàn hiểu được những gì đang diễn ra.

Extraordinary phenomena, however, also occasionally occurred. While we were crossing the desert by train from Ismailia to Cairo a letter fell in the railway carriage, referring to the subject-matter of the conversation then proceeding, and conveying by name to each one present a kindly message of encouragement. I and another member of the party happened to be looking up at the time when this letter came, and we both saw it appear in the air, just in the circular space in the roof of the carriage in which a lamp is usually put at night. It came, just as the other had done, as a vague ball of whitish mist which condensed into a piece of paper and fluttered down.

Tuy nhiên, những hiện tượng kỳ lạ cũng thỉnh thoảng xảy ra. Trong khi chúng tôi đang băng qua sa mạc bằng tàu hỏa từ Ismailia đến Cairo, một bức thư rơi xuống trong toa xe lửa, liên quan đến chủ đề của cuộc trò chuyện đang diễn ra, và truyền đạt một thông điệp khuyến khích đến từng người có mặt bằng tên. Tôi và một thành viên khác trong đoàn tình cờ ngước lên đúng lúc bức thư xuất hiện, và cả hai chúng tôi đều thấy nó xuất hiện trong không trung, ngay ở khoảng trống tròn trên trần toa nơi mà thông thường một chiếc đèn sẽ được đặt vào ban đêm. Nó xuất hiện, giống như những bức thư khác trước đó, dưới dạng một quả cầu sương mù trắng mờ mà sau đó ngưng tụ thành một mẩu giấy và rơi xuống.

I remember another occasion on which she bought in the scent-bazaar at Cairo a tiny bottle of attar of roses, for use in the shrine-room here, paying £2 for it. When we were sitting at lunch in the hotel half-an-hour afterwards, at a small table reserved for our party in an alcove, two English sovereigns fell out of space upon the table, and Madame Blavatsky explained that she had been told she ought not to spend money upon Them in this way, as we should need every shilling that we had before we reached Adyar—a statement which certainly proved true.

Tôi nhớ có một lần khác, bà ấy mua một chai nhỏ nước hoa hồng ở chợ nước hoa tại Cairo, để dùng trong phòng thờ ở đây, và đã trả 2 bảng Anh cho nó. Khi chúng tôi ngồi ăn trưa tại khách sạn khoảng nửa giờ sau đó, tại một chiếc bàn nhỏ dành riêng cho nhóm của chúng tôi trong một góc phòng, hai đồng sovereign Anh từ trên không rơi xuống bàn, và bà Blavatsky giải thích rằng bà đã được bảo rằng bà không nên tiêu tiền vào những thứ như vậy, vì chúng tôi sẽ cần đến từng đồng xu mà chúng tôi có trước khi đến Adyar — một tuyên bố mà chắc chắn sau đó đã được chứng minh là đúng.

At one time and another I have seen a good many of the phenomena which were so closely associated with Madame Blavatsky. I have seen her precipitate drawing and writing, and I have also seen her find a missing object by occult power. On several occasions I have seen letters fall out of the air in her presence; and I must also state that I have seen such a letter fall here in this house at Adyar when she was six thousand miles away in England, and again that I myself have several times had the privilege of being employed by the Master to deliver just such letters after her departure from the physical plane.

Tại một thời điểm khác, tôi đã chứng kiến khá nhiều hiện tượng gắn liền với bà Blavatsky. Tôi đã thấy bà thực hiện hiện tượng viết và vẽ ngay lập tức, và tôi cũng đã thấy bà tìm được các vật bị mất bằng sức mạnh huyền bí. Trong nhiều lần, tôi đã thấy các bức thư rơi ra từ không khí trước sự hiện diện của bà; và tôi cũng phải nói thêm rằng tôi đã thấy một bức thư rơi ra tại ngôi nhà này ở Adyar khi bà ở tận cách đó sáu nghìn dặm, tại Anh Quốc, và một lần nữa tôi cũng đã nhiều lần có vinh dự được Chân Sư ủy thác để trao những bức thư tương tự sau khi bà rời khỏi cõi trần.

In those early days of the Society messages and instructions from the Masters were frequent, and we lived at a level of splendid enthusiasm which those who have joined since Madame Blavatsky' s death can hardly imagine. Those of us who have had the inestimable privilege of direct touch with the Masters have naturally retained that enthusiasm, but we have been unable under less favourable circumstances to keep it up among the rank and file of the members. Perhaps now we may be about to witness a recrudescence of it; may we all be worthy to take part in the glorious times that are coming!

Trong những ngày đầu của Hội, những thông điệp và chỉ dẫn từ các Chân Sư rất thường xuyên, và chúng tôi sống trong một trạng thái nhiệt huyết tuyệt vời mà những người gia nhập Hội sau khi bà Blavatsky qua đời khó có thể tưởng tượng được. Những người trong chúng tôi đã có đặc ân vô giá khi được tiếp xúc trực tiếp với các Chân Sư tất nhiên vẫn giữ được lòng nhiệt huyết đó, nhưng chúng tôi đã không thể, trong những hoàn cảnh ít thuận lợi hơn, duy trì nó cho các thành viên khác. Có lẽ bây giờ chúng ta sắp chứng kiến một sự tái sinh của nó; mong rằng tất cả chúng ta đều xứng đáng để tham gia vào những thời kỳ vinh quang đang đến!

FAITHFUL UNTO DEATH

Long ago in old Atlantis, in the great City of the Golden Gate, there reigned a mighty King. One day there came to him a soldier whom he had sent out to head an expedition against a troublesome tribe on the borders of that vast

Từ lâu, trong thời đại Atlantis cổ xưa, tại Thành phố vĩ đại của Cổng Vàng, có một vị vua hùng mạnh trị vì. Một ngày nọ, một người lính được vua phái ra dẫn đầu một cuộc viễn chinh chống lại một bộ tộc phiền nhiễu ở biên giới

empire. The soldier reported victory, and as a reward the King gave him the position of captain of the Palace guard, and placed specially in his charge the life of his own only son, the heir apparent to his throne. Not long afterwards the newly-appointed captain had an opportunity of proving his faithfulness to his trust, for when he was alone with the young Prince in the Palace gardens a band of conspirators rushed upon them and tried to assassinate his charge.

của đế chế rộng lớn ấy trở về. Người lính báo cáo chiến thắng, và như một phần thưởng, nhà vua đã ban cho Ông vị trí đội trưởng đội cận vệ hoàng cung và giao cho Ông nhiệm vụ đặc biệt bảo vệ tính mạng của người con trai duy nhất của mình, người kế vị ngai vàng. Không lâu sau đó, đội trưởng mới được bổ nhiệm có cơ hội chứng minh lòng trung thành của mình với nhiệm vụ, vì khi Ông đang ở một mình với hoàng tử trẻ trong khu vườn của cung điện, một nhóm âm mưu bất ngờ tấn công họ và cố gắng ám sát hoàng tử.

The captain fought bravely against heavy odds and, though mortally wounded, succeeded in protecting the Prince from serious harm until help arrived, and he and the unconscious Prince were borne together into the presence of the King. The Monarch heard the story and, turning to his dying captain, said:

Người đội trưởng đã chiến đấu dũng cảm chống lại kẻ địch đông đảo và mặc dù bị thương nặng, Ông đã thành công trong việc bảo vệ hoàng tử khỏi nguy hiểm nghiêm trọng cho đến khi viện binh tới, và cả hai, Ông và hoàng tử bất tỉnh, đều được đưa đến trước mặt vua. Vị vua nghe xong câu chuyện và quay sang người đội trưởng đang hấp hối, nói:

“What can I do for you who have given your life for me?”

"Ta có thể làm gì cho ngươi, người đã hy sinh tính mạng vì ta?"

The captain replied:

Người đội trưởng đáp lại:

“Grant me to serve you and your son forever in future lives, since now there is the bond of blood between us.”

"Hãy cho phép tôi được phụng sự ngài và con trai ngài mãi mãi trong các kiếp sống tương lai, vì giờ đây đã có mối liên hệ máu giữa chúng ta."

And with a last effort he dipped his finger in the blood which flowed so fast from his wounds, and touched with it the feet of his sovereign and the forehead of the still unconscious Prince. The King held out his hand in benediction, and replied:

Với một nỗ lực cuối cùng, Ông nhúng ngón tay vào máu đang chảy ra từ các vết thương của mình và chạm vào chân của vị quân vương và trán của hoàng tử vẫn còn bất tỉnh. Nhà vua giơ tay ban phước và đáp lại:

“By the blood that has been shed for me and mine, I promise that both you and he shall serve me to the end.”

"Bằng máu đã đổ vì ta và người nhà ta, ta hứa rằng cả ngươi và y sẽ phụng sự ta cho đến cùng."

So was the first link forged between three leaders of men of whom we have all heard; for that great King is now the Master M., the Prince his son has been known to us as Helena Petrovna Blavatsky, and the Captain of the guard as Henry Steele Olcott. Through all the ages since, through many strange vicissitudes, the link has been kept unbroken and the service has been rendered, as we know that it will be through ages yet to come.

Đó là sợi dây liên kết đầu tiên được tạo ra giữa ba vị lãnh đạo mà tất cả chúng ta đã từng nghe đến; vì vị vua vĩ đại đó giờ đây là Chân Sư M., hoàng tử con trai ngài chính là Helena Petrovna Blavatsky, và đội trưởng cận vệ chính là Henry Steele Olcott. Qua bao thời đại kể từ đó, qua nhiều thăng trầm kỳ lạ, sợi dây liên kết ấy vẫn không bị đứt đoạn, và sự phụng sự vẫn được tiếp tục, như chúng ta biết rằng nó sẽ còn kéo dài qua nhiều thời đại nữa trong tương lai.

Since then as Gashtasp, King of Persia, he protected and assisted in the foundation of the present form of Zoroastrianism, and later as the world-renowned King Asoka he issued those wonderful edicts which remain until this day graven upon rocks and pillars in India to show how real were his zeal and his devotion. And when, at the end of that long and strenuous life, he looked back upon it with sorrow to see how far short of his intentions even his wonderful achievements had fallen, his Master showed him, for his encouragement, two visions, one of the past and one of the future. The vision of the past was the scene in Atlantis when the link between them was forged; the vision of the future showed his Master as the Manu of the Sixth Root-Race and our President-Founder as a lieutenant serving under Him in the exalted work of that high office. So Asoka died content in the certainty that the closest of all earthly ties, that between the Master and His pupil, would never be severed.

Kể từ đó, dưới vai trò của Gashtasp, Vua Ba Tư, Ông đã bảo vệ và hỗ trợ việc sáng lập hình thức hiện tại của đạo Zoroastrian. Sau này, khi trở thành vị vua Asoka nổi tiếng khắp thế giới, Ông đã ban hành những sắc lệnh tuyệt vời, vẫn còn được khắc trên đá và cột trụ ở Ấn Độ cho đến ngày nay, để chứng minh sự nhiệt huyết và tận tụy của Ông là thực sự. Và khi, vào cuối cuộc đời dài đầy nỗ lực đó, Ông nhìn lại với nỗi buồn khi thấy những thành tựu của mình dù đáng ngưỡng mộ vẫn chưa đạt đến những dự định của Ông, Chân Sư đã khích lệ Ông bằng hai khải tượng—một về quá khứ và một về tương lai. Khải tượng về quá khứ là cảnh tượng ở Atlantis khi mối liên kết giữa họ được hình thành; khải tượng về tương lai cho thấy Chân Sư của Ông sẽ là Manu của Giống dân chính thứ Sáu, và vị Tổng Chủ tịch sáng lập của chúng ta sẽ là một vị phụ tá phục vụ dưới quyền Ông trong công việc cao cả của chức vụ vĩ đại đó. Vì vậy, Asoka đã yên tâm qua đời trong sự chắc chắn rằng mối liên kết mật thiết nhất trên cõi đời này, mối liên kết giữa Chân Sư và đệ tử của Ông, sẽ không bao giờ bị cắt đứt.

Having thus taken a prominent part in the spreading of two of the great religions of the world, Zoroastrianism and Buddhism, it was

Đã đóng vai trò nổi bật trong việc lan tỏa hai trong số những tôn giáo lớn của thế giới, Zoroastrian và Phật giáo, thật phù hợp khi Ông

appropriate that he should be so closely associated with the work of this great movement which synthesizes all religions—the Theosophical Society. Never himself the spiritual teacher, he has always been the practical organizer who made the teacher' s work possible. In his recent life as in all those others, his ruling principle was always that of passionate loyalty to the Master and to the work which he had to do. When first I met him more than a quarter of a century ago that was the dominant feature in his character; through all the years that I have known him that above all other motives ruled his actions; it inspires the last letter which I received from him, written only a few weeks before his death; it has been still his most salient characteristic in the astral world in which he has since been living

được liên kết chặt chẽ với công việc của phong trào vĩ đại này, phong trào tổng hợp tất cả các tôn giáo—Hội Thông Thiên Học. Ông không bao giờ là một giáo viên tâm linh, nhưng luôn là nhà tổ chức thực tế giúp công việc của các giáo viên trở nên khả thi. Trong kiếp sống gần đây của Ông, cũng như trong tất cả những kiếp trước, nguyên tắc chỉ đạo của Ông luôn là lòng trung thành mãnh liệt với Chân Sư và công việc mà Ông phải thực hiện. Khi tôi lần đầu gặp Ông hơn một phần tư thế kỷ trước, đó là nét nổi bật trong tính cách của Ông; qua tất cả những năm tôi biết Ông, đó vẫn là động lực chủ yếu điều khiển hành động của Ông; điều đó đã truyền cảm hứng cho bức thư cuối cùng mà tôi nhận được từ Ông, được viết chỉ vài tuần trước khi Ông qua đời; và đó vẫn là đặc điểm nổi bật nhất của Ông trong thế giới cảm dục mà Ông đã sống từ sau khi qua đời.

If we turn to the outward details of this last life of his, we still find the same keynote of devotion to duty. The Assistant Sectary of the United States Treasury wrote to him with regard to his public work for the Government:

Nếu chúng ta nhìn vào các chi tiết bên ngoài của cuộc đời cuối cùng của Ông, chúng ta vẫn thấy chủ đề chính là sự tận tâm với nhiệm vụ. Trợ lý Bộ trưởng Tài chính Hoa Kỳ đã viết cho Ông về công việc công cộng của Ông cho Chính phủ:

“I wish to say that I have never met with a gentleman intrusted with important duties, of more capacity, rapidity and reliability than have been exhibited by you throughout. More than all, I desire to bear testimony to your entire uprightness and integrity of character, which I am sure have characterized your whole career, and which to my knowledge have never been assailed. That you have thus escaped with no stain upon your reputation, when we consider the corruption, audacity and power of the many villains in high position whom you have prosecuted and punished, is a tribute of which you may well

"Tôi muốn nói rằng tôi chưa từng gặp một quý Ông nào được giao những nhiệm vụ quan trọng lại thể hiện nhiều khả năng, tốc độ và độ tin cậy như Ông đã thể hiện xuyên suốt. Trên tất cả, tôi muốn làm chứng về sự ngay thẳng và liêm chính hoàn toàn của Ông, điều mà tôi tin chắc đã đặc trưng cho toàn bộ sự nghiệp của Ông, và theo những gì tôi biết, chưa bao giờ bị đả kích. Việc Ông đã vượt qua mà không có bất kỳ vết nhơ nào trên danh tiếng của mình, khi chúng ta cân nhắc đến sự tham nhũng, táo bạo và quyền lực của nhiều kẻ gian ác mà Ông đã truy tố và trừng phạt, là một sự tôn vinh mà Ông hoàn toàn có thể tự hào, và

be proud, and which no other man occupying a similar position and performing similar services in this country has ever achieved."

không một người nào khác ở vị trí tương tự trong nước này đã từng đạt được."

He showed the same energy and capacity in his work for the Theosophical Society. Few of our members realize the extent and the success of his labours, for much of what he did can be properly appreciated only by those who have travelled in those Eastern lands which he loved so well. To his untiring exertion was due the rebuilding and enlargement of the Society's Headquarters at Adyar. It was he who founded the great library there, and on the occasion of its opening gathered together to bless its inception priests of all the leading religions of the world—the first occasion in history on which such representatives had met in fraternal accord, each freely acknowledging the others as standing on an equal footing with himself.

Ông đã thể hiện cùng một năng lượng và khả năng trong công việc của mình cho Hội Thông Thiên Học. Ít thành viên của chúng ta nhận thức được quy mô và sự thành công của những nỗ lực của Ông, vì nhiều điều Ông làm chỉ có thể được đánh giá đúng bởi những người đã du hành đến những vùng đất phương Đông mà Ông yêu quý. Chính nhờ sự cống hiến không ngừng nghỉ của Ông mà trụ sở của Hội tại Adyar đã được xây dựng lại và mở rộng. Ông là người đã sáng lập ra thư viện lớn tại đó, và vào dịp khai trương, đã tập hợp các tu sĩ của tất cả những tôn giáo hàng đầu trên thế giới đến để chúc phúc—đây là lần đầu tiên trong lịch sử mà các đại diện này đã gặp nhau trong tinh thần huynh đệ, mỗi người tự do thừa nhận người khác như là đứng trên một nền tảng ngang bằng với chính mình.

To him is due the great movement for Buddhist education in the island of Ceylon, in consequence of which up to the present, 287 Buddhist schools have been founded, in which over 35,000 children are being taught. He it was who brought together on a common platform of belief the Northern and Southern Schools of Buddhism, separated for more than a thousand years; he it was who took up the education of the neglected pariah class.

Ông cũng là người khởi xướng phong trào giáo dục Phật giáo lớn ở đảo Ceylon (nay là Sri Lanka), dẫn đến việc thành lập 287 trường Phật giáo cho đến nay, nơi có hơn 35.000 trẻ em đang theo học. Ông cũng đã mang lại sự đồng thuận trên một nền tảng chung giữa các trường phái Phật giáo Bắc Tông và Nam Tông, vốn đã chia cách nhau hơn một ngàn năm; và Ông cũng đã đảm nhận việc giáo dục cho tầng lớp pariah bị bỏ quên.

Many and great were the difficulties in his way in holding together and directing so complex a movement as the Theosophical Society; yet in every land he was always popular, by every nation he was eagerly welcomed. His utter devotion to the welfare of the Society and the transparent honesty of his purpose could not

Nhiều khó khăn lớn đã cản trở con đường của Ông trong việc giữ cho phong trào phức tạp như Hội Thông Thiên Học đoàn kết và có định hướng; nhưng dù ở bất kỳ quốc gia nào, Ông luôn được yêu mến, và bất kỳ quốc gia nào cũng nhiệt tình chào đón Ông. Sự tận tụy hoàn toàn của Ông với phúc lợi của Hội và sự trung

fail to impress all who met him. I speak of him with feeling, for I had special opportunities of knowing him well. I shall never forget his fatherly kindness to me, when as a comparatively young man, quite new to Indian life, I first went to reside at the Headquarters at Adyar.

thực rõ ràng trong mục tiêu của Ông đã gây ấn tượng sâu sắc với tất cả những ai gặp gỡ Ông. Tôi nói về Ông với tất cả cảm xúc chân thành, vì tôi đã có cơ hội đặc biệt để hiểu Ông rõ hơn. Tôi sẽ không bao giờ quên lòng tốt của Ông dành cho tôi, khi tôi còn là một người trẻ tuổi, chưa quen với cuộc sống ở Ấn Độ, lần đầu tiên đến sống tại trụ sở chính ở Adyar.

Since then I have met him in many countries; I have passed weeks alone with him (except for an interpreter and a servant) in a bullock-cart in the jungles of Ceylon; I went with him on the journey which carried Theosophy into Burma in 1885. Under circumstances like these one quickly gets to know a man with far greater intimacy than is afforded by years of ordinary social life, and I can unreservedly bear testimony to the whole-souled devotion of the man—to the fact that during all this time his one anxiety was the furthering of the Theosophical work, his one thought how to please the Master by doing with all his might that which had been given him to do.

Kể từ đó, tôi đã gặp Ông ở nhiều quốc gia; tôi đã trải qua nhiều tuần ở bên Ông (chỉ có một thông dịch viên và một người hầu) trong chiếc xe bò kéo giữa những khu rừng của Ceylon; tôi đã cùng Ông trong chuyến đi đưa Thông Thiên Học vào Miến Điện vào năm 1885. Trong những hoàn cảnh như vậy, người ta nhanh chóng hiểu rõ một người hơn nhiều so với những năm tháng trong cuộc sống xã hội thông thường, và tôi có thể hoàn toàn khẳng định rằng Ông là một con người tận tụy với cả tâm hồn—với sự thật rằng trong suốt thời gian đó, mối bận tâm duy nhất của Ông là đẩy mạnh công việc của Thông Thiên Học, và suy nghĩ duy nhất của Ông là làm hài lòng Chân Sư bằng cách hoàn thành với tất cả sức lực nhiệm vụ mà Ông được giao.

His passing from among us is too recent for its details to have been forgotten; we all know how courageously he bore his sufferings, how all through his illness his constant thought was still the welfare of the dear Society to which his life had been devoted. We remember how when the time came for him to leave the body three of the great Masters stood beside him, as well as his old colleague and friend, H. P. Blavatsky; we have all read the magnificent speech of his successor at his cremation. That cremation was a grand and worthy ceremony. The pyre was of sandalwood and his body was covered with

Việc Ông ra đi khỏi chúng ta vẫn còn quá mới mẻ để có thể quên những chi tiết của nó; tất cả chúng ta đều biết Ông đã dũng cảm chịu đựng những đau đớn như thế nào, và suốt thời gian bệnh tật, suy nghĩ không ngừng của Ông vẫn là phúc lợi của Hội mà Ông đã cống hiến cả cuộc đời. Chúng ta nhớ rằng khi thời khắc đến để Ông rời bỏ thể xác, ba Chân Sư vĩ đại đã đứng bên cạnh Ông, cùng với người đồng nghiệp và bạn bè cũ của Ông, H. P. Blavatsky; tất cả chúng ta đều đã đọc bài phát biểu tuyệt vời của người kế nhiệm Ông tại lễ hỏa táng của Ông. Buổi hỏa táng đó là một nghi thức trang trọng và xứng đáng. Giàn hỏa được làm từ gỗ

the American flag and the Buddhist flag, the latter a standard which he himself had invented, bearing in their right order the special colours of the aura of the Lord BUDDHA.

đàn hương và thi thể của Ông được phủ bởi lá cờ Mỹ và lá cờ Phật giáo, lá cờ sau là một biểu tượng mà chính Ông đã sáng chế, mang các màu sắc đặc trưng của hào quang của Đức Phật.

He was unconscious for a while after death, but soon became fully awake and active. As I was always deeply attached to him, his Master told me to act as a kind of guide to him when necessary, and to explain to him whatever he wished. He had always been keenly interested in the powers and possibilities of the astral plane, and as soon as he could see it clearly, he was full of eager and insatiable desire to know how everything is done, to understand the rationale of it, and to learn to do it himself. He has an unusually strong will in certain directions, and that made many of the experiments easy to him even when they were quite new. He is most at home in work which involves the use of power in some way—to fight, to cure, to defend. He is full of big schemes for the future, and is just as enthusiastic as ever about the Society which he loves.

Ông đã bất tỉnh một thời gian sau khi qua đời, nhưng sau đó sớm tỉnh táo và hoạt động trở lại. Vì tôi luôn rất gắn bó với Ông, Chân Sư của Ông đã chỉ định tôi làm một dạng hướng dẫn viên cho Ông khi cần thiết, để giải thích cho Ông bất cứ điều gì mà Ông muốn biết. Ông luôn quan tâm sâu sắc đến các sức mạnh và khả năng của cõi cảm dục, và ngay khi Ông có thể nhìn thấy nó rõ ràng, Ông đã tràn đầy khát khao mãnh liệt muốn hiểu cách mọi thứ được thực hiện, để hiểu nguyên lý của chúng, và học cách tự mình làm chúng. Ông có một ý chí đặc biệt mạnh mẽ trong một số phương diện nhất định, và điều đó khiến nhiều thí nghiệm trở nên dễ dàng cho Ông ngay cả khi chúng còn hoàn toàn mới lạ. Ông cảm thấy thoải mái nhất trong công việc có liên quan đến việc sử dụng quyền lực dưới một số hình thức—chiến đấu, chữa lành, bảo vệ. Ông tràn đầy những kế hoạch lớn cho tương lai, và vẫn nhiệt tình như trước về Hội mà Ông yêu quý.

His attention has been attracted by the strong thought about him involved in writing this; he stands beside me now, and insists that I shall convey to the members his most earnest advice to give whole-hearted loyalty and support to his noble successor, to put aside at once and forever all pitiable squabbling over personalities, all unprofitable wrangling over matters which are not their business and which they cannot be expected to understand, and to turn their attention to the one and only matter of importance—the work which the Society has to do in the world. His message to

Sự chú ý của Ông đã bị thu hút bởi dòng suy nghĩ mạnh mẽ về Ông khi viết ra những điều này; Ông đang đứng bên cạnh tôi lúc này, và khăng khăng rằng tôi phải truyền đạt đến các thành viên lời khuyên chân thành nhất của Ông: hãy dành toàn bộ sự trung thành và ủng hộ cho người kế nhiệm cao quý của Ông, hãy từ bỏ ngay lập tức và mãi mãi mọi sự cãi cọ nhỏ nhen về cá nhân, mọi cuộc tranh luận không có lợi về những vấn đề không thuộc thẩm quyền của họ và họ cũng không thể hiểu được, và hãy tập trung sự chú ý vào vấn đề duy nhất quan trọng—công việc mà Hội cần thực hiện

them is: “Forget yourselves, your limitations and your prejudices, and spread the truths of Theosophy.”

trên thế giới. Thông điệp của Ông gửi đến họ là: "Hãy quên đi bản thân, những giới hạn và định kiến của các bạn, và truyền bá những chân lý của Thông Thiên Học."

Of his future we can say little as yet. By the time that these lines are before the reader, it is probable that he will be again in incarnation. He has earnestly wished this, in order that he may work along with Madame Blavatsky in her present incarnation. How far his desire will be granted, I cannot yet tell. Certainly he will be employed wherever the Masters think that he will be most useful. His great talent is organization, and we have seen that he has already practised it in Zoroastrianism, in the great missionary enterprise of Buddhism and in the foundation of the Theosophical Society. No doubt he may have similar work to do in connection with the next great religion, and again at the establishment of the Sixth Root-Race. Be that as it may, the great man whom in his last life we knew as Henry Steele Olcott will be ready to bear his part in all such activities, to lead us as he led us before, devoted as ever to the service of his Master, faithful as ever through life and through death.

Về tương lai của Ông, hiện tại chúng ta không thể nói nhiều. Có lẽ khi những dòng này đến tay người đọc, Ông sẽ lại được đầu thai. Ông đã mong muốn điều này rất tha thiết, để có thể tiếp tục công việc cùng với bà Blavatsky trong kiếp sống hiện tại của bà. Tôi chưa thể nói chắc liệu nguyện vọng của Ông sẽ được đáp ứng hay không. Chắc chắn Ông sẽ được sử dụng ở bất cứ đâu mà các Chân Sư thấy Ông có thể hữu ích nhất. Ông có tài năng lớn về tổ chức, và chúng ta đã thấy Ông đã thực hành nó trong đạo Zoroastrian, trong sứ mệnh truyền giáo vĩ đại của Phật giáo và trong việc thành lập Hội Thông Thiên Học. Không còn nghi ngờ gì nữa, Ông có thể sẽ thực hiện công việc tương tự liên quan đến tôn giáo lớn tiếp theo, và một lần nữa khi Giống dân chính thứ Sáu được thành lập. Dù thế nào đi nữa, người vĩ đại mà trong kiếp sống trước chúng ta đã biết với tên Henry Steele Olcott sẽ sẵn sàng đảm nhận phần công việc của mình trong tất cả những hoạt động như vậy, dẫn dắt chúng ta như Ông đã từng, luôn tận tụy phụng sự Chân Sư của mình, trung thành như xưa qua đời sống và qua cả cái chết.

A COURSE OF STUDY IN THEOSOPHY— MỘT CHƯƠNG TRÌNH HỌC TRONG THÔNG THIÊN HỌC

It is desirable that one who wishes to study Theosophy thoroughly should acquaint himself in the course of time with the whole of Theosophical literature. This is no light task; and the order in which the books are

Điều đáng mong muốn là người nào ước muốn học Thông Thiên Học một cách thấu đáo thì theo thời gian nên làm quen với toàn bộ văn chương của Thông Thiên Học. Đây không phải là một việc nhẹ nhàng; và thứ tự đọc các sách

taken is of importance if a man wishes to get out of them the best that he can. But at the same time it must be remembered that no order can be prescribed which will be equally suitable for every one; there are those who can usefully absorb information only along devotional lines, and there are those who must have a scientific and non-emotional presentation of the truth. The best thing that I can do, therefore, is to prescribe such a plan of reading as I have found to be on the whole most generally useful, leaving room for considerable variation to suit individual idiosyncrasies.

có tầm quan trọng nếu một người muốn rút ra từ đó điều tốt nhất có thể. Nhưng đồng thời cũng cần nhớ rằng không thể ấn định một trật tự nào phù hợp như nhau cho mọi người; có những người chỉ có thể hấp thụ thông tin một cách hữu ích theo đường hướng sùng tín, và có những người cần một sự trình bày khoa học và phi cảm xúc về chân lý. Do đó, điều tốt nhất tôi có thể làm là đề nghị một kế hoạch đọc mà tôi thấy nhìn chung là hữu ích nhất, đồng thời dành chỗ cho những biến tấu đáng kể để phù hợp với đặc tính riêng của từng cá nhân.

It seems to me of great importance to have a clear outline of the whole scheme thoroughly in the mind before endeavouring to fill in the details. No one can know how strong is the evidence for any one part of the Theosophical teaching until he knows the whole of that teaching, and sees how each separate portion is confirmed and strengthened by the rest, and is indeed a necessary part of the scheme as a whole. My advice, therefore, is that the beginner should read first the elementary literature, not troubling himself unduly with details, but seeking rather to take in and assimilate the broad ideas contained in it, so as to see all that they imply and to realise them as facts in nature, thereby putting himself into what may be called the Theosophical attitude, and learning to look at everything from the Theosophical point of view.

Theo tôi, điều vô cùng quan trọng là phải có trong thể trí một dàn cương minh bạch về toàn bộ mô hình trước khi cố gắng bổ khuyết các chi tiết. Không ai có thể biết bằng chứng dành cho bất kỳ phần nào của giáo huấn Thông Thiên Học vững mạnh đến đâu cho đến khi người ấy biết toàn thể giáo huấn đó, và thấy được cách mỗi phần riêng lẻ được các phần khác xác nhận và gia cố, và thực sự là một phần tất yếu của toàn bộ mô hình. Vì vậy, lời khuyên của tôi là người mới bắt đầu nên đọc trước văn chương nhập môn, đừng quá bận tâm với chi tiết, mà hãy tìm cách tiếp thu và đồng hoá những ý tưởng rộng lớn chứa đựng trong đó, để thấy tất cả những gì chúng hàm ý và nhận chân chúng như những sự kiện trong thiên nhiên, nhờ đó đưa mình vào cái có thể gọi là thái độ Thông Thiên Học, và học nhìn mọi sự từ quan điểm Thông Thiên Học.

To this end the student may take An Outline of Theosophy, The Riddle of Life, Hints to Young Students of Occultism, and various lectures by Mrs. Besant and myself which have been issued as propaganda pamphlets. When he feels himself fairly certain of these, I should recommend next Mrs. Besant' s Popular Lectures on Theosophy and then her Ancient Wisdom, which will give him a clear

Để đạt mục tiêu đó, đạo sinh có thể đọc Dàn cương Thông Thiên Học, Bí ẩn của Sự sống, Gợi ý cho các môn sinh trẻ của Huyền bí học, và các bài diễn giảng khác nhau của Bà Besant và của tôi đã được phát hành dưới dạng ấn phẩm tuyên truyền. Khi người ấy cảm thấy mình đã nắm khá chắc những điều này, tôi khuyên tiếp theo nên đọc Những bài diễn giảng phổ thông về Thông Thiên Học của Bà Besant, rồi đến

idea of the system as a whole. Another book which might be useful to him at this stage is Some Glimpses of Occultism. He can then proceed to follow details along whichever line most commends itself to him.

Minh Triết Cổ, cuốn sách sẽ cho người ấy một ý niệm rõ ràng về hệ thống như một toàn thể. Một cuốn khác cũng có thể hữu ích ở giai đoạn này là Vài thoáng nhìn Huyền bí học. Sau đó, người ấy có thể tiếp tục theo đuổi các chi tiết theo bất kỳ đường hướng nào mình thấy phù hợp nhất.

If he is interested chiefly in the ethical side, the best books are: At the Feet of the Master, Light on the Path, The Voice of the Silence, The Path of Discipleship, In the Outer Court, The Laws of the Higher Life, The Three Paths and Dharma, and The Bhagavad-Gita.

Nếu người ấy quan tâm chủ yếu đến phương diện đạo lý, những cuốn tốt nhất là: Dưới Chân Thầy, Ánh sáng trên Đường Đạo, Tiếng Nói của Im Lặng, Con Đường Đệ Tử, Ở Ngoại Viện, Những Định luật của Đời Sống Cao cả, Ba Con Đường và Dharma, và Bhagavad-Gita.

One who wishes to study the life after death will find what he wants in: The Other Side of Death, The Astral Plane, Death and After, The Devachanic Plane.

Người muốn nghiên cứu đời sống sau khi chết sẽ tìm thấy điều mình cần trong: Phía Bên Kia Cái Chết, Cõi Cảm dục, Cái Chết và Sau Đó, Cõi thượng thiên.

If he is approaching the matter from the scientific side, the following books will suit him: Esoteric Buddhism, Nature' s Mysteries, Scientific Corroborations of Theosophy, Occult Chemistry and The Physics of the Secret Doctrine.

Nếu người ấy tiếp cận vấn đề từ phía khoa học, các sách sau đây sẽ phù hợp: Phật giáo Huyền bí, Những Huyền nhiệm của Tự Nhiên, Những Chứng nhận Khoa học cho Thông Thiên Học, Hóa học Huyền bí và Vật lý của Giáo Lý Bí Nhiệm.

If he cares for the study of comparative religion he should read: Universal Text-book of Religion and Morals, Four Great Religions, The Great Law, The Bhagavad-Gita, Hints on the Study of the Bhagavad-Gita, The Upanishads, The Wisdom of the Upanishads, An Advanced Text-book of Hindu Religion and Ethics, The Light of Asia, A Buddhist Catechism, Buddhist Popular Lectures and The Religious Problem in India.

Nếu người ấy ưa thích việc nghiên cứu so sánh tôn giáo, nên đọc: Giáo trình Phổ quát về Tôn giáo và Đạo đức, Bốn Tôn Giáo Lớn, Đại Định luật, Bhagavad-Gita, Gợi ý về Việc Nghiên cứu Bhagavad-Gita, Upanishad, Minh triết của Upanishad, Giáo trình Cao cấp về Tôn giáo và Đạo đức Ấn giáo, Ánh Sáng Á Châu, Giáo Lý Vấn Đáp Phật giáo, Những Bài Diễn Giảng Phổ Thông Phật giáo và Vấn đề Tôn giáo ở Ấn Độ.

If he thinks chiefly of the Christian presentation of these truths, the best books are: Esoteric Christianity, The Christian Creed, Fragments of a Faith Forgotten, The Perfect Way.

Nếu người ấy chủ yếu nghĩ đến sự trình bày Cơ Đốc giáo về những chân lý này, các sách tốt nhất là: Cơ Đốc giáo Huyền bí, Tín điều Cơ Đốc, Những Mảnh vụn của Một Đức Tin Bị Lãng quên, Con Đường Toàn hảo.

If one wishes to investigate the origin and

Nếu người ta muốn khảo cứu nguồn gốc và

early history of Christianity, in addition to the books on the subject already mentioned, Mr. Mead' s works will specially appeal to him: Did Jesus Live B.C. 100? The Gospel and the Gospel and the Gospel, Orpheus and Plotinus.

lịch sử sơ kỳ của Cơ Đốc giáo, ngoài những sách đã nêu về chủ đề này, các tác phẩm của Ông Mead sẽ đặc biệt cuốn hút: Liệu Đức Jesus đã sống trước Công nguyên 100 năm? Phúc Âm và Phúc Âm và Phúc Âm, Orpheus và Plotinus.

The student who is interested in applying Theosophy to the world of modern thought, and to political and social questions, may profitably turn to; The Changing World, Some Problems of Life, Theosophy and Human Life, Occult Essays and Theosophy and the New Psychology.

Đạo sinh nào quan tâm đến việc ứng dụng Thông Thiên Học vào thế giới tư tưởng hiện đại, và vào các vấn đề chính trị, xã hội, có thể thu lợi từ: Thế giới Đang Thay đổi, Một số Vấn đề của Đời sống, Thông Thiên Học và Đời sống Con người, Luận văn Huyền bí và Thông Thiên Học và Tân Tâm lý học.

If, as is the case with most enquirers, his main interest centres round the wider knowledge and the grasp of life resulting from a study of occultism, he should read, in addition to many of the books mentioned above: A Study in Consciousness, An Introduction to Yoga, Clairvoyance, Dreams, Invisible Helpers, Man Visible and Invisible, Thought-Forms, The Evolution of Life and Form, Thought-Power —Its Control and Culture, The Other Side of Death and the two volumes of The Inner Life.

Nếu, như trường hợp của đa số người tìm hiểu, mối quan tâm chính của người ấy xoay quanh tri thức rộng mở và sự nắm bắt sự sống nảy sinh từ việc học tập huyền bí học, thì ngoài nhiều sách đã nêu trên, người ấy nên đọc: Một Nghiên cứu về Tâm thức, Nhập môn Yoga, Thông nhãn, Giấc mơ, Những Trợ thủ Vô hình, Con người Hữu hình và Vô hình, Hình Tư tưởng, Tiến hóa của Sự sống và Hình tướng, Sức Mạnh Tư tưởng—Sự Kiểm Soát và Bồi dưỡng của nó, Phía Bên Kia Cái Chết và hai tập Đời sống Nội tâm.

It will be desirable that he should comprehend the subjects dealt with in the manuals on Reincarnation, Karma, and Man and his Bodies. Indeed, these should be taken at an early stage of his reading.

Sẽ là điều đáng mong muốn nếu người ấy nắm được các chủ đề được trình bày trong những sổ tay về Tái sinh, Nghiệp quả, và Con Người và các Thể của Người. Thật vậy, những cuốn này nên được đọc ở giai đoạn sớm trong lộ trình đọc.

The earnest student, who intends to live Theosophy, as well as merely to study it intellectually, should also have knowledge of the inner purpose of the Theosophical Society. He will gain this from Mrs. Besant' s London Lectures of 1907 and The Changing World, from The Inner Life (2 vols.), as well as from the study of Colonel Olcott' s Old Diary Leaves, and Mr. Sinnett' s Occult World and Incidents in the Life of Madame Blavatsky.

Người đạo sinh nghiêm túc, người dự định sống Thông Thiên Học cũng như chỉ học nó bằng trí tuệ, cũng nên hiểu biết mục đích nội tại của Hội Thông Thiên Học. Người ấy sẽ đạt được điều này từ Các bài diễn giảng tại Luân Đôn năm 1907 của Bà Besant và Thế giới Đang Thay đổi, từ Đời sống Nội tâm (2 tập), cũng như từ việc nghiên cứu Lá Nhật Ký Xưa của Đại tá Olcott, và Thế Giới Huyền bí cùng Những Biến cố trong Đời của Bà Blavatsky của Ông

Sinnett.

I myself think that the greatest book of all, Madame Blavatsky' s Secret Doctrine, should be left until all these others have been thoroughly assimilated, for the man who comes to it thus thoroughly prepared will gain from it far more than is otherwise possible. I know that many students prefer to take it at an earlier stage, but it seems to me more an encyclopaedia or book or reference.

Bản thân tôi cho rằng cuốn sách vĩ đại nhất trong tất cả, Giáo Lý Bí Nhiệm của Bà Blavatsky, nên để lại cho đến khi tất cả những cuốn khác đã được đồng hoá kỹ lưỡng, vì người đến với nó bằng sự chuẩn bị như thế sẽ thu nhận từ nó nhiều hơn hẳn so với cách khác. Tôi biết nhiều đạo sinh thích đọc nó ở giai đoạn sớm hơn, nhưng theo tôi, nó giống một bộ bách khoa hay một cuốn sách tham khảo.

Four books which are now in preparation should be added to the above list as soon as they appear: A Text-book of Theosophy, which endeavours to state the Theosophical teaching in the simplest possible form, and without technical terms; The Hidden Side of Things, which shows how knowledge of occultism changes our view with regard to all sorts of small practical matters in every-day life, Man; Whence, How, Whither? which gives a detailed account of the past evolution of man, and shows something of the future which lies before him; First Principles of Theosophy, which is to approach the whole subject from the scientific standpoint, and to present it from an entirely new point of view.

Bốn cuốn hiện đang được chuẩn bị nên được bổ sung vào danh sách trên ngay khi chúng xuất hiện: Giáo trình Thông Thiên Học, cố gắng trình bày giáo huấn Thông Thiên Học dưới hình thức đơn giản nhất có thể và không dùng thuật ngữ kỹ thuật; Mặt Ẩn của Sự Vật, trình bày cách hiểu biết huyền bí học thay đổi cái nhìn của chúng ta đối với đủ loại vấn đề thực tiễn nhỏ nhặt trong đời sống hằng ngày; Con Người; Từ đâu, Như thế nào, Đi về đâu? cuốn này trình bày tường tận về tiến hóa quá khứ của con người, và hé lộ phần nào tương lai đang chờ trước mặt người ấy; Những Nguyên Lý Sơ Khởi của Thông Thiên Học, tiếp cận toàn bộ chủ đề từ lập trường khoa học và trình bày nó từ một quan điểm hoàn toàn mới.

The course I have indicated above means some years of hard reading for the ordinary man, but one who has achieved it and tries to put into practice what he has learnt will certainly be in a position to afford much help to his fellow-men.

Khóa học tôi đã nêu trên đồng nghĩa với vài năm đọc miệt mài đối với người bình thường, nhưng ai hoàn tất và cố gắng đem những gì đã học vào thực hành hẳn sẽ ở vào vị thế có thể trợ giúp rất nhiều cho đồng loại của mình.